



KATE ATKINSON

Life After Life



Giả sử vào một ngày hay một đêm nào đó, có một con quỷ lén lút bám theo bạn vào tận cùng nỗi cô đơn của bạn và nói với bạn rằng: "Cuộc đời mà người đang sống và đã sống, người sẽ phải sống thêm một lần nữa và vô số lần khác nữa." Liệu bạn có nhảy xổ tới và nghiêng rằng nguyên rửa con quỷ? Hay bạn sẽ hân hoan trả lời nó rằng: "Ông đúng là một vị thần và tôi chưa bao giờ nghe thấy điều gì lạ lùng hơn thế?"

Nietzsche, *The gay science*

πάντα χωρεῖ καὶ οὐδὲν μένει

Vạn vật đều đổi thay và chẳng có gì bất biến.

Plato, *Cratylus*

"Neil chúng ta có cơ hội sống lại cuộc đời của mình hết lần này đến lần khác, cho đến khi nó trở nên đúng theo ý mình thì sao nhỉ? Điều đó có tuyệt vời không chứ?"

Edward Beresford Todd

HÃY LÀ NGƯỜI QUẢ CẢM



THÁNG 11 NĂM 1930

Mùi khói thuốc lá hôi hám cùng luồng khí lạnh ẩm ướt phả thẳng vào cô khi cô vừa đặt chân vào tiệm cà phê. Ngoài trời đang mưa, những giọt nước vẫn còn rung rinh như những hạt sương mong manh vương trên áo choàng lông của vài người phụ nữ trong tiệm. Đội ngũ bồi bàn đeo tạp dề trắng rồi rít chạy xuôi chạy ngược, đáp ứng các yêu cầu của vị khách Münchner* đang ngồi thanh thoi, nhàn nhã: cà phê, bánh ngọt và chuyện phiếm.

Hắn ngồi ở một cái bàn phía cuối phòng, vây quanh là bè lũ đồng đảng và đám tay chân bợ đỡ quen thuộc. Trong số đó có một ả đàn bà mà trước giờ cô chưa từng nhìn thấy - một ả có mái tóc vàng hoe, xoắn bông bênh, trang điểm rõ đậm - trông cứ như một diễn viên. ả ta châm một điếu thuốc rồi đưa lên miệng bằng một động tác khêu gợi. Ai cũng biết hắn thích phụ nữ kín đáo và đoan trang, nhất là gái vùng Bavaria*. Tất cả những bộ váy truyền thống và những đôi tất dài đến đầu gối đó, lạy Chúa tôi!

Trên bàn ê hề bánh trái. Nào *Bienenstich**, *Gugelhupf**, *Käsekuchen**. Hắn đang ăn một miếng Kirschtorte*. Hắn khoái bánh ngọt. Thảo nào trông hắn nhão nhoét đến vậy, cô lấy làm lạ là hắn không bị tiểu đường. Cái cơ thể bèo nhèo đáng ghê tởm (khiến cô liên tưởng đến cục bột nhồi) ẩn dưới bộ quần áo kia chưa bao giờ được phơi bày trước công chúng. Hắn không phải là người phong độ. Hắn mỉm cười khi nhìn thấy cô và hơi nhồm người dậy, vừa nói: "Guten Tag, gnädiges Fräulein*" vừa chỉ vào cái ghế bên cạnh mình. Một gã nịnh bợ đang ngồi ở đó vội nhảy bật dậy, chuyển sang chỗ khác.

"Unsere Englische Freundin*." Hắn nói với cô ả tóc vàng hoe. ả ta chậm rãi nhả khói và hờ hững quan sát cô một lúc rồi mới lên

tiếng: "*Guten Tag**!" Á là người Berlin.

Cô đặt chiếc túi xách nặng trĩu xuống sàn nhà, bên cạnh ghế của mình và gọi *Schokolade**. Hắn một mực nài cô thử món bánh *Pflaumen Streusel**.

"*Es regnet**." Cô nói để khơi chuyện. "Trời đang mưa."

"Phải, trời đang mưa." Hắn nói tiếng Anh ngọng lú ngọng lô rồi cười khoái trá. Tất cả đám người quanh bàn cũng cười theo. "*Bravo**!" Ai đó nói. "*Sehr gutes Englisch**." Hắn đang vui. Hắn gõ lưng ngón trỏ vào môi, miệng nở nụ cười thích thú như thể đang thưởng thức một điệu nhạc trong đầu.

Miếng bánh *Streusel* quả là ngon.

"*Entschuldigung**!" Cô lẩm bẩm, thò tay xuống chiếc túi xách dưới sàn và lấy ra một chiếc khăn tay. Chiếc khăn có viền đăng ten ở các góc và thêu lồng các chữ cái trong tên viết tắt của cô, "UBT" - là món quà Pammy tặng cô nhân dịp sinh nhật. Cô lịch sự chấm chấm vụn bánh *Streusel* trên môi rồi lại cúi xuống cất chiếc khăn tay vào túi xách và sờ vào vật thể nặng trĩu đang nấu mình trong đó. Khẩu súng quân dụng cũ của cha cô từ cuộc Đại Chiến*, một khẩu Webley Mark V.

Một động tác đã tập dượt cả trăm lần. Một phát súng. Chỉ cần thật nhanh tay lẹ mắt. Tuy nhiên, ngay khi cô rút súng ra và chĩa vào tim hắn, thời gian chột như ngưng đọng, vạn vật dường như đứng yên.

"*Führer**!" Cô nói, phá vỡ khoảnh khắc ấy. "*Für Sie**."

Xung quanh bàn, những khẩu súng được rút phắt ra và nhắm thẳng vào cô. Một hơi thở. Một phát súng.

Ursula siết cò.

Bóng tối phủ xuống.

TUYẾT



11 THÁNG 2 NĂM 1910

Luồng khí lạnh giá bao trùm lên làn da trần trụi vừa mới được phơi bày. Đùng một cái, cô bé đã chui tọt ra ngoài, cái thế giới ẩm áp, ướt át quen thuộc đột nhiên biến mất. Bị phơi ra trước môi trường tự nhiên. Như con tôm bị lột, như quả hạch bị bóc vỏ.

Không một hơi thở. Cả thế giới thu lại thành thứ duy nhất. Một hơi thở.

Hai lá phổi nhỏ bé, giống như đôi cánh chuồn chuồn, chẳng thể phồng lên trong bầu không khí xa lạ. Trong khí quản bị siết chặt không có lấy một làn hơi. Bên cái tai nhỏ xíu vang lên tiếng vo ve của cả nghìn con ong đang bay.

Hoảng loạn. Như cô gái bị chết đuối, như con chim bị rơi.



"Bác sĩ Fellowes phải có mặt ở đây rồi mới phải." Sylvie rên rỉ. "Sao ông ta vẫn chưa đến? Ông ta đang ở đâu?" Những giọt mồ hôi to tướng tuôn đầm đìa trên da cô, trông cô chẳng khác nào một con ngựa đang gần về đến đích trong một cuộc đua gay cấn. Ngọn lửa lò sưởi của phòng ngủ tỏa ra hơi nóng hầm hập y chang lò hơi trên tàu thủy. Những tấm rèm thêu kim tuyến dày dặn khép kín mít trước mặt kẻ địch - đêm tối. Con dơi đen sì.

"Cháu đoán là ông ta bị mắc kẹt trong tuyết rồi, thưa bà. Ngoài kia ắt đang hỗn loạn khủng khiếp. Đường sá chắc sẽ bị phong tỏa."

Chỉ có mỗi Sylvie và Bridget xoay xở trong "thử thách" này. Cô hầu gái chuyên dọn dẹp phòng ốc là Alice đang về thăm mẹ ốm. Còn Hugh, đương nhiên, đang tới Paris để truy lùng Isobel, cô em

gái hoang dã chẳng khác nào một con ngỗng trời của anh. Sylvie không muốn phiền đến bà Glover đang ngáy như kéo bể trên gác mái. Cô cho rằng bà sẽ chỉ đạo mọi việc giống như một thượng sĩ trên thao trường. Đứa bé đòi ra sớm. Vậy mà Sylvie cứ đinh ninh nó sẽ ra muộn giống như những đứa trẻ khác. Đúng là người tính không bằng trời tính.

"Ôi, thưa bà!" Bridget đột nhiên thét lên. "Cả người cô bé tím ngắt rồi."

"Là con gái à?"

"Cô bé bị dây rốn quấn quanh cổ. Ôi, lạy Đức mẹ Mary! Cô bé bị ngạt rồi, cô bé tội nghiệp."

"Nó không thờ sao? Để ta xem nào! Chúng ta phải làm gì đó. Chúng ta có thể làm gì đây?"

"Ôi, bà Todd, thưa bà, cô bé đi rồi. Cô ấy mất trước cả khi có cơ hội được sống. Cháu vô cùng, vô cùng lấy làm tiếc. Chắc hẳn bây giờ cô bé đã là một tiểu thiên sứ trên thiên đường. Ôi, giá mà ông Todd có nhà. Cháu vô cùng lấy làm tiếc. Cháu đi gọi bà Glover dậy nhé?"



Trái tim bé bỏng. Một trái tim bé bỏng bất lực đập loạn xạ. Ngừng lại đột ngột như một con chim bị rơi khỏi bầu trời. Một phát súng duy nhất.

Bóng tối phủ xuống.

TUYẾT



11 THÁNG 2 NĂM 1910

Vì Chúa, cô gái, đừng có chạy quanh chạy quẩn như con gà cụt đầu nữa, thay vì thế, hãy đi lấy ít nước nóng và mấy cái khăn đi! Cô không biết làm gì à? Cô là người rùng chằng?"

"Xin lỗi ngài!" Bridget nhún gối, cúi đầu xin lỗi như thể bác sĩ Fellowes là một vị hoàng thân.

"Là con gái phải không, bác sĩ Fellowes? Tôi có thể nhìn mặt nó không?"

"Vâng, thưa bà Todds, một bé gái bé bỏng bụ bà bụ bẫm." Sylvie nghĩ bác sĩ Fellowes hơi lố khi dùng từ láy như vậy. Ông ta vốn không phải là người thân thiện ngay cả trong những lúc thoải mái, dễ chịu nhất. Tình trạng sức khỏe các bệnh nhân của ông ta, đặc biệt là chuyện sinh chuyện tử của họ, có vẻ luôn làm ông ta cau kỉnh.

"Con bé suýt chết vì bị dây rốn quấn quanh cổ. Tôi đã kịp đến Góc Cáo vào phút chót. Theo đúng nghĩa đen." Bác sĩ Fellowes giơ cây kéo phẫu thuật lên cho Sylvie chiêm ngưỡng. Nó nhỏ gọn và có hai cái mũi sắc bén hơi cong lại. "Tách, tách!" Ông ta nói. Sylvie thəm ghi nhớ trong đầu - trong hoàn cảnh này, vì kiệt sức nên cô chỉ có thể nhớ lảng máng - rằng mình phải mua một cây kéo như thế để phòng trường hợp khẩn cấp tương tự. (Mặc dù việc này chưa chắc sẽ xảy ra lần nữa.) Hoặc một con dao, một con dao sắc bén để mang theo người mọi nơi mọi lúc, giống như cô con gái của viên tướng cướp trong câu chuyện *Bà Chúa Tuyết*^{*}.

"May cho bà là tôi đến đây kịp thời đấy." Bác sĩ Fellowes nói. "Trước khi tuyết lấp kín đường sá. Tôi đã gọi bà đỡ Haddock, nhưng ắt hẳn bà ta đang bị mắc kẹt ở đâu đó bên ngoài Chalfont St Peter."

"Bà *Haddock**?" Sylvie nói, cau mày. Bridget cười phá lên rồi vội vàng lẩm bẩm: "Cháu xin lỗi, cháu xin lỗi, thưa ngài." Sylvie cho rằng cả cô và Bridget đều đang ở trong tình trạng dễ dàng bị kích động. Điều đó cũng chẳng có gì lạ.

"Đúng là dân Ai Len vét than bùn*." Bác sĩ Fellowes làu bàu.

"Bridget chỉ là con bé hầu gái chuyên phụ giúp nấu ăn, rửa bát. Nó vẫn còn là một đứa trẻ. Tôi rất biết ơn con bé. Chuyện này xảy ra quá nhanh." Sylvie mong muốn được ở một mình biết bao nhưng lại chẳng bao giờ được như vậy. "Tôi cho rằng ông phải ở lại đây đến sáng mai, thưa bác sĩ." Cô miễn cưỡng nói.

"Ồ, vâng! Tôi e rằng mình phải ở lại." Bác sĩ Fellowes đáp lời, cũng với giọng miễn cưỡng.

Sylvie thở dài và mời ông ta cứ tự nhiên thưởng thức một ly brandy ở trong bếp. Có lẽ còn có cả giấm bông và dưa góp cay* nữa. "Bridget sẽ tiếp đãi ông." Cô muốn tống khứ ông ta đi. Ông ta đã đỡ đẻ cả ba đứa con (tận ba đứa!) cho cô và cô không ưa ông ta một chút nào. Đáng lẽ chỉ có người chồng được nhìn thấy những gì mà ông ta thấy. Ông ta đã thọc những món dụng cụ của mình vào nơi nhạy cảm, riêng tư nhất của cô và quờ quạng trong đó. (Tuy nhiên, liệu cô có muốn một bà đỡ có tên là Haddock đỡ đẻ cho mình không?) Bác sĩ điều trị cho phụ nữ nên là phụ nữ hết mới phải. Nhưng làm gì có chuyện ấy chứ!

Bác sĩ Fellowes nán lại một lát, miệng âm a âm ư, giám sát Bridget mặt mũi đỏ gay đang tắm rửa và quấn tã cho đứa bé vừa mới chào đời. Bridget là chị cả của sáu đứa em nên cô bé biết rõ cách quấn tã cho trẻ sơ sinh. Cô bé năm nay mười bốn tuổi, kém Sylvie mười tuổi. Hồi Sylvie mười bốn tuổi, cô vẫn còn mặc váy ngắn và mê mẩn con ngựa con Tiffin của mình. Cô chẳng hề biết trẻ con từ đâu mà ra, thậm chí đến đêm tân hôn cô vẫn còn ngây ngô. Mẹ cô, là bà Lottie, đã bóng gió nhắc đến vấn đề tế nhị này nhưng lại ngại ngùng không nói rõ. Chuyện chăn gối vợ chồng, chẳng hiểu

tại sao, lại có vẻ liên quan đến những con chim chiến chiến bay vút lên tầng không vào lúc rạng đông. Lottie là một phụ nữ dè dặt, khép kín. Có lẽ vài người sẽ nói bà cứ như bị mắc chứng ngủ rũ*. Chồng bà, cha của Sylvie, ông Llewellyn Beresford, là một họa sĩ nổi tiếng chuyên vẽ tranh chân dung cho tầng lớp quý tộc thượng lưu, nhưng bản thân ông lại không hề phóng túng chút nào. Trong nhà ông không có chỗ cho tranh tượng khỏa thân hay những cử chỉ suồng sã, ám muội. Ông đã từng vẽ Hoàng hậu Alexandra* hồi bà vẫn còn là một công nương. Ông nói bà rất vui vẻ, dễ thương.

Họ sống trong một ngôi nhà tuyệt đẹp ở Mayfair*, còn Tiffin thì được nuôi nhốt tại một trại ngựa gần công viên Hyde. Vào những thời điểm u ám hơn, Sylvie thường có thói quen tự khích lệ tinh thần bằng cách tưởng tượng rằng mình được trở lại thời quá khứ huy hoàng ấy, ngay ngắn an tọa ở cái yên ngồi nghiêng* trên tấm lưng vuông vức của Tiffin bé nhỏ, chạy thong dong dọc theo con đường Rotten Row vào một buổi sáng mùa xuân quang đãng, trong lành, rực rỡ sắc hoa.

"Bà uống chút trà nóng và ăn một miếng bánh mì nướng phết bơ chứ ạ, bà Todd?" Bridget nói.

"Thế thì còn gì bằng, Bridget."

Cuối cùng thì đứa bé cũng được trao cho Sylvie, nó được bọc kín như xác ướp Pharaoh* vậy. Cô vừa nhẹ nhàng vuốt ve chiếc má hồng đào của nó, vừa nói: "Chào bé con!" Bác sĩ Fellowes liền quay gót rời đi để không phải chứng kiến những cử chỉ âu yếm, ngọt ngào ấy. Nếu được quyền quyết định, ông ta sẽ cho dựng lên một thành phố giống như thành Sparta*, để đem tất cả bọn trẻ đến đó nuôi dạy.

"Chà, có lẽ một bữa ăn nhẹ với các món nguội sẽ giúp ích cho tôi vào lúc này." Ông ta nói. "Liệu tôi có cơ may được thưởng thức món dưa góp cay ngon mê ly của bà Glover không nhỉ?"

BỐN MÙA LẤP KÍN MỘT NĂM



11 THÁNG 2 NĂM 1910

Một tia nắng chói mắt giống như thanh kiếm bạc sáng lấp lánh đâm xuyên qua những tấm rèm, đánh thức Sylvie tỉnh giấc. Cô đang nằm uể oải trong chiếc váy bằng ren và ca sơ mia thì bà Glover bước vào phòng, mang theo khay đồ ăn sáng to tướng với vẻ hãnh diện. Dường như chỉ một sự kiện quan trọng mới có thể lôi kéo bà rời khỏi "cái tổ" của mình xa đến vậy. Một bông hoa giọt tuyết* đơn độc bị sương giá phủ gần kín rủ đầu xuống trong cái lọ hoa trên khay. "Ồ, hoa giọt tuyết!" Sylvie nói. "Loài hoa đầu tiên ngóc cái đầu tội nghiệp lên khỏi mặt đất. Nó mới dũng cảm làm sao!"

Bà Glover không tin những bông hoa có thể dũng cảm, hay đúng ra là có bất cứ tính cách nào giống như của con người, dù chúng có đáng ca tụng đến đâu chăng nữa. Bà là một góa phụ mới đến Góc Cáo ở cùng họ có vài tuần. Trước khi bà tới, ở đây từng có một phụ nữ tên Mary. Bà ta rất vụng về và nướng thịt hay bị cháy. Trong khi đó, bà Glover, trái lại, thường nấu thức ăn không chín kĩ. Trong ngôi nhà xa hoa thời thơ ấu của Sylvie, người nấu bếp được gọi là "bà bếp", nhưng bà Glover thích được gọi là "bà Glover" hơn. Cách gọi ấy tạo cảm giác bà là người không ai có thể thay thế được. Tuy nhiên, Sylvie vẫn bướng bỉnh thầm gọi bà là "bà bếp".

"Cảm ơn bà, bà bếp." Bà Glover chậm rãi chớp chớp mắt như một con thần lẩn. "Bà Glover." Sylvie chữa lại lời mình.

Bà Glover đặt cái khay xuống giường và kéo rèm ra. Ánh sáng thật rực rỡ, con dơi đen sì đã bị đẩy lùi.

"Chói thế!" Sylvie nói, lấy tay che mắt.

"Nhiều tuyết quá trời!" Bà Glover nói, lắc đầu, không rõ là vì ngạc nhiên hay chán ghét. Bà Glover không phải là người lúc nào cũng dễ

đoán.

"Bác sĩ Fellowes đâu rồi?" Sylvie hỏi.

"Có một ca cấp cứu. Một ông nông dân bị bò xéo phải."

"Khiếp nhỉ!"

"Mấy cậu trong làng đã cố đào xe của ông bác sĩ lên khỏi lớp tuyết dày nhưng cuối cùng thằng George nhà tôi đến và cho ông ta đi nhờ."

"À!" Sylvie nói, như thể đột nhiên tỏ tường một điều làm cô băn khoăn khó hiểu đã lâu.

"Vậy mà người ta gọi nó là mã lực cơ đấy." Bà Glover phì một tiếng như một con bò mộng. "Đó chính là hậu quả của cái thói phụ thuộc vào những cỗ máy tân tiến."

"Ừm." Sylvie nói, không muốn tranh cãi với những quan điểm bảo thủ như vậy. Cô ngạc nhiên vì bác sĩ Fellowes đã ra về mà không kiểm tra tình trạng sức khỏe của cô hoặc đứa bé.

"Ông ta có ngó qua bà. Lúc ấy bà đang ngủ." Bà Glover nói. Thi thoảng Sylvie vẫn tự hỏi phải chăng bà Glover có khả năng đọc được suy nghĩ của người khác. Nếu thế thì thật khủng khiếp.

"Ông ta ăn sáng trước tiên." Bà Glover nói, tỏ ra vừa đồng tình vừa không đồng tình. "Ắt hẳn ông ta đói lắm."

"Tôi cũng đói đến mức có thể ăn hết cả một con ngựa." Sylvie cười. Dĩ nhiên là cô không thể. Trong đầu cô lập tức hiện lên hình ảnh của Tiffin. Cô nhấc bộ dao nĩa bằng bạc nặng như những thanh vũ khí lên, sẵn sàng giải quyết món cật sốt cay của bà Glover. "Trông ngon quá!" Cô nói, nghĩ trong đầu "Chúng có ngon thật không nhỉ?", nhưng bà Glover đang mãi mê ngắm nghía đứa bé trong nôi. "Bụ bẫm như một con lợn con vậy." Sylvie vẫn tự hỏi phải chăng bà Haddock vẫn đang bị mắc kẹt ở đâu đó bên ngoài Chalfont St Peter.

"Tôi nghe nói cô bé suýt mất mạng." Bà Glover nói.

"Ờ..." Sylvie nói. Ranh giới giữa sự sống và cái chết thật mong manh. Vào một buổi tối, cha cô, họa sĩ chuyên vẽ tranh chân dung cho giới quý tộc thượng lưu, đã bị trượt chân trên tấm thảm Isfahan* ở chiếu nghỉ tầng hai sau khi uống chút rượu cognac nguyên chất. Sáng hôm sau, ông được phát hiện đã chết ở chân cầu thang. Chẳng có ai nghe thấy tiếng ông ngã hay kêu la. Vào thời điểm đó, ông vừa mới bắt tay vẽ bức chân dung của Bá tước Balfour. Bức chân dung dang dở ấy sẽ không bao giờ được hoàn thành. Hiển nhiên rồi!

Sau đó, mọi chuyện mới vỡ lở, thì ra ông tiêu xài hoang toàng hơn mẹ con cô tưởng. Lén lút bài bạc, nợ nần khắp chốn. Ông hoàn toàn không dành dụm gì để dự phòng cho cái chết bất đắc kỳ tử, rồi chẳng mấy chốc các chủ nợ đã mò đến, bu kín ngôi nhà xinh đẹp ở Mayfair. Rốt cuộc nó cũng chỉ là một ngôi nhà bấp bênh. Tiffin buộc phải ra đi. Điều đó khiến trái tim Sylvie như tan nát. Nỗi đau ấy còn lớn hơn bất cứ nỗi đau nào mà cô từng cảm thấy đối với cha mình.

"Mẹ cứ nghĩ ông ấy chỉ có tật xấu duy nhất là trai gái." Mẹ cô nói. Bà đang ngồi tựa trên cái rương gỗ như thể làm mẫu cho bức tượng Đức mẹ Sầu bi*.

Họ sa vào cảnh nghèo túng nhưng vẫn cố duy trì cuộc sống phong lưu, đài các. Mẹ Sylvie trở nên xanh xao, tẻ nhạt trong cảnh gối chiếc chăn đơn, và dần héo mòn vì căn bệnh lao phổi tàn phá. Cô bé Sylvie mười bảy tuổi suýt chút nữa đã phải trở thành người mẫu vẽ tranh nếu không được cứu vớt bởi người đàn ông mà cô gặp ở quầy bưu điện. Hugh, một ngôi sao đang lên trong giới ngân hàng cường thịnh, hình mẫu hoàn hảo của một quý ông tư sản đứng đắn. Một cô gái xinh đẹp nhưng không một xu dính túi còn có thể mong đợi điều gì hơn thế chứ?

Lottie mắt lạnh lẽo hơn dự kiến. Hugh và Sylvie âm thầm cưới nhau vào đúng ngày sinh nhật lần thứ mười tám của Sylvie. ("Đó!"

Hugh nói. "Giờ thì em sẽ không bao giờ quên lễ kỷ niệm ngày cưới của chúng ta.") Họ tận hưởng hai tuần thú vị ở Deauville* trong chuyến trăng mật tại Pháp trước khi an cư ở một chốn ngoại thành êm đềm gần Beaconsfield, trong một ngôi nhà phẳng phất phong cách Lutyens*. Nó có đủ mọi thứ mà người ta mong muốn: một căn bếp lớn, một phòng khách với những ô cửa kính kiểu Pháp hướng ra bãi cỏ, một phòng sinh hoạt ban ngày xinh xắn và vài phòng ngủ chờ bọn trẻ đến chiếm ngự. Thậm chí còn có một căn phòng nhỏ ở cuối ngôi nhà để Hugh dùng làm thư phòng. "A, mặt thất của tôi!" Anh cười lớn.

Có những ngôi nhà tương tự vây quanh tổ ấm của họ với một khoảng cách vừa phải. Xa hơn nữa là đồng cỏ, rừng cây và một rừng hoa chuông xanh với dòng suối róc rách chảy qua. Ga xe lửa, trông chẳng hơn gì một trạm dừng, cho phép Hugh có mặt ở bàn làm việc dành cho vị trí giám đốc ngân hàng trong vòng chưa đầy một tiếng đồng hồ.

"Quả là một thung lũng êm đềm như đang say ngủ!" Hugh cười khi anh lịch thiệp bế Sylvie đi qua ngưỡng cửa. Cơ ngơi này không quá bề thế (chẳng giống Mayfair chút nào) nhưng cũng hơi vượt tầm chi trả của họ, một sự liều lĩnh về mặt tài chính khiến cả hai người đều kinh ngạc.



"Chúng ta nên đặt cho ngôi nhà một cái tên." Hugh nói. "Nguyệt Quế, Thông, Du."

"Nhưng trong vườn làm gì có những loại cây ấy." Sylvie chỉ rõ. Họ đang đứng bên ô cửa kính kiểu Pháp của ngôi nhà mới mua, nhìn ra một vạt cỏ rậm rì. "Chúng ta phải kiếm một thợ làm vườn." Hugh nói. Căn nhà trống trải đến mức vang vọng. Họ còn chưa kịp lấp đầy nó bằng những tấm thảm Voysey, những tấm rèm Morris và tất cả những món đồ nội thất giàu tính thẩm mỹ khác của một ngôi nhà

thuộc thế kỷ hai mươi. Sylvie sẽ sung sướng biết bao nếu được sống ở Liberty's* thay vì cái tổ uyên ương đang cần được đặt tên này.

"Đồng Xanh, Mỹ Cảnh, Đồng Nắng?" Hugh tiếp tục gợi ý, choàng tay quanh người vợ mới cưới của mình.

"Không."

Người chủ cũ của ngôi nhà chưa được đặt tên này đã bán nó và chuyển đến Ý sinh sống. "Thử tưởng tượng xem." Sylvie mở miệng nói. Hồi còn nhỏ, cô đã từng có một chuyến du lịch tuyệt vời tới Ý cùng với cha mình trong lúc mẹ cô tới Eastbourne* vì hai lá phổi của bà.

"Rất người Ý." Hugh gạt đi.

"Đúng vậy. Đó chính là sự hấp dẫn đấy." Sylvie nói, đẩy cánh tay anh ra.

"Hồi, Ấp?"

"Thôi đi!" Sylvie nói.

Một con cáo chột nhảy ra khỏi bụi cây và băng qua bãi cỏ. "Ồ, coi kìa!" Sylvie nói. "Nó có vẻ dạn dĩ nhỉ, hẳn là nó đã quen với việc ngôi nhà không có người ở."

"Mong là toán thợ săn địa phương không bám theo nó." Hugh nói. "Nó gây giờ cả xương."

"Nó là một con cáo cái. Một bà mẹ đang cho con bú. Cứ nhìn đầu vú của nó thì biết."

Hugh chớp chớp mắt khi từ ngữ thô tục ấy thoát ra từ miệng cô dâu trong trắng, thuần khiết của anh. (Anh cho là như vậy. Anh hy vọng như vậy.)

"Nhìn kìa!" Sylvie thì thầm. Hai con cáo con nhỏ xíu nhảy ra bãi cỏ và lăn lộn đùa giỡn với nhau. "Ồi, mấy sinh vật bé bỏng ấy mới

xinh xắn làm sao!"

"Có người sẽ nói chúng là loài có hại."

"Có lẽ chính chúng mới coi *chúng ta* là loài có hại." Sylvie nói. "Góc Cáo - Chúng ta nên gọi ngôi nhà bằng cái tên đó. Chẳng ai có nhà mang tên như thế cả và chẳng phải đó chính là ý nghĩa của việc đặt tên cho các ngôi nhà sao?"

"Thật ư?" Hugh ngờ vực nói. "Cái tên ấy hơi kì quặc nhỉ? Nghe cứ như một câu chuyện cho trẻ con ấy. *Ngôi nhà ở Góc Cáo.*"

"Một chút kì quặc thì có chết ai chứ."

"Nhưng xét kĩ ra thì..." Hugh nói. "... Một ngôi nhà có thể là một *cái góc* được không? Chẳng phải chỉ có nhà ở *góc đường* thôi sao?"

"Hôn nhân là thế này đây." Sylvie trầm nghĩ.



Hai đứa trẻ nép sau cánh cửa, dè dặt nhòm vào trong phòng. "Các con đây rồi." Sylvie nói, mỉm cười. "Maurice, Pamela, tới chào em gái mới của các con đi."

Chúng thận trọng tiến tới bên cái nôi như thể sợ có thứ gì khác trong ấy. Sylvie nhớ lại cảm giác tương tự của chính mình khi cô nhìn thi hài của cha cô trong cái quan tài tinh xảo bằng gỗ sồi và đồng (do các thành viên của Viện Hàn lâm Hoàng gia tặng). Hoặc có lẽ chúng dè chừng bà Glover.

"Lại em gái." Maurice ỉu xiu nói. Thằng bé năm tuổi, lớn hơn Pamela hai tuổi và là "người đàn ông của gia đình" mỗi khi Hugh đi vắng. "Đi công tác." Sylvie nói với mọi người như vậy, nhưng thực tế là anh đã tức tốc băng qua eo biển Anh* để đi giải cứu đứa em gái út ngốc nghếch khỏi nanh vuốt của một gã đàn ông có vợ, kẻ đã dụ dỗ con bé trốn sang Paris.

Maurice chọc ngón tay vào mặt đứa bé khiến nó giật mình tỉnh dậy, khóc văng lên. Bà Glover liền nhéo tai Maurice. Sylvie nhăn mặt nhưng Maurice chỉ cắn răng chịu đựng, chẳng hề hó hé kêu lên một tiếng. Sylvie nghĩ cô thực sự phải nói chuyện với bà Glover về vấn đề này khi nào cô cảm thấy khỏe hơn.

"Bà định đặt tên cho cô bé là gì?" Bà Glover hỏi.

"Ursula." Sylvie nói. "Tôi sẽ gọi nó là Ursula. Cái tên đó có nghĩa là con gấu con."

Bà Glover gật đầu, không thể hiện thái độ gì. Giới trung lưu luôn làm theo ý thích của mình, chẳng tuân theo quy tắc nào cả. Cậu con trai lực lưỡng của bà chỉ được đặt cho một cái tên đơn giản là George. "Theo tiếng Hy Lạp, nó có nghĩa là Người cày đất." Vị mục sư rửa tội cho con trai bà giải thích như vậy. Và George quả thực đang là anh thợ cày tại một điền trang ở gần đây có tên là Lâu đài Ettringham, như thể cái tên đã vận vào người, tạo nên số mệnh của anh. Tuy nhiên bà Glover chẳng phải là người để tâm đến số mệnh hay tiếng Hy Lạp làm gì.

"Thôi, tôi phải đi làm việc tiếp đây." Bà Glover nói. "Bữa trưa sẽ có món bánh bít tết* thơm ngon. Và tráng miệng bằng món pudding Ai Cập."

Sylvie chẳng thể mừng tượng ra được món pudding Ai Cập là món như thế nào. Cô hình dung ra những chiếc kim tự tháp.

"Tất cả chúng ta đều phải giữ gìn sức khỏe." Bà Glover nói.

"Đúng vậy!" Sylvie nói. "Vì lý do đó, có lẽ tôi nên cho Ursula bú thôi!" Cô bực tức bởi dấu cảm thán vô hình trong câu nói của mình. Chẳng hiểu tại sao, Sylvie thường thấy mình buộc phải dùng giọng điệu vui vẻ quá mức khi nói chuyện với bà Glover, như thể cô đang cố gắng lập lại sự cân bằng tự nhiên của các thể dịch* trên đời này.

Bà Glover không tìm được, khẽ rùng mình trước hình ảnh hai bầu vú xanh xao, nổi đầy gân xanh của Sylvie nhô lên căng cứng dưới chiếc váy ngủ bằng ren bông bênh. Bà vội vàng xua lũ trẻ ra khỏi phòng. "Có cháo đấy." Bà nghiêm nghị thông báo với chúng.



"Hắn là Chúa muốn đưa trẻ này trở lại." Bridget nói khi cô bé mang vào phòng chén nước cốt bò hầm nghi ngút khói.

"Chúng ta đã bị thử thách." Sylvie nói. "Và đã vượt qua."

"Trong lần này." Bridget nói.

THÁNG 5 NĂM 1910

"Có một bức điện." Hugh đột ngột đi vào phòng và cất tiếng thông báo khiến Sylvie giật mình choàng tỉnh. Cô đã thiếp đi khi đang nằm cho Ursula bú và ngủ một giấc ngắn ngủi nhưng ngon lành. Cô vội vàng chỉnh trang lại y phục rồi hỏi: "Một bức điện ư? Có ai mất sao?" Vì vẻ mặt của Hugh như đang ám chỉ rằng có một tai họa nào đó vừa xảy ra.

"Từ Wiesbaden*."

"À!" Sylvie nói. "Vậy là Izzie đã sinh con rồi."

"Giá mà thằng khốn đó chưa có vợ." Hugh nói. "Thế thì hẳn đã có thể cưới em gái anh một cách đàng hoàng, tử tế, giúp nó trở thành người phụ nữ đoan chính."

"Người phụ nữ đoan chính?" Sylvie trầm ngâm. "Trên đời này có cái gọi là người phụ nữ đoan chính sao?" (Cô đã nói điều đó ra miệng ư?) "Dù sao đi nữa, cô ấy còn quá trẻ để kết hôn."

Hugh cau mày. Cử chỉ đó khiến anh càng có vẻ điển trai hơn. "Nó bây giờ chỉ kém em hai tuổi hồi em lấy anh thôi mà." Anh nói.

"Nhưng hồi đó em già dặn hơn nhiều." Sylvie lầm bầm. "Mọi chuyện tốt đẹp cả chứ? Đứa bé có khỏe không?"

Thì ra Izzie đã mang thai khá lớn vào thời điểm Hugh bắt được cô ở Paris và lôi cô lên tàu về nhà. Bà Adelaide, mẹ cô, nói rằng thà Izzie bị những kẻ buôn nô lệ da trắng bắt cóc còn hơn là tự ném mình vào vòng tay của gã khốn đó một cách cuồng nhiệt như thế. Sylvie thấy cái ý tưởng bị bắt làm nô lệ da trắng khá hấp dẫn - cô hình dung bản thân mình bị một gã tù trưởng của một bộ lạc nào đó trên sa mạc bắt đi trên lưng con chiến mã Ả Rập, rồi sau đó nằm

trên một chiếc tràng kỷ bọc nệm, mặc váy lụa, đeo mạng che mặt, ăn bánh mứt và nhấm nháp nước ngọt trong tiếng suối chảy róc rách. (Cô cho rằng thực tế sẽ không hẳn như thế.) Một hậu cung với nhiều người phụ nữ có vẻ là một ý tưởng vô cùng hay ho đối với Sylvie - bao gánh nặng trách nhiệm của người vợ sẽ được san sẻ, cùng nhiều điều có lợi khác.

Là một người có tư tưởng tuân thủ tuyệt đối những chuẩn mực đạo đức khắc khe của thời Nữ hoàng Victoria*, Adelaide đã chặn cửa theo đúng nghĩa đen khi nhìn thấy cái bụng lùm lùm của cô con gái út, rồi tổng khư cô trở lại qua eo biển Anh để xử lý nỗi ô nhục của cô ở nước ngoài. Đứa bé sẽ được cho đi làm con nuôi nhanh hết mức có thể. "Một cặp vợ chồng người Đức khả kính, không thể có con." Adelaide nói. Sylvie cố gắng hình dung ra cảnh cho một đứa trẻ đi làm con nuôi. (Cô hỏi: "Và chúng ta sẽ không bao giờ được nghe tin tức gì về nó nữa, đúng không mẹ?" Adelaide trả lời: "Đương nhiên là ta hy vọng như vậy.") Izzie sắp được gửi đến một trường nữ sinh tư thục ở Thụy Sĩ chuyên dạy các kỹ năng xã hội và nghệ thuật cho các cô gái trẻ để giúp họ có chút hành trang chuẩn bị bước vào đời, mặc dù xét theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, cô ấy dường như đã vào đời từ lâu lắc rồi.

"Một đứa con trai." Hugh nói, ve vẩy bức điện như thể đang vẩy một lá cờ. "Bụ bẫm, khỏe mạnh..."



Mùa xuân đầu tiên của Ursula đã đến. Nằm trong chiếc xe đẩy bên dưới gốc dẻ gai, cô bé say sưa nhìn ngắm những đốm nắng lung linh biến hóa vui mắt giữa các kẽ lá xanh mỏng manh theo từng nhịp rung rinh của những nhánh cây mỗi khi có làn gió nhẹ thổi đến. Nhánh cây là cánh tay, còn lá cây chính là bàn tay. Cái cây đang nhảy múa cho cô bé xem. *À ời, ngủ ngoan nào em bé thơ ngây*, Sylvie ngâm nga hát ru cô bé, *trong chiếc nôi treo trên ngọn cây*.

Tôi có một cái cây nhỏ, Pamela ngọng nghịu hát, nó chẳng có lá có hoa, chỉ có hạt nhục đậu khấu bằng bạc, và một quả lê bằng vàng.

Một con thỏ rừng nhỏ bé bằng bạc treo toòng teng trên mui xe đẩy, lấp lánh xoay tròn dưới ánh mặt trời. Con thỏ ngồi trong một cái giỏ nhỏ, nó từng là vật trang trí trên cái lúc lắc của Sylvie hồi cô còn thơ ấu. Chiếc lúc lắc ấy, cũng giống như thời thơ ấu của Sylvie, đã mất đi từ rất lâu rồi.

Những nhánh cây trơ trụi, những chồi non, những phiến lá - cái thế giới mà Ursula biết cứ thế đến và đi trước mắt cô bé. Lần đầu tiên cô bé được quan sát vòng quay của bốn mùa. Cô bé được sinh ra với mùa đông ngấm sẵn trong cốt tủy, tiếp đến là sự nảy nở của những búp chồi múp míp báo hiệu mùa xuân sắp đến, rồi sau đó là cái nóng oi ả của mùa hè và nắm mốc của mùa thu. Từ bên dưới cái khung hẹp của mui xe đẩy, cô bé nhìn thấy hết. Chưa kể những "vật điểm xuyết" có chút ngẫu hứng mà các mùa mang theo cùng - mặt trời, mây, chim chóc, một quả bóng cricket lạc hướng lạng lẽ bay vòng qua trên đầu, đôi lần một chiếc cầu vồng sắc sỡ, và mưa - thường xuyên hơn mức cô bé mong muốn. (Thi thoảng việc cứu cô bé khỏi các hiện tượng thời tiết lại bị chậm trễ.)

Có lần còn có cả vàng trắng đang nhú và những vì sao - vừa đáng kinh ngạc vừa đáng sợ - khi cô bé bị bỏ quên vào một tối mùa thu. Bridget đã bị quở trách. Chiếc xe đẩy được đặt ở ngoài trời bất kể thời tiết thế nào, vì Sylvie được thừa hưởng thói quen gần gũi với thiên nhiên từ mẹ cô, là bà Lottie. Hồi còn trẻ, bà từng có thời gian sống trong một viện an dưỡng ở Thụy Sĩ, ngày ngày quần một tấm chăn, ngồi trên hàng hiên lộ thiên, nhìn mông lung vào những đỉnh núi Alps quanh năm tuyết phủ.

Cây dẻ gai trút lá, những chiếc lá màu đồng mỏng tang bị gió cuốn đi lấp kín khoảng trời phía trên đầu cô bé. Vào một ngày tháng Mười một lộng gió, một nhân vật đáng sợ thành linh xuất hiện, nhòm

vào trong chiếc xe đẩy. Maurice nhăn mặt, nhú mày với Ursula và ê a "Biến đi, biến đi, biến đi", trước khi chọc cái que vào những lớp chăn của cô bé. "Con bé ngu ngốc!" Cậu nói rồi trút một đồng lá mềm phủ lên người cô bé. Cô bé lại ngủ thiếp đi dưới lớp chăn mới bằng lá cây, bỗng một bàn tay đập mạnh vào đầu Maurice khiến cậu hét toáng lên "Ồi!" một tiếng rồi chạy biến đi mất. Con thỏ bạc cứ xoay tròn hết vòng này đến vòng khác và một đôi bàn tay to lớn bế cô bé lên khỏi chiếc xe đẩy, rồi Hugh nói "Con bé đây rồi", như thể cô bé vừa mới bị lạc.

"Cứ như một con nhím ngủ đông vậy." Anh nói với Sylvie.

"Con bé tội nghiệp!" Sylvie cười.



Mùa đông lại đến. Nhờ đã từng trải qua nó, cô bé nhận ra nó ngay.

THÁNG 6 NĂM 1914

Ursula bước vào mùa hè thứ năm mà không gặp phải sự cố nào nữa. Sylvie - mẹ cô bé - cảm thấy nhẹ nhõm, mặc dù (hoặc có lẽ là bởi vì) cô bé chào đời không mấy thuận lợi nhưng nhờ chế độ nuôi dạy nghiêm ngặt của Sylvie (hoặc có lẽ bất chấp nó), cô bé đã trở thành một đứa trẻ có vẻ cứng cỏi. Ursula không có cái vẻ suy tư, hay nghĩ như Pamela đôi khi vẫn tỏ ra, cũng không bộp chộp, thiếu suy nghĩ như Maurice.

Một *quân nhân tí hon*, Sylvie thầm nghĩ khi cô dõi theo Ursula bám đuôi Maurice và Pamela đi dọc bờ biển. Trông chúng thật nhỏ bé - chúng vẫn còn nhỏ, cô biết điều đó - nhưng thi thoảng Sylvie lại ngạc nhiên bởi những cảm xúc sâu đậm mà cô dành cho bầy con của mình. Đứa nhỏ nhất, út ít nhất trong số chúng là Edward, đang bị cầm giữ trong cái nôi đan bằng liễu gai đặt bên cạnh cô trên bãi cát. Nó vẫn chưa biết kêu lên khi gặp nguy hiểm.

Họ đã thuê một ngôi nhà ở Cornwall* trong một tháng. Hugh ở cùng mấy mẹ con vào tuần đầu tiên và Bridget thay thế anh trong suốt khoảng thời gian còn lại. Bridget và Sylvie cố gắng thay phiên nhau nấu nướng (khá vụng về) vì Sylvie đã cho bà Glover nghỉ phép một tháng, để bà đến Salford* ở cùng một người chị em vừa mất đứa con trai do căn bệnh bạch hầu. Sylvie thở phào nhẹ nhõm khi cô đứng trên sân ga, dõi theo tấm lưng rộng lớn của bà Glover biến mất vào bên trong toa tàu. "Em không cần phải đi tiễn bà ấy đâu." Hugh nói.

"Chỉ vì em thích được chứng kiến bà ấy đi mất" Sylvie đáp.



Nơi đây có ánh mặt trời chói chang, những làn gió biển lồng lộng và một chiếc giường cứng lạ lẫm. Sylvie đã nằm yên tĩnh cả đêm trên đó. Họ mua bánh nướng nhân thịt, khoai tây chiên và bánh táo để ngồi ăn trên một tấm thảm trải trên bờ cát, lưng dựa vào những vách đá. Vấn đề khó khăn nhất là làm cách nào để cho con bú nơi công cộng, nhưng vấn đề ấy đã được giải quyết bằng việc thuê một cái lều ở bãi biển. Lúc thì Bridget và Sylvie cởi giày ra, táo bạo nhúng chân xuống nước, lúc thì họ ngồi đọc sách trên bãi cát, bên dưới những tán dù che nắng xòe rộng. Sylvie đang đọc sách của Conrad*, còn Bridget nghiền ngẫm cuốn *Jane Eyre** mà Sylvie cho cô mượn vì quên mang theo những cuốn tiểu thuyết tình cảm thời Trung cổ ly kỳ của mình. Bridget tỏ ra là một độc giả quá khích. Cô thường hốt hoảng thở gấp hoặc rùng mình chán ghét và cuối cùng là tỏ vẻ thích thú. Điều đó khiến cho người ta có cảm giác cuốn *Điệp viên bí mật** mà Sylvie đang đọc có vẻ vô cùng khô khan, tẻ nhạt.

Bridget vốn là người sống ở sâu trong nội địa nên lúc nào cũng lo lắng về việc thủy triều đang lên hay đang xuống, dường như cô không thể hiểu được quy luật của nó. "Nó thay đổi một chút mỗi ngày." Sylvie kiên nhẫn giải thích.

"Nhưng sao lại thế?" Bridget ngây ngô hỏi.

"Ờ thì..." Sylvie hoàn toàn không biết. "Sao nó lại không thể như thế chứ?" Cô quả quyết kết luận.



Bọn trẻ đang quay lại sau khi đã chơi chán chê trò quăng lưới bắt cá trong những vũng nước ở đầu kia bãi biển. Pamela và Ursula dừng lại nửa chừng, bắt đầu riu rít vầy nước ở mép biển, còn Maurice thì lại tăng tốc, chạy hùng hục về phía Sylvie rồi sà xuống trước mặt cô làm cát bắn tung tóe. Thằng bé đang cầm một con cua nhỏ bằng càng của nó, Bridget kêu ré lên kinh hãi khi thấy cảnh tượng ấy.

"Còn cái bánh nướng nhân thịt nào không?" Cậu hỏi.

"Phải lễ phép chứ, Maurice." Sylvie quở mắng. Hết hè này thằng bé sẽ vào trường nội trú. Cô cảm thấy khá nhẹ nhõm.



"Này, đi nhảy sóng đi!" Pamela nói. Pamela hách dịch nhưng theo kiểu dễ thương, còn Ursula hầu như lúc nào cũng vui vẻ tán thành những kế hoạch của chị gái. Ngay cả khi trong lòng không đồng tình, Ursula vẫn nghe lời chị.

Một chiếc vòng lăn dọc theo bãi cát, lăn qua chỗ hai đứa trẻ, như thể bị gió cuốn đi. Ursula muốn đuổi theo chiếc vòng để mang trả cho chủ nhân của nó, nhưng Pamela phản đối: "Không, đi nào, đi lội nước thôi." Vì vậy chúng đặt những tấm lưới xuống mặt cát và lội xuống con sóng đang nhẹ nhàng vỗ vào bờ. Chẳng hiểu tại sao dù được ánh mặt trời sưởi ấm nhưng nước biển lúc nào cũng lạnh giá. Hai chị em kêu ré lên như thường lệ trước khi nắm tay nhau, chờ đợi những con sóng tiếp theo tràn tới. Nhưng khi chúng vào tới bờ thì cả hai chị em đều thất vọng vì chúng chỉ còn rất nhỏ, không hơn gì một gợn nước lăn tăn trùn trên đầu lớp diềm xếp nếp bằng ren. Vì thế bọn trẻ lội ra xa hơn.

Giờ thì những con sóng không còn là những gợn nước nữa, chỉ có từng đợt sóng cồn dâng cao, xô tới, nâng hai đứa trẻ lên rồi lại hạ chúng xuống, tiếp tục hướng vào bờ. Ursula siết chặt tay Pamela mỗi khi cơn sóng cồn tiến đến. Nước đã xâm xấp eo lưng cô bé. Pamela dần bước ra xa hơn, giống như bức tượng gắn ở đầu mũi tàu bằng băng rẽ những con sóng thô bạo. Nước giờ đã lên đến nách Ursula, cô bé bắt đầu òa khóc và kéo tay Pamela, cố gắng ngăn chị mình đi xa hơn nữa. Pamela bèn ngoảnh lại nhìn em gái và nói: "Cẩn thận nào, em làm cho cả hai chị em mình cùng ngã bây giờ." Vì thế cô bé không nhìn thấy con sóng khổng lồ đang trào dâng sau lưng mình. Chỉ trong nháy mắt, nó đã ập đến trùn lên người hai

đứa trẻ, dễ dàng quăng quật chúng như thể chúng là những chiếc lá.

Ursula cảm thấy mình bị kéo xuống dưới càng lúc càng sâu, như thể cô bé đã bị cuốn ra ngoài khơi xa, cách bờ hàng dặm biển, không còn ai trông thấy được nữa. Đôi chân nhỏ bé liên tục khua khoảng, cố gắng tìm chỗ đặt chân trên mặt cát. Giá mà cô bé có thể đứng thẳng dậy để chiến đấu với những con sóng, nhưng chẳng còn thấy nền cát đâu nữa để làm điểm tựa và cô bé bắt đầu ngộp nước, hoảng loạn quẫy đạp. Phải có ai đó đến cứu cô bé chứ? Bridget hoặc Sylvie. Hoặc Pamela - Pamela đâu rồi?

Chẳng ai tới cả. Quanh cô bé chỉ toàn là nước. Mênh mông những nước. Trái tim bé bỏng bất lực đập loạn xạ, như thể nó là một con chim bị nhốt trong lồng ngực cô bé. Trong tai cô bé vang lên tiếng vo ve của cả nghìn con ong đang bay. Không còn hơi thở nào. Một đứa trẻ chết đuối, một chú chim bị rơi khỏi bầu trời.

Bóng tối phủ xuống.

TUYẾT



11 THÁNG 2 NĂM 1910

Bridget dọn khay đồ ăn sáng định đem đi thì Sylvie lên tiếng: "Ồ, để bông hoa giọt tuyết bé nhỏ ấy lại. Đây, đặt nó lên cái bàn cạnh giường ta này." Cô cũng giữ đứa bé bên mình. Ngọn lửa lò sưởi đang cháy đượm và ánh tuyết chói lóa ngoài cửa sổ vừa mang lại cảm giác vui vẻ, lạc quan, vừa tiềm ẩn một điềm gở bi quan lạ lùng. Tuyết đang bám đầy các bức tường của ngôi nhà, đè nặng chúng, chôn vùi chúng. Chúng bị phủ kín như thể được bọc trong một cái tổ kén. Cô mừng tượng Hugh đang quả cảm đào đường hầm qua lớp tuyết dày để về nhà. Anh đã vắng nhà ba ngày để đi tìm cô em gái Isobel. Ngày hôm qua (tưởng như đã lâu lắm rồi), một bức điện từ Paris cho biết: CON MỒI ĐÃ LẦN TRỐN CHẤM ĐANG TRUY TÌM CHẤM, mặc dù Hugh không phải là thợ săn. Cô phải gửi cho anh một bức điện. Cô nên nói gì đây? Một cái gì đó bí hiểm. Hugh thích những gì lắt léo. BỌN EM CÓ BỐN NGƯỜI CHẤM ANH ĐI VẮNG NHƯNG BỌN EM VẪN CÓ BỐN NGƯỜI (Bridget và bà Glover không được tính đến). Hay một cái gì đó tế nhị hơn. ĐỨA BÉ ĐÃ RA ĐỜI CHẤM ỔN CẢ CHẤM. Có đúng vậy không? Ổn cả ư? Đứa bé đã suýt chết. Nó đã bị ngạt. Nhớ nó không thực sự ổn thì sao? Tối nay họ đã chiến thắng Tử thần. Sylvie bắn khoản tự hỏi khi nào thì Tử thần lại tìm đến để trả thù họ.

Cuối cùng, Sylvie ngủ thiếp đi và mơ thấy rằng cô đã chuyển đến một ngôi nhà mới và đang đi tìm bọn trẻ. Cô đi lang thang khắp các căn phòng xa lạ, vừa đi vừa gọi tên các con, nhưng cô biết chúng đã biến mất vĩnh viễn và sẽ chẳng bao giờ tìm thấy chúng được nữa. Khi cô giật mình tỉnh dậy, cô nhẹ nhõm khi thấy rằng ít nhất đứa bé vẫn đang ở bên cạnh cô trên chiếc giường lớn tựa như cánh đồng tuyết trắng. Đứa bé. Ursula. Sylvie đã đặt tên cho nó từ trước. Nếu

là con trai thì nó sẽ mang tên Edward. Việc đặt tên cho các con là đặc quyền của cô. Hugh có vẻ chẳng mấy quan tâm đến vấn đề này, dù vậy, Sylvie cho là anh cũng tự đặt ra những giới hạn nhất định. Có một số cái tên anh sẽ chẳng chấp nhận nổi. Scheherazade chẳng hạn. Hoặc Guinevere.

Ursula mở to đôi mắt ngây dại, có vẻ như cô bé đang nhìn chăm chú bông hoa giọt tuyết ủ rũ. *À ời, ngủ ngoan nào em bé thơ ngây*, Sylvie ngâm nga. Ngôi nhà thật yên ả. Điều đó dễ làm cho người ta lầm lẫn. Người ta có thể mất mọi thứ chỉ trong một cái chớp mắt hoặc một cú sẩy chân. "Bằng giá nào cũng phải tránh những ý nghĩ u ám." Cô nói với Ursula.

CHIẾN TRANH



THÁNG 6 NĂM 1914

Ông Winton - Archibald - dựng giá vẽ trên cát, cố gắng hoàn thành bức tranh cảnh biển bằng những sắc xanh của đại dương - màu xanh lính Phổ, xanh cô ban, xanh crôm và xanh đất. Trên nền trời gần như không thể phân biệt được với những con sóng ở bên dưới, ông điểm xuyết vài cánh chim hải âu khá mờ nhạt. Ông mừng tượng rằng khi nào về đến nhà, ông sẽ khoe bức tranh này với mọi người, nói với họ rằng: "Theo trường phái Ấn Tượng* đấy."

Ông Winton - một người độc thân - vốn là viên thư ký cấp cao trong một nhà máy chuyên sản xuất đinh ghim ở Birmingham* nhưng lại có bản tính lãng mạn. Ông là thành viên của một câu lạc bộ đạp xe, Chủ nhật nào ông cũng cố gắng đạp xe đi thật xa khỏi màn sương mù quặng khói của thành phố công nghiệp Birmingham, và hằng năm thường đi nghỉ ở biển trọn một tuần lễ để có thể hít thở bầu không khí dễ chịu nơi đây và tự coi mình là họa sĩ trong suốt thời gian ấy.

Ông nghĩ nên cho thêm vài nhân vật vào bức tranh của mình, như thế sẽ làm cho bức tranh sống động hơn. Giáo viên ở lớp học buổi tối của ông (ông có theo học một lớp hội họa) vẫn thường khuyến khích ông làm vậy. Hai bé gái đang chơi ở mép nước kia có vẻ được đấy! Nhờ những chiếc mũ rộng vành của chúng mà ông sẽ không phải cố gắng vẽ các đường nét trên khuôn mặt chúng. Kỹ năng đó ông vẫn chưa thuần thục.



"Này, đi nhảy sóng đi!" Pamela rủ rê.

"Ôi!" Ursula thốt lên, lùi lại. Pamela cầm lấy tay em gái và kéo cô bé xuống nước. "Đừng ngốc nghếch thế!" Càng tới gần mặt nước, Ursula càng hoảng loạn cho đến khi trong lòng cô bé tràn ngập nỗi sợ hãi, nhưng Pamela thì cứ cười khanh khách, băng băng lội xuống nước, vì thế Ursula đành phải cun cút đi theo chị. Cô bé cố gắng nghĩ ra một thứ gì đó có thể khiến Pamela muốn quay trở lại bờ - một tấm bản đồ kho báu, một người đàn ông có con chó con - nhưng đã quá muộn. Một cơn sóng khổng lồ cuộn cuộn trào lên, ào tới xô vào chúng, quật ngã chúng, kéo chúng chìm xuống thế giới nước mênh mang.



Đang cúi đầu đọc sách, Sylvie giật mình ngẩng phắt lên và thấy một người đàn ông xa lạ đang đi dọc theo bờ cát về phía mình, mỗi cánh tay kẹp một đứa con gái của cô như thể đang cắp con gà, con ngỗng. Hai cô bé ướt sũng cả người và đầm đìa nước mắt. "Chúng lội ra hơi quá xa." Người đàn ông nói. "Nhưng chúng sẽ ổn thôi."

Họ đãi ân nhân của họ - quý ông Winton, một viên thư ký ("cấp cao") - trà và bánh ngọt trong một khách sạn nhìn ra biển. "Đây là điều tối thiểu tôi có thể làm." Sylvie nói. "Giày của ông hỏng mất rồi."

"Có đáng gì đâu." Ông Winton khiêm tốn nói.

"Ồ, không, chắc chắn chúng phải đáng giá chứ." Sylvie nói.



"Về nhà có vui không?" Hugh cười rạng rỡ chào đón họ trên sân ga.

"Còn anh có vui khi mấy mẹ con em về không?" Sylvie nói, hơi hung hăng.

"Ở nhà có một điều bất ngờ dành cho mấy mẹ con em đấy." Hugh nói.

Sylvie vốn không thích những điều bất ngờ, họ đều biết điều đó.

"Đoán thử xem." Hugh nói.

Họ đoán đó là một chú cún con, nhưng phán đoán ấy hoàn toàn trật lất, chẳng ăn nhập chút nào với cỗ máy phát điện hiệu Petter mà Hugh đã lắp đặt trong tầng hầm. Họ nối đuôi nhau đi xuống cái cầu thang bằng đá dốc nghiêng, nhìn chăm chăm vào cỗ máy dầu mỡ đang kêu ro ro cùng những dây ốc quy có vỏ bằng thủy tinh của nó. "Hãy để nơi này tràn ngập ánh sáng*." Hugh nói.

Sẽ còn rất lâu nữa mới đến thời điểm bất cứ ai trong số họ có thể bật công tắc đèn điện mà không lo sợ bị nổ tung. Ánh sáng là tất cả những gì nó có thể tạo ra, dĩ nhiên rồi. Bridget đã mong có một cái máy hút bụi để thay thế cho chiếc máy quét thảm hiệu Ewbank của mình nhưng lại không có đủ điện áp. "Cảm ơn Chúa!" Sylvie nói.

THÁNG 7 NĂM 1914

Từ ô cửa kính kiểu Pháp đang để ngỏ, Sylvie quan sát Maurice dựng một cái lưới đánh tennis tự chế. Với cây búa nhỏ trong tay, dường như cậu gõ gõ đập đập vào tất cả những gì xuất hiện trong tầm mắt. Những cậu bé là một bí ẩn đối với Sylvie. Sự thỏa mãn mà chúng có được từ việc ném những cái que hay những hòn đá hàng tiếng đồng hồ liên tục, việc sưu tập những vật thể vô tri vô giác như thể bị ám ảnh, việc phá hoại thô bạo cái thế giới mỏng manh xung quanh chúng, tất cả đều có vẻ trái ngược với người đàn ông mà mai này hẳn chúng sẽ trở thành.

Tiếng trò chuyện ríu rít ngoài hành lang thông báo cho sự xuất hiện đầy vui vẻ của Margaret và Lily, trước là bạn học và giờ là người quen năm thì mười họa mới gặp một lần của Sylvie. Họ mang theo những hộp quà được gói bọc sắc sỡ và thắt nơ xinh xắn để tặng cho đứa bé mới sinh, Edward.

Margaret là một họa sĩ kiên quyết không lấy chồng. Dường như cô đang là nhân tình của ai đó. Khả năng này đáng ghê tởm đến nỗi Sylvie không dám nhắc gì đến với Hugh. Còn Lily là người theo thuyết Fabian*, cũng là người tham gia phong trào đòi quyền bầu cử cho phụ nữ, nhưng lại chẳng chịu mạo hiểm làm gì cho tín điều của cô. Nghĩ tới những người phụ nữ bị giữ chặt chân tay trong khi những cái ống dẫn được nhét vào họng họ*, Sylvie bắt giắc giờ tay lên chạm vào candelabra xinh xắn, trắng ngần của mình như để tự trấn an bản thân. Tại một buổi tiệc trà có khiêu vũ, chồng của Lily là Cavendish (nghe cứ như tên của một cái khách sạn chứ không phải tên người) từng dẫn Sylvie vào một góc, ép cô vào một cây cột bằng cơ thể đầy vẻ dâm đãng, sức nức mùi xì gà của hắn, và đề nghị một

điều khiếm nhã đến nỗi tới tận giờ này cô vẫn còn cảm thấy đỏ bừng mặt vì xấu hổ khi nghĩ lại.

"A, không khí trong lành quá!" Lily thốt lên khi Sylvie dẫn họ ra vườn. "Nơi đây quả là chốn *thôn dã*." Họ ngó vào chiếc xe đầy, nựng nịu đứa bé bằng những âm thanh nghe như tiếng gù của chim bồ câu, hết trầm trồ khen ngợi đứa bé lại quay sang tán thưởng thân hình mảnh mai của Sylvie.

"Mình sẽ gọi người đem trà tới." Sylvie nói, cảm thấy mệt mỏi.



Họ có một con chó. Một con chó ngao Pháp lông vện to lớn tên là Bosun. "Tên con chó của Byron*." Sylvie nói. Ursula không biết ông Byron bí ẩn ấy là ai, nhưng ông ta chẳng quan tâm gì tới việc đòi lại con chó từ tay họ. Bosun có bộ lông ngắn ngắn, mềm mại mượt như nhung, lớp da lông của nó cứ cuộn cuộn chuyển động như sóng gợn dưới những ngón tay của Ursula mỗi lần cô bé vuốt ve nó, và hơi thở của nó phả ra mùi tảng thịt cổ bê mà bà Glover dù ghét cay ghét đắng nhưng vẫn phải hằm cho nó. Nó là một giống chó cừ khôi, Hugh nói, một giống chó đáng tin cậy, loại chó kéo người ta ra khỏi những tòa nhà đang cháy và cứu họ khỏi chết đuối.

Pamela thường đội chiếc mũ bonnet cũ và quàng khăn san cho Bosun, giả vờ rằng nó là em bé của mình, mặc dù bây giờ chúng đã có một em bé thật sự - một em trai, Edward. Mọi người đều gọi cậu bé là Teddy. Mẹ chúng có vẻ ngạc nhiên bởi đứa trẻ mới sinh này. "Không biết nó từ đâu đến nữa." Tiếng cười của Sylvie nghe như tiếng nắc. Cô đang uống trà trên thảm cỏ với hai người bạn học "từ hồi còn ở London" tới thăm đứa bé. Cả ba người họ đều mặc váy mỏng duyên dáng, đội mũ rơm rộng vành, ngồi trên ghế liễu gai, uống trà và ăn bánh sherry* do bà Glover tự tay làm. Ursula và Bosun thì ngồi bệt trên cỏ, giữ một khoảng cách đủ xa cho phải phép, mong chờ những mẫu vụn.

Maurice đã dựng xong một cái lưới và đang cố gắng dạy Pamela chơi tennis, nhưng không được nhiệt tình cho lắm. Ursula thì mãi miết kết một vòng hoa cúc nhỏ cho Bosun. Cô bé có những ngón tay múp míp, vụng về. Sylvie lại có những ngón tay thon dài, khéo léo như của một họa sĩ hay một nghệ sĩ piano. Cô chơi piano trong phòng khách ("Chopin*"). Thi thoảng họ hát hò sau bữa trà nhưng Ursula không bao giờ vào được đúng nhịp khi đến phần hát của mình. ("Đúng là đồ ngốc!" Maurice nói. "Có công mài sắt có ngày nên kim." Sylvie nói.) Khi cô mở nắp cây đàn piano, nó bốc lên cái mùi giống như mùi tỏa ra từ bên trong những cái va li cũ. Thứ mùi ấy gợi cho Ursula nhớ đến bà nội của mình, bà Adelaide, người suốt ngày mặc đồ đen, nhấm nháp rượu Madeira*.

Đứa bé mới sinh được đặt trong cái xe đẩy to tướng bên dưới gốc dẻ gai sừng sững. Bọn trẻ đều từng là chủ nhân của cỗ xe lộng lẫy này, nhưng không ai trong số chúng còn nhớ nổi. Một con thỏ rừng nhỏ bé bằng bạc treo toong teng trên mui xe và đứa bé được che phủ ấm áp bằng một tấm chăn mỏng "được thêu bởi bàn tay của các nữ tu sĩ", mặc dù chưa có ai giải thích những nữ tu sĩ ấy là ai và tại sao họ lại dành cả ngày để thêu những con vịt nhỏ có bộ lông màu vàng óng.

"Edward." Một trong hai người bạn của Sylvie nói. "Teddy?"

"Ursula và Teddy*. Hai con gấu nhỏ của mình." Sylvie nói và cười như bị nấc. Ursula hoàn toàn không biết làm một con gấu thì sẽ thế nào. Cô bé muốn làm một chú chó hơn. Cô bé nằm ngửa ra và nhìn chăm chăm lên bầu trời. Bosun rên ư ử và duỗi dài người bên cạnh cô bé. Những con chim nhận bạt mạng phóng vút qua bầu trời biếc xanh. Cô bé có thể nghe văng vẳng tiếng lanh canh của cốc chén va vào đĩa lót, tiếng lạch cạch, rì rì của máy xén cỏ mà già Tom đang điều khiển trong khu vườn của gia đình Cole ngay bên cạnh, và ngửi thấy mùi hương ngọt ngào, hăng nồng của những bông cẩm chướng chỗ luống hoa, cùng mùi ngai ngái của đám cỏ mới cắt.

"A!" Một trong hai người bạn đến từ London của Sylvie nói, duỗi chân và để lộ đôi cổ chân đi tất trắng duyên dáng. "Một mùa hè dài nóng bỏng. Thật là tuyệt phải không?"

Sự yên bình bị phá vỡ khi Maurice tỏ vẻ chán ghét ném phịch cây vợt tennis xuống bãi cỏ khiến nó nảy lên rồi lại rớt xuống đánh cạch cạch một tiếng. "Con không thể dạy nổi nó - đúng là đồ con gái!" Cậu nhóc hét lên và nghênh ngang đi vào bụi cây, cầm một cái que quất lung tung vào mọi thứ xung quanh, tuy nhiên trong trí tưởng tượng của cậu, hẳn là cậu đang ở trong một khu rừng già rậm rạp với một con dao rựa trong tay. Hết hè này, cậu sẽ đi học ở trường nội trú. Đó chính là ngôi trường mà Hugh và trước đó là cha của anh đã từng theo học. ("Và cả những vị tổ tiên các đời trước nữa, có lẽ từ thời người Norman chinh phạt nước Anh.*" Sylvie nói.) Hugh cho rằng việc đi học ở trường nội trú sẽ "nhào nặn" Maurice, giúp cậu khôn lớn. Nhưng trong mắt Ursula, anh trai cô bé dường như đã trưởng thành rồi. Hugh kể rằng hồi anh mới đi học, tối nào anh cũng khóc cho đến khi ngủ thiếp đi. Tuy nhiên anh lại tỏ ra hết sức vui vẻ khi bắt Maurice phải chịu đựng cái khổ hình mà anh đã từng trải qua ấy. Maurice ưỡn ngực và tuyên bố rằng cậu sẽ không khóc.

("Còn bọn con thì sao?" Pamela lo lắng hỏi. "Bọn con có phải đi học xa không?"

"Không, trừ phi con nghịch ngợm quá." Hugh cười nói.)

Pamela đỏ bừng mặt, cuộn bàn tay thành nắm đấm, chống nạnh, gầm lên: "Anh là đồ con lợn!" sau khi Maurice lững thững quay trở lại. Qua lời Pamela nói thì "con lợn" có vẻ là thứ gì đó xấu xa thậm tệ. Những con lợn dễ thương mà nhỉ?

"Pammy à!" Sylvie ôn tồn nói. "Con ăn nói cứ như bà hàng cá* ấy."

Ursula nhích lại gần chỗ để bánh hơn.

"Ồ, lại đây nào!" Một trong hai người phụ nữ kia nói với cô bé. "Để dì ngắm cháu cái nào." Ursula cố gắng tránh né nhưng Sylvie đã giữ yên cô bé. "Con bé xinh xắn quá nhỉ!" Người bạn của Sylvie nói. "Nó giống cậu đấy, Sylvie."

"Con cá cũng có vợ ạ?" Ursula hỏi mẹ khiến những người bạn của Sylvie bật cười khúc khích. "Con bé khôi hài quá!" Một trong hai người họ nói.

"Đúng vậy, nó là một đứa thực sự vui nhộn!" Sylvie nói.



"Đúng vậy, nó là một đứa thực sự vui nhộn." Sylvie nói.

"Trẻ con..." Margaret nói. "... Đứa nào cũng thật ngộ nghĩnh, đúng không nào?"

Chúng còn hơn thế nhiều, Sylvie nghĩ, nhưng làm sao có thể giải thích thiên chức làm mẹ trọng đại như thế nào với những người chưa từng có con cái cơ chứ? Sylvie cảm thấy mình cứ như một bà mệnh phụ cực kì già dặn trước mặt những người bạn này, những người bạn từ thời con gái của cô, cái thời con gái ngán ngủi đã bị cuộc hôn nhân ngang nhiên tước đi mất.

Bridget mang ra một cái khay và bắt đầu thu dọn đồ uống trà. Vào buổi sáng, Bridget mặc một cái váy in hoa văn kẻ sọc để làm việc nhà nhưng vào buổi chiều, cô thay sang một cái váy đen với cổ tay, cổ áo màu trắng và đeo tạp dề, đội chiếc mũ vải cũng màu trắng. Cô đã được thăng cấp lên một vị trí mới, thoát khỏi phòng rửa bát. Sau khi Alice nghỉ việc để đi lấy chồng, Sylvie đã thu nhận một cô gái trong làng tên là Marjorie - một cô bé chột mắt, mười ba tuổi - để giúp đỡ những việc nặng nhọc.

("Chúng ta không thể xoay xở chỉ với hai người họ thôi sao?" Hugh ôn tồn hỏi. "Bridget và bà Glover? Họ có phải trông nom cả một tòa lâu đài đâu cơ chứ!")

"Không, chúng ta không thể." Sylvie chỉ đơn giản nói vậy và chấm dứt chủ đề ấy.)

Chiếc mũ vải màu trắng quá rộng so với Bridget, nó liên tục sụp xuống che mắt cô, giống như một cái bịt mắt. Khi cô đang băng ngang bãi cỏ để quay trở vào nhà, cái mũ lại đột nhiên sụp xuống, che kín mắt khiến cô vấp ngã, một cú vấp ngã như trên sân khấu nhạc kịch, cũng may là cô đứng vững kịp lúc nên chỉ có chiếc bát đựng đường bằng bạc và thanh kẹp dùng để gấp đường là bị hư hại. Chúng bay thẳng lên trời rồi rớt xuống đất, những viên đường văng tung tóe như những hạt súc sắc trên thảm cỏ xanh rì. Maurice cười ngặt nghẽo trước tai nạn của Bridget. Sylvie nói ngay: "Maurice, ngừng ngay trò lố ấy đi!"

Cô nhìn Bosun và Ursula nhặt những viên đường bị rơi vung vãi, Bosun thì dùng chiếc lưới hồng to tướng của mình, còn Ursula, quái gở làm sao, lại dùng cây kẹp vốn không dễ sử dụng. Bosun nhanh chóng nuốt chửng những viên đường mà chẳng cần nhai trong khi Ursula chậm rãi mút mát từng viên một. Sylvie nghi ngờ rằng Ursula đã được định mệnh an bài là đưa trẻ lạc lõng trong gia đình. Vì bản thân là con một nên cô thường bối rối bởi sự phức tạp của mối quan hệ anh chị em giữa những đứa con của mình.

"Cậu nên đến London." Margaret đột nhiên nói. "Ở với mình vài ngày. Chắc sẽ vui lắm."

"Nhưng còn bọn trẻ?" Sylvie nói. "Cả đứa bé mới sinh nữa. Mình khó lòng bỏ mặc chúng."

"Sao lại không thể chứ?" Lily nói. "Vú em của cậu có thể tự xoay xở trong một vài ngày, không phải sao?"

"Nhưng mình làm gì có vú em." Sylvie nói. Lily liếc nhìn xung quanh vườn như thể đang tìm một người vú em trốn trong những bụi tú cầu. "Mình cũng không muốn có." Sylvie nói thêm. (Có thật là cô không muốn không?) Làm mẹ là bổn phận, là định mệnh của cô.

Vì chẳng còn thứ gì khác (còn có thể có thứ gì khác chứ?), nên nó chính là cuộc đời cô. Cô đang ôm trong lòng tương lai của nước Anh. Thay thế cô không phải là việc có thể làm một cách tùy tiện như kiểu việc cô có mặt hay không cũng chẳng khác biệt mấy. "Và mình đang tự cho con bú." Cô nói thêm. Cả hai người phụ nữ kia đều có vẻ kinh ngạc. Lily vô thức siết chặt tay vào ngực như để bảo vệ nó khỏi bị tấn công.

"Đó là điều mà Chúa đã định." Sylvie nói, mặc dù cô không tin vào Chúa kể từ khi mất Tiffin. Hugh đã cứu nguy cho cô. Anh sai bước đi qua bãi cỏ với dáng vẻ của một người đàn ông có chủ đích. Anh vừa cười nói "Ở đây đang có chuyện gì vậy?", vừa nhắc Ursula và tung cô bé lên cao, chỉ ngừng lại khi cô bé bắt đầu mắc nghẹn một viên đường. Anh mỉm cười với Sylvie và nói "Các bạn của em", như thể cô đã quên mất họ là ai.

"Giờ là xế chiều thứ Sáu." Hugh nói, đặt Ursula xuống bãi cỏ. "Người lao động đã nghỉ ngơi cả rồi và anh tin rằng mặt trời đã lên cao quá đầu trục căng buồm* từ lâu. Các quý cô xinh đẹp có muốn chuyển sang thứ gì đó mạnh hơn trà không? Rượu gin pha nước chanh chẳng hạn?" Hugh có bốn cô em gái nên luôn cảm thấy thoải mái với phụ nữ. Chỉ riêng điều đó đã đủ để quyến rũ họ. Sylvie biết bản năng của anh là hộ tống, giám sát chứ không phải là tán tỉnh, ve vãn các cô gái, nhưng thi thoảng cô vẫn băn khoăn về lòng yêu mến của họ dành cho anh và tự hỏi điều đó có thể dẫn tới việc gì. Hay đúng hơn là nó đã dẫn tới việc gì.

Tình trạng hòa hoãn đã được dàn xếp giữa Maurice và Pamela. Sylvie sai Bridget kéo một cái bàn ra hàng hiên nhỏ xíu nhưng đủ rộng cho bốn trẻ có thể ăn tiệc trà ở ngoài trời - bữa ăn của chúng có trứng cá trích nướng và món thạch hình hoa cẩm chương cứ rung ra rung rinh vì chưa được đông lạnh. Hình ảnh ấy khiến Sylvie cảm thấy hơi nôn nao. "Thức ăn cho trẻ con." Hugh vừa nói với vẻ thích thú, vừa ngắm lũ trẻ ăn.

"Áo đã tuyên chiến với Serbia." Hugh thủng thảng nói. Margaret liền bắt lời: "Đúng là xuẩn ngốc. Năm ngoái tôi đã có một kỳ nghỉ cuối tuần tuyệt vời ở Vienna*. Tôi đã ở khách sạn Imperial*, anh có biết nó không?"

"Không biết tường tận lắm!" Hugh đáp.

Sylvie thì biết rõ nó nhưng cô không nói ra.



Trời nhập nhoạng tối. Sylvie đang mơ mơ màng màng thì đột nhiên nhớ lại cái chết vì rượu cognac của cha mình, cô bèn đập hai bàn tay vào nhau đánh bốp một cái như thể giết một con ruồi bé tí cứ lớn vồn làm phiền và nói: "Đến giờ đi ngủ rồi, các con!", rồi nhìn Bridget lóng ngóng ủa cái xe đẩy nặng nề đi qua bãi cỏ. Sylvie thở dài và Hugh dịu cô đứng dậy, hôn nhanh lên má cô.



Sylvie mở ô cửa sổ nhỏ xíu trên mái nhà trong căn phòng ngọt ngào được dành riêng cho đứa bé sơ sinh. Họ gọi nó là "phòng trẻ" nhưng nó không hơn gì cái hộp bị nhét vào một góc của cái mái hiên gie ra, vào mùa hè thì bí bức, vào mùa đông thì lạnh băng, do đó hoàn toàn không phù hợp với một đứa trẻ sơ sinh non nớt. Giống như Hugh, Sylvie cho rằng trẻ con nên được trui rèn từ sớm, có như vậy nó mới đủ mạnh mẽ để đón nhận những "cú đòn" của cuộc đời mai sau. (Bị tước đi một ngôi nhà xinh đẹp ở Mayfair, phải rời xa một con ngựa yêu dấu, bị mất niềm tin vào Chúa trời thấu suốt mọi sự.) Cô ngồi cho Edward bú trên cái ghế bằng nhung có những núm tròn ở lưng tựa được thiết kế dành riêng cho việc này. "Teddy!" Cô thì thầm triu mến khi cậu bé nuốt ừng ực và bị sặc trong lúc thiếp ngủ. Sylvie thích những đứa con của mình nhất khi chúng còn là trẻ sơ sinh, khi chúng bé bỏng, non nớt, hồng hào như những miếng thịt

đệm trên lòng bàn chân của một con mèo. Nhưng đứa trẻ này thật đặc biệt. Cô hôn lên mái tóc mềm mại như tơ của nó.

Có tiếng nói vọng đến trong bầu không khí êm dịu. "Cuộc vui nào cũng đến lúc tàn." Cô nghe thấy Hugh nói khi anh hộ tống Lily và Margaret vào trong nhà để ăn tối. "Tôi tin rằng bà Glover, người có thiên hướng của một nhà thơ, đã nướng một con cá đuối. Nhưng trước hết, có lẽ hai cô sẽ muốn chiêm ngưỡng cỗ máy phát điện hiệu Petter của tôi?" Hai người phụ nữ ríu rít cười nói như những cô nữ sinh ngốc nghếch.



Ursula bị đánh thức bởi tiếng vỗ tay và tiếng reo hò phấn khích. "Điện kìa!" Cô bé nghe thấy một trong hai người bạn của Sylvie thốt lên. "Tuyệt quá!"

Cô bé ở chung với Pamela trong một căn phòng áp mái. Chúng có hai chiếc giường nhỏ xíu giống hệt nhau, được ngăn cách bởi một tấm thảm kết bằng vải vụn và một cái tủ kê ở đầu giường. Pamela ngủ với hai cánh tay đặt phía trên đầu, chốc chốc lại hét toáng lên như thể bị kim đâm vào người (một trò khùng khiếp mà Maurice ưa thích). Phía bên kia vách tường ở một đầu căn phòng là bà Glover ngáy như còi tàu xe lửa, còn phía bên kia vách tường còn lại là Bridget ú ớ lẩm bẩm suốt đêm. Bosun ngủ ngay bên ngoài cửa phòng của chúng. Nó luôn làm tròn bốn phận canh gác ngay cả trong giấc ngủ. Thi thoảng nó lại khẽ rên lên ư ử nhưng chẳng ai phân biệt nổi là nó đang mừng rỡ hay đau đớn. Tầng áp mái quả là một chốn vừa chật chội, vừa ồn ào.

Sau đó, Ursula lại bị đánh thức lần nữa khi những vị khách cáo từ ra về. ("Đứa trẻ đó thính ngủ lạ thường." Bà Glover nói, như thể tính nết ấy của cô bé là một khuyết điểm cần phải sửa.) Cô bé trèo xuống giường và nhẹ nhàng bước đến bên cửa sổ. Nếu cô bé đứng lên một cái ghế và nhìn ra ngoài - một việc mà tất cả bọn trẻ bị cấm

tuyệt đối - cô bé có thể nhìn thấy Sylvie và hai người bạn của cô trên thảm cỏ bên dưới, tà váy của họ bay phấp phới như những con bướm đêm trong ánh hoàng hôn đang buông. Còn Hugh thì đứng đợi ở cổng sau để chuẩn bị tiễn họ ra ga.

Thi thoảng Bridget lại dẫn bọn trẻ đến nhà ga để đón Hugh xuống tàu khi anh đi làm về. Maurice nói khi nào lớn lên cậu có thể trở thành một người lái tàu hoặc một nhà thám hiểm Nam Cực giống như ngài Ernest Shackleton*, người đang sắp sửa dong buồm ra khơi trong chuyến thám hiểm vĩ đại của mình. Hoặc có lẽ, cậu chỉ đơn giản trở thành một giám đốc ngân hàng, giống như cha cậu.

Hugh làm việc ở London. Bọn trẻ họa hoằn lắm mới được đến đó để thăm bà nội chúng ở quận Hampstead và cả buổi chiều chỉ chơi loanh quanh trong phòng khách của bà. Việc Maurice và Pamela hờ tít lại gây gổ với nhau đã "bào mòn" những sợi dây thần kinh của Sylvie, khiến tâm trạng cô trên chuyến tàu về nhà lúc nào cũng tệ hại.

Khi tất cả mọi người đã đi khỏi, giọng nói của họ vẳng xa dần, Sylvie lững thững bước qua bãi cỏ để quay vào nhà, bóng tối giờ giống như một con dơi đen sì đang rải rộng đôi cánh. Sylvie không nhìn thấy một con cáo chủ ý chạy lon ton theo bước chân cô trước khi đổi hướng và biến mất trong bụi cây rậm rạp.



"Anh có nghe thấy gì không?" Sylvie hỏi. Cô đang tựa người trên những chiếc gối, đọc một cuốn sách thời kỳ đầu của Forster*. "Thằng bé chẳng?"

Hugh nghiêng đầu sang một bên. Trong một thoáng, anh khiến Sylvie nghĩ đến Bosun.

"Không thấy gì cả." Anh nói.

Thằng bé thường ngủ thâu đêm. Nó là một thiên thần nhỏ. Nhưng không phải ở trên thiên đường, ờn Chúa.

"Nó là đứa ngoan nhất tính đến thời điểm này." Hugh nói.

"Vâng, em nghĩ chúng ta nên giữ nó bên mình."

"Nó trông không giống anh." Hugh nói.

"Đúng thế!" Cô vui vẻ đồng ý. "Chẳng giống anh chút nào."

Hugh cười, âu yếm hôn cô và nói, "Chúc ngủ ngon, anh tắt đèn của anh đây."

"Em nghĩ em sẽ đọc sách thêm một lúc nữa."



Vài ngày sau, vào một buổi chiều nóng nực, họ kéo nhau đi xem vụ gặt.

Sylvie và Bridget đi bộ qua những cánh đồng cùng với Pamela và Ursula. Sylvie địu đứa bé bằng cách buộc chiếc khăn san của Bridget quanh thân người. Đây là cách mà Bridget chế ra cho Sylvie. "Giống hệt một cô nông dân Ai Len." Hugh thích thú nói. Hôm đó là thứ Bảy, Hugh được thoát khỏi không gian tù túng, ẩm đạm bên trong ngân hàng, đang nằm trên cái ghế dài liễu gai trên hàng hiên sau nhà, nâng niu cuốn *Wisden Cricketers' Almanack** như thể nó là một cuốn thánh ca.

Maurice đã biến mất sau khi ăn xong bữa sáng. Cậu bé đã chín tuổi và được cho phép đi bất cứ nơi đâu cậu thích, với bất cứ người nào cậu muốn, mặc dù bình thường cậu cũng chỉ chơi với một nhóm những cậu bé cùng tuổi. Sylvie chẳng biết chúng làm những gì, nhưng vào cuối ngày, cậu sẽ trở về, lấm lem bùn đất từ đầu đến chân và mang theo một chiến lợi phẩm đáng ghê sợ, chẳng hạn như một cái lọ đựng những con ếch hay những con sâu, một con chim chết, hoặc cái đầu lâu trắng bệch của một sinh vật nhỏ bé nào đó.

Mặt trời đã lên cao khi họ cuối cùng cũng khởi hành, ôm đồm vương vís nào đứa bé, những cái giỏ đựng đồ dã ngoại, mũ che gáy và ô dù. Bosun chạy lon ton bên cạnh họ như một con ngựa nhỏ. "Chúa ơi, chúng ta tay xách nách mang như những kẻ tị nạn vậy." Sylvie nói. "Cứ như những người Do Thái đang rời khỏi Israel ấy."

"Người Do Thái sao?" Bridget nói, nhăn mặt tỏ vẻ chán ghét.

Teddy say sưa ngủ trong cái điệu tự chế suốt chuyến đi trong lúc họ leo qua những cái bụi treò* và vấp phải những vết bánh xe in trên bùn bị ánh nắng mặt trời làm cho rắn đanh lại. Bridget bị rách váy vì mắc phải một cái đinh và than thở rằng hai bàn chân cô đã bị phồng rộp hết cả. Sylvie tự hỏi mình có nên cởi phất cái coóc xê ra và vứt nó lại bên vệ đường không, rồi hình dung ra vẻ hoang mang của người nào đi ngang qua và nhìn thấy nó. Một mảnh ký ức không mong đợi chợt lóe lên trong đầu cô giữa ban ngày ban mặt, trên cánh đồng nắng chói chang với những đàn bò đang thong thả gặm cỏ - đó là hình ảnh Hugh cởi cái coóc xê của cô tại căn phòng khách sạn ở Deauville, trong tuần trăng mật của họ, giữa những âm thanh vọng vào từ bên ngoài qua ô cửa sổ để mở, là tiếng kêu của lũ chim mòng biển đang vỗ cánh bay và tiếng cãi cọ choe chóc bằng tiếng Pháp giữa một người đàn ông và một người đàn bà. Trên con thuyền từ Cherbourg* về nhà, Sylvie đã mang bào thai bé bỏng mà sau này trở thành Maurice, mặc dù khi ấy cô vẫn còn an nhiên chưa hay biết gì về sự hiện diện của nó.

"Thưa bà?" Bridget nói, phá tan dòng hồi tưởng của Sylvie. "Bà Todd? Chúng không phải là bò."



Họ dừng lại để trầm trồ ngắm nghía hai con ngựa cày to lớn của George Glover có tên là Samson và Nelson đang thờ phì phì và lúc lắc đầu khi nhìn thấy đoàn người. Chúng khiến Ursula cảm thấy e sợ nhưng Sylvie thì cho mỗi con một quả táo, chúng khéo léo

ngoạm lấy những quả táo ấy từ lòng bàn tay cô bằng cặp môi nhưng hồng to tướng. Sylvie nói chúng là ngựa đốm xám và đẹp hơn con người nhiều. Pamela liền hỏi ngay: "Kể cả trẻ con ư?" Sylvie đáp "Phải, đặc biệt là trẻ con", rồi cười phá lên.

Họ nhận thấy George cũng đang đích thân phụ giúp việc gặt hái. Khi nhìn thấy họ, anh ta bèn sải bước băng qua cánh đồng để tới chào hỏi. "Chào bà!" Anh ta nói với Sylvie rồi cởi mũ ra, lau mồ hôi trên trán bằng chiếc khăn mùi soa chấm bi màu đỏ trắng. Trên hai cánh tay anh ta dính đầy những hạt trấu nhỏ xíu. Giống như đám hạt trấu ấy, những sợi lông trên cánh tay anh ta cũng óng ánh vàng dưới ánh sáng mặt trời. "Nóng thật đấy!" Anh ta nói một điều thừa thãi. Anh ta nhìn Sylvie qua lọn tóc dài lúc nào cũng rủ xuống đôi mắt xanh tuyệt đẹp của mình. Sylvie cảm thấy mặt mình đỏ bừng.

Ngoài bữa trưa của họ - gồm bánh sandwich nhân pa tê cá trích muối hun khói, bánh sandwich nhân mút chanh, bia gừng và bánh có hạt thơm - họ còn mang theo món bánh nướng nhân pa tê lợn còn thừa từ hôm qua mà bà Glover nhờ gửi cho George, cùng món dưa góp cay trứ danh của bà đựng trong một cái lọ nhỏ. Cái bánh có hạt thơm đã bị chua vì Bridget quên cất nó vào trong hộp thiếc, mà bỏ ở ngoài căn bếp nóng nực cả đêm. "Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu lũ kiến đẻ trứng trong đó." Bà Glover đã nói. Đến lúc ăn bánh, Ursula phải nhặt từng cái hạt ra để kiểm tra, mặc dù chúng nhiều vô số kể, nhằm đảm bảo rằng nó không phải là trứng kiến.

Những người thợ gặt trên cánh đồng dừng tay để ăn trưa. Bữa trưa của họ chủ yếu là bánh mì, pho mát và bia. Bridget đỏ mặt và cười khúc khích khi đưa miếng bánh nướng nhân pa tê lợn cho George. Pamela kể với Ursula rằng Maurice nói Bridget mê mẩn George, mặc dù cả hai đứa đều cảm thấy Maurice là một nguồn thông tin không đáng tin cậy đối với những chuyện liên quan đến vấn đề tình cảm. Họ ăn bữa trưa ngoài trời ở rìa cánh đồng trơ đây gốc rạ, George ngả ngón nửa nằm nửa ngồi trên cỏ, cắn những miếng bánh to tướng trong khi Bridget nhìn anh ta chăm chú với vẻ

ngưỡng mộ, như thể anh ta là một vị thần Hy Lạp, còn Sylvie thì có vẻ bận rộn dồn hết mọi sự chú ý vào đứa bé.



Sylvie thơ thẩn đi tìm một địa điểm kín đáo để cho Teddy bú. Những cô gái lớn lên trong các ngôi nhà xinh đẹp ở Mayfair thường không nấp sau những hàng rào để cho con bú. Giống như những nông dân Ai Len, chắc chắn rồi. Cô vẫn vợ nghĩ đến cái lều trên bãi biển ở Cornwall. Lúc cô tìm thấy một lùm cây thích hợp cạnh một hàng rào, Teddy đang khóc ngặt nghèo, hai bàn tay bé nhỏ siết chặt lại, tựa như võ sĩ quyền anh, trước sự bất công của thế giới. Ngay khi cậu bé nằm yên vị trước ngực cô, cô tình cờ ngược nhìn lên và bắt gặp George Glover đang bước ra khỏi rặng cây ở đầu kia của cánh đồng. Thấy cô, anh ta dừng sững lại, nhìn cô chăm chăm như một con hươu bị giật mình. Trong thoáng chốc, anh ta không hề nhúc nhích, nhưng rồi anh ta cười mỉm và nói: "Trời vẫn còn nóng quá, thưa bà."

"Hẳn rồi!" Sylvie nói nhanh rồi nhìn George Glover vội vã đi về phía cánh cổng có năm thanh chắn chỗ hàng rào ở giữa cánh đồng và dễ dàng nhảy qua nó như một người thợ săn lực lưỡng nhảy qua một chướng ngại vật.



Từ một khoảng cách an toàn, họ theo dõi cái máy gặt khổng lồ ồn ào nuốt lấy từng đám lúa mì. "Thật mê ly, đúng không?" Bridget nói. Cô vừa mới học được từ đó. Sylvie lấy ra cái đồng hồ bỏ túi bằng vàng nhỏ nhắn, xinh xắn, một vật mà Pamela vô cùng thèm muốn, và nói: "Trời ơi, nhìn thời gian này!" Mặc dù chẳng ai thèm nhìn cả. "Chúng ta phải về thôi."

Đúng lúc họ đang định rời đi, George Glover bỗng gọi to "Này mọi người!" và chạy băng băng qua cánh đồng về phía họ. Anh ta đang

đựng thứ gì đó trong cái mũ. Hai con thả con. "Ồi!" Pamela thốt lên, phấn khích đến phát khóc.

"Thả đấy!" George Glover nói. "Cả bọn đang nằm rúc vào nhau giữa cánh đồng. Mẹ chúng đi đâu mất rồi. Sao các cháu không giữ chúng nhỉ? Mỗi đứa một con."

Trên đường về nhà, Pamela đựng cả hai con thả con trong cái tạp dề của mình và giơ nó ra trước mặt với vẻ hãnh diện giống như lúc Bridget bê một khay trà vậy.



"Nhìn mấy mẹ con kia." Hugh nói khi đoàn người thất thểu đi qua cổng vườn. "Cả người vàng rực và đầy dấu hôn của mặt trời. Mấy mẹ con giống hết đàn bà con gái nông thôn rồi đó."

"Em e rằng mẹ con em đỏ rực thì đúng hơn là vàng rực." Sylvie thiếu não nói.

Người thợ làm vườn đang làm việc. Ông ta được gọi là già Tom ("Cứ như tên của một con mèo ấy." Sylvie nói. "Anh có nghĩ ông ta từng được gọi là cậu nhóc Tom không?"). Già Tom làm việc sáu ngày một tuần, ngoài gia đình họ, ông ta còn làm cho một gia đình khác ở gần đó. Đó là gia đình Cole. Họ gọi ông ta là "ông Ridgely". Ông ta không tỏ ý gì về việc mình thích cách gọi nào hơn. Gia đình Cole sống trong một ngôi nhà rất giống với ngôi nhà của gia đình Todd. Giống như Hugh, ông Cole cũng là một giám đốc ngân hàng. "Người Do Thái." Sylvie nói với giọng giống như khi cô nói từ "người Công giáo" - tò mò thích thú nhưng cũng phần nào lo lắng bởi những gì lạ lẫm.

"Anh không nghĩ họ tích cực*." Hugh nói. Tích cực cái gì? Ursula tự hỏi. Pamela phải tích cực tập luyện piano vào mỗi buổi xế chiều trước bữa trà, một chuỗi âm thanh lạnh canh loong coong không được dễ nghe cho lắm.

Theo lời Simon, cậu con trai cả của nhà họ thì lúc mới sinh, ông Cole có một cái tên rất khác, một cái tên quá mức phức tạp đối với cách phát âm của người Anh. Cậu con giữa, Daniel, là bạn của Maurice, dù người lớn không phải là bạn bè của nhau nhưng bọn trẻ vẫn qua lại thân thiết. Simon, "một kẻ học gạo" (theo lời Maurice nói), giúp Maurice học môn Toán vào mỗi tối thứ Hai. Sylvie không biết phải thưởng công cho cậu ta như thế nào vì nhiệm vụ không mấy dễ chịu này. Cô lúng túng như vậy có lẽ là bởi gốc gác Do Thái của cậu ta. "Nhỡ đâu thứ em tặng nó lại là một sự xúc phạm đối với họ?" Cô suy đoán. "Nếu em cho thằng bé tiền, họ có thể nghĩ rằng em đang ám chỉ đến tính bủn xỉn, keo kiệt nổi tiếng bốn phương của họ. Nếu em cho nó bánh kẹo, chúng có thể không phù hợp với chế độ ăn uống nghiêm ngặt của họ."

"Họ không phải là những tín đồ tích cực." Hugh lặp lại. "Họ không sùng đạo."

"Benjamin rất hay *sục sạo**" Pamela nói. "Hôm qua anh ấy tìm thấy một tổ chim hét." Cô bé vừa nói vừa trừng mắt với Maurice. Cậu đã bắt gặp các em mình sững sờ kinh ngạc trước những quả trứng xinh đẹp có màu xanh lốm đốm nâu và đã chớp lấy chúng, đập chúng vào một tảng đá khiến chúng vỡ tan. Cậu nghĩ đó là một trò đùa hay ho. Pamela đã ném một hòn đá nhỏ (chà, rất rất nhỏ) vào đầu cậu. "Đó!" Cô bé nói. "Anh cảm thấy thế nào khi "cái vỏ" của anh bị đập vỡ?" Giờ thì cậu có một vết rách gớm ghiếc và một vết bầm tím trên thái dương. "Bị ngã!" Cậu nói cộc lốc khi Sylvie hỏi tại sao cậu lại bị thương. Với bản tính của cậu, đáng lẽ cậu sẽ mách tội Pamela, nhưng thế thì tội lỗi ban đầu của cậu cũng sẽ bị phơi bày ra ánh sáng, rồi Sylvie sẽ trừng phạt cậu thật nặng vì đã đập vỡ trứng. Trước kia, mẹ cậu có lần bắt quả tang cậu đánh cắp những quả trứng và đã bạt tai cậu. Sylvie dạy các con nên "tôn trọng" tự nhiên chứ không phải là phá hủy nó, nhưng thật không may, trong bản tính của Maurice không có chỗ cho sự tôn trọng.

"Thằng bé đang học violin, đúng không nhỉ - thằng bé Simon ấy?" Sylvie nói. "Người Do Thái thường rất có khiếu âm nhạc, không phải sao? Có lẽ, em nên cho nó một tờ nhạc hoặc thứ gì đó đại loại thế." Cuộc bàn luận về những nguy cơ xúc phạm người Do Thái này đã diễn ra trên bàn ăn sáng. Hugh luôn tỏ ra có chút kinh ngạc khi thấy các con ngồi cùng bàn với mình. Tới tận năm mười hai tuổi, anh mới được phép rời khỏi phòng trẻ và ngồi ăn sáng chung với cha mẹ. Anh được chăm sóc, dạy dỗ một cách nghiêm ngặt bởi một vú em tháo vát, như thể hai người họ là một gia đình nhỏ trong lòng một gia đình lớn ở Hampstead vậy. Trái lại, thuở ấu thơ, Sylvie thường ăn tối muộn với món *Canard à la presse**. Cô ngồi cheo leo trên những tấm nệm ghế, bị ru ngủ bởi ánh nến lập lòe và bộ dao đĩa bằng bạc lấp lánh trong khi tiếng trò chuyện của cha mẹ cứ văng vẳng phía trên đầu. Đến bây giờ cô mới nghi ngờ rằng đó không phải là một tuổi thơ hoàn toàn bình thường.



Già Tom đang xới đất để trồng một luống măng tây mới. Hugh đã bỏ quyền *Wisden* xuống từ lâu và đang hái những quả mâm xôi vào cái bát tráng men màu trắng to tướng. Cả Pamela và Ursula đều nhận ra cái bát ấy vừa mới bị Maurice dùng để đựng nòng nọc, mặc dù cả hai đứa đều không hó hé gì về sự thật ấy. Sau khi tự rót cho mình một cốc bia, Hugh nói: "Mấy việc nhà nông này khiến người ta khát khô cả cổ." Và tất cả mọi người đều phá lên cười. Ngoại trừ già Tom.

Bà Glover từ trong nhà đi ra để yêu cầu già Tom đào mấy củ khoai tây cho bà nấu với thịt bò. Vừa nhìn thấy mấy con thỏ, bà cảm râm: "Cho dù có nấu món hầm thì cũng chẳng đủ." Pamela gào lên om sòm. Hugh phải cho cô bé nhấp một ngụm bia để cô bé bình tĩnh lại.

Pamela và Ursula làm một cái ổ bằng cỏ và bông ở một góc kín đáo trong vườn, tô điểm thêm cho nó bằng những cánh hoa hồng rụng rồi cẩn thận đặt hai con thỏ con vào trong đó. Pamela hát cho chúng nghe một khúc hát ru - cô bé hát rất đúng điệu - nhưng chúng đã ngủ sẵn từ lúc George Glover trao chúng cho cô bé.

"Mẹ nghĩ chúng còn quá nhỏ." Sylvie nói. Quá nhỏ thì có vấn đề gì? Ursula băn khoăn tự hỏi nhưng Sylvie không nói rõ ra.



Họ ngồi trên bãi cỏ, ăn những quả mâm xôi trộn kem và đường. Hugh nhìn lên bầu trời xanh biếc và nói: "Em có nghe thấy tiếng sấm không? Sắp có một cơn dông lớn đấy, anh có thể cảm thấy nó đang kéo đến. Già thì sao, già Tom?" Anh cất cao giọng để già Tom đang ở luống rau đằng xa cũng có thể nghe thấy. Hugh tin rằng vì già Tom là một thợ làm vườn nên ông ấy phải hiểu biết về thời tiết. Già Tom không nói gì mà cứ tiếp tục xới đất.

"Ông ấy bị điếc." Hugh nói.



"Không, ông ấy không bị điếc đâu." Sylvie nói, nghiền nát những quả mâm xôi đỏ như màu máu vào lớp kem dày, tạo thành màu hồng thiên thảo, và đột nhiên nghĩ về George Glover. Một người con của đất. Đôi bàn tay vuông vắn, khỏe khoắn của anh ta, mấy con ngựa đốm xám xinh đẹp giống như những con ngựa gỗ bập bênh to lớn của anh ta, và cái cách anh ta ngả ngón nửa nằm nửa ngồi trên bờ cỏ để ăn trưa, tư thế khá giống Adam* trong bức tranh của Michelangelo* ở nhà nguyện Sistine*, chỉ có điều anh ta với tay để lấy miếng bánh nướng nhân pa tê lợn chứ không phải với lấy bàn tay của Chúa trời. (Khi Sylvie theo cha là ông Llewellyn tới nước Ý, cô đã rất sửng sốt bởi số lượng da thịt đàn ông được phơi bày trước con mắt công chúng trong các tác phẩm nghệ thuật.) Cô tưởng

tượng cảnh cô đang cho George Glover ăn những quả táo trên tay mình và bật cười.

"Có chuyện gì vậy?" Hugh hỏi và Sylvie đáp: "George Glover quả là một anh chàng điển trai."

"Vậy thì cậu ta hẳn là con nuôi rồi." Hugh nói.



Đêm đó, ở trên giường, Sylvie từ bỏ cuốn sách của Forster để dành thời gian cho những hoạt động ít phải vận dụng đến trí não hơn, hai cơ thể nóng rực quấn quýt lấy nhau trên chiếc giường hôn nhân, giống như một con hươu đực đang thở hổn hển hơn là một con chim chiến chiến đang bay liệng trên bầu trời. Cô cảm thấy mình không nghĩ về cơ thể dẻo dai, nhẵn nhụi của Hugh mà lại tưởng tượng đến cánh tay và bắp đùi to khỏe, bóng loáng giống như một con nhân mã của George Glover. "Em rất..." Hugh mệt lử nói, nhìn chăm chăm vào cái gờ đắp nổi trên trần phòng ngủ khi anh tìm kiếm một từ thích hợp. "Hăng hái." Cuối cùng, anh kết luận.

"Chắc là nhờ không khí trong lành đấy." Sylvie nói.



Cả người vàng rực và đầy dấu hôn của mặt trời, cô nghĩ khi khoan khoái chìm vào giấc ngủ, và rồi những câu hát trong vở kịch của Shakespeare* đột nhiên nảy ra trong đầu cô. *Những chàng trai vàng và những cô gái vàng/ Giống như những người thợ cạo ống khói/ Tất cả rồi cũng phải hóa thành tro bụi**, và cô bất chợt cảm thấy sợ hãi.

"Cuối cùng cơn đông cũng nổi lên rồi." Hugh nói. "Anh tắt đèn nhé?"



Sylvie và Hugh bị kéo ra khỏi giấc ngủ vào buổi sáng Chủ nhật bởi tiếng gào khóc của Pamela. Cô bé và Ursula đã dậy rõ sớm với tâm trạng phấn khích và hồi hải chạy xộc ra ngoài vườn, để rồi phát hiện lũ thỏ đã biến mất, chỉ còn sót lại đúng một nhúm đuôi nhỏ xíu như một cục bông mềm màu trắng, lốm đốm đỏ.

"Do bọn cáo đấy." Bà Glover nói, có chút hả hê. "Các cháu mong đợi gì chứ?"

THÁNG 1 NĂM 1915

"Bà đã nghe tin tức mới nhất chưa?" Bridget hỏi.

Sylvie thở dài và đặt lá thư của Hugh xuống, những tờ giấy giòn như lá khô. Anh mới ra tiền tuyến có vài tháng mà cô cảm tưởng như quên mất mình đã kết hôn với anh. Hugh là một đại úy của Trung đoàn Oxfordshire và Buckinghamshire. Vào mùa hè năm ngoái, anh còn là một giám đốc ngân hàng. Điều đó có vẻ thật kỳ cục.

Các lá thư của anh đều được viết với giọng lạc quan và cẩn trọng (cánh đàn ông thật tuyệt vời, họ rất có cá tính). Trước đây, anh thường nhắc đến những người này bằng tên cụ thể ("Bert", "Alfred", "Wilfred") nhưng kể từ trận Ypres*, họ chỉ đơn giản được gọi là "cánh đàn ông", Sylvie tự hỏi phải chăng Bert, Alfred và Wilfred đã chết. Hugh không bao giờ nhắc đến cái chết hay sự hấp hối, như thể họ chỉ đang đi du ngoạn hay đi dã ngoại (*Tuần này mưa khiếp quá. Khắp nơi toàn bùn là bùn. Hy vọng em đang được hưởng thời tiết tuyệt vời hơn bọn anh!*).

"Ra trận? Anh sẽ ra trận ư?" Cô đã hét lên với anh khi anh đang lính và chợt nhận ra trước đây cô chưa bao giờ to tiếng với anh. Có lẽ cô nên làm thế từ lâu.

Hugh giải thích với cô, nếu có chiến tranh, anh không muốn khi nhìn lại mới nhận ra rằng mình đã bỏ lỡ nó, rằng những người khác đều đã dấn thân vì danh dự của Tổ quốc, còn anh thì không. "Đó có thể là cuộc phiêu lưu duy nhất mà anh có trong đời." Anh nói.

"Cuộc phiêu lưu ư?" Cô nhắc lại như thể không tin vào tai mình. "Còn các con anh thì sao, còn vợ anh thì sao?"

"Nhưng anh đang làm việc này vì em mà." Anh nói, trông có vẻ hết sức đau khổ, như thể một Theseus* bị hiểu lầm. Vào khoảnh khắc đó, Sylvie cảm ghét anh vô cùng. "Để bảo vệ tổ ấm của chúng ta..." Anh khẳng khẳng. "Để bảo vệ tất cả những gì chúng ta tin tưởng."

"Nhưng em đã nghe thấy anh nói từ *phiêu lưu*." Sylvie nói, quay lưng lại với anh.

Tuy vậy, đương nhiên cô vẫn lên London để tiễn anh. Họ đã bị chen lấn, xô đẩy giữa một rừng người cờ quạt ngút trời đang hò reo phấn khích như thể vừa mới giành được một chiến thắng vĩ đại. Sylvie ngạc nhiên bởi lòng yêu nước cuồng điên của những người phụ nữ trên sân ga. Thiết tưởng chiến tranh phải khiến cho tất cả phụ nữ trở nên yêu hòa bình chứ nhỉ?

Hugh đã ôm cô thật chặt như thể họ là một cặp uyên ương mới yêu nhau và mãi đến phút chót anh mới nhảy lên tàu. Anh lập tức bị nuốt chửng bởi đám đông kín đặc những người đàn ông mặc quân phục. *Trung đoàn của anh ấy đấy*, cô nghĩ. Thật kỳ cục. Giống như rừng người kia, anh cũng đã có vẻ vô cùng phấn chấn, phấn chấn một cách ngớ ngẩn.

Khi đoàn tàu bắt đầu chậm chậm lăn bánh khỏi nhà ga, đám đông phấn khích ồ lên hò reo bày tỏ sự ủng hộ, điên cuồng vẫy cờ và ném mũ nón lên trời. Sylvie chỉ biết đứng nhìn chăm chăm vào những ô cửa sổ của các toa tàu khi chúng lướt qua mặt cô, ban đầu còn chậm rãi, sau đó càng lúc càng nhanh cho đến khi chúng nhòe đi. Cô không thấy bóng dáng Hugh đâu cả và đoán rằng anh cũng chẳng tài nào nhìn thấy cô.

Cô vẫn nán lại trên sân ga sau khi tất cả những người khác đã rời đi, nhìn trân trân vào một điểm cuối chân trời, nơi con tàu khuất dạng.



Sau khi bỏ lá thư xuống, Sylvie nhặt cây kim đan lên.

"Bà đã nghe tin gì chưa?" Bridget vẫn nhéo nhéo. Cô nàng đang sắp dao dĩa trên bàn trà. Sylvie cau mày nhìn mảnh áo nịt len màu xám mà cô đang đan dở cho Maurice, tự hỏi liệu cô có muốn nghe bất cứ tin tức nào từ miệng Bridget không. Cô bỏ một mũi đan trên cái tay áo kiểu raglan*. Giờ đây tất cả những người phụ nữ trong gia đình đều dành quá nhiều thời gian cho việc đan lát - khăn quàng cổ, găng tay hở ngón, găng tay thường, tất ngắn, mũ, áo gi lê và áo len - để giữ ấm cho những người đàn ông của họ.

Bà Glover thường ngồi bên bếp lò vào buổi tối, đan những đôi găng tay to đến nỗi có thể xỏ vừa móng guốc những con ngựa cày của George. Dĩ nhiên, bà không đan chúng cho Samson và Nelson, mà dành cho chính George, một trong những người đầu tiên tình nguyện ra trận. Bà Glover luôn hãnh diện khoe với mọi người về hành động này của con trai mỗi khi có dịp, khiến Sylvie cảm thấy khá bức bối. Ngay cả Marjorie, cô hầu gái chuyên phụ giúp nấu ăn rửa bát, cũng bị cuốn vào phong trào đan lát này. Sau bữa trưa, cô thường miệt mài cắm cúi với thứ gì đó trông như một chiếc khăn lau bát, mặc dù gọi việc này là "đan lát" thì có hơi khiên cưỡng. "Lỡ còn nhiều hơn cả len." Bà Glover nhận xét trước khi bợp tai cô gái và bắt cô quay trở lại với công việc.

Bridget thì bắt đầu say mê việc đan những đôi tất chẳng ra hình thù gì - cô không thể đan được phần gót dù cố gắng đến thế nào đi nữa - cho anh chàng mà cô mới nhận lời yêu. Cô đã "trao trọn trái tim" cho một anh chàng giữ ngựa ở Lâu đài Ettringham tên là Sam Wellington. "Ồ, hẳn rồi, anh ấy là một chiếc giày cũ*." Cô nói rồi cười ngật nghẻo trước lời đùa bỡn ấy, vài lần một ngày, như thể mới nói điều đó lần đầu tiên. Bridget gửi cho Sam Wellington những tấm bưu thiếp đầy ắp với hình ảnh các thiên thần bay lượn phía trên đầu những người phụ nữ đang ngồi khóc lóc bên cái bàn phủ khăn trải bằng vải chenille trong phòng khách. Sylvie đã bóng gió với Bridget

rằng có lẽ cô nên gửi những lá thư lạc quan hơn cho một người đàn ông đang xông pha nơi chiến trường.

Bridget bày một tấm ảnh - một bức chân dung chụp trong studio - của Sam Wellington trên cái bàn trang điểm khá sơ sài của cô. Nó chiếm vị trí trang trọng bên cạnh bộ lược cũ trảng men mà Sylvie đã cho cô lúc Hugh mua tặng Sylvie bộ đồ trang điểm mới bằng bạc làm quà sinh nhật.

Tương tự như vậy, một bức chân dung của George chụp theo thủ tục bắt buộc được bày trên cái bàn kê ở đầu giường của bà Glover. Với tư thế gượng gạo và thân hình bị bó chặt trong bộ quân phục trước tấm phông nền gợi cho Sylvie nghĩ đến bờ biển Amalfi*, George Glover không còn giống Adam trong bức tranh ở nhà nguyện Sistine nữa. Sylvie nghĩ về tất cả những người đàn ông nhập ngũ đã trải qua thủ tục này, đây là một vật kỷ niệm dành cho các bà mẹ và những cô người yêu của họ, cũng là tấm hình duy nhất từng được chụp trong đời một vài người trong số họ. "Anh ấy có thể bị giết." Bridget nói về người yêu của mình. "Và cháu có thể quên mất trông anh ấy như thế nào." Sylvie có rất nhiều bức ảnh của Hugh. Từng thời điểm đặc biệt trong cuộc đời anh đều được lưu lại một cách tỉ mỉ.

Trừ Pamela, tất cả bọn trẻ đều đang ở trên gác. Teddy đang ngủ hoặc có lẽ là đang thức trong cũi, dù ngủ hay thức thì cậu bé cũng chẳng ọ ẹ gì. Maurice và Ursula thì đang làm những trò mà Sylvie không biết và cũng chẳng quan tâm, vì nhờ sự vắng mặt của chúng mà sự bình yên mới ngự trị trong căn phòng sinh hoạt ban ngày này, nếu không kể đến tiếng "uych" đáng nghi ngại thi thoảng vọng xuống từ trên trần và tiếng xoong chảo loảng xoảng ở trong bếp thông báo về cảm xúc của bà Glover đối với một chuyện gì đó - cuộc chiến hoặc sự vụng về của Marjorie hoặc cả hai.

Từ lúc cuộc chiến ở lục địa* bắt đầu, họ đều ăn uống trong căn phòng sinh hoạt ban ngày, từ bỏ cái bàn ăn theo phong cách Nhiếp

Chính phục hưng* vì nó quá phô trương so với tình trạng thất chặt chi tiêu thời chiến và lựa chọn cái bàn nhỏ ở phòng khách để thay thế. ("Có phải là không dùng phòng ăn thì sẽ giành được chiến thắng đâu chứ!" bà Glover nói.)

Sylvie ra hiệu cho Pamela, cô bé ngoan ngoãn tuân theo mệnh lệnh không lời của mẹ và bám đuôi Bridget đi vòng quanh bàn, xoay lại vị trí của dao đĩa theo đúng chiều. Bridget vốn không thể phân biệt nổi bên trái với bên phải hay bên trên với bên dưới.

Sự ủng hộ của Pamela đối với đội quân viễn chinh được thể hiện dưới dạng một loạt những chiếc khăn quàng cổ màu nâu xám, có độ dài bất thường và khó có thể sử dụng. Sylvie ngạc nhiên, mừng rỡ trước khả năng chịu đựng sự đơn điệu, buồn tẻ của cô con gái lớn. Điều này sẽ có lợi cho cuộc sống của con bé sau này. Sylvie tuột mất một mũi đan và lằm bằm chửi thề khiến Pamela và Bridget sửng sốt. "Tin gì vậy?" Cuối cùng cô miễn cưỡng hỏi.

"Norfolk* đã bị ném bom." Bridget nói, lấy làm hãnh diện vì thông tin của mình.

"Bom ư?" Sylvie nói, ngẩng đầu lên khỏi chiếc áo len đang đan dở. "Ở Norfolk?"

"Một cuộc không kích bằng tàu bay Zeppelin*." Bridget cao giọng nói. "Quân Đức đã man rợ vậy đấy. Chúng chẳng quan tâm mình sẽ giết ai. Chúng vốn độc ác mà. Chúng còn ăn thịt trẻ con ở Bỉ nữa kìa."

"Ồ..." Sylvie nói, móc lại mũi đan bị tuột. "Điều đó có vẻ hơi phóng đại."

Pamela ngẩn ngừ, một tay cầm đĩa, một tay cầm thìa, như thể đang định lao vào xâu xé một trong những món tráng miệng to bự của bà Glover. "Ăn..." Cô bé kinh hãi lặp lại. "... Thịt trẻ con?"

"Không phải đâu." Sylvie cau kính nói. "Đừng ngớ ngẩn thế!"

Bà Glover thét gọi Bridget từ sâu trong bếp và Bridget chạy tới như bay để nhận lệnh của bà. Tiếp đó, Sylvie nghe thấy Bridget gọi vọng lên cầu thang: "Bữa trà của cô cậu đã sẵn sàng rồi!"

Pamela thở dài như một người đã trải hết cuộc đời và ngồi vào bàn. Cô bé thẩn thờ nhìn tấm khăn phủ bàn và nói: "Con nhớ bố."

"Mẹ cũng vậy, con yêu." Sylvie nói. "Mẹ cũng vậy. Giờ thì đừng có ngốc nghếch như một con ngỗng nữa, đi bảo anh và em con rửa tay đi!"

Hồi Giáng sinh, Sylvie đã đóng gói một hộp đồ lớn để gửi cho Hugh, trong đó có những đôi tất và găng tay quen thuộc, một cái khăn quàng cổ dài bất tận của Pamela và - như thể bù đắp cho vật này - một chiếc khăn quàng cổ ca sơ mia hai lớp do chính tay Sylvie đan và xức loại nước hoa yêu thích của cô là La Rose Jacqueminot, để nhắc anh nhớ đến tổ ấm của mình. Cô hình dung ra cảnh Hugh đeo chiếc khăn này khi đang ở trên chiến trường, giống như một hiệp sĩ cưỡi ngựa đấu thương gan dạ diện món quà đầy thiện ý của một tiểu thư. Mong tưởng hảo huyền về những chàng hiệp sĩ này tự thân nó đã là một niềm an ủi, đặc biệt là khi phải đối mặt với thứ gì đó u ám hơn. Họ từng trải qua một kỳ nghỉ cuối tuần lạnh lẽo ở Broadstairs*, bị bó chặt trong đôi ghệt, áo chần và mũ len trùm đầu, nghe tiếng gầm của những khẩu súng lớn văng vẳng vọng lại từ phía bên kia mặt biển.

Bên trong chiếc hộp Giáng sinh còn có một cái bánh ngọt nhân mận khô mà bà Glover đã nướng, một hộp thiếc đựng những viên kẹo bạc hà có hình thù hơi méo mó do Pamela tự tay làm, rồi cả thuốc lá, một chai whisky mạch nha ngon lành và một cuốn thơ - đó là tuyển tập các bài thơ của Anh, chủ yếu là thơ đồng quê và không quá khó đọc - cùng với những món quà thủ công nho nhỏ từ Maurice (chẳng hạn như một chiếc máy bay làm bằng gỗ bấc) và một bức tranh của Ursula vẽ bầu trời xanh, đồng cỏ xanh và một con chó bé tí nhìn chẳng ra hình thù gì. "Bosun!" Sylvie đã viết như vậy

phía trên đầu con chó để giải thích. Cô không biết liệu Hugh đã nhận được cái hộp Giáng sinh ấy hay chưa.

Lễ Giáng sinh diễn ra thật tẻ nhạt. Izzie đến thăm và luôn miệng huyền thuyên về những chuyện chẳng đâu vào đâu (hoặc nói về chính mình) trước khi thông báo rằng cô đã gia nhập Biệt đội Cứu thương Tình nguyện và sẽ tới Pháp ngay sau dịp lễ.

"Nhưng này, Izzie." Sylvie nói. "Cô đâu biết chăm sóc người khác, hay nấu nướng, hay đánh máy, hay làm bất cứ việc gì hữu ích." Những lời lẽ ấy được thốt ra gay gắt hơn cô nghĩ, nhưng Izzie quả thực là một kẻ gàn dở. (Bà Glover nhận xét cô ấy là "người đồng bóng".)

"Thôi thế là xong!" Bridget nói khi nghe tin Izzie sắp đi theo tiếng gọi của cuộc chiến. "Chúng ta sẽ thua trận vào Mùa Chay* này mất." Izzie chưa bao giờ nhắc đến đứa con của mình. Thằng bé đã được cho đi làm con nuôi ở Đức và Sylvie cho rằng nó là một công dân Đức. Thật lạ lùng khi nó còn nhỏ hơn cả Ursula nhưng trên danh nghĩa lại là kẻ thù của họ.

Thế rồi khi bước sang năm mới, lần lượt từng đứa trẻ bị mắc bệnh thủy đậu. Izzie lên chuyến tàu tiếp theo đến London ngay khi nốt thủy đậu đầu tiên nổi lên trên mặt Pamela. "Thế mà cũng đòi làm Florence Nightingale* cơ đấy!" Sylvie cáu kỉnh than phiền với Bridget.



Mặc dù có những ngón tay múp míp, vụng về nhưng hiện giờ Ursula cũng đã tham gia vào phong trào đan lát điên cuồng của cả gia đình. Vào dịp Giáng sinh, cô bé đã nhận được một con búp bê móc len* bằng gỗ của Pháp tên là La Reine Solange, theo lời Sylvie thì cái tên ấy có nghĩa là "Nữ hoàng Solange", mặc dù cô "hoài nghi" về việc có một Nữ hoàng Solange thật sự trong lịch sử. Nữ hoàng Solange được sơn những màu sắc vương giả và đội một chiếc

vương miện màu vàng tinh xảo, các chóp nhọn của chiếc vương miện chính là chỗ để cô bé mắc sợi len vào. Ursula rất miệt mài và dành toàn bộ thời gian rỗi - mà thời gian rỗi của cô bé thì nhiều mênh mông vô kể - để tạo ra những dải len dài như con rắn chẳng dùng để làm gì được, ngoài việc cuộn chúng lại thành những tấm thảm và những cái giỏ tích nghiêng nghiêng ngả ngả. ("Mấy cái lỗ để gắn vòi và tay cầm đâu?" Bridget hỏi.)

"Dễ thương lắm, con yêu!" Sylvie nói, kiểm tra một trong những tấm thảm nhỏ đang từ từ bung ra trong tay mình, giống như một sinh vật đang thức dậy sau giấc ngủ dài. "Có công mài sắt có ngày nên kim, con hãy ghi nhớ điều đó."



"Bữa trà của các cô cậu đã sẵn sàng rồi!"

Ursula lờ đi tiếng gọi ấy. Cô bé đang ngồi trên giường, mê mải móc sợi len vào những chóp nhọn trên chiếc vương miện của Nữ hoàng Solange, mặt mày nhúu lại đầy vẻ tập trung. Đó là một mẫu len xe màu nâu vàng cũ rích nhưng họ "buộc phải" dùng, theo lời của Sylvie.

Đáng lẽ Maurice đã phải quay lại trường học, nhưng trong số tất cả bọn trẻ, cậu bị bệnh thủy đậu nặng nhất và mặt vẫn còn chi chít những vết sẹo nhỏ như thể bị một con chim mổ vào. "Hãy ở nhà thêm vài ngày nữa, anh bạn trẻ." Bác sĩ Fellowes đã nói như vậy, nhưng trong mắt Ursula, Maurice khỏe khoắn đến nỗi năng lượng dư thừa trong người cậu như sắp nổ tung đến nơi.

Cậu bồn chồn đi đi lại lại quanh phòng, buồn chán như một con sư tử bị nhốt trong chuồng. Cậu tìm thấy một chiếc dép của Pamela dưới gầm giường, bèn đá nó đi loanh quanh như đá một quả bóng. Thế rồi, cậu nhặt lên một món đồ trang trí bằng sứ - đó là bức tượng một tiểu thư mặc váy phòng mà Pamela rất yêu quý - và ném nó lên cao đến nỗi nó sượt qua cái chao đèn bằng thủy tinh vaseline* với

một tiếng keng đáng lo ngại. Ursula đánh rơi bộ đồ đan, kinh hãi đưa hai tay lên che miệng. Tiểu thư mặc váy phòng hạ cánh an toàn trên tấm chăn phủ giường satin nhồi lông vịt của Pamela, nhưng trước đó, Maurice đã chộp lấy con búp bê móc len bị rơi trên sàn và bắt đầu cầm nó chạy quanh, giả vờ như nó là một chiếc máy bay. Ursula dõi mắt nhìn theo khi Nữ hoàng Solange tội nghiệp bay quanh phòng, phần đuôi của dải len thò ra từ trong người nó phấp phới đằng sau giống như một tấm băng rôn mỏng manh.

Và rồi Maurice làm một việc thực sự khủng khiếp. Cậu mở ô cửa sổ gác mái khiến một luồng khí lạnh gai người đột ngột ủa vào và ném con búp bê gỗ nhỏ bé bay cái vèo ra ngoài màn đêm đáng sợ.

Ursula lập tức kéo một cái ghế tới ô cửa sổ, trèo lên và nhòm ra ngoài. Nhờ quầng sáng hắt ra từ cửa sổ, cô bé nhìn thấy Nữ hoàng Solange bị mắc lại trên những miếng ngói đen nơi khe mái.

Maurice giờ đã hóa thân thành người Da Đỏ, cậu nhảy từ chiếc giường này sang chiếc giường khác, miệng gầm lên những tiếng hô xung trận. "Bữa trà của các cô cậu đã sẵn sàng rồi!" Bridget giục giã gay gắt hơn từ chân cầu thang. Ursula chẳng thèm đoái hoài đến cả hai người họ. Trái tim quả cảm của cô bé đập thành thịch khi cô bé trèo ra ngoài cửa sổ - một việc vốn chẳng dễ dàng gì - quyết tâm giải cứu Nữ hoàng của mình. Những viên ngói trơn tuột vì băng đá. Khi Ursula vừa mới đặt bàn chân đi dép nhỏ xíu của mình lên cái mái dốc bên dưới ô cửa sổ, cô bé lập tức bị trượt chân. Cô bé kêu lên một tiếng ngắn ngủi, vươn tay về phía Nữ hoàng móc len khi cô bé lao thẳng xuống ngang qua nó như một người ngồi trượt tuyết mà không có ván trượt. Chẳng có cái rào chắn nào để chặn cô bé lại, chẳng hề có thứ gì ngăn cô bé bị đẩy vào đôi cánh đen ngòm của màn đêm. Một luồng cảm xúc đột ngột dâng trào, gần như là sự hưng phấn, khi cô bé bị ném vào khoảng không thăm thẳm và chìm vào hư vô.

Bóng tối phủ xuống.

TUYẾT



11 THÁNG 2 NĂM 1910

Món dưa góp cay có màu cổ ủa lợt lợt như màu da của người bị bệnh vàng da. Bác sĩ Fellowes ngồi ăn ở cái bàn trong bếp, dưới ánh sáng tù mù của một ngọn đèn dầu phiền phức luôn tỏa khói nghi ngút. Ông ta quét món dưa góp cay lên miếng bánh mì đã phết bơ và đặt lên trên đó một lát giăm bông dày béo ngậy. Ông ta bắt giắc nghĩ đến tảng thịt xông khói nằm nguội ngất trong cái chạn thức ăn của mình. Ông ta đã đích thân lựa chọn con lợn ấy và chỉ tận tay cho người chủ trại thấy. Trong mắt ông ta, đó không phải một sinh vật sống mà là một bài học về giải phẫu - một tập hợp các bộ phận gồm lưng, khuỷu chân, má, bụng và những khoanh đùi to tướng để luộc. Thịt. Ông ta nghĩ đến đứa bé vừa được mình giải cứu khỏi hàm răng của Tử thần bằng một nhát kéo phẫu thuật. "Phép màu của cuộc sống!" Ông ta thản nhiên nói với cô hầu gái Ai Len bé nhỏ thô vụng. ("Bridget, thưa ngài.") "Tôi sẽ ở lại qua đêm." Ông ta nói thêm. "Vì tuyết."

Ông ta cũng chẳng thích thú gì khi phải ở lại ngôi nhà có cái tên là Góc Cáo này. Tại sao nó lại được đặt tên như thế nhỉ? Tại sao người ta lại tôn vinh nơi cư ngụ của một loài thú xảo quyệt như vậy? Hồi trai trẻ, bác sĩ Fellowes đã từng đi săn, bảnh bao trong chiếc áo khoác màu đỏ tươi. Ông ta tự hỏi liệu sáng mai cô gái kia có nhảy chân sáo vào phòng ông ta, mang theo khay trà và bánh mì nướng không. Ông ta hình dung cô rót nước nóng từ cái bình vào trong chậu thau và xát xà phòng giúp mình trước ngọn lửa lò sưởi trong phòng ngủ, giống như mẹ ông ta từng làm từ vài chục năm trước. Bác sĩ Fellowes rất mực chung thủy với vợ nhưng những ý nghĩ của ông ta lại hay lang thang, vơ vẩn.

Bridget cầm trên tay một ngọn nến, dẫn ông ta lên gác. Ngọn nến sáng rực và bập bùng dữ dội khi ông ta bám theo tấm lưng gầy nhom của cô hầu gái lên một căn phòng vô cùng lạnh lẽo, nơi dành riêng cho khách. Cô thắp cho ông ta một ngọn nến nằm trên nóc tủ đầu giường, rồi biến mất vào hành lang tăm tối sau khi nói "Chúc ngài ngủ ngon" với vẻ vội vàng.

Ông ta nằm trên chiếc giường lạnh giá, món dưa góp cay ợ lên khó chịu. Ông ta ước gì mình đang ở nhà, bên cạnh cơ thể ấm áp, mềm mại của bà Fellowes, một người phụ nữ đã bị tạo hóa từ chối ban cho sự duyên dáng, thanh lịch và trên người lúc nào cũng phảng phất mùi hành tây rán. Đó cũng không hẳn là điều gì khủng khiếp lắm.

CHIẾN TRANH



20 THÁNG 1 NĂM 1915

"Các cô cậu có chịu xuống không nào?" Bridget bực tức nói. Cô đang nóng ruột đứng ở ngưỡng cửa, ẩm theo Teddy. "Tôi còn phải nói bao nhiêu lần nữa đây? Bữa trà của các cô cậu đã sẵn sàng rồi." Teddy cựa quậy trong vòng tay ôm chặt của Bridget. Maurice chẳng thèm đoái hoài, cậu đang nhập tâm vào một điệu nhảy phức tạp trước khi xung trận của thổ dân Da Đỏ. "Chúa ơi, xuống khỏi cái cửa sổ đó ngay, Ursula. Sao nó lại mở thế nhỉ? Ngoài trời đang rét căm căm, cô sẽ chết cóng đấy!"

Ursula đã định nhảy ra ngoài cửa sổ nhặt Nữ hoàng Solange, giải cứu nó khỏi "vùng đất vô chủ" - tức là cái mái nhà - nhưng thứ gì đó chột khiến cô bé do dự. Một nỗi hoài nghi nho nhỏ, một bàn chân ngập ngừng và ý nghĩ rằng mái nhà rất cao, còn màn đêm thì thăm thẳm. Và rồi Pamela xuất hiện với câu nói: "Mẹ bảo đi rửa tay để còn dùng bữa trà", ngay sau đó là Bridget bước huỳnh huých lên cầu thang với câu điệp khúc kiên định "Bữa trà của các cô cậu đã sẵn sàng rồi!", thế là tất cả niềm hy vọng về cuộc giải cứu hoàng gia vụt tắt. "Còn cậu, Maurice!" Bridget tiếp tục. "Trông cậu chẳng khác gì một kẻ hoang dã cả."

"Em là người hoang dã mà." Cậu nói. "Em là thổ dân Apache*."

"Cậu là vua của người Hottentot* cũng được nhưng BỮA TRÀ CỦA CÁC CÔ CẬU ĐÃ SẴN SÀNG RỒI."

Maurice thét lên tiếng hô xung trận ngang tàng cuối cùng trước khi chạy bình bịch xuống cầu thang. Còn Pamela buộc một tấm lưới cũ của trò bóng vợt vào một cây gậy ba toong để khều Nữ hoàng Solange từ cái mái nhà phủ băng bên dưới lên.



Món chính của bữa trà là thịt gà luộc. Teddy được dành riêng cho món trứng hầm. Sylvie thờ dài. Vì họ ăn nhiều thịt gà và trứng gà nên bây giờ đành tự nuôi gà để phục vụ nhu cầu của mình. Họ có một cái chuồng gà và một cái sân nuôi gà chằng dây thép, là khoảnh đất hồi trước chiến tranh từng là một luống măng tây. Già Tom giờ không còn làm việc cho họ nữa, mặc dù Sylvie nghe nói "ông Ridgely" vẫn làm việc cho những người hàng xóm của họ, gia đình Cole. Có lẽ, rốt cuộc thì, ông ta không thích bị gọi là "già Tom".

"Đây không phải là gà nhà mình, đúng không ạ?" Ursula hỏi.

"Không phải đâu, con yêu ạ." Sylvie nói. "Không phải gà nhà mình đâu."

Thịt gà dai nhách. Tài nấu ăn của bà Glover không còn được như trước kể từ khi George bị thương trong một vụ tấn công bằng khí độc. Anh ta vẫn đang ở trong một bệnh viện dã chiến tại Pháp. Khi Sylvie hỏi thăm xem anh ta bị thương nặng đến mức nào, bà Glover trả lời không biết. "Thật khủng khiếp!" Sylvie nói. Sylvie nghĩ giả như con trai cô bị thương ở xa nhà, cô sẽ lên đường lặn lội đi tìm, chăm sóc và chữa trị cho cậu con trai tội nghiệp của mình. Có lẽ, với Maurice thì chưa chắc nhưng với Teddy thì chắc chắn. Nghĩ đến cảnh Teddy bị thương phải nằm một chỗ và không tự làm gì được, cô bất giác ứa nước mắt.

"Mẹ vẫn ổn chứ mẹ?" Pamela hỏi.

"Dĩ nhiên rồi!" Sylvie nói, rút cái xương chạc* ra khỏi thân mình con gà và đưa nó cho Ursula. Cô bé nói mình không biết phải ước gì. "Chà, thường thì chúng ta ước cho những giấc mơ của mình trở thành sự thật." Sylvie nói.

"Những giấc mơ của con sẽ không thành sự thật chứ ạ?" Ursula nói, trên mặt hiện rõ vẻ hoảng hốt.



"Những giấc mơ của con sẽ không thành sự thật chứ ạ?" Ursula nói, nghĩ đến cái máy xén cỏ khổng lồ đuổi theo cô bé suốt đêm và tộc người Da Đỏ trói cô bé vào những cái cọc rồi đứng vây xung quanh cô bé, tay lăm lăm cung tên.

"Đây chẳng phải là gà nhà mình sao?" Maurice nói.

Ursula thích lũ gà, thích lớp rơm ấm sục và những chiếc lông vương xung quanh chuồng gà, thích thò tay xuống bên dưới những cơ thể ấm áp, rắn chắc của lũ gà để tìm một quả trứng nóng hôi hổi.

"Đây là Henrietta, đúng không ạ?" Maurice khẳng định. "Nó già rồi. Cho vào nồi được rồi. Bà Glover đã nói thế."

Ursula kiểm tra cái đĩa của mình. Cô bé đặc biệt thích Henrietta. Miếng thịt trắng dai nhách trên đĩa chẳng cung cấp được manh mối gì cả.

"Henrietta á?" Pamela hoảng hốt rú ầm lên.

"Mẹ đã giết nó đúng không?" Maurice sốt sắng hỏi Sylvie. "Chẳng phải đó là một việc rất tàn bạo sao?"

Họ đã mất vài con gà vì lũ cáo. Sylvie nói cô ngạc nhiên trước sự ngu ngốc của lũ gà. Cũng chẳng ngu ngốc hơn con người là bao, bà Glover nói. Lũ cáo cũng đã tha mất con thỏ con của Pamela vào mùa hè năm ngoái. Hồi ấy, George Glover đã cho bọn trẻ hai con thỏ con, Pamela khẳng định đòi làm ổ cho con thỏ của mình ngoài vườn, còn Ursula phản đối và mang con thỏ của mình vào trong nhà, đặt nó vào ngôi nhà búp bê. Con thỏ ấy đã làm đổ mọi thứ ở trong đó và để lại những cục phân trông giống như những viên kẹo cam thảo nhỏ xíu. Khi Bridget phát hiện ra, cô đã đem nó tới một căn nhà phụ ở bên ngoài và chẳng ai còn nhìn thấy nó thêm lần nào nữa.

Họ tráng miệng bằng món bánh cuộn nhân mứt và sữa trứng. Mứt được làm từ những quả mâm xôi của mùa hè. Bây giờ mùa hè cứ như một giấc mơ vậy, Sylvie nói.

"Đứa trẻ đã chết." Maurice nói với thái độ lắc các khớp khiếp mà trường nội trú đã dung dưỡng. Cậu nhét cả miếng bánh vào mồm và nhồm nhoàm nói. "Ở trường, bọn con gọi bánh cuộn nhân mứt bằng cái tên đó đấy"

"Hãy để ý phép xử sự của con, Maurice." Sylvie cảnh cáo. "Và làm ơn, đừng nói những điều gớm guốc như thế."

"Đứa trẻ đã chết ư?" Ursula nói, đặt chiếc thìa xuống và kinh hãi nhìn chằm chằm vào cái đĩa trước mặt.

"Người Đức ăn chúng." Pamela rầu rĩ nói.

"Món tráng miệng á?" Ursula hỏi. Chẳng phải ai cũng ăn món tráng miệng sao, kể cả là kẻ địch đi chăng nữa?

"Không, là *mấy đứa trẻ*." Pamela nói. "Nhưng chỉ *mấy đứa trẻ* người Bỉ thôi."



Sylvie nhìn chiếc bánh cuộn nhân mứt, vệt mứt màu đỏ ở những nếp cuộn của nó trông giống như máu thật, và cô bồng rùng mình. Sáng nay, cô đã chứng kiến bà Glover kẻ một cái cán chổi vào gáy con gà già Henrietta tội nghiệp và bẻ ngược cổ nó ra đằng sau. Con gà chết tươi trước cặp mắt dừng đứng của người hành quyết. *Mình cho rằng bọn mình buộc phải làm vậy*, Sylvie nghĩ. "Chúng ta đang ở trong thời chiến." Bà Glover nói. "Không phải lúc để câu nệ mấy chuyện như vậy."

Pamela không chịu bỏ qua chủ đề này. "Có thật không mẹ?" Cô bé khẽ nài nỉ mẹ trả lời. "Có phải đây là Henrietta không?"

"Không phải đâu, con yêu." Sylvie nói. "Mẹ thề trên danh dự của mẹ, đây không phải là Henrietta."

Một tràng tiếng gõ dồn dập ở cửa sau đã chấm dứt chủ đề ấy. Họ đều ngồi sững, nhìn nhau chằm chằm, như thể bị bắt quả tang đang phạm phải một tội ác nào đó. Ursula thực sự không hiểu tại sao. "Cầu trời không phải là tin xấu." Sylvie nói. Nhưng hóa ra đó là tin xấu thật. Vài giây sau, từ trong bếp vọng ra một tiếng thét khủng khiếp. Sam Wellington, "chiếc giày cũ", đã chết.

"Cuộc chiến tồi tệ này!" Sylvie lẩm bẩm.



Pamela cho Ursula một cuộn len lông cừu non màu nâu xám chập bốn sợi chưa dùng hết. Ursula hứa hẹn Nữ hoàng Solange sẽ tạo ra một miếng lót nhỏ xinh cho cốc nước của Pamela để đền ơn việc Pamela đã "cứu mạng" nó.

Tối hôm đó, khi bọn trẻ đi ngủ, chúng đặt tiểu thư váy phòng và Nữ hoàng Solange cạnh nhau trên cái tủ đầu giường, đó là những kẻ đã anh dũng sống sót sau một cuộc đụng độ nảy lửa với quân địch.

ĐÌNH CHIẾN



THÁNG 6 NĂM 1918

Sinh nhật của Teddy. Ngày sinh của cậu thuộc cung Cự Giải. Một cung hoàng đạo bí ẩn, Sylvie nói, mặc dù cô nghĩ đó chỉ là những chuyện "nhảm nhí". "Cậu bốn lên bốn tuổi." Bridget nói, có lẽ lại là một trò chơi chữ.

Sylvie và bà Glover đang chuẩn bị một bữa tiệc trà nhỏ, "một điều bất ngờ". Sylvie yêu quý tất cả những đứa con của mình, có lẽ Maurice thì không nhiều lắm, nhưng Teddy thì được cô cưng như cưng trứng.

Teddy thậm chí còn không biết hôm nay là sinh nhật cậu, vì suốt mấy bữa nay, bọn trẻ đã được dặn dò nghiêm ngặt là không được nhắc gì đến nó. Ursula không thể tin nổi là việc giữ bí mật lại khó khăn đến thế. Sylvie thì lại quá lão luyện trong chuyện này. Cô bảo bọn trẻ dẫn "cậu bé được tổ chức sinh nhật" ra ngoài chơi trong lúc cô chuẩn bị mọi thứ. Pamela kêu ca rằng cô bé chưa bao giờ có một bữa tiệc bất ngờ và Sylvie nói: "Dĩ nhiên là con có rồi, chỉ là con không nhớ thôi." Thật không nhỉ? Pamela cau mày vì cô bé không có cách nào để kiểm chứng điều này. Ursula không biết liệu mình đã từng có một bữa tiệc bất ngờ hoặc thậm chí là một bữa tiệc không hề bất ngờ hay chưa. Với cô, quá khứ là một mớ hỗn độn trong đầu, chứ không phải là một đường thẳng như đối với Pamela.

Bridget nói: "Nào, chúng ta sẽ đi dạo một lát." Sylvie đồng tình: "Phải đấy, tiện thể mang ít mút tới biếu bà Dodds các con nhé!" Cả ngày hôm qua Sylvie đã giúp bà Glover làm mút. Tay áo xắn cao, tóc trùm khăn, cô đã cùng bà đun hàng nồi quả mâm xôi hái ngoài vườn với chỗ đường mà họ tích trữ từ khẩu phần của mình. "Cứ như đang làm việc trong một công xưởng quốc phòng vậy." Sylvie

nói khi cô rút chỗ mút vừa được đun vào hết lọ thủy tinh này đến lọ thủy tinh khác. "Làm gì đến nỗi." Bà Glover khẽ lẩm bẩm.

Khu vườn đã có một mùa bội thu. Sylvie đã đọc những cuốn sách dạy cách trồng cây ăn quả và tuyên bố rằng bây giờ cô là một thợ làm vườn chính hiệu. Bà Glover giới cho cô một gáo nước lạnh khi nói rằng trồng quả mọng thì chả có gì khó, cứ đợi đến khi cô bắt tay vào trồng súp lơ xem. Sylvie đã thuê Clarence Dodds để làm những công việc nặng nhọc ở vườn. Anh ta từng là bạn thân của Sam Wellington - "chiếc giày cũ". Trước chiến tranh, Clarence từng là thợ làm vườn phụ ở Lâu đài Ettringham. Anh ta giải ngũ vì lý do sức khỏe, hiện đeo một cái mặt nạ bằng thiếc trên nửa khuôn mặt và nói rằng muốn làm việc trong một cửa hàng tạp hóa. Lần đầu tiên Ursula gặp anh ta là khi anh ta đang chuẩn bị trồng một luống cà rốt. Lúc anh ta bất ngờ quay người lại, cô bé đã thét lên một tiếng đầy khiếm nhã khi nhìn thấy khuôn mặt anh ta. Chiếc mặt nạ có vẽ một con mắt mở to sơn màu xanh dương để cân xứng với con mắt thật. "Đủ để dọa lũ ngựa sợ chết khiếp, đúng không?" Anh ta nói và mỉm cười. Cô bé ước rằng giá mà anh ta đừng cười, bởi vì miệng anh ta không bị chiếc mặt nạ che khuất. Cặp môi của anh ta rúm ró kì dị như thể chúng được khâu thêm vào sau khi anh ta ra đời.

"Một trong những người may mắn." Anh ta nói với cô bé. "Đạn lửa của hỏa pháo, nó chính là quỷ dữ." Ursula lại thấy anh ta chẳng có gì là may mắn cả.

Lúc đám cà rốt vừa nhú phần ngọn giống như những chiếc lông vũ lên khỏi mặt đất, Bridget bắt đầu đi chơi với Clarence. Lúc Sylvie bới lứa khoai tây Vua Edwards* đầu tiên, Bridget và Clarence đính hôn với nhau. Vì Clarence không có đủ tiền để mua một cái nhẫn nên Sylvie đã cho Bridget cái nhẫn gypsy của mình, cô nói đã có nó "từ đời nào rồi" mà chẳng bao giờ đeo. "Nó thực sự chỉ là một món nữ trang rẻ tiền thôi mà." Cô nói. "Chẳng đáng giá là bao." Mặc dù Hugh đã mua nó cho cô ở phố New Bond* sau khi Pamela chào đời và giá của nó không rẻ chút nào.

Bức ảnh của Sam Wellington bị tổng vào một cái thùng gỗ cũ trong nhà kho. "Cháu không thể giữ nó." Bridget cáu kỉnh nói với bà Glover. "Nhưng cháu cũng khó lòng ném nó đi, đúng không ạ?"

"Cháu có thể chôn nó." bà Glover gợi ý, nhưng ý kiến đó khiến Bridget thấy rùng mình. "Cứ như là yểm bùa ấy."



Họ lên đường đến nhà bà Dodds, mang theo mút và một bó hoa đậu thơm màu đỏ tía rực rỡ mà Sylvie rất đổi hãnh diện vì đã tự tay trồng. "Giống hoa này có tên là "Thượng nghị sĩ", nếu bà Dodds có hứng thú muốn biết." Cô nói với Bridget.

"Bà ấy sẽ chẳng quan tâm đâu." Bridget đáp lại.

Maurice dĩ nhiên không đi cùng họ. Cậu đã đạp xe đi ngay sau khi ăn sáng xong, với bữa trưa đã ngoại được nhét trong ba lô, rồi biến mất dạng cả ngày cùng các bạn của mình. Ursula và Pamela chẳng mấy hứng thú với cuộc sống của Maurice và cậu cũng chẳng quan tâm đến cuộc sống của mấy cô em gái. Teddy thì khác, cậu trung thành và tình cảm như một chú cún nên được hai chị rất mực thương yêu.

Qua lời kể của Sylvie, mẹ của Clarence vẫn làm việc cho Lâu đài Ettringham "theo kiểu bán phong kiến" và có một ngôi nhà tranh trong lòng điền trang ấy, một ngôi nhà xưa cũ, chật hẹp, có mùi nước để lâu ngày và vôi vữa mốc meo. Lốp sơn trên cái trần ẩm thấp phồng lên như da bị bong. Bosun đã chết vì bệnh sài sốt* vào năm ngoái và được chôn bên dưới một gốc hoa hồng Bourbon, đó là cây hoa Sylvie đặc biệt đặt mua để đánh dấu ngôi mộ của con chó. "Giống hoa này có tên là "Louise Odier"." Cô nói. "Nêu các con muốn biết." Bây giờ họ có một con chó khác, một con chó con màu đen vằn vện thuộc giống chó lóc* tên là Trixie, có khi nó còn được gọi là Rắc Rối vì Sylvie luôn cười nói: "Á à, rắc rối đến rồi đây." Pamela từng thấy bà Glover đá Trixie một cú chuẩn xác bằng bàn

chân đi giày to tướng và Sylvie đã phải "nói chuyện đôi lời" với bà. Bridget sẽ không cho phép Trixie tới nhà bà Dodds, cô nói bà ta sẽ cảm râm liên miên không dứt nếu nó trót bén mảng tới đó. "Bà ấy không tin tưởng lũ chó." Bridget giải thích.

"Chó đâu phải là một thứ tín điều mà tin tưởng hay không." Sylvie nói.

Clarence đón họ ở cổng vào điền trang. Tòa lâu đài nằm cách cổng rất xa, ở tít cuối một con đường dài nằm giữa hai hàng du. Gia đình Daunt đã sống ở đó hàng thế kỷ, thi thoảng họ lại bất ngờ xuất hiện ở hội trường của làng để tổ chức những buổi gây quỹ từ thiện và tham dự chớp nhoáng bữa tiệc Giáng sinh hằng năm. Họ có nhà riêng nên chẳng có ai nhìn thấy họ đi lễ ở nhà thờ bao giờ, còn hiện tại thì không ai còn nhìn thấy họ ở bất cứ đâu, bởi gia đình họ đã lần lượt mất đi ba người con trai vì cuộc chiến và gần như lui về sống một cuộc sống ẩn dật, xa lánh người đời.

Bọn trẻ không thể không nhìn chăm chăm vào nửa khuôn mặt bằng thiếc của Clarence ("Đồng tráng kẽm đấy!" Anh ta sửa lại lời chúng). Chúng lúc nào cũng lo sợ rằng anh ta sẽ cởi mặt nạ ra. Liệu anh ta có cởi nó ra để đi ngủ vào buổi tối không? Nếu Bridget kết hôn với anh ta, liệu chị ấy có nhìn thấy thứ ghê rợn ẩn giấu ở bên dưới? Chúng đã nghe lỏm Bridget nói với bà Glover: "Những gì sót lại bên dưới lớp mặt nạ còn chẳng nhiều bằng những gì đã mất đi."

Bà Dodds (Bridget gọi bà là "Mẹ Dodds*", giống như tên gọi một nhân vật trong một bài hát thiếu nhi) pha trà cho người lớn, thứ trà mà sau đó Bridget chê là "nhạt như nước cho cừu uống". Vì Bridget thích loại trà "đặc đến nỗi thìa khuấy trà có thể đứng thẳng trong đó". Cả Pamela và Ursula đều không thể kết luận được nước cho cừu uống là nước như thế nào, nhưng chúng thấy cách ví von đó có vẻ thú vị. Bà Dodds dùng muôi múc cho bọn trẻ những cốc sữa nguyên kem từ cái bình tráng men to tướng, sữa vẫn còn ấm vì vừa

mới được lấy về từ khu chế biến sữa của Lâu đài. Việc ấy khiến Ursula cảm thấy buồn nôn.

"Đúng là Quý bà Hào Phóng*!" Bà Dodds thì thầm với Clarence khi bọn trẻ đưa cho bà hũ mút cùng bó hoa đậu thơm khiến anh ta gắt lên: "Kìa mẹ". Bà Dodds chuyển lại bó hoa cho Bridget, cô gái cứ ôm khư khư bó hoa như một cô dâu cho đến khi bà nói với cô: "Cắm chúng vào nước đi chứ, con bé ngớ ngẩn này."



"Ăn bánh ngọt nhé?" Mẹ của Clarence nói và chia cho mọi người những lát bánh gừng* mỏng tang có vẻ cũng ẩm ướt như ngôi nhà tranh của bà.

"Thật tuyệt khi được thấy bọn trẻ con." Bà Dodds nói và nhìn Teddy như thể cậu là một loài động vật quý hiếm. Teddy là một cậu bé không dễ nao núng và cậu chẳng chần chừ gì trước cốc sữa và lát bánh ngọt của mình. Pamela phải dùng khăn tay lau hàng ria bằng sữa trên mép cậu. Ursula ngờ rằng trong thâm tâm bà Dodds chẳng hề vui thích khi gặp trẻ con, trái lại, cô bé cho là thái độ của bà đối với trẻ con cũng y chang bà Glover. Đương nhiên là trừ Teddy. Ai cũng yêu quý Teddy. Kể cả Maurice. Dù chỉ thi thoảng.

Bà Dodds ngắm nghía cái nhẫn gypsy mới trên bàn tay Bridget, rồi kéo ngón tay Bridget về phía mình như thể đang rút một cái xương chạc. "Hồng ngọc và kim cương." Bà nói. "Đắt lắm đây."

"Chỉ là những viên đá nhỏ xíu thôi ạ." Bridget biện bạch. "Nó thực sự chỉ là vật rẻ tiền."

Các cô bé giúp Bridget rửa ấm chén và để mặc Teddy tự mình xoay xở với bà Dodds. Họ rửa ấm chén trong một cái bồn đá to ở phòng rửa bát. Nơi này có một cái máy bơm thay vì vòi nước. Bridget nói hồi cô còn "ở hạt Kilkenny*", họ phải đi bộ tới một cái giếng để xách nước về. Cô cắm những bông hoa đậu thơm vào một

lọ mút cam Dundee rỗng và đặt nó lên cái giá phơi bát đĩa bằng gỗ. Khi họ đã lau khô bộ ấm chén bằng một trong những cái khăn lau bát đĩa sờn mỏng (và dĩ nhiên là cũng ẩm ướt) của bà Dodds, Clarence hỏi xem liệu họ có muốn tới Lâu đài để tham quan khu vườn có tường bao không. "Đừng có quay lại đó nữa, con trai." Bà Dodds nói với anh ta. "Nó chỉ làm con thất vọng thôi."



Họ đi vào khu vườn qua một cái cửa gỗ cũ trở trên một bức tường. Cánh cửa bị kẹt cứng và Bridget khẽ thét lên khi Clarence huých vai vào cánh cửa, đẩy nó mở ra. Ursula đang mong chờ sẽ nhìn thấy thứ gì đó thật diễm tuyệt - chẳng hạn như những đài phun nước lấp lánh, những hàng hiên ngấm cảnh, những bức tượng đủ hình dạng, những lối đi dạo uốn lượn, những góc hóng mát dưới giàn cây và những luống hoa trải dài ngút tầm mắt - nhưng hóa ra nó chẳng hơn gì một cánh đồng um tùm với những bụi gai và bụi kế mọc tràn lan.

"Ày, giờ nó trở thành rừng rậm rồi." Clarence nói. "Đây từng là vườn rau. Hồi trước chiến tranh, ở Lâu đài có đến mười hai thợ làm vườn." Chỉ có những bông hồng leo trên các bức tường là còn nở rộ và những cây ăn trái ở vườn quả là vẫn sai trĩu cành. Những quả mận đang thối rữa ra trên các nhánh cây. Lũ ong vò vẽ đang phấn khích bay lượn khắp nơi. "Năm nay họ chưa hái quả." Clarence nói. "Ba người con trai ở Lâu đài đều đã chết trong cuộc chiến tranh chết tiệt này. Anh cho rằng họ không còn thiết tha gì với bánh nướng nhân mận nữa."

"Chặc!" Bridget cất tiếng. "Hãy chú ý lời ăn tiếng nói."

Có một cái nhà kính hầu như chẳng còn tấm kính nào, họ có thể nhìn thấy những cây đào và mơ héo úa trong đó. "Mẹ kiếp, tiếc thật!" Clarence thốt lên và Bridget lại chặc lưỡi rồi la rầy "Đừng ăn nói kiểu đó trước mặt bọn trẻ" giống như Sylvie hay nói. "Xác xơ hết

cả rồi." Clarence nói, chẳng buồn đoái hoài đến lời cô. "Anh phát khóc mất."

"Chà, anh có thể xin làm việc trở lại ở Lâu đài." Bridget nói. "Em chắc chắn họ sẽ mừng lắm. Đâu phải vì... cái đó... mà anh không thể làm việc tốt như cũ." Cô ngập ngừng và rón rén chỉ tay về phía khuôn mặt của Clarence.

"Anh không muốn quay lại đây làm việc." Anh ta càu nhàu. "Cái thời anh làm tôi tớ cho một gia đình giàu sang quyền quý đã chấm dứt rồi. Anh nhớ khu vườn chứ không nhớ cuộc sống ấy. Khu vườn này là một vưu vật."

"Chúng ta có thể tự tạo nên một khu vườn nhỏ của chính mình." Bridget nói. "Hoặc kiếm một khoảnh ruộng để trồng trọt." Bridget kiên nhẫn an ủi, động viên Clarence. Ursula cho rằng có lẽ cô ấy đang tập dượt cho cuộc hôn nhân sắp tới.

"Phải đấy, sao chúng ta không làm thế nhỉ?" Clarence nói với giọng kiên quyết trước viễn cảnh đó. Anh ta nhặt một quả táo nhỏ chua loét bị rụng sớm và giơ cao tay ném mạnh như một cầu thủ cricket. Quả táo rơi xuống nhà kính, làm vỡ tan một trong số những ô kính ít ỏi còn sót lại. "Khốn kiếp!" Clarence nói và Bridget đập vào người anh ta, rít lên: "Lũ trẻ kia!"

("Một vưu vật!" Pamela nói với vẻ tán tụng vào tối hôm đó, khi bọn trẻ rửa mặt với cục xà phòng cacbonic* nặng trĩu trước khi đi ngủ. "Clarence đúng là một thi sĩ.")

Trên đường lê bước về nhà, Ursula vẫn còn vảng vất ngửi thấy mùi hoa đậu thơm mà họ để lại ở căn bếp nhà bà Dodds. Quả là lãng phí khủng khiếp khi bỏ lại chúng ở nơi không có ai thưởng thức. Lúc đó, Ursula đã quên bữa tiệc sinh nhật và ngạc nhiên gần bằng Teddy khi họ trở về nhà và thấy hành lang được trang trí những lá cờ, Sylvie thì tươi cười rạng rỡ mang ra một món quà

được gói ghém cẩn thận. Cô bé dễ dàng đoán được ngay trong gói quà ấy là một chiếc máy bay đồ chơi.

"Bất ngờ chưa này!" Sylvie nói.

11 THÁNG 11 NĂM 1918

"Mùa này mới ảm đạm làm sao!" Sylvie nói chẳng với riêng ai cả.

Lá úa rơi dày trên thảm cỏ. Mùa hè lại trở thành một giấc mơ. Ursula bắt đầu cảm thấy mỗi mùa hè đều là một giấc mơ. Những chiếc lá còn sót lại đang rụng nốt khiến cây dẻ gai to lớn giờ trơ trụi trông chẳng khác gì một bộ xương khô. Dường như việc đình chiến còn khiến Sylvie chán chường hơn cả cuộc chiến. ("Tất cả những chàng trai tội nghiệp đó đã ra đi mãi mãi. Hòa bình cũng chẳng thể mang họ quay về được.")

Sáng nay bọn trẻ được nghỉ học vì thắng lợi vĩ đại này và bị tổng ra ngoài chơi trong tiết trời mưa bay lất phất. Chúng mới có thêm hàng xóm là gia đình Shawcross. Gần như nguyên cả buổi sáng ướt át này, chúng chỉ dành thời gian để nhòm qua những khe hở trên cái hàng rào trồng cây nhựa ruồi, cố gắng nhìn bằng được những cô con gái nhà Shawcross. Xung quanh đây chẳng có cô bé nào khác trạc tuổi chúng cả. Nhà Cole chỉ toàn con trai. Tuy nhiên họ không thô lỗ như Maurice mà rất lịch sự và chẳng bao giờ làm điều gì xấu với Ursula và Pamela.

"Chị nghĩ họ đang chơi trốn tìm." Pamela báo cáo lại tình hình đang diễn ra ở đằng trước nhà Shawcross. Ursula cố gắng nhìn qua hàng rào và bị một cành nhựa ruồi gớm ghiếc cào xước cả mặt. "Chị nghĩ họ bằng tuổi chúng ta." Pamela nói. "Thậm chí có cả một đứa bé tầm tuổi em đây, Teddy." Teddy nhướn mày, nói: "Ồ." Teddy thích con gái. Đám con gái cũng thích Teddy. "Ồ, đợi đã, còn một người nữa." Pamela nói. "Số người đang tăng lên."

"Lớn hơn hay nhỏ hơn?" Ursula hỏi.

"Nhỏ hơn, cũng là con gái. Em bé thì đúng hơn. Đang được một chị lớn bồng bế."

Ursula bắt đầu rồi lên, không thể tính nổi xem họ có bao nhiêu người.

"Năm!" Pamela hồn hển nói, rõ ràng đã tính được tổng số. "Năm cô gái."

Vào lúc này, Trixie đã luồn qua khe hở bên dưới hàng rào thành công và bọn trẻ nghe thấy những tiếng hét đầy hoảng hốt khi con chó xuất hiện phía bên kia những nhánh nhựa ruồi.

"Tớ nói này." Pamela cất cao giọng. "Chúng tớ có thể sang đó để mang con chó của mình về được không?"



Bữa trưa sẽ có món bánh nướng nhân xúc xích luộc và tráng miệng bằng món "nữ hoàng pudding*". "Các con đã đi đâu vậy?" Sylvie hỏi. "Ursula, tóc con bám đầy cành cây con kia. Trông con cứ như một kẻ dị giáo ấy."

"Cành nhựa ruồi đấy ạ." Pamela nói. "Bọn con sang nhà hàng xóm chơi. Bọn con đã gặp mấy bạn gái nhà Shawcross. Cả năm người họ."

"Mẹ biết." Sylvie giơ ngón tay lên đếm. "Winnie, Gertie, Millie, Nancy và..."

"Beatrice." Pamela bổ sung.

"Các cháu được mời sang chơi à?" Bà Glover hỏi. Bà vốn là người khắt khe với mấy chuyện khuôn phép, lễ giáo.

"Bọn cháu tìm thấy một lỗ hổng trên hàng rào." Pamela nói.

"Đó chính là chỗ mấy con cáo chết tiệt chui ra chui vào đấy." Bà Glover cau mày. "Chúng đến từ khu rừng." Sylvie cau mày trước lời

ăn tiếng nói của bà Glover nhưng không lên tiếng trách móc gì, vì dù sao, ở về ngoài, họ đang sống trong bầu không khí hân hoan. Sylvie, Bridget và bà Glover đang "uống mừng hòa bình" bằng những cốc rượu sherry. Cả Sylvie lẫn bà Glover đều không có vẻ vui mừng gì lắm. Hugh và Izzie vẫn đang ở tiền tuyến. Sylvie nói rằng cô không tin Hugh đã an toàn chừng nào anh còn chưa bước chân vào cửa nhà họ. Izzie đã lái một chiếc xe cứu thương trong suốt cuộc chiến nhưng chẳng ai trong số họ có thể hình dung ra được chuyện này. George Glover đang "dưỡng bệnh" trong một ngôi nhà nằm đâu đó ở Cotswolds*. Bà Glover đã đi thăm anh ta nhưng không muốn kể lể về những gì bà đã thấy, chỉ nói đại khái rằng George bây giờ thực sự không còn là George ngày xưa nữa. "Tôi không nghĩ có ai trong số họ còn được là chính mình." Sylvie nói. Ursula cố gắng hình dung xem nếu mình không còn là Ursula nữa thì sẽ như thế nào, nhưng đành bỏ cuộc vì không tài nào tưởng tượng ra nổi.

Hai cô gái thuộc tổ chức Lực lượng Phụ nữ Hậu Phương đã thế chỗ của George ở trang trại. Họ đến từ Northamptonshire* và đều thuộc típ người thích ngựa. Sylvie nói nếu biết họ sẽ để cho phụ nữ làm việc với Samson và Nelson thì cô đã xin làm công việc đó từ lâu rồi. Máy cô gái ấy đã tới nhà họ dùng bữa trà vài lần, họ thường ngồi trong bếp với đôi xà cạp dính đầy bùn đất trước ánh mắt chán ghét của bà Glover.



Khi Bridget đã đội mũ lên đầu, sẵn sàng để ra ngoài thì Clarence bèn lên xuất hiện ở cửa sau, lí nhí chào Sylvie và bà Glover. "Cặp đôi hạnh phúc" - bà Glover gọi họ như vậy nhưng không có ý gì là chúc mừng, khen ngợi - sẽ bắt xe lửa lên London để tham gia lễ mừng chiến thắng. Bridget vô cùng hào hứng, phấn khích. "Bà chắc chắn không muốn đi với chúng cháu chứ, bà Glover? Cháu cá rằng sẽ có nhiều trò vui lắm đây." Bà Glover đảo tròn mắt như một con bò

cái bất mãn. Bà đang "né tránh đám đông" vì dịch cúm. Một đứa cháu trai của bà đã chết bất đắc kỳ tử trên đường, mới bữa sáng nó hãy còn hoàn toàn khỏe mạnh mà "đến buổi trưa đã qua đời rồi". Sylvie nói họ không được sợ bệnh cúm. "Dù gì cũng phải tiếp tục sống." Cô nói.

Sau khi Bridget và Clarence đi khỏi, bà Glover và Sylvie ngồi ở bàn ăn trong bếp, uống thêm ít rượu sherry nữa. "Trò vui ư, thiệt tình!" Bà Glover thốt lên. Đến lúc Teddy xuất hiện - cùng với Trixie hăm hở bám gót - tuyên bố mình đang đói sôi cả bụng và hỏi họ đã quên bữa trưa rồi sao, lớp trứng đường trên mặt món "nữ hoàng pudding" đã chảy hết và cháy đen. Đây chính là tổn thất cuối cùng của cuộc chiến.



Bọn trẻ đã cố gắng thức đợi Bridget trở về nhưng rồi lại ngủ thiếp đi khi đang đọc sách. Pamela bị thu hút bởi sức mê hoặc của cuốn *Sau lưng Gió Bắc** còn Ursula thì miệt mài với cuốn *Gió qua rừng liểu**. Cô bé đặc biệt thích nhân vật Chuột Chũi. Cô bé đọc và viết chậm một cách khó hiểu ("Có công mài sắt có ngày nên kim, con yêu ạ!") và thích nhất là khi Pamela đọc truyện cho cô bé nghe. Chúng đều thích truyện cổ tích và có tất cả những cuốn sách của Andrew Lang*, đủ mười hai màu, được Hugh mua vào các dịp sinh nhật và Giáng sinh. "Những vụ vật." Pamela nói.

Sự trở về ồn ào của Bridget đã đánh thức Ursula dậy. Cô bé lay gọi Pamela rồi hai chị em cùng rón rén xuống cầu thang. Chúng nghe cô nàng Bridget ngà ngà say và anh chàng Clarence tỉnh táo hơn kể lại những câu chuyện về cảnh ăn mừng, về "biển người" và về đám đông náo nhiệt la hét đến khản cả cổ đòi Nhà vua xuất hiện ("Chúng tôi muốn gặp Bệ hạ! Chúng tôi muốn gặp Bệ hạ!" Bridget hỏi mình họa lại) cho đến khi ngài bước ra ban công của điện Buckingham. "Và những cái chuông." Clarence nói thêm. "Tôi chưa

bao giờ nghe thấy âm thanh nào như thế. Tất cả những cái chuông ở London đều đồng loạt ngân vang để mừng hòa bình."

"Một vưu vật." Pamela nói.

Bridget đã bị mất mũ, mấy chiếc kẹp tóc trên tóc và cái khuy áo cánh trên cùng trong lúc chen lấn giữa đám đông. "Có lúc chân tôi còn chẳng chạm đất." Cô vui vẻ nói.

"Chúa ơi, quả là náo nhiệt!" Sylvie nói, bước vào trong bếp, dáng vẻ ngái ngủ và xinh đẹp khi khoác trên mình chiếc áo choàng ren và mái tóc tết kiểu vặn thừng buông rơi trên lưng. Clarence đỏ bừng mặt, nhìn xuống đôi giày của mình. Sylvie pha cà cho tất cả mọi người và tỏ ra chăm chú lắng nghe Bridget cho đến khi chẳng ai còn thức nổi nữa.

"Ngày mai lại trở về với cuộc sống thường nhật." Clarence nói, táo bạo hôn lên má Bridget trước khi trở về nhà với mẹ. Hôm nay là một ngày hoàn toàn khác thường.

"Con có nghĩ bà Glover sẽ bực tức vì chúng ta không đánh thức bà ấy dậy không?" Sylvie thì thầm với Pamela trên đường lên cầu thang.

"Tức điên lên ấy chứ ạ." Pamela đáp và họ đều bật cười như những kẻ đồng lõa, như những người phụ nữ.



Khi ngủ lại, Ursula mơ về Clarence và Bridget. Họ đang đi bộ trong một khu vườn um ùm, tìm kiếm cái mũ của Bridget. Clarence đang khóc, trên nửa khuôn mặt lạnh lặn là những giọt nước mắt thực thụ, còn trên chiếc mặt nạ là những giọt nước mắt được tô vẽ, giống như những giọt mưa giả trên bức tranh ở một ô kính cửa sổ.

Sáng hôm sau, khi Ursula thức dậy, cô bé nóng như lửa đốt, đau khắp mình mẩy và "giống như một con tôm hùm luộc", theo lời bà

Glover nói khi bà được Sylvie vời đến để cùng kiểm tra tình hình của cô bé. Bridget cũng đang nằm bẹp trên giường.

"Chẳng có gì đáng ngạc nhiên." Bà Glover nói, khoanh tay lại trước bộ ngực đồ sộ nhưng thiếu hấp dẫn, tỏ vẻ chê trách. Ursula hy vọng cô bé sẽ không bao giờ phải nhờ đến bà Glover chăm sóc.

Ursula hít thở khó khăn, tiếng thở khò khè phát ra từ tận trong lồng ngực nặng trĩu. Thế giới xung quanh cô bé cứ nở ra rồi co lại như biển cả trong một cái vỏ sò khổng lồ. Mọi thứ đều nhòe đi. Trixie nằm ở dưới chân cô bé, còn Pamela đang đọc cho cô bé nghe cuốn *Truyện cổ tích màu đỏ**, nhưng những câu chữ vang lên bên tai cô bé rồi trôi tuột đi một cách vô nghĩa. Khuôn mặt của Pamela cứ chập chờn mờ tỏ trước mắt. Sylvie tới, cố gắng cho cô bé uống nước cốt bò hầm nhưng cổ họng cô bé dường như đã thít nhỏ lại và cô bé phun hết chỗ nước cốt bò hầm ấy ra khắp giường.

Có tiếng lốp xe nghiêng lạo xạo trên sỏi và Sylvie nói với Pamela: "Hẳn là bác sĩ Fellowes." Rồi cô vội vã đứng dậy, dặn thêm một câu: "Con ở lại với Ursula nhé, Pammy, nhưng đừng để Teddy vào trong này, nhớ chưa?"



Căn nhà yên ắng hơn thường lệ. Khi Sylvie không quay lại, Pamela nói: "Chị sẽ đi tìm mẹ. Chị sẽ không đi lâu đâu." Ursula nghe thấy những tiếng lầm rầm và tiếng khóc vọng đến từ đâu đó trong ngôi nhà nhưng chúng chẳng có ý nghĩa gì với cô bé cả.

Cô bé đang ngủ một giấc ngủ chập chờn kỳ lạ thì bác sĩ Fellowes đột nhiên xuất hiện bên giường. Sylvie ngồi ở phía bên kia chiếc giường, nắm tay Ursula và nói: "Da con bé có màu hoa cà. Giống như da của Bridget." Làn da màu hoa cà nghe mới hay ho làm sao, giống như cuốn *Truyện cổ tích màu hoa cà** vậy. Giọng của Sylvie thật buồn cười, nó cứ nghèn nghẹn và hoang mang như lúc Sylvie nhìn thấy cậu bé giao diện tín đi tới trước cửa, nhưng hóa ra đó chỉ

là bức điện của Izzie gửi đến để chúc mừng sinh nhật Teddy. ("Thật vô tâm!" Sylvie nói.)



Ursula không thở được nhưng cô bé có thể ngửi thấy mùi nước hoa của mẹ và nghe thấy giọng mẹ nhẹ nhàng thì thầm bên tai cô bé như tiếng ong vo ve vào một ngày hè. Cô bé mệt đến nỗi không thể mở mắt ra nổi. Cô bé nghe thấy tiếng váy sột soạt khi mẹ rời khỏi giường, tiếp đó là tiếng mở cửa sổ. "Mẹ đang cố mang lại cho con chút không khí trong lành." Sylvie nói, quay trở lại bên cạnh Ursula và ôm cô bé sát vào chiếc áo cánh vải sọc nhẵn hơi cứng thoang thoảng mùi bột hồ và mùi hoa hồng của mình, đem lại cho cô bé cảm giác an toàn. Mùi khói gỗ theo cửa sổ lùa vào căn phòng áp mái nhỏ. Cô bé có thể nghe thấy tiếng móng guốc gỗ lộp cộp, tiếp đó là tiếng lạch cạch khi người bán than đổ những bao than vào trong kho chứa. Cuộc sống đang tiếp diễn. Một vụ vật.

Một hơi thở, đó là tất cả những gì cô bé cần, nhưng nó sẽ không xuất hiện.

Bóng tối nhanh chóng phủ xuống, ban đầu nó còn là một kẻ thù, nhưng sau đó đã trở thành một người bạn.

TUYẾT



11 THÁNG 2 NĂM 1910

Một người phụ nữ phốp pháp với đôi cánh tay của thợ đốt lò đánh thức bác sĩ Fellowes dậy bằng việc đặt cái cốc và đĩa lót tách đánh cạch một tiếng lên cái bàn kê ở đầu giường ông ta và kéo soạt rèm cửa sổ ra mặc dù ngoài trời vẫn còn tối. Phải mất một lúc ông ta mới nhớ được rằng mình đang ở trong căn phòng ngủ dành cho khách lạnh như băng ở Góc Cáo, còn người phụ nữ khá đáng sợ kia chính là bà đầu bếp của gia đình Todd. Bác sĩ Fellowes lục lại cái kho lưu trữ bụi bặm trong đầu mình để tìm ra cái tên mà ông ta biết rằng chỉ một vài giờ trước đây mình vẫn còn nhớ rất rõ.

"Tôi là bà Glover." Bà ta nói, như thể đọc được suy nghĩ của ông ta.

"Đúng rồi. Chủ nhân của món dưa góp cay tuyệt hảo." Đầu ông ta như chứa đầy rơm. Ông ta lúng túng nhận ra rằng bên dưới lớp chăn mỏng manh đang đắp trên người, ông ta chỉ mặc bộ quần áo lót may liền. Lò sưởi phòng ngủ thì lạnh lẽo và trống trơn.

"Ông cần đi ngay." Bà Glover nói. "Vừa có một tai nạn."

"Một tai nạn ư?" Bác sĩ Fellowes hỏi lại. "Đã có chuyện gì xảy ra với đứa bé sao?"

"Một người nông dân bị bò xéo phải."

ĐÌNH CHIẾN



12 THÁNG 11 NĂM 1918

Ursula giật mình tỉnh dậy. Trong phòng ngủ tối om om nhưng cô bé có thể nghe thấy những âm thanh vọng lên từ đâu đó dưới nhà. Tiếng cánh cửa đóng lại, tiếng cười khúc khích và tiếng chân bước loẹt xoẹt. Cô bé nghe ra âm sắc trong trẻo trong tiếng cười không thể nhầm lẫn của Bridget và âm sắc trầm âm của một người đàn ông. Bridget và Clarence đã từ London trở về.

Theo bản năng, Ursula định trèo xuống giường, lay Pamela dậy để hai chị em có thể cùng đi xuống nhà và hỏi thăm Bridget về những trò vui ở lễ mừng chiến thắng, nhưng thứ gì đó chợt ngăn cô bé lại. Khi cô bé nằm lắng tai nghe trong bóng tối, một thứ gì đó vô cùng khủng khiếp bỗng tràn tới như cơn sóng, phủ trùm lên người cô bé, một nỗi sợ hãi to lớn, như thể phía trước có một mối nguy hiểm ghê gớm đang chực chờ. Giống hệt với cảm giác mà cô bé từng có khi theo Pamela lội xuống biển hồi họ đi nghỉ mát ở Cornwall, trước lúc chiến tranh nổ ra không lâu. Họ đã được một người lạ cứu sống. Sau vụ việc đó, Sylvie đã bắt tất cả bọn trẻ đến bể bơi ở thị trấn để học bơi. Thầy giáo của chúng là một cựu thiếu tá trong cuộc chiến tranh Boer*, ông ta liên tục quát tháo chúng cho đến khi chúng sợ đến nỗi không thể chìm xuống nước được nữa. Sylvie thường kể về vụ tai nạn như thể đó là một chuyến phiêu lưu vui vẻ ("ông Winton quả cảm!") trong khi Ursula vẫn còn nhớ rõ như in nỗi kinh hoàng khi ấy.

Pamela ú ớ gì đó trong giấc ngủ và Ursula khẽ nói: "Suyt!" Pamela không được dậy. Họ không được xuống dưới nhà. Họ không được gặp Bridget. Ursula không biết tại sao lại như vậy, cũng không biết cảm giác sợ hãi khủng khiếp này từ đâu mà có, nhưng cô bé vẫn kéo những tấm chăn trùm lên đầu để trốn tránh bất cứ thứ gì

đang rình rập ngoài kia. Cô bé hy vọng nó ở ngoài đó chứ không phải ở bên trong cô bé. Cô bé nghĩ mình sẽ giả vờ ngủ nhưng chỉ trong vòng vài phút, giấc ngủ thực sự đã đến với cô bé.



Sáng hôm sau, bọn trẻ ăn sáng ở trong bếp bởi Bridget vẫn đang nằm bẹp trên giường vì có cảm giác bị ốm. "Chẳng có gì đáng ngạc nhiên." Bà Glover vừa múc cháo cho mọi người vừa nói với vẻ chê trách. "Tôi phát sợ khi nghĩ đến thời khắc mà con bé đó lao đảo bước vào nhà."

Sylvie bước từ trên gác xuống, mang theo khay thức ăn chưa được động đến. "Tôi nghĩ Bridget thực sự không ổn rồi, bà Glover à." Cô nói.

"Uống quá nhiều rượu đấy mà." Bà Glover quở trách, đập những quả trứng như thể bà đang trừng phạt chúng. Ursula ho mấy tiếng và Sylvie cau mày liếc nhìn cô bé. "Tôi nghĩ chúng ta nên mời bác sĩ Fellowes tới." Sylvie nói với bà Glover.

"Vì Bridget ư?" Bà Glover nói. "Con bé đó khỏe như ngựa vậy. Bác sĩ Fellowes sẽ bỏ về ngay khi ông ta ngửi thấy mùi rượu trên người nó."

"*Bà Glover*" Sylvie nói với giọng mà cô thường dùng khi cô vô cùng nghiêm túc về một vấn đề nào đó và muốn người khác lắng nghe (*Đừng có để lại vết chân bẩn trên sàn nhà, đừng bao giờ đối xử thô lỗ với những đứa trẻ khác, cho dù chúng khiêu khích thế nào*). "Tôi nghĩ Bridget bị ốm thật đấy." Bà Glover có vẻ đột nhiên hiểu ra.

"Bà để mắt tới bọn trẻ nhé!" Sylvie nói. "Tôi đi gọi điện cho bác sĩ Fellowes rồi sau đó sẽ lên trông Bridget."

"Bọn trẻ sẽ không đi học à?" Bà Glover hỏi.

"Có, dĩ nhiên là có chứ." Sylvie nói. "Mà có lẽ là không. Không... có... chúng vẫn sẽ đi học. Mà chúng có nên đi không nhỉ?" Cô chần chừ lưỡng lự ở cửa bếp lâu đến mức khiến người khác phải bức bối, trong khi bà Glover vẫn chờ đợi cô quyết định với sự kiên nhẫn đáng kinh ngạc.

"Tôi nghĩ hôm nay chúng ta nên để chúng ở nhà." Cuối cùng Sylvie nói. "Các phòng học đông người lắm..." Cô hít sâu một hơi và nhìn chăm chăm lên trần nhà. "Nhưng lúc này cần phải giữ chúng ở dưới này." Pamela nhướn mày với Ursula. Ursula cũng nhướn mày lại mặc dù cô bé không biết chắc là hai đứa đang cố nói gì với nhau. Chủ yếu là nỗi khiếp sợ, cô bé nghĩ, khi chúng bị giao cho bà Glover trông nom.

Chúng phải ngồi ở cái bàn trong bếp để bà Glover có thể "để mắt đến chúng", rồi sau đó, mặc kệ những lời phản đối dữ dội của chúng, bà bắt chúng lấy sách vở ra để làm bài tập - với Pamela là luyện phép tính cộng, với Teddy là học chữ cái (*Q trong chữ Quả, R trong chữ Rau*) còn với Ursula là rèn chữ để cải thiện thứ chữ viết "xấu tệ hại" của cô bé. Ursula nghĩ thật là vô cùng không công bằng khi một người chẳng viết gì mấy ngoài nguệch ngoạc những danh sách đồ cần mua (*mỡ cật, xi đánh lò, sườn cừu và thuốc nhuận tràng của hãng Dinneford's*) lại được quyền đánh giá về chữ viết của cô bé.

Trong khi đó, bà Glover bận rộn ép một cái lưỡi bê. Bà lọc sụn và xương rồi cuộn cái lưỡi lại trước khi nhét nó vào cái khuôn ép. Quan sát hoạt động này còn thú vị hơn nhiều so với việc viết *Quick wafting zephyrs vex bold Jim* hay *The five boxing wizards jumped quickly**. "Chị ghét phải học ở trường nào có bà ấy làm cô giáo." Pamela thì thầm, đánh vật với các phép tính.

Họ đều bị sao lãng khi cậu bé giao thịt đến và nhấn chuông xe đạp reng reng để thông báo cho họ biết về sự xuất hiện của mình. Cậu mười bốn tuổi, tên là Fred Smith. Cả Maurice và hai cô bé nhà

Todd đều cực kì ngưỡng mộ cậu. Hai cô bé bày tỏ thiện cảm của mình với cậu bằng cách gọi cậu là "Freddy" trong khi Maurice gọi cậu là "Smithy" một cách thân mật. Pamela có lần tuyên bố rằng Maurice mê mẩn Fred, đúng lúc ấy bà Glover tình cờ đi ngang qua và nghe được, bà đã dùng cây đánh trứng cầm tay quất vào khoeo chân cô. Pamela rất tức tối vì không biết mình bị phạt vì tội gì. Fred Smith thì kính cẩn gọi các cô bé là "cô Todd" và Maurice là "cậu Todd", mặc dù cậu ta chẳng thích thú gì ai trong số họ. Đối với bà Glover, cậu là "thằng nhóc Fred", còn đối với Sylvie, cậu là "thằng bé giao thịt", thi thoảng là "thằng bé giao thịt ngoan ngoãn" để phân biệt cậu với cậu bé giao thịt trước kia. Đó là Leonard Ash, "một thằng ranh tấ mắt" (theo lời bà Glover vì bà đã bắt quả tang cậu ta lấy trứng trong chuồng gà). Leonard Ash chết trong trận Somme* sau khi nói dối tuổi của mình để đăng lính và bà Glover nói cậu ta đã gặp quả báo. Đó có vẻ là một đòn quả báo hơi tàn nhẫn.

Fred đưa cho bà Glover một cái gói bọc giấy trắng và nói "Món lòng của bà đây", sau đó cậu đặt cái xác dài ngoằng, mềm mại của một con thỏ rừng lên cái giá úp bát đĩa bằng gỗ.

"Đã treo năm ngày rồi. Con này ngon đấy, bà Glover ạ."

Dù bà Glover vốn không thích khen ngợi ai hay thứ gì, ngay cả trong những lúc dễ dãi nhất, nhưng bà vẫn phải công nhận đó là con thỏ hảo hạng. Rồi bà mở cái hộp bánh ngày thường vẫn đóng chặt và cho phép Fred chọn cái bánh quy cứng nhân trái cây khô to nhất bên trong.

Vì cái lưỡi bê đã nằm yên ỗn trong khuôn ép nên bà Glover lập tức bắt tay vào việc lột da con thỏ. Quá trình đó vừa ghê rợn vừa cuốn hút, vậy nên khi sinh vật tội nghiệp ấy đã bị lột hết lớp da lông và trơ ra lớp thịt bóng loáng, mọi người mới nhận ra Teddy đã biến mất.

"Đi tìm thằng bé về đi!" Bà Glover nói với Ursula. "Rồi tất cả các cháu sẽ được uống một cốc sữa và ăn một chiếc bánh quy cứng

nhân trái cây khô, mặc dù có Chúa chứng giám, các cháu chẳng làm gì để xứng đáng nhận được phần thưởng đó cả."

Teddy thích chơi trốn tìm, nên khi Ursula gọi mà không nghe cậu trả lời, cô bé bèn tìm ở những chỗ trốn bí mật của cậu, chẳng hạn như đằng sau những tấm rèm phòng khách hay dưới gầm bàn ăn. Rồi khi không thể tìm thấy bóng dáng cậu ở đâu cả, cô bé bắt đầu đi lên cầu thang để tới các phòng ngủ.

Tiếng chuông cửa lạnh lạnh vọng lên cầu thang sau lưng cô bé. Từ khúc quanh ở cầu thang, cô bé nhìn thấy Sylvie ra mở cửa cho bác sĩ Fellowes. Ursula cho rằng ắt hẳn mẹ mình đã xuống từ cầu thang đằng sau chứ không phải thành linh hiện ra nhờ phép thuật. Bác sĩ Fellowes và Sylvie thì thăm trò chuyện với vẻ căng thẳng, có lẽ là về Bridget, nhưng Ursula không nghe được từ nào cả.

Teddy không có trong phòng của Sylvie (từ lâu bọn trẻ đã chẳng còn nghĩ đó là phòng của cả bố và mẹ họ); cũng không có trong phòng của Maurice, nơi quá rộng đối với một người sống hơn nửa thời gian của cuộc đời ở trường học; không có trong căn phòng ngủ dành cho khách thứ nhất hay căn phòng ngủ dành cho khách thứ hai hay căn phòng nhỏ của chính Teddy nằm ở tận trong cùng, nơi bị bộ đồ chơi tàu hỏa của cậu gần như chiếm hết diện tích; không có trong phòng tắm hay tủ đựng đồ vải; cũng không có dấu hiệu gì của Teddy dưới gầm giường hay trong tủ quần áo hay biết bao cái tủ khác nữa, hay nằm im bất động như một xác chết bên dưới tấm ga trải giường to tướng nhồi lông vịt biển của Sylvie - vốn là trò đùa yêu thích của cậu.

"Dưới nhà có bánh ngọt đấy, Teddy!" Cô bé gọi vọng lên những căn phòng trống. Thường thì lời hứa hẹn về bánh ngọt, dù có đúng sự thật hay không, đã là đủ để dụ được Teddy ra khỏi chỗ trốn.

Ursula chậm chạp bước từng bước lên chiếc cầu thang gỗ chật hẹp tối om dẫn tới những căn phòng ngủ trên tầng áp mái. Ngay khi đặt chân lên bậc thang đầu tiên, cô bé đột nhiên cảm thấy trong lòng

dâng lên một nỗi sợ hãi. Cô bé không biết nó từ đâu đến hay tại sao nó lại xuất hiện.

"Teddy! Teddy, em ở đâu đấy?" Ursula cố gắng cất cao giọng nhưng tiếng gọi của cô bé khi thốt ra lại chẳng khác nào một tiếng thì thầm.

Không có trong căn phòng ngủ của cô bé và Pamela, không có trong căn phòng cũ của bà Glover, không có trong phòng chứa đồ nhỏ nhỏ, nơi từng là phòng trẻ và giờ là chỗ cư ngụ của những rương hòm và thùng đựng quần áo, đồ chơi cũ. Chỉ còn phòng của Bridget là vẫn chưa được tìm kiếm.

Cửa mở he hé và Ursula phải cố gắng lắm mới có thể nhắc chân bước về phía đó. Một thứ gì khủng khiếp đang ở phía bên kia cánh cửa mở. Cô bé không muốn đối mặt với nó, nhưng biết mình buộc phải làm vậy.

"Teddy!" Cô bé thốt lên, cả người nhẹ nhõm khi nhìn thấy cậu. Teddy đang ngồi trên giường của Bridget, trên đầu gối cậu là chiếc máy bay mà cậu được tặng nhân dịp sinh nhật. "Chị đã tìm em khắp nơi." Ursula nói. Trixie đang nằm trên sàn ngay cạnh giường và hăm hở đứng bật dậy khi nó nhìn thấy Ursula.

"Em nghĩ cái này có thể khiến Bridget cảm thấy khỏe hơn." Teddy nói, vuốt ve cái máy bay. Teddy có niềm tin rất lớn vào khả năng chữa bệnh của những đoàn tàu và những chiếc máy bay đồ chơi. (Cậu quả quyết với họ rằng khi nào lớn lên cậu sẽ trở thành phi công.) "Em nghĩ Bridget đang ngủ nhưng mắt chị ấy lại mở." Cậu nói.

Đúng là chúng đang mở. Đôi mắt mở to của Bridget đang nhìn chăm chăm vô hồn lên trần nhà. Trong đôi mắt đáng sợ ấy như bị phủ một lớp màng dấm nước màu xanh sẫm và da cô ấy có màu tím hoa cà kỳ lạ. Màu tím cô ban trong bộ màu nước Winsor & Newton của Ursula. Cô bé có thể nhìn thấy đầu lưỡi của Bridget thè ra khỏi

miệng và thoáng nhớ lại hình ảnh bà Glover nhét cái lưỡi bê vào trong khuôn ép.

Ursula chưa bao giờ nhìn thấy người chết nhưng cô bé biết chắc rằng Bridget đã trở thành người thiên cổ.

"Xuống khỏi giường ngay, Teddy!" Cô bé cẩn trọng nói, như thể em trai mình là một con thú hoang sắp sửa chạy lồng lên. Cô bé bắt đầu run rẩy khắp người. Không chỉ vì Bridget đã chết, mặc dù chỉ riêng điều đó đã đủ tồi tệ lắm rồi, mà ở đây có thứ gì đó còn nguy hiểm hơn. Những bức tường trống trơn, tấm khăn trải giường mỏng dẹt hoa phủ trên khung giường bằng sắt, bộ lược tráng men đặt trên cái bàn trang điểm, tấm thảm kết bằng vải vụn dưới sàn nhà, tất cả đều đột nhiên trở nên cực kỳ ghê rợn như thể chúng không còn là những vật thể bình thường nữa. Ursula nghe thấy Sylvie và bác sĩ Fellowes lên cầu thang. Giọng Sylvie có vẻ cuống quýt, còn giọng bác sĩ Fellowes thì dừng dưng hơn.

Sylvie bước vào và thốt lên một tiếng "Ôi Chúa ời" đầy hoảng hốt khi nhìn thấy bọn trẻ trong phòng của Bridget. Cô bế thốc Teddy ra khỏi giường rồi kéo tay Ursula ra hành lang. Trixie hăm hở vẫy đuôi trước sự náo động ấy và chạy lon ton theo sau họ.

"Về phòng con đi." Sylvie nói. "Không, về phòng của Teddy ấy. Không, tới phòng của mẹ ấy. Đi ngay đi." Cô nói, nghe giọng có vẻ hoảng loạn, rồi rít, khác hẳn với Sylvie mà bọn trẻ vẫn biết. Sylvie quay trở lại phòng của Bridget và đóng cửa một cách dứt khoát. Chúng chỉ có thể nghe thấy những tiếng lầm rầm trao đổi giữa Sylvie và bác sĩ Fellowes, rồi cuối cùng Ursula nói với Teddy "Đi thôi" và cầm lấy tay cậu. Cậu ngoan ngoãn để mặc Ursula dẫn trở xuống cầu thang, tới phòng của Sylvie. "Chị đã nói là có bánh ngọt à?" Cậu hỏi.



"Màu da của Teddy giống hệt màu da của Bridget." Sylvie nói. Trong lòng cô tràn ngập nỗi sợ hãi. Cô biết thứ cô nhìn thấy là gì. Ursula thì chỉ xanh xao thôi, mặc dù đôi mí mắt đang khép của cô bé thâm sì và da cô bé nhợt nhạt kỳ lạ.

"Da đổi màu xanh tím." Bác sĩ Fellowes nói, bắt mạch cho Teddy. "Và bà có nhìn thấy những nốt màu gụ trên hai má cậu bé không? Tôi e rằng cậu bé đã mắc phải chủng cúm nguy hiểm hơn."

"Thôi đi, làm ơn thôi đi." Sylvie rít lên. "Đừng có giảng giải như thể tôi là một sinh viên y khoa. Tôi là mẹ của chúng." Vào khoảnh khắc đó, sao mà cô căm ghét bác sĩ Fellowes đến thế. Bridget đang nằm ở giường của mình trên gác, cơ thể vẫn còn ấm nhưng đã chết cứng. "Bệnh cúm Tây Ban Nha." bác sĩ Fellowes vẫn tiếp tục, không chút nao núng. "Ngày hôm qua, cô hầu gái của bà đã hòa vào những đám đông ở London - đó là môi trường hoàn hảo để bệnh dịch lây lan. Họ có thể nhiễm bệnh chỉ trong nháy mắt."

"Nhưng chuyện này không thể xảy ra..." Sylvie gay gắt nói, nắm lấy tay Teddy. "... với con của tôi, với các con của tôi." Cô sửa lại lời mình, vươn tay vuốt ve cái trán nóng bừng của Ursula.

Pamela thập thò ở cửa và Sylvie xua tay đuổi cô bé đi. Pamela òa khóc nhưng Sylvie không có thời gian để rơi nước mắt. Không phải bây giờ, không phải trước mặt của Tử thần.

"Tôi có thể làm gì đây?" Cô nói với bác sĩ Fellowes.

"Cô có thể cầu nguyện."

"Cầu nguyện ư?"

Sylvie không tin vào Chúa (vì chuyện của Tiffin và nhiều chuyện khác nữa). Cô cho rằng vị Chúa trong Kinh thánh ấy cũng chẳng có thật, giống như thần Zeus hay thần Pan. Tuy nhiên, cô vẫn tới nhà thờ vào mỗi Chủ nhật theo đúng bổn phận và tránh làm Hugh hoảng hốt với những ý nghĩ dị giáo của cô. Đó là điều buộc phải làm. Giờ

thì cô cầu nguyện với niềm tin sinh ra từ nỗi tuyệt vọng chứ không có đức tin, và cô nghi ngờ rằng dù có nó hay không thì cũng chẳng mấy khác biệt.

Khi một thứ bọt quái quỷ, giống như thứ bọt bám ở lá cây để che chở ấu trùng sâu bọ, sùi ra qua hai lỗ mũi của Teddy, Sylvie rú lên như một con thú bị thương. Bà Glover và Pamela ở bên ngoài cánh cửa đang chăm chú lắng nghe động tĩnh liền siết chặt tay nhau trong giây phút hòa hợp hiếm hoi. Sylvie bế thốc Teddy lên khỏi giường, áp chặt cậu vào ngực mình và gào lên đau đớn.

Chúa ơi, bác sĩ Fellowes nghĩ, người phụ nữ này than khóc như một kẻ hoang dã vậy.



Hai đứa trẻ cùng đầm đìa mồ hôi trong mớ chăn lạnh lộn xộn của Sylvie. Teddy đang nằm dang tay trên gối. Ursula muốn ôm cậu nhưng người cậu quá nóng, vì vậy cô bé chỉ nắm lấy một bên cổ chân cậu, như thể đang cố ngăn không cho cậu chạy đi. Có cảm giác như hai lá phổi của Ursula chứa đầy sữa trứng. Cô bé tưởng tượng rằng lớp sữa trứng ấy hẳn là dày dặn, vàng ươm và ngọt ngào lắm.

Teddy mất vào lúc sẩm tối. Ursula biết khoảnh khắc cậu ra đi. Trong lòng cô bé cảm nhận rõ điều đó. Cô bé chỉ vừa nghe thấy tiếng rú đầy đau khổ của Sylvie thì ai đó đã bế thốc Teddy ra khỏi giường. Mặc dù cậu bé chỉ là một đứa trẻ nhưng cô bé có cảm giác như thứ gì đó rất nặng bên cạnh mình vừa bị nhấc lên. Và rồi, Ursula chỉ còn trơ trọi một mình trên giường. Cô bé có thể nghe thấy những tiếng nức nở nghẹn ngào của Sylvie, một âm thanh khủng khiếp, như thể có kẻ nào đó đã chặt đứt tay chân của mẹ cô bé.

Mỗi lần hít thở là mỗi lần lớp sữa trứng trong hai lá phổi của cô bé bị siết chặt lại. Thế giới trước mắt cô bé đang mờ đi và trong lòng cô bé bắt đầu trào dâng một cảm giác háo hức, như thể sắp đến

Giáng sinh hay sinh nhật của mình. Thế rồi, màn đêm giống như một con dơi đen sì tiến đến, bao phủ lấy cô bé bằng đôi cánh của nó. Một hơi thở cuối cùng và rồi không còn hơi thở nào nữa. Cô bé giờ tay ra với Teddy, quên mất rằng cậu bé đã không còn ở đó.

Bóng tối phủ xuống.

TUYẾT



11 THÁNG 2 NĂM 1910

Sylvie thắp một ngọn nến. Mùa đông trời sáng muộn, giờ là năm giờ sáng theo cái đồng hồ quả lắc cầm tay nhỏ bằng vàng trên mặt lò sưởi phòng ngủ. Chiếc đồng hồ của Anh này ("Tốt hơn đồng hồ Pháp." Mẹ cô đã dạy) vốn là một trong những món quà cưới của cha mẹ cô. Khi các chủ nợ tới đòi nợ sau cái chết của người họa sĩ chuyên vẽ tranh chân dung cho giới quý tộc thượng lưu, bà vợ góa của ông đã giấu cái đồng hồ dưới váy mình. Lúc bấy giờ bà mới thấy nhớ tiếc thời hoàng kim của những chiếc váy phòng. Sau đó, Lottie bất ngờ phát ra tiếng chuông điểm khắc khiến các chủ nợ hoang mang, ngỡ ngác. May thay họ không có mặt ở trong phòng khi bà phát ra tiếng chuông điểm giờ.

Đứa bé mới sinh đang ngủ trong nôi. Trong đầu Sylvie chợt nảy ra những câu thơ của Coleridge*: *Đứa con bé bỏng thân yêu đang say ngủ bên cạnh tôi**. Đó là bài thơ nào nhỉ?

Lửa trong lò sưởi đã lụi dần, chỉ còn lại một ngọn nhỏ xíu leo lét trên những hòn than. Đứa bé bắt đầu ọ ẹ và Sylvie rón rén trèo xuống giường. Sinh nở là một việc cực nhọc. Nếu cô được quyền tạo ra loài người, cô sẽ sắp xếp mọi thứ theo một cách khác hẳn. (Chẳng hạn như một tia sáng vàng xuyên qua tai để thụ thai và chín tháng sau đứa bé sẽ chui ra từ một chỗ nào đó tế nhị và vừa vặn với nó hơn.) Cô rời khỏi chiếc giường ấm áp và bế Ursula lên khỏi nôi. Và rồi, đột nhiên, giữa không gian tĩnh mịch bao quanh bởi tuyết, cô nghĩ mình nghe thấy văng vẳng tiếng ngựa hí và trong tâm hồn bỗng dâng lên một niềm phấn chấn trước âm thanh không chắc có thực ấy. Cô bế Ursula tới cửa sổ và vén tấm rèm nặng nề lên, đủ để nhìn ra ngoài. Tuyết đã xóa sạch mọi thứ quen thuộc, thế giới ngoài kia được phủ trùm trong chiếc khăn choàng màu trắng. Và ở bên dưới

là hình ảnh tuyệt vời của George Glover cười trên tấm lưng trần một trong hai con ngựa cày to lớn của anh ta (Nelson, nếu cô không lầm), tiến bước trên lối đi lạnh giá dẫn vào nhà cô. Trông anh ta thật oai phong凛冽, giống như một người hùng cổ xưa. Sylvie kéo rèm lại và quyết định rằng có lẽ cuộc vượt cạn đầy gian nan mà cô vừa trải qua đêm nay đã ảnh hưởng đến trí não, khiến cô gặp ảo giác.

Cô đặt Ursula nằm xuống giường với mình và đưa bé liền sục sạo tìm đầu vú mẹ. Sylvie tin tưởng việc tự cho con bú. Đối với cô, ý nghĩ dùng bình thủy tinh và núm vú cao su không hiểu sao có vẻ quái đản, trái với lẽ thường, nhưng như thế không có nghĩa là cô không có cảm giác mình giống như một con bò cái đang bị vắt sữa. Đưa trẻ bú chậm chạp và khó khăn, nó vẫn còn lúng túng bởi điều mới mẻ này. Còn bao lâu nữa thì tới bữa sáng nhỉ? Sylvie tự hỏi.

ĐÌNH CHIẾN



11 THÁNG 11 NĂM 1918

Bridget thân mến, ta đã khóa và chốt cửa. Có một băng trộm - "trộm" hay là "chộm" nhỉ? Ursula cắn đuôi bút chì cho đến khi nó gấp nát. Khi không quyết định được, cô bé xóa chữ "trộm" đi và thay bằng chữ "cướp". Có một băng cướp trong làng. Cháu có thể ở lại nhà mẹ của Clarence không? Sau đó, cô bé bổ sung thêm *Và ta bị đau đầu nên đừng gõ cửa đấy.* Cô bé ký tên là *Bà Todd*. Đợi cho đến khi không còn ai ở trong bếp, Ursula mới đi ra ngoài và dán tờ giấy nhắn vào cửa sau.

"Cháu đang làm gì thế?" Bà Glover hỏi khi Ursula quay trở vào trong nhà khiến cô bé giật nảy mình. Bà Glover có thể đi lại nhẹ nhàng như một con mèo vậy.

"Chẳng làm gì ạ." Ursula nói. "Cháu xem Bridget về chưa thôi."

"Ôi trời!" Bà Glover nói. "Con bé đó sẽ về trên chuyến tàu cuối cùng, mấy tiếng đồng hồ nữa cơ. Giờ thì cháu lên nhà đi, đã quá giờ đi ngủ của cháu rồi đấy. Cháu coi nơi đây là Tòa nhà Tự do* rồi."

Ursula không biết Tòa nhà Tự do là cái gì nhưng nó có vẻ là một nơi sinh sống tuyệt vời.



Sáng hôm sau, không thấy Bridget ở trong nhà, cũng không thấy bóng dáng Pamela đâu, Ursula cảm thấy trong lòng dâng lên một nỗi nhẹ nhõm vô cùng khó hiểu giống như nỗi hoảng loạn đã dẫn dắt cô bé viết lá thư tối hôm qua.

"Có một tờ giấy nhắn ngó ngẩn dán trên cửa vào tối qua, một trò chơi khăm." Sylvie nói. "Bridget đã bị nhốt ở bên ngoài. Con biết

không, chữ viết trên đó giống hệt chữ viết của con. Ursula, con có thể giải thích điều đó không?"

"Không, con không thể." Ursula quả quyết nói.

"Mẹ đã sai Pamela tới nhà bà Dodds để gọi Bridget về nhà." Sylvie nói.

"Mẹ đã sai chị Pamela ư?" Ursula hoảng hốt hỏi lại.

"Ừ, Pamela."

"Pamela đang ở cùng Bridget ạ?"

"Ừ!" Sylvie nói. "Bridget. Con làm sao vậy?"

Ursula chạy ù ra khỏi nhà. Cô bé nghe thấy Sylvie hét gọi mình nhưng vẫn chạy đi. Cô bé chưa bao giờ chạy nhanh đến thế trong suốt tám năm cuộc đời, ngay cả khi Maurice đuổi theo để cấu véo cô bé. Cô bé chạy thẳng về phía nhà bà Dodds, chân giẫm lép bép trên những vũng bùn, vì thế mà đến khi nhìn thấy Pamela và Bridget ở đằng trước, cô bé đã lấm lem từ đầu tới chân.

"Có chuyện gì vậy?" Pamela lo lắng hỏi. "Bố về rồi à?" Bridget làm dấu thánh giá. Ursula ôm choàng lấy Pamela và òa khóc.

"Có chuyện gì vậy? Nói cho chị biết đi!" Pamela nói, giờ đã trở nên sợ hãi.

"Em không biết." Ursula nức nở. "Em chỉ cảm thấy rất lo cho chị."

"Đúng là đồ ngốc." Pamela trù mến nói, ôm lấy em gái.

"Tôi thấy hơi đau đầu." Bridget nói. "Về nhà thôi."



Chẳng bao lâu sau, bóng tối lại phủ xuống.

TUYẾT



11 THÁNG 2 NĂM 1910

"Ông Fellowes nói đây là một phép màu." Bridget nói với bà Glover khi họ nâng cốc chúc mừng sự ra đời của đứa bé mới sinh bên ấm trà buổi sáng. Đối với bà Glover, các phép màu chỉ tồn tại trong *Kinh thánh* chứ không phải trong một cuộc sinh nở chết đi sống lại. "Có lẽ bà ấy sẽ dừng ở đứa thứ ba." Bà nói.

"Tại sao bà ấy phải làm thế khi có những đứa con khỏe mạnh, đáng yêu? Chưa kể trong ngôi nhà này, họ có đủ tiền để mua bất cứ thứ gì."

Bà Glover lờ đi lời tranh luận ấy, nhồm dậy khỏi bàn và nói: "Thôi, ta phải chuẩn bị bữa sáng cho bà Todd đây." Bà lấy cái bát đựng những quả cắt ngâm trong sữa từ chạn thức ăn và bắt đầu bóc lớp màng mỡ màu trắng bao quanh chúng. Bridget liếc nhìn chỗ sữa màu trắng có lẫn những vệt đỏ và cảm thấy buồn nôn.

Bác sĩ Fellowes đã ăn sáng - với thịt lợn muối xông khói, dồi, bánh mì rán và trứng - và rời đi rồi. Cánh đàn ông trong làng đã tới, cố gắng đào cái xe ô tô của ông ta khỏi lớp tuyết dày nhưng thất bại. Ai đó đã chạy đi gọi George và anh ta cưỡi một trong những con ngựa cày to lớn của mình tới giải cứu ông ta. Trong đầu bà Glover thoáng hiện lên hình ảnh của Thánh George* nhưng vội vàng xua đi vì ý nghĩ đó quá kỳ cục. Bác sĩ Fellowes được kéo lên ngồi sau lưng con trai bà Glover không mấy khó khăn và hai người họ lập tức phóng đi, cày trên lớp tuyết trắng xóa chứ không phải là lớp đất như mọi khi.

Một người nông dân bị bò xéo phải, nhưng anh ta vẫn còn sống. Cha của bà Glover, một người chăn nuôi bò sữa, đã bị một con bò cái giết chết. Bà Glover - khi ấy vẫn còn trẻ nhưng gan dạ và còn

chưa quen ông Glover - đã tình cờ phát hiện ra cha mình nằm chết trong khu vực vắt sữa bò. Bà vẫn còn nhớ như in hình ảnh máu ông vương trên đồng rơm và vẻ kinh ngạc trên mặt con bò Maisie mà cha bà yêu quý nhất.

Bridget áp tay lên ấm trà cho ấm và bà Glover nói: "Chà, ta cũng phải lo liệu cho hai quả thận của mình đây. Tìm cho ta một bông hoa để cắm trên cái khay đựng đồ ăn sáng của bà Todd nhé!"

"Một bông hoa ư?" Bridget bối rối, nhìn ra lớp tuyết ngoài cửa sổ. "Trong thời tiết này sao?"

ĐÌNH CHIẾN



11 THÁNG 11 NĂM 1918

"Ồ, Clarence!" Sylvie nói khi ra mở cửa sau.

"Tôi lấy làm tiếc phải nói rằng Bridget đã gặp một tai nạn nhỏ. Con bé bị vấp vào bậc cửa và ngã. Chỉ bị trật mắt cá chân thôi, tôi nghĩ vậy, nhưng tôi cho rằng con bé sẽ không thể lên London để tham gia lễ mừng chiến thắng."

Bridget đang ngồi nhấm nháp rượu brandy bên lò sưởi trên cái ghế của bà Glover, một cái ghế Windsor lưng cao đồ sộ. Chân cô gác lên một cái ghế đầu và cô đang thưởng thức sự kịch tính trong câu chuyện của mình.

"Lúc ấy cháu đang đi qua cửa bếp. Trước đó cháu đã ra ngoài để giặt giũ mặc dù không hiểu tại sao mình lại làm vậy khi trời bắt đầu mưa trở lại. Thế rồi cháu cảm thấy có một đôi bàn tay đẩy lưng cháu. Và cháu ngã chổng kèn, đau thấu trời đất. Đó là một đôi tay nhỏ." Cô nói thêm. "Giống như đôi tay của một con ma trẻ con vậy."

"Ồi, thiệt tình!" Sylvie nói. "Trong nhà này làm gì có ma, kể cả là ma trẻ con hay ma người lớn. Con có nhìn thấy gì không, Ursula? Lúc ấy con đang ở ngoài vườn, đúng không?"

"Ồ, con bé ngốc nghếch này chỉ bị vấp chân mà thôi." Bà Glover nói. "Bà biết nó vụng về thế nào mà. Chà, dù sao đi nữa..." Bà nói với chút hả hê. "... Tai nạn này đã đặt dấu chấm hết cho những trò vui ở London của cháu rồi."

"Không đâu ạ." Bridget quả quyết nói. "Cháu sẽ không bỏ lỡ dịp này vì bất cứ điều gì. Lại đây, Clarence! Đưa cánh tay anh đây! Em có thể nhảy lò cò."



Bóng tối lại phủ xuống...

TUYẾT



11 THÁNG 2 NĂM 1910

"Là Ursula, không cần các cháu phải mở miệng hỏi đâu." Bà Glover nói, múc cháo vào những cái bát đặt trước mặt Maurice và Pamela, chúng đang ngồi ở cái bàn gỗ to kèn h càn trong bếp.

"Ursula." Bridget nói với vẻ tán thưởng. "Một cái tên hay. Bà Todd có thích bông hoa giọt tuyết kia không ạ?"

ĐÌNH CHIẾN



11 THÁNG 11 NĂM 1918

Không hiểu sao mọi thứ có vẻ thật quen thuộc. "Điều đó được gọi là *déjà vu**." Sylvie nói. "Đó là một ảo giác do trí óc tạo ra. Trí óc con người vốn là một bí ẩn không thể hiểu thấu." Ursula chắc chắn rằng cô bé có thể nhớ mình từng nằm trong cái xe đẩy trẻ em dưới gốc cây.

"Không." Sylvie nói. "Không ai có thể nhớ những chuyện hồi mình còn quá nhỏ."

Nhưng Ursula nhớ rõ những chiếc lá rung rinh trong gió như những bàn tay màu xanh to lớn đang vẫy vẫy và con thỏ rừng bằng bạc treo toong teng trên mui xe đẩy cứ xoay tròn, đứng đưa trước mặt cô bé. Sylvie thở dài. "Con có trí tưởng tượng rất sinh động, Ursula." Ursula không biết liệu đây có phải là một lời khen hay không nhưng thực sự cô thường cảm thấy bối rối trong việc phân biệt những gì là thật và những gì không phải là thật. Lại còn nỗi sợ hãi khủng khiếp kia nữa, cái nỗi kinh hoàng khiếp đảm mà cô bé luôn mang trong mình. Những hình ảnh u ám, tăm tối trong đầu. "Đừng nghĩ mãi về những thứ như thế." Sylvie nghiêm giọng nói khi Ursula cố gắng giải thích. "Hãy nghĩ đến những điều tươi sáng."

Đôi khi, cô bé cũng biết ai đó sắp sửa nói gì trước khi họ mở miệng hoặc sự việc gì sắp sửa xảy ra - chẳng hạn một cái đĩa bị rơi hay một quả táo bị ném vào nhà kính, như thể các sự việc này đã xảy ra nhiều lần trước đó. Những lời nói của mọi người cứ lặp đi lặp lại và những người xa lạ dường như đã từng là người quen cũ.

"Thì thoảng ai cũng có những cảm giác kỳ lạ." Sylvie nói. "Nhớ này, con yêu - nghĩ những điều tươi sáng."

Bridget thì lắng nghe cô bé hơn. Cô tuyên bố rằng Ursula "có tài ngoại cảm". Cô nói có những cánh cửa dẫn từ thế giới này sang thế giới khác, nhưng chỉ một vài người là có khả năng đi qua đó mà thôi. Ursula không nghĩ cô bé muốn được là một trong số những người ấy.

Vào buổi sáng Giáng sinh năm ngoái, Sylvie đã trao cho Ursula một cái hộp được gói lại và thắt ruy băng rất đẹp, không ai có thể đoán được bên trong nó chứa thứ gì, rồi nói "Giáng sinh vui vẻ, con yêu", và Ursula đã thốt lên "Ồi, tuyệt quá, một bộ bàn ăn cho ngôi nhà búp bê", rồi lập tức chuốc lấy rắc rối vì bị buộc tội đã lén lút xem trộm các món quà.

"Nhưng em chưa bao giờ làm vậy." Lát sau, cô bé khẳng khẳng định với Bridget ở trong bếp. Lúc ấy, Bridget đang cố gắng dán những cái vương miện nhỏ bằng giấy trắng lên hai cái chân không còn bàn chân của con ngỗng Giáng sinh. (Con ngỗng khiến Ursula nghĩ tới một người đàn ông ở trong làng, thực ra là một chàng trai, anh ta đã mất cả hai bàn chân trong trận Cambrai*.) "Em không nhìn trộm, em chỉ biết trước thôi."

"À, tôi biết mà." Bridget nói. "Hẳn rồi, cô có giác quan thứ sáu."

Bà Glover, người đang đánh vật với món bánh pudding mặn thì xì một tiếng phản đối. Bà cho rằng năm giác quan đã là quá nhiều rồi, còn nảy nòi thêm một giác quan nữa làm gì!



Bọn trẻ bị nhốt ở ngoài vườn vào buổi sáng. "Lễ mừng chiến thắng cái gì chứ!" Pamela hậm hực nói khi chúng trú mưa dưới gốc dẻ gai. Chỉ có Trixie là vui vẻ. Nó thích khu vườn, chủ yếu là vì ở đó có những con thỏ đang hưởng thụ hoa lợi của vườn rau bất chấp sự rình rập gắt gao của lũ cáo. Trước khi chiến tranh nổ ra, George Glover đã cho Ursula và Pamela hai con thỏ con. Ursula đã thuyết phục Pamela nhốt chúng trong nhà và hai chị em giấu chúng trong

cái tủ quần áo ở phòng ngủ, bơm thức ăn cho chúng bằng một cái lọ nhỏ mắt mà hai đứa tìm thấy trong tủ thuốc, cho đến một ngày chúng nhảy bật ra và làm Bridget sợ hết hồn.

"Dù gì việc cũng đã rồi." Sylvie nói khi lũ thỏ được đem đến trình diện trước mặt cô. "Nhưng các con không thể giữ chúng ở trong nhà. Các con sẽ phải nhờ già Tom đóng cho chúng một cái chuồng."

Dĩ nhiên là lũ thỏ đã thoát ra khỏi cái chuồng đó từ lâu và vui vẻ nhân số lượng lên gấp nhiều lần. Già Tom đã đặt bả độc và bẫy khắp nơi nhưng chẳng thu được kết quả gì. ("Chúa ơi!" Sylvie nói vào một buổi sáng khi cô nhìn ra ngoài và thấy lũ thỏ đang ăn sáng trên bãi cỏ với vẻ thỏa mãn. "Ngoài kia cứ như ở Australia vậy.") Maurice đang học bắn súng trong khóa học quân sự dành cho thiếu niên ở trường, cậu đã dành trọn kỳ nghỉ hè dài vừa rồi cho việc đứng từ cửa sổ phòng ngủ bắn bừa vào lũ thỏ bằng khẩu súng săn Westley Richards cũ bị bỏ bê của Hugh. Pamela phẫn nộ với cậu đến nỗi cô bé đã rắc ít bột ngựa của chính cậu (cậu luôn lượn lờ ở những cửa hàng bán đồ chơi khăm) trên giường cậu. Ursula lập tức bị quy tội, và Pamela phải đứng ra thú nhận hành động của mình dù Ursula sẵn sàng chịu phạt oan. Pamela chính là kiểu người như vậy - lúc nào cũng rất ngay thẳng.

Chúng nghe thấy những giọng nói ở khu vườn bên cạnh - họ có hàng xóm mới nhưng chưa gặp mặt lần nào, nhà Shawcross - rồi Pamela nói: "Đi nào, xem xem chúng ta có thể nhìn thấy họ không. Chẳng biết họ tên là gì nhỉ?"

Winnie, Gertie, Millie, Nancy và bé Bea, Ursula nghĩ trong đầu nhưng không nói ra. Cô bé bắt đầu giữ bí mật y như Sylvie vậy.



Bridget cắn cái ghim cài mũ giữa hai hàm răng và nhấc hai cánh tay lên để chỉnh lại mũ. Cô đã đặc biệt đính một chùm hoa violet bằng giấy lên đó để mừng chiến thắng. Cô đang đứng trên đỉnh cầu

thang, lẩm nhẩm hát bài *K-K-K-Katy**. Cô đang nghĩ về Clarence. Khi nào họ kết hôn ("Vào mùa xuân." Anh ta nói, mặc dù trước đó không lâu anh ta đã nói là "trước Giáng sinh"), cô sẽ rời Góc Cáo. Cô sẽ có gia đình riêng và những đứa con của riêng mình.



Theo lời Sylvie, cầu thang là nơi rất nguy hiểm. Có người đã chết vì ngã cầu thang. Sylvie luôn dặn bọn trẻ không được chơi ở đầu cầu thang.

Ursula rón rén đi dọc theo tấm thảm trải cầu thang. Cô bé hít vào một hơi thật khẽ rồi giơ cả hai tay ra đằng trước, như thể đang cố ngăn một đoàn tàu, rồi nhào tới đẩy vào eo lưng Bridget. Bridget quay ngoắt đầu lại, mắt và miệng đều mở to kinh hãi khi nhìn thấy Ursula trước khi ngã lộn nhào xuống cầu thang và nằm sõng soài. Ursula vừa kịp ngăn mình không ngã theo Bridget.

Có công mài sắt có ngày nên kim.



"Tôi e là cánh tay đã bị gãy." Bác sĩ Fellowes nói. "Cô bị ngã cầu thang rất mạnh."

"Nó vốn vụng về mà." Bà Glover nói.

"Có người đẩy cháu." Bridget cãi. Trên trán cô lù lù một vết bầm lớn. Cô đang cầm cái mũ trong tay, những bông hoa violet đã bị bẹp rúm.

"Có người ư?" Sylvie hỏi lại. "Ai? Ai đẩy cháu xuống cầu thang hả Bridget?" Cô nhìn một lượt các khuôn mặt trong bếp. "Teddy?" Teddy đưa tay lên bịt miệng như thể cậu đang cố gắng ngăn những lời nói thoát ra. Sylvie quay sang Pamela. "Pamela?"

"Con á?" Pamela nói, đặt cả hai bàn tay lên tim như một kẻ tử vì đạo. Sylvie nhìn Bridget, và Bridget khẽ hất đầu về phía Ursula.

"Ursula?" Sylvie cau mày. Ursula dút khoát nhìn chăm chăm về phía trước, giống như một kẻ từ chối nhập ngũ sắp sửa bị xử bắn. "Ursula!" Sylvie nghiêm khắc nói. "Con có biết gì về chuyện này không?"

Ursula đã làm một việc xấu xa, cô bé đã đẩy Bridget xuống cầu thang. Bridget có thể đã chết và cô bé có thể đã là một kẻ giết người. Tất cả những gì Ursula biết là cô bé phải làm thế. Cảm giác sợ hãi vô biên đã bao trùm, lấy cô bé khiến cô bé buộc phải làm thế.

Ursula chạy ra khỏi phòng, trốn vào một trong những chỗ trốn bí mật của Teddy, là chiếc tủ dưới gầm cầu thang. Một lúc sau, cánh cửa mở ra, Teddy bò vào và ngồi trên sàn bên cạnh cô bé. "Em không nghĩ chị đã đẩy Bridget." Cậu bé nói và luồn bàn tay nhỏ nhắn, ấm áp vào bàn tay cô bé.

"Cảm ơn em. Nhưng chị đã làm vậy."

"Ồ, em vẫn yêu chị."

Cô bé có thể sẽ không bao giờ ra khỏi cái tủ đó nhưng chuông cửa chột vang lên và ngoài tiền sảnh bỗng xôn xao náo động. Teddy mở cửa tủ để ra xem có chuyện gì. Lúc chui vào trở lại, cậu thông báo: "Mẹ đang hôn một người đàn ông. Mẹ đang khóc. Chú ấy cũng đang khóc." Ursula thò đầu ra khỏi tủ để chứng kiến "hiện tượng" này. Cô bé kinh ngạc quay sang Teddy. "Chị nghĩ đó có thể là bố đấy." Cô bé nói.

HÒA BÌNH



THÁNG 2 NĂM 1947

Ursula thận trọng bước đi trên phố. Lòng đường thật nguy hiểm - gồ ghề và mấp mô bởi những kẽ nứt và lằn gợn trên mặt băng. Vĩa hè còn nguy hiểm hơn, chúng chẳng khác nào những khối tuyết xấu xí bị đông cứng lại, hoặc, tệ hơn, những đường trượt băng do bọn trẻ con trong khu tạo ra. Khi trường học đã đóng cửa, chúng chẳng có gì làm ngoài việc bày ra mấy trò chơi ấy. Ôi, Chúa ơi, Ursula nghĩ, mình đã trở nên xấu tính làm sao. Cuộc chiến quái quỷ. Thứ hòa bình quái quỷ.

Lúc cô tra chìa khóa vào ổ của cổng chính khu nhà, cô đã mệt lả. Trước đây, một chuyến đi mua sắm chưa bao giờ gian nan đến vậy, ngay cả trong những ngày tồi tệ nhất của Cuộc oanh kích Blitz*. Cơn gió căm căm quất vào mặt cô rất buốt và những ngón chân cô tê dại vì lạnh. Nhiệt độ chưa nhích nổi lên quá 0 độ trong hàng tuần lễ nay, thậm chí còn lạnh hơn cả hồi năm 1941. Ursula tưởng tượng rằng vào một ngày nào đó trong tương lai, khi cô cố gắng hồi tưởng lại đợt lạnh giá khủng khiếp này, cô sẽ chẳng thể nào hình dung ra nổi. Nó quá *gắn liền với những cảm nhận của cơ thể*, tưởng như xương cốt sẽ nát vụn, da dẻ sẽ nứt toác. Ngày hôm qua, cô đã nhìn thấy hai người đàn ông cố gắng mở một cái nắp cống trên đường bằng thứ dụng cụ trông như khẩu súng phun lửa. Có lẽ tuyết sẽ chẳng bao giờ tan và trời sẽ chẳng bao giờ ấm lên nổi, có lẽ đây chính là sự khởi đầu của kỷ Băng Hà mới. Hết lửa thì đến băng mà.

Cô nghĩ, chiến tranh cũng đã cướp đi gu thời trang của mình. Theo thói quen từ trong ra ngoài, cô đang mặc một cái áo lót mình ngắn tay, một cái áo lót mình dài tay, một cái áo len chui đầu dài tay, một cái áo khoác len và ngoài cùng là cái áo khoác mùa đông cũ sờn căng ních được cô mua mới ở cửa hàng Peter Robinson chừng hai

năm trước khi chiến tranh nổ ra. Đương nhiên là chưa kể bộ đồ lót xám xịt thường lệ, một cái váy vải tuyết dày dặn, đôi tất len dài màu xám, đôi găng tay thường và đôi găng tay hở ngón, khăn quàng cổ, mũ và đôi giày viền lông cũ của mẹ cô. Tội nghiệp cho kẻ nào có ý định hăm hiếp cô. "Đó là chuyện mong mãi mà chẳng được, nhỉ?" Enid Barker, một trong các thư ký, đã nói như vậy bên bình hãm trà thơm phức. Enid từng thử vai một người phụ nữ London trẻ táo bạo hồi năm 1940 và từ đó đến nay cô ấy vẫn thích thú diễn tròn vai diễn đó. Ursula tự trách mình vì lại có những ý nghĩ không tốt. Enid là người giỏi giang. Cô ấy cực kì thuần thục việc lập bảng biểu, một kỹ năng mà Ursula mãi vẫn không học nổi hồi cô còn học ở trường đào tạo thư ký. Cô đã tham gia một khóa học về đánh máy và tốc ký nhiều năm về trước - tất cả những gì xảy ra (trong cuộc đời cô) từ trước chiến tranh đều giống như đã diễn ra từ thời kỳ cổ đại. Cô đã thành thạo đến mức đáng kinh ngạc. Ông Carver, người điều hành trường đào tạo thư ký, đã khuyên cô rằng khả năng tốc ký của cô đủ tốt để có thể trở thành phóng viên tòa án ở Old Bailey*. Đó sẽ là một cuộc sống rất khác, có lẽ là tốt hơn nhiều so với cuộc sống bây giờ. Đương nhiên, chẳng có cách nào để biết được những chuyện như vậy.

Cô lê bước lên cái cầu thang tù mù để tới căn hộ của mình. Hiện giờ cô đang sống một mình. Millie đã kết hôn với một sĩ quan không lực Mỹ và chuyển tới bang New York sinh sống ("Mình - một cô dâu thời chiến - lấy chồng ngoại quốc! Ai mà ngờ được chứ?"). Vách tường hai bên cầu thang phủ một lớp mỏng bồ hóng và thứ gì đó có vẻ là dầu mỡ. Đây là một tòa nhà cũ, ngay tại Soho* (Cô "buộc phải" sống ở nơi này, như giọng điệu mẹ cô thường hay nói). Người phụ nữ sống ở tầng trên có rất nhiều vị khách đàn ông, Ursula đã quen với tiếng lò xo giường kêu cọt kẹt và những âm thanh lạ lùng vọng xuống qua trần nhà. Nhưng cô ấy rất dễ thương, luôn tươi cười chào hỏi cô và không bao giờ quên khi đến lượt mình quét dọn cầu thang.

Ngay từ đầu, tòa nhà đã ảm đạm như những tòa nhà được mô tả trong truyện của Dickens*, thậm chí bây giờ nó còn trông nhếch nhác và hoang phế hơn. Cơ mà cả thành phố London đều mang vẻ tồi tàn như vậy. Nhem nhuốc và trì trệ. Cô nhớ bà Woolf từng nói rằng bà không nghĩ "London cổ kính đáng thương" sẽ còn lấy lại được dáng vẻ sạch sẽ. ("Tất cả mọi thứ đều xơ xác khủng khiếp.") Có lẽ bà đã đúng.

"Ai mà nghĩ chúng ta đã thắng cuộc chiến chứ." Jimmy nói khi anh đến thăm cô, bảnh chọe trong bộ quần áo kiểu Mỹ, đầy vui vẻ và lạc quan. Cô dễ dàng tha thứ cho tinh thần phơi phới kiểu Tân Thế Giới* của cậu em trai. Em cô đã phải trải qua một cuộc chiến gian khổ. Chẳng phải tất cả bọn họ đều như vậy sao? "Một cuộc chiến gian khổ dài lâu." Churchill* đã tiên báo như vậy. Ông ta đã nói đúng.

Đây chỉ là chỗ trú chân tạm thời. Cô có đủ tiền để ở một chỗ tốt hơn nhưng vấn đề là cô thực sự không bận tâm lắm. Căn hộ chỉ có duy nhất một phòng. Nó có một ô cửa sổ bên trên bồn rửa và một thùng đun nước nóng, còn nhà vệ sinh nằm ở ngoài hành lang. Ursula vẫn nhớ căn hộ cũ ở Kensington* mà cô từng ở chung với Millie. Họ đã bị ném bom trong cuộc không kích quy mô lớn hồi tháng 5 năm 1941. Ursula đã nghĩ ngay đến Bessie Smith* đang hát câu *Như con cáo không có hang*, nhưng rồi cô đã trở lại sống ở căn hộ không còn nóc đổ trong vài tuần. Nó rất lạnh lẽo nhưng cô vốn quen với việc cắm trại nơi dã ngoại. Cô từng tham gia sinh hoạt với tổ chức Bund Deutscher Mädel*, mặc dù đây không phải là chuyện mà ta có thể đem ra kể lể lung tung trong những ngày tăm tối đó.

Nhưng có một bất ngờ đáng yêu đang chờ đợi cô. Một món quà từ Pammy - một thùng gỗ đựng khoai tây, tỏi tây, hành tây, một cây bắp cải xoắn Savoy khổng lồ màu xanh hơi ngả sang màu ngọc lục bảo (một vưu vật), và trên cùng là nửa tá trứng được bọc lót bằng bông thô xếp trong lòng cái mũ nỉ mềm cũ của Hugh. Những quả

trứng xinh đẹp có màu nâu lốm đốm ấy quý giá như những viên đá quý chưa được gọt giũa, đôi chỗ vẫn còn vương những sợi lông vũ bé tí xíu. Trên cái nhãn dán ở ngoài thùng gỗ có ghi chữ *Thương gửi từ Góc Cáo*. Cứ như nhận được một thùng hàng cứu trợ của hội Chữ Thập Đỏ ấy. Làm thế nào mà nó tới được đây nhỉ? Chẳng có chuyến tàu nào chạy cả và Pamela gần như chắc chắn đã bị tuyết cầm chân. Điều càng khó hiểu hơn là làm thế nào mà chị cô thu hoạch được những loại rau củ mùa đông này khi *đất đai rắn đanh như sắt?*

Khi mở cửa, cô thấy một mảnh giấy ở trên sàn. Cô phải đeo kính vào để đọc. Đó là một lời nhắn từ Bea Shawcross. *Em tới thăm nhưng chị không có nhà. Sẽ ghé lại sau. Bea XXX*. Ursula thấy tiếc vì đã lỡ mất chuyến viếng thăm của Bea. Tiêu khiển buổi chiều thứ Bảy cùng cô ấy hẳn sẽ thú vị hơn nhiều so với việc lang thang ở khu Tây tàn tạ của thành phố. Nhìn thấy cây bắp cải khiến cô vui vẻ hẳn lên. Nhưng cây bắp cải cũng khơi gợi một ký ức không mong muốn về một "bọc vải nhỏ" trong tầng hầm ở đường Argyll - nó hiện lên một cách bất ngờ như thường lệ trong những khoảnh khắc thế này - rồi cô lại chìm vào nỗi âu sầu. Đạo gần đây, tâm trạng cô rất thất thường. Ôi trời ơi, cô tự mắng mình, phần chần lên đi nào, vì Chúa.

Có cảm giác như bên trong căn hộ còn lạnh lẽo hơn cả ngoài trời. Chân tay bị cước hết cả khiến cô đau đớn khủng khiếp. Ngay cả tai cô cũng cóng lạnh. Cô ước gì mình có một cái mũ len che tai hoặc mũ len trùm đầu, giống như những cái mũ len màu xám mà Teddy và Jimmy thường đội khi tới trường. Có một câu thơ trong bài *Đêm trước ngày Thánh Agnes**, như thế nào ấy nhỉ? Nó nói về những hình điêu khắc bằng đá trong nhà thờ *đội mũ trùm đầu và mặc áo giáp bằng băng*. Mỗi lần đọc đến câu thơ ấy, cô lại thấy rét run cả người. Hồi còn đi học, Ursula đã phải học thuộc lòng toàn bộ bài thơ này, một kỳ công của trí nhớ mà có lẽ bây giờ đã nằm ngoài khả năng của cô, và, suy cho cùng, việc đó có ích gì khi mà hiện tại cô chẳng thể nhớ nổi một câu hoàn chỉnh? Cô đột nhiên mơ tưởng đến

cái áo choàng lông của Sylvie mà bây giờ đã thuộc về Pamela, một cái áo choàng bằng lông chồn vizon lù xù giống như một con thú to lớn thân thiện. Sylvie đã tự sát vào ngày Chiến thắng*. Trong khi những người phụ nữ khác đang xoay xở góp thức ăn với nhau để tổ chức những bữa tiệc trà và nhảy múa trên các đường phố ở Anh thì Sylvie lại nằm trên chiếc giường của Teddy hồi nhỏ và uống một lọ thuốc ngủ. Không có lá thư tuyệt mệnh nào, nhưng ý định và động cơ của bà đã quá rõ ràng đối với cái gia đình mà bà vừa bỏ lại. Một bữa tiệc đám ma khủng khiếp đã được tổ chức ở Góc Cáo để tiễn biệt bà. Pamela nói đó là cách giải thoát hèn nhất, nhưng Ursula không đồng tình lắm. Cô nghĩ cái chết của bà có mục đích rõ ràng đến đáng phục. Sylvie là một nạn nhân nữa của chiến tranh, một số liệu thống kê nữa.

"Em biết không!" Pamela nói. "Chị thường tranh cãi với mẹ vì mẹ nói khoa học đã khiến thế giới trở nên tồi tệ hơn, người ta chỉ toàn phát minh ra những cách thức giết người mới. Nhưng bây giờ chị lại băn khoăn tự hỏi có chắc là mẹ đã nói không đúng." Đương nhiên đó là khi sự kiện Hiroshima* chưa xảy ra.

Ursula thắp lò sưởi đốt bằng khí gas, một cái lò sưởi nhỏ xíu hiệu Radiant trông như có từ hồi đầu thế kỷ, rồi nhét đồng xu vào khe nạp tiền. Nghe đồn những đồng penny và shilling* đang cạn kiệt. Ursula tự hỏi tại sao họ không nấu chảy các loại vũ khí. Như biến súng ống thành lưỡi cày, đại loại thế.

Cô dỡ cái thùng gỗ của Pammy, bày mọi thứ lên cái giá úp bát đĩa nhỏ bé bằng gỗ như thể đó là bức tranh tĩnh vật của một người đàn ông nghèo. Đám rau củ lấm lem bùn đất nhưng chẳng hy vọng gì rửa sạch được vì các ống nước đều đóng băng cả rồi, ngay cả nước trong cái bình đun nước nóng nhỏ bé hiệu Ascot cũng thế, dù sao thì áp lực gas cũng thấp đến nỗi gần như chẳng thể làm nước nóng lên được. *Nước cứ như cục đá*. Dưới đáy thùng gỗ, cô phát hiện một chai Whisky còn một nửa. Chị Pammy đáng mến lúc nào cũng chu đáo như vậy.

Cô múc ít nước từ cái xô đã hứng đầy ở vòi nước công cộng trên phố vào một cái nồi và đặt nồi nước lên bếp gas. Cô nghĩ là có thể luộc một quả trứng, mặc dù việc đó sẽ rất mất thời gian vì ngọn lửa xanh trên bếp chỉ cháy leo lét. Người ta vẫn cảnh báo mọi người phải cảnh giác với áp lực gas - đề phòng trường hợp khí gas rò rỉ khi ngọn lửa mỗi* bị tắt.

Bị ngạt hơi gas có khủng khiếp lắm không nhỉ? Ursula tự hỏi. *Ngạt hơi gas*. Cô nghĩ về Auschwitz*, Treblinka*. Jimmy từng là một đặc công và vào cuối cuộc chiến anh đã gia nhập trung đoàn chống tăng giải phóng Bergen-Belsen*. Theo lời anh, việc gia nhập là khá tình cờ (mặc dù mọi thứ liên quan đến Jimmy đều luôn có chút tình cờ). Ursula nằng nặc đòi anh kể cho cô nghe anh đã thấy gì ở đó. Anh kể khá miễn cưỡng và có lẽ còn giấu giếm những gì tệ nhất, nhưng cô cần được biết. Cần phải có người chứng thực. (Cô nghe thấy giọng bà Woolf vang lên trong đầu: *Mai này, khi chúng ta đã an toàn, chúng ta phải nhớ tới những người đó.*)

Công việc của cô trong chiến tranh là thống kê số người chết, tầng tầng lớp lớp số liệu đại diện cho những người tử vong trong các cuộc oanh tạc bày la liệt trên bàn làm việc của cô, chờ được sắp xếp và ghi chép lại. Chúng có vẻ nhiều đến mức có thể nhấn chìm cô, nhưng những số liệu lớn hơn - sáu triệu người chết, năm mươi triệu người chết, hàng hà sa số linh hồn - còn nằm ngoài sức tưởng tượng của mọi người.

Ursula đã đi lấy nước vào ngày hôm qua. Họ - "Họ" là ai? Sau sáu năm chiến tranh, tất cả mọi người đều đã quen làm theo lệnh "của họ", dân Anh đúng là đám người dễ bảo - họ đã lắp đặt một vòi nước công cộng ở phố bên cạnh, Ursula đã hứng đầy một cái ấm và một cái xô từ vòi nước đó. Người phụ nữ đứng xếp hàng trước cô trông cực kì thanh lịch khi khoác trên người chiếc áo choàng lông chồn zibelin màu xám bạc dài chấm đất đáng ghen tỵ, vậy mà cô ấy phải đứng ở đó, kiên nhẫn chờ đợi trong cái lạnh cắt da cắt thịt với

những cái xô của mình. Cô ấy trông có vẻ lạc lõng ở khu Soho này, nhưng ai mà biết câu chuyện cuộc đời của cô ấy ra sao chứ?

Những người phụ nữ bên giếng nước. Ursula lảng máng nhớ rằng Chúa Jesus từng có một cuộc đối thoại đặc biệt với người phụ nữ ở bên giếng nước*. Người phụ nữ Samaria* - đương nhiên là vô danh. Ursula nhớ bà ta có năm người chồng và đang sống với một người đàn ông không phải là chồng mình, nhưng bản *Kinh thánh* của Vua James* không hề nhắc đến chuyện gì đã xảy ra với năm ông chồng kia. Có lẽ bà ta đã bỏ thuốc độc vào trong giếng.

Ursula nhớ Bridget từng kể với họ rằng hồi cô ấy còn nhỏ và còn đang sống ở Ireland, ngày nào cô ấy cũng phải đi bộ tới một cái giếng để lấy nước. Đất nước tiên bộ này giờ đã quay về thời đó rồi! Nền văn minh lật mặt trái mới nhanh làm sao! Hãy nhìn người Đức xem, những con người có văn hóa và lịch sự nhất, vậy mà... Auschwitz, Treblinka, Bergen-Belsen. Nếu bị đặt trong hoàn cảnh giống như họ, người Anh cũng có thể như vậy lắm chứ, nhưng đây cũng là một điều mà ta không thể nói ra miệng. Bà Woolf đã tin như vậy, bà đã nói...

"Này chị!" Người phụ nữ mặc áo lông chồn cất tiếng, cắt ngang dòng suy nghĩ của cô. "Chị có biết tại sao nước trong nhà tôi bị đông cứng còn nước ở đây lại không bị không?" Cô ta có giọng nói của tầng lớp thượng lưu.

"Tôi không biết." Ursula nói. "Tôi chẳng biết gì cả."

Người phụ nữ kia cười nói: "Ồ, tôi cũng có cảm giác giống chị đấy, tin tôi đi." Ursula nghĩ có lẽ đây là người mà cô sẽ muốn làm bạn cùng, nhưng một người phụ nữ đằng sau họ giục: "Tiến lên đi, máy cưa." Người phụ nữ mặc áo lông chồn liền nhắc những cái xô của mình lên, dáng vẻ khỏe khoắn như một cô nông dân thuộc tổ chức Lực lượng Phụ nữ Hậu Phương, rồi nói: "Chà, đến lượt tôi rồi, chào chị nhé!"



Cô mở radio lên. Kênh Ba đã tạm ngừng phát sóng trong thời gian này. Trong cuộc chiến với thời tiết. Bắt được kênh Home hay kênh Light* đã là may mắn lắm rồi, nhiều nơi còn bị cúp điện nữa kìa. Cô cần tiếng động, cần âm thanh của cuộc sống quen thuộc. Jimmy đã cho cô chiếc máy hát cũ của anh trước khi anh đi. Đáng buồn là chiếc máy hát và hầu hết những chiếc đĩa hát của cô đều đã bị mất hồi ở Kensington. May mà cô còn vớt vát được một cặp đĩa không bị vỡ (kỳ diệu làm sao) và giờ đang đặt một cái lên máy hát. "Thà tôi chết và bị chôn dưới mộ*." Ursula cười. "Có vui không nhỉ?" Cô nói to. Cô lắng nghe âm thanh lạo xạo phát ra từ cái đĩa cũ. Tâm trạng cô có giống như vậy không?

Cô liếc nhìn đồng hồ, cái đồng hồ quả lắc cầm tay nhỏ bé bằng vàng của Sylvie. Cô đã mang nó về nhà sau đám tang của bà. Mới bốn giờ. Chúa ơi, ngày nào cũng dài lê thê. Cô nghe thấy tiếng píp píp báo giờ trên radio và tắt chương trình tin tức đi. Có ý nghĩa gì chứ?

Cả chiều nay cô đã lang thang trên phố Oxford và phố Regent để giải khuây - để có cơ thoát ra khỏi căn hộ một phòng giống như căn buồng của một nữ tu này. Tất cả các cửa hàng đều lờ mờ, ảm đạm. Ở Swan & Edgar's thì người ta thắp đèn dầu hỏa, còn ở Selfridge's thì thắp nến - bên trong toàn những khuôn mặt rầu rĩ, tối tăm giống như các nhân vật trong một bức họa của Goya*. Chẳng có gì để mua, hay đúng hơn là chẳng có thứ gì mà cô muốn mua cả, còn bất cứ thứ gì cô mong muốn, chẳng hạn như một đôi giày cổ lông đáng yêu trông có vẻ ấm áp thì lại đắt khủng khiếp (mười lăm guinea*!). Thật là ngán ngẩm. "Còn tệ hơn cả hồi chiến tranh nữa." Cô nàng Fawcett ở chỗ làm đã nói như vậy. Cô ấy sắp nghĩ việc để lấy chồng, họ đã chung tiền với nhau để mua quà cưới cho cô ấy, một cái lọ hoa khá bình thường, nhưng Ursula muốn tặng riêng cô ấy thứ gì đó đặc biệt hơn, có điều cô không thể nghĩ ra thứ gì nên đã hy

vọng các cửa hàng bách hóa ở khu Tây có thể có thứ cô cần. Nhưng hóa ra chúng cũng chẳng có.

Cô đã vào một nhà hàng thuộc chuỗi Lyon's để uống một tách trà, nó nhạt như nước cho cừu uống, theo cách nói của Bridget, và ăn một cái bánh dore. Cô đếm được đúng hai quả nho khô cứng ngắt và một lớp bơ thực vật mỏng dính, cố gắng tưởng tượng mình đang ăn một thứ gì đó tuyệt hảo - một chiếc *Cremeschnitte** thơm ngon hoặc một miếng *Dobostorte**. Cô cho rằng vào lúc này người Đức cũng chẳng được thưởng thức nhiều loại bánh trái gì.

Cô buột miệng thốt ra từ *Schwarzwälder Kirschtorte* (một cái tên lạ thường, một cái bánh lạ thường) và thu hút sự chú ý không mong muốn của người phụ nữ đang lặng lẽ ăn một chiếc bánh mì phủ kem to tướng ở bàn bên cạnh. "Người tị nạn à cưng?" Cô ta hỏi với giọng đầy vẻ thông cảm khiến Ursula ngạc nhiên.

"Đại loại thế." Ursula nói.



Trong lúc đợi trứng chín - nước vẫn chỉ âm ỉ - cô lục những quyển sách chưa từng được dỡ ra khỏi thùng giấy sau khi rời khỏi Kensington. Cô tìm thấy cuốn sách của Dante* mà Izzie đã cho cô - nó được bọc bìa da màu đỏ dập nổi rất đẹp, nhưng các trang bên trong đều đã bị ố; một quyển sách của Donne* (cuốn sách mà cô yêu thích); cuốn *Đất hoang** (một bản in đầu hiếm hoi mà cô lấy trộm của Izzie); một cuốn *Tuyển tập Shakespeare*, những bài thơ siêu hình yêu thích của cô và, cuối cùng, ở đáy thùng giấy, là quyển thơ tả tơi của Keats mà cô có từ hồi còn đi học với lời đề tặng: *Tặng Ursula Todd, vì thành tích tốt*. Cô cho rằng lời đề tặng này cũng có thể được dùng để làm văn bia. Cô lật giở các trang giấy cũ mèm cho đến khi tìm thấy bài *Đêm trước ngày Thánh Agnes*.

Ôi, trời rét căm căm!

Cú nhiều lông vẫn cồng;

Chân thỏ run lập cập

Trên bãi cỏ giá băng;

Cừu lặng lẽ im lìm

Trong lớp len bao phủ.

Cô đọc to những câu thơ ấy và chúng khiến cô run rẩy. Cô nên đọc thứ gì đó ấm áp, Keats và những con ong của ông - *Mùa hè khiến các tổ ong tràn trề mật ngọt**. Đáng lẽ Keats nên chết trên đất Anh. Ngủ trong một khu vườn ở Anh vào một buổi chiều hè. Giống như Hugh.

Cô ăn trứng trong lúc đọc tờ *Times* số ra ngày hôm qua, ông Hobbs ở phòng thư tín đã đưa tờ báo cho cô sau khi ông đọc xong, một thủ tục thường nhật nhỏ nhỏ mà họ tự quy ước với nhau. Khổ của tờ báo mới bị co lại khiến nó có vẻ kỳ cục, như thể những tin tức trên báo không còn quan trọng như trước. Mà đúng là nó không còn quan trọng nữa, nhỉ?



Những bông tuyết đang rơi ngoài cửa sổ như những tàn tro xám xịt. Cô nghĩ về những người thân của gia đình Cole ở Ba Lan - tàn tro của họ bay lên phía trên trại Auschwitz* giống như một đám mây khói bụi bốc lên từ miệng núi lửa, vây quanh trái đất và che khuất mặt trời. Ngay cả bây giờ, sau tất cả những gì mà người ta biết được về các trại tập trung và các trại hành quyết, hay những nơi giống như thế, tư tưởng bài Do Thái vẫn còn rất phổ biến. "Thằng Do Thái", hôm qua cô đã nghe thấy có người bị gọi như vậy, hay khi cô nàng Andrews thoái thác việc góp tiền mua quà cưới cho Fawcett, Enid Barker đã chế nhạo "Đúng là đồ Do Thái", như thể đó là câu xúc phạm nhẹ nhàng nhất.

Dạo gần đây, văn phòng là một nơi tẻ ngắt, dễ khiến người ta cáu kỉnh - có lẽ họ mệt mỏi vì lạnh và thiếu thốn các loại thức ăn ngon lành, nhiều chất dinh dưỡng. Công việc này cũng nhàm chán nữa, hàng núi số liệu thống kê cần được ghi chép, phân loại, sắp xếp để được chuyển đến những nơi lưu trữ ở đâu đó - chắc là để cho các sử gia tương lai nghiền ngẫm, nghiền cứu, cô đoán vậy. Họ vẫn đang "thu dọn và sắp xếp", theo cách nói của Maurice, như thể những thương vong trong chiến tranh là đồng đồ bừa bộn cần cất đi và quên lãng. Lực lượng Dân quân đã bị giải thể hơn một năm rưỡi nay nhưng cô vẫn chưa thoát khỏi công việc hành chính tẻ mẫn này. Những cái cối xay của Chúa* (hay của chính phủ) đúng là xay rất chậm và tỉ mỉ.



Quả trứng thật tươi ngon, như thể nó vừa được để ra sáng nay. Cô tìm thấy một tấm bưu thiếp cũ in hình cung điện Brighton* (được mua trong một chuyến đi chơi trong ngày với Crighton) mà cô chưa bao giờ gửi đi đâu, và viết nguệch ngoạc lời cảm ơn Pammy vào mặt sau của nó - *Tuyệt quá! Cứ như thùng hàng cứu trợ của hội Chữ Thập Đỏ vậy* - rồi dựng nó lên bên cạnh chiếc đồng hồ của Sylvie trên mặt lò sưởi. Bên cạnh tấm ảnh của Teddy nữa. Teddy và các đồng đội trên chiếc máy bay Halifax* của anh đã chụp bức ảnh ấy vào một buổi chiều chan hòa ánh nắng. Họ đang ngồi ngả ngón trên những chiếc ghế cũ. Vĩnh viễn tươi trẻ. Con chó tên Lucky đứng hiên ngang trên đầu gối Teddy như bức tượng nhỏ gắn ở đầu mũi tàu. Giá mà vẫn còn Lucky thì vui biết bao. Tấm huân chương DFC* của Teddy được dựng trên mặt kính của khung ảnh. Ursula cũng có một tấm huân chương nhưng nó chẳng có ý nghĩa gì với cô cả.

Cô sẽ gửi tấm bưu thiếp vào chiều mai. Chắc phải rất lâu nó mới tới được Góc Cáo, cô nghĩ.

Năm giờ. Cô mang cái đĩa tới bồn rửa, bỏ chung với những cái đĩa chưa rửa khác. Những bông tuyết xám xịt như tàn tro giờ đã dày lên thành một trận bão tuyết trên bầu trời u ám. Cô kéo tấm rèm cotton mỏng manh, cố gắng che khuất cảnh tượng ấy. Tấm rèm bị kẹt, kéo mãi cũng chẳng nhúc nhích, cô đành bỏ cuộc vì sợ lỡ tay giật đứt nó. Khung cửa sổ đã cũ và lỏng lẻo nên gió lùa vào lạnh buốt.

Điện bị cắt và cô mò mẫm tìm nến trên mặt lò sưởi. Còn có thể tồi tệ hơn nữa không? Ursula mang cây nến và chai whisky tới giường, vẫn mặc nguyên áo khoác mà chui vào dưới những tấm chăn. Cô mệt mỏi quá!

Ngọn lửa trên cái lò sưởi nhỏ hiệu Radiant chập chờn chực tắt. Liệu có khủng khiếp lắm không nhỉ? *Kết thúc cuộc đời vào lúc nửa đêm không chút đau đớn**. Có những cách còn tồi tệ hơn. Auschwitz, Treblinka. Chiếc Halifax của Teddy đã rơi xuống, toàn thân bao trùm trong lửa. Cách duy nhất để ngăn những giọt nước mắt là uống whisky liên tục. Chị Pammy đáng mến. Ngọn lửa trên cái lò sưởi Radiant lập lòe và tắt ngúm. Ngọn lửa mới cũng vậy. Cô tự hỏi khi nào thì có gas trở lại. Nếu mùi gas đánh thức cô, liệu cô có dậy và thắp lại lò sưởi không? Cô không mong mình chết như một con cáo bị đông cứng trong hang. Pammy sẽ nhìn thấy tấm bưu thiếp và biết rằng cô cảm kích chị ấy. Ursula nhắm mắt. Cô có cảm giác mình đã thức cả trăm năm. Cô thực sự vô cùng mệt mỏi.

Bóng tối bắt đầu phủ xuống.

TUYẾT



11 THÁNG 2 NĂM 1910

Mùi sữa thơm ấm áp và tươi mới là lời kêu gọi hết sức quyến rũ đối với con mèo Queenie. Queenie vốn là mèo của bà Glover, tuy nhiên nó chẳng hề coi mình thuộc quyền sở hữu của ai cả. Con mèo đòi mỗi đồ sộ này đã xuất hiện trên bậc cửa trong một cái túi hành lý cùng với bà Glover, và nó ngự trị trên chiếc ghế Windsor của chính nó, một phiên bản thu nhỏ của chiếc ghế mà bà Glover vẫn thường ngồi, bên cạnh cái bếp lò to tướng. Tuy nhiên, việc có ghế riêng cũng không ngăn nổi nó để lại lông lá ở tất cả những chỗ có thể ngồi được trong nhà, bao gồm cả những chiếc giường. Hugh vốn không yêu mèo lắm và liên tục kêu ca làm thế nào mà lông của "con vật ghẻ lở" kia lại vương được lên bộ com lê của anh.

Vốn dữ dằn hơn hầu hết những con mèo khác, nó thường giơ chi trước lên đâm nếu ai đó lại gần nó, giống như cách bọn thỏ rừng đánh nhau vậy. Bridget, cũng không phải là người yêu mèo, tuyên bố rằng con mèo này bị quỷ ám.

Mùi hương tươi mới ngon lành ấy đến từ đâu vậy nhỉ? Queenie nhẹ bước lên cầu thang và đi vào căn phòng ngủ rộng lớn. Căn phòng được sưởi ấm bởi một ngọn lửa nóng rực. Đây là một căn phòng tuyệt vời, trên giường có chiếc chăn mềm mại, dày dặn và nhịp thở nhẹ nhàng của những cơ thể đang say ngủ. Và kìa - một cái giường nhỏ hoàn hảo vừa vặn với một con mèo, đã được ủ ấm bởi một cái nệm nhỏ hoàn hảo cũng vừa vặn với một con mèo. Queenie day nhẹ móng vuốt của mình lên làn da thịt mềm mại kia, đột nhiên như được trở về với tuổi thơ. Nó nằm xuống thoải mái hơn, từ trong cổ họng phát ra tiếng grừ grừ trầm thấp đầy khoan khoái.



Làn da mềm mại bị những vật nhọn như kim châm chích làm cô bé giật mình tỉnh dậy. Sự đau đớn là một cảm giác mới mẻ, khó chịu. Rồi đột nhiên cô bé cảm thấy ngạt thở, miệng cô bé bị thứ gì đó lấp kín, chẹn lại, làm cô bé bị ngộp. Cô bé càng cố gắng hít thở thì việc hít thở lại càng khó khăn. Cô bé bị ấn xuống, bắt lực, không thể thở nổi nữa. Rơi xuống, rơi xuống, như một con chim bị bắn.

Queenie đang khoan khoái thiu thiu ngủ thì bị đánh thức bởi một tiếng thét chói tai rồi thấy mình bị tóm lên và bị ném vào một cái ngang qua căn phòng. Nó lúi ra khỏi phòng, gầm gừ và phun phì phì, cảm nhận được rằng đây là một cuộc chiến mà nó sẽ thua cuộc.

Chẳng thấy gì cả. Lồng ngực nhỏ bé trơn nhẵn và im lìm, không hề phập phồng lên xuống. Trái tim Sylvie đập thành thạch như thể ai đó đang đâm vào lồng ngực cô từ bên trong để đòi chui ra. Nguy hiểm quá! Một cơn rừng mình lan khắp người cô như sóng thủy triều.

Theo bản năng, cô kè miệng vào cái miệng và cái mũi nhỏ xíu của đứa bé, thổi nhẹ nhàng. Làm lại một lần nữa. Rồi lại thổi một lần nữa.

Và đứa bé tỉnh lại. Chỉ đơn giản như vậy. ("Tôi chắc chắn đó chỉ là sự trùng hợp." Bác sĩ Fellowes nói khi nghe kể về điều kỳ diệu trong ngành y học này. "Cô khó có thể hồi sinh ai bằng biện pháp đó.")



Sau khi lên gác để đưa cho Sylvie chén nước cốt bò hầm, Bridget trở lại bếp và thuật lại y chang lời của Sylvie với bà Glover: "Bà Todd nói là cháu hãy bảo bà bếp - tức là bà đó, bà Glover - tổng khứ con mèo đi. Bà ấy nói rằng tốt hơn là bà nên giết nó."

"Giết ư?" Bà Glover nói, nổi cơn thịnh nộ. Con mèo, giờ đã trở lại vị trí quen thuộc của nó bên bếp lò, ngóc đầu lên và hằm hè nhìn Bridget.

"Cháu chỉ truyền đạt lại lời của bà ấy thôi."

"Cứ bước qua xác ta đã." Bà Glover nói.



Bà Haddock nhấm nháp một cốc rượu rum nóng theo cái cách mà bà hy vọng là giống như một quý bà. Đây là cốc thứ ba và bà đang bắt đầu thấy nóng rực từ trong ra ngoài. Bà đang trên đường đi đỡ đỡ thì trận mưa tuyết buộc bà phải ghé vào trú tạm tại căn phòng riêng* ấm cúng của quán Sư Tử Xanh bên ngoài Chalfon St. Peter. Đây không phải là nơi bà sẽ bước chân vào, ngoại trừ lúc cần thiết. Nhưng bên trong căn phòng có một ngọn lửa đang cháy hừng hực và những người xung quanh đều vui vẻ đến đáng kinh ngạc. Những vật trang trí đeo trên yên ngựa và những cái bình bằng đồng ánh lên lấp lánh. Từ đây có thể nhìn thấy phía bên kia quầy bar là khu vực công cộng, nơi người ta có vẻ chè chén không ngừng nghỉ. Đó là nơi om sòm hơn hẳn. Ai đó đang hát ê a và bà Haddock ngạc nhiên khi nhận ra ngón chân mình cũng gõ nhịp theo.

"Bà không biết tuyết rơi dày thế nào đâu." Chủ quán nói, nghiêng người qua cái quầy bar bằng đồng bóng loáng. "Tất cả chúng ta có thể bị kẹt lại ở đây vài ngày đấy."

"Vài ngày ư?"

"Bà nên uống thêm một cốc rượu rum nữa. Tối nay bà sẽ không dễ dàng tới được bất cứ chỗ nào đâu."

NHƯ' CÁO TRONG HANG



THÁNG 9 NĂM 1923

"Vậy là bây giờ cháu hoàn toàn không còn đến chỗ bác sĩ Kellet nữa sao?" Izzie hỏi, mở nắp hộp thuốc lá trắng men, để lộ những điếu thuốc lá Black Russian được xếp thành hàng ngay ngắn. "Làm điếu chứ?" Cô hỏi, chìa hộp thuốc ra. Izzie nói chuyện với người nào cũng theo cái kiểu như thể họ trạc tuổi mình. Cách nói đó vừa có vẻ quyến rũ, vừa có vẻ lười biếng.

"Cháu mười ba tuổi mà." Ursula nói. Theo cô bé thấy, câu nói này đã trả lời cho cả hai câu hỏi.

"Thời nay, mười ba là lớn lắm rồi. Cuộc đời có thể rất ngắn ngủi, cháu biết đấy." Izzie nói thêm, lấy ra một cái đót thuốc lá dài bằng ngà đen. Cô liếc nhìn quanh nhà hàng để tìm một bồi bàn tới châm lửa giúp. "Cô nhớ mấy chuyến viếng thăm ngắn ngủi của cháu tới London ra phết đấy. Dẫn cháu tới phố Harley rồi tới Savoy để uống trà. Một điều thú vị đối với cả hai chúng ta."

"Cháu không còn đến chỗ bác sĩ Kellet hơn một năm rồi." Ursula nói. "Cháu được coi là đã khỏi bệnh."

"Tốt quá. Cô thì ngược lại, bị *la famille** coi là vô phương cứu chữa. Đương nhiên, cháu là một *jeune fille bien élevée** và sẽ không bao giờ hiểu được cảm giác của con oan dương* phải gánh tội lỗi của tất cả mọi người là như thế nào đâu."

"Ồ, cháu không biết. Cháu nghĩ cháu chỉ đoán được thôi."

Đó là bữa trưa thứ Bảy và họ đang ở tiệm Simpson's. "Các quý cô đang thư giãn." Izzie nói bên những miếng thịt bò lớn còn đỏ máu được lọc xương ngay trước mắt họ. Mẹ của Millie, bà Shawcross, là một người ăn chay và Ursula hình dung bà sẽ kinh hoàng thế nào

khi nhìn thấy miếng thịt to tướng này. Hugh gọi bà Shawcross (Roberta) là "một người Bohemian", còn bà Glover thì nói bà ấy bị khủng.

Izzie nghiêng người về phía chàng bồi bàn trẻ tuổi vừa hồi hả chạy tới để châm thuốc cho cô. "Cảm ơn cưng!" Cô thì thầm, ngược lên nhìn thẳng vào mắt anh ta khiến anh ta đột nhiên đỏ bừng mặt như miếng thịt bò nướng trên đĩa của cô. "*Le rosbi**." Cô nói với Ursula, thờ ơ phẩy tay cho anh chàng bồi bàn lui đi. Cô luôn chêm những từ tiếng Pháp vào câu nói của mình ("Hồi còn trẻ cô từng ở Paris một thời gian. Và, dĩ nhiên, trong cuộc chiến..."). "Cháu có biết nói tiếng Pháp không?"

"Chà, ở trường cháu có dạy tiếng Pháp." Ursula nói. "Nhưng thế không có nghĩa là cháu biết nói thứ tiếng đó."

"Cháu quả là một cô bé khôi hài, cháu có thấy thế không?" Izzie rít sâu một hơi trên cái đót thuốc lá rồi cong vành môi trên đồ chót (một cách đáng ngạc nhiên) như thể cô sắp thổi kèn trumpet trước khi phả ra một luồng khói. Máy người đàn ông ngồi gần đó quay sang nhìn cô chằm chằm như thể bị mê hoặc. Cô nháy mắt với Ursula. "Cô cá rằng từ tiếng Pháp đầu tiên mà cháu học được là *déjà vu*. Đứa trẻ tội nghiệp! Có lẽ hồi còn sơ sinh cháu đã bị đánh rơi đập đầu xuống đất. Cô nghĩ là cô đã bị như thế đấy. Nào, chén thôi, cô đói rồi hóng rồi, còn cháu thì sao? Cô đang phải kiêng mỡ đường nhưng thực sự thì sức chịu đựng của người ta cũng có giới hạn." Izzie nói, hăm hờ cắt thịt bò.

Tình trạng của Izzie đã khá hơn hẳn lúc trước. Khi cô đón Ursula trên sân ga ở Marylebone, trông cô thật xanh xao. Cô nói mình "hơi nôn nao" vì đã ăn hào và uống rượu rum ("đó vốn là một sự kết hợp không tốt") sau một đêm "chơi bời" trong một câu lạc bộ ở phố Jermyn. Bây giờ, dường như đã quên mất lũ hào, cô đang ăn như thể sắp chết đói mặc dù cô tuyên bố, như thường lệ, là mình "đang giữ dáng". Cô cũng tuyên bố là mình "nghèo kiết xác" nhưng vẫn

tiêu xài vô cùng hoang phí. "Cuộc đời còn có ý nghĩa gì nếu ta không thể có một vài thú vui?" Cô nói. ("Theo bố thấy, cuộc đời cô ấy chẳng có gì ngoài những thú vui." Hugh đã càu nhàu.)

Izzie tuyên bố rằng những thú vui - và những điều thú vị đi kèm với nó - là thứ cần thiết để xoa dịu sự thật là bây giờ cô đã "gia nhập tầng lớp công nhân" và phải "nện" một cái máy đánh chữ để kiếm sống. "Ôi trời, cứ làm như cô ấy đang phải khai thác than vậy." Sylvie bực bội nói sau một bữa trưa gia đình hiếm hoi khá căng thẳng ở Góc Cáo. Sau khi Izzie ra về, Sylvie giúp Bridget thu dọn, quăng những cái đĩa đựng hoa quả Worcester xuống và nói: "Cô ấy chỉ biết nói ra những lời ngốc nghếch, đó là việc mà cô ấy thành thạo kể từ khi mới bắt đầu bập bẹ."

"Đồ gia truyền đấy." Hugh lẩm bẩm, giằng lấy những cái đĩa Worcester.

Izzie đã xoay sở kiếm được một công việc ("Có Chúa mới biết là bằng cách nào." Hugh nói), đó là phụ trách viết bài cho một chuyên mục hằng tuần của một tờ báo với chủ đề sống "độc thân" - chuyên mục đó có tên là *Những cuộc phiêu lưu của một cô nàng độc thân hiện đại*. "Ai trong chúng ta cũng biết rằng thời buổi này chẳng còn đủ đàn ông cho tất cả các cô gái nữa." Cô nói, xé một mẩu bánh mì tròn trên bàn ăn kiểu Nhíp chính Phục hưng của Góc Cáo. ("Nhưng em có vẻ chẳng gặp khó khăn gì trong việc tìm họ." Hugh lẩm bẩm.) "Những chàng trai tội nghiệp ấy đã chết cả rồi." Izzie tiếp tục nói, lơ ông anh trai đi. Cô phết bơ tràn lan lên ổ bánh mì, chẳng thèm đếm xỉa đến sự khổ cực của con bò khi bị vắt sữa. "Chẳng thể làm gì để thay đổi được điều đó, chúng ta phải cố gắng hết sức để sống một cuộc sống không có họ. Người phụ nữ hiện đại phải tự lo liệu cho mình khi không còn hy vọng có được một tổ ấm trong tương lai. Cô ta phải học cách sống độc lập, về mặt cảm xúc, tài chính, và quan trọng hơn hết, trong *tâm hồn* cô ta." ("Vớ vẩn." Hugh lại nói.) "Đàn ông không phải là những người duy nhất phải hy sinh trong cuộc Đại

chiến." (Họ đã chết, còn cô thì không, đó là sự khác biệt." Sylvie lạnh lùng nói.)

"Đương nhiên." Izzie nói, để ý thấy bà Glover đang đứng bên khuỷu tay cô, mang theo liễn xúp Brown Windsor*. "Những người phụ nữ thuộc tầng lớp thấp thì đã quen với việc lao động." Bà Glover gườm gườm nhìn cô và siết chặt cái môi mím xúp. ("Xúp Brown Windsor à, ngon quá, bà Glover ạ. Bà đã cho gì vào mà nó có vị như thế này vậy?... Thật ư? *Thú vị* quá!") "Dĩ nhiên là chúng ta đang tiến tới một xã hội không có giai cấp." Câu nói này nhắm vào Hugh nhưng lại nhận được một tiếng xì chế giễu từ bà Glover, người vẫn chưa nguôi cơn giận.

"Tuần này em đã trở thành một người Bolshevik rồi à?" Hugh hỏi.

"Bây giờ tất cả chúng ta đều là Bolshevik." Izzie thản nhiên nói.

"Ở cái bàn ăn của anh ư!" Hugh nói và cười phá lên.

"Cô ấy đúng là một kẻ ngốc nghếch." Sylvie nói khi Izzie cuối cùng cũng rời đi để tới nhà ga. "Còn trang điểm quá đậm nữa chứ! Như thể đang ở trên sân khấu vậy. Dĩ nhiên, trong suy nghĩ của cô ấy thì cô ấy lúc nào cũng đang ở trên sân khấu. Cô ấy chính là cái rạp hát của bản thân mình."

"Mái tóc của nó." Hugh nói với vẻ tiếc nuối. Rõ ràng là Izzie đã cắt tóc ngắn trên vai trước bất cứ người phụ nữ nào mà họ biết. Hugh đã cấm tuyệt đối phái nữ trong nhà mình cắt tóc. Gần như ngay khi anh vừa ban ra sắc lệnh này, Pamela - vốn không phải kẻ có tư tưởng nổi loạn - đã cùng Winnie Shawcross đi vào thị trấn và trở về với mái tóc ngắn cũn cỡn. ("Mái tóc này giúp con chơi các môn thể thao dễ dàng hơn." Pamela giải thích một cách hợp tình hợp lý.) Pamela đã giữ lại bím tóc nặng nề của mình, chẳng rõ là để làm kỷ niệm hay làm chiến lợi phẩm nữa. "Con đang 'làm binh biến', đúng không?" Hugh nói. Cả hai người họ đều không phải là mẫu người hay tranh cãi, vì thế cuộc đối thoại chấm dứt ở đó. Bím tóc ấy

hiện nằm ở đáy ngăn kéo đựng đồ lót của Pamela. "Ai mà biết được, nó có thể có ích cho việc gì đó." Cô bé nói. Chẳng ai trong gia đình cô bé tưởng tượng ra nỗi việc đó có thể là việc gì.

Sylvie không chỉ ác cảm với Izzie vì mái tóc hay cách trang điểm. Cô không bao giờ tha thứ cho Izzie vì chuyện đứa bé. Giờ nó đã mười ba rồi, bằng tuổi Ursula. "Một thằng nhóc người Đức." Cô nói. "Dòng máu đang chảy trong huyết quản của các con em cũng đang chảy trong huyết quản của nó. Nhưng, dĩ nhiên, điều duy nhất mà Izzie quan tâm chỉ là bản thân cô ấy mà thôi."

"Nhưng con bé không hoàn toàn nông cạn." Hugh nói. "Anh nghĩ nó đã nhìn thấy vài điều khủng khiếp trong chiến tranh." Cứ như anh thì không vậy.

Sylvie lắc lắc đầu, như thể có một bầy muỗi mắt đang bay lượn quanh mái tóc xinh đẹp của cô. Cô khá ghen tỵ với cuộc chiến của Izzie, kể cả những điều khủng khiếp. "Cô ấy vẫn là một kẻ ngốc." Cô nói. Hugh cười, đáp lời: "Đúng vậy."

Chuyên mục báo mà Izzie phụ trách chẳng khác gì cuốn nhật ký ghi chép về cuộc sống riêng sôi nổi của chính cô, thì thoảng xen vào một lời bình về xã hội. Tuần trước nó có tiêu đề "Chúng có thể cao đến đâu?" và nội dung nói về việc "mép váy của những người phụ nữ được giải phóng đã nhích cao lên", nhưng lại đề cập chủ yếu đến các bí quyết của Izzie để có được đôi cổ chân thon thả, quyến rũ. *Đứng kiễng chân trên bậc dưới cùng, xoay lưng lại với cầu thang và gác gót chân lên mép bậc thang phía trên.* Pamela đã tập luyện cả tuần trên cầu thang ở tầng áp mái và tuyên bố là cách ấy chẳng giúp cải thiện được chút nào cả.

Mặc dù không muốn nhưng Hugh vẫn cảm thấy cần phải mua tờ báo của Izzie vào mỗi thứ Sáu và đọc nó trên chuyến tàu về nhà, "nhằm để mắt tới những gì cô ấy nói" (rồi vứt vật đáng ghét ấy lên cái bàn kê ở tiền sảnh, nơi Pamela có thể dễ dàng lấy đi). Hugh luôn nung nấu một nỗi sợ hãi đặc biệt là Izzie sẽ viết gì đó về anh. Niềm

an ủi duy nhất của anh là cô viết bài với cái bút danh Delphine Fox, "cái tên ngớ ngẩn nhất" mà Sylvie từng được nghe. "Chà!" Hugh nói. "Delphine là tên đệm của con bé, được đặt theo tên mẹ đỡ đầu của nó. Còn Todd là một từ cổ chỉ con cáo, mà con cáo chính là Fox, vì vậy anh cho rằng cái tên đó cũng có chút logic. Không phải là anh đang bênh vực con bé đâu."

"Nhưng đó là *tên* của em mà, ở trong giấy khai sinh hẳn hoi." Izzie nói, tỏ vẻ đau lòng khi bị công kích bên bình rượu trước bữa ăn. "Còn cái tên Delphine bắt nguồn từ Delphi*, chị biết đấy, ngôi đền thờ với những nữ tiên tri đưa ra lời sấm truyền, đại loại vậy. Vì thế nó khá phù hợp với em." (Bây giờ cô ấy là nữ tiên tri đưa ra lời sấm truyền à?" Sylvie nói. "Nếu cô ấy là nữ tiên tri đưa ra lời sấm truyền thì em chính là nữ thượng tế của Tutankhamun*.")

Izzie, dưới bút danh Delphine, đã hơn một lần nhắc đến "hai đứa cháu trai của tôi" ("Cả hai đều là những thằng nhóc cực kì tinh quái!") nhưng không nói ra tên của chúng. "Tính đến thời điểm này." Hugh rầu rĩ nói. Cô đã chế ra vài "câu chuyện thú vị" về những đứa cháu trai rõ ràng là tưởng tượng ấy. Maurice đã mười tám tuổi ("những thằng nhóc to khỏe" của Izzie thì lên chín và mười một tuổi), cậu vẫn đang đi học nội trú ở xa nhà, hơn nửa thời gian cậu ở bên Izzie chỉ không quá mười phút suốt bấy nhiêu năm qua. Còn về Teddy, cậu thường né tránh những tình huống có thể biến thành những câu chuyện kể.

"Mấy thằng bé này là ai vậy?" Sylvie hỏi khi đang ăn món cá bơn Véronique được bà Glover biến tấu tùy tiện đến mức đáng kinh ngạc. Trên mặt bàn chênh chênh trước mặt cô là tờ báo vẫn đang được gấp, cô gõ gõ vào chuyên mục của Izzie bằng ngón trỏ như thể nó chứa đầy vi khuẩn. "Có phải chúng được lấy nguyên mẫu một phần từ Maurice và Teddy không?"

"Còn Jimmy thì sao ạ?" Teddy nói với Izzie. "Sao cô không viết gì về em ấy?" Jimmy, tươi tỉnh trong chiếc áo len chui đầu màu thiên

thanh, đang đút khoai tây nghiền vào miệng và có vẻ chẳng bận tâm lắm tới việc mình có được nhắc đến trong một tác phẩm văn học lớn hay không. Cậu là đứa trẻ của hòa bình. Suy cho cùng, cái cuộc chiến chấm dứt mọi cuộc chiến đã được tiến hành vì Jimmy. Tuy nhiên, Sylvie tuyên bố là mình đã bị bắt ngờ bởi thành viên mới nhất này của gia đình ("Em vẫn nghĩ bốn đứa là đủ lắm rồi"). Trước đây, Sylvie không biết trẻ con được tạo ra như thế nào, còn bây giờ, dường như cô không chắc chắn làm cách nào để ngừng sinh ra chúng. ("Jimmy cứ như là một ý nghĩ nảy ra quá muộn vậy." Sylvie nói.

"Lúc ấy anh đâu có nghĩ gì nhiều." Hugh nói và họ đều bật cười, rồi Sylvie nói: "Hugh, thiệt tình!")

Sự ra đời của Jimmy khiến Ursula có cảm giác mình như bị đẩy đi xa hơn khỏi trung tâm của gia đình, giống như một vật thể nằm ở tận mép của một cái bàn có quá nhiều đồ vật. Một con chim cú cu*, cô đã nghe thấy Sylvie nói với Hugh. *Ursula hơi giống một con chim cú cu lúng túng*. Nhưng sao ta có thể là một con chim cú cu trong chính cái tổ của mình được? "Mẹ có thực là mẹ đẻ của con không ạ?" Cô bé đã hỏi Sylvie và Sylvie cười nói: "Đó là điều không thể chối cãi, con yêu."

"Cháu là đứa trẻ lạc lõng." Cô bé đã nói với bác sĩ Kellet.

"Chà, luôn phải có một đứa trẻ như thế." Ông nói.



"Đừng có viết về các con của tôi, Isobel." Sylvie giận dữ nói với Izzie.

"Chúng chỉ là hư cấu thôi, Chúa ơi, Sylvie."

"Kể cả là hư cấu cũng không được viết." Cô nhắc cái khăn lau bàn lên và nhìn chằm chằm xuống sàn nhà. "Con đang làm gì với

hai bàn chân của mình vậy?" Cô gắt gỏng với Pamela đang ngồi đối diện.

"Con đang xoay cổ chân." Pamela nói, chẳng thêm bận tâm tới sự cáu kỉnh của Sylvie. Đạo gần đây Pamela khá táo bạo nhưng cũng rất có lý lẽ, sự kết hợp ấy dường như sinh ra để chọc tức Sylvie. ("Con quá giống bố con." Mới sáng nay thôi cô đã nói với Pamela như vậy vì một sự bất đồng ý kiến nho nhỏ. "Nhưng giống bố con thì có gì là xấu chứ ạ?" Pamela nói.) Pamela lau khoai tây nghiền dính như keo trên đôi má hồng của Jimmy và nói: "Theo chiều kim đồng hồ, rồi ngược chiều kim đồng hồ. Theo lời cô Izzie thì đó là cách để có được cái cổ chân thon thả, quyến rũ đấy ạ."

"Bất cứ người nào có lý trí đều sẽ không nghe theo lời khuyên của Izzie." ("Cái gì cơ?" Izzie nói.) "Hơn nữa, con còn nhỏ, chưa đến lúc cần phải có đôi cổ chân thon thả."

"Chà." Pamela nói. "Con gần bằng tuổi mẹ hồi mẹ lấy bố rồi đấy."

"Ồ, tuyệt quá!" Hugh cất tiếng, nhẹ nhõm khi thấy bà Glover đang đợi ở ngưỡng cửa để chuẩn bị trịnh trọng đi vào với món *Riz impératrice**. "Hồn ma của Escoffier* đang ở sau lưng bà kia, bà Glover." Bà Glover không dừng được liền ngoái nhìn ra đằng sau.



"Ồ, tuyệt quá!" Izzie nói. "Món pudding Nội các*. Cháu có thể tin tưởng vào tiệm Simpson's nếu muốn ăn những món ăn thưởng thức. Nhà bọn cô có một phòng trẻ, cháu biết đấy, nó chiếm toàn bộ tầng trên của ngôi nhà."

"Ở Hampstead? Ở nhà của bà nội ấy ạ?"

"Giống lắm. Hồi ấy cô còn bé tí. Giống như Jimmy bây giờ." Izzie hơi cúi đầu, như thể đang nhớ lại một nỗi buồn đã bị lãng quên từ lâu. Chiếc lông đà điểu gắn trên mũ cô rung rung tỏ vẻ đồng cảm. Cô sực tỉnh khi nhìn thấy liễn sữa trứng bằng bạc hình con thuyền.

"Vậy là cháu không còn những cảm giác kỳ cục đó nữa à? Cái *déjà vu* hay gì đó tương tự ấy?"

"Cháu á?" Ursula nói. "Không ạ. Chỉ thi thoảng thôi. Không nhiều lắm. Đó là chuyện trước đây, cô biết đấy. Giờ nó biến mất rồi. Đại loại thế." Thật không nhỉ? Cô bé chưa bao giờ chắc chắn. Những ký ức của cô bé có vẻ giống với một dòng thác tiếng vang. Những tiếng vang có thể chảy thành thác được không nhỉ? Có lẽ là không. Cô bé đã cố gắng học cách sử dụng ngôn ngữ một cách chính xác dưới sự hướng dẫn của bác sĩ Kellet (nhưng phần lớn đều thất bại). Cô bé thấy nhớ thời khắc ấm áp ấy (*tête-à-tête**, ông gọi nó như vậy. Lại tiếng Pháp) vào một buổi chiều thứ Năm. Lần đầu đến gặp ông, cô bé mới lên mười và đã thích thú với việc được giải thoát khỏi Góc Cáo, được bầu bạn với ai đó dành trọn sự chú ý cho cô và chỉ riêng cô mà thôi. Sylvie, hoặc thường là Bridget, sẽ đưa Ursula lên tàu. Izzie sẽ đón cô bé ở ga đến mặc dù cả Sylvie và Hugh đều ngờ rằng Izzie không phải là người đáng tin cậy để nhờ trông nom một đứa trẻ. ("Em đã nhận ra rằng..." Izzie nói với Hugh. "... Lợi ích thường đánh bại đạo đức. Đối với cá nhân em, nếu em có một đứa con mười tuổi, em không nghĩ mình sẽ hoàn toàn thoải mái để mặc nó tự đi lại một mình." "Em có một đứa con mười tuổi đấy thôi." Hugh chỉ ra. Cậu nhóc người Đức. "Chúng ta không thể thử tìm thằng bé sao?" Sylvie hỏi. "Mò kim đáy biển." Hugh nói. "Người Đức nhiều như sao trên trời vậy.")



"Cô nhớ cháu ra phết đấy." Izzie nói. "Đó là lý do cô hỏi xem liệu cháu có thể lên đây chơi trong ngày không. Thành thực mà nói, cô thấy ngạc nhiên vì Sylvie lại đồng ý. Giữa mẹ cháu và cô, nói thế nào nhỉ, luôn có một *froideur**. Cô đương nhiên bị coi là điên rồ, tồi tệ và nguy hiểm nếu quen biết. Dù sao đi nữa, cô nghĩ cô nên cố gắng tách cháu ra khỏi bầy. Cháu có chút giống cô." (Đó có phải là một điều tốt không? Ursula tự hỏi.) "Chúng ta có thể là những người

bạn đặc biệt của nhau, cháu nghĩ thế nào? Pamela thì hơi tẻ nhạt." Izzie tiếp tục. "Suốt ngày tennis với đạp xe, thảo nào cổ chân con bé cứng cáp như vậy. *Très sportive**, đương nhiên rồi, nhưng thế thì đã sao! Lại còn khoa học nữa chứ! Thứ đó có gì vui đâu. Còn đám con trai thì, chà... chúng lại là con trai, nhưng cháu thì thú vị, Ursula à. Cái cảm giác biết trước tương lai trong đầu cháu thật hay ho. Giống như một nhà tiên tri nhỏ vậy. Có lẽ chúng ta nên đưa cháu lên một căn nhà lưu động của dân Di gan, kiếm cho cháu một quả cầu thủy tinh, những lá bài Tarot. Chẳng hạn như lá bài *Người thủy thủ Phoenicia bị chết đuối* và tất cả những thứ đại loại thế. Cháu không thấy gì trong tương lai của cô sao?"

"Không ạ."



"Tái sinh." Bác sĩ Kellet đã nói với cô bé. "Cháu đã nghe về chuyện đó chưa?" Ursula lắc đầu, lúc này cô bé mới mười tuổi. Cô bé chỉ nghe được chút ít. Bác sĩ Kellet có một dãy phòng xinh xắn ở phố Harley. Căn phòng mà ông dẫn Ursula vào được đóng ván ô một nửa bằng gỗ sồi, có một tấm thảm dày màu đỏ và xanh dương trải trên sàn và hai chiếc ghế bành lớn bọc da đặt ở hai bên lò sưởi bằng than đang cháy rùng rục. Bác sĩ Kellet mặc bộ com lê vải tuyết ba món* hiệu Harris và đeo một cái đồng hồ bỏ túi bằng vàng to tướng. Ông có mùi đinh hương và thuốc lá nhồi tẩu, vẻ ngoài thân thiện như thể ông sẽ nướng bánh bông lan hoặc đọc một câu chuyện cực kì thú vị cho cô nghe, nhưng thay vì thế, ông cười rạng rỡ với Ursula và nói: "Này, bác nghe nói cháu đã cố giết cô hầu gái nhà cháu hả?" (Ồ, đó là lý do cháu có mặt ở đây đấy, Ursula nghĩ.)

Ông mời cô tách trà mà ông pha trong một vật được gọi là ấm samovar* đặt ở góc phòng. "Bác không phải là người Nga, hoàn toàn không phải, bác là người thành phố Maidstone*, nhưng bác đã đến thăm thành phố St. Petersburg hồi trước Cách mạng." Ở ông có một điểm giống với Izzie, đó là ông coi đối phương như một người

trưởng thành, hoặc ít nhất là ông tỏ ra như vậy, nhưng họ chỉ giống nhau ở duy nhất một điểm đó mà thôi. Trà đen đặc, đắng ngắt và chỉ có thể uống nổi khi có sự trợ giúp của những viên đường và những chiếc bánh quy Marie hiệu Huntley & Palmer được đặt trên một chiếc bàn nhỏ giữa họ.

Ông đã được đào tạo ở Vienna ("còn nơi nào khác chứ?"), nhưng ông nói ông đã tự đi trên con đường của chính mình. Ông nói ông không phải là môn đệ của ai, mặc dù đã học "dưới trướng của tất cả các giáo viên. Người ta phải nhích từng bước về phía trước." Ông nói. "Luồn lách qua những suy nghĩ hỗn độn. Hợp nhất bản thân bị chia tách." Ursula không biết ông đang nói gì nữa.

"Cô hầu gái ấy... Cháu đã đẩy cô ấy xuống cầu thang phải không?" Đối với một người nói chuyện về việc nhích từng bước và luồn lách thì đây có vẻ là một câu hỏi rất rõ ràng, thẳng thắn.

"Đó là một tai nạn." Cô bé không nghĩ Bridget là một "cô hầu gái", cô bé nghĩ cô ấy là Bridget. Và chuyện đó đã xảy ra lâu lắm rồi.

"Mẹ cháu lo lắng về cháu đấy."

"Mẹ chỉ muốn con được vui vẻ thôi, con yêu." Sylvie nói sau khi đặt lịch hẹn với bác sĩ Kellet.

"Con đang không vui vẻ sao ạ?" Ursula hỏi.

"Con nghĩ thế nào?"

Ursula không biết. Cô bé không có một cái thước đo để kiểm tra xem mình vui vẻ hay không vui vẻ. Cô bé có những ký ức mơ hồ về sự phấn chấn, về việc rơi vào bóng tối, nhưng chúng thuộc về cái thế giới của bóng tối và những giấc mơ, cái thế giới ấy luôn hiện hữu nhưng gần như không thể xác định rõ ràng.

"Như thể có một thế giới khác?" Bác sĩ Kellet hỏi.

"Vâng. Nhưng nó cũng là thế giới này."

("Anh biết con bé nói ra những điều rất kỳ quặc, nhưng em bắt nó đến gặp một *bác sĩ tâm thần* ư?" Hugh nói với Sylvie. Anh cau mày. "Nó còn nhỏ mà. Nó không phải *người khuyết tật trí tuệ*."

"Dĩ nhiên là không phải. Nó chỉ cần trị liệu một chút.")



"Và, a lê hấp, cháu đã được trị liệu ổn thỏa! Thật kỳ diệu." Izzie nói. "Ông bác sĩ tâm thần đó quả là một tay cổ quái, phải không? Chúng ta sẽ thử khay pho mát kia nhé - miếng pho mát Stilton chín* đến nỗi trông nó như sắp sửa tự bước đi được vậy - hay chúng ta sẽ rời khỏi đây và đi về nhà cô?"

"Cháu no rồi." Ursula nói.

"Cô cũng vậy. Vậy thì đi về thôi. Để cô trả tiền nhé?"

"Thì cháu làm gì có tiền. Cháu mới mười ba mà." Ursula nhắc cô mình.

Họ rời khỏi tiệm ăn và, trước sự kinh ngạc của Ursula, Izzie thong thả cuộc bộ vài mét trên đường Strand rồi trèo vào ghế lái của một chiếc xe mui trần bóng loáng được đỗ khá bất cần bên ngoài quán Coal Hole. "Cô có ô tô ạ!" Ursula thốt lên.

"Tuyệt lắm, đúng không? Vẫn chưa được thanh toán hết đâu. Nhảy lên đi! Mẫu xe thể thao thuộc hãng Sunbeam đấy. Chắc chắn là ăn đứt việc lái một cái xe cứu thương rồi. Rất hợp với thời tiết này. Chúng ta chọn con đường có phong cảnh hữu tình nhé, đi dọc theo bờ đê được không?"

"Vâng ạ."

"A, sông Thames!" Izzie nói khi con sông hiện ra trong tầm mắt. "Buồn thay, những nàng tiên nữ* đều đã đi xa rồi." Đó là một buổi chiều cuối tháng Chín tuyệt đẹp, tươi rói như một trái táo. "London thật huy hoàng, đúng không?" Izzie nói. Cô lái xe như thể đang thực

hiện một vòng đua ở Brooklands*. Vừa khiếp đảm, vừa phấn khích. Ursula cho rằng nếu Izzie đã lái xe dọc ngang khắp các mặt trận trong suốt cuộc chiến mà vẫn không sút mẻ gì thì chắc họ cũng có thể đi hết con đê Victoria một cách bình an vô sự.

Khi tới cầu Westminster, họ phải đi chậm lại vì giao thông bị ùn ứ bởi một cuộc biểu tình lặng lẽ của những người thất nghiệp. *Tôi đã chiến đấu ở nước ngoài*, một biểu ngữ giương cao viết. Một biểu ngữ khác tuyên bố *Đói khổ và muốn làm việc*. "Họ lành quá!" Izzie khinh khỉnh nói. "Ở đất nước này sẽ chẳng bao giờ có một cuộc cách mạng. Hay nói đúng ra là sẽ không bao giờ có thêm một cuộc cách mạng nào nữa. Chúng ta đã từng chặt đầu một ông vua và cảm thấy vô cùng tội lỗi đến nỗi kể từ bấy đến nay chúng ta vẫn đang cố gắng bù đắp cho việc đó." Một người đàn ông trông có vẻ rách rưới tiến tới bên cạnh chiếc xe và hét lên điều gì đó với Izzie, mặc dù họ không thể nghe ra ông ta nói gì nhưng ý nghĩa trong lời nói của ông ta hiển hiện quá rõ ràng.

"Qu'ils mangent de la brioche."* Izzie lẩm bẩm. "Cháu biết là bà ta không bao giờ nói câu đó, đúng không? Marie-Antoinette ấy? Bà ta là một nhân vật khá độc ác trong lịch sử. Cháu không bao giờ được tin tất cả những gì người ta nói về một người nào đó. Nói chung, hầu hết trong số đó là dối trá, cùng lắm thì cũng chỉ là một nửa sự thật mà thôi." Khó mà đoán được Izzie thuộc phe Bảo hoàng hay Cộng hòa. "Thật ra, tốt nhất là đừng quá trung thành với phe nào." Cô nói.

Chiếc đồng hồ Big Ben uy nghiêm điểm chuông báo ba giờ khi chiếc Sunbeam nhích dần qua đám đông. *"Si lunga tratta di gente, ch'io non avrei mai creduto che morte tanta n'avesse disfatta*."*

"Cháu đã đọc Dante chưa? Cháu nên đọc đi. Ông ấy rất tuyệt. "

Làm thế nào mà Izzie biết nhiều thế nhỉ?

"Ồ!" Cô vui vẻ nói. "Cô học được ở trường nữ sinh tư thực chuyên dạy các kỹ năng xã hội và nghệ thuật cho các cô gái trẻ đấy. Hơn nữa, sau chiến tranh, cô đã ở Ý một thời gian. Dĩ nhiên, cô đã kiếm một người tình. Một bá tước nghèo khổ. Nó gần như là *de rigueur** ở đó. Cháu có bị sốc không?"

"Không ạ." Thực ra là có. Ursula không ngạc nhiên khi giữa mẹ cô và Izzie có một *froideur*.



"Sự tái sinh là một khái niệm trong Phật giáo." Bác sĩ Kellet nói, rít tẩu thuốc bằng đất sét trắng. Tất cả các cuộc trò chuyện với bác sĩ Kellet đều bị ngắt quãng bởi vật này, dù là bằng cử chỉ - Ông liên tục chỉ trỏ bằng cả phần miệng ống tẩu và phần nõ được điều khắc hình đầu người Thổ (trông nó thật thú vị) - hay cái thủ tục cần thiết gồm đổ thuốc cũ ra, nhồi thuốc mới vào, lèn chặt, châm lửa, vãn vãn. "Cháu đã nghe nói về Phật giáo chưa?" Cô bé chưa được nghe.

"Cháu mấy tuổi?"

"Mười ạ."

"Vẫn còn khá non nớt. Có lẽ cháu đang nhớ đến một cuộc đời khác. Dĩ nhiên, các Phật tử không tin rằng cháu quay trở lại trong chính bản thân cháu với hoàn cảnh y như cũ, như cháu đang cảm thấy bây giờ. Bác cho rằng cháu phải di chuyển, tiến hoặc lùi, thì thoảng sang ngang. Đích đến là Niết bàn. Nó là sự không tồn tại." Ở tuổi lên mười, Ursula cảm thấy có lẽ sự tồn tại mới là cái đích cần hướng đến.

"Hầu hết các tôn giáo cổ xưa..." Ông tiếp tục. "... Đều tin vào khái niệm luân hồi - chẳng hạn như hình tượng con rắn tự cắn đuôi mình*, đại loại vậy."

"Cháu đã được làm lễ Thêm sức*." Cô bé nói, cố gắng tỏ ra hợp tác. "Của Giáo hội Anh."

Sylvie biết đến bác sĩ Kellet nhờ một người hàng xóm giới thiệu, đó là bà Shawcross. Bà Shawcross lại biết đến ông qua chồng mình là Thiếu tá Shawcross. Thiếu tá nói Kellet đã làm nhiều việc tốt với những người đàn ông "cần sự giúp đỡ" sau khi họ trở về từ cuộc chiến (có ý kiến cho rằng chính Thiếu tá đã "cần đến sự giúp đỡ" ấy). Thi thoảng Ursula có gặp vài người trong số những bệnh nhân này. Có lần, có một anh thanh niên ủ rũ cứ nhìn chăm chăm vào tấm thảm trong phòng đợi, lẩm bầm bầm với chính mình, có một người khác thì liên tục gõ nhịp bàn chân theo một giai điệu nào đó mà chỉ riêng anh ta có thể nghe thấy. Nhân viên lễ tân của bác sĩ Kellet là bà Duckworth. Bà là một góa phụ đã mất chồng trong cuộc chiến. Hồi chiến tranh, bà từng là một y tá. Bà luôn đối xử rất tốt với Ursula, thường cho cô bé kẹo bạc hà và hỏi han về gia đình cô bé. Một ngày kia, một người đàn ông dờ dẫm đi vào phòng đợi, mặc dù chuông cửa dưới nhà chẳng kêu tiếng nào. Trông anh ta hoang mang và hơi ngây dại nhưng anh ta chỉ đứng im như tượng giữa phòng, nhìn chăm chăm vào Ursula như thể chưa bao giờ nhìn thấy một đứa trẻ, cho đến khi bà Duckworth dẫn anh ta tới một cái ghế, ngồi xuống bên cạnh rồi choàng tay quanh người anh ta và nói "Nào, nào, Billy, có chuyện gì vậy?" giống như một bà mẹ dịu dàng, rồi Billy ngả đầu vào ngực bà, bật khóc nức nở.

Hồi Teddy còn nhỏ, hễ khi nào cậu khóc, Ursula sẽ không thể chịu đựng nổi. Tiếng khóc của cậu dường như mở ra một vực thẳm trong lòng cô, một thứ sâu hoắm, đáng sợ và chứa đầy nỗi phiền não. Tất cả những gì cô bé muốn khi đó là đảm bảo rằng cậu sẽ không bao giờ phải khóc lần nữa. Người đàn ông trong phòng chờ của bác sĩ Kellet cũng tạo cho cô bé cảm giác như vậy. ("Đó là điều mà một người mẹ cảm thấy hằng ngày." Sylvie nói.)

Đúng lúc đó, bác sĩ Kellet ra khỏi phòng mình và nói: "Vào đây nào, Ursula, bác sẽ chăm sóc Billy sau." Nhưng khi Ursula ra về, Billy không còn ở trong phòng chờ nữa. "Người đàn ông tội nghiệp!" Bà Duckworth buồn bã nói.

Bác sĩ Kellet nói với Ursula rằng chiến tranh đã khiến cho nhiều người đi tìm kiếm ý nghĩa của cuộc sống ở những học thuyết tôn giáo mới - "Thuyết thần trí, thuyết của hội Hồng hoa thập tự, thuyết nhân trí, thuyết duy linh. Tất cả mọi người đều cần lý giải cho sự mất mát của họ." Bản thân bác sĩ Kellet cũng đã hy sinh một cậu con trai, đó là Guy, một đại úy thuộc trung đoàn Royal West Surrey, mất ở Arras. "Người ta phải bám vào cái khái niệm hy sinh, Ursula ạ. Nó có vẻ có ý nghĩa cao cả hơn." Ông cho cô bé xem một tấm ảnh, không phải tấm ảnh mặc quân phục trong studio mà chỉ là một bức ảnh chụp vội. Trong ảnh là một cậu bé mặc bộ quần áo cầu thủ cricket màu trắng, hãnh diện đứng đằng sau cây gậy của mình. "Đáng lẽ nó đã có thể chơi bóng cho đội tuyển của hạt này." Bác sĩ Kellet buồn bã nói. "Bác thường nghĩ rằng nó - và tất cả bọn trai trẻ ấy - đang chơi bóng trong một trận đấu kéo dài bất tận trên thiên đường. Một buổi chiều tuyệt đẹp tháng Sáu, ngay trước bữa trà."

Thật đáng tiếc khi tất cả những chàng trai trẻ ấy không bao giờ được dùng bữa trà. Bosun đang ở trên thiên đường, cùng với Sam Wellington - "Chiếc giày cũ" - và Clarence Dodds, người đã chết nhanh đến mức đáng kinh ngạc vì dịch cúm Tây Ban Nha ngay sau ngày đình chiến. Ursula không thể hình dung ra bất cứ ai trong bọn họ đang chơi cricket.

"Dĩ nhiên, bác không tin vào Chúa." Bác sĩ Kellet nói. "Nhưng bác tin vào thiên đường. Buộc phải tin." Ông nói thêm với vẻ khá chán chường. Ursula tự hỏi làm sao tất cả những chuyện này có thể trị liệu cho cô bé được.

"Theo cách nhìn có tính khoa học hơn..." Ông nói. "... Có lẽ phần não bộ chịu trách nhiệm lưu giữ những ký ức của cháu có một

khiếm khuyết nhỏ, một vấn đề về thần kinh khiến cháu nghĩ mình đang trải qua những việc đã từng xảy ra. Như thể thứ gì đó đã bị mắc kẹt." Ông nói không phải là cô bé đã chết và tái sinh, cô bé chỉ nghĩ như vậy mà thôi. Ursula không thể nhận ra sự khác biệt. Cô bé bị mắc kẹt sao? Nếu vậy thì cô bé bị mắc kẹt ở đâu?

"Nhưng chúng ta không mong muốn điều đó dẫn đến việc cháu giết những người hầu tội nghiệp, đúng không nào?"

"Nhưng chuyện đó xảy ra lâu lắm rồi mà." Ursula nói. "Từ đó đến nay cháu đâu có cố giết ai nữa."

"Con bé lúc nào cũng ủ rũ." Sylvie nói trong cuộc gặp đầu tiên của họ với bác sĩ Kellet, cũng là lần duy nhất cô tới những căn phòng ở phố Harley với Ursula, mặc dù cô rõ ràng đã nói chuyện trước với ông khi không có mặt Ursula. Ursula vô cùng băn khoăn không biết mẹ đã nói gì về cô bé. "Và lúc nào cũng có vẻ khá cô độc." Sylvie tiếp tục. "Tôi có thể hiểu khi một người lớn có cảm xúc như thế..."

"Bà có thể ư?" Bác sĩ Kellet nói, ngả người về đằng trước, chiếc tẩu thuốc bằng đất sét trắng như tỏ vẻ hứng thú. "Bà hiểu ư?"

"Tôi không phải là người có vấn đề." Sylvie nói với nụ cười duyên dáng nhất.

Mình là người có vấn đề ư? Ursula nghĩ. Dù sao đi nữa, cô bé không giết Bridget, cô bé đã cứu cô ấy. Nếu cô bé không cứu cô ấy, có lẽ cô ấy đã hy sinh rồi. Bác sĩ Kellet đã nói rằng từ hy sinh nghe có vẻ có ý nghĩa cao cả hơn, đúng không nhỉ?

"Nếu bác là cháu, bác sẽ tuân theo những lời khuyên tinh thần truyền thống." Ông nói. "Định mệnh không nằm trong tay cháu. Đó sẽ là một gánh nặng rất lớn đối với một cô gái nhỏ." Ông đứng dậy khỏi ghế và xúc một xẻng than vào đồng lửa trong lò sưởi.

"Có vài triết gia Phật giáo (một nhánh được gọi là Thiền tông) nói rằng thi thoảng một điều xấu xảy ra là để ngăn chặn một điều tồi tệ

hơn." Bác sĩ Kellet nói. "Nhưng, dĩ nhiên, có những tình huống mà người ta không thể hình dung ra điều gì tồi tệ hơn nữa." Ursula cho rằng ông đang nghĩ đến Guy, người đã mất ở Arras và chẳng bao giờ được thưởng thức trà với sandwich kẹp dưa chuột nữa.



"Thử cái này đi!" Izzie nói, xịt lọ nước hoa về phía Ursula. "Chanel số 5 đấy. Nó đang rất thời thượng. Cô nàng đang rất thời thượng. *Mùi hương nhân tạo kỳ lạ của cô nàng**." Cô cười như thể mình vừa nói ra một câu pha trò vô cùng thú vị và xịt thêm một làn hơi vô hình quanh phòng tắm. Nó rất khác với mùi hương của những loài hoa mà Sylvie thường xúc trên người mình.

Cuối cùng, họ cũng đã về tới căn hộ của Izzie ở phố Basil ("một *endroit** khá ảm đạm nhưng thuận tiện để đến Harrods*"). Phòng tắm của Izzie được lát đá cẩm thạch màu hồng và đen ("Cô đã tự thiết kế đấy, có đẹp không?"), có những góc cạnh sắc lẹm và cứng ngắc. Ursula không muốn nghĩ đến chuyện gì sẽ xảy ra nếu chẳng may bị trượt chân và ngã ở trong này.

Tất cả mọi thứ trong căn hộ đều có vẻ mới toanh và sáng bóng. Nó chẳng giống chút nào với Góc Cáo, nơi tiếng tích tắc chậm chạp của cái đồng hồ quả lắc kiểu đứng ở tiền sảnh cứ đều đặn đếm giờ cùng lớp nước bóng đã trải qua nhiều năm tháng ánh lên trên mặt sàn lót gỗ. Những bức tượng sứ Meissen* với ngón tay, ngón chân sút mẻ và những chú chó bằng gốm Staffordshire với cái tai chẳng may bị cụt mất chẳng có chút tương đồng nào với những cái chặn sách bằng nhựa Bakelite và những cái gạt tàn bằng mã não trong các căn phòng của Izzie. Ở phố Basil, tất cả mọi thứ đều có vẻ mới tinh như thể đang nằm trong một cửa hàng. Ngay cả những cuốn sách cũng mới. Chúng là những cuốn tiểu thuyết, tiểu luận và thơ của các tác giả mà Ursula chưa bao giờ nghe tên. "Chúng ta phải bắt kịp thời đại." Izzie nói.

Ursula tự ngắm mình trong tấm gương ở phòng tắm. Izzie đứng đằng sau cô bé, giống như ác quỷ Mephistophele* đứng sau lưng Faust*, và nói "Trời ơi, hóa ra cháu cũng khá xinh xắn đấy", rồi chỉnh sửa mái tóc của cô bé thành nhiều kiểu khác nhau. "Cháu phải cắt tóc đi." Cô nói. "Cháu nên tới chỗ *coiffeur** của cô. Anh ta thực sự rất giỏi. Cháu đang có nguy cơ trông giống như một cô nàng vất sữa bò, trong khi cô nghĩ cháu sẽ trở nên rất quyến rũ."



Izzie vừa nhún nhảy quanh phòng ngủ vừa hát bài *Tôi ước tôi có thể nhảy điệu shimmy như chị Kate*. "Cháu có biết nhảy điệu shimmy không? Nhìn này, dễ thôi." Nó chẳng dễ tí nào và họ ôm bụng cười ngặt nghẽo, rồi ngồi sụp xuống tắm khăn trải giường satin nhồi lông vịt biển. "Cần phải zui zẻ một chút, đúng hôn?" Izzie nhái giọng Cockney nghe dở tệ. Phòng ngủ lộn xộn khủng khiếp, quần áo vương vãi khắp nơi, nào là váy lót dài bằng satin, váy ngủ bằng lụa kép, tất lụa, những chiếc giày cộc cách nằm chơ vơ trên thảm, một lớp bột phấn hiệu Coty phủ lên tất cả mọi thứ. "Cháu có thể mặc thử nếu cháu muốn." Izzie buột miệng nói. "Mặc dù cháu khá nhỏ so với cô. *Jolie et petite?*" Ursula từ chối, sợ rằng mình sẽ bị mê hoặc. Chúng là loại y phục có thể biến ta thành một người khác.

"Chúng ta sẽ làm gì đây?" Izzie nói, đột nhiên tỏ vẻ buồn chán. "Chơi bài được không? Bài Bezique nhé?" Cô nhún nhảy đi sang phòng khách và nhẹ lướt về phía một vật thể to lớn bằng crôm sáng loáng, trông như món đồ nằm ở buồng chỉ huy của thuyền trưởng trên một tàu thủy chở khách. Hóa ra đó là một cái tủ rượu. "Uống một ly nhé?" Cô nhìn Ursula với vẻ nghi ngại. "Không, không cần trả lời cô đâu, cháu mới mười ba tuổi." Cô thở dài, châm một điếu thuốc và nhìn đồng hồ. "Giờ đã quá muộn để xem kịch chiều, nhưng vẫn còn quá sớm để xem kịch tối. Vở *London* vậy gọi đang diễn ở rạp Công tước xứ York đấy, nghe nói nó buồn cười lắm. Chúng ta có thể đi xem, cháu có thể bắt chuyến tàu muộn hơn để về nhà."

Ursula mân mê những phím gỗ trên chiếc máy đánh chữ hiệu Royal nằm trên cái bàn làm việc kê ở cửa sổ. "Cần câu cơm của cô đấy." Izzie nói. "Có lẽ cô nên nhắc đến cháu trong bài báo tuần này."

"Thật ạ? Cô sẽ viết gì?"

"Cô chưa biết, chắc là bịa ra thứ gì đó." Cô nói. "Đó là nghề của các nhà văn mà." Cô lấy ra một cái đĩa từ tủ đựng đĩa hát và đặt nó lên bàn xoay máy hát. "Nghe cái này đi." Cô nói. "Cháu chưa bao giờ được nghe thứ gì như thế này đâu."

Đúng thế, cô bé chưa từng được nghe thứ gì như vậy. Nó bắt đầu bằng tiếng đàn piano, nhưng chẳng hề giống với những bản nhạc của Chopin và Liszt mà Sylvie chơi rất hay (Pamela cũng chơi nhưng lại rất tệ).

"Người ta gọi loại nhạc này là Honky-tonk, cô nghĩ là vậy." Izzie nói. Một người phụ nữ cất tiếng hát, chất giọng Mỹ đầy bản năng. Nghe cô ta hát cứ như cô ta đã ở cả đời trong một xà lim vậy. "Ida Cox." Izzie nói. "Cô ấy là người da đen. Cô ấy thật đặc biệt, đúng không?"

Đúng vậy.

"Cô ấy hát về nỗi khốn khổ khi làm phụ nữ." Izzie nói, châm một điếu thuốc nữa và rít mạnh. "Giá mà chúng ta có thể kiếm được một tám chồng thật giàu có. *Phương pháp tốt nhất để hạnh phúc là có thu nhập cao.* Cháu có biết ai đã phát ngôn câu này không? Không à? Ồ, cháu nên biết mới phải." Cô đột nhiên nổi cáu, giống như một con thú chưa được thuần hóa hoàn toàn. Đúng lúc đó, điện thoại reo và cô nói "Tiếng chuông cứu nguy", rồi bắt đầu cuộc trò chuyện vô cùng sôi nổi với đối tượng mà Ursula không nhìn thấy, không nghe thấy kia. Cô kết thúc cuộc gọi bằng câu nói: "Còn gì tuyệt hơn thế, cưng à, nửa tiếng nữa gặp nhau nhé!" Rồi nói với Ursula: "Đáng lẽ cô phải chở cháu đi nhưng cô sắp sửa tới khách sạn Claridge's, nơi đó lại cách ga Marylebone hàng dặm đường. Đã thế sau đó cô còn

phải tới một bữa tiệc ở quảng trường Lowndes. Vì vậy, cô không thể đưa cháu tới nhà ga. Cháu có thể đi tàu điện ngầm tới ga Marylebone không? Cháu biết cách chứ? Đi tuyến Piccadilly tới bùng binh Piccadilly, rồi chuyển sang tuyến Bakerloo để tới ga Marylebone. Nào, cô sẽ dẫn cháu ra ngoài."

Khi họ ra tới ngoài đường, Izzie hít thở một hơi thật sâu như thể vừa được giải thoát khỏi sự giam cầm không mong muốn. "A, trời chiều chạng vạng." Cô nói. "Thời khắc màu tím. Đẹp mê hồn, phải không?" Cô hôn lên má Ursula và nói: "Được gặp cháu thật tuyệt, cháu nhất định phải đến thăm cô lần nữa đấy! Từ đây cháu đi một mình được chứ? *Tout droit** lên phố Sloane, rẽ trái và a lê hấp, cháu đã tới ga tàu điện ngầm Knightsbridge. Thôi, chào nhé!"



"*Amorfati**." Bác sĩ Kellet nói. "Cháu đã nghe thấy cụm từ này bao giờ chưa?" Nghe như ông vừa nói "*A more fatty**" vậy. Ursula cảm thấy khó hiểu - cả cô bé và bác sĩ Kellet đều thuộc tạng người gầy. Ông nói rằng Nietzsche ("một nhà triết học") bị thu hút bởi quan niệm này. "Nó có nghĩa là bình thản chấp nhận những gì xảy đến với chúng ta, dù là điều tốt hay điều xấu."

"*Werde, der du bist**, như cách nói của ông ấy." Bác sĩ Kellet tiếp tục, gõ tàn thuốc từ ống tẩu của mình xuống nền lò sưởi. Ursula cho rằng rồi sẽ có ai đó quét chúng đi. "Cháu có biết câu nói đó có nghĩa là gì không?" Ursula tự hỏi trước đây bác sĩ Kellet đã gặp bao nhiêu cô bé mười tuổi rồi. "Nó có nghĩa là hãy trở thành chính mình." Ông nói, nhồi thêm thuốc lá vào tẩu thuốc. (Chính là cái người tồn tại trước khi trở nên không tồn tại, Ursula nghĩ vậy.) "Nietzsche có được quan điểm đó từ Pindar, *γένοί οἷος ἐσσι μάθων*. Cháu biết tiếng Hy Lạp không?" Giờ thì ông chẳng còn nhớ nổi cô bé là ai nữa rồi. "Nó có nghĩa là: khi đã hiểu bản thân mình, hãy trở thành chính mình."

Ursula nghĩ ông đã nói "từ Pinner", đó là nơi bà vú của Hugh an dưỡng. Bà sống với em gái mình ở tầng trên của một cửa hàng trong một tòa nhà cũ trên con đường chính của ngôi làng đó. Hugh từng lái xe chở Ursula và Teddy tới đó trong chiếc Bentley lộng lẫy của mình vào một buổi chiều Chủ nhật. Bà vú Mills khá đáng sợ (mặc dù rõ ràng đối với Hugh thì không), bà dành phần lớn thời gian để vắn vẹo Ursula về phép cư xử và kiểm tra xem tai của Teddy có ráy không. Em gái bà thì dễ mến hơn, liên tục tiếp họ những ly si rô hoa cơm cháy và những miếng bánh mì khoai tây phết mứt mâm xôi đen. "Isobel thế nào rồi?" Bà vú Mills hỏi, miệng bà trông như quả mận khô. "Izzie vẫn là Izzie thôi." Hugh nói. Nếu ta nói câu đó thật nhanh, như Teddy sẽ làm sau đó, âm thanh phát ra sẽ giống như tiếng một bầy ong nhỏ đang vo ve. Rõ ràng Izzie đã "trở thành chính mình" từ rất lâu rồi.

Chẳng có vẻ gì là Nietzsche thu được bất cứ điều gì từ Pinner cả, đặc biệt là những tư tưởng của ông ta.



"Con đã được vui chơi thỏa thích với cô Izzie rồi chứ?" Hugh hỏi khi đến đón Ursula ở nhà ga. Nhìn thấy Hugh đội chiếc mũ mềm màu xám và mặc chiếc áo khoác dài màu xanh dương sẫm, cô bé cảm thấy có chút gì đó thật an yên. Hugh nhìn kĩ cô bé để xem cô bé có sự thay đổi rõ rệt nào không. Cô bé nghĩ tốt hơn hết là không nên nói cho bố biết rằng cô bé đã đi tàu điện ngầm một mình. Đó là một chuyến phiêu lưu đáng sợ, một đêm tối tăm trong rừng thẳm, nhưng giống như bất cứ nữ anh hùng quả cảm nào, cô bé đã vượt qua được. Ursula nhún vai. "Cô và con đã tới ăn trưa ở tiệm Simpson's."

"Hừm." Hugh nói, như thể đang cố gắng giải đoán ý nghĩa của câu nói này.

"Cô và con đã nghe một nữ ca sĩ da đen hát."

"Ở tiệm Simpson's sao?" Hugh hỏi.

"Trên máy hát của cô Izzie ạ."

Lại một tiếng "hừm". Hugh mở cửa xe cho Ursula và cô bé trèo vào chỗ ghế ngồi bọc da xinh xắn của chiếc Bentley, nó hầu như cũng đem lại cảm giác an yên cho cô bé như chính bản thân Hugh vậy. Sylvie coi chiếc xe là một sự hoang phí "gây tán gia bại sản". Nó dắt đến ghen thờ. Chiến tranh đã khiến Sylvie trở nên bủn xỉn: thu lượm những mẩu xà phòng con con rồi nấu chảy và cô đặc chúng lại để dùng cho việc giặt giũ, lộn hai đầu những tấm ga trải giường vào giữa*, sửa sang lại những chiếc mũ. "Nếu mẹ các con được làm theo ý muốn, các bữa ăn của chúng ta sẽ chỉ toàn trứng và thịt gà." Hugh cười. Hugh, ngược lại, đã bớt thận trọng hơn trong chi tiêu kể từ hồi chiến tranh. "Có lẽ đây không phải là tính tốt cần phát huy đối với một giám đốc ngân hàng." Sylvie nói. "*Carpe diem**." Hugh đáp. Và Sylvie nói: "Trước kia anh có bao giờ như vậy đâu."

"Giờ cô Izzie đã có ô tô rồi ạ." Ursula khoe.

"Thế à?" Hugh nói. "Bố chắc chắn nó không lộng lẫy bằng con quái thú này đâu." Anh trèo mền vổ vổ vào băng đồng hồ của chiếc Bentley. Khi họ rời khỏi nhà ga, anh lặng lẽ nói: "Cô nàng ấy không tin cậy được."

"Ai ạ?" (Mẹ? Hay chiếc xe?)

"Izzie."

"Có lẽ bố đúng đấy ạ." Ursula đồng tình.

"Con thấy cô ấy thế nào?"

"Ồ, bố biết đấy. Vô phương cứu chữa. Suy cho cùng, cô Izzie vẫn là cô Izzie thôi."



Khi về đến nhà, họ thấy Teddy và Jimmy đang chơi trò domino trên cái bàn trong phòng sinh hoạt ban ngày, còn Pamela đang ở bên nhà hàng xóm chơi với Gertie Shawcross. Winnie lớn hơn Pamela một chút, còn Gertie nhỏ hơn Pamela một chút, vì vậy Pamela chia đều thời gian của mình cho hai người họ nhưng hiếm khi chơi với cả hai người cùng một lúc. Ursula vốn dành hết thời gian cho Millie nên thấy sự sắp xếp đó thật kỳ quặc. Teddy thì yêu mến tất cả các cô gái nhà Shawcross, nhưng trái tim cậu lại nằm trong đôi bàn tay nhỏ bé của Nancy.

Chẳng thấy bóng dáng Sylvie đâu. "Không biết ạ." Bridget thờ ơ nói khi Hugh hỏi cô.

Bà Glover đã nấu sẵn món thịt cừu hầm nhìn không được bắt mắt lắm và bỏ nó trong lò để giữ ấm. Bà Glover không còn sống ở Góc Cáo cùng họ nữa. Bà đã thuê một ngôi nhà nhỏ ở trong làng để tiện bề chăm sóc cả George và gia đình họ. George hầu như không bao giờ rời khỏi ngôi nhà ấy. Bridget gọi anh ta là một "linh hồn tội nghiệp" và mọi người không thể không đồng tình với cách gọi đó. Nếu thời tiết tốt (hoặc ngay cả khi không tốt lắm), anh ta sẽ ngồi trên cái xe lăn to đùng xấu xí ở cửa trước và nhìn ngắm thế giới đi ngang qua mình. Cái đầu đẹp đẽ của anh ta ("Đã từng giống như đầu sư tử." Sylvie buồn bã nói) gục xuống ngực và từ miệng anh ta nhều xuống một sợi nước dãi lòng thòng cứ đung đưa đung đưa. "Gã trai đáng thương." Hugh nói. "Thà anh ta tử trận còn hơn."

Thi thoảng, một đứa trong bọn trẻ sẽ bám đuôi Sylvie - hoặc cô nàng Bridget miễn cưỡng - đến thăm anh ta trong ngày. Có vẻ thật kỳ cục khi họ tới nhà anh ta để thăm nom anh ta trong khi mẹ đẻ anh ta lại ở nhà họ để chăm sóc họ. Sylvie sẽ sốt sắng phủ chắn lên hai chân anh ta, đi lấy cho anh ta một cốc bia rồi lau miệng anh ta như thường làm với Jimmy.

Quanh đó còn có những cựu chiến binh khác, có thể dễ dàng nhận ra họ qua sự khập khiễng hoặc què cụt của họ. Tất cả những

cánh tay và cẳng chân vô thừa nhận mà họ bị mất trên những bãi chiến trường ở vùng Flanders ấy - Ursula tưởng tượng rằng chúng sẽ cắm rễ xuống bùn và nhô thẳng lên trời rồi mọc lại thành người. Một đội quân quay trở lại để trả thù. ("Ursula có những ý nghĩ quái gở." Cô bé nghe thấy Sylvie nói với Hugh. Ursula đã trở thành một chuyên gia nghe lén, đó là cách duy nhất để biết được người ta thực sự nghĩ gì. Cô bé không nghe được câu trả lời của Hugh, bởi đúng lúc ấy Bridget giận dữ lao xộc vào trong phòng vì con mèo - Hattie, một trong số những đứa con của con mèo Queenie, sở hữu tính cách giống y chang mẹ nó - đã tha trộm miếng cá hồi rim đáng lẽ sẽ là bữa trưa của họ.)

Cũng có những người mang những vết thương kín đáo hơn, giống như những người đàn ông trong phòng chờ của bác sĩ Kellet. Trong làng có một cựu chiến binh tên là Charles Chorley. Anh ta đã phục vụ trong trung đoàn Royal East Kent và đã vượt qua cuộc chiến mà không sút mẻ gì. Thế rồi đến một ngày, vào mùa xuân năm 1921, anh ta đã đâm vợ và ba đứa con của mình khi họ đang ngủ trên giường, sau đó tự bắn vào đầu mình bằng một khẩu Mauser. Đó là khẩu súng anh ta lấy được từ một tay lính người Đức bị anh ta giết ở trận Bapaume. ("Một cảnh tượng khủng khiếp." Bác sĩ Fellowes thuật lại. "Mấy gã này nên nghĩ cho những người phải dọn dẹp hậu quả chứ.")

Bridget, đương nhiên, cũng phải "chịu đựng nỗi đau tinh thần" khi mất Clarence. Giống như Izzie, Bridget chấp nhận cảnh sống độc thân mặc dù cuộc sống của cô ít phù phiếm hơn Izzie. Tất cả bọn họ đều dự đám tang của Clarence, kể cả Hugh. Lúc ấy, bà Dodds vẫn giữ được sự tự chủ như thường thấy. Bà ta rụt người lại khi Sylvie đặt bàn tay an ủi lên cánh tay bà ta. Nhưng sau khi bọn họ đã rời khỏi cái huyết mộ toang hoác (nó không phải là một vưu vật, hoàn toàn không), bà Dodds nói với Ursula: "Một phần của nó đã chết trong cuộc chiến. Đây chỉ là phần còn lại đuối theo phần đã chết kia mà thôi." Rồi bà ta đưa ngón tay lên khóe mắt, chấm chấm một vết

ấm ướt ở đó - nó chưa đủ để trở thành một giọt nước mắt. Ursula không biết tại sao bà ta lại chọn cô bé để tâm sự điều này, có lẽ chỉ đơn giản là vì cô bé đang ở gần bà ta nhất. Chắc chắn bà ta không hề mong đợi hay đón nhận một câu đáp lại.

"Có thể nói quả là trớ trêu..." Sylvie nói. "... Khi mà Clarence sống sót trong chiến tranh nhưng lại chết vì một căn bệnh." ("Mẹ sẽ làm gì nếu một trong các con mắc phải bệnh cúm đó nhỉ?" Cô thường nói.)

Ursula và Pamela đã tranh cãi với nhau rất nhiều về việc liệu Clarence có còn đeo mặt nạ lúc được chôn cất không. (Và nếu nó được tháo ra thì bây giờ nó đang ở đâu?) Họ cảm thấy đây không phải là điều mà họ có thể hỏi Bridget. Bridget chưa chát nói rằng cuối cùng thì bà già Dodds đã giữ được con trai cho riêng mình và ngăn được một người phụ nữ khác giành lấy anh ta từ tay bà ta. ("Có lẽ nói thế thì hơi cay nghiệt." Hugh lẩm bẩm.) Bức ảnh của Clarence, một bức ảnh được in ra từ bức ảnh mà anh ta chụp để đưa cho mẹ mình, trước khi Bridget biết anh ta, trước khi anh ta bước đến với số phận của mình, giờ đã ở chung một chỗ với bức ảnh của Sam Wellington trong nhà kho. "Hàng hàng lớp lớp người chết." Sylvie giận dữ nói. "Ai cũng muốn quên họ."

"Anh cũng vậy." Hugh nói.



Sylvie trở về kịp lúc để ăn món bánh nướng nhân táo của bà Glover. Những quả táo của họ - Sylvie đã trồng một vườn táo nhỏ khi cuộc chiến kết thúc - đang bắt đầu sai trĩu cành. Khi Hugh thắc mắc cô đã đi đâu, cô nói gì đó nghe không rõ về Gerrards Cross. Cô ngồi ở bàn ăn và nói: "Em không thực sự đói lắm."

Hugh nhìn vào mắt cô và hát đầu về phía Ursula, nói: "Izzie." Một cách giao tiếp "tốc ký" điều luyện.

Ursula cứ ngỡ mình sẽ bị tra hỏi đủ kiểu, nào ngờ Sylvie chỉ nói: "Trời ơi, mẹ quên mất là con đã lên London. Mẹ mừng khi thấy con trở về nguyên vẹn."

"Không sút mẻ một ly." Ursula rạng rỡ nói. "À mẹ này, mẹ có biết ai đã nói câu, *Phương pháp tốt nhất để hạnh phúc là có thu nhập cao không ạ?*" Giống như Izzie, kiến thức của Sylvie không sâu nhưng rộng. Theo lời Sylvie, "đó là đặc trưng của một người thu lượm kiến thức từ các cuốn tiểu thuyết thay vì học hành bài bản".

"Austen." Sylvie trả lời ngay. "*Trang viên Mansfield*. Bà ấy cho nhân vật Mary Crawford nói ra những lời này. Dĩ nhiên đó là nhân vật mà bà ấy tuyên bố là mình khinh thường nhưng thực sự thì mẹ cho rằng 'dì Jane yêu quý' khá tin vào những lời đó. Tại sao con lại hỏi vậy?"

Ursula nhún vai. "Không có gì đâu ạ."

"*Trước khi tới Mansfield, tôi không tài nào tưởng tượng nổi một vị cha xứ vùng quê lại khao khát một bụi cây hay bất cứ thứ gì đại loại thế*. Thật là tuyệt vời. Mẹ luôn nghĩ từ "bụi cây" ám chỉ một kiểu người nào đó."

"Chúng ta có một bụi cây." Hugh lên tiếng, nhưng Sylvie lờ anh đi và tiếp tục nói với Ursula: "Con thực sự nên đọc Jane Austen. Bây giờ con chắc chắn đang ở độ tuổi thích hợp." Sylvie có vẻ khá vui tươi, một tâm trạng không hiểu sao chẳng ăn nhập chút nào với món thịt cừu hầm vẫn đang nằm trên bàn trong cái nồi màu nâu ảm đạm, những cục mỡ đông màu trắng nổi lênh bênh trên bề mặt. "Thực sự thì..." Thế rồi Sylvie chợt gay gắt nói, đổi giọng đột ngột như thời tiết vậy. "... Các tiêu chuẩn đang hạ thấp xuống ở khắp nơi, ngay cả trong chính gia đình của ta." Hugh nhướn mày và trước khi Sylvie kịp lên tiếng gọi Bridget, anh đã đứng dậy khỏi bàn, tự mình mang nồi thịt hầm vào trong bếp. Cô bé hầu gái làm đủ mọi việc của nhà họ là Marjorie không còn bé nữa và vừa mới bỏ đi, vì vậy chỉ còn lại Bridget và bà Glover gánh vác nhiệm vụ chăm sóc họ. ("Nhà ta đâu

có khát khe gì." Sylvie giận dữ nói khi Bridget đề cập đến chuyện Marjorie chưa được tăng lương kể từ khi chiến tranh kết thúc. "Con nhỏ đó nên biết ơn mới phải.")



Đêm đó, ở trên giường - Ursula và Pamela vẫn ở chung trong căn phòng ngủ chật chội trên gác mái ("Giống như những tù nhân trong một xà lim." Theo lời Teddy) - Pamela nói: "Sao cô ấy không mời chị lên London cùng em, hoặc thậm chí mời chị thay vì em nhỉ?" Pamela hỏi vậy vì tò mò thực sự chứ không có ý gì xấu.

"Cô ấy nghĩ em thú vị."

Pamela cười nói: "Cô ấy cũng nghĩ món Brown Windsor của bà Glover là thú vị đấy."

"Em biết. Em không tự mãn đâu."

"Đó là vì em xinh đẹp và thông minh." Pamela nói. "Trong khi chị chỉ thông minh thôi."

"Chị biết rõ là điều đó không đúng mà." Ursula nói, sốt sắng phản bác lời Pamela.

"Chị không bận tâm đâu."

"Cô ấy nói sẽ nhắc đến em trong số báo tuần tới, nhưng em không nghĩ cô ấy sẽ làm vậy."



Khi thuật lại cho Pamela nghe về những chuyến phiêu lưu ở London trong ngày hôm nay của mình, Ursula đã bỏ qua một cảnh tượng mà cô bé tận mắt chứng kiến, nhưng Izzie thì không nhìn thấy vì còn đang mải loay hoay quay đầu xe giữa con đường bên ngoài quán Coal Hole. Một người phụ nữ mặc áo khoác lông chồn vizon bước ra khỏi cửa khách sạn Savoy, khoác tay một người đàn ông

khá lịch lãm. Người phụ nữ đang cười thoải mái trước điều gì đó mà người đàn ông vừa mới nói, rồi buông cánh tay người đàn ông ra để tìm ví tiền trong cái túi xách tay và thả một nắm tiền xu vào cái bát của một cựu chiến binh đang ngồi trên vỉa hè. Người cựu chiến binh ấy bị cụt chân và đang ngồi trên một loại xe lăn bằng gỗ tự chế. Ursula đã nhìn thấy một người đàn ông cụt chân khác ngồi trên một vật tương tự bên ngoài nhà ga Marylebone. Thực tình, càng nhìn ngắm đường phố London, cô bé càng nhìn thấy nhiều người què cụt.

Một người gác cửa ở khách sạn lao vọt ra từ đường dẫn Savoy Court và tiến về phía người đàn ông cụt chân. Người đàn ông cụt chân nhanh chóng dùng hai tay làm mái chèo, lướt đi trên vỉa hè. Người phụ nữ đã cho anh ta tiền bày tỏ sự phản đối với người gác cửa - Ursula có thể nhìn thấy những đường nét xinh đẹp trên gương mặt cô ấy lộ vẻ thiếu kiên nhẫn - nhưng rồi người đàn ông lịch lãm nhẹ nhàng nắm lấy khuỷu tay cô ấy và dẫn cô ấy đi lên đường Strand. Điều đáng chú ý không phải là nội dung của cảnh tượng này mà là các nhân vật của nó. Trước đây Ursula chưa bao giờ nhìn thấy người đàn ông lịch lãm kia nhưng người phụ nữ đang kích động thì chính là Sylvie - không thể nào nhầm lẫn được. Cho dù không nhận ra Sylvie, cô bé sẽ nhận ra chiếc áo khoác lông chồn vizon mà bố cô bé tặng cho mẹ cô bé nhân dịp kỷ niệm mười năm ngày cưới của họ. Sylvie có vẻ ở rất xa Gerrards Cross.

"Chà!" Izzie nói khi chiếc xe cuối cùng cũng quay đầu được. "Quả là một trò khó nhằn!"



Sang tuần sau, đúng là Ursula không hề xuất hiện trong bài báo của Izzie, cho dù dưới hình thức hư cấu. Thay vào đó, cô đã viết về việc người phụ nữ độc thân có thể thoải mái ra sao khi sở hữu "một chiếc xe nhỏ". "Đi bon bon trên con đường thênh thang rộng mở sung sướng hơn nhiều so với bị mắc kẹt trong một chiếc xe buýt

bắn thủ, hoặc bị kẻ lạ mặt nào đó bám theo trên một con phố tối tăm. Ta không cần lo lắng liếc nhìn lại đằng sau nếu ta đang ngồi sau vô lăng của một chiếc Sunbeam."

"Thật đáng sợ!" Pamela nói. "Em có nghĩ cô ấy bị như thế thật không? Bị một kẻ lạ mặt bám theo trên phố?"

"Em nghĩ là rất nhiều lần."

Ursula không được mời đến làm "người bạn đặc biệt" của Izzie lần nào nữa, thật ra thì chẳng ai trong số họ nghe được tin gì từ cô cho đến khi cô xuất hiện ở trước cửa nhà họ vào đêm Giáng sinh (được mời nhưng không được mong đợi) và tuyên bố mình đang "hơi kẹt một chút". Tình trạng ấy buộc cô phải vào trong phòng riêng của Hugh để trò chuyện kín với anh, và một tiếng đồng hồ sau mới trở ra, trông gần như khúm núm. Cô không mang theo món quà nào và hút thuốc suốt bữa tối, thờ ơ gảy thức ăn.

"Thu nhập hằng năm hai mươi bảng." Hugh nói khi Bridget mang món bánh pudding rưới rượu brandy* tới bàn. "Mà chi tiêu hằng năm hai mươi bảng sáu xu sẽ dẫn đến sự khốn khó*."

"Ồ, thôi đi!" Izzie nói và bực bội rời khỏi bàn trước khi Teddy kịp châm lửa cho chiếc bánh pudding.

"Dickens đấy." Sylvie nói với Ursula.

"*J'étais un peu dérangée**." Sáng hôm sau, Izzie giải thích với Ursula với vẻ khá ăn năn.

"Cô thật là ngốc." Izzie nói. "Đầu óc cô mụ mị hết cả."

Vào ngày đầu năm mới, chiếc Sunbeam biến mất và địa chỉ ở phố Basil được đổi thành một địa chỉ kém trong lành hơn ở Swiss Cottage (một *endroit* còn ẩm đạm hơn nữa), tuy nhiên Izzie vẫn là Izzie, không thể phủ nhận được.

THÁNG 12 NĂM 1923

Jimmy bị cảm lạnh, vì vậy Pammy nói cô sẽ ở nhà với cậu và bày trò trang trí từ những nắp chai sữa bằng bạc, trong khi đó, Ursula và Teddy thơ thẩn đi dọc theo con đường mòn để tìm hái cành nhựa ruồi. Trong rừng nhiều nhựa ruồi vô kể, nhưng rừng ở cách xa nhà họ, thời tiết lại xấu đến nỗi họ chẳng muốn ở ngoài lâu. Bà Glover, Bridget và Sylvie đang giam mình trong bếp, tắt bật chuẩn bị nấu nướng cho lễ Giáng sinh.

"Đừng bẻ cành nào không có quả nhé!" Pamela căn dặn khi Ursula và Teddy rời khỏi nhà. "Và đừng quên kiểm cả ít tầm gửi nữa."

Họ mang theo cái kéo tỉa cây và đôi găng tay làm vườn bằng da của Sylvie sau bài học đau đớn vào Giáng sinh năm ngoái. Họ đã để mắt đến cây nhựa ruồi to tướng trên cánh đồng ở đầu kia của con đường. Hàng rào nhựa ruồi tiện lợi trong vườn nhà họ đã bị dỡ đi sau chiến tranh và được thay thế bằng một hàng rào cây thủy laps mềm mại. Khắp cả vùng trông có vẻ bết hoang dã và giống với một khu ngoại ô hơn. Sylvie nói rằng chẳng bao lâu nữa ngôi làng sẽ trải dài đến nỗi xung quanh họ sẽ toàn nhà là nhà. "Người ta phải sống ở đâu đó chứ." Hugh nói lý. "Nhưng không phải là ở đây." Sylvie nói.

Gió thổi ù ù và lát phát mưa. Trong cái thời tiết này, Ursula chỉ thích ngồi bên đống lửa lò sưởi trong căn phòng sinh hoạt ban ngày, chờ đợi những chiếc bánh nướng nhân thịt của bà Glover đang tỏa hương thơm nức khắp nhà. Ngay cả Teddy, vốn là người có tinh thần lạc quan, cũng chán nản lê bước bên cạnh cô bé, co ro trong tiết trời lạnh lẽo, đầu đội chiếc mũ len trùm đầu màu xám, trông như một hiệp sĩ dòng Đền nhỏ bé, quả cảm. "Thời tiết thật tồi tệ." Cậu nói. Chỉ có Trixie là thích chuyến đi này. Nó hết sức sạo trong các

hàng rào lại nhảy xuống đào bới trong con mương như thể đã được giao cho nhiệm vụ khai quật kho báu. Nó là một con chó ồn ào, thường sủa vì những lý do chỉ mình nó mới biết, vì vậy khi nó bắt đầu kêu lên ăng ăng một cách kích động ở đằng trước họ, họ cũng chẳng mấy quan tâm.

Trixie đi một chút lúc họ bắt kịp nó. Nó đang đứng canh chiến lợi phẩm của mình và Teddy nói: "Chắc là một con vật nào đó đã chết." Trixie đặc biệt điêu luyện trong việc tìm ra những con chim đã thối rữa một nửa và những cái xác khô đét của những loài động vật có vú lớn hơn. "Có lẽ là một con chuột cống hoặc một con chuột đồng." Teddy nói. Rồi cậu thốt lên một tiếng "Ồi" rõ lớn khi nhìn thấy vật ở trong con mương thực sự là gì.

"Chị sẽ ở lại đây." Ursula nói với Teddy. "Còn em hãy chạy về nhà gọi ai đó tới." Nhưng khi cô bé nhìn theo thân hình bé nhỏ, yếu ớt của cậu em trai chạy trên con đường hoang vắng, bóng tối mùa đông buông sớm phủ kín quanh người cậu, cô bé bèn hét lên bảo cậu đợi cô bé với. Ai biết nỗi kinh hoàng nào đang rình rập chứ? Rình rập Teddy, rình rập tất cả bọn họ.



Mọi người bàn tán sôi nổi về cách xử lý thi thể ấy và cuối cùng quyết định sẽ giữ nó trong kho chứa nước đá ở Lâu đài Ettringham cho đến sau lễ Giáng sinh.

Bác sĩ Fellowes đã tới cùng một viên cảnh sát. Ông ta nói rằng đứa trẻ ấy chết không phải vì những nguyên nhân tự nhiên. Đó là một cô bé khoảng tám, chín tuổi; hai chiếc răng cửa vĩnh viễn đã mọc nhưng chúng bị đâm gãy trước khi cô bé chết. Viên cảnh sát nói không thấy có ai trình báo về một bé gái bị mất tích, vì vậy cô bé chắc chắn không phải người địa phương. Họ đoán cô bé có thể là dân Di gan, mặc dù Ursula nghĩ dân Di gan bắt trẻ con đi chứ không phải là bỏ chúng lại như vậy.

Gần đến Năm Mới, quý bà Daunt miễn cưỡng trao trả thi thể cô bé. Khi người ta đưa cô bé ra khỏi kho chứa nước đá, họ thấy cô bé được tô điểm như một thánh tích - trên người cô bé có những bông hoa và những vật trang trí nhỏ, da dẻ đã được lau rửa sạch sẽ, mái tóc được chải và thắt ruy băng gọn gàng. Ngoài ba cậu con trai đã hy sinh trong cuộc Đại chiến, nhà Daunt cũng từng có một cô con gái chết từ lúc còn ẵm ngửa, vậy nên nhiệm vụ trông nom thi thể bé bỏng này đã khơi lại nỗi đau cũ của quý bà Daunt, khiến bà ngần ngại, loạn trí mất một thời gian. Bà muốn chôn cô bé trong khu đất của Lâu đài nhưng dân làng nhao nhao phản đối, họ khẳng khái rằng cô bé phải được chôn cất ở nghĩa địa của nhà thờ. "Không phải được giấu đi làm vật cưng của quý bà Daunt." Ai đó nói. Một loại vật cưng kỳ lạ, Ursula nghĩ.

Nhân dạng của cô bé cũng như kẻ sát hại cô không bao giờ được tìm ra. Cảnh sát tra hỏi tất cả mọi người trong vùng. Một buổi tối, họ đã tới Góc Cáo, Pamela với Ursula gần như treo mình trên lan can cầu thang để cố gắng nghe người lớn nói chuyện. Từ lần nghe lén này, họ biết được không có ai trong làng bị tình nghi và cô bé kia đã bị "giở trò đòi bại".

Cuối cùng, cô bé được chôn vào ngày cuối của năm sau khi được mục sư làm lễ đặt tên thánh cho, vì mọi người đều cảm thấy rằng mặc dù cô bé vẫn là một người không rõ lai lịch nhưng không nên được chôn khi không có tên. Chẳng rõ cái tên "Angela" nảy ra từ đâu nhưng nó có vẻ thích hợp với cô bé. Gần như cả làng đã đến dự đám tang, nhiều người khóc thương Angela còn thống thiết hơn cả khi họ khóc thương người thân ruột thịt của mình. Mọi người đau buồn hơn là sợ hãi, còn Pamela với Ursula thường bàn tán tại sao tất cả những người họ biết lại được cho là vô tội.

Quý bà Daunt không phải là người duy nhất bị ảnh hưởng bởi vụ án mạng này. Sylvie cực kì khó chịu, có vẻ vì giận dữ hơn là vì đau

buồn. "Không phải vì..." Bà cẩu kính nói. "... chuyện con bé bị giết, mặc dù điều đó đã đủ tồi tệ rồi, mà là chuyện không ai nhớ đến nó."

Sau vụ án mạng, Teddy gặp ác mộng suốt mấy tuần lễ, cậu thường bò vào giường, nằm cạnh Ursula vào lúc nửa đêm. Họ sẽ mãi là những người tìm thấy cô bé, những người đã nhìn thấy bàn chân không đi giày, không đi tất - tím bầm và lấm lem, thò ra từ bên dưới những cành du bị mục rụng trên mặt đất, còn thi thể thì bị bao phủ bởi một lớp lá lạnh lẽo.

11 THÁNG 2 NĂM 1926

"Tuổi mười sáu ngọt ngào." Hugh nói, trêu mếu hôn cô. "Chúc mừng sinh nhật, gấu con. Tương lai của con đang chờ con phía trước." Ursula vẫn nung nấu cảm giác rằng một phần tương lai của cô đã ở lại đằng sau, nhưng cô đã học được cách không nói ra những ý nghĩ ấy. Họ đã định lên London để dùng bữa trà chiều ở khách sạn Berkeley (lúc đó đang là kỳ nghỉ giữa kỳ), nhưng Pamela vừa bị trật mắt cá chân trong một trận đấu khúc côn cầu, Sylvie thì chưa hoàn toàn bình phục sau khi bị bệnh viêm màng phổi quật ngã khiến bà phải nằm lại ở trạm xá mất một đêm ("Mẹ nghi ngờ rằng mẹ có hai lá phổi giống của bà ngoại." Câu nói này khiến Teddy thấy buồn cười mỗi lần cậu nghĩ về nó). Còn Jimmy chỉ vừa mới khỏi đợt viêm a mi đạn mà cậu rất hay bị. "Ốm như ngã rạ." Bà Glover nói, khuấy bơ với đường để làm bánh. "Chả biết ai là người tiếp theo đây?"

"Dù sao đi nữa, cần gì phải tới khách sạn mới có được bữa trà tử tế chứ?" Bridget nói. "Ở đây cũng thơm tất chẳng kém."

"Còn thơm hơn ấy chứ." Bà Glover nói. Mặc dù, dĩ nhiên, cả Bridget và bà Glover đều không được mời tới khách sạn Berkeley, thực sự thì Bridget chưa bao giờ được vào một khách sạn nào ở London, hay đúng ra là ở bất cứ đâu, ngoại trừ cái lần đi vào khách sạn Shelbourne để trầm trồ ngắm nghía cái tiền sảnh của nó trước khi lên phà ở Dún Laoghaire để tới Anh, "từ đời nào rồi". Bà Glover, trái lại, tuyên bố rằng mình "khá quen thuộc" với khách sạn Midland ở Manchester, nơi một trong những đứa cháu trai của bà (có vẻ bà có rất nhiều cháu) đã "hơn một lần" đưa bà và chị gái bà tới để ăn tối.

Trùng hợp thay, Maurice cũng về nghỉ cuối tuần, mặc dù anh ta đã quên ("Nếu anh ấy từng biết." Pamela nói) rằng hôm đó là sinh nhật của Ursula. Anh ta đang học năm cuối ở trường Balliol, chuyên ngành luật, và "họm hỉnh hơn bao giờ hết", theo lời Pamela. Cha mẹ anh ta cũng có vẻ không ưa anh ta lắm. "Nó là con anh thật không đây?" Ursula từng nghe lỏm được Hugh nói với Sylvie. "Hồi ở Deauville, em không chim chuột gì với cái gã cực kì nhạt nhẽo đến từ Halifax đấy chứ, cái gã chủ xưởng xay ấy?"

"Anh nhớ dai thật đấy." Sylvie cười.

Pamela đã bớt chút thời gian học hành để làm một tấm thiệp xinh xắn được trang trí bằng những bông hoa cắt ra từ những cuốn tạp chí của Bridget, đồng thời làm một mẻ bánh bích quy "tí hon" nổi tiếng của cô (chí ít là ở Góc Cáo). Pamela đang học để chuẩn bị thi vào trường Girton. "Một cô gái Girton." Cô nói, hai mắt sáng lấp lánh. "Thử hình dung mà xem." Khi Pamela chuẩn bị rời khỏi trường cấp ba thì Ursula cũng sắp sửa bước chân vào đó. Cô giỏi môn Văn hóa cổ điển*. Sylvie nói bà không thể hiểu tiếng Latin và tiếng Hy Lạp có ý nghĩa gì (bà chưa bao giờ được dạy mấy môn đó và có vẻ cảm nhận được sự khiếm khuyết ấy). Ursula, trái lại, bị thu hút bởi những từ ngữ mà bây giờ chỉ còn là lời thì thầm từ nghĩa địa của những đế chế cổ xưa. ("Nếu cháu muốn nói là "chết" thì cứ nói là "chết". Bà Glover cáu kỉnh nói.)

Millie Shawcross cũng được mời tới dùng bữa trà và cô đã đến sớm. Cô vốn là người hoạt bát, sôi nổi. Món quà của cô là những chiếc ruy băng buộc tóc bằng nhung xinh xắn mà cô dùng tiền của mình để mua từ cửa hàng bán đồ kim chỉ trong thị trấn. ("Giờ thì con sẽ không bao giờ có thể cắt tóc được nữa." Hugh nói với Ursula, có chút hả hê.)

Maurice đã mang hai người bạn về chơi, Gilbert và một người Mỹ là Howard ("Cứ gọi cháu là Howie ạ, ai cũng gọi như vậy mà."). Họ sẽ phải ngủ chung trên cái giường ở căn phòng ngủ dành cho

khách, điều này có vẻ khiến Sylvie cảm thấy bối rối. "Các con có thể nằm trở đầu đuôi." Bà lạnh lẽo bông đùa. "Nếu không thì một trong hai đứa có thể ngủ trên cái giường cũ với Hãng Đường sắt Great Western." Đó là cái tên mà họ đặt cho bộ đồ chơi tàu hỏa Homby của Teddy hiện chiếm toàn bộ diện tích căn phòng cũ của bà Glover trên gác mái. Jimmy được phép chơi chung món đồ chơi thú vị này. "Bạn nổi khổ của cậu đấy hử?" Howie nói với Teddy, xoa tóc Jimmy mạnh đến nỗi khiến cậu bé chao đảo. Cái mác người Mỹ đã tạo cho Howie một sức hút đặc biệt, mặc dù Gilbert mới là người có vẻ ngoài của một ngôi sao điện ảnh, thâm trầm và phảng phất nét ngoại lai. Tên của anh ta - Gilbert Armstrong - và cha anh ta (một quan tòa của tòa án tối cao) cùng nền tảng giáo dục của anh ta (trường Stowe) là những bảo chứng không chê vào đâu được của một người Anh, nhưng mẹ anh ta lại xuất thân trong một gia đình quý tộc Tây Ban Nha cũ ("Dân Di gan." Bà Glover kết luận. Bà vốn coi tất cả những người nước ngoài là dân Di gan cả).

"Ôi trời ơi!" Millie thì thầm với Ursula. "Các vị nam thần đang bước đi giữa chúng ta." Cô bắt chéo hai bàn tay đặt lên chỗ trái tim và vẫy vẫy tay như thể chúng là một đôi cánh. "Maurice thì không phải." Ursula nói. "Anh ấy sẽ bị đuổi khỏi đỉnh Olympus vì tội khiến cho mọi người phát rồ lên."

"Sự vênh vang của các vị thần." Millie nói. "Quả là một tựa đề tuyệt vời cho một cuốn tiểu thuyết." Khỏi cần phải nói, Millie luôn mong muốn mình là một nhà văn. Hoặc một họa sĩ, hoặc một ca sĩ, hoặc một vũ công, hoặc một diễn viên. Bất cứ nghề gì giúp cô ấy trở thành tâm điểm của sự chú ý.

"Mấy đứa đang huyền thuyên về cái gì vậy?" Maurice nói. Maurice rất thính nhạy, có thể nói là quá thính nhạy, với những lời chê bai.

"Về anh đấy." Ursula nói. Đám con gái thấy Maurice hấp dẫn, sự thật này luôn làm cho cánh phụ nữ trong nhà anh ta ngạc nhiên. Anh

ta có mái tóc màu vàng nhạt trông như được uốn và thân hình vạm vỡ có được nhờ môn chèo thuyền, nhưng thật khó để bỏ qua cho sự thô lỗ của anh ta. Gilbert hiện đang hôn tay Sylvie ("Ồ!" Millie nói. "Còn gì tuyệt vời hơn thế chứ?"). Maurice đã giới thiệu Sylvie là "Bà già tao" và Gilbert nói: "Cô trẻ đến nỗi chẳng ai nghĩ cô đã làm mẹ."

"Cô biết." Sylvie nói.

("Một gã thiếu đứng đắn." Hugh nhận định. "Một Lothario." bà Glover nói.)

Ba chàng trai trẻ có vẻ choán hết diện tích của Góc Cáo, như thể ngôi nhà đột nhiên bị thu nhỏ lại, vì vậy cả Hugh và Sylvie đều thở phào nhẹ nhõm khi Maurice rủ mấy người bạn của mình ra ngoài chơi "thăm thú xung quanh". "Ý hay đấy!" Sylvie nói. "Các con có thể tiêu hao bớt chút năng lượng dư thừa." Ba người họ chạy ra ngoài vườn theo kiểu Olympia (giống các lực sĩ hơn là các vị thần) và mở đầu cuộc vui náo nhiệt bằng cách đá quả bóng mà Maurice tìm thấy trong cái tủ kê ở tiền sảnh. ("Của em mà!" Teddy nói, chẳng với riêng ai cả.) "Chúng sẽ phá hỏng bãi cỏ mát." Hugh nói, quan sát họ hò hét như những cổ động viên quá khích khi họ giày xéo bãi cỏ bằng đôi giày leo núi lấm lem bùn đất.

"Ồ!" Izzie nói khi cô tới và nhìn thấy ba chàng "lực sĩ" này qua cửa sổ. "Ài chà, đẹp trai quá nhỉ? Em có thể có một chàng trai trong số đó không nhỉ?"



Izzie, mặc đồ lông cáo từ đầu đến chân, nói: "Cô có mang theo quà đây." Một lời thông báo thừa thãi, vì cô đang tay xách nách mang đủ loại hộp to hộp nhỏ hình dáng khác nhau bọc giấy gói đắt tiền, "cho cháu gái yêu quý của cô". Ursula liếc nhìn Pamela và nhún vai vẻ thiếu não. Pamela đảo tròn mắt. Ursula đã không gặp Izzie hàng tháng trời sau chuyến ghé thăm chớp nhoáng tới Swiss Cottage cùng với Hugh để mang cho cô một thùng đầy các loại rau

củ từ khu vườn cuối hè bội thu của Góc Cáo. ("Một quả bí à?" Izzie nói, kiểm tra các thứ có trong thùng. "Em biết làm gì với nó đây?")

Trước đó, cô cũng có lần ghé thăm họ vào cuối tuần nhưng hầu như phớt lờ tất cả mọi người ngoại trừ Teddy. Cô dẫn cậu đi dạo rất lâu và hỏi han cậu không ngừng nghỉ. "Em nghĩ cô ấy đang tách riêng Teddy ra khỏi chúng ta." Ursula nói với Pamela. "Để làm gì?" Pamela hỏi. "Để cô ấy có thể ăn thịt Teddy à?"

Khi được (Sylvie) hỏi (một cách tỉ mỉ), Teddy cũng hoang mang không hiểu lý do vì sao cậu lại nhận được sự chú ý đặc biệt. "Cô ấy chỉ hỏi con thường làm gì, trường học thế nào, sở thích của con là gì, con thích ăn gì. Bạn bè con. Đại loại thế."

"Có lẽ con bé muốn nhận nuôi nó." Hugh nói với Sylvie. "Hoặc bán nó. Anh chắc chắn Ted sẽ có giá hời đấy." Và Sylvie gay gắt đáp trả: "Đừng có nói những điều như vậy, dù chỉ là bông đùa." Nhưng rồi Izzie cũng bỏ rơi Teddy nhanh chóng như lúc cô chọn cậu, và họ không nghĩ gì đến chuyện đó nữa.



Món quà đầu tiên của Ursula được mở ra, đó là một cái đĩa của Bessie Smith. Izzie lập tức đặt nó lên cái máy hát thường được dùng để mở nhạc của Elgar và vở opera *Nhật hoàng* mà Hugh rất yêu thích. "Đĩa này có tên *St. Louis Blues*." Izzie giải thích. "Thử nghe tiếng kèn coóc nê đó xem! Ursula yêu loại nhạc này." ("Thế à?" Hugh hỏi Ursula. "Bố không biết đấy.") Món quà tiếp theo được mở ra là một bản dịch tác phẩm của Dante có bìa da màu đỏ được dập hình trang trí. Kế đó là một chiếc áo ngủ nữ bằng satin và ren mua ở cửa hàng Liberty's - "Như cháu biết đấy, đó là cửa hàng mà mẹ cháu hết sức yêu thích." Sylvie nói chiếc váy này "người lớn quá", "Ursula phải mặc đồ bằng vải giả flannel". Tiếp nữa là một lọ nước hoa Shalimar ("loại mới ra mắt của hãng Guerlain đấy, tuyệt hảo"), món quà này cũng nhận được lời nhận xét tương tự từ Sylvie.

"Cô dâu tảo hôn mà cũng nói vậy ư?" Izzie nói.

"Hồi đó tôi đã mười tám chứ không phải mới mười sáu." Sylvie bậm môi nói. "Một ngày nào đó chúng ta phải nói chuyện về việc cô đã làm gì hồi cô mười sáu tuổi, Isobel à."

"Việc gì vậy ạ?" Pamela háo hức hỏi.

"*Il n'avait pas d'importance**." Izzie gạt đi. Tiếp đến, món quà cuối cùng trong đồng quà cáp là một chai sâm banh. ("Con bé chắc chắn chưa đủ tuổi để uống nó!")

"Nên ướp nó trong đá." Izzie nói, đưa chai rượu cho Bridget.

Hugh hoang mang nhìn Izzie. "Em đã ăn cắp tất cả những thứ này đúng không?" Ông hỏi.



"A, âm nhạc của người da đen." Howie cất tiếng khi ba chàng trai trở về, đổ xô vào phòng khách, trên người phảng phất mùi của lửa và thứ gì đó khó xác định hơn ("Mùi hươu." Izzie lẩm bẩm, hít ngửi không khí.) Cái đĩa của Bessie Smith đang chạy lại lần thứ ba và Hugh nói: "Nghe một lúc thấy bắt đầu cuốn hút rồi đấy." Howie nháy một điệu kỳ quái theo tiếng nhạc, có phần hơi hoang dã, rồi thì thầm gì đó vào tai Gilbert. Gilbert cười, tiếng cười khá thô lỗ đối với một người có dòng dõi quý phái, dù là dòng dõi quý phái của nước ngoài, và Sylvie vỗ tay, nói: "Các chàng trai, các con có muốn thưởng thức món tôm rim bơ bỏ hũ không?". Rồi bà dẫn họ sang phòng ăn, muện màng nhận ra những dấu chân bẩn thỉu mà họ đã để lại khắp nhà.

"Chúng có phải tham chiến đâu chứ." Hugh nói, như thể điều đó giải thích cho những dấu chân đầy bùn đất của họ.

"Đó là điều tốt đây." Sylvie quả quyết nói. "Cho dù chúng có tỏ ra không vừa ý thể nào đi nữa."



"Bây giờ..." Izzie nói khi chiếc bánh sinh nhật đã được cắt và chia cho mọi người. "Cô có món quà cuối cùng..."

"Chúa ơi, Izzie." Hugh ngắt ngang, không thể kiềm chế cơn tức giận thêm nữa. "Ai chi trả cho những thứ này vậy? Em làm gì có tiền, những món nợ của em đang chất cao như núi rồi kìa. Em đã hứa sẽ học cách tiết kiệm cơ mà."

"*Kìa anh!*" Sylvie nói. Bất cứ cuộc tranh luận nào liên quan đến vấn đề tiền bạc (kể cả là vấn đề của Izzie) trước mặt những người lạ cũng khiến bà thảm hoảng hốt. Một đám mây đen bất ngờ giăng qua trái tim bà. Đó là Tiffin, bà biết.

"Chính em là người chi trả." Izzie nghiêm nghị nói. "Và đây không phải là quà cho Ursula, đây là quà cho Teddy."

"Cháu ạ?" Teddy nói, giật mình khi được nhắc đến. Cậu đang nghĩ cái bánh ngon quá chừng, liệu cậu có được ăn thêm một miếng nữa không, và chắc chắn là cậu không muốn mình trở thành tâm điểm của sự chú ý.

"Phải, cháu đấy, cháu yêu." Izzie nói. Teddy rút người lại trước cả Izzie và món quà mà cô đặt lên bàn trước mặt cậu. "Nào!" Izzie khuyến khích. "Mở nó ra đi. Nó không nổ đâu mà lo." (Nhưng biết đâu nó nổ thật.)

Teddy rón rén cởi lớp giấy gói đắt tiền. Khi món quà đã được mở, nó đúng là thứ mà hình dáng của nó khi còn trong bọc đã chỉ ra - một cuốn sách. Ursula, ngồi ở phía đối diện, cố gắng đọc cái tiêu đề lộn ngược. *Những cuộc phiêu lưu của...*

"*Những cuộc phiêu lưu của Augustus.*" Teddy đọc to. "Tác giả Delphie Fox." ("Delphie?" Hugh hỏi.)

"Tại sao với cô cái gì cũng là một "cuộc phiêu lưu" vậy?" Sylvie cáu kỉnh nói với Izzie.

"Bởi vì cuộc đời là một chuyến phiêu lưu, đương nhiên rồi."

"Tôi thấy nó giống một cuộc đua thử sức bền hơn." Sylvie nói.
"Hoặc một cuộc thi vượt chướng ngại vật."

"Ồ, em yêu." Hugh nói, đột nhiên tỏ ra ân cần. "Không đến nỗi như vậy chứ?"

"Dù sao đi nữa..." Izzie nói. "... Hãy quay trở lại với món quà của Teddy nào."

Bìa sách có màu xanh lá cây với chữ và tranh minh họa màu vàng kim - đó là hình ảnh một cậu bé trạc tuổi Teddy đội một cái mũ lưỡi trai học sinh. Cậu cầm một cây súng cao su và dẫn theo một con chó nhỏ - một con chó sục vùng cao nguyên phía Tây lem luốc. Cậu bé trông lồi thối lếch thếch và có ánh mắt hoang dại. "Đó là Augustus." Izzie nói với Teddy. "Cháu nghĩ thế nào? Cô đã dựa vào cháu để sáng tạo ra cậu ta đấy."

"Cháu ư?" Teddy nói, kinh hãi. "Nhưng trông cháu có giống thế đâu. Thậm chí con chó cũng không đúng."



Có một điều đáng kinh ngạc. "Có ai muốn đi nhờ về thành phố không?" Izzie băng quơ hỏi.

"Đừng nói em lại có một cái xe khác đấy nhé!" Hugh rên rỉ.

"Em đỗ nó ở chân lối vào nhà..." Izzie ngọt ngào nói. "... Để không làm anh khó chịu." Họ đi dọc theo đường dẫn để tới xem xét chiếc xe. Pamela, vẫn phải chống nạng, chậm chạp nhảy lò cò theo sau.

"Kẻ nghèo và kẻ tàn tật, kẻ tập tễnh và kẻ mù." Cô nói với Millie.

Millie cười nói: "Một nhà khoa học như chị mà cũng nắm rõ *Kinh thánh* nhỉ!"

"Nắm rõ về kẻ thù của mình là điều tốt mà." Pamela nói.

Trời lạnh nhưng chẳng ai trong số họ nghĩ đến việc mặc áo khoác. "Vào thời điểm này trong năm mà thời tiết như thế này là còn ôn hòa chán." Sylvie nói. "Không giống như lúc con chào đời. Chúa ơi, mẹ chưa bao giờ thấy nhiều tuyết đến thế."

"Con biết mà." Ursula nói. Đợt tuyết rơi trong ngày cô sinh ra đã trở thành một huyền thoại trong gia đình. Cô đã nghe câu chuyện đó nhiều đến nỗi cô nghĩ là mình có thể nhớ được cảnh tượng khi đó.

"Đó chỉ là một chiếc Austin." Izzie nói. "Một chiếc xe đường trường - nhưng có bốn cửa - tuy nhiên còn xa mới đắt bằng một chiếc *Bentley*. Chúa ơi, nó chắc chắn chỉ là một phương tiện bình dân khi so với "thú vui xa xỉ" của anh, Hugh."

"Rõ là mua trả góp rồi." Hugh nói.

"Không hề, đã trả hết *bằng tiền mặt*. Em đang hợp tác với một *nhà xuất bản*, em có *tiền*, Hugh à. Anh không cần phải lo lắng cho em nữa."

Trong khi mọi người (trừ Hugh và Sylvie) đang trầm trồ ngưỡng mộ chiếc xe màu anh đào rực rỡ, Millie nói: "Cháu phải về đây ạ, tối nay cháu có một buổi biểu diễn khiêu vũ. Cháu cảm ơn cô rất nhiều vì bữa tiệc trà tuyệt vời, cô Todd."

"Đi nào, mình sẽ tiễn cậu về." Ursula nói.

Trên đường quay trở về nhà qua lối đi tắt mà cô đã đi mòn cả chân ở cuối vườn, Ursula đã có một cuộc chạm trán bất ngờ - đây mới là điều đáng kinh ngạc chứ không phải là chiếc Austin - khi cô gần như vấp phải Howie, người đang bò bằng cả hai tay hai chân, sục sạo giữa các bụi cây.

"Đang tìm quả bóng." Anh ta nói với vẻ áy náy.

"Đó là quả bóng của cậu nhóc em trai em. Anh nghĩ bọn anh đã làm mất nó trong..." Anh ta ngồi xổm dậy, nhìn quanh những bụi

hoàng liên gai và bọ chó với vẻ vô vọng.

"Bụi cây rào này." Ursula tiếp lời. "Bọn em rất khao khát nó."

"Hả?" Anh ta nói, đứng bật dậy và đột nhiên trở nên giống như một ngọn tháp sừng sững trước mặt cô. Trông anh ta giống như kẻ hay chơi đấm bốc vậy. Quả thực, bên dưới mắt anh ta có một vết bầm. Fred Smith - cậu bé giao thịt ngày trước, giờ là nhân viên đường sắt - là một võ sĩ quyền anh. Maurice từng dẫn vài người bạn tới để cổ vũ Fred trong một cuộc thi đấu nghiệp dư ở khu Đông London. Dường như nó đã biến thành một cuộc hỗn chiến dữ dội. Howie có mùi dầu thơm - mùi của Hugh - và ở anh ta toát lên một cảm giác mới mẻ, như thể anh ta là một đồng xu vừa mới đúc. "Anh có tìm thấy không?" Cô hỏi. "Quả bóng ấy?" Cô thấy giọng mình trở nên the thé. Cô đã nghĩ Gilbert mới là người đẹp trai trong hai người, nhưng khi đối mặt với dáng vẻ cân đối, khỏe khoắn của Howie, giống như một con thú lớn, cô cảm thấy mình thật ngốc nghếch.

"Em bao nhiêu tuổi?" Anh ta hỏi.

"Mười sáu." Cô nói. "Hôm nay là sinh nhật em. Anh đã ăn bánh ngọt." Rõ ràng cô không phải kẻ ngốc nghếch duy nhất.

"Hoo-ee." Anh ta nói, một từ có thể hiểu theo rất nhiều nghĩa (cô nhận thấy nó nghe rất giống tên anh ta), mặc dù lúc này nó có vẻ biểu thị cho sự kinh ngạc, như thể việc đạt đến tuổi mười sáu là một kỳ công. "Em đang run kìa." Anh ta nói.

"Ngoài này lạnh quá."

"Anh có thể sưởi ấm cho em." Anh ta nói và rồi - điều đáng kinh ngạc xảy ra - anh ta nắm lấy hai vai cô và kéo về phía mình - một hành động cần phải cúi xuống một chút - rồi áp đôi môi to lớn của anh ta vào đôi môi cô. "Hôn" có vẻ là một từ quá nhã nhặn để miêu tả cái hành động mà Howie đang làm. Anh ta đang cố đẩy cái lưỡi to

như lưỡi bò của mình vào trong miệng cô. Cô sẽ ngạt thở mất. Trong đầu cô bất chợt hiện lên cái khuôn ép lưỡi của bà Glover.

Ursula phân vân không biết phải làm gì, mùi dầu thơm và tình trạng thiếu oxy đang khiến cô chóng mặt, bỗng họ nghe thấy tiếng gọi của Maurice ở khá gần đó: "Howie! Bọn tao đi trước đây nhé!" Miệng Ursula được thả ra và, chẳng nói một lời với cô, Howie hét toáng lên "Tao đến đây", to đến nỗi khiến tai cô đau nhói. Rồi anh ta buông cô ra và bỏ đi, len lỏi qua các bụi cây, để mặc Ursula ở lại một mình, hồn hển hít thở.

Cô choáng váng quay trở về nhà. Tất cả mọi người vẫn đang ở trên đường dẫn. Mặc dù có cảm giác như hàng tiếng đồng hồ đã trôi qua, nhưng cô cho rằng thực ra mới chỉ có vài phút thôi, giống như trong những câu chuyện cổ tích hay nhất vậy. Trong phòng ăn, Hattie đang liếm láp ngon lành phần còn lại của chiếc bánh. Cuốn *Những cuộc phiêu lưu của Augustus* nằm trên bàn bị dính một vết kem. Tim Ursula vẫn còn đập thành thịch bởi cú sốc từ hành động táo bạo của Howie. Được hôn vào sinh nhật tuổi mười sáu, lại còn bất ngờ như thế, đây dường như là một thành tựu lớn lao. Ất hẳn cô đang đi qua bên dưới cánh cổng vòm vinh quang dẫn đến quãng đời đàn bà. Giá mà người "dìu dắt" cô là Benjamin Cole, vậy thì sẽ tuyệt vời biết bao!

"Cậu nhóc" Teddy xuất hiện, chán nản nói: "Họ làm mất quả bóng của em rồi."

"Chị biết." Ursula nói.

Cậu mở trang bìa giả của cuốn sách, trên đó có lời đề tặng bằng chữ viết tay hoa mỹ của Izzie: *Dành tặng cháu trai tôi, Teddy. Augustus thân yêu của tôi.*

"Vớ vẩn." Teddy nói, cau mày. Ursula nhắc một ly sâm banh đã uống một nửa lên, vành ly vẫn còn vết son môi màu đỏ, rồi rót nửa số rượu trong đó vào một cái cốc đựng thạch và đưa cho Teddy.

"Chúc mừng!" Cô nói. Họ cùng cụng ly và uống cạn.

"Chúc mừng sinh nhật!" Teddy nói.

THÁNG 5 NĂM 1926

Đầu tháng Năm, Pamela không còn phải chống nạng và đã chơi tennis trở lại. Cô nhận được tin mình đã trượt kỳ thi vào trường Cambridge. "Con đã bị hoảng loạn." Cô nói. "Con gặp những câu hỏi chưa từng thấy trước đó nên bắt đầu rối trí và không làm được bài. Đáng lẽ con phải học gạo nhiều hơn hoặc nếu con giữ được bình tĩnh và suy nghĩ thông suốt, con có thể đã làm tốt."

"Còn có những trường đại học khác nếu con nhất quyết muốn trở thành một nữ học giả." Sylvie nói. Mặc dù không bao giờ nói ra miệng nhưng Sylvie nghĩ rằng giới học viện chẳng có ích gì với cánh đàn bà con gái. "Suy cho cùng, thiên chức cao cả nhất của người phụ nữ chính là làm vợ và làm mẹ."

"Mẹ muốn con đầu tắt mặt tối bên một cái bếp lò nóng rực thay vì một chiếc đèn Bunsen* ư?"

"Khoa học thì làm được gì cho thế giới này chứ, ngoài việc tạo ra những cách giết người thuận lợi hơn?" Sylvie nói.

"Chà, tiếc thay cho Cambridge." Hugh nói. "Maurice đang quyết tâm giành được tấm bằng tốt nghiệp hạng ưu nhưng nó hoàn toàn là một thằng ngốc." Để bù đắp cho nỗi thất vọng của Pamela, ông đã mua cho cô một chiếc xe đạp khung vống của hãng Raleigh, Teddy liền hỏi cậu sẽ nhận được gì nếu cậu cũng thi trượt. Hugh cười nói: "Cẩn thận đấy, đó là cách nói chuyện của Augustus."

"Ôi, xin bố đừng nói vậy." Teddy nói, xấu hổ mỗi khi có ai đó nhắc đến cuốn sách. Bất chấp sự ngán ngẩm của tất cả mọi người và đặc biệt là Teddy, *Những cuộc phiêu lưu của Augustus* đã thành công vang dội, "bay hết veo khỏi các giá sách" và tính đến nay đã được tái bản đến lần thứ ba, theo lời Izzie. Cô đã kiếm được "một khoản

nhuận bút kéch xù" và chuyển đến một căn hộ ở Ovington Square. Cô cũng đã nhận lời phỏng vấn cho một tờ báo và nhắc đến "nguyên mẫu" của mình, "cậu cháu trai lém lỉnh, đáng yêu".

"Nhưng đó không phải là tên của con." Teddy nói, bám lấy chút hy vọng. Cậu đã nhận được một món quà hòa giải từ Izzie, đó là một con chó mới. Trixie đã chết vài tuần trước và từ đó Teddy lúc nào cũng ủ rũ. Con chó mới là một con chó sục vùng cao nguyên phía Tây, giống như con chó của Augustus - đó không phải là giống chó mà bất cứ ai trong số họ sẽ chọn lựa. Nó đã được Izzie đặt tên là Jock*, đương nhiên, cái tên này được khắc trên cái nhãn ở chiếc vòng cổ đất tiền của nó.

Sylvie gợi ý đổi tên nó thành Pilot ("Tên con chó của Charlotte Brontë." Bà nói với Ursula. Sau đó, Ursula nói với Pamela: "Một ngày nào đó, những câu chuyện giữa em và mẹ sẽ chỉ xoay quanh những cái tên của các nhà văn lớn trong quá khứ." Và Pamela nói: "Chị nghĩ có lẽ bây giờ đã như vậy rồi.")

Con chó nhỏ đã quen với cái tên Jock vì vậy không nên làm nó lúng túng, thế là nó vẫn được gọi là Jock. Dần dà tất cả bọn họ đều yêu quý nó hơn bất cứ con chó nào của họ, bất chấp lai lịch phiền phức của nó.



Maurice về nhà vào một sáng thứ Bảy, lần này chỉ có Howie bám theo chứ không thấy bóng dáng Gilbert đâu, anh ta đã bị đuổi học vì một "hành động đại dột". Khi Pamela hỏi "Hành động đại dột gì vậy?", Sylvie nói rằng đó là loại hành động người ta không nhắc gì đến nữa sau khi nó đã xảy ra.

Ursula thường xuyên nghĩ về Howie từ sau lần chạm trán cuối cùng của họ. Không phải là những gì hữu hình - chiếc quần rộng thùng thình, chiếc áo sơ mi cổ mềm, mái tóc bôi sáp bóng mượt - mà là việc anh ta đã chu đáo đến mức cố gắng tìm quả bóng bị mất

của Teddy. Sự tử tế đã át đi *sự khác biệt* lạ lẫm, đáng lo ngại ở anh ta, gồm ba yếu tố: cao lớn, là nam giới và là người Mỹ. Bất chấp những cảm xúc lập lờ nước đôi ấy, cô không thể ngăn được một niềm hân hoan nho nhỏ khi nhìn thấy anh ta nhảy xuống khỏi chiếc xe mui trần đỗ ngoài cửa Góc Cáo.

"Chào!" Anh ta nói khi nhìn thấy cô. Cô nhận ra anh bạn trai tưởng tượng của cô thậm chí còn không biết tên cô.

Sylvie và Bridget vội vã mang đến một bình cà phê và một đĩa bánh nướng. "Bọn con không ở lại đâu." Maurice nói với Sylvie. Rồi Sylvie nói: "Ơn Chúa, mẹ không có đủ đồ ăn để tiếp đãi hai cậu trai trẻ to xác như bọn con đâu."

"Bọn con sẽ lên London để giúp sức trong vụ đình công." Maurice nói. Hugh tỏ ra ngạc nhiên. Ông nói ông đã không nhận ra rằng quan điểm chính trị của Maurice lại hướng về phía những người công nhân, và đến lượt Maurice tỏ ra ngạc nhiên vì cha mình có thể nghĩ như vậy. Họ sẽ lên London để lái những chiếc xe buýt, tàu hỏa và bất cứ thứ gì khác "để giúp cho đất nước này không bị đình trệ".

"Em không biết là anh có thể lái tàu hỏa đấy, Maurice." Teddy nói, đột nhiên cậu thấy anh trai mình thật thú vị.

"Chà, anh chỉ là thợ đốt lò thôi." Maurice bực bội nói. "Việc đó chắc cũng chẳng khó lắm."

"Người ta không gọi họ là thợ đốt lò, người ta gọi họ là công nhân đốt lò." Pamela nói. "Và đó là một công việc đòi hỏi kinh nghiệm và sự khéo léo. Hãy hỏi anh Smithy bạn anh." Không hiểu sao câu nói này lại càng khiến Maurice tức tối hơn.

"Con đang cố gắng chống trụ một nền văn minh đang gãy chết." Hugh nói bằng giọng như thể ông đang nhận xét về thời tiết. "Thực sự chẳng có ích lợi gì đâu."

Đến lúc này thì Ursula rời khỏi phòng. Nếu có điều gì cô thấy còn nhàm chán hơn cả việc nghĩ đến chính trị, thì đó chính là nói chuyện

về chính trị.

Thế rồi. Điều đáng kinh ngạc xảy ra. Một lần nữa. Khi cô đang nhảy chân sáo lên các bậc thang đằng sau nhà để lên phòng ngủ ở gác mái lấy thứ gì đó - một thứ vô thường vô phạt mà sau đó cô chẳng còn nhớ đến, chẳng hạn như một cuốn sách hay một chiếc khăn tay - thì cô suýt bị ngã ngửa ra sau bởi Howie đang sầm sập chạy xuống.

"Anh đang tìm nhà tắm." Anh ta nói.

"Chà, nhà em chỉ có một cái thôi." Ursula nói. "Và nó không ở trên này..." Nhưng trước khi kịp nói hết câu, cô đã thấy mình bị ép sát rạt vào lớp giấy dán tường hình hoa tả tơi của cái cầu thang sau nhà, vốn đã hiện diện ở đó từ khi ngôi nhà được xây. "Em gái xinh đẹp." Anh ta nói. Hơi thở của anh ta có mùi bạc hà. Và rồi cô lại chịu khuất phục trước những cú xô đẩy của anh chàng Howie to khỏe hơn cô nhiều. Nhưng lần này anh ta không cố gắng lừa lười vào miệng cô nữa mà làm một việc thân mật hơn thế.

Cô cố gắng nói gì đó, nhưng trước khi cô kịp thốt ra một âm thanh nào, bàn tay anh ta đã bịt lấy miệng cô, thực chất là che hết một nửa khuôn mặt cô, và anh ta nhe răng cười nói "Suýt", như thể họ là đồng lõa trong một trò láu cá nào đó. Bàn tay còn lại của anh ta mò mẫm quần áo cô và cô rít lên phản đối. Thế rồi anh ta thúc vào cô, giống như những con bò thiến húc vào cánh cổng. Cô cố gắng vùng vẫy nhưng anh ta to gấp hai, gấp ba cô, còn cô chỉ như một con chuột trong hàm răng của con mèo Hattie.

Cô cố gắng nhìn xem anh ta đang làm gì nhưng lại bị ép sát đến nỗi tất cả những gì nhìn được chỉ là quai hàm vuông vắn nở rộng của anh ta và đám chân râu lờm chờm sẽ không thể nhận thấy nếu ở khoảng cách xa. Ursula từng nhìn thấy các anh em trai của mình lóa thể, cô biết giữa hai chân họ có thứ gì - những con sò nhăn nheo, một cái vòi nhỏ xíu - và nó có vẻ chẳng liên quan gì tới thứ giống như được vận hành bằng pít tông đang ấn vào bên trong cô

khiến cô đau nhói như thể nó là một món vũ khí chiến tranh. Cơ thể cô bị chọc thủng. Cánh cổng vom dẫn đến quãng đời đàn bà không còn có vẻ vinh quang nữa, chỉ có sự thô bạo và cục súc.

Sau đó Howie rống lớn một tiếng, giống như một con bò hơn là một sinh viên của trường Oxford, rồi kéo quần lên và cười nhe nhớn với cô. "Những cô gái Anh." Anh ta nói, lắc lắc đầu và cười. Anh ta lúc lắc ngón tay trước mặt cô, gần như tỏ vẻ chê trách, như thể chính cô đã sắp đặt chuyện đáng ghê tởm vừa mới xảy ra và nói: "Em thực sự rất đặc biệt!" Anh ta lại cười phớ lớ và nhảy ba bậc một xuống cầu thang, như thể cuộc thân mật lạ lùng vừa rồi giữa họ không hề xảy ra vậy.

Ursula bị bỏ lại một mình, nhìn chăm chăm vào lớp giấy dán tường có họa tiết hình hoa. Trước đây cô chưa từng để ý rằng những bông hoa này là hoa đậu tía, loài hoa mọc trên cái cổng vom của hàng hiên sau nhà. Đây hẳn là việc mà trong văn học gọi là "bẻ hoa", cô nghĩ. Cô đã luôn thấy nó là một từ thú vị.

Khi cô xuống dưới nhà sau nửa tiếng rồi ren với những suy nghĩ và cảm xúc mãnh liệt hơn hẳn một sáng thứ Bảy thông thường, Sylvie và Hugh đang ở trên bậc thềm, vẫy tay tạm biệt cho tròn trách nhiệm với cái đuôi xe đang khuất dần của Howie.

"Ờn Chúa vì chúng không ở lại." Sylvie nói. "Em không nghĩ em có thể chịu được sự ồn ào của Maurice."

"Lũ ngốc!" Hugh vui vẻ nói. "Đúng không?" Ông nói khi nhìn thấy Ursula ở tiền sảnh.

"Vâng." Cô nói. Bất cứ câu trả lời nào khác cũng đều quá khủng khiếp.



Ursula nhận thấy việc khóa kín sự kiện này lại dễ dàng hơn cô tưởng. Suy cho cùng, chẳng phải mẹ cô đã nói rằng một hành động

dại dột là hành động mà người ta không nhắc gì đến nữa sau khi nó đã xảy ra sao? Ursula hình dung trong đầu cô có một cái tủ đơn giản bằng gỗ thông cứng kê ở trong góc. Howie và cái cầu thang sau nhà được cất lên một ngăn ở trên cao và khóa trái lại.

Hắn là cô gái nào cũng cần biết rằng không nên để mình bị bắt gặp trên cái cầu thang sau nhà đó - hoặc trong bụi rậm - giống như nhân vật nữ chính trong một cuốn tiểu thuyết thời Trung cổ, loại tiểu thuyết mà Bridget rất mê mẩn. Nhưng có ai ngờ thực tế lại nhóp nhúa và gớm ghiếc như vậy? Hắn là anh ta đã cảm nhận được điều gì đó ở cô, điều gì đó ô uế, mà ngay cả cô cũng không ý thức được. Trước khi nhốt kín sự kiện đó lại, cô đã soi đi xét lại nó rất nhiều lần, cố gắng tìm hiểu xem lỗi của mình ở đâu. Hắn là trên da cô, trên mặt cô có viết điều gì đó mà vài người có thể đọc còn những người khác thì không. Izzie đã nhìn thấy nó. *Thứ gì đó xấu xa đang đến*. Và thứ ấy chính là bản thân cô.

Mùa hè đến. Pamela được nhận vào Đại học Leeds để học ngành Hóa học. Cô nói cô rất vui vì ở các tỉnh lẻ người ta sẽ "cởi mở hơn" và không hợm hĩnh bằng dân thủ đô. Cô thường xuyên chơi tennis với Gertie và thi đấu đôi nam nữ với Daniel Cole và Simon Cole. Cô cũng hay cho Ursula mượn xe đạp nên Ursula có thể đi đạp xe với Millie. Cả hai cô gái đều la hét thích thú khi họ thả dốc xuống những ngọn đồi. Thi thoảng Ursula lại thành thạo dạo bộ qua những con đường mòn với Teddy và Jimmy, Jock chạy luẩn quẩn quanh chân họ. Cả Teddy và Jimmy đều không có vẻ gì là cần giữ bí mật về cuộc sống của mình với các chị, khác hẳn Maurice ngày trước.

Pamela và Ursula thường dẫn Teddy và Jimmy lên London chơi trong ngày. Họ tới Bảo tàng Lịch sử Tự nhiên, Bảo tàng Anh, Vườn Bách thảo Hoàng gia Kew, nhưng chưa bao giờ nói với Izzie là họ lên thành phố. Cô đã chuyển nhà lần nữa, lần này là một ngôi nhà lớn ở Holland Park ("*một endroit* khá giàu tính thẩm mỹ"). Một hôm, khi đang lang thang dọc theo Piccadilly, họ nhìn thấy một chồng

Những cuộc phiêu lưu của Augustus trong ô kính bày hàng của một hiệu sách, kèm theo "bức ảnh của tác giả - cô Delphie Fox, người chụp là ông Cecil Beaton". Trong bức ảnh đó, Izzie trông như một ngôi sao điện ảnh hoặc một người đẹp thượng lưu. "Ồi Chúa ơi!" Teddy thốt lên. Mặc dù đang đóng vai trò người giám hộ của cậu em trai nhưng Pamela không sửa lại lời ăn tiếng nói của cậu.



Lâu đài Ettringham lại tổ chức một bữa tiệc. Gia đình Daunt đã chuyển đi sau một nghìn năm an cư tại đây. Quý bà Daunt không bao giờ hồi phục sau vụ cô bé Angela bị sát hại. Hiện giờ chủ nhân của Lâu đài là một người đàn ông khá bí ẩn, ông Lambert. Vài người nói ông ta là người Bỉ, có người lại nói ông ta là người Scotland, nhưng chưa có ai trò chuyện đủ lâu với ông ta để phát hiện ra lai lịch thật sự của ông ta. Nghe đồn ông ta phát lên trong chiến tranh nhưng tất cả mọi người đều nói ông ta nhút nhát và khó bắt chuyện. Cũng có những buổi khiêu vũ ở hội trường của làng vào các tối thứ Sáu, và trong một buổi khiêu vũ như thế Fred Smith xuất hiện, đã cọ sạch lớp muội than đen nhẻm thường ngày, lần lượt mời Pamela, Ursula và ba cô con gái lớn nhà Shawcross khiêu vũ. Ở đó chỉ có một chiếc máy hát chứ không phải một ban nhạc, và họ chỉ nhảy những điệu cổ chứ không phải Charleston* hay Black Bottom*, và thật thú vị khi được Fred Smith dẫn dắt đi quanh phòng một cách an toàn trong điệu valse với sự điêu luyện đáng kinh ngạc. Ursula nghĩ nếu có một người bạn trai như Fred thì tuyệt biết bao, mặc dù hiển nhiên Sylvie sẽ không bao giờ chấp nhận một chuyện như thế. ("Một nhân viên đường sắt ư?")

Ngay khi cô nghĩ như vậy về Fred, cánh cửa tử trong đầu cô bật mở và toàn bộ cảnh tượng khủng khiếp ở cái cầu thang sau nhà tràn ra.

"Cẩn thận nào!" Fred Smith nói. "Trông cô hơi xanh xao đấy, cô Todd."

Ursula phải đổ lỗi cho sự oi bức và đòi đi hít thở không khí trong lành một mình. Thực ra, dạo gần đây cô rất hay buồn nôn. Sylvie cho rằng đó là vì cô mắc phải bệnh cảm lạnh mùa hè.

Maurice đã giành được tấm bằng tốt nghiệp hạng ưu như mong đợi ("Bằng cách nào vậy?" Pamela hỏi). Anh ta về nhà trong vài tuần để nghỉ ngơi thư giãn trước khi chiếm một chỗ trong những căn phòng ở Lincoln's Inn* để được đào tạo làm luật sư biện hộ. Howie hình như đã trở về với "người nhà của anh ta" trong căn nhà mùa hè ở eo biển Long Island. Maurice có vẻ hơi khó chịu vì không được mời tới đó chơi.

"Chuyện gì xảy ra với em vậy?" Maurice hỏi Ursula vào một buổi chiều khi anh ta đang nằm ườn trên một cái ghế xếp ở bãi cỏ đọc cuốn tạp chí *Punch* và nhét gần như cả miếng bánh mứt cam của bà Glover vào mồm.

"Ý anh là sao?"

"Em đã biến thành một con bò tơ."

"Một con bò tơ?" Đúng là những chiếc váy mùa hè đang căng ra một cách đáng ngại trên người cô, ngay cả bàn tay và bàn chân cô dường như cũng mũm mĩm hơn. "Đó gọi là đầy đà, con yêu!" Sylvie nói. "Ngay cả mẹ cũng bị. Giải pháp là ăn ít bánh ngọt thôi và chơi tennis nhiều hơn."

"Trông em khiếp quá!" Pamela nói với cô. "Em bị làm sao vậy?"

"Em không biết." Ursula nói.

Và rồi một điều thực sự khủng khiếp đã giáng xuống cô, thật tồi tệ, thật đáng xấu hổ, thật *không thể cứu vãn*, đến nỗi cô cảm thấy bên trong mình như có thứ gì đó bắt lửa và bốc cháy trước ý nghĩ ấy. Cô tìm một cuốn sách của Sylvie có tên *Giáo dục trẻ em gái về vấn đề sinh sản* của Tiến sĩ Beatrice Webb mà Sylvie giấu trong một cái hòm có khóa trong phòng ngủ của bà, nhưng cái hòm không bao

giờ khóa bởi vì Sylvie đã đánh mất chìa khóa từ lâu. Dường như sự sinh sản là điều cuối cùng mà tác giả nghĩ đến. Bà ta khuyên nên kiểm chế bản năng của các cô gái trẻ bằng cách cho họ ăn thật nhiều "bánh mì nhà làm, bánh ngọt, cháo, pudding và thường xuyên vãi nước lạnh vào các bộ phận riêng tư". Nó rõ ràng chẳng giúp ích được gì. Ursula rùng mình khi nhớ đến "bộ phận riêng tư" của Howie và cách chúng xâm nhập vào bộ phận riêng tư của cô một cách đáng ghê tởm. Đó là chuyện mà Sylvie và Hugh vẫn làm sao? Cô không thể tưởng tượng nổi mẹ mình có thể chịu đựng được một chuyện như thế.

Cô lên xem cuốn bách khoa thư về y học của bà Shawcross. Nhà Shawcross đang đi nghỉ ở Norfolk, nhưng cô hầu gái của họ chẳng nghĩ ngợi gì khi Ursula xuất hiện ở cửa sau nhà họ và nói rằng cô sang để xem một cuốn sách.

Cuốn bách khoa thư giải thích chi tiết về "hoạt động tình dục", một việc có vẻ chỉ diễn ra trên "chiếc giường hôn nhân" thay vì cái cầu thang sau nhà khi ta đang trên đường đi lấy một chiếc khăn tay hay một cuốn sách. Cuốn bách khoa thư cũng miêu tả chi tiết về các hậu quả khi không lấy được cái khăn tay hay cuốn sách đó - mất kinh, nôn ọe, tăng cân. Mất khoảng chín tháng. Và bây giờ đã giữa tháng Bảy. Chẳng bao lâu nữa cô sẽ phải nhét mình trở lại vào bộ đồng phục màu xanh hải quân và bắt xe buýt tới trường vào mỗi sáng với Millie.

Ursula bắt đầu hay đi dạo một mình. Millie không có nhà để cô tâm sự (dù sao đi nữa, liệu cô có tâm sự với cô ấy không?), còn Pamela thì đã tới Devon với Hội Hướng đạo Nữ. Ursula chưa bao giờ thích Hội Hướng đạo, giờ thì cô mới thấy hối tiếc về chuyện đó - lẽ ra họ đã có thể dạy cô kỹ năng đối phó với Howie. Một nữ hướng đạo sinh sẽ lấy được chiếc khăn tay đó, cuốn sách đó, mà không bị cản trở.

"Có chuyện gì sao, con yêu?" Sylvie hỏi khi họ ngồi mạng tất cùng nhau. Những đứa con của Sylvie chỉ thực sự được bà chú ý đến khi chúng ở một mình. Khi ở bên nhau, chúng chỉ là một bầy con đông đúc, khi tách ra, chúng mới có đặc điểm riêng.

Ursula tưởng tượng xem mình có thể nói gì. *Mẹ có nhớ anh bạn Howie của anh Maurice không? Hình như con sắp trở thành mẹ của con anh ta rồi.* Cô liếc nhìn Sylvie, bà đang bình thần mạng miếng vá nhỏ vào lỗ thủng ở mũi một trong những chiếc tất của Teddy. Trông bà không giống một người phụ nữ đã bị xâm phạm bộ phận riêng tư. (Đó là "âm đạo", theo cuốn bách khoa thư của bà Shawcross - nó không phải là từ được thốt ra trong nhà Todd.)

"Không, không có gì đâu ạ." Ursula nói. "Con ổn mà. Hoàn toàn ổn."



Chiều hôm đó, cô đi bộ tới nhà ga và ngồi trên một cái ghế băng ở sân ga, ngẫm nghĩ đến việc lao mình xuống dưới bánh xe lửa tốc hành khi nó sầm sập lao đến, nhưng hóa ra chuyến tàu tiếp theo là chuyến đi London, nó từ từ xình xịch dừng lại trước mặt cô, thân thuộc đến nỗi khiến cô muốn òa khóc. Cô nhìn thấy Fred Smith bước xuống từ buồng lái, chiếc quần yếm lấm lem dầu mỡ và khuôn mặt nhợt nhạt vì mệt mỏi. Nhìn thấy cô, anh ta bước tới và nói: "Trùng hợp quá, cô đang bắt chuyến tàu của bọn tôi à?"

"Em không có vé." Ursula nói.

"Không sao." Fred nói. "Chỉ cần tôi gạt đầu và nháy mắt một cái là người soát vé sẽ cho bạn tôi qua." Cô là bạn của Fred Smith ư? Cô cảm thấy được an ủi khi nghĩ như vậy. Dĩ nhiên, nếu biết về tình trạng của cô, anh ta sẽ không còn là bạn cô nữa. Sẽ chẳng có ai làm bạn với cô nữa.

"Vâng, tuyệt quá, cảm ơn anh!" Cô nói. Không có vé đường như chỉ là một vấn đề nhỏ.

Cô nhìn Fred leo trở lại buồng lái. Viên trưởng ga oai vệ đi dọc theo sân ga, đóng sầm cửa các toa tàu với sự dứt khoát ám chỉ rằng chúng sẽ không bao giờ được mở ra lần nữa. Hơi nước phun phì phì từ ống khói và Fred Smith thò đầu ra khỏi buồng lái, hét lên: "Nhanh nhẹn lên nào, cô Todd, nếu không cô sẽ bị bỏ lại đây." Thế là cô ngoan ngoãn bước lên tàu.

Tiếng còi của trưởng ga vang lên lạnh lạnh, ban đầu thì ngắn, sau đó dài hơn, và con tàu dần dần nhích khỏi nhà ga. Ursula ngồi trên chiếc ghế nhung lông ấm áp, nghĩ về tương lai. Cô cho rằng cô có thể bị lạc giữa những người phụ nữ sa ngã khác đang khóc lóc thảm thiết trên những đường phố của London; cuộn tròn người trên một cái ghế băng ở công viên và chết cứng trong đêm, có điều giờ đang là giữa mùa hè và cô chưa chắc đã bị cống lạnh; hoặc lội xuống sông Thames và nhẹ nhàng thả trôi theo con sóng thủy triều, băng qua Mapping, Rotherhithe, Greenwich rồi tới Tilbury và ra biển. Gia đình cô sẽ rối bời biết bao nếu thi thể bị chết đuối của cô được móc lên từ dưới nước. Cô hình dung ra Sylvie cau mày phía trên món đồ bà đang mạng, *Nhưng nó chỉ đi dạo thôi mà, nó nói nó đi hái những quả mâm xôi dại trên đường*. Ursula áy náy nghĩ đến cái bát sâu lòng bằng sứ trắng mà cô bỏ lại bên hàng rào, cô đã định mang nó vào nhà lúc nào cô quay về. Nó đựng đầy một nửa những quả mọng bé tí chua loét và những ngón tay cô vẫn còn nhuộm màu đỏ.



Cô dành cả buổi chiều để đi bộ qua những công viên lớn của London, từ công viên St James đến công viên Xanh, qua cung điện Pha Lê và vào công viên Hyde rồi vườn Kensington. Thật là lạ khi ta có thể đi xa đến vậy trong lòng London mà hầu như không phải đặt chân lên một cái vỉa hè hay băng ngang qua một con đường. Dĩ

nhiên, cô không mang tiền theo người - giờ cô mới nhận ra đó là một sai lầm ngớ ngẩn - vì vậy, cô thậm chí không thể mua nổi một tách trà ở Kensington. Ở đây không có Fred Smith để "cho cô qua". Cô nóng, mệt, lấm lem và cảm thấy khát khô như đám cỏ ở công viên Hyde vậy.

Có thể uống nước ở hồ Serpentine không? Người vợ đầu tiên của Shelley đã trầm mình ở đây, nhưng Ursula cho rằng vào một ngày như thế này - hàng đám đông người đang hưởng thụ ánh nắng - gần như không thể tránh được việc sẽ có một ông Winton khác nhảy xuống cứu cô.

Cô biết mình sẽ đi đâu, dĩ nhiên rồi. Dù sao đi nữa, đó là điều không thể tránh khỏi.



"Chúa nhân từ ơ, chuyện gì xảy ra với cháu vậy?" Izzie nói, mở toang cánh cửa chính một cách kịch tính như thể đang mong đợi ai đó thú vị hơn. "Trông cháu như quỷ dạ xoa vậy."

"Cháu đã đi bộ cả buổi chiều." Ursula nói. "Cháu không có tiền." Cô nói thêm. "Và cháu nghĩ cháu sắp có con."

"Vậy thì cháu nên vào nhà đi." Izzie nói.



Giờ thì cô đang ở đây, ngồi trên một cái ghế cứng ngắc trong căn phòng hắt hủi là phòng ăn của một căn nhà lớn ở Belgravia. Bây giờ nó chẳng còn mục đích nào khác ngoài việc làm chỗ cho người ta chờ đợi, vì thế trông nó thật tầm thường. Bức tranh tĩnh vật của Hà Lan treo bên trên lò sưởi và cái bát có hoa văn hình bông cúc cũ rích trên một cái bàn kiểu Pembroke chẳng cung cấp chút manh mối nào về những chuyện có thể đang xảy ra ở những chỗ khác trong ngôi nhà. Thật khó để tìm ra mối liên kết giữa nơi này với cuộc chạm

trán đáng ghê tởm với Howie ở cái cầu thang sau nhà. Ai mà ngờ được có thể dễ dàng trượt từ cuộc đời này sang cuộc đời khác như thế chứ. Ursula tự hỏi bác sĩ Kellet sẽ nói gì về tình trạng của cô.

Sau khi cô bất ngờ xuất hiện ở đường Melbury, Izzie đã đưa cô lên nghỉ ngơi trên chiếc giường trong căn phòng ngủ dành cho khách. Ở đó, Ursula nằm khóc nức nở bên dưới lớp chăn satin bóng loáng, cố gắng không nghe những lời nói dối không có sức thuyết phục lắm của Izzie khi Izzie gọi điện thoại ở tiền sảnh - *Em biết! Con bé đột nhiên xuất hiện ở bậc thềm, con cừu non bé bỏng... muốn gặp em... muốn đến thăm các viện bảo tàng và những nơi tương tự, cả nhà hát nữa, chẳng có gì không lành mạnh cả... Đừng lo, Hugh...* - Cũng may là Izzie không nói chuyện với Sylvie, bởi bà sẽ chẳng thèm lắng nghe. Kết quả là cô được phép ở lại vài ngày để đi thăm *viện bảo tàng và những nơi tương tự*.

Sau khi gọi điện xong xuôi, Izzie mang theo một cái khay vào phòng ngủ.

"Rượu brandy." Cô nói. "Và bánh mì nướng phết bơ. Cô e rằng trong thời gian ngắn như vậy, cô chỉ có thể chuẩn bị được chừng này thôi. Cháu thật là ngốc!" Cô thở dài. "Cháu biết đấy, có những cách, những việc mà người ta có thể làm... Phòng bệnh hơn chữa bệnh mà." Ursula không biết Izzie đang nói gì.

"Và cháu phải bỏ nó đi." Izzie tiếp tục. "Chúng ta đã nhất trí chuyện đó, đúng không?" Ursula chỉ đáp "vâng" một tiếng tự đáy lòng.



Một phụ nữ mặc đồng phục y tá mở cửa căn phòng chờ ở Belgravia và ngó vào trong. Bộ đồng phục của bà ta được hồ cứng đến nỗi giả như bà ta không mặc nó thì nó vẫn sẽ đứng thẳng được.

"Lối này." Bà ta lạnh lùng nói, không gọi tên Ursula. Ursula ngoan ngoãn đi theo như một con cừu đi tới lò mổ.

Izzie đã chở cô đến đây (với một lời "Chúc may mắn") và hẹn sẽ quay lại "sau". Ursula không biết chuyện gì sẽ xảy ra trong khoảng thời gian giữa lời "Chúc may mắn" của Izzie và thời điểm Izzie quay lại "sau" đó, nhưng cô đoán rằng nó sẽ chẳng dễ chịu gì. Có lẽ là một loại si rô có mùi thum thum hoặc một cái đĩa hình bầu dục đựng đầy những viên thuốc to tướng. Và ắt hẳn sẽ có một tràng mắng mỏ về đạo đức và nhân cách của cô. Cô chẳng quan tâm, chỉ cần có thể vẫn hỏi lại mọi chuyện thôi. Không biết đứa bé lớn đến chừng nào rồi nhỉ? Sau khi nghiên cứu thoáng qua cuốn bách khoa thư của nhà Shawcross, cô đã có được một vài manh mối. Cô cho rằng nó sẽ chui ra ngoài với chút khó khăn, được quấn trong một chiếc khăn san trước khi đặt vào trong một cái nôi, được chăm sóc cẩn thận cho đến lúc người ta trao nó cho một cặp vợ chồng tốt mong có con nhiều như Ursula không muốn có nó vậy. Và rồi, cô sẽ có thể bắt chuyến tàu về nhà, đi bộ dọc theo đường Nhà thờ, lấy cái bát sứ màu trắng đựng quả mâm xôi trước khi bước vào Góc Cáo, như thể chẳng có chuyện gì xảy ra ngoài việc đi thăm *viện bảo tàng và những nơi tương tự*.



Thực ra nó cũng chỉ là một căn phòng giống như bất cứ căn phòng nào khác. Có những tấm rèm được vén lên và thắt lại bằng nệm tua ở những ô cửa sổ dài. Trông chúng như vật thể còn sót lại từ cuộc sống trước đây của ngôi nhà, giống như cái lò sưởi bằng cẩm thạch hiện đang chứa ngọn lửa đốt bằng khí gas và cái đồng hồ mặt trơn với những con số to tướng trên mặt lò sưởi. Tấm vải lót sàn màu xanh ở dưới chân và cái bàn phẫu thuật ở giữa phòng cũng lạc quẻ như thế. Căn phòng có mùi giống như phòng thí nghiệm khoa học ở trường. Ursula lấy làm ngạc nhiên về những dụng cụ kim loại sáng loáng trông rõ là đáng sợ được bày trên một

miếng vải lạnh trên một chiếc xe đẩy tay. Chúng có vẻ liên quan đến lò mổ hơn là những đứa trẻ. Không thấy bóng dáng của chiếc nôi nào. Trái tim cô bắt đầu đập loạn nhịp.

Một người đàn ông già hơn Hugh, mặc áo bờ lu trắng của bác sĩ, vội vã vào phòng như thể đang trên đường đi đâu đó, ra lệnh cho Ursula leo lên cái bàn phẫu thuật với hai bàn chân "đặt trên cái bàn đạp ngựa".

"Bàn đạp ngựa?" Ursula hỏi lại. Ngựa thì có liên quan gì? Yêu cầu ấy thật khó hiểu cho đến khi nữ y tá mặc bộ đồng phục hồ cứng đẩy cô nằm xuống và chống hai chân cô lên.

"Cháu sắp bị mổ ạ?" Ursula phản đối. "Nhưng cháu có bị bệnh gì đâu."

Nữ y tá chụp một cái mặt nạ lên mặt cô. "Đếm ngược từ mười đến một đi." Bà ta nói.

"Tại sao ạ?" Ursula cố gắng hỏi, nhưng câu hỏi đó chỉ vừa mới hình thành trong đầu cô thì căn phòng và tất cả mọi thứ bên trong nó đều biến mất.

Điều tiếp theo mà cô biết là cô đang ngồi trên chiếc ghế cạnh ghế lái trong chiếc Austin của Izzie, đầu vầng mắt hoa nhìn ngơ ngẩn qua kính chắn gió.

"Cháu sẽ ổn ngay thôi." Izzie nói. "Đừng lo, họ đã gây mê cho cháu ấy mà. Cháu sẽ cảm thấy khó chịu một chút." Sao cô Izzie lại biết tường tận về chuyện đáng sợ này thế nhỉ?

Khi đã về đến căn nhà trên đường Melbury, Izzie dìu cô vào giường, rồi cô ngủ một giấc thật sâu bên dưới tấm chăn mỏng bằng satin bóng loáng trong căn phòng ngủ dành cho khách. Lúc Izzie mang theo một cái khay vào trong phòng, ngoài trời đã tối mịt.

"Xúp đuôi bò đây." Cô vui vẻ nói. "Cô mua đồ đóng hộp đấy."

Ở Izzie tỏa ra mùi rượu ngọt ngào nồng nặc, và bên dưới lớp trang điểm cùng vẻ tươi cười của cô, trông cô thật mệt mỏi. Ursula cho rằng mình hẳn là một gánh nặng khủng khiếp đối với Izzie. Cô cố gắng ngồi dậy. Mùi rượu và mùi đuôi bò quá nồng khiến cô nôn ra khắp chiếc chăn satin bóng loáng.

"Ôi, Chúa ơi!" Izzie nói, đưa tay lên bịt miệng. "Cô thực sự không phải là người thích hợp để lo mấy chuyện này."

"Chuyện gì đã xảy ra với đứa bé ạ?" Ursula hỏi.

"Cái gì cơ?"

"Chuyện gì đã xảy ra với đứa bé ạ?" Ursula hỏi lại. "Họ đã đưa nó cho một gia đình tốt bụng rồi chứ?"



Cô thức dậy vào ban đêm và lại nôn lần nữa rồi lập tức chìm vào giấc ngủ mà không kịp dọn bãi nôn hay gọi Izzie. Khi cô thức dậy vào sáng hôm sau, người cô nóng bừng. Nóng quá mức. Tim cô đập thình thịch trong lồng ngực và mỗi hơi thở đều vô cùng khó khăn. Cô cố gắng trèo xuống giường nhưng đầu quay như chong chóng và chân không đỡ nổi thân mình. Sau đó, mọi thứ nhòe đi trước mắt cô. Izzie hẳn đã gọi Hugh đến, bởi cô cảm thấy có một bàn tay mát lạnh đặt lên cái trán đập dính của mình. Khi cô mở mắt, ông đang mỉm cười trấn an cô. Ông đang ngồi trên giường, vẫn mặc áo khoác ngoài. Cô đã nôn khắp giường.

"Chúng ta sẽ đưa con tới bệnh viện." Ông nói, vẫn bình thản trước tình trạng rối ren này. "Con bị nhiễm trùng một chút." Đâu đó ở đằng sau, Izzie kịch liệt phản đối. "Em sẽ bị truy tố đấy!" Cô rít lên với Hugh và Hugh nói: "Tốt, anh hy vọng họ nhốt em vào trong tù và ném chìa khóa đi." Ông bế Ursula lên và nói: "Anh nghĩ đi chiếc Bentley sẽ nhanh hơn." Ursula cảm thấy mình nhẹ bồng, như thể cô sắp sửa trôi đi. Điều tiếp theo mà cô biết là cô đang ở trong một

phòng bệnh ảm đạm với sự có mặt của Sylvie, mặt bà cau lại trông thật khủng khiếp. "Sao con có thể?" Bà nói. Cô thấy mừng khi màn đêm buông xuống và Hugh thế chỗ cho Sylvie.

Chính lúc Hugh đang ở với cô thì con dơi đen sì bay tới. Bàn tay của màn đêm xòe ra trước mặt Ursula và cô nhồm dậy để chạm vào nó. Cô cảm thấy nhẹ nhõm, gần như là vui mừng. Cô có thể cảm nhận được cái thế giới tươi sáng, rực rỡ đằng xa kia đang vẫy gọi. Ở nơi ấy, tất cả mọi bí ẩn sẽ được phơi bày. Bóng tối, người bạn dịu dàng, bao phủ lấy cô. Tuyết đang bay đầy trời, mịn như bột tan, lạnh giá như làn gió đông mơn man trên da dẻ của một đứa trẻ - nhưng rồi Ursula lại rơi trở lại chiếc giường bệnh viện, bàn tay cô đã bị chối từ.



Một tia sáng rực rỡ chiếu xiên xuống chiếc khăn phủ giường bệnh viện màu xanh lá cây nhạt. Hugh đang ngủ, khuôn mặt ông trông uể oải và mệt mỏi. Ông đang ngồi trong một tư thế kỳ cục trên chiếc ghế kê ở cạnh giường. Một ống quần hơi xéch lên và Ursula có thể nhìn thấy chiếc tất bằng vải lisle màu xám nhàu nhĩ và làn da nhẵn nhụi ở chân bố cô. Ông từng giống như Teddy, cô nghĩ, và một ngày kia Teddy sẽ giống như ông. Một cậu bé bên trong một người đàn ông, một người đàn ông bên trong một cậu bé. Điều đó khiến cô muốn òa khóc.

Hugh mở mắt và khi ông nhìn thấy cô, ông gượng cười, nói: "Chào gấu con. Mừng con trở lại."

THÁNG 8 NĂM 1926

Nên cầm bút thật nhẹ nhàng để các con chữ tốc ký được viết ra dễ dàng. Cổ tay không được phép tì lên cuốn sổ hay mặt bàn.

Khoảng thời gian còn lại của mùa hè thật tồi tệ. Cô ngồi dưới những gốc táo trong vườn cây ăn quả, Cố gắng đọc một cuốn sách hướng dẫn viết tốc ký của Pitman*. Họ đã quyết định cô sẽ học đánh máy và tốc ký thay vì trở lại trường học.

"Con không thể quay lại trường được." Cô nói. "Con không thể."

Sự lạnh lùng mà Sylvie mang theo mỗi lần bà bước vào một căn phòng và phát hiện Ursula đang ở trong đó bao trùm lên tất cả mọi người. Cả Bridget và bà Glover đều thắc mắc tại sao "căn bệnh nghiêm trọng" mà Ursula nhiễm phải trong lúc ở London với cô mình lại khiến Sylvie tỏ ra xa cách với con gái như thế, trong khi đáng lẽ bà phải yêu thương, âu yếm cô hơn. Còn Izzie, đương nhiên, đã bị cấm cửa vĩnh viễn. *Persona non grata in perpetuam**. Không ai biết được sự thật ngoại trừ Pamela, người đã moi được cả câu chuyện từ Ursula, từng chút một.

"Nhưng anh ta đã *cưỡng bức* em." Pamela nổi đóa.

"Sao em lại nghĩ đó là lỗi của em chứ?"

"Nhưng hậu quả thì..." Ursula lẩm bẩm.

Đương nhiên, Sylvie hoàn toàn đổ rết lỗi cho cô. "Con đã ném đi đức hạnh, nhân cách của mình và thiện cảm mà mọi người dành cho con."

"Nhưng có ai biết đâu."

"Mẹ biết."

"Em cứ như một nhân vật trong những cuốn tiểu thuyết của Bridget vậy." Hugh nói với Sylvie. Hugh đã đọc tiểu thuyết của Bridget ư? Nghe có vẻ không đúng lắm. "Thật ra..." Hugh nói. "... Nghe giọng em rất giống giọng điệu của mẹ anh." ("Bấy giờ thì chuyện này có vẻ ghê gớm lắm." Pamela nói. "Nhưng rồi nó cũng qua thôi.")

Ngay cả Millie cũng tin vào những lời nói dối của cô. "Nhiễm trùng máu ư?" Cô ấy nói. "Kịch tính quá! Bệnh viện có khủng khiếp lắm không? Nancy nói Teddy kể với nó rằng cậu đã suýt chết. Mình chắc chắn là trong đời mình sẽ chẳng bao giờ xảy ra chuyện gì ly kỳ đến thế."

Giữa chết với suýt chết quả là khác nhau một trời một vực. Thực ra là cả một cuộc đời. Ursula cảm thấy cô chẳng cần đến cái cuộc đời mà cô vừa được giữ lại này.

"Con muốn đến gặp bác sĩ Kellet." Cô nói với Sylvie.

"Mẹ tin rằng ông ấy đã nghỉ hưu rồi." Sylvie thờ ơ nói.



Ursula vẫn để tóc dài, chủ yếu là để chiều lòng Hugh. Nhưng một hôm, cô đi vào tiệm Beaconsfield với Millie và cắt phẳng mái tóc. Đó là một hành động sám hối khiến cô có cảm giác mình khá giống một kẻ tử vì đạo hoặc một nữ tu. Cô cho rằng mình sẽ phần nào sống như họ suốt quãng đời còn lại.

Hugh có vẻ ngạc nhiên hơn là buồn bã. Cô cho rằng trong mắt ông, việc cô cắt tóc chỉ là một trò học đòi hết sức bình thường so với sự kiện ở Belgravia. "Ôi trời!" Ông nói khi cô ngồi xuống bàn ăn tối trước món cốt lết bê kiểu Nga trông chẳng mấy ngon lành. ("Nhìn như bữa tối cho chó vậy." Jimmy nói, mặc dù cậu háu ăn đến nỗi sẽ sẵn sàng vui vẻ ăn bữa tối của Jock.)

"Trông con cứ như một người khác vậy." Hugh nói.

"Đó là điều tốt mà, không phải sao ạ?" Ursula đáp.

"Em thích Ursula trước đây cơ." Teddy nói.

"Chà, có vẻ như em là người duy nhất thích thế đấy." Ursula lẩm bẩm. Sylvie định nói gì đó song lại thôi. Rồi Hugh nói với Ursula: "Ồ, thôi nào, bố nghĩ rằng con..."

Nhưng cô không bao giờ biết được Hugh nghĩ gì về cô bởi vì tiếng vòng sắt gõ rầm rầm ở cửa chính đã ngắt ngang lời ông. Đó là Thiếu tá Shawcross lo lắng hỏi thăm xem Nancy có ở cùng với họ không. "Xin lỗi vì đã làm gián đoạn bữa tối của các vị." Ông ta nói, ngập ngừng ở cửa phòng ăn.

"Con bé không có ở đây." Hugh nói, mặc dù việc Nancy không có mặt đã quá rõ ràng.

Thiếu tá Shawcross cau mày nhìn món cốt lết trên những cái đĩa của họ. "Nó đi hái ít lá cây trên con đường mòn." Ông ta nói. "Đề dính vào cuốn album của nó. Cháu biết tính nó rồi đấy." Câu này là nói với Teddy, bạn thân của Nancy. Nancy yêu thiên nhiên, cô bé luôn sưu tầm cành cây, quả thông, vỏ sò, đá và xương, cứ như chúng là những tờ tem của một tôn giáo cổ xưa. "Một đứa trẻ yêu thiên nhiên." Bà Shawcross gọi cô bé như vậy ("Như thể đó là điều hay ho lắm ấy." Sylvie nói).

"Nó muốn kiếm lá sồi." Thiếu tá Shawcross nói. "Trong vườn nhà chúng tôi lại không có cây sồi nào."

Mọi người bàn tán một chút về cái chết của cây sồi Anh rồi chợt im bặt. Thiếu tá Shawcross hắng giọng. "Roberta nói con bé đã đi một tiếng đồng hồ rồi. Tôi đã đi ngược đi xuôi suốt cả con đường, hét gọi tên nó. Tôi không nghĩ ra nó có thể ở đâu. Winnie và Millie cũng đang đi tìm nó." Thiếu tá Shawcross bắt đầu tái nhợt. Sylvie rót cho ông ta một cốc nước. "Ngồi xuống đi!" Bà nói. Ông ta không ngồi. Dĩ nhiên, Ursula cho rằng ông ta đang nghĩ về Angela.

"Tôi đoán chắc là con bé đã tìm thấy thứ gì đó thú vị." Hugh nói. "Một cái tổ chim hoặc một con mèo ở nông trại với đàn con của nó. Ông biết tính con bé mà." Bây giờ họ đều đồng quan điểm với nhau rằng họ biết tính Nancy thế nào.

Thiếu tá Shawcross nhấc một cái thìa từ bàn ăn lên và ngoi ngẩn nhìn nó. "Con bé đã bỏ lỡ bữa tối."

"Cháu sẽ giúp bác tìm bạn ấy." Teddy nói, nhảy bật dậy. Cậu cũng biết tính Nancy thế nào, cậu biết cô bé không bao giờ bỏ lỡ bữa tối.

"Tôi cũng thế!" Hugh nói, vỗ lưng Thiếu tá Shawcross để động viên, bỏ mặc món cốt lết bê.

"Con đi cùng được không ạ?" Ursula hỏi.

"Không." Sylvie nói. "Jimmy cũng không. Chúng ta sẽ ở lại đây để tìm trong các khu vườn."



Lần này không có kho chứa nước đá. Nancy được đưa đến nhà xác của bệnh viện. Cơ thể cô bé vẫn còn ấm và mềm khi được phát hiện trong một cái máng nước cho gia súc cũ kĩ và trống trơn. "Bị xâm hại." Hugh kể với Sylvie trong lúc Ursula ẩn núp như một điệp viên đằng sau cánh cửa của căn phòng sinh hoạt buổi sáng. "Hai cô gái nhỏ trong ba năm, đó không thể là sự trùng hợp, đúng không? Bị siết cổ như Angela dạo trước."

"Một con quái vật đang sống giữa chúng ta." Sylvie nói.

Chính Thiếu tá Shawcross đã tìm thấy cô bé. "Ơn Chúa, lần này người tìm ra cái xác không phải là Ted tội nghiệp." Hugh nói. "Thằng bé chắc không thể chịu đựng nổi." Dù không phải là người phát hiện ra Nancy thì Teddy cũng không thể chịu đựng nổi chuyện này. Cậu hầu như không nói gì suốt mấy tuần liền. Đến cuối cùng, khi cậu lên

tiếng, cậu nói linh hồn cậu đã bị tước đi. "Những vết sẹo rồi sẽ lành lại." Sylvie nói. "Kể cả những vết sẹo tôi tệ nhất."

"Mẹ nghĩ điều đó có đúng không?" Ursula nói, nghĩ về lớp giấy dán tường hình hoa đậu tía, căn phòng chờ ở Belgravia, và Sylvie nói: "Chà, không phải lúc nào cũng vậy." Thậm chí bà không buồn nói dối.

Họ nghe tiếng bà Shawcross gào thét suốt đêm đầu tiên. Sau đó, khuôn mặt bà không bao giờ bình thường trở lại và bác sĩ Fellowes nói bà ấy "bị một cơn tai biến nhỏ".

"Người phụ nữ tội nghiệp, cực kì tội nghiệp." Hugh nói.

"Chị ta chẳng bao giờ để ý lũ con gái của mình đang ở đâu." Sylvie nói. "Chị ta cứ để mặc chúng chạy lung tung. Bây giờ thì chị ta đang phải trả giá cho sự bất cẩn của mình."

"Ồ, Sylvie." Hugh buồn bã nói. "Em có còn trái tim không vậy?"



Pamela lên đường đi Leeds. Hugh chở cô đến đó bằng chiếc Bentley. Cái rương của cô quá đồ sộ không thể nhét nổi vào cốp xe nên phải gửi tàu hỏa. "To đến mức có thể giấu được cả một cái xác ở bên trong." Pamela nói. Cô sẽ ở trong ký túc xá nữ và được thông báo rằng cô sẽ chung phòng với một cô gái tên là Barbara, tới từ Macclesfield.

"Giống như ở nhà vậy." Teddy động viên. "Có điều một người khác sẽ thế chỗ chị Ursula."

"Chà, chính điều đó mới khiến nó chẳng giống nhà tí nào." Pamela nói. Cô ôm Ursula hơi quá chặt trước khi leo lên xe và ngồi cạnh Hugh.

"Chị rất nóng lòng muốn đi." Pamela đã nói như vậy với Ursula khi họ đang nằm trên giường vào đêm cuối cùng cô còn ở nhà.

"Nhưng chị rất buồn vì phải xa em."



Khi Ursula không trở lại trường vào kỳ học mùa thu, chẳng ai hỏi han gì về quyết định của cô. Millie quá đau buồn vì cái chết của Nancy nên chẳng đoái hoài đến bất cứ điều gì.

Ursula đi tàu tới High Wycombe vào mỗi sáng để theo học một trường đào tạo thư ký tự nhân. "Trường đào tạo" nghe có vẻ hơi lớn lao so với căn nhà nằm phía trên một tiệm rau củ trên con phố chính. Nó có hai phòng cùng một căn bếp nhỏ lạnh lẽo bé bằng căn phòng rửa bát và một cái nhà xí còn lạnh lẽo hơn, chắc chỉ rộng bằng một cái tủ. Quản lý trường là một người đàn ông tên Carver, niềm đam mê cả đời ông là chữ Esperanto và một thứ hữu ích hơn - hệ thống chữ tốc ký của Pitman. Ursula khá thích chữ tốc ký, nó na ná một loại mật mã với cả một bộ từ vựng mới - âm bật hơi và dấu móc, phụ âm kép, những dạng rút gọn đặc biệt, các nét bị rút ngắn còn một nửa hoặc kéo dài gấp đôi - thứ ngôn ngữ không phải của người chết, cũng không phải của người sống, mà là của những người ì trệ kỳ lạ. Có cảm giác thật dễ chịu khi nghe ngữ điệu đều đều của ông Carver khi đọc danh sách các từ - *iterate, iteration, reiteration, reiterated, reiterating, prince, princely, princes, princess, princesses...**

Các cô gái khác trong lớp đều rất vui vẻ và thân thiện - họ là mẫu người thực tế, lạc quan, luôn nhớ mang sổ ghi chép tốc ký cùng thước kẻ và không bao giờ có ít hơn hai lọ mực khác màu nhau trong túi.

Vào giờ ăn trưa, nếu thời tiết xấu, họ sẽ ở trong nhà, cùng nhau chia sẻ những bữa trưa mang sẵn từ nhà đi và mạng những chiếc tất giữa những dây máy đánh chữ. Cả mùa hè vừa rồi họ đã đi bộ đường dài, đi bơi, đi cắm trại. Ursula tự hỏi liệu rằng chỉ nhìn vào cô, họ có thể nhận ra mùa hè của cô khác với mùa hè của họ biết

chừng nào không. "Belgravia" chính là cách viết tắt ký của cô cho chuyện đã xảy ra. ("Một vụ phá thai." Pamela nói. "Một vụ phá thai chui." Pamela chẳng bao giờ ngại nói toạc móng heo. Ursula ước gì chị mình biết nói giảm nói tránh.) Cô ghen tị với những điều bình thường trong cuộc đời họ. (Izzie sẽ khinh miệt ý nghĩ ấy lắm.) Cơ hội có được những điều bình dị ấy của Ursula dường như đã mất đi mãi mãi rồi.

Sẽ ra sao nếu lần đó cô lao đầu vào chuyến tàu tốc hành hoặc chết sau vụ Belgravia, hoặc, thực sự thì, sẽ ra sao nếu cô chỉ đơn giản mở cửa sổ phòng ngủ và nhảy chúi đầu xuống? Liệu cô có thực sự trở lại và bắt đầu lại được không? Hay là, như mọi người nói với cô, và cô phải tin, đó chỉ là những gì nằm trong đầu cô? Nếu là vậy thì sao - chẳng phải tất cả những gì trong đầu cô cũng đều là thật ư? Nhỡ đâu không có cái gì gọi là thực tại hiển nhiên? Nhỡ đâu chẳng có thứ gì bên ngoài tâm trí? Bác sĩ Kellet từng chán nản nói với cô rằng các nhà triết học đã "cố gắng nắm bắt" vấn đề này từ lâu, đó là một trong những câu hỏi đầu tiên mà họ đặt ra, vì vậy cô không việc gì phải băn khoăn về nó. Nhưng hẳn rằng, bởi bản chất của nó, ai ai cũng từng phải vật lộn với vấn đề nan giải này nhỉ?

("Bỏ môn đánh máy đi!" Pamela viết thư cho cô từ Leeds. "Em nên học Triết ở trường đại học, đầu óc em rất hợp với nó. Giống như một chú chó sục với khúc xương mà nó cứ gặm đi gặm lại vậy.")

Cuối cùng thì cô cũng đi tìm bác sĩ Kellet và thấy dãy phòng của ông đã bị chiếm ngự bởi một người phụ nữ có mái tóc xám, đeo cặp kính gọng thép. Bà ta cho cô biết rằng bác sĩ Kellet đã nghỉ hưu và hỏi cô có muốn đặt lịch hẹn với bà ta không? Không, Ursula nói, cô không muốn. Đó là lần đầu tiên cô trở lại London sau sự kiện Belgravia. Cô đã bị hoảng loạn khi đang đi tuyến Bakerloo trên đường trở về từ phố Harley và phải chạy ra khỏi nhà ga ở Marylebone, hồn hển hít thở. Một người bán báo hỏi thăm: "Cô ổn cả chứ, thưa cô?" và cô nói, vâng, vâng, ổn cả, cảm ơn.



Ông Carver thích chạm nhẹ vào vai các cô gái ("các cô gái của tôi"), vuốt ve lớp len của chiếc áo cardigan bolero hoặc áo len cừu, như thể họ là những con vật mà ông ta hằng yêu quý.

Vào buổi sáng, họ luyện kỹ năng đánh máy trên cái máy đánh chữ Underwood to tướng. Thi thoảng, ông Carver bắt họ bịt mắt khi đánh máy, vì ông ta tuyên bố rằng đó là cách duy nhất để ngăn họ nhìn vào bàn phím và làm giảm tốc độ đánh máy. Khi bị đeo miếng vải bịt mắt, Ursula cảm thấy mình giống như một người lính đào ngũ sắp sửa bị xử bắn. Những lần như thế cô thường nghe thấy ông ta thốt ra những âm thanh kỳ quặc - tiếng thở khào khào nghèn nghẹt và tiếng ư ử - nhưng không muốn hé mắt nhìn trộm xem ông ta đang làm gì.

Vào các buổi chiều, họ học viết chữ tốc ký - luyện những bài tập chính tả gây buồn ngủ bao gồm tất cả các loại thư kinh doanh. *Thưa ngài, tôi đã mang lá thư của ngài tới trước Ban quản trị vào buổi họp của họ ngày hôm qua, nhưng sau một chút thảo luận, họ buộc phải dời lại vấn đề này vào cuộc họp ban quản trị lần sau, sẽ được tổ chức vào ngày thứ Ba cuối cùng...* Nội dung của những lá thư này nhằm chán tốt độ và tương phản kỳ lạ với những nét bút nhoay nhoáy trên tập giấy của họ khi họ cố gắng viết kịp.

Một buổi chiều, trong lúc ông Carver đang đọc chính tả cho họ viết, *Chúng tôi e rằng sẽ không có triển vọng thành công cho những người phản đối việc bổ nhiệm này*, ông ta đã đi qua sau lưng Ursula và chạm nhẹ vào cái gáy giờ không còn được mái tóc dài bảo vệ của cô. Một cơn rùng mình gợn lên khắp người cô. Cô nhìn chằm chằm vào những phím gõ của chiếc máy đánh chữ Underwood trên bàn trước mặt mình. Phải chăng ở cô có điểm gì đó thu hút sự chú ý này? Phải chăng cô không phải là người tốt?

THÁNG 6 NĂM 1932

Pamela đã chọn một chiếc váy trắng bằng vải thêu kim tuyến cho bản thân và váy satin màu vàng cho các cô phù dâu của mình. Màu vàng khiến người ta liên tưởng đến vị chua và làm cho tất cả các cô phù dâu trông như mắc bệnh gan. Có bốn người cả thảy - Ursula, Winnie Shawcross (thay vì Gertie) và hai cô em gái út ít của Harold. Harold xuất thân trong một gia đình đông đúc ồn ào ở đường Old Kent mà Sylvie cho là "hạ lưu". Việc Harold là bác sĩ có vẻ cũng không cải thiện được hoàn cảnh của anh (Sylvie ác cảm kỳ lạ với nghề y). "Chẳng phải gia đình em đã sa sút rồi sao?" Hugh nói với Sylvie. Ông thích cậu con rể tương lai, thấy anh ta "thú vị". Ông cũng thích mẹ của Harold là bà Olive. "Bà ấy nói những gì bà ấy nghĩ." Ông nói với Sylvie. "Và làm đúng những gì bà ấy nói. Không giống như một số người."

"Trong sách mẫu nhìn nó đẹp lắm mà." Pamela nghi ngờ nói trong lần thử váy thứ ba và cũng là lần cuối cùng của Ursula trong một tiệm may ở Neasden. Chiếc váy cắt xéo bó chặt ở phần bụng của Ursula.

"Cô đã tăng cân sau lần thử váy trước." Người thợ may nói.

"Vậy sao?"

"Đúng đấy." Pamela nói. Ursula nghĩ về lần tăng cân trước đây của cô. Belgravia. Lần này chắc chắn không phải là vì lý do đó. Cô đang đứng trên một cái ghế người thợ may đi vòng quanh cô với cái gối cầm kim buộc ở cổ tay. "Nhưng trông em vẫn xinh đẹp." Pamela nói thêm.

"Em ngồi cả ngày ở chỗ làm." Ursula nói. "Em nghĩ là mình nên đi bộ nhiều hơn." Thật dễ dàng để lười biếng. Cô sống một mình

nhưng không ai biết. Hilda - cô gái mà ai cũng nghĩ là đang ở cùng cô trong căn hộ ở tầng trên cùng tại Bayswater - đã chuyển đi, mặc dù cô ấy vẫn trả tiền thuê nhà, ờn Chúa! Hilda đang sống ở Ealing trong một "cung điện khoáng lạc nhỏ tuyệt vời" cùng một người đàn ông tên là Ernest, vì vợ ông ta không chịu đồng ý ly dị nên cô ấy phải giả vờ với cha mẹ rằng mình vẫn đang sống cuộc sống độc thân đức hạnh ở Bayswater. Ursula cho rằng không sớm thì muộn cha mẹ của Hilda sẽ bất ngờ xuất hiện ở trước cửa căn hộ, rồi cô sẽ phải bịa ra một hoặc vài lời nói dối để giải thích cho sự vắng mặt của con gái họ. Hugh và Sylvie sẽ kinh hãi biết bao nếu họ biết Ursula đang sống một mình ở London.

"Bayswater ư?" Sylvie nghi ngại nói khi Ursula thông báo rằng cô sẽ chuyển đi khỏi Góc Cáo. "Chuyện đó có thực sự cần thiết không?" Hugh cùng Sylvie đã kiểm tra căn hộ và xem xét Hilda kĩ càng, còn Hilda rất vững vàng trước "cuộc điều tra" của Sylvie. Tuy nhiên, Sylvie vẫn thấy cả căn hộ và Hilda đều có chút gì đó không ổn.

"Ernest ở Ealing" - Ursula luôn nghĩ về anh ta với cái tên đó - là người trả tiền thuê nhà ("Mình được bao nuôi mà." Hilda cười), nhưng cứ vài tuần, đích thân Hilda sẽ ghé qua để lấy thư và gửi tiền. "Mình có thể tìm một người khác ở chung." Ursula đề nghị, mặc dù cô ghét ý nghĩ đó.

"Đợi một thời gian nữa đã." Hilda nói. "Xem mọi chuyện có tốt đẹp không. Đó là ưu điểm của việc sống thử đấy, ta có thể bỏ đi bất cứ lúc nào."

"Vậy thì Ernest (ở Ealing) cũng có thể làm vậy."

"Mình hai mươi mốt, anh ấy bốn mươi hai, anh ấy sẽ không bỏ mình đâu, tin mình đi."

Quả là thoải mái khi Hilda chuyển đi. Ursula có thể mặc váy ngủ, đầu cuốn lô, nằm dài cả tối, ăn cam, ăn sô cô la và nghe radio.

Không phải là Hilda sẽ phản đối mấy việc đó, cô ấy còn hùa theo là khác, nhưng ngay từ khi còn bé, Ursula đã được Sylvie truyền cho tư tưởng phải cư xử đoan trang, đứng đắn trước mặt người khác nên cô khó mà vứt bỏ được tâm lý ấy.

Sau vài tuần ở một mình, cô chợt nhận ra mình hầu như không có người bạn nào và cũng chẳng bận tâm giữ liên lạc với vài người bạn ít ỏi mà mình có. Millie đã trở thành một diễn viên và cô ấy hầu như đi lưu diễn với đoàn kịch suốt. Thi thoảng cô ấy lại gửi cho cô một tấm bưu thiếp từ những nơi mà có lẽ cô ấy sẽ chẳng bao giờ đến thăm nếu không làm diễn viên - Stafford, Gateshead, Grantham - và vẽ những bức hoạt họa ngộ nghĩnh về chính mình trong những vai diễn khác nhau ("Mình trong vai Juliet đấy, vui không!"). Tình bạn của họ không còn mặn nồng như trước sau cái chết của Nancy. Gia đình Shawcross đã thu mình lại vì đau buồn. Khi Millie cuối cùng cũng bắt đầu lại cuộc đời, đó cũng là lúc cô nhận ra cuộc đời của Ursula dường như đã chấm dứt. Ursula thường ước ao rằng cô có thể giải thích về sự kiện Belgravia với Millie, nhưng cô không muốn mạo hiểm đánh mất nốt những gì còn sót lại trong mối gắn kết mỏng manh giữa họ.

Ursula làm việc cho một công ty nhập khẩu lớn. Thi thoảng, khi nghe thấy những cô gái khác trong văn phòng tán gẫu về việc họ đang làm gì với ai, cô lại tự hỏi làm thế nào mà họ gặp được những người đó, những Gordon, Charlie, Dick, Mildred, Eileen và Vera - một đám người vui vẻ, hoạt bát thường cùng họ lui tới những nhà hát, rạp chiếu bóng, đi trượt băng, đi bơi ở những bể bơi công cộng, lái xe tới rừng Epping và Eastbourne. Ursula chẳng làm việc gì trong số ấy.

Ursula thêm khát được ở một mình nhưng cô ghét nỗi cô đơn, đây là một vấn đề nan giải mà cô không thể giải quyết được. Ở chỗ làm, mọi người coi cô là một người tách biệt, như thể cô hơn họ về mọi mặt, mặc dù không phải thế. Thi thoảng một người đồng nghiệp lại rủ cô: "Cô có muốn đi chơi với chúng tôi sau giờ làm không?" Cứ

như là họ đang bố thí vậy. Cô không bao giờ nhận lời. Cô nghi ngờ, mà không, cô biết rằng họ bàn tán về cô sau lưng cô, chẳng phải ác ý gì mà chỉ vì sự tò mò. Họ tưởng tượng con người cô hẳn phải có gì đó hơn thế. *Một kẻ giấu mình. Và tầm ngấm tầm ngấm mà đám chết voi.* Họ sẽ thất vọng khi biết rằng con người cô thực sự chỉ có vậy, ngay cả những thứ khuôn sáo cũng còn thú vị hơn cuộc sống của cô. Chẳng có gì ngấm ngấm, chẳng có gì giấu giếm (có lẽ trong quá khứ thì có, nhưng hiện tại thì không). Trừ khi họ tính đến thói nghiện rượu. Cô cho rằng họ sẽ tính đến điều đó.

Công việc thật tẻ nhạt - hàng núi vận đơn đường biển, tờ khai hải quan và sai ngạch. Các loại hàng hóa - rượu rum, ca cao, đường - và xuất xứ của chúng có vẻ tương phản với sự nhàm chán thường nhật của văn phòng. Cô cho rằng mình chỉ là một cái vấu răng nhỏ xíu trong cái bánh xe lớn của Đế chế.

"Là một cái vấu răng thì có làm sao." Maurice nói, giờ anh ta đã là một cái bánh xe lớn của Bộ Nội vụ. "Thế giới cần những cái vấu răng."

Cô không muốn là một cái vấu răng, nhưng sự kiện Belgravia dường như đã đặt dấu chấm hết cho thứ gì đó lớn lao hơn.

Ursula biết rõ do đâu mà cô bắt đầu nghiện rượu. Cũng chẳng có gì kịch tính, tất cả chỉ là vì món bò xốt vang mà cô tính nấu cho Pamela ăn khi chị cô tới chơi vào dịp cuối tuần vài tháng trước. Bây giờ cô ấy vẫn đang làm việc trong phòng thí nghiệm ở Glasgow và muốn đi mua sắm ít đồ cho đám cưới. Harold cũng chưa chuyển chỗ làm. Anh sẽ chuyển về làm việc ở bệnh viện Royal London trong vài tuần tới. "Chúng ta sẽ có một kỳ nghỉ cuối tuần thật tuyệt vời, chỉ hai chúng ta thôi." Pamela nói.

"Hilda đi vắng rồi." Ursula nói dối trơn tru. "Tới Hastings để nghỉ cuối tuần với mẹ cô ấy." Chẳng có lý do gì để Ursula không nói với Pamela sự thật về vụ dàn xếp giữa cô với Hilda, Pamela đã luôn là

người duy nhất mà cô có thể thành thật chia sẻ mọi chuyện, tuy nhiên thứ gì đó đã ngăn cô lại.

"Tuyệt quá!" Pamela nói. "Chị sẽ lôi cái đệm của Hilda sang phòng em và chúng ta sẽ giống như ngày xưa vậy."



"Chị có muốn lấy chồng không?" Ursula hỏi khi họ nằm trên giường. Cảm giác thực sự chẳng giống ngày xưa chút nào.

"Dĩ nhiên là có rồi, nếu không muốn thì chị kết hôn làm gì? Chị thích hôn nhân. Nó có vẻ gì đó êm ả, tròn trịa và chắc chắn."

"Giống như một hòn sỏi?" Ursula nói.

"Một bản nhạc giao hưởng. Chà, một bản song tấu thì đúng hơn."

"Chị chẳng mấy khi lãng mạn thế này."

"Chị thích những gì bố mẹ có." Pamela đơn giản nói.

"Thế à?" Đã lâu Pamela không dành nhiều thời gian cho Hugh và Sylvie. Có lẽ chị cô không biết dạo gần đây họ có những gì. Không còn sự hòa hợp như một bản hợp âm, mà chỉ còn những mâu thuẫn như một bản nhạc chối tai.

"Em đã hẹn hò với ai chưa?" Pamela thận trọng hỏi.

"Không. Không có ai cả."

"Chỉ là chưa có thôi." Pamela động viên.



Món bò xốt vang đương nhiên cần rượu vang đỏ burgundy. Vậy nên, trong giờ nghỉ ăn trưa, Ursula đã ghé tiệm rượu vang nằm trên đường cô đến chỗ làm hằng ngày trong khu phố cổ. Đó là một nơi cổ kính, những món đồ nội thất bằng gỗ ở bên trong trông như đã được nhúng trong rượu vang suốt mấy thế kỷ, những chai rượu sẫm

màu với nhãn dán xinh đẹp dường như hứa hẹn về một thứ gì đó còn hơn cả thứ chứa trong nó. Người chủ tiệm rượu lựa ra một chai cho cô, ông ta nói vài người dùng rượu vang tồi để nấu ăn, nhưng rượu vang tồi chỉ nên dùng để làm giấm thôi. Giọng ông ta gay gắt và khá bức xúc. Ông ta nâng niu cái chai như nâng niu một đứa bé, triu mến quán nó bằng giấy lụa và đưa cho Ursula để cô đặt nó vào cái giỏ đi chợ, giấu giếm nó khỏi con mắt của các đồng nghiệp trong văn phòng suốt cả buổi chiều, phòng khi họ nghi ngờ cô là một con sâu rượu bí mật.

Ursula mới mua chai rượu vang đỏ burgundy này chứ chưa mua thịt bò, vậy là tối hôm đó, cô nghĩ sẽ mở chai rượu vang và thử một cốc để kiểm tra xem liệu người chủ tiệm rượu có tâng bốc quá về nó không. Dĩ nhiên, trước kia cô từng uống rượu rồi, dù sao đi nữa, cô có phải là người bài rượu đâu chứ, nhưng cô chưa bao giờ uống một mình. Cô chưa bao giờ mở một chai rượu vang đỏ burgundy đắt tiền và rót một cốc cho riêng mình (mặc váy ngủ, đeo lô cuốn tóc, bên lò sưởi bằng gas ấm cúng). Cảm giác giống như bước vào cái bồn tắm ấm áp trong một đêm lạnh lẽo vậy, loại rượu vang đậm đà, êm ái này đột nhiên khiến cô cảm thấy vô cùng dễ chịu. Đây chính là *một ly đầy hương vị miền Nam ấm áp* của Keats chẳng? Sự chán chường quen thuộc của cô dường như đã bốc hơi một chút, do đó cô uống thêm một ly nữa. Khi đứng dậy, cô cảm thấy hơi chóng mặt và cười nhạo mình. "Say rồi." Cô nói một mình và nghĩ đến việc nuôi một con chó. Nó sẽ là đối tượng để nói chuyện cùng. Một con chó giống như Jock sẽ chào đón cô hằng ngày với sự lạc quan vui vẻ, và có lẽ sự vui vẻ của nó sẽ lây sang cô phần nào. Jock đã chết vì một cơn đau tim, bác sĩ thú y nói vậy. "Nó vốn có trái tim khỏe mạnh cơ mà." Teddy nói, tim cậu cũng như tan vỡ. Nó đã được thay thế bởi một con chó đua có đôi mắt buồn nhìn có vẻ quá mong manh đối với cuộc đời sôi động của một chú chó.

Ursula rửa ly và nút chai lại, để dành đủ lượng rượu cho món thịt bò ngày mai trước khi loạng choạng lên giường đi ngủ.

Cô nhanh chóng thiếp đi và ngủ một mạch cho đến khi chuông báo thức kêu, một sự thay đổi so với sự trần trọc thường lệ. *Uống một ly và chẳng màng đến thế gian.* Khi thức giấc, cô nhận ra rằng có lẽ cô không thể chăm sóc một con chó.

Ngày hôm sau, ở chỗ làm, ý nghĩ về nửa chai rượu trên cái giá úp bát đĩa trong bếp đã xua tan đi sự tẻ nhạt của việc nhập sổ sách suốt cả buổi chiều. Suy cho cùng, cô có thể mua một chai khác cho món thịt bò xốt vang.



"Ngon phải không?" Chủ tiệm rượu nói khi cô lại xuất hiện vào hai hôm sau.

"Không, không!" Cô cười. "Tôi chưa nấu món đó. Tôi chợt nghĩ ra mình nên mua thêm thứ gì có chất lượng tương đương để uống kèm với nó." Cô nhận ra cô không thể trở lại cửa hàng đáng yêu này nữa, người ta không thể nấu món bò xốt vang liên tục được.

Để chiêu đãi Pamela, Ursula làm món thịt bò băm phủ khoai tây nghiền đậm bạc, táo nướng và sữa trứng. "Chị có mang cho em một món quà từ Scotland này." Pamela nói và lấy ra một chai whisky mạch nha.



Khi đã uống hết chai rượu mạch nha, cô tìm đến một chủ tiệm rượu khác, người ít trân trọng những món hàng mình bán hơn. "Để làm món bò xốt vang." Cô nói, mặc dù ông ta chẳng hề tỏ vẻ quan tâm đến mục đích cô mua nó. "Thực ra, tôi sẽ lấy hai chai. Tôi sẽ nấu cho nhiều người ăn mà." Hai chai Guinness từ tiệm rượu ngay góc phố. "Cho em trai tôi." Cô nói. "Nó ghé chơi bất ngờ." Teddy chưa tròn mười tám tuổi, cô không nghĩ cậu uống rượu. Vài ngày sau, cô lại mua tiếp. "Em trai cô lại đến chơi à?" Chủ tiệm rượu nói. Ông ta nháy mắt với cô và cô đỏ mặt.

Một nhà hàng Ý ở Soho mà cô "tình cờ đi ngang qua" vui vẻ bán cho cô hai chai Chianti mà không hỏi han gì. "Rượu sherry trong thùng gỗ" - cô có thể mang một cái bình tới hợp tác xã ở cuối đường và họ sẽ rót đầy nó từ thùng rượu ("Cho mẹ tôi."). Rượu rum từ những tiệm rượu cách căn hộ của cô khá xa ("Cho cha tôi"). Cô giống như một nhà khoa học đang thử nghiệm những loại rượu khác nhau, nhưng cô biết thứ cô thích nhất là gì, đó chính là chai Hippocrene* đồ ửng cô mua lần đầu tiên, chai rượu vang có màu đỏ máu ấy. Cô đã tính xem làm thế nào để đặt mua cả một thùng giao về tận nhà ("Cho một bữa tiệc liên hoan gia đình").

Cô đã trở thành một kẻ nghiện rượu bí mật. Đó là một hành động kín đáo, riêng tư và đơn độc. Chỉ cần nghĩ đến rượu là trái tim cô lại đập thành thịch, vừa sợ hãi vừa mong đợi. Thật không may, vì đạo luật hạn chế bán rượu và nỗi xấu hổ, một người phụ nữ trẻ ở Bayswater có thể gặp khó khăn đáng kể trong việc đáp ứng thói nghiện ngập của mình. Với người giàu thì dễ dàng hơn, Izzie thường đặt hàng ở đâu đó, có lẽ là Harrods, và họ sẽ giao hàng tới tận cửa nhà bà.

Cô đã nhúng ngón chân xuống dòng sông Lethe* và điều tiếp theo cô biết là cô đang chết đuối. Chỉ trong vài tuần ngắn ngủi, từ một người chẳng mấy khi đụng đến chất cồn, cô đã trở thành một kẻ nghiện rượu. Đó vừa là một điều đáng hổ thẹn vừa là một cách để chấm dứt nỗi xấu hổ. Mỗi sáng, khi thức dậy, cô đều nghĩ, tối nay thì không, mình sẽ không uống rượu vào tối nay, nhưng cứ đến chiều là cơn thèm lại nổi lên khi cô hình dung ra mình bước vào căn hộ lúc cuối ngày và được chào đón bởi sự lãng quên. Cô đã đọc những bài báo giật gân về những ổ thuốc phiện ở Limehouse, tự hỏi liệu những bài báo ấy có đúng không. Thuốc phiện có vẻ hiệu quả hơn rượu vang đỏ burgundy trong việc xóa mờ nỗi đau của sự tồn tại. Có lẽ, Izzie có thể cung cấp cho cô địa chỉ của một ổ thuốc phiện Trung Hoa. Bà từng vô tình tiết lộ rằng bà đã "làm bạn với nàng tiên nâu", nhưng Ursula cảm thấy đó thực sự không phải là chuyện mà cô có

thể hỏi. Nó có thể không dẫn tới cõi Niết Bàn (rốt cuộc cô đã trở thành một học trò có năng khiếu của bác sĩ Kellet), mà có thể dẫn tới một sự kiện Belgravia mới.

Thi thoảng, Izzie được phép trở lại thăm gia đình họ ("Chỉ trong các đám cưới và đám ma thôi." Sylvie nói. "Còn lễ rửa tội thì không"). Bà đã được mời tới dự đám cưới của Pamela, tuy nhiên, trước sự nhẹ nhõm vô cùng của Sylvie, bà đã cáo lỗi không đến. "Đi nghỉ cuối tuần ở Berlin." Bà nói. Một người quen của bà có máy bay (*thật là tuyệt*) và sẽ chở bà tới đó. Thi thoảng Ursula lại đến thăm Izzie. Họ đều có chung cái ký ức kinh hoàng về Belgravia, cái ký ức sẽ gắn kết họ mãi mãi, mặc dù họ không bao giờ nói về nó.

Izzie đã gửi đến một món quà cưới, một hộp đĩa ăn bánh ngọt bằng bạc, khiến Pamela bật cười. "Trần tục quá!" Cô nói với Ursula. "Cô ấy chưa bao giờ ngừng làm người khác ngạc nhiên."

"Gần như xong rồi." Người thợ may ở Neasden nói qua cái miệng ngậm đầy kim gút.

"Em nghĩ em đang béo lên." Ursula nói, nhìn qua gương vào lớp vải satin màu vàng đang căng ra trên cái bụng tròn ửng của cô. "Có lẽ em nên gia nhập Liên hiệp Phụ nữ về Sức khỏe và sắc đẹp."



Mặc dù tình như sáo nhưng cô vẫn bị vấp trên đường từ chỗ làm về nhà. Đó là một buổi tối tháng Mười một, sau đám cưới của Pamela vài tháng, trời tối và ướt át, cô không nhìn thấy mép của viên gạch lát vỉa hè bị một cái rễ cây làm cho gồ lên. Hai tay cô đều đang ôm đồm - những cuốn sách ở thư viện và đóng đồ thực phẩm mà cô tranh thủ mượn và mua trong giờ ăn trưa - và theo bản năng, cô cứu lấy đóng đồ thực phẩm và những cuốn sách thay vì bản thân mình. Kết quả là mặt cô đập thẳng xuống vỉa hè và mũi bị va mạnh nhất.

Cơn đau làm cô choáng váng. Từ trước đến giờ cô chưa từng trải qua chuyện gì như thế này. Cô quỳ trên mặt đất, khoanh hai tay lại ôm lấy thân mình, đóng đồ thực phẩm và những cuốn sách giờ vương vãi trên vỉa hè ướt nhẹp. Cô nghe thấy tiếng mình rên rỉ - một cách dữ dội - và chẳng thể làm gì để ngăn âm thanh ấy.

"Ôi trời!" Một giọng đàn ông cất lên. "Tội cô quá! Để tôi giúp cô. Cái khăn màu hồng đào xinh đẹp của cô bị máu dây vào hết rồi. Nó là màu hồng đào hay màu thịt cá hồi nhỉ?"

"Màu hồng đào!" Ursula nén đau, lịch sự lắm bầm. Cô chưa bao giờ để ý nhiều đến chiếc khăn quàng cổ bằng vải nỉ angora quàng quanh cổ mình. Có vẻ cô bị chảy nhiều máu. Cô cảm thấy cả khuôn mặt mình sưng vù lên và ngửi thấy mùi máu tanh nồng trong mũi nhưng cơn đau đã giảm đi một, hai độ.

Người đàn ông trông khá điển trai, tuy không cao lắm nhưng anh ta có mái tóc màu cát, đôi mắt màu xanh lam, hai gò má cân đối bóng mịn. Anh ta giúp cô đứng dậy. Bàn tay anh ta rắn chắc và khô ráo.

"Tôi tên là Derek, Derek Oliphant." Anh ta nói.

"Elephant ư?"

"Oliphant."

Ba tháng sau, họ kết hôn.



Derek xuất thân ở khu Barnet. Cũng giống như Harold trước kia, Derek cũng là một kẻ tầm thường trong mắt Sylvie. Đương nhiên, đó là yếu tố cốt lõi khiến Ursula bị anh ta hấp dẫn. Anh ta dạy Lịch sử ở Blackwood, một trường nội trú nhỏ dành cho nam sinh ("Con cái của những chủ tiệm tham vọng." Sylvie khinh khỉnh nói) và tán tỉnh Ursula bằng những buổi hòa nhạc ở nhà hát Wigmore và những

chuyến đi dạo ở đồi Primrose. Họ thường đạp xe đường dài và dừng chân ở những quán rượu thú vị vùng ngoại ô xa xôi, anh ta uống nửa panh* bia nhẹ còn cô uống một cốc nước chanh.

Mũi cô đã bị gãy. ("Ồ, tội nghiệp em quá!" Pamela viết. "Em có cái mũi đẹp như thế mà.") Trước khi dẫn cô tới bệnh viện, Derek đã đưa cô vào một tiệm rượu gần đó để sát trùng. "Để tôi lấy giúp cô một ly brandy." Anh ta nói khi cô ngồi xuống. Rồi cô nói: "Không, không, tôi ổn mà, tôi uống nước lọc thôi. Tôi không uống được rượu mấy." Cho dù mới tới hôm qua, cô đã say đến ngất đi trên sàn phòng ngủ ở Bayswater vì chai rượu gin mà cô lấy trộm từ nhà Izzie. Cô chẳng thấy day dứt gì về chuyện lấy trộm đồ của Izzie, Izzie đã tước đi của cô quá nhiều thứ. Sự kiện Belgravia, vân vân...

Ursula cai rượu cũng đột ngột như lúc mới bắt đầu vậy. Cô cho rằng sự kiện Belgravia đã khoét rỗng một khoảng trống bên trong cô. Cô đã cố lấp đầy nó bằng rượu, nhưng bây giờ nó đang được lấp kín bằng những cảm xúc cô dành cho Derek. Những cảm xúc đó là gì? Chủ yếu là sự nhẹ nhõm vì có ai đó muốn chăm sóc cô, đó là người chẳng biết gì về cái quá khứ đáng hổ thẹn của cô. "Em đang yêu." Cô đã hân hoan viết cho Pamela. "Hu ra!" Pamela hỏi đáp.

"Thi thoảng..." Sylvie nói. "... Người ta có thể nhầm lẫn lòng biết ơn với tình yêu."



Mẹ của Derek vẫn sống ở Barnet nhưng bố anh và một cô em gái thì đã mất. "Một tai nạn khủng khiếp." Derek nói. "Con bé bị ngã vào ngọn lửa lò sưởi hồi nó bốn tuổi." Sylvie thì từ trước đến giờ luôn che chắn lò sưởi rất cẩn thận. Bản thân Derek từng suýt chết đuối khi còn nhỏ, anh ta kể chuyện đó sau khi Ursula kể cho anh ta nghe vụ tai nạn của cô ở Cornwall. Đó là một trong vài cuộc phiêu lưu ít ỏi trong cuộc đời cô mà cô cảm thấy mình đã đóng một vai trò gần như là hoàn toàn ngây thơ. Còn Derek thì sao? Một ngọn thủy triều dữ

dội, một con thuyền bị úp ngược, một chuyến bơi vào bờ đầy quả cảm. Không cần đến ông Winton nào cả. "Anh đã tự cứu mình." Anh ta nói.

"Anh ta không tầm thường chút nào." Hilda nói, mời Ursula một điều thuốc lá. Cô chần chừ một lúc rồi từ chối, cô không muốn nhiễm thêm một thói nghiện ngập khác. Cô đang gói ghém đồ đạc. Cô nôn nóng muốn rời khỏi Bayswater. Derek đang ở thuê trong một căn hộ rẻ tiền tại Holborn nhưng đang hoàn tất thủ tục mua một ngôi nhà cho họ.

"Mình đã viết thư cho bác chủ nhà." Hilda nói. "Nói với bác ấy rằng cả hai chúng ta đều sắp chuyển đi. Mình kể với cậu là vợ của Ernie đã đồng ý ly dị chưa nhỉ?" Cô ngáp. "Anh ấy đã ngỏ lời cầu hôn mình. Mình nghĩ chắc mình sẽ nhận lời. Cả hai bọn mình đều sẽ trở thành những người phụ nữ có chồng đáng kính. Mình có thể tới thăm cậu ở... Mà cậu nói là cậu sẽ ở đâu nhỉ?"

"Wealdstone."



Đám cưới của họ diễn ra ở phòng hộ tịch. Theo mong muốn của Derek, chỉ có mẹ anh ta cùng với Hugh và Sylvie tham dự. Pamela chưng hửng vì không được mời. "Bọn em không muốn đợi thêm nữa." Ursula nói. "Và Derek không muốn ồn ào."

"Nhưng chẳng phải em muốn ồn ào sao?" Pamela hỏi. "Mục đích của đám cưới là như vậy còn gì?"

Không, cô không muốn ồn ào. Cuối cùng thì cô cũng thuộc về một ai đó, cuối cùng thì cô cũng được an toàn, đó mới là điều quan trọng. Làm cô dâu thì có ý nghĩa gì chứ, làm vợ mới là tất cả. "Bọn em muốn đám cưới thật tối giản." Cô dứt khoát nói. ("Và có vẻ còn rẻ nữa." Izzie nói. Một bộ đĩa ăn bánh bằng bạc trần tục khác được gửi tới.)

"Cậu ta có vẻ là một gã dễ chịu." Hugh nói trong "bữa tiệc chiêu đãi" - một bữa ăn trưa gồm ba món ở một nhà hàng gần phòng hộ tịch.

"Đúng vậy." Ursula đồng tình. "Anh ấy rất dễ chịu."

"Tuy nhiên, chuyện này hơi kỳ quặc, gấu con ạ." Hugh nói. "Chẳng giống đám cưới của Pammy chút nào, đúng không? Lúc ấy dường như một nửa số cư dân ở đường Old Kent đã có mặt tại đám cưới. Và Ted tội nghiệp rất tức giận vì không được mời ngày hôm nay. Nhưng chỉ cần con hạnh phúc là được." Ông nói thêm để động viên. "Đó mới là điều quan trọng."

Ursula mặc bộ vest màu xám phớt xanh trong hôn lễ. Sylvie đã chuẩn bị hoa cài ngực áo cho tất cả mọi người từ những bông hồng trồng trong nhà kính mà bà mua ở một tiệm bán hoa. "Tiếc rằng đây không phải hoa hồng do chính tay tôi trồng." Bà nói với bà Oliphant. "Tên chúng là Gloire des Mousseux, nếu bà quan tâm."

"Tôi chắc rằng chúng phải đẹp lắm." Bà Oliphant nói, nghe không giống một lời khen lắm.

"Cưới vội ắt hối cả đời." Sylvie lẩm bẩm trước ly rượu sherry chúc mừng cô dâu, chú rể.

"Em có thể không?" Hugh ôn tồn hỏi. "Hối hận ấy?" Sylvie vờ như không nghe thấy. Bà đang có tâm trạng cực kì khó chịu. "Bố tin rằng đây là thay đổi trong cuộc đời con." Hugh bối rối thì thầm với Ursula.

"Con cũng nghĩ vậy." Cô thì thầm đáp lại. Hugh siết chặt tay cô và nói: "Đúng là con gái bố."



"Derek có biết con không còn nguyên vẹn không?" Sylvie hỏi khi chỉ có mình bà và Ursula trong phòng vệ sinh nữ. Họ đang ngồi trên những cái ghế đầu nhỏ lót nệm, tô lại son môi qua gương. Bà

Oliphant vẫn ngồi ở bàn ăn ngoài kia, vì bà không tô son nên chẳng cần phải bôi lại.

"Không còn nguyên vẹn ấy ạ?" Ursula hỏi lại, nhìn chằm chằm vào Sylvie trong gương. Thế nghĩa là thế nào? Cô có khiếm khuyết gì chẳng? Hay đui què mẻ sứt gì?

"Không còn trong trắng." Sylvie nói. "Đã mất trinh." Bà nói thêm với vẻ thiếu kiên nhẫn khi thấy vẻ ngỡ ngàng của Ursula. "Đối với một người không còn trong trắng nữa, con dường như quá đổi ngây thơ."

Mẹ từng yêu mình, Ursula nghĩ. Còn bây giờ thì không. "Không còn nguyên vẹn." Ursula lại lặp lại. Cô thậm chí chưa bao giờ nghĩ đến vấn đề này. "Anh ấy sẽ nhận ra bằng cách nào?"

"Máu, đương nhiên rồi." Sylvie nói, khá cáu kỉnh.

Ursula nghĩ đến lớp giấy dán tường hình hoa đậu tía. Sự "bê hoa". Cô đã không biết hai việc đó có liên quan đến nhau. Cô đã nghĩ mình chảy máu là vì bị thương chứ không phải là dấu hiệu của việc mất đời con gái.

"Chà, cậu ta có thể không nhận ra." Sylvie thở dài. "Mẹ chắc chắn cậu ta không phải là người chồng đầu tiên bị lừa dối vào đêm tân hôn."



"Tô vẽ lại à?" Hugh bông đùa khi họ trở lại bàn. Ted được thừa hưởng nụ cười của Hugh. Derek và bà Oliphant có kiểu cau mày giống nhau. Ursula tự hỏi không biết ông Oliphant trông như thế nào. Anh ta hiếm khi nhắc đến bố.

"Phù phiếm là bản tính của đàn bà." Derek nói với thái độ vui vẻ gượng gạo. Ursula nhận thấy anh ta không thoải mái trong những tình huống giao tiếp xã hội như cô nghĩ lúc đầu. Cô mỉm cười với

anh ta, cảm thấy một sự gắn kết mới. Cô nhận ra mình đang kết hôn với một người lạ. ("Ai mà chả kết hôn với một người lạ." Hugh nói.)

"Thực ra là "bạc nhược" mới đúng." Sylvie nhỏ nhẹ nói. "*Bạc nhược là bản tính của đàn bà*. Trích trong *Hamlet*. Không hiểu sao nhiều người lại trích dẫn sai."

Mặt Derek thoáng sa sầm nhưng rồi anh ta cười phá lên. "Con cúi đầu trước kiến thức cao siêu của mẹ, mẹ vợ."



Họ lựa chọn căn nhà mới ở khu Wealdstone vì vị trí của nó tương đối gần ngôi trường nơi Derek dạy học. Anh ta có một món thừa kế, "một món rất nhỏ" từ những khoản đầu tư của người cha hiếm khi được anh ta nhắc đến. Nó là một căn nhà liền kề "chắc chắn" ở đại lộ Masons, với tường có khung gỗ theo kiểu Tudor, những khung cửa sổ với ô kính viền chì và trên cửa chính có một tấm kính màu vẽ hình một chiếc thuyền buồm lớn đang căng buồm no gió, mặc dù khu Wealdstone nằm rất xa biển. Ngôi nhà có đủ mọi tiện nghi hiện đại, lại rất gần các cửa hàng cửa hiệu cùng một phòng khám đa khoa, một phòng khám nha khoa và một công viên vui chơi dành cho trẻ con, nói tóm lại, nó có tất cả mọi thứ mà một cô vợ trẻ (và một bà mẹ, "chẳng bao lâu nữa đâu", theo lời Derek) có thể mong muốn.

Ursula hình dung ra mình ăn sáng với Derek mỗi sớm trước khi vội chào tiễn anh ta đi làm, hình dung ra mình đang đẩy xe nôi, rồi ghé đây, rồi xích đu, tắm cho các con vào mỗi buổi tối và đọc truyện cho chúng nghe trước giờ đi ngủ trong căn phòng ngủ xinh xắn của chúng. Cô và Derek sẽ ngồi lặng lẽ trên đi văng vào các buổi tối để nghe radio. Anh ta có thể viết tiếp quyển sách đang viết dở, một cuốn sách giáo khoa cho trường học - *Từ vương triều Plantagenet tới vương triều Tudor*. ("Chúa ơi!" Hilda nói. "Nghe thật hấp dẫn.") Wealdstone cách rất xa Belgravia, ờn Chúa.

Trước khi đi nghỉ tuần trăng mật, cô vẫn chỉ có thể tưởng tượng ra những căn phòng trong ngôi nhà nơi cuộc sống hôn nhân của mình sẽ diễn ra, vì Derek đã mua và trang hoàng ngôi nhà một mình mà không cho cô được nhìn thấy nó lần nào.

"Điều đó hơi kỳ cục, em không nghĩ vậy sao?" Pamela nói.

"Không." Ursula nói. "Nó giống như một món quà bất ngờ. Món quà cưới anh ấy dành cho em."

Khi Derek cuối cùng cũng vụng về bế cô qua ngưỡng cửa của ngôi nhà ở Wealdstone (một cái thêm lát gạch đỏ mà cả Sylvie lẫn William Morris* đều sẽ không hài lòng), Ursula không thể kìm được chút thất vọng. Ngôi nhà cũ kỹ hơn nhiều so với trong trí tưởng tượng của cô, và ở nó toát lên một sự buồn tẻ mà cô cho rằng đó là vì không có bàn tay của phụ nữ trong việc bài trí, vì vậy cô rất ngạc nhiên khi Derek nói: "Mẹ đã giúp anh." Nhưng nghĩ lại thì ngôi nhà ở Bamey, nơi gắn bó với bà quả phụ Oliphant, cũng mang không khí ảm đạm như vậy.



Sylvie đã hưởng tuần trăng mật ở Deauville, Pamela thì hưởng tuần trăng mật ở Thụy Sĩ với những chuyến đi bộ đường dài, còn Ursula bắt đầu cuộc hôn nhân của mình với một tuần khá ướt át ở Worthing.

Cô kết hôn với một người đàn ông ("một gã dễ chịu") và thức giấc bên cạnh một người đàn ông khác, một người được lên dây cót khá căng* như chiếc đồng hồ quả lắc cầm tay nhỏ bé của Sylvie vậy.

Anh ta thay đổi gần như ngay lập tức, như thể tuần trăng mật là thời kỳ chuyển tiếp, một nghi lễ đánh dấu cho việc thay đổi từ người tình chu đáo sang người chồng thờ ơ. Ursula đổ lỗi cho thời tiết tệ hại. Bà chủ quán trọ của họ muốn họ vắng mặt trong khoảng thời gian từ bữa sáng đến bữa tối vào lúc sáu giờ, vì vậy họ thường trải

qua những ngày dài trong những tiệm cà phê hay triển lãm tranh và viện bảo tàng, hoặc hóng gió trên cầu tàu. Vào buổi tối, họ thường chơi bài uýt với các vị khách khác (một việc ít buồn chán hơn) trước khi lui về nghỉ ngơi trong căn phòng ngủ lạnh lẽo. Derek chơi bài rất kém và họ thua gần như mọi ván. Anh ta dường như cố tình hiểu nhầm những nỗ lực ra hiệu bằng tay của cô với anh ta.

"Sao anh lại đánh quân bài chủ trước tiên vậy?" Cô hỏi anh ta sau khi cuộc chơi kết thúc - thực sự tò mò - lúc họ từ tốn cởi quần áo trong phòng ngủ. "Em quan trọng trò vớ vẩn đó đến vậy ư?" Anh ta nói với ánh mắt khinh khỉnh đến mức khiến cô nghĩ rằng tốt nhất là nên tránh chơi các trò chơi thuộc bất kỳ dạng nào với Derek trong tương lai.

Vào đêm đầu tiên, Ursula nhẹ nhõm khi thấy Derek chẳng để ý gì đến vết máu hay đúng hơn là việc không có vết màu nào. "Anh nghĩ em nên biết rằng anh không phải là kẻ thiếu kinh nghiệm." Derek đã nói một cách khá vênh váo khi họ cùng nhau lên giường lần đầu tiên. "Anh tin rằng người chồng có bổn phận biết chút mùi đời. Anh ta còn cách nào khác để bảo vệ sự trong trắng của vợ mình chứ?" Ursula cảm thấy đó chỉ là một lời ngụy biện nhưng cô không có tư cách gì để tranh cãi.



Sáng nào Derek cũng dậy sớm và hít đất một cách hăng say - như thể anh ta đang ở trong trại lính chứ không phải đang đi hưởng tuần trăng mật. "*Mens sana in corpora sana**." Anh ta nói. Tốt hơn hết là không nên sửa lại lời anh ấy, cô nghĩ. Anh ta vốn tự hào về việc mình biết tiếng Latin cũng như việc biết lăm bồm tiếng Hy Lạp cổ. Mẹ anh ta đã tần tảo hết mức để đảm bảo cho anh ta được học hành tử tế, "chẳng thứ gì có được một cách dễ dàng cả, không giống như một vài người." Ursula từng học tiếng Latin khá giỏi, cả tiếng Hy Lạp nữa, nhưng cô nghĩ tốt hơn hết là không nên khoe

khoang điều đó. Dĩ nhiên, đó là một Ursula khác. Một Ursula chưa bị đánh dấu bởi sự kiện Belgravia.

Cách Derek làm tình rất giống với cách anh ta tập thể dục, đến cả biểu hiện gắng sức mệt nhọc trên khuôn mặt anh ta cũng không khác gì. Anh ta coi Ursula như là một phần của tấm đệm vậy. Nhưng cô căn cứ vào đâu để so sánh chứ? Howie ư? Cô ước gì mình đã hỏi Hilda về những chuyện diễn ra trong "cung điện khoái lạc" của cô ấy ở Ealing. Cô nghĩ về những lời tán tỉnh hoa mỹ của Izzie dành cho những người tình của bà và cử chỉ triu mến ấm áp giữa Pamela và Harold. Dường như tất cả đều cho thấy nếu đó không phải là hạnh phúc đích thực thì cũng là sự vui thú. "Cuộc đời còn có ý nghĩa gì nếu ta không thể có một vài thú vui?" Izzie từng nói. Ursula cảm nhận được rằng ở Wealdstone hẳn sẽ khan hiếm niềm vui.

Công việc của cô vốn nhàm chán, nhưng nó vẫn chẳng là gì so với sự mệt mỏi khi phải chăm lo nhà cửa hết ngày này qua ngày khác. Mọi thứ phải liên tục được lau rửa, cọ chùi, phủi bụi, đánh bóng, quét dọn, chưa kể việc là, gấp, treo, làm phẳng. *Những sự chỉnh trang*. Derek là người đàn ông cầu toàn, yêu những góc vuông và những đường thẳng. Khăn mặt, khăn lau bát, rèm, thảm đều cần được chỉnh đi chỉnh lại liên tục. (Dường như Ursula cũng vậy.) Nhưng đây là việc của cô, đây là sự phân công, sắp đặt của hôn nhân, không phải sao? Tuy nhiên, Ursula không thể vượt qua cảm giác cô đang bị quản chế vĩnh viễn.

Khuất phục "niềm tin mù quáng" của Derek vào sự gọn gàng ngăn nắp của nhà cửa còn dễ dàng hơn là chống lại nó. ("Vật nào chỗ ấy.") Bát đĩa phải sạch như lau như ly, dao đĩa phải bóng loáng và xếp ngay ngắn trong các ngăn kéo - những con dao thì giống binh lính đang diễu hành, còn những chiếc thìa thì úp vào nhau gọn gàng. Anh ta nói, một bà nội trợ phải là người thờ phụng ngoan đạo nhất trước ban thờ của Thần Giữ nhà. Phải là "nền lò sưởi" chứ không phải "ban thờ", cô nghĩ, nếu tính đến khoảng thời gian mà cô đã bỏ ra để quét vôi lò và cạo gỉ nồi hơi.

Derek rất kĩ tính về sự ngăn nắp. Anh ta nói anh ta không thể suy nghĩ được gì nếu mọi thứ được để không đúng chỗ hoặc xiên xẹo. "Nhà cửa gọn gàng sạch sẽ thì đầu óc mới thông thoáng được." Anh ta nói. Ursula nhận ra anh ta rất thích nói chữ. Anh ta chắc chắn không thể viết cuốn *Từ vương triều Plantagenet đến vương triều Tudor* nếu Ursula bước vào phòng, vì việc đơn giản ấy dường như cũng đủ làm xáo trộn bầu không khí làm việc của anh ta. Họ cần có thu nhập từ cuốn sách này - cuốn đầu tiên của anh ta - nó sẽ được William Collins xuất bản, vì vậy anh ta đã trưng dụng phòng ăn nhỏ hẹp (bàn, tủ búp phê và tất cả mọi thứ) ở trong cùng của ngôi nhà để làm "thư phòng", còn Ursula bị cấm lảng vảng bên cạnh Derek vào hầu hết các buổi tối để anh ta có thể tập trung viết lách. Anh ta nói hai người nên sống tần tiện như thể chỉ có một người, tuy nhiên giờ đây họ hầu như không thể trả nổi các hóa đơn bởi vì cô không biết vun vén, do đó ít nhất cô cũng nên cho anh ta chút yên tĩnh để cố gắng kiếm thêm ít thu nhập. Và không, cảm ơn, anh ta không muốn cô giúp anh ta đánh máy bản thảo.

Những thói quen nội trợ cũ của Ursula giờ đây có vẻ luộm thuộm một cách đáng ghê tởm, ngay cả trong mắt cô. Ở Bayswater, cô thường chẳng mấy khi dọn giường hay rửa ráy nồi niêu xoong chảo. Bánh mì và bơ tạo nên một bữa sáng ngon lành, và cô thấy chẳng có gì bất ổn khi ăn trứng luộc vào bữa trà. Cuộc sống hôn nhân đòi hỏi nhiều nỗ lực hơn. Bữa sáng phải được nấu và dọn lên bàn ăn đúng giờ. Derek không thể đến trường muộn và anh ta coi bữa sáng, gồm cháo, trứng và bánh mì nướng, là một bí tích thánh thể long trọng (và đơn độc). Trứng được luân phiên thay đổi kiểu nấu trong tuần, bác, ốp la, luộc, chần, và vào các thứ Sáu sẽ đổi món bằng cá trích muối hun khói. Vào cuối tuần, Derek thích thịt lợn muối xông khói, xúc xích và dồi lợn ăn kèm với trứng. Trứng phải được mua ở một trang trại nhỏ cách nhà họ ba dặm chứ không phải mua ở cửa hàng, Ursula phải đi bộ tới đó hằng tuần bởi vì Derek đã bán xe đạp của họ khi chuyển tới Wealdstone "để tiết kiệm tiền".

Bữa trà là một loại ác mộng khác, vì lúc nào cô cũng phải nghĩ ra những món mới để nấu. Cuộc sống là một vòng quay bất tận của những món sườn, thịt nướng, bánh nướng, thịt hầm và thịt quay, chưa kể ngày nào cũng phải có món pudding tráng miệng mà không hôm nào được giống hôm nào. *Con thành nô lệ của những cuốn sách dạy nấu ăn rồi!* Cô viết thư cho Sylvie với sự vui vẻ giả tạo, mặc dù cảm nhận của cô hằng ngày khi cầm cúi nghiền ngẫm những trang sách khó nhằn hoàn toàn khác xa sự vui vẻ. Cô bắt đầu thấy khâm phục bà Glover. Dĩ nhiên, bà Glover có lợi thế là có một căn bếp rộng rãi, một ngân quỹ đáng kể và một bộ dụng cụ nấu nướng đầy đủ, trong khi căn bếp ở Wealdstone được thiết kế khá nhỏ và số tiền đi chợ của Ursula dường như chưa bao giờ đủ trang trải cho cả tuần, do đó cô liên tục bị trách móc vì tội vung tay quá trán.

Hồi còn ở Bayswater, cô chưa bao giờ bận tâm nhiều đến tiền bạc. Nếu thiếu tiền, cô sẽ ăn ít đi và cuốc bộ thay vì bắt tàu điện ngầm. Nếu cô thực sự cần tiền, lúc nào cô cũng có thể cầu viện Hugh hoặc Izzie. Nhưng bây giờ, cô khó có thể chạy tới chỗ họ để vay tiền vì đã có chồng. Derek sẽ cảm thấy nhục nhã vì lòng tự trọng đàn ông bị xúc phạm.

Sau vài tháng bị giam hãm bởi đám việc nhà bất tận, Ursula nghĩ cô có thể phát điên nếu không tìm được thú tiêu khiển nào để giải khuây trong những ngày dài. Hằng ngày, trên đường đi chợ, cô vẫn đi qua một câu lạc bộ tennis. Tất cả những gì cô có thể nhìn thấy ở đó là tấm lưới cao giăng đằng sau một hàng rào bằng gỗ và một cánh cửa màu xanh lá cây trở trên một bức tường trắng ốp đá cuội quay mặt ra đường, nhưng cô có thể nghe thấy những tiếng bịch bịch, bộp bộp quen thuộc của mùa hè đang mời gọi. Thế là một ngày kia, cô thấy mình gõ vào cánh cửa màu xanh và hỏi xem liệu cô có thể gia nhập với họ không.

"Em vừa đăng ký tham gia câu lạc bộ tennis của khu này." Tối hôm đó, cô nói với Derek khi anh ta về nhà.

"Em không hỏi anh trước." Derek nói.

"Em không nghĩ là anh chơi tennis."

"Anh không chơi." Anh ta nói. "Ý anh là em đã không hỏi anh liệu em có thể tham gia câu lạc bộ đó không."

"Em không biết là em phải hỏi anh." Đám mây u ám mà cô đã thoáng nhìn thấy vào ngày cưới của họ khi Sylvie sửa lại lời trích dẫn của anh ta từ tác phẩm của Shakespeare lại bằng qua mặt anh ta. Lần này nó nán lại lâu hơn và có vẻ làm anh ta thay đổi một cách mơ hồ, như thể một phần trong anh ta đã co rút lại.

"Ờ thì... em có thể tham gia không?" Cô nói, nghĩ rằng sẽ tốt hơn nếu mình ngoan ngoãn và giữ êm ấm. Liệu Pammy có phải xin phép Harold một chuyện như vậy không? Liệu Harold có muốn Pammy xin phép mình không? Ursula không rõ nữa. Cô nhận ra cô chẳng biết gì về hôn nhân. Và, đương nhiên, mối quan hệ của Sylvie và Hugh vẫn còn là một điều bí ẩn.

Cô tự hỏi Derek có thể đưa ra lý lẽ gì để ngăn cản cô chơi tennis. Anh ta có vẻ cũng đang vắt óc suy nghĩ về vấn đề này và cuối cùng cầu nhàu nói: "Anh nghĩ là được. Miễn là em vẫn có thời gian để thu vén mọi việc trong nhà." Đang ăn bữa trà dỡ chừng - với món sườn cừu hầm và khoai tây nghiền - anh ta đột ngột đứng dậy khỏi bàn, cầm đĩa của mình lên và ném nó ngang qua căn phòng rồi bước ra khỏi nhà mà không nói một lời. Đến lúc Ursula sửa soạn đi ngủ anh ta mới về. Mặt anh ta vẫn sa sầm như lúc rời đi. Anh ta nói nhanh "Chúc ngủ ngon" với giọng nghèn nghẹn khi họ trèo lên giường.

Đến nửa đêm, cô giật mình thức giấc vì anh ta leo lên người cô và âm thầm thúc vào bên trong cô. Hình ảnh những bông hoa đậu tía lại hiện lên trong đầu cô.

Khuôn mặt sa sầm (cô gọi nó là "vẻ mặt đó") giờ đây thường xuyên xuất hiện và Ursula ngạc nhiên trước sự kiên nhẫn của mình trong việc xoa dịu nó. Nhưng thật vô vọng, mỗi khi anh ta rơi vào tâm trạng như vậy, bất kể cô làm gì hay nói gì cũng làm anh ta nổi cáu, thực sự thì những nỗ lực làm anh ta nguôi giận của cô càng làm cho tình hình trở nên tồi tệ hơn.



Họ sắp xếp đến thăm bà Oliphant ở Barnet, đây là chuyến viếng thăm đầu tiên của họ kể từ sau đám cưới. Họ từng ghé qua nhà bà một cách chóng vánh - uống trà và ăn một chiếc bánh nướng cũ - để thông báo về việc đính hôn của mình, nhưng kể từ đó chưa trở lại lần nào.

Lần này, bà Oliphant đãi họ món sa lát giảm bông với những lá xà lách héo rũ và trò chuyện với họ một chút. Bà có vài việc vặt "để dành" cho Derek nên anh ta cầm theo ít dụng cụ và biến mất, để mặc cánh phụ nữ dọn dẹp. Khi đã rửa xong bát đĩa, Ursula nói: "Con pha trà nhé?" Rồi bà Oliphant đáp "Tùy con" mà không tỏ vẻ khuyến khích gì lắm.

Họ lúng túng ngồi ở phòng khách, nhấm nháp tách trà. Trên tường có treo một bức ảnh đóng khung, đó là một bức chân dung chụp trong studio của bà Oliphant và chồng bà trong ngày cưới của họ, cả hai người trông đều quá mức nghiêm trang khi khoác trên mình bộ đồ cưới thịnh hành ở thời điểm chuyển giao giữa hai thế kỷ ấy. "Ảnh đẹp quá!" Ursula nói. "Mẹ có bức ảnh nào của anh Derek hồi nhỏ không ạ? Hoặc của em gái anh ấy?" Cô nói thêm, bởi nếu chỉ vì cô ấy đã chết mà loại trừ cô ấy ra khỏi lịch sử gia đình thì có vẻ không đúng đắn lắm.

"Em gái ư?" Bà Oliphant nói, cau mày. "Em gái nào?"

"Người em gái đã mất của anh ấy." Ursula nói.

"Đã mất?" Bà Oliphant có vẻ sửng sốt.

"Con gái của mẹ ấy ạ." Ursula nói. "Cô ấy đã bị ngã vào ngọn lửa trong lò sưởi." Cô nói thêm, cảm thấy mình thật ngớ ngẩn, đó đâu phải là chi tiết mà người ta có thể dễ dàng quên lãng chứ. Cô tự hỏi lẽ nào bà Oliphant bị khờ? Trông bà Oliphant có vẻ bối rối, như thể bà đang cố nhớ lại đứa con đã bị quên lãng này. "Mẹ trước giờ chỉ có mình Derek thôi." Bà kết luận chắc nịch.

"Chà, dù sao đi nữa..." Ursula nói, như thể đó là một vấn đề không quan trọng, có thể gạt đi dễ dàng. "... Mẹ phải đến thăm bọn con ở Wealdstone nhé! Bây giờ bọn con đã ổn định rồi. Mẹ biết đấy, bọn con rất biết ơn về số tiền mà bố để lại."

"Để lại? Ông ấy để lại tiền sao?"

"Một ít cổ phiếu, con nghĩ vậy, trong di chúc." Ursula nói. Có lẽ bà Oliphant không biết gì về quá trình lập di chúc của chồng mình.

"Di chúc? Ông ta chẳng để lại gì ngoài những món nợ khi ông ta ra đi. Ông ta chưa chết." Bà nói thêm như thể Ursula mới là người khờ khạo. "Ông ta đang sống ở Margate."

Ursula tự hỏi còn những lời nói dối và những lời nửa thật nửa giả nào nữa? Derek có thật sự suýt chết đuối hồi anh ta còn nhỏ không?

"Chết đuối ư?"

"Chuyện anh ấy bị ngã khỏi một con thuyền và tự bơi vào bờ ấy ạ."

"Sao con lại có ý nghĩ đó?"

"Kìa!" Derek lên tiếng ở ngưỡng cửa khiến cả hai người họ giật nẩy mình. "Hai mẹ con đang tán gẫu chuyện gì thế?"



"Em sụt cân rồi đấy." Pamela nói.

"Vâng, em cũng nghĩ vậy. Em đang chơi tennis." Điều đó khiến cuộc sống của cô nghe mới bình thường làm sao. Cô vẫn kiên quyết tham gia câu lạc bộ tennis, đó là nỗi khuây khỏa duy nhất mà cô có trong cái cuộc sống bị giam hãm ở đại lộ Masons, dù cô phải đối mặt với sự tra hỏi liên tục về vấn đề ấy. Tối nào đi làm về Derek cũng hỏi hôm nay cô có chơi tennis không, mặc dù cô chỉ chơi hai buổi chiều mỗi tuần. Cô luôn bị tra hỏi về người đánh cặp với cô, tên là Phyllis, vợ của một nha sĩ. Derek có vẻ coi thường Phyllis, cho dù anh ta chưa từng gặp cô ấy.

Pamela đã lặn lội từ tận Finchley đến thăm cô. "Rõ ràng đây là cách duy nhất để chị được gặp em. Hẳn là em thích cuộc sống hôn nhân, hoặc khu Wealdstone." Cô cười. "Mẹ nói em đã lẩn tránh mẹ." Ursula đã lẩn tránh tất cả mọi người kể từ sau đám cưới, cô từ chối những lời đề nghị "ghé qua" để uống một tách trà của Hugh, những lời gợi ý bóng gió của Sylvie rằng có lẽ cô nên mời họ đến ăn bữa trưa Chủ nhật. Jimmy đang đi học xa nhà; Teddy thì đang học năm thứ nhất ở trường Oxford nhưng cậu vẫn viết những lá thư dài dẽ thương cho cô; còn Maurice, đương nhiên, không có ý định đến thăm bất cứ ai trong gia đình mình.

"Em chắc chắn mẹ cũng chẳng muốn đến đây chơi lắm. Vì đây là khu Wealdstone và những thứ tương tự. Hoàn toàn không phải gu của mẹ."

Họ đều phá lên cười. Ursula đã gần như quên mất cảm giác cười ra tiếng là như thế nào. Cô cảm thấy những giọt lệ bắt đầu dâng lên trong mắt mình và phải ngoảnh đi, giả vờ bận rộn pha trà. "Thật là tuyệt khi được gặp chị, Pammy."

"Chà, em biết là em luôn được chào đón ở Finchley bất cứ khi nào em muốn ghé qua. Em nên mắc điện thoại, như thế chúng ta có thể trò chuyện với nhau thường xuyên." Derek nghĩ điện thoại là một thứ xa xỉ phẩm đắt đỏ nhưng Ursula nghi ngờ rằng anh ta chỉ đơn giản không muốn cô nói chuyện với bất cứ ai. Cô khó có thể nói ra

ngghi ngờ này (cô biết nói với ai chứ - Phyllis chẳng? Hay người giao sữa?) vì người ta sẽ nghĩ cô bị mất trí. Ursula đã mong ngóng chuyến viếng thăm của Pamela như người ta mong đợi những kỳ nghỉ vậy. Hôm thứ Hai, cô đã nói với Derek "Chiều thứ Tư chị Pamela sẽ đến chơi đấy" và anh ta chỉ nói "ờ". Anh ta có vẻ thờ ơ và cô nhẹ nhõm vì khuôn mặt sa sầm đã không xuất hiện.

Ngay khi họ vừa uống trà xong, Ursula đã nhanh chóng dọn bộ ấm chén đi, rửa ráy và phơi khô chúng rồi cất vào đúng chỗ.

"Trời ơi!" Pamela nói. "Em đã trở thành một bà nội trợ nhỏ nhắn gọn gàng từ khi nào vậy?"

"Nhà cửa gọn gàng sạch sẽ thì đầu óc mới thông thoáng được." Ursula nói.

"Sự gọn gàng sạch sẽ đã được đánh giá quá cao rồi." Pamela nói. "Có vấn đề gì không đấy? Trông em có vẻ cực kì ủ dột."

"Đến tháng thôi." Ursula nói.

"Ồ, của nợ ấy! Chị sẽ thoát được nó trong vài tháng. Đoán được gì không?"

"Chị sắp có em bé à? Ôi, tuyệt quá!"

"Đúng vậy. Thật là tuyệt phải không? Mẹ lại sắp có thêm cháu rồi." (Maurice đã mở màn cho việc tạo ra thế hệ kế tiếp của nhà Todd.)

"Theo chị nghĩ thì mẹ có thích điều đó không?"

"Ai biết được chứ? Dạo này mẹ khó đoán định lắm."



"Chị em đến chơi vui chứ?" Derek hỏi khi anh ta về nhà tối hôm đó.

"Vui lắm! Chị ấy sắp có em bé."

"Ồ?"



Sáng hôm sau, món trứng chần của cô không "đạt chất lượng". Ngay cả Ursula cũng phải thừa nhận rằng quả trứng mà cô chần cho bữa sáng của Derek trông thật xấu xí, nó giống như một con sứa ốm yếu đang nằm chờ chết trên lát bánh mì nướng vậy. Một nụ cười ranh mãnh hiện lên trên mặt anh ta, đó là biểu cảm đặc ý khi tìm ra lỗi của người khác. Một vẻ mặt mới. Còn tệ hơn cả vẻ mặt cũ.

"Em nghĩ anh sẽ ăn thứ đó ư?" Anh ta hỏi.

Vài câu trả lời nảy ra trong đầu Ursula nhưng cô gạt hết chúng đi vì chúng quá khiêu khích. Thay vào đó, cô nói: "Để em chần lại cho anh quả khác."

"Cô biết đây..." Anh ta nói. "Tôi phải làm công việc mà tôi chán ghét suốt cả ngày chỉ để nuôi cô. Cái đầu nhỏ bé ngu ngốc của cô chẳng phải lo lắng về bất cứ chuyện gì, đúng không? Cả ngày cô chẳng làm gì cả - ồ, không, thứ lỗi cho tôi!" Anh ta mỉa mai nói. "Tôi quên mất là cô chơi tennis. Vậy mà cô thậm chí không thể chần cho tôi một quả trứng."

Ursula không hề biết anh ta căm ghét công việc của mình. Anh ta rất hay than phiền về thái độ của đám học sinh và không ngừng kêu ca về việc hiệu trưởng không chịu ghi nhận sự nỗ lực của anh ta, nhưng cô đã không nghĩ rằng anh ta ghét việc dạy học. Trông anh ta như sắp khóc và cô đột nhiên - bất ngờ - cảm thấy thương hại anh ta và nói: "Em sẽ chần một quả trứng khác."

"Thôi khỏi." Cô tưởng quả trứng sẽ bị ném vào tường - Derek bắt đầu có thói ném thức ăn lung tung từ lúc cô tham gia câu lạc bộ tennis - nhưng thay vào đó, anh ta tát một cú trời giáng vào thái dương cô khiến cô lảo đảo va vào bếp rồi ngã xuống sàn, và cứ thế

quỳ gối ở đó như thể đang cầu nguyện. Cô choáng váng vì đau hơn là vì hành động của anh ta.

Derek bước tới đứng trước mặt cô với cái đĩa đựng món trứng tội lỗi trong tay. Trong một thoáng, cô nghĩ anh ta sẽ đập nó vào đầu cô, nhưng thay vì thế, anh ta hất quả trứng vào đỉnh đầu cô. Rồi anh ta hùng hổ ra khỏi bếp. Một phút sau đó, cô nghe thấy tiếng cánh cửa trước đóng sầm lại. Quả trứng trượt khỏi tóc cô, lướt trên mặt cô rồi rơi xuống sàn, lòng đỏ vỡ tung tóe. Cô cố gắng đứng dậy và đi lấy một cái khăn.



Buổi sáng hôm đó có vẻ đã làm bùng nổ thứ gì đó trong anh ta. Cô đã phá vỡ quy tắc gì đó của anh ta mà cô không biết đến - cho quá nhiều than vào đồng lửa, dùng quá nhiều giấy vệ sinh, chẳng may quên tắt một ngọn đèn. Các hóa đơn và biên lai đều bị anh ta sấm soi, mỗi đồng xu cô tiêu đều phải được giải trình và cô không bao giờ có một đồng nào thừa.

Anh ta có thể quát mắng những lời nặng nề nhất chỉ vì những chuyện nhỏ nhặt nhất. Một khi đã bắt đầu, dường như anh ta không thể dừng lại. Lúc nào anh ta cũng cáu giận. Lúc nào cô cũng làm anh ta cáu giận. Tối nào anh ta cũng yêu cầu cô thuật lại chính xác về những gì xảy ra trong ngày. Cô đã đổi bao nhiêu cuốn sách trong thư viện, người bán thịt đã nói gì với cô, có ai ghé qua nhà không? Cô đã bỏ chơi tennis. Việc đó dễ dàng hơn.

Anh ta không đánh cô nữa nhưng thói bạo lực vẫn liên tục âm ỉ bên trong anh ta, giống như một ngọn núi lửa ngủ im mà Ursula hiếm khi đánh thức. Anh ta luôn khiến cô trở tay không kịp, do đó cô dường như chẳng bao giờ có được khoảnh khắc nào để làm thông thoáng đầu óc mụ mị của mình. Sự tồn tại của cô có vẻ khiến anh ta khó chịu. Cô cứ phải sống cái cuộc đời liên tục bị đày đọa như thế này sao? (Tại sao lại không chứ, chẳng phải cô đáng bị như thế ư?)

Cô bắt đầu sống trong trạng thái trì trệ kỳ lạ, như thể đầu cô chứa toàn sương mù. Cô cho rằng mình tự làm thì phải tự chịu. Có lẽ đây là một dạng khác của cái *amor fati* mà bác sĩ Kellet từng nói. Ông sẽ nói gì về tình trạng khó khăn của cô hiện giờ? Quan trọng hơn, ông sẽ nói gì về tính cách kỳ quặc của Derek?



Cô sẽ tham gia ngày hội thể thao. Đó là một sự kiện lớn của trường Blackwood và họ hy vọng các bà vợ của các thầy giáo đều sẽ tham gia. Derek đã cho cô tiền để mua một cái mũ mới và nói: "Hãy đảm bảo rằng trông em thật thanh lịch."

Cô tới một cửa hiệu bán quần áo cho phụ nữ và trẻ em ở gần đó có tên là A La Mode* (mặc dù nó thực sự chẳng giống với tên gọi của mình chút nào). Cô mua tất dài và đồ lót ở đây. Từ khi kết hôn đến giờ cô chưa có món y phục nào mới cả. Cô chẳng bận tâm đến ngoại hình của mình đến mức phải xin tiền Derek.

Đó là một cửa hiệu trông có vẻ ảm đạm giữa một dãy những cửa hiệu ảm đạm khác - một tiệm làm tóc, một tiệm bán cá, một tiệm bán rau quả, một bưu điện. Cô không có bụng dạ nào (mà cũng không có tiền) để tới một cửa hàng bách hóa sang trọng ở London (và Derek sẽ nói gì về một chuyến đi xa như thế?). Hồi cô còn làm việc ở London trước bước ngoặt hôn nhân này, cô đã dành rất nhiều thời gian ở các cửa hàng Selfridge's và Peter Robinson's. Giờ thì những nơi đó trở nên xa xôi như ở nước ngoài vậy.

Những món đồ ở ô kính bày hàng được bảo vệ khỏi ánh nắng mặt trời bởi một tấm màn che màu vàng cam, một loại giấy bóng kính dày gọi cô nhớ tới giấy gói của một chai Lucozade và làm mất hẳn sức hấp dẫn của tất cả mọi thứ được trưng bày trên ô kính kia.



Đây không phải là chiếc mũ đẹp nhất nhưng cô cho rằng nó khá phù hợp. Cô miễn cưỡng ngắm soi hình ảnh phản chiếu của mình trong cái gương ba mảnh kéo dài từ sàn đến trần nhà của cửa hàng. Với tận ba hình phản chiếu, trông cô tệ hơn gấp ba lần so với lúc cô soi gương trong phòng tắm nhà mình (chiếc gương duy nhất trong nhà mà cô không thể tránh được). Cô nghĩ cô không còn nhận ra chính mình. Cô đã đi nhầm hướng, mở nhầm cửa, và không thể tìm được đường quay trở lại.

Đột nhiên, thật khủng khiếp, cô tự làm mình hoảng hốt khi òa lên khóc, âm thanh khốn khổ bùng phát ra từ sự tuyệt vọng tột độ. Chủ cửa hàng chạy xộc vào từ đằng sau quầy thu ngân và nói: "Kìa, cô à, đừng xúc động như vậy. Cô đến tháng phải không?" Cô ta dìu cô ngồi xuống, lấy cho cô một tách trà và một chiếc bánh quy, vậy mà Ursula không thể bày tỏ lòng biết ơn đối với sự tốt bụng giản dị này.

Ngôi trường cách nhà cô một bến tàu hỏa và một chặng đi bộ ngắn dọc theo một con đường yên tĩnh. Ursula hòa vào dòng phụ huynh đang ủa qua cánh cổng của trường Blackwood. Thật thú vị - và cũng hơi đáng sợ - khi cô đột nhiên nhận ra mình đang ở giữa một đám đông. Cô mới kết hôn chưa đầy sáu tháng mà đã quên mất cảm giác ở giữa một đám đông là như thế nào. Trước đây Ursula chưa từng tới ngôi trường này vì vậy cô ngạc nhiên khi thấy những bức tường gạch đỏ nhằm chắn và những luống hoa nở hăng năm tẻ nhạt của nó, khác hẳn với ngôi trường cổ kính mà cánh đàn ông nhà Todd từng theo học. Teddy rồi đến Jimmy đã theo chân Maurice vào học ở ngôi trường cũ của Hugh, một tòa nhà mỹ lệ xây bằng đá xám mềm mại và xinh đẹp như một trường con của Đại học Oxford vậy. (Nhưng theo lời Teddy thì "bên trong hoang dã lắm".) Khuôn viên trường vô cùng xinh xắn, ngay cả Sylvie cũng phải trầm trồ ngưỡng mộ sự phong phú của những loài hoa trong các luống hoa. "Khá là lãng mạn." Bà nói. Ở trường của Derek thì chẳng có nét lãng mạn nào, điểm nhấn của trường là các sân chơi thể thao. Các cậu bé ở trường Blackwood học hành chẳng ra sao, ít ra là theo lời kể của

Derek, vì vậy họ phải hướng chúng vào một loạt các cuộc thi đấu bóng bầu dục và cricket bất tận. Thêm nhiều trí óc lành mạnh trong những cơ thể khỏe mạnh. Derek có trí óc lành mạnh không?

Đã quá muộn để hỏi anh ta về chuyện của em gái và cha anh ta, Ursula ngờ rằng ngọn núi lửa Krakatoa* trong anh ta sẽ phun trào. Tại sao anh ta lại bịa ra một chuyện như thế nhỉ? Hẳn là bác sĩ Kellet sẽ biết câu trả lời.

Những cái bàn bày đồ giải khát và bánh trái cho phụ huynh và giáo viên được kê ở một đầu của sân điền kinh. Trên đó có trà, sandwich và những lát bánh Dundee* đã được cắt sẵn. Ursula nán lại bên bình trà, tìm kiếm Derek. Anh ta đã nói với cô rằng anh ta sẽ không thể nói chuyện nhiều với cô vì cần phải "hỗ trợ" mọi người. Khi cô cuối cùng cũng nhìn thấy anh ta ở đầu kia của sân tập, anh ta đang sốt sắng ôm một chồng những cái vòng lớn mà Ursula chẳng biết được dùng để làm gì.

Dường như tất cả những người đang tụ tập quanh mấy cái bàn đều quen biết nhau, đặc biệt là vợ của các thầy giáo. Ursula chợt nhận ra rằng ở trường Blackwood hẳn có rất nhiều sự kiện xã hội mà Derek chưa bao giờ nhắc đến.

Có hai giáo viên đứng tuổi mặc áo choàng trông như những con dơi đang lấy đồ ăn ở bàn trà và cô loáng thoáng nghe thấy cái tên "Oliphant". Ursula nhích lại gần họ hơn một chút, kín đáo nhất có thể, vờ như đang bị mê hoặc bởi món pa tê cua trong chiếc sandwich trên đĩa của cô.

"Tôi nghe nói cậu Oliphant lại gặp rắc rối."

"Thật sao?"

"Cậu ta đã đánh một thằng nhóc."

"Đánh chúng thì có sao chứ. Tôi vẫn đánh chúng suốt mà."

"Nhưng hình như lần này cậu ta mạnh tay lắm. Phụ huynh của thằng nhóc dọa sẽ báo cảnh sát."

"Cậu ta không bao giờ kiểm soát nổi một lớp học. Một giáo viên tồi khủng khiếp."

Đĩa của họ đã đầy bánh ngọt nên hai người đàn ông bắt đầu rời đi, Ursula tha thẩn theo sau họ.

"Anh biết gì không, những món nợ của cậu ta ngập đến tận mang tai rồi."

"Có lẽ cậu ta sẽ kiếm được ít tiền từ cuốn sách đang viết."

Họ đều cười phá lên như thể đó là một câu pha trò dí dỏm.

"Tôi đoán hôm nay vợ cậu ta cũng có mặt ở đây."

"Vậy sao? Chúng ta nên cảnh giác mới được. Tôi nghe nói đầu óc cô ta rất không bình thường." Đây dường như cũng là một lời nói đùa. Một tiếng súng đột ngột vang lên báo hiệu cuộc đua chạy vượt rào bắt đầu khiến Ursula giật nảy mình. Cô không bám theo hai thầy giáo kia nữa. Cô đã mất hứng thú với việc nghe trộm.

Cô bắt gặp Derek đang sai bước về phía cô, những cái vòng giò đã được thay thế bởi một bó lao kền càng. Anh ta hét gọi hai cậu bé tới giúp và chúng ngoan ngoãn chạy lại chỗ anh ta. Khi chúng chạy ngang qua chỗ Ursula đang đứng, một đứa cười khẩy, lẩm bẩm: "Vâng, thầy Voi, tới đây, thầy Voi." Derek thả bó lao xuống bãi cỏ khiến chúng kêu loảng xoảng và nói với mấy cậu bé: "Mang chúng tới cuối sân tập đi, nào, nhanh nhẹn lên." Anh ta bước tới chỗ Ursula và hôn nhẹ lên má cô rồi nói: "Chào em yêu." Cô không kìm được, cười phá lên. Đây là câu nói tử tế nhất mà anh ta dành cho cô suốt mấy tuần lễ nay, nhưng không phải vì cô mà vì có hai bà vợ giáo viên đang đứng gần đó.

"Có gì buồn cười sao?" Anh ta hỏi, nhìn chằm chằm vào mặt cô lâu hơn mức cần thiết. Cô có thể nhận ra anh ta đang sôi sùng sục.

Cô lắc đầu thay cho câu trả lời. Cô lo rằng mình có thể sẽ gào toáng lên, cô cảm thấy ngọn núi lửa trong cô cũng đang réo ùng ục, sẵn sàng phun trào. Cô cho rằng cô đang bị kích động. *Đầu óc không bình thường.*

"Anh phải giám sát môn nhảy cao của đám học sinh cuối cấp." Derek nói, cau mày với cô. "Anh sẽ quay lại với em ngay thôi." Anh ta rời đi, vẫn còn cau mày, và cô lại bật cười.

"Vợ thầy Oliphant? Cô là vợ của thầy Oliphant, phải không?" Hai bà vợ giáo viên kia nhào tới chỗ cô, như những con sư tử cái cảm nhận được một con mồi bị thương.



Lúc về nhà cô cũng đi một mình vì Derek nói anh ta phải giám sát lớp học buổi tối và sẽ ăn luôn ở trường. Cô làm cho mình một bữa trà chiều và gồm cá trích rán và món khoai tây nguội lạnh rồi đột nhiên thèm được uống một chai rượu vang đỏ ngon lành. Thực ra là thèm uống hết chai này đến chai khác cho tới khi cô say đến mức chẳng còn biết trời đất gì nữa. Cô gạt xương cá trích vào thùng rác. *Kết thúc cuộc đời vào lúc nửa đêm không chút đau đớn.* Bất cứ chuyện gì cũng tốt hơn là cuộc sống lố bịch này.

Derek là một trò cười đối với bọn trẻ và đồng nghiệp. *Thầy Voi.* Cô có thể tưởng tượng đám học sinh ương bướng này chọc cho anh ta tức điên lên như thế nào. Còn cuốn sách của anh ta, cuốn sách của anh ta thì sao?

Ursula chưa bao giờ bận tâm lắm đến nội dung "nghiên cứu" của Derek. Cô chưa bao giờ có hứng thú với vương triều Plantagenet hay vương triều Tudor. Cô được dặn dò nghiêm ngặt là không được làm xáo trộn bất cứ trang giấy hay cuốn sách nào của anh ta khi dọn dẹp lau chùi trong phòng ăn (cô vẫn coi nó là phòng ăn). Nhưng dù sao đi nữa, cô cũng chẳng quan tâm đến công trình của anh ta, cô

hầu như không thèm liếc nhìn lấy một lần xem bộ sách đồ sộ ấy đã được tiến hành đến đâu.

Đạo gần đây anh ta làm việc rất miệt mài, trên mặt bàn phủ kín những tờ giấy. Chỉ toàn là những câu chữ và những ý tứ rời rạc - *niềm tin khá thú vị dẫu có hơi nguyên thủy - planta genista, tên gọi của cây đậu chổi, gọi cho chúng ta cái tên Angevin - họ sinh ra từ dòng giống của quý nên rốt cuộc sẽ trở về với thế giới của quý.* Chẳng có dấu hiệu nào của một bản thảo thực sự, chỉ toàn là những chỉnh sửa và tái chỉnh sửa, một đoạn văn được viết đi viết lại nhiều lần, mỗi lần lại có những thay đổi nhỏ xíu, và những trang nháp nhiều không đếm xuể được viết trong những cuốn vở bài tập có dòng kẻ với huy hiệu và khẩu hiệu (*A posse ad esse* - "từ khả năng đến hiện thực") của trường Blackwood ở ngoài bìa. Thảo nào anh ta không muốn cô đánh máy bản thảo giúp. Cô nhận ra mình đã cưới một gã Casaubon*.

Cả cuộc đời của Derek chỉ là một sự hư cấu. Ngay từ những lời nói đầu tiên của anh ta với cô ("Ôi trời, tội cô quá! Để tôi giúp cô") đã không thành thật. Lúc ấy anh ta muốn gì ở cô? Một người yếu ớt hơn anh ta? Hay một người vợ, một người mẹ của con anh ta, một người chăm nom ngôi nhà của anh ta, tất cả những thứ của cuộc sống thường nhật nhưng không có sự hỗn loạn ẩn tàng bên dưới? Cô đã kết hôn với anh ta để được bảo vệ an toàn khỏi sự hỗn loạn ấy. Và bây giờ cô mới hiểu được rằng anh ta kết hôn với cô cũng vì lý do tương tự. Họ là hai người duy nhất trên đời này không thể bảo vệ ai khỏi bất cứ thứ gì.

Ursula lục lọi trong những ngăn kéo của cái tủ búp phê và tìm thấy một xấp thư, lá trên cùng là bức thư của Nhà xuất bản William Collins, họ "rất tiếc" phải từ chối ý tưởng về cuốn sách của anh ta vì đã "có quá nhiều những cuốn sách giáo khoa về lịch sử". Ngoài ra còn có những lá thư tương tự từ những nhà xuất bản giáo dục khác và, tệ hơn nữa, có cả những hóa đơn chưa thanh toán và những lá thư thông báo hạn thanh toán lần chót đầy tính đe dọa. Có một lá

thư đặc biệt đánh thép yêu cầu hoàn trả ngay khoản tiền mà có vẻ Derek đã vay để mua nhà. Đó là loại thư hết sức gay gắt mà cô đã từng phải đánh máy hồi còn học ở trường đào tạo thư ký, *Thưa ngài, tôi đã được thông báo rằng...*

Cô nghe thấy tiếng cửa trước mở ra và trái tim cô nảy lên. Derek hiện ra ở cửa phòng ăn, giống như một kẻ xâm nhập bí ẩn trên sân khấu. "Cô đang làm gì vậy?"

Cô giờ lá thư từ Nhà xuất bản William Collins lên và nói: "Anh là đồ nói dối, hết lần này tới lần khác. Tại sao anh lại cưới tôi? Tại sao anh lại khiến cả hai chúng ta trở nên quá đổi bất hạnh như thế?" Về mặt anh ta. Về mặt ấy. Cô đang xúi giục anh ta giết mình, nhưng chẳng phải như thế dễ dàng hơn là tự cô ra tay sao? Cô không quan tâm nữa, trong cô chẳng có chút ý chí chiến đấu nào.

Ursula đã lường trước cú đâm đầu tiên nhưng nó vẫn khiến cô bất ngờ, anh ta đâm thẳng vào giữa mặt cô như thể muốn hủy hoại nó.



Cô ngủ, hoặc có lẽ là bất tỉnh, trên sàn phòng bếp và thức dậy vào một thời điểm nào đó trước sáu giờ. Cô nôn nao, choáng váng và cảm thấy từng tác trên cơ thể mình đều đau đớn và nhức mỏi, cả cơ thể cô như được làm từ chì. Cô khát nước nhưng không dám mở vòi nước vì sợ làm Derek tỉnh giấc. Cô bám vào một cái ghế rồi đến cái bàn để gượng đứng dậy. Cô tìm đôi giày của mình và rón rén đi ra hành lang để lấy áo khoác và một cái khăn trên móc treo. Cái ví của Derek nằm trong túi áo khoác của anh ta và cô rút trong đó một tờ mười si linh, thừa sức mua vé tàu và sau đó là đi tắc xi. Chỉ nghĩ đến hành trình gian nan ấy thôi là cô đã cảm thấy kiệt sức rồi - cô thậm chí còn không chắc mình có thể đi bộ đến ga Harrow & Wealdstone hay không.

Cô mặc áo khoác vào và kéo khăn che lên tận mặt, tránh nhìn vào cái gương ở tiền sảnh. Đó sẽ là một hình ảnh rất ghê rợn. Cô để cánh cửa trước mở hé hé vì sợ tiếng đóng cửa sẽ đánh thức anh ta dậy. Cô nghĩ về nhân vật Nora* trong vở kịch của Ibsen đóng sầm cánh cửa lại sau lưng. Nora sẽ không có những hành động kịch tính như vậy nếu cô ấy đang cố gắng trốn thoát khỏi Derek Oliphant.

Đó là chuyến đi bộ dài nhất đời cô. Tim cô đập nhanh đến mức cô nghĩ nó có thể kiệt sức. Suốt đường đi cô cứ nơm nớp lo sợ sẽ nghe thấy tiếng bước chân anh ta chạy theo và tiếng anh ta hét gọi tên cô. Ở quầy bán vé, cô phều phào nói "Euston" qua cái miệng đầy máu và hàm răng bị gãy. Nhân viên bán vé liếc nhìn cô rồi lập tức đánh mắt đi khi anh ta thấy tình trạng của cô. Ursula cho rằng anh ta chưa có kinh nghiệm giao dịch với những hành khách nữ trông như vừa mới ẩu đả bằng tay không.

Cô phải đợi chuyển tàu đầu tiên trong ngày suốt mười phút dài đằng đẳng trong phòng chờ của nhà vệ sinh nữ, nhưng ít nhất cô có thể uống một cốc nước và lau bớt chút máu khô trên mặt.

Trên tàu, cô ngồi cúi đầu, một tay đưa lên che mặt. Những người đàn ông mặc com lê và đội mũ quả dưa cố tình phớt lờ cô. Trong lúc đợi tàu chuyển bánh, cô đánh liều liếc nhìn dọc theo sân ga và vô cùng nhẹ nhõm khi vẫn không thấy bóng dáng của Derek. Nếu may mắn, anh ta vẫn chưa nhớ ra cô và đang hít đất trên sàn phòng ngủ, cho rằng cô đang ở dưới bếp để chuẩn bị bữa sáng cho anh ta. Thứ Sáu, ngày nấu món cá trích muối hun khói. Con cá trích vẫn đang được quán trong một tờ báo và nằm trong chạn thức ăn. Anh ta sẽ nổi cơn thịnh nộ.

Khi cô xuống tàu ở Euston, hai chân cô gần như khuyu xuống. Mọi người đều tránh xa cô và cô lo rằng tài xế tắc xi sẽ từ chối chở mình, nhưng khi cô đưa tiền ra, anh ta đồng ý liền. Họ lặng lẽ đi qua các đường phố của London, chúng đã được tắm trong màn mưa suốt đêm qua, và bây giờ những viên đá của các tòa nhà đang lấp

lánh trong những tia sáng đầu tiên của ban ngày, buổi bình minh u ám ướt át đang biến đổi sang sắc hồng và sắc xanh rạng rỡ. Cô đã quên mất mình từng thích London nhiều thế nào. Trái tim cô phần chần hờn. Cô đã quyết định sống tiếp và bây giờ cô khao khát được sống biết bao.

Tài xế tắc xi giúp cô xuống xe khi đã chở cô đến nơi. "Cô chắc chắn là ở đây chứ, thưa cô?" Anh ta nhìn tòa nhà gạch đỏ bề thế ở đường Melbury với ánh mắt nghi ngại và nói. Cô lặng lẽ gật đầu.



Đây là đích đến không thể tránh khỏi.

Cô nhấn chuông và cửa trước mở ra. Izzie đưa tay lên che miệng trong nỗi kinh hãi khi nhìn thấy mặt cô. "Ồi Chúa ơi. Chuyện gì xảy ra với cháu vậy?"

"Chồng cháu đã cố giết cháu."

"Cháu nên vào nhà đi." Izzie nói.



Những vết bầm rồi cũng tan, nhưng rất chậm. "Giống như những vết sẹo từ chiến tranh." Izzie nói.

Nha sĩ của Izzie đã sửa lại răng cho Ursula và tay phải của cô phải đeo băng đeo trong một thời gian. Mũi cô đã lại bị gãy còn xương gò má và hàm bị nứt. Cô đã bị sứt mẻ, không còn nguyên vẹn. Tuy vậy, cô cảm thấy mình như được thanh tẩy. Quá khứ không còn đè nặng lên hiện tại nữa. Cô gửi lời nhắn tới Góc Cáo rằng cô đã đi nghỉ hè, "một chuyến du lịch đến vùng cao cùng với Derek". Cô khá chắc chắn Derek sẽ không liên lạc với Góc Cáo. Anh ta sẽ liếm láp những vết thương của mình ở đâu đó. Có thể là Barnet. Anh ta không biết Izzie sống ở đâu, ơn Chúa.

Izzie tỏ ra thông cảm đến mức khiến Ursula cảm thấy kinh ngạc. "Cháu cứ ở bao lâu tùy ý." Bà nói. "Lâu nay cô cứ phải vò vố một mình, giờ cháu đến đây có thể giúp bầu không khí thay đổi. Và có Chúa chứng giám, cô thừa sức nuôi cháu. Cứ thông thả." Bà nói thêm. "Không việc gì phải vội. Cháu mới hai mươi ba tuổi, vì Chúa." Ursula không biết điều gì đáng ngạc nhiên hơn - lòng hiếu khách thật tình của Izzie hay việc bà biết cô bao nhiêu tuổi. Có lẽ Izzie cũng bị sự kiện Belgravia làm cho thay đổi.

Một buổi tối, Ursula đang ở nhà một mình thì Teddy xuất hiện ở ngoài cửa. "Tìm chị khó quá!" Cậu nói, ôm cô một cái thật chặt. Tim Ursula nảy lên vui sướng. Teddy luôn có vẻ chân thật hơn những người khác. Cậu có làn da nâu và vóc dáng khỏe khoắn sau cả mùa hè dài làm việc trong trang trại của Lâu đài Ettringham. Gần đây cậu đã tuyên bố rằng mình muốn làm nông dân.

"Mẹ sẽ lấy lại số tiền đã chi cho việc học hành của con." Sylvie nói - nhưng mỉm cười, bởi vì Teddy là con cưng của bà.

"Anh tin rằng đó là tiền của anh chứ." Hugh nói. (Hugh cưng ai nhất nhỉ? "Chị nghĩ là em đây." Pamela nói.)

"Mặt chị bị làm sao vậy?" Teddy hỏi cô.

"Một tai nạn nhỏ, lúc trước nó còn khủng khiếp hơn kia." Cô cười.

"Chị không ở vùng cao." Teddy nói.

"Có vẻ là vậy, đúng không?"

"Vậy là chị đã bỏ anh ta?"

"Ừ."

"Tốt rồi." Teddy, giống như Hugh, không thích những lời kể lể dài dòng. "Bà cô phù phiếm của chúng ta đâu rồi?" Cậu hỏi.

"Đi ăn chơi phù phiếm rồi. Tới câu lạc bộ Embassy, chị nghĩ vậy." Họ uống chút sâm banh của Izzie để chúc mừng cho sự tự do của

Ursula.

"Em nghĩ chị sẽ bị mẹ ghét bỏ đấy." Teddy nói.

"Đừng lo, chị tin rằng chị đã bị mẹ ghét bỏ rồi."



Họ cùng nhau làm món trứng tráng và sa lát cà chua rồi đặt đĩa lên đầu gối mà ăn trong khi nghe nhạc của Ambrose và dàn nhạc của ông trên radio. Sau khi ăn xong, Teddy châm một điếu thuốc.

"Dạo này em lớn quá rồi." Ursula cười.

"Em có cơ bắp rồi đấy." Cậu nói rồi khoe bắp tay của mình như một lực sĩ ở rạp xiếc.

Teddy đang học ngành Ngôn ngữ Anh ở trường Oxford. Cậu nói rằng thật là nhẹ nhõm khi có thời gian để ngừng suy nghĩ và "làm việc với đất đai". Cậu nói cậu cũng đang làm thơ. Về đất đai, không phải về "cảm xúc". Trái tim của Teddy đã rạn nứt sau cái chết của Nancy và cậu nói một khi thứ gì đó đã rạn vỡ, nó không bao giờ lành lặn hoàn toàn được nữa.

"Tư tưởng rất giống với Henry James, đúng không chị?" Cậu rầu rĩ nói. (Ursula thầm nghĩ về bản thân mình.)

Teddy luôn mang trong mình những vết thương, một vết sẹo ở trái tim nơi Nancy Shawcross bé nhỏ đã bị tước đi.

"Giống như là..." Cậu nói với Ursula. "... Chị bước vào một căn phòng và cuộc đời chị kết thúc nhưng chị vẫn phải sống tiếp."

"Chị nghĩ chị hiểu được điều đó. Chị thực sự hiểu." Ursula nói.



Ursula gục đầu lên vai Teddy mà ngủ. Cô vẫn vô cùng mệt mỏi. ("Giấc ngủ là liều thuốc chữa trị tuyệt vời." Izzie nói khi mang khay đồ ăn sáng đến cho cô vào mỗi sáng.)

Cuối cùng, Teddy thở dài và vươn vai, nói: "Chắc là em phải trở về Góc Cáo rồi. Em có nên kể là đã gặp chị không? Hay cứ coi như chị vẫn đang ở Brigadoon?" Cậu mang mấy cái đĩa của họ vào bếp. "Em sẽ rửa đĩa trong lúc chị suy nghĩ câu trả lời."

Khi chuông cửa kêu, Ursula cho rằng đó là Izzie. Vì bây giờ có Ursula ở cùng nên bà thường quên mang chìa khóa cửa. "Cháu lúc nào mà chả ở đây, cháu yêu." Bà đã nói khi Ursula phải bỏ ra khỏi giường vào lúc ba giờ sáng để mở cửa cho bà vào nhà.

Nhưng người bấm chuông không phải Izzie, mà là Derek. Cô ngạc nhiên đến nỗi không thốt nên lời. Cô đã dứt khoát rời bỏ anh ta nên đã coi như anh ta không còn tồn tại. Anh ta không thuộc về Holland Park mà thuộc về một chỗ nào đó tối tăm trong trí tưởng tượng.

Anh ta bẻ quặt tay cô ra sau và đẩy cô đi vào trong phòng khách. Anh ta liếc nhìn cái bàn uống cà phê bằng gỗ nặng nề được chạm khắc theo phong cách phương Đông. Nhìn thấy những ly sâm banh trống rỗng vẫn đang ở trên bàn và cái gạt tàn mã não to tướng đựng đầu mẫu thuốc lá của Teddy, anh ta rít lên: "Ai đang ở đây với cô vậy?" Anh ta bừng bừng phẫn nộ. "Cô đang thông dâm với kẻ nào vậy?"

"Thông dâm ư?" Ursula nói, ngạc nhiên trước lời lẽ ấy. Anh ta quá lạm ngôn từ trong *Kinh thánh*. Teddy trở lại phòng khách, chiếc khăn lau bát đĩa vắt hờ hững trên vai.

"Có chuyện gì vậy?" Cậu nói rồi quát lên. "Buông chị ấy ra."

"Là nó phải không?" Derek hỏi Ursula. "Đây là cái thằng dan díu cùng cô khắp London phải không?"

Không đợi câu trả lời, anh ta đã đập đầu cô vào bàn uống cà phê khiến cô ngã khụy xuống đất. Đầu cô đau điếng và cơn đau càng lúc càng tăng lên, như thể cô đang bị một cái kim kẹp chặt và nó càng lúc càng siết mạnh. Derek giơ cao cái gạt tàn bằng mã não

nặng nề trên bàn như thể nó là một cốc rượu lễ, chẳng buồn bận tâm đến những đầu mẩu và tàn thuốc lá rơi xuống tấm thảm như mưa rào. Ursula biết rằng bộ não cô không hoạt động bình thường, bởi vì đáng lẽ cô nên co rúm lại trong nỗi sợ hãi nhưng lúc bấy giờ đầu cô chỉ nghĩ chuyện này khá giống với sự kiện quả trứng chần lần trước và cuộc đời cô mới xuẩn ngốc làm sao. Teddy hét lên gì đó với Derek và Derek ném cái gạt tàn vào cậu thay vì đập vỡ sợ Ursula. Ursula không biết cái gạt tàn có trúng vào Teddy không bởi vì Derek đã tóm lấy tóc cô, nhấc đầu cô lên và lại đập nó vào bàn uống cà phê. Một tia chớp lóe qua trước mắt cô nhưng cơn đau bắt đầu tan biến dần.

Cô ngã phịch xuống thảm, không thể cử động. Máu ngập tràn trong mắt khiến cô hầu như không thể nhìn thấy gì. Trong lần thứ hai bị đập đầu vào bàn, cô cảm thấy có thứ gì đó trong cô đã kiệt quệ, có lẽ là bản năng sống. Từ tiếng huỳnh huých và làu bàu chửi rủa xung quanh mình, cô biết rằng Derek và Teddy đang đánh nhau. Ít nhất thì Teddy vẫn đang đứng chứ không phải nằm bất tỉnh, nhưng cô không muốn cậu đánh nhau, cô muốn cậu bỏ chạy để tránh bị tổn hại. Cô không sợ chết, cô thực sự không sợ, chỉ cần Teddy được an toàn. Cô cố gắng nói gì đó nhưng thứ thoát ra chỉ là những âm thanh vô nghĩa. Cô lạnh và mệt biết bao. Cô nhớ mình từng có cảm giác này lúc nằm trong bệnh viện sau vụ Belgravia. Lúc ấy Hugh đã có mặt ở đó, ông đã cầm chặt tay cô và giữ cô lại với cuộc đời này.

Ambrose vẫn đang chỉ huy dàn nhạc trên radio, Sam Browne đang hát bài *The sun has got his hat on*. Đó là một khúc ca tươi vui, không thích hợp để nghe lúc từ giã cõi đời. Không phải là thứ ta mong đợi.

Con dơi màu đen đang tới với cô. Cô không muốn đi. Bóng tối len lỏi vây quanh cô. *Cái chết thanh thản*. Lạnh quá! Cô nghĩ tối nay sẽ có tuyết dù chưa đến mùa đông. Tuyết đang rơi rồi, những bông tuyết lạnh giá tan ra trên da cô như bột xà phòng. Ursula giơ tay về

phía Teddy để cậu nắm lấy tay cô, nhưng lần này chẳng thứ gì có thể ngăn cô rơi vào màn đêm thăm thẳm.

11 THÁNG 2 NĂM 1926

"Ồi! Sao em lại làm thế?" Howie hét lên, xoa xoa cái má vừa bị Ursula đâm một cú như trời giáng.

"Em chỉ là một cô gái nhỏ mà đâm người ta như võ sĩ quyền anh vậy." Howie nói với giọng gần như là ngưỡng mộ. Anh ta lại nhào tới định ôm choàng lấy cô nhưng cô né tránh tài tình như một con mèo. Trong lúc đó, cô bỗng nhìn thấy quả bóng của Teddy ẩn sâu trong một bụi cây tuần tử. Cô bèn đá một cú chuẩn xác vào ống đồng của Howie và tranh thủ lúc anh ta đang ôm chân, cô nhanh chóng cứu quả bóng thoát khỏi nanh vuốt của bụi cây trơ lì ấy.

"Anh chỉ muốn hôn em một cái thôi mà." Howie đau đớn nói. "Anh đâu có cưỡng hiếp hay làm gì em." Từ ngữ thô tục ấy treo lơ lửng trong bầu không khí lạnh lẽo. Đáng lẽ Ursula phải đỏ mặt - nên đỏ mặt - trước lời nói đó, nhưng cô cảm thấy dường như mình quen thuộc với nó. Cô cảm nhận được rằng đó là việc mà những chàng trai như Howie làm với những cô gái như Ursula. Tất cả các cô gái, đặc biệt là những cô gái đang tổ chức sinh nhật lần thứ mười sáu, phải thật cẩn trọng khi đi bộ qua khu rừng hoang vắng, tối tăm.

Hoặc, trong trường hợp này, là những bụi cây um tùm ở phía cuối khu vườn của Góc Cáo. Thấy Howie bị bẽ mặt, Ursula có cảm giác như mình đã nhận được một phần thưởng.

"Howie!" Họ nghe thấy tiếng Maurice gọi. "Bọn tao đi trước đây nhé!"

"Anh nên đi đi." Ursula nói. Đây quả là một niềm vinh quang nhỏ dành cho sự trưởng thành của cô.



"Chị tìm thấy quả bóng của em này." Cô nói với Teddy.

"Tuyệt quá!" Teddy nói. "Cảm ơn chị. Chúng ta ăn thêm bánh sinh nhật đi!"

THÁNG 8 NĂM 1926

Ise tenait devant un miroir long, appliqué au mur entre les deux fenêtres, et contemplait son image de très beau et très jeune homme, ni grand ni petit, le cheveu bleuté comme un plumage de merle.*

Cô hầu như không giương nổi mắt để đọc. Thời tiết ẩm áp và từng ngày nối tiếp nhau trôi qua mà chẳng có gì để làm ngoài việc đọc sách và đi dạo - chủ yếu là vì chút hy vọng hão huyền sẽ tình cờ gặp Benjamin Cole hay đúng hơn là bất cứ ai trong số các chàng trai nhà Cole, họ đều đã trở thành những chàng thanh niên đẹp trai ghê gớm. "Chúng có thể bị nhầm là người Ý." Sylvie nói. Nhưng tại sao họ lại muốn được coi là người khác mà không phải là chính họ chứ?

"Con biết đấy..." Sylvie nói khi phát hiện ra Ursula đang nằm dưới những cây táo, cuốn *Chéri* bị bỏ mặc trên thảm cỏ ẩm áp. "... Những ngày dài nhàn nhã như thế này sẽ không bao giờ quay trở lại trong cuộc đời con nữa đâu. Con nghĩ rồi chúng sẽ quay lại, nhưng chuyện đó sẽ không xảy ra."

"Trừ khi con trở nên cực kì giàu có." Ursula nói. "Khi đó con có thể nhàn rỗi cả ngày."

"Có lẽ thế." Sylvie nói, miễn cưỡng gạt đi tâm trạng bi quan mới nảy sinh của mình. "Nhưng đến một ngày, mùa hè vẫn sẽ kết thúc." Bà ngồi xuống bãi cỏ bên cạnh Ursula. Làn da bà lốm đốm vết cháy nắng vì thường xuyên làm việc ở ngoài vườn. Sylvie luôn thức dậy từ lúc mặt trời mọc. Ursula thì chỉ muốn ngủ cả ngày. Sylvie vợ vẫn giờ qua cuốn sách của Colette và nói: "Con nên làm nhiều việc hơn với vốn tiếng Pháp của mình."

"Con có thể sống ở Paris."

"Có lẽ việc đó thì không." Sylvie nói.

"Mẹ nghĩ con có nên nộp đơn vào trường đại học sau khi tốt nghiệp không?"

"Ồ, thực sự thì, con yêu, điều đó có ý nghĩa gì chứ? Trường đại học đâu có dạy con cách làm vợ và làm mẹ."

"Nếu con không muốn làm vợ và làm mẹ thì sao?"

Sylvie cười. "Con lại đang nói vớ vẩn để chọc tức mẹ chứ gì." Bà vuốt má Ursula. "Con luôn là một đứa trẻ thú vị. Trên thảm cỏ trước hiên nhà có trà đấy." Bà nói, miễn cưỡng nhồm dậm. "Cả bánh ngọt nữa. Và, thật không may, có cả Izzie."



"Cháu yêu quý!" Izzie nói khi nhìn thấy Ursula đang đi về phía mình. "Cháu đã lớn hơn nhiều so với lần cuối cô gặp cháu. Đã ra dáng phụ nữ lắm rồi, lại còn rất xinh đẹp nữa!"

"Cũng không hẳn." Sylvie nói. "Bọn tôi đang bàn chuyện tương lai của con bé."

"Thế ạ?" Ursula nói. "Con lại tưởng mẹ con mình đang bàn về tiếng Pháp của con. Cháu cần học thêm." Cô nói với Izzie.

"Cháu nghiêm túc quá." Izzie nói. "Ở tuổi mười sáu, cháu nên si mê một chàng trai không xứng hợp với cháu." Cháu có mà, Ursula nghĩ, cháu đang yêu Benjamin Cole. Cô nghĩ rằng anh ta không xứng hợp với mình. ("Một người Do Thái ư?" Cô hình dung ra Sylvie sẽ nói như vậy. Hoặc một người Công giáo, hoặc một thợ mỏ (hoặc bất cứ ai là người nước ngoài), một người bán hàng, một viên thư ký, một người giữ ngựa, một người lái xe điện, một thầy giáo. Những người đàn ông không xứng hợp với cô nhiều không đếm xuể.)

"Cô có thể không?" Ursula hỏi Izzie.

"Thế cái gì cơ?" Izzie hỏi.

"Yêu ai đó hồi cô mười sáu tuổi?"

"Ồ, yêu say đắm."

"Còn mẹ?" Ursula hỏi Sylvie.

"Chúa ơi, không." Sylvie nói.

"Nhưng hẳn là chị đã yêu ở tuổi mười bảy." Izzie nói với Sylvie.

"Vậy sao?"

"Khi chị gặp Hugh, đương nhiên rồi."

"Đương nhiên."

Izzie ghé sang Ursula và hạ giọng thì thầm như một kẻ đang có mưu đồ gì. "Hồi bằng tuổi cháu, cô đã bỏ nhà đi theo tiếng gọi của tình yêu."

"Vớ vẩn." Sylvie nói với Ursula. "Cô ấy không làm thế thật đâu. A, Bridget mang khay trà ra rồi." Sylvie quay sang Izzie, nói: "Cô đến chơi vì lý do đặc biệt nào không, hay chỉ đến để quấy rầy chúng tôi?"

"Em lái xe ngang qua đây nên nghĩ rằng sẽ ghé vào chơi. Em có chuyện muốn hỏi chị."

"Ôi trời!" Sylvie chán chường nói.

"Em đang băn khoăn suy nghĩ." Izzie nói.

"Ôi trời!"

"Chị đừng nói thế nữa được không, Sylvie!"

Ursula rót trà và cắt bánh. Cô cảm nhận được một cuộc chiến đang diễn ra. Izzie tạm thời không nói được gì vì còn mãi nhai bánh. Đây không phải là loại bánh bông lan mà bà Glover thường làm.

"Như em đã nói..." Cô nuốt bánh với chút khó khăn. "... Em đang băn khoăn suy nghĩ - và đừng nói gì cả, Sylvie à. Cuốn *Những cuộc*

phiêu lưu của Augustus vẫn đang thành công vang dội, cứ sáu tháng em lại viết một cuốn sách. Thật là khó tin. Em có nhà riêng ở Holland Park, và em có tiền, nhưng dĩ nhiên, em không có chồng. Cũng chẳng có con."

"Thật ư?" Sylvie nói. "Cô chắc chứ?"

Izzie lờ đi câu hỏi mĩa mai của bà. "Em chẳng có ai để chia sẻ vận may cùng mình. Vì vậy, em đang băn khoăn suy nghĩ, tại sao em không nhận nuôi Jimmy nhỉ?"

"Cái gì cơ?"



"Cô ấy quả là một người lạ lùng!" Sylvie rít lên với Hugh. Izzie vẫn đang ở ngoài thăm cỏ, đọc cho Jimmy nghe một bản thảo chưa hoàn thiện mà cô mang theo trong cái túi xách to quá khổ. *Augustus đến bờ biển*.

"Tại sao cô ấy không muốn nhận nuôi con?" Teddy hỏi. "Suy cho cùng, con mới được coi là Augustus mà."

"Con muốn cô Izzie nuôi con sao?" Hugh hỏi.

"Chúa ơi, không ạ." Teddy nói.

"Cô ấy sẽ không được nuôi đứa nào cả." Sylvie giận dữ nói. "Đi nói với cô ấy đi, Hugh."



Ursula đang đi tìm một quả táo ở trong bếp thì thấy bà Glover đang dần những miếng thịt bê bằng một cây búa dần thịt.

"Bà tưởng tượng chúng là đầu của đám lính Đức." Bà nói.

"Thật thế ạ?"

"Những kẻ đã phun khí độc lấp kín hai lá phổi tội nghiệp của George."

"Bữa tối có món gì vậy ạ? Cháu đói ngấu rồi." Ursula đã trở nên khá chai lì về chuyện hai lá phổi của George Glover. Cô đã nghe kể về chúng quá nhiều đến nỗi chúng như có một cuộc đời riêng, giống như hai lá phổi của mẹ Sylvie vậy, những cơ quan nội tạng ấy có vẻ còn có cá tính hơn cả chủ nhân của chúng.

"Thịt bê cốt lết kiểu Nga." Bà Glover vừa nói vừa lật miếng thịt lại và dần tiếp. "Người Nga cũng tệ như vậy, cháu hãy nhớ lấy."

Ursula tự hỏi bà Glover đã thực sự gặp người nước ngoài nào chưa.

"Chà, ở Manchester có rất nhiều người Do Thái." Bà Glover nói.

"Bà có gặp người nào trong số họ không?"

"Gặp ư? Sao bà lại gặp họ được chứ?"

"Nhưng mà người Do Thái không phải là người nước ngoài đâu bà nhỉ? Nhà Cole bên cạnh cũng là người Do Thái đấy."

"Đừng ngó ngán thế!" Bà Glover nói. "Họ cũng là người Anh như bà và cháu thôi." Bà Glover khá yêu mến các chàng trai nhà Cole vì họ có phép xử sự tuyệt vời. Ursula tự hỏi liệu chuyện này có đáng để tranh cãi không. Cô lấy một quả táo nữa và bà Glover quay lại với việc dần thịt.

Ursula ngồi ăn táo trên chiếc ghế băng ở một góc khuất trong vườn, đó là một trong những nơi ẩn mình ưa thích của Sylvie. Từ "thịt bê cốt lết kiểu Nga" im lìm dập dềnh trong đầu cô. Thế rồi cô đột nhiên đứng bật dậy, trái tim đập thành thịch trong lồng ngực, nỗi sợ hãi quen thuộc mà cô đã quên lãng từ lâu bất chợt nổi lên - nhưng vì lẽ gì? Nó quá đối lập với khu vườn yên bình, hơi ấm của buổi chiều tà phủ trên mặt cô, con mèo Hattie đang lười biếng liếm láp cơ thể trên con đường ngập nắng.

Chẳng có điểm gở khủng khiếp nào báo hiệu có chuyện gì đó không ổn, nhưng Ursula ném phất cái lõi táo vào những bụi cây và chạy ra khỏi khu vườn. Cô lao nhanh qua cánh cổng và chạy vèo ra đường như bị ma đuổi. Con mèo Hattie đang liếm láp thân mình liền dừng mọi động tác và khinh khỉnh nhìn cánh cổng đang đu đưa đu đưa.

Có lẽ đó là một thảm họa tàu hỏa, có lẽ cô sẽ phải xé chiếc váy lót dài của mình như những cô bé trong truyện *Lũ trẻ đường ray* để ra hiệu cho người lái tàu, nhưng không, khi cô tới nhà ga, chuyến tàu đi London vào lúc năm giờ ba mươi đang lặng lẽ đi dọc theo sân ga dưới sự điều khiển an toàn của Fred Smith và người lái tàu.

"Cô Todd?" Anh ta nói và nghiêng vành chiếc mũ của nhân viên đường sắt. "Cô ổn cả chứ? Trông cô có vẻ lo lắng."

"Tôi ổn, anh Fred, cảm ơn anh đã hỏi thăm." Cô chỉ đột nhiên có tâm trạng sợ hãi tột độ thôi, không có gì đáng lo lắng cả. Fred Smith có vẻ chưa từng phải trải qua giây phút sợ hãi tột độ nào.



Cô đi ngược trở lại con đường, vẫn bị bao trùm trong nỗi sợ hãi không tên. Đi được nửa đường, cô gặp Nancy Shawcross và nói: "Này, em đang làm gì vậy?" Nancy đáp: "Ồ, em chỉ đang đi kiếm mấy thứ cho cuốn sách về thế giới tự nhiên của em thôi. Em đã kiếm được mấy cái lá sồi và ít quả đậu non nhỏ xíu."

Nỗi sợ hãi bắt đầu vơi đi và Ursula nói: "Đi thôi nào, chị sẽ về nhà cùng em."

Khi họ tới cánh đồng bò sữa, một người đàn ông trèo qua cánh cổng có năm thanh chắn và nặng nề nhảy xuống giữa bụi cây nga sâm. Y nghiêng mũ với Ursula và lẩm bầm "Chào buổi tối, quý cô!" trước khi tiếp tục đi về phía nhà ga. Y bị tật ở chân nên bước đi khá

khôi hài, giống như Charlie Chaplin vậy. Có lẽ lại là một cựu chiến binh của chiến tranh, Ursula nghĩ.

"Ai thế chị?" Nancy hỏi.

"Chị không biết." Ursula nói. "Ồ, nhìn kìa, ở trên đường có một con bọ cánh cứng bị chết. Nó có ích gì cho em không?"

MỘT NGÀY MAI TƯƠI ĐẸP



2 THÁNG 9 NĂM 1939

"Maurice nói cuộc chiến sẽ kết thúc trong vài tháng." Pamela đặt cái đĩa của mình lên vòm bụng gọn gàng nơi chứa đựng đứa con tiếp theo của cô. Cô đang mong một bé gái.

"Chị định cứ để mãi cho đến khi nào ra được một đứa con gái đấy à?" Ursula nói.

"Cho đến ngày phán quyết cuối cùng." Pamela vui vẻ đồng ý. "Bọn chị đã được mời đến nhà anh chị ấy, và chị ngạc nhiên quá đấy! Bữa trưa Chủ nhật ở Surrey, đầy đủ lễ bộ. Bọn trẻ nhà anh chị ấy khá kỳ lạ, Philip và Hazel..."

"Em nghĩ em mới gặp chúng có hai lần."

"Có lẽ em đã gặp chúng nhiều lần hơn thế, chỉ là em không để ý thôi. Maurice nói anh ấy mời bọn chị đến để "mấy anh em họ bọn chúng có thể thân thiết nhau hơn", nhưng mấy thằng con nhà chị không thích chúng chút nào. Philip và Hazel không biết cách chơi. Còn mẹ chúng là người chịu đọa đầy với món thịt bò nướng và bánh táo. Edwina cũng là người chịu đọa đầy với Maurice. Việc chịu đọa đầy như kẻ tử vì đạo sẽ phù hợp với chị ấy, đương nhiên rồi, chị ấy giống một người Cơ Đốc giáo quá khích mặc dù là người của Giáo hội Anh."

"Nếu em là chị ấy, em sẽ chẳng muốn kết hôn với Maurice đâu, em không biết làm thế nào mà chị ấy chịu đựng được chuyện đó."

"Chị nghĩ là chị ấy biết ơn Maurice. Anh ấy đã cho chị ấy ngôi nhà ở Surrey. Một sân tennis, bàn bẻ ở Nội các, nhiều thịt bò nướng. Họ rất hay mở tiệc chiêu đãi - toàn là những nhân vật tai to mặt lớn. Có

vài người phụ nữ sẽ sẵn sàng chịu đựng tất cả vì điều đó. Thậm chí là chịu đựng Maurice."

"Em cho rằng anh ấy là một thử thách lớn đối với lòng khoan dung Cơ Đốc giáo của chị ấy."

"Nhìn chung, họ là một thử thách lớn đối với đức tin của Harold. Harold đã cãi nhau với Maurice về vấn đề phúc lợi xã hội, và tranh luận với Edwina về thuyết thiên định."

"Chị ấy tin vào điều đó ư? Em tưởng chị ấy là tín đồ Anh giáo?"

"Chị biết. Nhưng chị ấy không có tư duy logic. Chị ấy cực kì ngốc nghếch, có lẽ đó là lý do Maurice lấy chị ấy. Theo em thì tại sao Maurice lại nói cuộc chiến này sẽ chỉ kéo dài vài tháng thôi? Hay đó chỉ là lời khoác lác của anh ấy? Chúng ta tin vào mọi điều anh ấy nói chứ? Chúng ta tin vào *bất cứ điều gì* anh ấy nói chứ?"

"Chà, nói chung là không." Ursula nói. "Nhưng anh ấy là một nhân vật tai to mặt lớn của Bộ Nội vụ, vì vậy có lẽ anh ấy *phải* biết nhiều chuyện. Giờ anh ấy còn kiêm cả Bộ Nội an, bộ mới được thành lập kể từ tuần này."

"Em cũng thuộc bộ đó chứ?" Pamela hỏi.

"Vâng, em cũng thuộc bộ đó. Ban Công tác Phòng không ARP giờ đã lên bộ rồi, bọn em đều vẫn đang làm quen với ý nghĩ mình là "người trưởng thành"."

Khi Ursula tốt nghiệp trung học ở tuổi mười tám, cô đã không tới Paris, cũng không nộp đơn vào trường Oxford hay Cambridge theo sự khuyến khích của một vài giáo viên để lấy bằng về một ngôn ngữ nào đó, dù ngôn ngữ đó còn tồn tại hay đã mai một. Thực ra, cô đã không hề đi xa hơn High Wycombe nơi có một trường đào tạo thư ký nhỏ. Cô háo hức được *dấn bước vào đời* và sống một cuộc sống độc lập chứ không muốn bị giam mình trong một học viện khác. "*Cỗ xe có cánh của thời gian đang gấp gấp tiến đến gần**." Cô nói với cha mẹ.

"Chà, tất cả chúng ta đều phải *dấn bước vào đời...*" Sylvie nói. "... Bằng cách này hay cách khác. Và cuối cùng chúng ta đều tới một nơi giống nhau. Làm thế nào để tới được đó không quan trọng."

Đối với Ursula thì điều đó rất quan trọng, nhưng tranh cãi với Sylvie vào những ngày bà đang chìm trong sự u ám thế này cũng chẳng ích gì.

"Con có thể kiếm được một công việc thú vị." Ursula nói, gạt đi những lời phản đối của cha mẹ. "Chẳng hạn như làm việc trong một tòa soạn báo hay có lẽ là một nhà xuất bản." Cô hình dung ra một bầu không khí tự do thoải mái, cánh đàn ông thì mặc áo jacket vải tuyết và đeo cà vạt, còn phụ nữ thì hút thuốc với vẻ sành điệu khi ngồi bên chiếc máy đánh chữ hiệu Royals.

"Dù sao đi nữa, như thế cũng tốt cho cháu." Izzie nói với Ursula khi họ đang dùng bữa trà chiều khá hảo hạng ở khách sạn Dorchester. Lần này bà mời cả Ursula và Pamela ("Hẳn là cô ấy muốn gì đó." Pamela nói).

"Ai muốn làm một nữ học giả lộm khộm tẻ nhạt cơ chứ?" Izzie nói.

"Cháu ạ." Pamela nói.

Thì ra, Izzie quả thực có một động cơ ngầm. Những cuốn sách về Augustus quá thành công nên nhà xuất bản đã đề nghị bà sáng tác ra "thứ gì đó tương tự" cho các cô gái. "Nhưng không phải là những cuốn sách viết về một cô gái *ngịch ngợm*" Bà nói. "Như thế sẽ không hiệu quả. Họ muốn một mẫu con gái năng động, kiểu như đội trưởng đội hockey ấy. Hay bông đùa và đôi khi cũng rơi vào những tình huống oái ăm, nhưng luôn tuân thủ nội quy và chẳng bao giờ gây ra những tội lỗi nghiêm trọng." Bà quay sang Pamela và ngọt ngào nói. "Vì vậy cô đã nghĩ về cháu, cháu yêu."



Trường dạy nghề được điều hành bởi một người đàn ông tên là Carver, một môn đệ lớn của hệ thống chữ tốc ký Pitman và cả chữ Esperanto. Ông ta luôn bắt các "cô gái" của mình đeo băng bịt mắt khi họ luyện kỹ năng đánh máy không cần nhìn bàn phím. Ursula nghi ngờ ông ta còn có âm mưu gì đó ngoài việc giám sát kỹ năng của họ nên đã cầm đầu một cuộc nổi dậy chống lại ông Carver.

"Cậu đúng là một kẻ nổi loạn." Monica - một người trong số "các cô gái" của ông Carver - đã nói với vẻ ngưỡng mộ.

"Chà, không hẳn thế đâu." Ursula nói. "Mình chỉ tỉnh táo thôi, cậu biết đấy."

Đúng vậy. Cô đã trở thành một người khôn ngoan, tỉnh táo.



Ở trường dạy nghề của ông Carver, Ursula đã chứng tỏ cô có kỹ năng đánh máy và viết tốc ký đáng kinh ngạc, mặc dù những người đã phỏng vấn cô khi cô xin việc ở Bộ Nội vụ - những người mà cô sẽ không bao giờ gặp lại nữa - tin chắc rằng sự thông thạo của cô trong lĩnh vực văn hóa cổ điển sẽ giúp ích cho cô trong tương lai khi cô mở và đóng các ngăn kéo của tủ hồ sơ và thực hiện các cuộc tìm kiếm bất tận giữa cả một biển bìa kẹp tài liệu màu da bò. Đó không hẳn là "công việc thú vị" mà cô từng mơ tưởng, nhưng nó giữ được sự hứng thú của cô. Và hơn mười năm qua, cô cứ tuần tự thẳng tiến mặc dù vẫn bị kiềm chế như những người phụ nữ khác. ("Một ngày nào đó, sẽ có một người phụ nữ lên làm Thủ tướng." Pamela nói. "Thậm chí trong thời của chúng ta.") Bây giờ Ursula đã có các nhân viên cấp dưới tìm kiếm hồ sơ tài liệu cho cô. Cô cho rằng đó là sự tiến triển. Từ năm 1936, cô bắt đầu làm việc ở Ban Công tác Phòng không.

"Vậy em không nghe được tin đồn gì sao?" Pamela hỏi.

"Em chỉ là một người đàn bà hèn mọn, em chẳng nghe được gì ngoài những tin đồn."

"Maurice không thể nói về những việc anh ấy làm." Pamela cầu nhàu. "Không thể nói về những gì diễn ra bên trong "những bức tường thiêng liêng". Anh ấy đã nói thế đấy - những bức tường thiêng liêng. Hẳn là anh ấy đã ký Cam kết Bảo mật bằng máu và đem linh hồn mình ra làm tin."

"Ồ, tất cả bọn em đều phải làm thế mà." Ursula nói, nhăm nháp miếng bánh. "Đó là *điều bắt buộc*, chị không biết sao? Riêng em, em ngờ rằng Maurice chỉ đi loanh quanh *đếm này đếm nọ* mà thôi."

"Và anh ấy rất hài lòng. Anh ấy sẽ yêu cuộc chiến này bởi được nắm trong tay rất nhiều quyền lực mà lại chẳng nguy hiểm đến tính mạng."

"Có *rất nhiều* thứ để đếm." Họ đều bật cười. Ursula chợt nhận ra rằng mặc dù đang ở bên bờ vực của một cuộc chiến đáng sợ nhưng họ vẫn có tâm trạng đùa giỡn vui vẻ. Họ đang ở trong khu vườn của nhà Pamela tại Finchley, tận hưởng buổi chiều thứ Bảy với trà bánh thơm ngon bày trên một cái bàn tre thanh mảnh. Họ đang ăn loại bánh ngọt rắc hạnh nhân và vụn sô cô la được làm theo một công thức cũ của bà Glover, bà ấy đã viết công thức trên một tờ giấy đầy dầu vân tay nhòe mờ. Có vài chỗ trên tờ giấy còn trong suốt như một ô kính cửa sổ dơ dáy.

"Hãy tận hưởng nốt đi." Pamela nói. "Chị đoán sau này sẽ chẳng có bánh mà ăn đâu." Cô ném một miếng cho Heidi, con chó lai không xinh xắn lắm được cứu về từ Battersea. "Em có biết rằng người ta đang vứt bỏ thú cưng của mình không? Phải đến hàng nghìn con đấy."

"Thật khủng khiếp!"

"Như thế chúng không phải là một thành viên của gia đình họ vậy." Pamela nói, xoa đầu Heidi. "Nó còn dễ thương hơn mấy thằng

nhóc nhà chị. Lại ngoan ngoãn hơn nữa."

"Công việc sơ tán người dân của chị thế nào?"

"Lộn xộn." Mặc dù đang mang thai nhưng Pamela đã dành hầu như cả buổi sáng để tổ chức các cuộc sơ tán ở nhà ga Ealing Broadway trong khi Olive, mẹ chồng cô, trông nom các con trai của cô.

"Chị còn có ích trong công tác chuẩn bị trước chiến tranh hơn cả một người như Maurice đấy." Ursula nói. "Nếu em có quyền quyết định, em sẽ đưa chị lên làm Thủ tướng. Chị sẽ làm tốt hơn cả Chamberlain* ấy chứ."

"Chà, đúng vậy." Pamela đặt tách trà xuống và cầm món đồ cô đang đan dở lên - một thứ gì đó màu hồng và có hoa văn kiểu đăng ten. "Nếu đứa bé sắp chào đời là con trai, chị sẽ giả vờ như nó là một đứa con gái."

"Thế chị không định đi sơ tán sao?" Ursula hỏi. "Chị không định để bọn trẻ ở London đấy chứ? Chị có thể về Góc Cáo, em không nghĩ quân Đức sẽ ném bom một thung lũng êm đềm như vậy."

"Về ở với mẹ ư? Chúa ơi, không. Chị có một người bạn từ hồi đại học tên là Jeanette, con gái của một mục sư, nhưng mà thông tin này cũng không cần thiết lắm nhỉ. Bà của cô ấy có một ngôi nhà tranh ở làng Hutton-le-Hole, Yorkshire, nó chỉ là một chấm nhỏ xíu trên bản đồ, đại loại vậy. Cô ấy sẽ mang hai cậu con trai lên đó và rủ chị mang ba thằng nhóc nhà chị đi cùng." Pamela đã sinh liền tù tì ba cậu nhóc là Nigel, Andrew và Christopher. Cô rất thích thiên chức làm mẹ. "Heidi cũng sẽ thích nơi đó lắm. Nghe nói nó cực kì hoang sơ, không có hệ thống điện hay hệ thống ống nước. Quả là một điều tuyệt vời đối với bọn trẻ, chúng có thể chạy nhảy khắp nơi như người nguyên thủy. Ở Finchley này muốn làm người nguyên thủy cũng khó."

"Em cho rằng vẫn có vài người làm được." Ursula nói.



"Người đàn ông đó thế nào rồi?" Pamela hỏi. "Người đàn ông ở Bộ Hải quân ấy."

"Chị có thể gọi thẳng tên của anh ấy." Ursula nói, phủi vụn bánh trên váy. "Những bông hoa mồm chó này đâu có tai chứ."

"Vào thời buổi này ta chẳng chắc chắn được điều gì đâu. Anh ta có nói gì không?"

Ursula đã đan dúi với Crichton - "người đàn ông ở Bộ Hải quân" - được một năm nay (cô tính thời gian hẹn hò với anh từ hồi ở Munich). Họ gặp nhau ở một cuộc họp liên bộ. Anh hơn Ursula mười lăm tuổi, khá bảnh bao và phảng phất vẻ quyến rũ của một con sói, điều này hầu như không hề bị lu mờ bởi cái thực tế rằng anh đã kết hôn với một người vợ tàn tảo (Moira) và có ba đứa con gái, tất cả bọn chúng đều đang học ở một trường tư. "Bất luận thế nào anh cũng không thể bỏ họ được." Anh đã nói với cô sau lần đầu tiên họ làm tình trong "chỗ trú ẩn khẩn cấp" khá đơn sơ của anh.

"Nhưng em đâu có muốn anh bỏ họ." Ursula nói, mặc dù cô nghĩ nếu anh tuyên bố ý định của mình trước thì có lẽ sẽ tốt hơn.

"Chỗ trú ẩn" này (cô nghi ngờ rằng cô không phải là người phụ nữ đầu tiên được Crichton mời vào đây) là một căn hộ mà Bộ Hải quân cấp cho Crichton, để anh có chỗ ở lại qua đêm trong thành phố vào những đêm anh không muốn "nhọc nhằn cuộc bộ" suốt chặng đường dài để về nhà với Moira và ba đứa con gái ở Wargrave. "Chỗ trú ẩn" này không chỉ dành riêng cho một mình anh. Thành ra mỗi khi có người khác trú ngụ ở đó, anh lại "lặn lội" tới căn hộ của Ursula ở đường Argyll, cùng cô trải qua những đêm dài trên chiếc giường đơn nhà cô (anh đã quen với những không gian tù túng giống như các thủy thủ khác), hoặc trên chiếc trường kỷ của cô, đeo đuổi "những thú vui xác thịt", theo lời anh nói, trước khi anh "lê bước" trở về Berkshire. Bất cứ chặng đường nào trên đất liền,

cho dù chỉ là vài bến tàu điện ngầm, đều có vẻ là một cuộc viễn chinh đối với Crichton. Ursula cho rằng anh là một sĩ quan hải quân từ trong xương tủy. Anh sẽ vui vẻ biết bao nếu được lái một chiếc thuyền tới những quận hạt bao quanh London thay vì cuốc bộ trên mặt đất. Họ từng có lần đi thuyền tới đảo Khỉ và dã ngoại bên bờ sông. "Giống như một cặp tình nhân bình thường." Anh nói với vẻ áy náy.

"Nếu đó không phải là tình yêu thì là cái gì?" Pamela hỏi.

"Em thích anh ấy."

"Chị cũng thích người giao thực phẩm cho chị này." Pamela nói. "Nhưng chị đâu có ngủ cùng anh ta."

"Chà, em có thể quả quyết với chị rằng anh ấy có ý nghĩa với em hơn nhiều so với một người giao hàng." Họ gần như đang tranh cãi. "Và anh ấy không phải là một chàng thanh niên non nớt." Cô tiếp tục bào chữa. "Anh ấy là một người đàn ông đích thực, chín muồi, hoàn thiện. Chị hiểu không?"

"Một người đàn ông hoàn thiện đã có gia đình." Pamela nói với giọng khá gay gắt. Cô nhún mày hỏi: "Nhưng trái tim em có đập nhanh hơn khi nhìn thấy anh ta không?"

"Có lẽ cũng nhanh hơn một chút." Ursula đành phải thừa nhận để dập tắt cuộc tranh cãi. Cô ngờ rằng mình sẽ chẳng bao giờ giải thích được cho Pamela hiểu về hành vi ngoại tình. "Ai mà ngờ được trong số tất cả các thành viên trong gia đình mình, chị lại là người lăng mạn cơ chứ!"

"Ồ, không, chị nghĩ người lăng mạn phải là Teddy." Pamela nói. "Chị chỉ muốn tin rằng có những yếu tố cơ bản gắn kết xã hội của chúng ta - đặc biệt là trong thời điểm này - và hôn nhân là một phần trong số đó."

"Nghe chẳng lăng mạn gì cả."

"Chị thực sự ngưỡng mộ em." Pamela nói. "Vì em được là chính mình. Không tuân theo số đông. Có điều chị không muốn em bị tổn thương."

"Tin em đi, em cũng không muốn mình bị tổn thương đâu. Làm hòa nhé?"

"Hòa thì hòa." Pamela dễ dàng đồng ý. Cô cười nói: "Cuộc sống của chị sẽ tẻ nhạt biết bao nếu không được nghe những chuyện thầm kín của em. Chị thấy phấn khích lây với chuyện yêu đương của em - hoặc em muốn gọi nó là gì tùy ý."

Chuyến dã ngoại của Ursula và Crighton tới đảo Khi chẳng có gì thầm kín, họ ngồi trên cái khăn kẻ ô một cách đoan chính, ăn thịt gà nguội và uống rượu vang đỏ ấm áp. "*Hippocrene đỡ ửng*." Ursula nói và Crighton bật cười. "Nghe văn vẻ quá! Anh không có chất thơ nào trong người. Em nên biết điều đó."

"Em biết mà."

Điểm đặc biệt của Crighton là dường như vẫn còn rất nhiều điều ở anh chưa từng được tiết lộ. Cô từng nghe thấy ai đó trong văn phòng gọi anh là "Nhân sư". Anh thực sự mang một vẻ trầm lặng khiến người ta nghĩ rằng trong anh có những góc ngách chưa từng được khám phá và những bí mật được giấu kín - một sự tổn thương từ thuở ấu thơ hay một nỗi ám ảnh lớn nào đó. Anh thật bí ẩn, cô nghĩ trong khi đang bóc vỏ một quả trứng luộc kĩ và chấm nó vào chỗ muối đựng trong một mảnh giấy nhỏ. Ai đã chuẩn bị bữa ăn dã ngoại này - chắc không phải là Crighton đâu nhỉ? Không phải là Moira đấy chứ, Chúa ơi!

Anh bắt đầu thấy áy náy về mối quan hệ lén lút của họ. Anh nói cô đã mang lại chút sôi nổi cho cuộc sống đã trở nên khá tẻ nhạt của anh. Anh từng tham gia trận Jutland* với Jellicoe, anh đã từng "nhìn thấy nhiều thứ", vậy mà bây giờ anh "chỉ hơn một viên chức một chút". Anh nói anh cảm thấy bồn chồn không yên.

"Anh sắp sửa bày tỏ tình yêu với em." Ursula nói. "Hoặc sắp nói với em rằng chuyện của chúng ta đã kết thúc." Bữa ăn của họ có cả hoa quả - những quả đào được gói trong giấy lụa.

"Đó là một cân cân thăng bằng." Anh nói, mỉm cười rầu rĩ. "Anh đang chao đảo." Ursula cười. Từ đó không hợp với anh.

Anh bắt đầu kể về Moira, một chuyện liên quan đến cuộc sống của cô ấy ở trong làng và mong muốn của cô ấy được làm việc trong các ủy ban. Ursula bắt đầu mơ mơ màng màng, cô cảm thấy hứng thú hơn với việc "khám phá" món bánh tạc Bakewell rõ ràng đã được lấy từ một căn bếp ở đâu đó sâu bên trong Bộ Hải quân. ("Bọn anh được chăm sóc rất chu đáo." Anh nói. Giống như Maurice vậy, cô nghĩ. Đó là đặc quyền của những người có quyền lực, nó không dành cho những kẻ phải bơi bãi giữa một biển bìa kẹp hồ sơ màu da bò.)

Nếu những đồng nghiệp nữ lớn tuổi của Ursula đánh hơi được việc ngoại tình này, họ sẽ phải thi nhau hít muối ngửi*, đặc biệt là nếu họ biết được người đàn ông trong Bộ Hải quân mà cô đang dạn dít cùng là ai (Crichton có cấp bậc khá cao). Ursula vốn giỏi - rất giỏi - giữ bí mật.

"Sự kín tiếng của cô đã vang đến tai tôi trước cả khi tôi có vinh hạnh được gặp cô, thưa cô Todd." Crichton nói khi được giới thiệu với cô.

"Chúa ơi!" Ursula nói. "Điều đó khiến tôi có vẻ thật tẻ nhạt."

"Gọi sự tò mò thì đúng hơn. Tôi ngờ rằng cô sẽ trở thành một điệp viên giỏi."



"Maurice thế nào? Khi anh ấy là chính mình?" Ursula hỏi.

"Maurice rất ổn khi là "chính mình", anh ấy vẫn là anh ấy thôi, chẳng bao giờ thay đổi."

"Anh ấy chẳng bao giờ mời em đến ăn bữa trưa Chủ nhật ở Surrey."

"Hãy cho là mình may mắn đi."

"Thực ra em chẳng mấy khi gặp anh ấy. Chị sẽ không nghĩ là bọn em làm việc trong cùng một bộ đầu. Anh ấy thông dong bước đi trên những hành lang quyền lực ở trên cao..."

"Những bức tường thiêng liêng."

"Những bức tường thiêng liêng. Còn em thì chạy đôn chạy đáo trong một boong ke*."

"Thật sao? Trong một boong ke?"

"Chà, nó ở trên mặt đất. Ở South Ken, chị biết đấy - trước mặt Viện Bảo tàng Địa chất. Maurice chẳng bao giờ tới đó, anh ấy thích văn phòng của mình ở Whitehall hơn là Phòng Chiến tranh của bọn em."

Lúc Ursula nộp đơn xin việc ở Bộ Nội vụ, cô đã khấp khởi đoán rằng Maurice sẽ nói tốt cho cô, nhưng thay vào đó, anh ta lại huyền thuyên về thói gia đình trị và nói anh ta phải tránh làm cho người ta nghi ngờ rằng mình thiên vị. "Như vợ của Caesar* ấy." Anh ta nói.

"Chị cho rằng Maurice là Caesar thì đúng hơn là vợ của Caesar nhỉ?" Pamela nói.

"Ồ, đừng có nhét ý nghĩ đó vào đầu em." Ursula cười. "Maurice mà là phụ nữ ư, thử tưởng tượng xem!"

"A, nhưng phụ nữ La Mã thì được đấy. Càng hợp với anh ấy hơn. Mẹ của Coriolanus* tên là gì nhỉ?"

"Volumnia."

"Ồ, chị nhớ ra chị phải nói gì với em rồi - Maurice đã mời một người bạn tới ăn trưa." Pamela nói. "Người bạn học cùng anh ấy ở trường Oxford, cái anh chàng người Mỹ đô con ấy. Em còn nhớ không?"

"Em nhớ chứ!" Ursula vắt óc để nghĩ ra tên của người đó. "Ồi, chết tiệt, anh ta tên là gì ấy nhỉ... Một cái tên đặc Mỹ. Anh ta đã cố hôn em vào ngày sinh nhật thứ mười sáu của em."

"Đúng là đồ con lợn!" Pamela cười. "Thế mà em chẳng kể gì cả."

"Đó không phải là nụ hôn đầu mà chị mong muốn. Giống như một cú chuối bóng trong môn bóng bầu dục hơn. Anh ta hơi thô lỗ." Ursula cười. "Em nghĩ em đã làm tổn thương lòng tự trọng của anh ta - hoặc có lẽ còn làm tổn thương nhiều thứ khác nữa."

"Howie." Pamela nói. "Có điều bây giờ anh ta là Howard - tên đầy đủ là Howard S. Landsdowne III."

"Howie." Ursula trầm ngâm. "Em đã quên bég. Giờ anh ta làm gì?"

"Việc gì đó liên quan đến ngoại giao. Anh ta thậm chí còn kín tiếng hơn cả Maurice nữa. Ở đại sứ quán, Kennedy là một vị thần đối với anh ta. Chị nghĩ Howie khá ngưỡng mộ lão Adolf."

"Có lẽ cả Maurice cũng vậy, nếu anh ấy không phải là người nước ngoài đối với lão ta. Em từng nhìn thấy anh ấy một lần ở một cuộc họp Áo Đen*."

"Maurice ư? Không đời nào! Có lẽ lúc đó anh ấy chỉ đang do thám thôi, chị cho rằng anh ấy là một điệp viên nhử mồi. Mà lúc ấy em làm gì ở đó vậy?"

"Ồ, chị biết đấy, do thám, giống như Maurice. Không, thực ra chỉ là tình cò thôi."

"Chỉ với một ấm trà mà đã thu được quá nhiều lời tiết lộ gây sửng sốt. Còn điều gì nữa không nhỉ? Chị có nên pha thêm một ấm nữa

không?"

Ursula cười. "Không, em nghĩ là đủ rồi."

Pamela thở dài. "Thật quái quỷ, đúng không?"

"Gì cơ, chị đang nói về Harold ư?"

"Người đàn ông tội nghiệp, chị cho rằng anh ấy sẽ phải ở lại đây. Họ không thể kêu gọi các bác sĩ ở bệnh viện nhập ngũ, đúng không? Họ sẽ can các bác sĩ trong trường hợp chúng ta bị ném bom và phun khí độc. Chúng ta sẽ bị ném bom và phun khí độc, em biết điều đó, đúng không?"

"Vâng, đương nhiên rồi." Ursula nói với vẻ điềm nhiên như thể họ đang nói chuyện về thời tiết.

"Quả là một ý nghĩ khủng khiếp." Pamela lại thở dài, bỏ kim đan xuống và vươn vai. "Hôm nay trời đẹp quá. Khó mà tin được rằng có lẽ đây sẽ là ngày bình thường cuối cùng của chúng ta trong một thời gian dài nữa."

Ursula đã định bắt đầu chuyến đi nghỉ thường niên vào thứ Hai. Cô đã lên kế hoạch cho một tuần nghỉ ngơi thư giãn - ở Eastbourne và Hastings hoặc có lẽ xa hơn nữa như Bath hoặc Winchester - nhưng vì chiến tranh sắp nổ ra nên cô chẳng thể nghĩ đến việc đi đâu được nữa. Cô đột nhiên cảm thấy bất hảo khi nghĩ về những gì đang đợi cô ở phía trước. Sáng nay cô đã dành cả buổi ở đại lộ Kensington để mua đồ tích trữ - pin cho đèn pin, một túi sủi mới, nến, diêm, hàng xấp giấy đen*, đậu hằm đóng hộp, khoai tây, cà phê đựng trong hộp thiếc hút chân không. Cô cũng đã mua quần áo, một cái áo choàng dài tới gối bằng len loại tốt với giá tám bảng, một cái áo jacket bằng nhung màu xanh lá cây với giá sáu bảng, bút tất dài và một đôi giày đi núi bằng da màu nâu vàng nhạt xinh đẹp trông có vẻ bền chắc. Cô cảm thấy hài lòng với bản thân vì đã cưỡng lại được sức hấp dẫn của một chiếc váy dự tiệc trà bằng lụa kép màu vàng có hoa văn hình những chú chim nhạn nhỏ xíu màu đen.

"Chiếc áo khoác mùa đông của em mới mua được hai năm." Cô nói với Pamela. "Chắc là nó vẫn còn lành lặn khi chiến tranh kết thúc nhỉ?"

"Chúa ơi, chị hy vọng như vậy."

"Chuyện này thật khủng khiếp."

"Chị biết." Pamela nói, cắt thêm bánh. "Thật là tồi tệ. Chị rất *phấn nộ*. Tham chiến đúng là điều điên rồ. Sao em không ăn thêm bánh đi? Em nên tranh thủ lúc bọn trẻ vẫn đang ở nhà mẹ chồng chị. Chúng sẽ lao vào nhà và ào tới chỗ này như châu chấu vậy. Chẳng biết bọn chị sẽ phải xoay xở thế nào với chế độ phân phối nữa."

"Chị sẽ về nông thôn ở còn gì - chị có thể trồng trọt. Nuôi gà. Nuôi lợn. Chị sẽ ổn cả thôi." Ursula cảm thấy buồn nao lòng trước ý nghĩ Pamela sắp rời đi.

"Em nên đi cùng chị."

"Em e rằng em phải ở lại."

"Ôi Chúa ơi, Harold đây rồi." Pamela nói khi Harold xuất hiện, anh mang theo một bó hoa thược dược lớn gói trong lớp giấy báo ẩm. Cô hơi nhồm dậy để chào anh và anh hôn lên má cô, nói: "Không phải đứng dậy đâu." Anh cũng hôn má Ursula và trao bó hoa thược dược cho Pamela.

"Có một cô gái bán chúng ở góc phố, khu Whitechapel." Anh nói. "Rất giống trong vở kịch *Pygmalion**. Cô ấy nói hoa này do ông cô ấy trồng."

Crichton từng một lần tặng hoa hồng cho Ursula nhưng chúng nhanh chóng héo rũ. Cô khá ghen tỵ với Pamela vì những bông hoa tươi rói của chị gái.

"Vậy là..." Harold nói khi anh tự rót cho mình một tách trà chỉ còn ấm ấm. "... Bọn anh đã di tản những bệnh nhân còn đủ sức để di tản. Chính phủ nhất định sẽ tuyên bố tình trạng chiến tranh vào ngày

mai. Buổi sáng. Có lẽ thời điểm ấy đã được tính toán để cả nước có thể cùng quỳ gối cầu nguyện trong nhà thờ mong cầu được cứu vớt.

"Ồ, vâng, cứ như chiến tranh liên quan đến Chúa ấy nhỉ?" Pamela mĩa mai nói. "Đặc biệt là với người Anh. Chị có vài người bạn ở Đức..." Cô nói với Ursula. "... Họ là những người tốt."

"Em biết."

"Bây giờ họ đã thành kẻ thù của chúng ta rồi sao?"

"Đừng buồn, Pammy." Harold nói. "Sao yên tĩnh thế nhỉ? Em đã làm gì bọn trẻ vậy?"

"Bán đi rồi." Pamela nói, hếch mặt lên. "Bán hai tặng một."

"Em nên ở lại qua đêm, Ursula." Harold thân thiện nói. "Ngày mai em không nên ở một mình. Nó sẽ là một ngày tồi tệ. Lệnh của bác sĩ đấy."

"Cảm ơn anh." Ursula nói. "Nhưng em có kế hoạch rồi."

"Tốt đấy." Pamela nói, lại nhắc kim đan lên. "Chúng ta không nên xử sự như thể thế giới sắp diệt vong."

"Ngay cả khi sự thực đúng là thế sao?" Ursula nói. Cô ước gì mình đã mua chiếc váy lụa kép màu vàng.

THÁNG 11 NĂM 1940

Cô đang nằm ngửa trong một vũng nước nông, nhưng tình trạng này mới đầu không làm cô lo lắng nhiều lắm. Điều tồi tệ nhất là một thứ mùi khủng khiếp. Nó là sự kết hợp của nhiều loại mùi khác nhau, trong đó không có mùi nào là dễ chịu cả. Ursula đang cố gắng phân tích xem chúng được tạo thành từ những loại mùi nào. Thứ nhất là mùi khí gas khó ngửi (loại dùng trong gia đình), thứ hai là mùi cống rãnh hôi thối đáng ghê tởm khiến cô bất giác nôn ọe. Tiếp đến là mùi vôi vữa cũ ẩm ướt quyến lẫn với mùi bụi gạch, tất cả hòa trộn với những dấu vết về sự cư ngụ của con người - giấy dán tường, quần áo, sách, thức ăn - và mùi chua lèm kị lạ của chất nổ. Nói tóm lại, mùi của một ngôi nhà chết chóc.

Có cảm giác bản thân đang nằm dưới đáy của một cái giếng sâu. Qua màn bụi mờ mịt giống như sương mù, cô có thể lơ mờ nhìn thấy một mảng bầu trời đen ngòm và một vầng trắng nhỏ xíu trông như đầu móng tay bị cắt. Cô nhớ là trước đó cũng đã thấy vầng trắng ấy khi nhìn ra ngoài cửa sổ. Cứ như đã lâu lắm rồi.

Cái cửa sổ ấy, hay ít nhất là khung cửa, vẫn còn ở phía trên cao kia nhưng không ở đúng chỗ của nó. Nó nhất định là cái cửa sổ của cô, cô nhận ra những tấm rèm treo trên đó, giờ chúng đã trở thành những miếng giẻ ám đen bay phấp phới trong làn gió nhẹ. Chúng - đã từng - là tấm rèm thêu kim tuyến dệt hoa dày dặn mà Sylvie đã chọn giúp cô từ cửa hàng John Lewis. Căn hộ ở đường Argyll vốn trang bị sẵn đầy đủ đồ đạc khi cô thuê nó, nhưng Sylvie tuyên bố rằng những tấm rèm và thảm "chỉ là loại tồi" và giục Ursula mua đồ mới khi cô chuyển đến đó ở.

Lúc bấy giờ Millie cũng rủ cô dọn tới sống cùng ở Phillimore Gardens. Millie vẫn đang đóng dạng vai thiếu nữ ngây thơ. Cô ấy

nói cô ấy mong đợi được chuyển hẳn từ vai nàng Juliet sang vai bà vú nuôi. "Sẽ thú vị lắm đấy!" Millie nói. "Khi được ở chung với nhau." Tuy nhiên, Ursula không dám chắc khái niệm về sự thú vị của Millie trùng khớp với mình. Cô thường cảm thấy mình khá nghiêm túc và trầm lặng so với sự sôi nổi và rạng rỡ của Millie. Hai người họ cứ như một con chim chích bờ gậu làm bạn với một con chim bói cá vậy. Và đôi khi Millie hơi sôi nổi rạng rỡ quá.

Chuyện này xảy ra ngay sau khi Ursula từ Munich về. Lúc bấy giờ cô đã bắt đầu dan díu với Crichton, do đó sẽ tiện hơn nếu cô sống một mình. Khi nghĩ lại, cô nhận ra rằng cô đã đáp ứng những nhu cầu của Crichton nhiều hơn những gì anh đáp ứng cô, như thể Moira và mấy cô con gái của họ quan trọng hơn sự tồn tại của cô vậy.

Hãy nghĩ về Millie, cô tự nhủ, nghĩ về những tấm rèm, nghĩ về Crichton nếu buộc phải làm thế. Hãy nghĩ về bất cứ thứ gì ngoại trừ tình trạng của cô hiện tại. Đặc biệt là mùi gas. Dường như việc cố gắng tránh nghĩ đến mùi gas là vấn đề đặc biệt quan trọng.

Sau khi mua rèm thảm, Sylvie và Ursula đã dùng bữa trà chiều ở nhà hàng thuộc thương xá John Lewis, phục vụ họ là một nữ bồi bàn rất chuyên nghiệp. "Mẹ luôn vui mừng..." Sylvie thì thầm. "... Vì mẹ không phải là những người khác."

"Mẹ rất giỏi là chính mình." Ursula nói, ý thức được rằng nó không giống như một lời khen.

"Chà, mẹ đã có nhiều năm thực hành mà."

Đó là bữa trà chiều rất tuyệt mà người ta không còn cơ hội thưởng thức lần nào nữa ở các thương xá. Sau đó John Lewis đã bị phá hủy, tòa nhà ấy không hơn gì một cái sọ đen sì không có răng. ("Khủng khiếp quá!" Sylvie viết, chưa bao giờ bà xúc động đến thế, ngay cả trong những cuộc không kích đáng sợ ở khu Đông.) Những cuộc không kích diễn ra hết ngày này đến ngày khác, người ta cứ ca

ngợi về "tinh thần bất khuất trong Cuộc oanh kích Blitz", nhưng thực sự thì họ làm gì có sự lựa chọn nào khác chứ?

Hôm đó Sylvie có tâm trạng tốt. Vậy là họ đã xích lại gần nhau hơn với chủ đề rèm cửa và sự ngốc nghếch của những người nghĩ rằng mảnh giấy nhỏ ngớ ngẩn của Chamberlain có ý nghĩa gì đó.



Xung quanh tĩnh lặng đến nỗi Ursula băn khoăn tự hỏi liệu rằng màng nhĩ của cô có bị thủng không. Sao cô lại nằm ở đây? Cô nhớ mình đang nhìn ra ngoài cửa sổ căn hộ ở đường Argyll - ô cửa sổ giờ đã ở quá xa - và ngắm nhìn vàng trắng lưới liềm. Trước đó thì cô ngồi trên sofa khâu vá một chút - lộn lại cổ của một chiếc áo cánh - trong khi nghe một kênh sóng ngắn của Đức. Cô đang học tiếng Đức ở một lớp học buổi tối (*để hiểu được kẻ địch*) nhưng nhận thấy khó mà nghe ra bất cứ điều gì ngoài một vài danh từ liên quan đến bạo lực thi thoảng xuất hiện trên sóng phát thanh (như từ *Luftangriffe**, *Verluste**). Thất vọng về sự kém cỏi của mình, cô đã tắt radio và cho đĩa của Ma Rainey lên máy hát. Trước khi sang Mỹ, Izzie đã tặng lại bộ sưu tập đĩa hát của bà cho Ursula, đó là một kho lưu trữ đầy ấn tượng về những nữ nghệ sĩ hát nhạc Blue người Mỹ. "Cô không nghe loại nhạc đó nữa." Izzie nói. "Nó đã thuộc về *passé** rồi. Tương lai đi liền với thứ gì đó *soigné** hơn một chút." Ngôi nhà của Izzie ở Holland Park giờ đã khóa cửa, mọi thứ bị bao phủ trong những tấm màn bụi. Bà đã kết hôn với một nhà soạn kịch nổi tiếng và họ đã đào tẩu tới California vào mùa hè. ("Đúng là hai kẻ hèn nhát." Sylvie nói.

"Ồ, anh không nghĩ vậy." Hugh nói. "Anh chắc chắn nếu anh có thể sang Hollywood để tránh khỏi cuộc chiến tranh này, anh sẽ đi ngay.")

"Tôi thấy chị thường nghe loại nhạc thật thú vị." Người phụ nữ ở cùng tòa nhà tên là Appleyard nói với Ursula trong một lần họ chạm

mặt nhau khi đi cầu thang. Bức tường giữa hai căn hộ mỏng như giấy và Ursula nói "Tôi xin lỗi. Tôi không cố ý làm phiền chị", mặc dù cô hoàn toàn có thể nói thêm rằng cô nghe rõ tiếng con chị ta khóc ngằn ngặt cả ngày lẫn đêm và điều đó rất phiền phức. Đứa bé bốn tháng trông khá lớn so với tuổi, bụ bẫm và hồng hào, như thể nó đã hút toàn bộ sinh lực của mẹ nó.

Chị hàng xóm Appleyard xua tay nói: "Đừng bận tâm, tôi không thấy phiền gì đâu." Đứa bé nặng trĩu đang ngủ trên tay chị ta, đầu nó tựa vào vai mẹ. Chị ta là một người Đông Âu tội nghiệp, một dạng người tị nạn, Ursula đoán vậy, mặc dù tiếng Anh của chị ta rất chuẩn xác. Chồng chị ta đã biến mất vài tháng trước, có lẽ là đi lính, nhưng Ursula không hỏi han gì, vì rõ ràng (cô có thể nghe thấy) cuộc hôn nhân của họ không hạnh phúc. Chị ta đang mang thai lúc chồng chị ta bỏ đi, và theo những gì Ursula có thể nhận thấy (hoặc nghe thấy), anh ta chưa bao giờ trở về để thăm đứa con sơ sinh suốt ngày khóc ra rả của mình.

Appleyard hẳn đã từng xinh đẹp, nhưng từng ngày trôi qua, chị ta trở nên héo hon, gầy mòn, rầu rĩ hơn cho đến khi dường như chỉ có đứa bé và những nhu cầu của nó mới giữ được chị ta lại với cuộc sống thường nhật.

Trong căn phòng tắm mà họ dùng chung trên tầng hai luôn có một cái xô tráng men. Bên trong là những cái tã bốc mùi khó ngửi của đứa bé. Chúng nằm ướt sũng ở đó trước khi được lược trong một cái nồi trên cái bếp đôi của chị Appleyard. Bên cạnh cái nồi lược tã thường có một nồi lược bắp cải, có lẽ vì việc đun nấu song song này mà kết quả là trên người chị ta luôn thoang thoảng mùi rau chín và mùi đồ vải ẩm ướt. Ursula nhận ra thứ mùi này, đó là mùi của sự nghèo khổ.

Hai chị em bà Nesbit sống ở tầng trên cùng rất lấy làm khó chịu về chị Appleyard và đứa bé như thói thường của mấy bà gái già. Hai chị em bà Nesbit - Lavinia và Ruth - là hai người phụ nữ gầy gò

không chồng sống ở tầng gác mái ("Bên dưới mái hiên gie ra, giống như những con chim nhận vậy." Họ líu lo nói). Họ có thể là chị em sinh đôi, mặc dù chẳng giống nhau chút nào. Ursula phải cố gắng lắm mới nhớ được ai là ai.

Họ đã nghỉ hưu từ lâu - cả hai người họ đều từng là điện thoại viên ở Harrods - và là một cặp chị em tần tiện, món đồ xa xỉ duy nhất của họ là một bộ sưu tập nữ trang bằng ngọc nhân tạo đầy ấn tượng, được mua chủ yếu ở Woolworths vào giờ ăn trưa thời họ "vẫn còn đi làm". Căn hộ của họ có mùi rất khác so với mùi căn hộ của chị Appleyard, đó là mùi nước hoa oải hương và mùi dầu đánh bóng hiệu Mansion House - mùi của những quý bà lớn tuổi. Thi thoảng Ursula lại mua giúp đồ cho cả hai chị em bà Nesbit và chị Appleyard. Chị Appleyard luôn đợi sẵn ở cửa với đúng số tiền mà chị ta nợ Ursula (chị ta biết giá cả của tất cả mọi thứ) và lịch sự nói "cảm ơn", nhưng hai chị em bà Nesbit luôn cố nài Ursula vào trong căn hộ của họ để uống trà nhạt và ăn bánh bích quy cũ.

Bên dưới họ, trên tầng ba, là căn hộ của ông Bentley ("Một kẻ lập dị." Họ đều nhất trí với nhau như vậy), nó có mùi của món cá tuyết chấm đen xông khói mà ông thường chần trong sữa để ăn tối, và hàng xóm của ông là cô Hartnell sống khép kín (căn hộ của cô chẳng có mùi gì), cô là nhân viên dọn phòng ở khách sạn Hyde Park và khá khắt khe, như thể chẳng có gì đáp ứng nổi những tiêu chuẩn của cô. Cô khiến cho Ursula cảm thấy mình giống như kẻ chẳng được tích sự gì.

"Tôi tin rằng cô ta từng bị thất tình." Ruth Nesbit thì thầm với Ursula, bàn tay nhỏ bé giữ chặt trên ngực như thể trái tim mong manh của bà sắp sửa nhảy ra khỏi lồng ngực và gắn vào ai đó không phù hợp. Cả hai chị em bà Nesbit đều rất ủy mị về chuyện tình yêu, họ chưa bao giờ trải qua sự nghiệt ngã của nó. Cô Hartnell trông có vẻ là người gây ra nỗi thất tình cho người khác hơn.

"Tôi cũng có vài cái đĩa hát." Chị Appleyard nói với sự sốt sắng của một kẻ đồng mưu. "Nhưng, chao ôi, tôi lại chẳng có máy hát." Tiếng "chao ôi" của chị Appleyard có vẻ chất chứa mọi bi kịch của một lục địa bị chia cắt. Nó hầu như không thể chịu được sức nặng mà nó buộc phải mang theo.

"Chà, cứ thoải mái mang chúng sang mở trên cái máy hát của tôi." Ursula nói, nhưng trong lòng lại hy vọng rằng chị Appleyard khốn khổ này sẽ từ chối. Cô tự hỏi chị ta có loại nhạc gì. Có vẻ không thể là loại nhạc vui tươi.

"Nhạc của Brahms." Chị Appleyard trả lời câu hỏi trong lòng Ursula. "Và Mahler." Đứa bé vặn vẹo liên tục như thể khó chịu bởi viễn cảnh phải nghe nhạc của Mahler. Bất cứ khi nào Ursula gặp chị Appleyard trên cầu thang hoặc chiếu nghỉ, nó đều đang ngủ. Như thể có hai đứa bé vậy, đứa ở trong căn hộ không bao giờ ngừng khóc, còn đứa ở ngoài không bao giờ giật mình.

"Phiền chị bé Emil giúp tôi một lát để tôi tìm chìa khóa, có được không?" Chị Appleyard hỏi, đưa đứa bé kèn càng qua cho Ursula mà chẳng cần nghe câu trả lời.

"Emil." Ursula lầm bầm. Cô đã không nghĩ đứa bé có một cái tên. Emil, như thường lệ, được quần nhiều lớp dày cộp như để chống chọi với mùa đông ở Bắc Cực, nào tã lót, quần lót bằng vải tráng cao su, quần yếm cùng tất cả những loại áo bằng len và thắt ruy băng. Ursula không lạ lắm gì với bọn trẻ con. Cả cô và Pamela đều đã chăm sóc Teddy và Jimmy với sự tận tụy mà họ dành cho những chú cún con, mèo con, thỏ con. Cô chính là hình ảnh của một bà dì nuông chiều đối với những cậu con trai của Pamela. Thế nhưng, đứa bé của chị Appleyard lại không dễ thương như họ. Những đứa trẻ nhà Todd có hương thơm ngọt ngào của sữa, bột tan và không khí trong lành bám trên quần áo khi được phơi ở ngoài trời, trong khi Emil lại có mùi hơi ôi thiu.

Chị Appleyard lục tìm chìa khóa trong cái túi xách sờn mòn kền càng, vật thể này có vẻ cũng đã đến đây từ một đất nước xa xôi ở châu Âu (một đất nước mà Ursula hiển nhiên chẳng biết gì). Chị Appleyard thở phào một cái khi cuối cùng cũng tìm được chùm chìa khóa ở đáy túi xách. Đứa bé có vẻ cảm nhận được mình đã ở gần ngưỡng cửa nên bắt đầu ngo nguậy trong vòng tay Ursula, như thể đang chuẩn bị cho sự biến đổi. Nó mở mắt và trông khá cau có.

"Cảm ơn, chị Todd." Chị Appleyard nói, đón lại đứa bé. "Rất vui khi được nói chuyện với chị."

"Ursula." Ursula nói. "Làm ơn gọi tôi là Ursula."

Chị Appleyard ngập ngừng trước khi bẽn lễn nói: "Còn tôi là Eryka, E-r-y-k-a." Họ đã sống cạnh nhau một năm trời nay nhưng đến bây giờ mới thân mật với nhau hơn một chút.

Gần như ngay khi cánh cửa nhà Appleyard đóng lại, đứa bé bắt đầu cất tiếng gào khóc quen thuộc. "Cô ta có châm kim vào nó không đấy?" Pamela viết. Pamela sinh được những đứa con rất ngoan. "Lên hai tuổi chúng mới bắt đầu nghịch ngợm." Cô nói. Cô đã hạ sinh một đứa con trai nữa, tên là Gerald, ngay trước Giáng sinh năm ngoái. "Chúc chị may mắn lần sau." Ursula nói khi gặp chị mình. Cô đã bắt một chuyến tàu đi lên phía bắc để thăm đứa cháu mới sinh, một cuộc hành trình dài và vất vả. Con tàu chật ních các binh lính đang trên đường tới một trại huấn luyện. Gần như suốt chuyến đi, cô ngồi ở toa riêng của trưởng tàu. Cô đã phải chịu đựng một loạt những lời bóng gió về tình dục, ban đầu thì còn thú vị nhưng càng về sau càng trở nên nhạt nhẽo. "Họ hoàn toàn không phải là những chàng hiệp sĩ hào hoa." Cô nói với Pamela khi cuối cùng cũng tới nơi. Chặng cuối của cuộc hành trình, cô phải ngồi trên một cỗ xe lừa kéo như thể cô đã rơi vào một thế kỷ khác, thậm chí là một đất nước khác.

Pammy tội nghiệp đã chán ngấy cuộc chiến tranh giả tạo* này, cô cũng chán ngấy việc bị nhốt chung một chỗ với quá nhiều thằng

nhóc, "chị cứ như bà quản lý của một trường nam sinh vậy". Chưa kể đến việc Jeanette hóa ra "hơi lười biếng" (lại còn hay than van và ngủ ngáy nữa). "Ai mà ngờ con gái của một mục sư lại như thế chứ." Pamela viết. "Mặc dù có Chúa mới biết tại sao." Cô đã trở lại Finchley vào mùa xuân, nhưng từ khi các cuộc oanh tạc vào ban đêm bắt đầu, cô đã "tạm thời" mang các con về ẩn náu ở Góc Cáo, bất chấp những nỗi băn khoăn trước đây của cô về việc sống chung với Sylvie. Harold giờ đang làm việc ở bệnh viện St Thomas's ở tiền tuyến. Vài tuần trước, khu nhà của các y tá ở đó đã bị trúng bom và năm y tá đã thiệt mạng. "Đêm nào cũng như địa ngục vậy." Harold thông báo. Ralph cũng thuật lại như vậy từ những địa điểm bị ném bom.

Ralph! Đương nhiên rồi, Ralph. Ursula đã phần nào quên mất anh. Anh cũng đã ở đường Argyll. Anh có ở đó khi bom nổ không? Ursula cố gắng quay đầu để nhìn quanh, như thể sẽ tìm thấy anh giữa đống đổ nát. Chẳng có ai cả, chỉ có mình cô. Đơn độc và bị vây kín trong một cái chuồng được tạo thành từ những thanh xà gỗ bị gãy thành từng mảnh và những thanh rui lồm chồm, nham nhở. Bụi phủ khắp xung quanh cô, trong miệng cô, trong hai lỗ mũi cô, trong mắt cô. Không, Ralph đã rời đi khi còi báo động réo.

Ursula không còn ăn nằm với người đàn ông của cô ở Bộ Hải quân nữa. Chiến tranh đã đột nhiên khơi lên cảm giác tội lỗi cho người tình của cô. Crichton nói họ phải chấm dứt cuộc tình của họ. Những hấp dẫn của xác thịt rõ ràng chỉ đứng thứ hai so với sự nghiệp quân sự - như thể cô là Cleopatra còn anh là Antony và cô sắp sửa hủy hoại anh vì tình yêu. Có vẻ như bấy giờ thế giới đã có đủ những xáo động rồi, chẳng cần thêm mối nguy nào từ việc "có một cô nhân tình" nữa. "Em là một nhân tình ư?" Ursula nói. Cô đã không nghĩ mình là kẻ phải đeo một chữ A màu đỏ*, chẳng phải đó là biểu tượng thuộc về một người đàn bà khêu gợi hơn ư?

Cán cân thăng bằng đã nghiêng lệch. Crichton đã dao động. Và rõ ràng đã chao đảo. "Tốt thôi." Cô đã điềm tĩnh nói. "Nếu đó là điều

anh muốn." Lúc bấy giờ cô đã bắt đầu nghi ngờ rằng trên thực tế chẳng có một Crichton nào khác hấp dẫn hơn ẩn náu bên dưới bề mặt bí hiểm kia. Suy cho cùng, anh cũng chẳng bí hiểm lắm. Crichton chỉ là Crichton mà thôi - Moira, mấy đứa con gái, trận Jutland, mặc dù không cần phải theo đúng thứ tự đó.

Mặc dù người kết thúc cuộc tình vụng trộm của họ là anh nhưng anh vẫn tỏ ra đau khổ. Còn cô có đau lòng không? "Em lạnh lòng quá." Anh nói.

Cô nói cô chưa bao giờ "yêu" anh. "Em mong chúng ta vẫn có thể là bạn."

"Anh e rằng không thể." Crichton nói, chưa gì đã tỏ vẻ nuối tiếc về những chuyện giờ đã là dĩ vãng.

Tuy nhiên, cả ngày hôm sau cô đã khóc vì sự mất mát của mình. Tình cảm cô dành cho anh không chỉ là thứ cảm xúc ơ hờ như Pamela đã nghĩ. Rồi cô lau nước mắt, gội đầu và leo lên giường với một đĩa bánh mì nướng phết xúp bò đặc hiệu Bovril và một chai Château Haut-Brion 1929 mà cô đã chôn chĩa được từ hầm rượu vang hảo hạng của Izzie. Nó đã tình cờ bị bà bỏ lại ở ngôi nhà trên đường Melbury. Ursula có chìa khóa vào nhà Izzie. "Cứ tự nhiên lấy bất cứ thứ gì mà cháu có thể tìm thấy." Izzie đã nói như vậy. Vì thế Ursula đã làm theo lời bà.

Nhưng thật đáng tiếc khi cô không còn những cuộc hẹn hò với Crichton nữa, Ursula nghĩ. Chiến tranh giúp những chuyện vụng trộm trở nên dễ dàng hơn. Sự tắt đèn tạm thời toàn thành phố là tấm màn che hoàn hảo cho những vụ ngoại tình trái với luân thường đạo lý, và tình trạng đổ nát sau khi bị ném bom sẽ tạo cho anh nhiều cái cớ để không phải về Wargrave với Moira và mấy cô con gái.

Thay vào đó, Ursula đang có một mối quan hệ đường đường chính chính với một bạn học ở lớp tiếng Đức. Sau buổi học đầu tiên (*Guten Tag. Mein Name ist Ralph. Ich bin dreizig Jahre alt**), hai

người họ đã cùng nhau tới quán Kardomah ở Southampton Row, dạo gần đây nó gần như đã bị che kín đằng sau một bức tường được làm bằng những bao cát. Thì ra anh làm việc trong cùng một tòa nhà với cô, công việc của anh là lập bản đồ về những thiệt hại do bom gây ra.

Chỉ khi họ rời lớp học - được tổ chức trong một căn phòng ngột ngạt ở lầu ba tại Bloomsbury - Ursula mới nhận thấy Ralph bị khập khiễng. Trước khi cô kịp hỏi, anh đã nói anh bị thương ở Dunkirk. Bị bắn vào chân trong lúc đang ở dưới nước, chờ lên một con thuyền nhỏ đang lướt qua lướt lại như con thoi giữa bờ và những con tàu lớn hơn. Anh được kéo lên thuyền bởi một ngư dân tới từ Folkestone, và chỉ vài phút sau đó, ông ta đã bị bắn vào cổ. "Chuyện là như thế đó." Anh nói với Ursula. "Bây giờ chúng ta không cần phải nói về nó nữa."

"Vâng, tôi cũng nghĩ vậy." Ursula nói. "Nhưng khủng khiếp quá!" Đương nhiên, cô đã xem những bộ phim thời sự. "Chúng ta đã chơi tốt một ván bài dở." Crichton nói. Ursula đã tình cờ chạm trán anh ở Whitehall sau cuộc giải cứu binh lính ở Dunkirk không lâu. Anh nói anh nhớ cô. (Anh ấy lại chao đảo rồi, cô nghĩ.) Ursula quyết tỏ ra hồ hững, cô nói cô cần mang các báo cáo tới Văn phòng Nội các Chiến tranh và ôm khư khư những bìa kẹp tài liệu màu da bò trước ngực như một cái áo giáp. Cô cũng đã nhớ anh. Nhưng cô không thể để anh nhận ra điều đó.

"Em liên lạc trực tiếp với Văn phòng Nội các Chiến tranh ư?" Crichton nói, tỏ vẻ ấn tượng.

"Chỉ là một trợ lý của một thứ trưởng thôi. Thật ra, thậm chí em cũng không liên lạc trực tiếp với người trợ lý đó, mà thông qua một "cô gái" giống như em."

Cô cho rằng cuộc đối thoại đã kéo dài đủ lâu. Anh nhìn cô chăm chăm với ánh mắt khiến cô muốn được anh ôm trọn trong vòng tay.

"Em phải đi thôi." Cô rạng rỡ nói. "Chiến tranh đang diễn ra, anh biết đấy."



Ralph đến từ Bexhill, anh là người hay nhạo báng, thuộc cánh tả và theo trường phái không tưởng. Ralph chẳng hề giống Crighton, người mà cô muộn màng nhận ra là khá có quyền thế.

"Em được một gã cánh tả theo đuổi sao?" Maurice hỏi khi gặp cô bên trong "những bức tường thiêng liêng". Cô có cảm giác anh ta cố tình tìm cô. "Chuyện này có thể không tốt cho em nếu ai đó biết được."

"Anh ấy không phải là một thành viên chính thức." Cô nói.

"Tuy nhiên..." Maurice nói. "... Ít nhất anh ta sẽ không tiết lộ vị trí của những con tàu chiến trong những cuộc trò chuyện lúc chần gối."

Anh ta nói vậy là có ý gì? Maurice biết về chuyện của cô và Crighton ư?

"Chuyện đời tư của em không còn là chuyện riêng tư khi chiến tranh đang diễn ra." Maurice nói với vẻ chán ghét. "Mà này, tại sao em lại học tiếng Đức vậy? Em đang đợi chúng xâm lược chúng ta à? Chuẩn bị sẵn sàng để hoan nghênh quân địch ư?"

"Em tưởng anh đang buộc tội em theo cánh tả chứ không phải theo phát xít." Ursula giận dữ nói. ("Đúng là một con lừa ngu xuẩn." Pamela nói. "Anh ta chỉ sợ bất cứ thứ gì có thể gây ảnh hưởng xấu đến anh ta thôi. Không phải chị đang bênh vực anh ta đâu nhé! Có trời chứng giám!")



Từ vị trí dưới "đáy giếng", Ursula có thể thấy phần lớn bức tường mong manh giữa căn hộ của cô và căn hộ của chị Appleyard đã biến mất. Ngược nhìn lên qua những tấm ván sàn và những thanh xà gồ

nát, cô có thể nhìn thấy một chiếc váy mềm mại treo lủng lẳng trên một cái mắc áo khoác, cái mắc ấy móc vào một cái móc treo tranh ảnh. Đó là cái móc treo tranh trong phòng khách của nhà Miller ở tầng trệt, Ursula nhận ra lớp giấy dán tường có hoa văn hình những bông hồng vàng búng, nở toe toét. Mới chiều tối nay thôi cô đã thấy bà Lavinia Nesbit mặc chiếc váy ấy khi gặp bà trên cầu thang, lúc ấy nó có màu xúp đậu (và cũng mềm mại như thế). Giờ thì nó phủ một lớp bụi xám xịt và đã bay xuống tầng dưới. Trên đầu cô vài thước, cô có thể nhìn thấy cái ảm màu nâu to tướng của mình mà cô đã mang đi từ Góc Cáo. Cô nhận ra nó nhờ sợi dây dày mà bà Glover quấn quanh tay cầm của nó từ lâu lắm rồi. Mọi thứ lúc này đều ở sai chỗ, bao gồm cả chính bản thân cô.

Phải rồi, Ralph đã ở đường Argyll. Họ đã ăn cùng nhau - bánh mì và pho mát - kèm một chai bia. Sau đó, cô đã chơi giải ô chữ trên tờ *Telegraph* số ra ngày hôm qua. Gần đây Ursula buộc phải mua một cặp kính để làm những việc đòi hỏi phải soi xét thật kỹ, vật đó khá là xấu xí. Chỉ khi đã mua nó về nhà, cô mới nhận ra rằng nó gần giống hệt cặp kính mà một người trong hai chị em bà Nesbit thường đeo. Đó cũng là số phận của cô chăng? Cô đã nghĩ như vậy khi ngẩng nhìn hình ảnh đeo kính của mình phản chiếu trong tấm gương phía trên lò sưởi. Cô rốt cuộc cũng sẽ trở thành một bà cô già chưa chồng sao? *Đối tượng chế nhạo của những cô bé và cậu bé.* Nhưng liệu ta có thể là một cô gái già "chưa chồng" không nếu ta đã mang trên người chữ A màu đỏ? Ngày hôm qua, trong lúc cô đang tranh thủ ăn một cái bánh sandwich vào bữa trưa ở công viên St James's, một chiếc phong bì đã xuất hiện một cách bí ẩn trên bàn làm việc của cô. Cô nhìn thấy tên mình được viết bằng chữ viết tay của Crichton (anh có nét chữ nghiêng đẹp đến đáng kinh ngạc) nên xé ngay lá thư thành từng mảnh nhỏ và ném vào thùng rác mà chẳng thèm đọc lấy một lần. Sau đó, khi tất cả các nhân viên văn phòng đều túm tụm như chim bồ câu quanh chiếc xe đẩy trà, cô mới nhặt lại những mảnh giấy vụn và ráp chúng lại với nhau.

Anh đã làm mất hộp thuốc lá bằng vàng. Em biết nó đây - cái hộp mà cha anh đã cho anh sau trận Jutland ấy. Em có tình cờ nhìn thấy nó ở đâu không?

Anh của em, C.

Anh có bao giờ là của cô đâu nhỉ? Ngược lại, anh thuộc về Moira. (Hoặc có lẽ là Bộ Hải quân.) Cô thả những mảnh giấy trở lại thùng rác. Hộp thuốc lá ấy đang nằm trong túi xách của cô. Cô đã tìm thấy nó dưới gầm giường mình sau khi anh bỏ cô vài ngày. "Em đang nghĩ gì vậy?" Ralph hỏi.

"Không có gì đâu, tin em đi!"

Ralph đang nằm duỗi dài bên cạnh cô, tựa đầu lên tay ghế sofa, bàn chân đi tất đặt trên đùi cô. Mặc dù trông anh như đang ngủ nhưng anh vẫn âm ừ trả lời mỗi khi cô ném một câu gợi ý về phía anh. "*Đổi Roland lấy Oliver**? Có phải là từ "Hiệp sĩ" không nhỉ?" Cô nói. "Anh nghĩ sao?"

Ngày hôm qua đã có một chuyện lạ lùng xảy ra với cô. Lúc ấy cô đang đi tàu điện ngầm. Cô vốn không thích tàu điện ngầm. Trước khi các cuộc ném bom diễn ra, cô thường đạp xe đi khắp nơi nhưng việc đó giờ trở nên quá khó khăn khi xung quanh vương vãi toàn kính vỡ và gạch vụn. Cô đang chơi giải ô chữ trên tờ *Telegraph*, cố gắng giả vờ như mình không phải đang ở dưới lòng đất. Phần lớn mọi người đều cảm thấy an toàn hơn khi ở dưới lòng đất, nhưng Ursula không thích cảm giác giam hãm tù túng ấy. Mới vài ngày trước, có một quả bom đã rơi trúng lối vào của một ga tàu điện ngầm, vụ nổ đã làm rung chuyển những đường hầm bên dưới và hậu quả thật khủng khiếp. Cô không chắc vụ việc ấy có được đăng báo không vì những chuyện như vậy dễ làm người ta hoang mang.

Trên tàu điện ngầm, người đàn ông ngồi cạnh cô đột nhiên ghé đầu lại gần - khiến cô rụt người lại - và hát đầu về phía ô chữ mà cô đã điền được một nửa, nói: "Cô chơi giỏi quá! Tôi có thể đưa cô

danh thiếp của tôi không? Hãy ghé qua văn phòng của tôi nếu cô muốn. Tôi đang tuyển mộ những cô gái thông minh." Tôi đoán chắc là ông đang làm vậy, cô nghĩ. Ông ta xuống tàu ở ga Green Park, trước khi xuống còn nghiêng mũ chào cô. Tấm danh thiếp có địa chỉ ở Whitehall nhưng cô đã ném nó đi.

Ralph rút hai điếu thuốc ra khỏi hộp và châm lửa cho cả hai điếu. Anh đưa một điếu cho cô và nói: "Em là một cô gái thông minh, đúng không?"

"Khá đúng." Cô nói. "Đó là lý do em ở trong Ban Tình báo* còn anh thì ở Ban Bản đồ."

"Ha ha, em không những thông minh mà còn hài hước nữa."

Họ thân thiết và thoải mái với nhau giống như bạn bè hơn là tình nhân. Họ tôn trọng cá tính của nhau và ít khi đòi hỏi. Cũng may là họ đều làm việc ở Phòng Chiến tranh. Có rất nhiều điều họ không bao giờ phải giải thích cho nhau hiểu.

Anh chạm mu bàn tay mình vào mu bàn tay cô và hỏi: "Em ổn chứ?" Cô đáp: "Rất ổn, cảm ơn anh." Bàn tay anh vẫn là bàn tay của người kiến trúc sư hồi trước chiến tranh, chúng vẫn chưa bị những cuộc chiến đấu hủy hoại. Anh vốn là chuyên viên vẽ bản đồ thuộc Đội Công binh Hoàng gia, chuyên nghiên cứu các bản đồ, hình ảnh và những thứ thuộc lĩnh vực ấy, luôn ở cách xa các trận chiến. Và anh chưa từng nghĩ mình sẽ trở thành một chiến binh phải lội qua vùng nước biển bắn thiêu, đầy dầu mỡ, máu me, bị nhắm bắn từ mọi hướng. (Rốt cuộc anh đã kể thêm một chút về chuyện đó.)

Anh nói rằng mặc dù việc ném bom thật khủng khiếp nhưng ta vẫn có thể thấy được một điểm tốt từ nó. Anh tràn đầy hy vọng về tương lai (không như Hugh hay Crichton). "Tất cả những ngôi nhà tồi tàn ấy..." Anh nói. Các khu Woolwich, Silvertown, Lambeth và Limehouse đang bị phá hủy và sau chiến tranh, người ta sẽ phải xây lại chúng. Anh nói đó là một cơ hội để xây lên những ngôi nhà hiện

đại, sạch sẽ với đủ mọi tiện nghi - một cộng đồng gồm những ngôi nhà bằng kính và thép thoáng đãng thay vì những ngôi nhà ồ chuột từ thời Victoria. "Một San Gimignano* trong tương lai."

Viễn cảnh về những tòa tháp hiện đại ấy không có sức thuyết phục lắm đối với Ursula. Nếu cô được nắm quyền lực trong tay, cô sẽ xây nên một tương lai với những đô thị nhiều cây xanh, cùng những ngôi nhà nhỏ tiện nghi được bao quanh bởi những khu vườn thôn dã. "Em đúng là người bảo thủ." Anh trêu mếu nói.

Nhưng anh cũng yêu London cũ ("Có kiến trúc sư nào không yêu nó cơ chứ?") - những nhà thờ do Wren* thiết kế, những tòa nhà bề thế và những tòa cao ốc tuyệt đẹp - "Những viên ngọc quý của London." Anh nói. Một hoặc hai đêm một tuần, anh sẽ tham gia đội canh đêm của tòa thánh đường St Paul, đó là những người đàn ông sẵn sàng trèo lên những thanh rui xà ở bên trong "nếu cần" để giữ cho tòa thánh đường được an toàn khỏi những quả bom lửa. Anh nói nơi ấy là một cái bẫy không lối thoát khi bắt lửa - khắp nơi toàn là chì và những thanh gỗ đã cũ, đã vậy còn có những cái mái bằng, vô số cầu thang và những góc tối tăm bị quên lãng. Trong tập san của Viện Kiến trúc Hoàng gia Anh có một thông báo kêu gọi các kiến trúc sư tình nguyện trở thành những người canh phòng hỏa hoạn, bởi vì họ sẽ "hiểu được sơ đồ, kiến trúc... của tòa nhà". Vừa đọc thấy thông báo này, anh đã đăng ký ngay tấp lự. Anh nói: "Bọn anh phải thật nhanh nhẹn." Ursula tự hỏi làm thế nào mà anh nhanh nhẹn được với cái chân khập khiễng thế kia. Cô mừng tượng ra cảnh anh bị bao vây giữa những ngọn lửa trên tất cả những cái cầu thang và những góc tối tăm bị quên lãng ấy. Đội canh gác có vẻ khá thân thiết với nhau - họ chơi cờ và trò chuyện thật lâu về triết học và tôn giáo. Cô cho rằng điều đó rất phù hợp với Ralph.

Mới vài tuần trước họ đã cùng nhau chứng kiến tòa nhà ở Holland Park bị cháy và đã sợ hãi đến mù mị. Hôm ấy họ tới ngôi nhà trên đường Melbury ấy để lục lọi hầm rượu của Izzie. "Tại sao cháu không sang nhà cô mà ở nhỉ?" Izzie đột nhiên nói trước khi bà

sang Mỹ. "Cháu có thể trông nom nó giúp cô. Cháu sẽ an toàn khi ở đây. Cô không thể nào tưởng tượng nổi quân Đức lại muốn ném bom Holland Park." Ursula nghĩ Izzie đã đánh giá quá cao về độ chính xác khi thả bom của Không quân Đức. Và nếu ngôi nhà an toàn đến thế tại sao Izzie lại quay vòng chạy mất?

"Cháu không ở đâu, cảm ơn cô." Cô nói. Ngôi nhà quá rộng và trống trải. Nhưng cô vẫn cầm chìa khóa và thi thoảng lại lục sạo ngôi nhà để tìm những món đồ hữu ích. Vẫn còn một ít đồ hộp trong cái tủ đựng thức ăn mà Ursula để dành cho trường hợp khẩn cấp, và đương nhiên, cả một hầm rượu vang đầy ắp.

Họ đang cầm đèn pin soi qua một lượt các kệ đựng rượu - điện đã bị cắt khi Izzie rời đi - Ursula lôi ra một chai Pétrus nhìn khá ngon lành và nói với Ralph: "Anh nghĩ chai rượu này có hợp với món khoai tây nghiền bỏ lò và giăm bông đóng hộp hiệu Spam không?" Cô vừa dứt lời, một tiếng nổ kinh hoàng bỗng vang lên. Nghĩ rằng ngôi nhà đã bị trúng bom, họ lập tức nằm ẹp xuống sàn nhà bằng đá cứng ngắc của hầm rượu, hai tay đưa lên ôm đầu. Đây là lời khuyên của Hugh đã được Ursula thấm nhuần trong một lần cô về thăm Góc Cáo. "Luôn phải bảo vệ đầu của con." Ông đã từng tham chiến. Thi thoảng cô lại quên mất điều đó. Tất cả các chai rượu vang lung lay và rung lắc trên kệ. Lúc bấy giờ Ursula mới muộn màng nhận ra rằng nếu những chai Chateau Latour và Chateau d'Yquem kia rào rào rơi xuống với những mảnh thủy tinh vỡ sắc bén như những mảnh đạn cắm vào người họ thì không biết hậu quả sẽ ra sao.

Họ đã chạy ra ngoài và nhìn ngôi nhà ở Holland Park biến thành một đồng lửa lớn, những ngọn lửa thiêu trụi mọi thứ. Lúc ấy, Ursula đã nghĩ trong đầu: Làm ơn đừng để con chết trong một trận hỏa hoạn. Nếu có, hãy để con chết thật nhanh, lạy Chúa!



Cô rất mến Ralph. Cô không bị ám ảnh bởi tình yêu như một vài phụ nữ khác. Với Crichton, cô liên tục bị quấy rầy bởi ý *niệm* về nó, nhưng với Ralph thì rõ ràng hơn. Một lần nữa, đây không phải là tình yêu mà giống với những cảm xúc bạn dành cho con cún cưng của mình (Không, cô sẽ không bao giờ nói một điều như thế với anh. Một vài người - rất nhiều người thì đúng hơn - sẽ không hiểu nổi sự gắn bó gần gũi giữa một con người và một chú chó).

Ralph châm một điếu thuốc nữa và Ursula nói: "Harold nói hút thuốc lá rất có hại cho sức khỏe. Anh ấy nói từng nhìn thấy những lá phổi trên bàn phẫu thuật trông như những cái ống khói không được lau chùi vậy."

"Đương nhiên nó không tốt cho ta." Ralph nói, cũng châm một điếu nữa cho Ursula. "Nhưng việc bị quân Đức ném bom và nhắm bắn cũng không tốt cho ta."

"Thì thoảng anh có tự hỏi rằng..." Ursula nói. "Nếu một sự việc nhỏ nhặt nào đó bị thay đổi, ý em là trong quá khứ ấy. Nếu Hitler chết ngay từ khi mới sinh ra, hoặc nếu ai đó bắt cóc hấn từ hồi hấn còn nhỏ và nuôi dạy hấn ở... em cũng không biết nữa, ở một gia đình nào đó là tín đồ của phái Giáo hữu chẳng hạn, vậy thì mọi chuyện có khác đi không nhỉ?"

"Em nghĩ tín đồ của phái Giáo hữu sẽ bắt cóc một đứa bé ư?" Ralph ôn tồn hỏi.

"Chà, nếu họ biết chuyện gì sẽ xảy ra, họ có thể làm vậy lắm chứ."

"Nhưng không ai biết chuyện gì sẽ xảy ra. Với cả, dù có là tín đồ của phái Giáo hữu hay không, hấn vẫn có thể trở thành con người như bây giờ. Em nên giết hấn thay vì bắt cóc hấn. Em có thể làm được việc đó không? Em có thể giết một đứa bé không? Bằng một khẩu súng? Hoặc giả nếu không có súng thì dùng tay không? Một cách máu lạnh?"

Em sẽ làm nếu em nghĩ việc đó cứu được Teddy, Ursula nghĩ. Không chỉ Teddy, đương nhiên rồi, mà cả phần còn lại của thế giới nữa. Teddy đã nộp đơn xin gia nhập RAF - Không lực Hoàng gia Anh - ngay sau ngày chiến tranh được tuyên bố. Bây giờ anh đang làm việc trong một trang trại nhỏ ở Suffolk. Sau khi rời khỏi Oxford, anh đã học một năm ở một trường cao đẳng nông nghiệp, rồi sau đó làm việc trong những trang trại lớn nhỏ khác nhau trên khắp đất nước. Anh nói anh muốn biết hết mọi thứ trước khi ổn định cuộc sống ở một nơi nào đó. ("Một *nông dân* ư?" Sylvie vẫn nói.) Anh không muốn mình trở thành một trong những người theo phong trào "trở lại với đất đai" chỉ với lý thuyết suông, để rồi cuối cùng nhận lấy cái kết quả là lún sâu đến đầu gối trong những cái sân ngập ngựa bùn với những con bò ốm yếu và những con cừu chết, cùng những vụ mùa không có gì để thu hoạch. (Dường như anh đã từng làm việc ở một trong những nơi như vậy.)

Teddy vẫn làm thơ và Hugh nói: "Một thi sĩ nông dân hử? Giống như Virgil. Chúng ta sẽ mong chờ một thiên sử thi *Nông ca* mới từ con." Ursula tự hỏi Nancy cảm thấy thế nào về việc là vợ của một nông dân. Cô ấy vô cùng thông minh, hiện đang nghiên cứu về một khía cạnh rối rắm khó hiểu nào đó của Toán học ở trường Cambridge. ("Em hoàn toàn chẳng hiểu mô tê gì." Teddy nói.) Và bây giờ, giấc mơ trở thành phi công từ thuở ấu thơ của anh đột ngột và bất ngờ ở ngay trong tầm với. Lúc này, anh đang an toàn ở Canada để học bay tại một trường huấn luyện chuyên sâu, thường gửi thư về nhà kể rằng ở đó có nhiều thức ăn thế nào, thời tiết tuyệt vời ra sao, khiến Ursula tái mặt vì ghen tỵ. Cô ước gì em trai mình có thể ở đó mãi mãi, tránh xa mọi mối nguy hại.



"Sao chúng ta lại đi nói về việc giết những đứa bé một cách máu lạnh nhỉ?" Ursula nói với Ralph. "Anh nghe kìa!" Cô nghiêng đầu về

phía bức tường nơi đang phát ra tiếng khóc lúc to lúc nhỏ, nghe như tiếng còi báo động của Emil.

Ralph cười. "Tối nay nó cũng không quấy lắm. Em nhớ cho kỹ này, anh sẽ phát khùng lên mất nếu các con anh cứ khóc ra rả như thế."

Ursula nghĩ thật thú vị khi anh nói "các con anh" chứ không phải "các con của chúng ta". Thật lạ lùng khi nghĩ đến việc có con ở thời điểm mà tương lai còn không chắc có tồn tại hay không này. Cô đứng dậy khá đột ngột và nói: "Những cuộc không kích sắp bắt đầu rồi." Lúc Cuộc oanh kích Blitz mới diễn ra, họ thường nói "Chúng không thể kéo đến hằng đêm được", nhưng bây giờ họ biết rằng chúng có thể. ("Cuộc sống cứ thế này mãi ư?" Cô viết thư cho Teddy. "Bị những quả bom quấy rầy không ngại nghĩ?") Tính đến giờ nó đã kéo dài năm mươi sáu đêm liên tiếp, do đó người ta bắt đầu nghĩ rằng nó có thể sẽ không bao giờ chấm dứt.

"Em giống như một chú chó vậy." Ralph nói. "Em cảm nhận được những cuộc không kích đang kéo đến như thể có giác quan thứ sáu ấy."

"Chà, vậy thì anh nên tin em và đi đi. Nếu không anh sẽ bị rơi xuống Hồ đen Calcutta*. Anh biết là anh sẽ không thích điều đó mà." Gia đình Miller đông đúc - Ursula đã đếm được họ có ít nhất bốn thế hệ - sống ở tầng trệt và tầng bán hầm của tòa nhà ở đường Argyll. Họ còn có một tầng thấp hơn nữa, một tầng hầm ở dưới mặt đất mà các cư dân của ngôi nhà dùng làm nơi trú ẩn trong các cuộc không kích. Nó giống như một mê cung, một không gian ẩm mốc chẳng dễ chịu gì, lúc nhúc nhện và bọ, chật chội khủng khiếp nếu tất cả bọn họ đều chui vào trong đó, đặc biệt là khi con chó của gia đình Miller - một "tắm tắm lông kỳ dị" tên là Billy - bị lôi xềnh xệch xuống cầu thang để gia nhập với họ. Đương nhiên họ cũng phải chịu đựng những giọt nước mắt và tiếng khóc của Emil, thằng bé được chuyển

từ tay người này sang tay người nọ khắp tầng hầm như một kiện hàng không mong muốn để họ thay nhau dỡ dành nó nhưng vô ích.

Ông Miller, với nỗ lực làm cho căn hầm "trở nên ảm cúng" (một điều mà nó không bao giờ có thể có được), đã dính vài bức tranh chép từ "các tác phẩm nghệ thuật vĩ đại của nước Anh" - như cách ông gọi chúng - lên những bức tường được chặn bao cát. Những bức tranh khắc màu này - *cỗ xe chở cỏ khô*, *Ông bà Andrews* của Gainsborough (trông họ thật cao ngạo) và *Bong bóng xà phòng* (bức tranh ủy mị nhất của Millais, theo ý kiến của Ursula) - trông đáng ngờ như thể chúng đã được chôn chĩa từ những cuốn sách tham khảo về nghệ thuật đắt tiền. "Văn hóa." ông Miller nói, gật đầu về uyên bác. Ursula tự hỏi cô sẽ chọn bức tranh nào để đại diện cho "các tác phẩm nghệ thuật vĩ đại của nước Anh". Có lẽ là những tác phẩm cuối đời có nội dung trừu tượng, khó hiểu của Turner. Cô nghi ngờ rằng chúng hoàn toàn không hợp với thị hiếu của gia đình Miller.



Cô đã khâu lại cái cổ áo cánh của mình. Cô đã tắt đi những âm thanh hỗn độn trên radio và nghe Ma Ramey hát bài *Yonder Come the Blues* trên máy hát - một liều thuốc giải cho thứ cảm xúc ủy mị đang bắt đầu tràn ra từ radio. Cô đã ăn bánh mì và pho mát với Ralph, chơi giải ô chữ rồi xua anh ra khỏi cửa với một nụ hôn. Sau đó, cô tắt đèn và dịch tấm che cửa sổ sang một bên để dõi theo anh bước đi trên đường Argyll. Mặc dù khập khiễng (hoặc có lẽ vì khập khiễng), dáng đi của anh thật vui vẻ như thể anh đang mong đợi thứ gì đó thú vị băng qua trên đường đi của mình. Hình ảnh ấy gợi cô nhớ đến Teddy.

Anh biết cô đang dõi theo anh, nhưng anh không ngoái lại nhìn mà chỉ giơ một cánh tay lên lạng lẽ chào rồi bị bóng tối nuốt chửng. Nhưng vẫn có một chút ánh sáng, một mảnh trăng lưỡi liềm rạng rỡ và những vì sao mờ nhạt rải rác như thể ai đó đã ném một vốc bụi

kim cương lên nền trời đen thẫm. *Nữ hoàng Mặt trăng*, được vây quanh bởi *các nàng tiên sao*, mặc dù cô ngờ rằng Keats đang viết về vàng trắng tròn, còn vàng trắng phía trên đường Argyll chỉ là vàng trắng khuyết. Cô đang có tâm trạng thơ thần. Cô cho rằng đó chính là tầm cỡ của chiến tranh, nó khiến ta sục sạo tìm cách để nghĩ về nó.

Bridget luôn nói ngấm trắng qua cửa kính sẽ mang lại xui xẻo, vì vậy Ursula dịch tấm che cửa sổ trở về vị trí cũ và đóng kín rèm lại.

Ralph chẳng mấy bận tâm đến sự an toàn của mình. Anh nói rằng từ sau vụ Dunkirk, anh cảm thấy mình đã "miễn nhiễm" trước cái chết bất đắc kỳ tử. Ursula thì lại cảm thấy rằng dường như trong thời chiến, khi bị bao vây giữa vô số cái chết bất đắc kỳ tử, người ta chẳng thể được bảo vệ khỏi bất cứ thứ gì.

Như cô đã biết trước, tiếng gào rú bắt đầu, tiếp đến là tiếng súng ở công viên Hyde và tiếng những quả bom đầu tiên trút xuống, nghe như chúng lại được thả xuống các bến cảng. Cô lập tức giật lấy ngọn đèn pin treo trên cái móc bên cạnh cửa chính, là nơi nó vẫn ngự trị như một thánh tích, rồi nhấc cuốn sách cũng được để bên cạnh cửa lên. Đó là "cuốn sách nương tựa" của cô - *Bên phía nhà Swann*. Vì bây giờ chiến tranh có vẻ chẳng bao giờ kết thúc nên Ursula quyết định cô nên dẫn mình vào những tác phẩm của Proust.

Những chiếc máy bay rền rĩ trên đầu, thế rồi cô nghe thấy tiếng rít đáng sợ của một quả bom đang lao xuống, tiếp đó là một tiếng *uỳnh* rất lớn khi nó tiếp đất ở đâu đó gần đây. Thi thoảng, một vụ nổ nghe gần hơn nhiều so với vị trí thực sự của nó. (Người ta học được kiến thức mới về những chủ đề xa lạ nhất mới nhanh làm sao.) Cô tìm bộ đồ bảo hộ*. Cô đang mặc một chiếc váy khá mỏng manh so với thời tiết này, trong khi dưới tầng hầm thì lạnh lẽo và ẩm ướt khủng khiếp. Sylvie đã mua bộ đồ bảo hộ này khi bà lên thành phố trước khi các cuộc ném bom bắt đầu nổ ra không lâu. Họ đã đi dạo dọc theo đường Piccadilly và Sylvie đã phát hiện ra một mẫu quảng

cáo về "bộ đồ bảo hộ may sẵn" ở ô kính bày hàng của tiệm Simpson. Bà đã một mực kéo Ursula vào đó để thử. Ursula không thể tưởng tượng nổi hình ảnh mẹ mình chui vào trong một cái hầm trú ẩn, nói gì đến việc mặc một bộ đồ bảo hộ, nhưng nó rõ ràng là một bộ đồ - thậm chí một bộ đồng phục - có sức hấp dẫn đối với Sylvie. "Bộ đồ này rất tiện để dọn chuồng gà." Bà nói và mua cho hai mẹ con mỗi người một bộ.

Tiếng nổ vang dội tiếp theo như giục giã Ursula, cô phải từ bỏ việc tìm kiếm bộ đồ chết tiệt đó và tóm lấy cái chăn len kẻ ô vuông do Bridget tự tay đan. ("Tôi định gửi nó cho Hội Chữ thập đỏ." Bridget đã viết bằng nét chữ to tròn giống như một cô bé học sinh. "Nhưng tôi lại nghĩ cô có thể cần đến nó hơn.")

"Chị thấy đấy, ngay cả trong chính gia đình mình, em cũng có địa vị của một kẻ tị nạn." Ursula viết cho Pamela.)

Cô đã chạm trán hai chị em bà Nesbit trên cầu thang. "Ồ, xui xẻo quá, cô Todd." Bà Lavinia cười khúc khích. "Vì chúng ta đi ngược nhau trên cầu thang, cô biết đấy."

Ursula đang đi xuống, còn hai chị em họ đang đi lên. "Hai bà đi nhầm hướng rồi." Cô nói một câu vô ích.

"Tôi quên mất bộ đồ đan." Lavinia nói. Bà đang đeo một cái trâm cài áo bằng men có hình giống như một con mèo đen. Mất nó là một viên kim cương giả nhỏ xíu lấp lánh.

"Chị ấy đang đan một cái quần tất cho con của cô Appleyard." Bà Ruth nói. "Bên trong căn hộ của họ rất lạnh."

Ursula tự hỏi đứa bé tội nghiệp ấy còn phải khoác lên người bao nhiêu món quần áo bằng len nữa thì sẽ giống một con cừu. Không phải là cừu non. Đứa bé nhà chị Appleyard chẳng giống một con cừu non tí nào. Tên nó là Emil, cô tự nhắc nhở mình.

"Chà, hai bà hãy nhanh chân lên nhé!" Cô nói.



"Xin chào, xin chào, mọi người ở đây cả rồi." ông Miller nói khi cả nhà họ lũ lượt kéo nhau vào trong hầm. Những cái ghế ọp ẹp và những chiếc giường làm tạm từ chăn nệm lấp kín khoảng không gian ẩm ướt. Ông Miller đã xoáy được ở đâu đó hai cái giường xếp quân đội cũ kĩ để dành cho chị em bà Nesbit nghỉ ngơi. Hiện giờ chị em bà đều vắng mặt nên con chó Billy đã chễm chệ trên một trong hai cái giường. Ngoài ra còn có một cái bếp cồn nhỏ và một cái bếp dầu hỏa Aladdin. Ursula cảm thấy trong tình cảnh những quả bom đang trút xuống đầu họ thì ở gần cả hai vật đó đều cực kì nguy hiểm. (Nhà Miller vốn luôn lạc quan trước mọi hiểm nguy.)

Mọi người gần như đã có mặt đầy đủ - chị Appleyard và bé Emil, ông Bentley lập dị, cô Hartnell và toàn bộ bầu đoàn thể tử nhà ông Miller. Bà Miller lo lắng hỏi hai chị em bà Nesbit đang ở đâu và ông Miller xung phong đi lên thúc giục họ ("Đan với chả lát"), nhưng ngay lúc đó, một tiếng nổ đinh tai nhức óc vang lên làm lay chuyển cả căn hầm. Ursula cảm thấy nền móng nhà rung lên khi sự chấn động lan qua mặt đất dưới chân mình. Ngoan ngoãn tuân theo lời hướng dẫn trước kia của Hugh, cô nằm thụp xuống sàn nhà, hai tay đưa lên che đầu, thuận đà túm lấy một trong những thằng bé nhà Miller đang đứng gần cô nhất ("Ôi, bỏ ra!"). Cô lóng ngóng nằm lên che chắn cho nó, nhưng nó vọt vọt ra khỏi người cô.

Tất cả trở nên yên lặng.

"Không phải là nhà của chúng ta đâu." Thằng bé khinh khỉnh nói, tỏ vẻ hơi vênh váo để khôi phục lại lòng tự trọng đàn ông đã bị tổn thương của mình.

Chị Appleyard cũng đã nằm xuống sàn, đưa bé được che chắn bên dưới cơ thể chị ta. Bà Miller thì chẳng ôm đứa con nào mà chỉ giữ khư khư hộp kẹo bơ cứng Farrah's Harrogate cũ đựng tiền tiết kiệm và các hợp đồng bảo hiểm của bà.

Ông Bentley hỏi, giọng hơi cao hơn bình thường: "Có phải tòa nhà của chúng ta không?" Không, Ursula nghĩ, nếu phải thì chúng ta đã chết rồi. Cô lại ngồi xuống một trong những cái ghế gỗ lung lay mà ông Miller đã trang bị cho căn hầm. Cô cảm thấy trái tim mình đập thình thịch. Cô bắt đầu run rẩy và quấn cái khăn len của Bridget chặt hơn quanh người.

"Không, thằng bé nói đúng đấy." Ông Miller nói. "Nghe như ở Essex Villas ấy." Ông Miller luôn tự cho là mình biết những quả bom đã rơi xuống đâu. Lạ lùng thay, ông thường đúng. Tất cả các thành viên của nhà Miller đều thấm nhuần ngôn ngữ và tinh thần thời chiến. Họ đều có thể chấp nhận nó. ("Chúng ta cũng có thể nói thứ ngôn ngữ đó mà, không phải sao?" Pamela viết. "Hẳn là em nghĩ bàn tay *chúng ta* không lắm máu.")

"Đúng là những con người trụ cột của nước Anh, không còn nghi ngờ gì nữa." Sylvie nói với Ursula trong lần gặp gỡ đầu tiên (và cũng là cuối cùng) của bà với gia đình Miller. Lúc ấy, bà Miller đã mời Sylvie xuống căn bếp của bà ta để uống trà, nhưng Sylvie vẫn bức mình với tình trạng của những tấm rèm và thảm trong căn hộ của Ursula, bởi bà cho rằng bà Miller là người phải chịu trách nhiệm sau khi biết được bà Miller là chủ tòa nhà chứ không chỉ là một người ở thuê. (Bà làm ngơ trước những lời giải thích của Ursula.) Sylvie cư xử như thể bà là một nữ công tước đang đến thăm ngôi nhà tranh của một trong những tá điền ở vùng nông thôn của bà. Ursula tưởng tượng ra cảnh bà Miller sau đó sẽ nói với ông Miller rằng "Cái bà đó đúng là ngạo mạn."

Ở phía trên cao kia, những thanh âm hỗn độn của cuộc oanh tạc vẫn vang lên đều đặn, họ có thể nghe thấy tiếng uỳnh uỳnh vang dội của những quả bom lớn, tiếng rú rít của những quả đạn súng cối và tiếng ùng ùng của một đơn vị pháo binh di động gần đây. Thi thoảng nền móng của căn hầm lại rung lên với những tiếng rầm, uỳnh và bùm khi những quả bom dội xuống thành phố. Emil rú lên,

con chó Billy rú lên, hai cậu bé nhỏ nhất nhà Miller cũng rú lên. Tất cả đều đối nghịch với nhau, tạo nên một đối âm không mong muốn với "tiếng sấm sét" kinh thiên động địa của Không quân Đức. Một cơn bão khủng khiếp kéo dài bất tận. *Sau lưng là nỗi tuyệt vọng, và trước mặt là cái chết.*

"Chúa ơi, tối nay già Fritz* thực sự đang cố dọa dẫm chúng ta." Ông Miller nói, điềm tĩnh chỉnh lại một ngọn đèn như thể họ đang đi cắm trại. Ông chịu trách nhiệm giữ vững tinh thần cho mọi người dưới hầm. Giống như Hugh, ông từng lăn lộn trong những con hào và tuyên bố rằng ông hoàn toàn trơ lì với những mối đe dọa từ Jerry*. Cả đám người họ, gồm Crichton, Ralph, ông Miller và thậm chí cả Hugh đã phải trải qua thử thách của lửa, bùn và nước, và mạo muội cho rằng đó là trải nghiệm chỉ xảy ra một lần trong đời.

"Già Fritz định làm gì chứ hả?" Ông dịu dàng nói với một trong những đứa con nhỏ đang sợ hãi. "Cố phá giấc ngủ ngon của bố à?" Quân Đức luôn được ông Miller cá nhân hóa với những cái tên như Fritz, Jerry, Otto, Hermann, Hans, đôi khi là chính Adolf đang ở trên cao mấy nghìn kilomet thả xuống những quả bom có sức công phá mãnh liệt.

Bà Miller (Dolly), không lạc quan như chồng bà, đang phân phát "đồ ăn nhẹ" cho mọi người gồm trà, ca cao, bánh quy và bánh mì kèm bơ thực vật. Gia đình Miller hào phóng không bao giờ thiếu thức ăn nhờ Renee, cô con gái đầu lòng của họ, vốn là người có "nhiều mối quan hệ". Renee mười tám tuổi và trưởng thành theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, và có vẻ là một cô gái vô cùng lẳng lơ. Cô Hartnell tỏ rõ thái độ rằng cô thấy Renee là kẻ chẳng ra gì mặc dù vẫn nhận phần thức ăn mà cô ấy mang về nhà. Ursula có cảm giác rằng một trong những đứa con nhỏ nhà Miller thực ra là con của Renee chứ không phải của bà Miller, và nó dần dà đã bị lẫn vào với những đứa trẻ nhà Miller.

"Những mối liên hệ" của Renee khá là bí ẩn, nhưng vài tuần trước, Ursula đã nhìn thấy cô ấy đang tao nhã nhảm nháp rượu gin ở tiệm cà phê trên tầng hai của khách sạn Charing Cross cùng một người đàn ông béo tốt, trông có vẻ lắm tiền nhiều của, khắp người toát lên chữ "làm ăn phi pháp".

"Có một gã nhóp nhúa kia." Jimmy đã cười và nói như vậy. Jimmy vốn là đứa trẻ được sinh ra để mừng hòa bình lập lại sau cuộc chiến kết thúc tất cả mọi cuộc chiến, thế nhưng cậu sắp sửa phải chiến đấu trong một cuộc chiến khác. Cậu đang trong quá trình huấn luyện quân sự và được nghỉ vài ngày phép, và họ đã ghé vào khách sạn Charing Cross để trú chân trong lúc người ta xử lý một quả bom chưa phát nổ ở đường Strand. Họ có thể nghe thấy tiếng những khẩu súng gắn trên xe đẩy của hải quân giữa khu Vauxhall và Waterloo - *bùm bùm bùm* - nhưng những chiếc máy bay ném bom đang tìm kiếm những mục tiêu khác và có vẻ đã rời đi. "Nó không bao giờ ngừng lại sao?" Jimmy hỏi.

"Hình như là không."

"Ở trong quân đội an toàn hơn." Cậu cười. Cậu đã gia nhập quân đội với tư cách một binh nhì mặc dù họ đã đề nghị phong cấp sĩ quan cho cậu. Cậu nói cậu muốn làm lính trơn. ("Nhưng phải có ai đó làm sĩ quan chứ?" Hugh hỏi. "Tốt hơn hết đó phải là người thông minh một chút.")

Cậu muốn trải nghiệm. Cậu nói cậu muốn trở thành một nhà văn, và còn thứ gì có thể giúp cậu hiểu sâu rộng về nhân tình thế thái hơn là một cuộc chiến chứ? "Một *nhà văn* ư?" Sylvie đã nói. "Mẹ e rằng một bà tiên xấu đã đung đưa cái nôi của nó và tiêm nhiễm cho nó ý tưởng ấy." Ursula cho rằng mẹ cô đang ám chỉ Izzie.

Đi cùng Jimmy rất thú vị. Jimmy trông rất bảnh bao trong bộ đồ chiến và cậu được chào đón ở bất cứ nơi nào họ tới - những tụ điểm ăn chơi ở phố Dean và phố Archer, câu lạc bộ Boeuf sur le Toit ở phố Orange - một nơi thực sự rất nóng bỏng (nếu không muốn nói

là cực kì táo bạo), và cả những nơi khiến Ursula phải thắc mắc về con người Jimmy. Em chỉ muốn tìm hiểu về nhân tình thế thái thôi mà, cậu nói. Họ đã say khướt và trở nên hơi ngốc nghếch, đó quả là một sự khuây khỏa so với việc co rúm lại trong căn hầm của nhà Miller. "Hãy hứa với chị là em sẽ không chết." Cô nói với Jimmy khi họ dò dẫm đi dọc phố Haymarket như hai người mù, nghe văng vẳng bên tai tiếng một nơi nào đó của London bị nổ tung.

"Em sẽ cố hết sức." Jimmy nói.



Cô đang lạnh. Vì đang nằm trên nước nên cô càng thấy lạnh hơn. Cô cần cử động. Cô có thể cử động không? Hình như là không. Cô đã nằm đây bao lâu rồi? Mười phút? Hay mười năm? Thời gian đã ngừng lại. Vạn vật dường như đã ngừng lại. Chỉ còn lại thứ mùi hỗn hợp khủng khiếp. Cô đang ở tầng hầm. Cô biết điều đó bởi vì cô có thể nhìn thấy bức tranh *Bong bóng xà phòng* vẫn còn dính chặt một cách kỳ diệu vào một bao cát ở ngay gần đầu cô. Cô cứ phải nhìn vào những thứ vô vị này mà chết đi sao? Thế rồi sự vô vị đột nhiên được hoan nghênh hơn khi một bóng ma gớm ghiếc xuất hiện bên cạnh cô. "Chị có nhìn thấy con tôi đâu không?" Bóng ma hỏi. Mất một lúc Ursula mới nhận ra rằng đây không phải là ma. Đó là chị Appleyard, mặt chị phủ đầy bụi đất, lấm lem máu và nước mắt. "Chị có thấy con tôi đâu không?" Chị ta hỏi lại.

"Không." Ursula lẩm bẩm, miệng cô khô khốc, đầy bụi bẩn. Cô nhắm mắt lại và khi cô mở mắt ra, chị Appleyard đã biến mất. Chắc là cô đã tưởng tượng ra chị ta, có lẽ cô đang bị mê sảng. Hoặc có lẽ đó thực sự là bóng ma của chị Appleyard và cả hai người họ đều đang bị mắc kẹt trong cảnh hoang tàn đổ nát.

Cô lại để ý đến bộ váy của bà Lavinia Nesbit đang treo trên cái móc treo tranh của gia đình Miller. Nhưng hóa ra đó không phải là bộ váy của bà Lavinia Nesbit. Một cái váy thì làm gì có tay. Không phải

tay áo, mà là *tay người*. Có cả *bàn tay*. Trên chiếc váy có thứ gì đó lấp lánh, đó là con mắt bằng kim cương giả của chú mèo nhỏ đang ánh lên dưới bóng trắng. Thi thể không đầu, không chân của bà Lavinia Nesbit đang treo trên cái móc treo tranh của gia đình Miller. Trông nó kỳ cục đến nỗi cơn buồn cười bắt đầu dâng lên trong lòng Ursula. Nhưng tiếng cười chẳng bao giờ phát ra được bởi vì có thứ gì đó chột xê dịch - một thanh xà hoặc một phần của bức tường - và bụi lại rào rào trút xuống người cô. Tim cô bất giác đập thành thịch. Nó đau đớn như một quả bom hẹn giờ đang đợi đến lúc phát nổ.

Lần đầu tiên cô cảm thấy hoảng hốt. Sẽ chẳng có ai tới giúp cô cả. Kể cả bóng ma điên loạn của chị Appleyard. Cô sẽ chết một mình trong căn hầm ở đường Argyll, chẳng có gì bên cạnh ngoài bức tranh *Bong bóng xà phòng* và thi thể không đầu của bà Lavinia Nesbit. Nếu Hugh ở đây, hoặc Teddy hay Jimmy, hoặc thậm chí là Pamela, họ sẽ nỗ lực tìm cách đưa cô ra khỏi đây, sẽ nỗ lực tìm cách cứu cô. Họ sẽ quan tâm lo lắng cho cô. Nhưng ở đây chẳng có ai cả. Cô nghe tiếng mình rên rỉ như một con mèo bị thương. Cô cảm thấy thương thay cho thân mình, như thể cô là một người nào đó khác.



Bà Miller đã nói: "Chà, tôi nghĩ chúng ta đều cần một tách ca cao ngon lành, đúng không?" Ông Miller lại bắt đầu lo lắng cho chị em bà Nesbit, vì vậy Ursula - vì đã chán ngán tột độ không gian chật chội của căn hầm - xung phong nói "Tôi sẽ đi tìm họ", rồi đứng dậy khỏi cái ghế ăn lung lay ngay khi tiếng "vút" và "viu" vang lên báo hiệu một quả bom có sức công phá mãnh liệt đang rơi xuống. Kế đó là một tiếng bùm dữ dội như tiếng sấm nổ, rồi đến tiếng nứt vỡ răng rắc như thể bức tường địa ngục đột nhiên toác ra giải phóng cho toàn bộ lũ quỷ sứ, tiếp theo là một lực hút và một sức ép khủng khiếp, như thể các cơ quan nội tạng trong cơ thể cô, nào phổi, tim, dạ dày, thậm chí cả tròng mắt, đều đang bị hút ra ngoài. *Tạm biệt*

ngày cuối cùng bất diệt. Thế này đây, cô nghĩ. Mình sẽ chết như thế này đây.



Một giọng đàn ông cất lên gần như bên cạnh tai cô, phá vỡ bầu không khí tĩnh lặng: "Chào cô, để xem liệu chúng tôi có thể đưa cô ra khỏi đây không nhé?" Khuôn mặt ông ta lấm lem bụi đất và mồ hôi như thể ông ta đã đào đường hầm để tới được chỗ cô vậy. (Cô cho rằng ông ta đã phải làm thế thật.) Cô ngạc nhiên khi nhận ra ông ta. Đó là một người dân phòng trong Lực lượng Công tác Phòng không địa phương, một người mới.

"Tên cô là gì, thưa cô? Cô có thể nói với tôi không?" Ursula lẩm bẩm tên mình nhưng cô biết âm thanh phát ra không được rõ ràng lắm. "Urry?" Ông ta hỏi. "Vậy thì có thể là tên gì nhỉ - Mary? Susie?"

Cô không muốn chết với cái tên Susie. Nhưng điều đó có quan trọng không?

"Đứa bé." Cô lẩm bẩm với ông ta.

"Đứa bé ư?" Ông ta nhấn mạnh. "Cô có con sao?" Ông ta hơi lùi lại một chút và hét lên gì đó với một người mà cô không nhìn thấy. Cô nghe thấy những giọng nói khác và nhận ra ngoài kia có rất nhiều người. Như để xác nhận điều này, ông dân phòng nói: "Chúng tôi có mặt ở đây để giúp cô ra ngoài. Đội xử lý khí độc đã khóa được ống dẫn khí gas và chúng tôi sẽ đưa cô ra ngoài ngay trong nháy mắt thôi. Cô đừng lo! Giờ thì nói với tôi về con của cô đi, Susie. Cô có đang ôm nó không? Có phải nó còn rất nhỏ không?" Ursula nghĩ về Emil, thằng bé nặng như một quả bom vậy (ai đã bế nó khi tiếng nhạc ngừng lại và ngôi nhà nổ tung nhỉ?), và cô cố gắng cất tiếng nhưng lại thấy mình rên rỉ.

Có tiếng cọt kẹt phía trên đầu và ông dân phòng nắm lấy tay cô, nói: "Không sao đâu, có tôi ở đây rồi." Cô cảm thấy vô cùng biết ơn

ông ta cùng tất cả những người khác đang vất vả tìm cách đưa cô ra ngoài. Và cô nghĩ Hugh cũng sẽ vô cùng cảm kích họ. Nghĩ đến cha, cô bật khóc, và ông dân phòng nói: "Kìa, kìa, Susie, mọi chuyện ổn rồi, chúng tôi sẽ sớm đưa được cô ra khỏi đây thôi, giống như một con ốc chui ra khỏi vỏ vậy. Rồi chúng tôi sẽ mang cho cô một tách trà ngon. Thế nào? Tuyệt chứ hả? Chính tôi cũng muốn một tách."



Dường như tuyết đang rơi, giống như những mũi kim bằng băng nhỏ xíu đâm vào da cô. "Lạnh quá!" Cô lẩm bẩm.

"Đừng lo, chớp mắt một cái là chúng tôi sẽ đưa được cô ra khỏi đây thôi, rồi cô sẽ thấy." Ông dân phòng nói. Ông ta cố gắng cởi cái áo khoác đang mặc để đắp lên người cô. Tuy nhiên, ở đây không có đủ không gian cho hành động cao thượng ấy. Ông ta va phải thứ gì đó khiến một mảng vôi vữa vụn trút rào rào xuống cả hai người họ.

"Ôi!" Cô nói với ông dân phòng bởi vì cô đột nhiên cảm thấy nôn nao dữ dội, nhưng cảm giác ấy rồi cũng trôi qua và cô đã điềm tĩnh hơn. Giờ thì có cả lá rơi quện lẫn với tro bụi và cô chợt thấy mình bị phủ dưới một đồng lá dẻ gai mỏng tang. Chúng có mùi của nấm và lửa và thứ gì đó ngọt ngào. Chiếc bánh gừng của bà Glover. Dễ chịu hơn nhiều so với mùi cống và khí gas.

"Nào, cô gái!" Ông dân phòng nói. "Nào, Susie, đừng có ngủ trước mặt tôi vào lúc này." Ông ta siết tay cô chặt hơn nhưng Ursula đang nhìn vào thứ gì đó lấp lánh và xoay tròn dưới ánh mặt trời. Một con thỏ phải không nhỉ? Không, chính xác là một con thỏ rừng. Một con thỏ rừng bằng bạc đang chậm chậm xoay tròn trước mắt cô. Nó đang thôi miên cô. Đó là vật xinh đẹp nhất mà cô từng nhìn thấy.



Cô đang rơi từ trên mái nhà xuống màn đêm thăm thẳm. Cô đang ở trên một cánh đồng ngô dưới ánh mặt trời chói chang. Hái những

quả mâm xôi trên con đường mòn. Chơi trốn tìm với Teddy. *Nó là một đứa trẻ thực sự vui nhộn*, ai đó nói. Chắc chắn không phải là ông dân phòng đâu nhỉ? Thế rồi tuyết lại rơi. Bầu trời đêm không còn ở trên cao tí nữa, nó đang bao quanh cô, giống như một đại dương đen ngòm ấm áp.

Cô đang trôi vào khoảng không tăm tối. Cô cố nói gì đó với ông dân phòng. *Cảm ơn*. Nhưng điều đó không còn quan trọng. Chẳng có gì quan trọng nữa cả.

Bóng tối đã phủ xuống.

MỘT NGÀY MAI TƯƠI ĐẸP



2 THÁNG 9 NĂM 1939

"Đừng buồn, Pammy." Harold nói. "Sao yên tĩnh thế nhỉ? Em đã làm gì bọn trẻ vậy?"

"Bán đi rồi." Pamela nói, hếch mặt lên. "Bán hai tặng một."

"Em nên ở lại qua đêm, Ursula." Harold thân thiện nói. "Ngày mai em không nên ở một mình. Nó sẽ là một ngày tồi tệ. Lệnh của bác sĩ đấy."

"Cảm ơn anh." Ursula nói. "Nhưng em có kế hoạch rồi."



Cô thử chiếc váy dự tiệc trà bằng lụa kép màu vàng mà cô đã mua vào sáng nay ở đại lộ Kensington trong chuyến mua sắm trước chiến tranh. Chiếc váy có hoa văn hình những chú chim nhạn màu đen nhỏ xíu đang bay. Cô mê mẩn ngắm nhìn nó, mê mẩn ngắm nhìn bản thân mình, hoặc đúng ra là mê mẩn ngắm nhìn những gì cô có thể thấy qua chiếc gương ở bàn trang điểm, vì cô phải đứng lên giường mới có thể nhìn thấy nửa thân dưới của mình.

Qua những bức tường mỏng manh của căn hộ trên đường Argyll, Ursula có thể nghe thấy chị hàng xóm Appleyard đang cãi nhau bằng tiếng Anh với một người đàn ông - chắc là anh chồng bí ẩn của chị ta - anh ta cứ đi đi về về vào bất cứ lúc nào cả ngày lẫn đêm mà chẳng có thời gian biểu cụ thể. Ursula mới chạm trán anh ta duy nhất một lần trên cầu thang, khi đó anh ta chỉ giương ánh mắt đăm chiêu nhìn cô rồi vội vã rời đi mà chẳng chào hỏi một lời. Anh ta là một người đàn ông to béo, hồng hào, hơi giống một con lợn. Ursula hình dung ra anh ta đang đứng đằng sau một quầy bán thịt, hoặc lò

xềnh xệch những cái bao ở nhà máy bia, mặc dù theo hai chị em bà Nesbit, anh ta thực ra là một nhân viên bảo hiểm.

Ngược lại với chồng mình, chị Appleyard gầy đét và vàng bủng. Mỗi khi chồng chị ta không ở nhà, Ursula có thể nghe thấy chị ta rầu rĩ hát một mình bằng thứ tiếng mà cô không rõ là tiếng gì. Nghe có vẻ là một thứ tiếng ở Đông Âu. Thứ ngôn ngữ Esperanto của ông Carver mới hữu ích làm sao, cô nghĩ. (Dĩ nhiên là chỉ khi tất cả mọi người đều nói thứ tiếng đó.) Đặc biệt là vào thời buổi này, khi có quá nhiều người tị nạn tràn đến London. ("Cô ấy là người Czech." Cuối cùng thì hai chị em bà Nesbit cũng nói cho Ursula hay. "Trước đây chúng ta nào có biết Tiệp Khắc nằm ở đâu, đúng không? Giá mà chúng ta vẫn không biết.") Ursula đoán rằng chị Appleyard cũng là một dạng người tị nạn tìm kiếm bến đậu an toàn trong vòng tay của một quý ông lịch thiệp người Anh, nhưng thay vào đó chị ta lại tìm thấy anh chồng Appleyard hay gây gổ. Ursula nghĩ rằng nếu cô mà nghe thấy anh chàng Appleyard ra tay đánh vợ thì cô sẽ sang gõ cửa nhà họ và tìm cách nào đó chấm dứt cuộc ẩu đả, mặc dù cô cũng chẳng biết mình sẽ làm thế bằng cách nào.

Cuộc cãi cọ ở nhà bên lên đến cao trào rồi kết thúc bằng tiếng cánh cửa đóng sầm lại, sau đó, tất cả trở nên yên lặng. Anh chồng nhà Appleyard, vốn quen ra vào một cách ồn ào, bước bình bịch xuống cầu thang, vừa đi vừa hậm hực tuôn ra một tràng báng bổ về phụ nữ và người nước ngoài, có khác nào nhắm thẳng vào chị Appleyard khốn khổ cơ chứ.

Hương vị chua chát của sự bất mãn thấm qua những bức tường, kèm theo mùi bắp cải luộc thậm chí còn khó ngửi hơn, khiến người ta cảm thấy chán nản. Ursula mong muốn những người tị nạn phải là những người giàu cảm xúc và lãng mạn - họ chạy trốn vì ao ước có một đời sống văn hóa tốt đẹp hơn - chứ không phải là những bà vợ bị ngược đãi của những anh chàng nhân viên bảo hiểm. Suy nghĩ đó của cô bắt công đến lỗ bịch.

Cô bước xuống giường và xoay một vòng trước gương. Cô quyết định rằng chiếc váy này hợp với cô, dù đã gần ba mươi nhưng cô vẫn giữ được vóc dáng. Một ngày nào đó, liệu vòng eo của cô có nảy nở thành vòng eo của một mệnh phụ giống như mẹ cô không? Cô đang bắt đầu cảm thấy rằng có lẽ cô sẽ không bao giờ có con. Cô nhớ đến lúc mình bế những đứa con của Pamela - cả Teddy và Jimmy hồi họ còn nhỏ nữa - những cảm giác yêu thương, sợ hãi, khao khát chỗ che đã trào dâng tràn ngập trong lòng cô. Những cảm xúc ấy sẽ còn dạt dào đến mức nào nếu đó là đứa con của chính cô? Có lẽ chúng sẽ mãnh liệt đến mức không thể chịu đựng nổi.

Trong bữa trà chiều ở tiệm John Lewis, Sylvie đã hỏi cô: "Con định không bao giờ sinh nở sao?"

"Giống những con gà mái của mẹ ư?"

"Một 'người phụ nữ coi trọng sự nghiệp'..." Sylvie nói, như thể hai từ "phụ nữ" và "sự nghiệp" không nên đi đôi với nhau. "Rồi sẽ thành một bà cô không chồng." Bà nói thêm sau một hồi suy nghĩ. Ursula tự hỏi tại sao mẹ cô lại phải mất công đến thế để chọc tức cô. "Có lẽ con sẽ không bao giờ lấy chồng." Sylvie nói như một lời kết luận, như thể cuộc đời của Ursula đã kết thúc rồi.

"Điều đó liệu có tồi tệ đến mức ấy không? "Cô con gái không lấy chồng"." Ursula nói, nhăm nháp miếng bánh ngọt phủ đường. "Jane Austen vẫn sống tốt mà."



Cô cởi chiếc váy ra qua đầu, trên người chỉ còn chiếc váy lót và đôi tất dài, rồi nhẹ nhàng bước tới căn bếp nhỏ, mở vòi rót cho mình một ly nước trước khi lục tìm một chiếc bánh quy giòn. Khẩu phần ăn trong tù, cô nghĩ, một sự rèn luyện tuyệt vời cho những gì sắp xảy ra. Kể từ sau bữa sáng với miếng bánh mì nướng đến giờ, cô mới chỉ ăn chiếc bánh ngọt của Pamela. Cô đang mong đợi tối nay Crichton chí ít sẽ đãi cô một bữa tối ngon lành. Anh đã hẹn gặp cô ở

Savoy, họ hiếm khi hẹn hò nhau ở nơi công cộng, vì vậy cô tự hỏi liệu sẽ có sự kiện gì kịch tính xảy ra không, hay cái bóng của chiến tranh đã đủ kịch tính rồi và anh muốn nói chuyện với cô về nó?

Cô biết rằng tình trạng chiến tranh sẽ được tuyên bố vào ngày mai, mặc dù cô đã giả vờ ngây ngô với Pammy. Crichton đã kể với cô đủ những chuyện mà anh không nên kể, với cái cớ rằng cả hai người họ "đều đã ký Cam kết Bảo mật". (Ngược lại, cô hầu như chẳng kể gì với anh.) Đạo gần đây anh lại lung lay và Ursula hoàn toàn không chắc anh sẽ ngã về phía nào, cô cũng không chắc mình muốn anh ngã về phía nào.

Anh đã rủ cô đi uống rượu bằng một lời nhắn được gửi đến một cách bí ẩn trong lúc cô tạm thời không có mặt ở văn phòng. Đây không phải là lần đầu tiên Ursula tự hỏi ai đã mang những lá thư này đến, chúng cứ thỉnh thoảng xuất hiện trên bàn cô như thể được giao tới bởi những yêu tinh tí hon vậy. *Anh nghĩ bộ phận của em có thể sắp bị kiểm toán*, thư viết. Crichton thích mật mã. Ursula hy vọng rằng các mật mã của hải quân không sơ đẳng như của Crichton.

Cô Fawcett, một trong những trợ lý văn thư của cô, đã hoảng hốt nhìn cô khi thấy lời nhắn ấy. "Trời đất ơi!" Cô ta nói. "Có đúng không vậy? Chúng ta sắp bị kiểm toán ư?"

"Ai đó đùa bốn ấy mà." Ursula nói, lo lắng khi thấy mình đỏ mặt. Có điểm gì đó không giống Crichton lắm ở những bức thư tục tĩu (nếu không muốn nói thẳng là thô thiển) nhưng lại có vẻ ngoài vô hại này. *Anh tin rằng em đang thiếu cây bút chì hoặc Lò mực của em đã được đổ đầy chưa?* Ursula ước gì anh sẽ học hệ thống chữ tốc ký của Pitman, hoặc một loại mật mã nào đó kín đáo hơn. Hoặc, tốt hơn hết là dừng lại trò này hoàn toàn.

Khi cô được người gác cửa dẫn vào bên trong khách sạn Savoy, Crichton đang đợi cô ở tiền sảnh rộng thênh thang. Rồi thay vì dẫn cô lên quán bar American, anh lại dẫn cô lên một căn phòng ở tầng

ba. Chiếc giường to lớn và mềm mại có vẻ choán hết diện tích căn phòng.Ồ, thì ra đây là lý do chúng ta đến đây, cô nghĩ.

Cô cho rằng chiếc váy lụa kép không thích hợp với dịp này nên đã mặc chiếc váy satin màu xanh hoàng gia - một trong ba chiếc váy dạ hội xinh đẹp của cô - và bây giờ cô nuối tiếc vì quyết định ấy, bởi Crichton, nếu phán đoán của cô là đúng, sẽ sớm lột nó ra khỏi người cô thay vì thết đãi cô một bữa ăn thịnh soạn.

Anh thích lột trần cô, thích ngắm nhìn cô. "Giống như một bức tranh của Renoir vậy." Anh nói, mặc dù anh chẳng biết gì mấy về hội họa. Thà là tranh của Renoir còn hơn là tranh của Rubens, cô nghĩ. Hoặc Picasso. Anh đã truyền cho cô thói quen tự đánh giá mình lỏa thể với một chút phê phán, nếu có. Moira dường như là một người phụ nữ chuyên mặc đồ bằng vải giả flannel dài chấm đất và chỉ khỏa thân khi tắt đèn. Đôi khi Ursula tự hỏi liệu Crichton có nói quá lên về vợ mình chẳng. Có đôi lần cô chợt nảy ra ý định lặn lội tới Wargrave để nhìn trộm người vợ bị phản bội của anh xem cô ấy có thực sự là một người đàn bà luộm thuộm hay không. Đương nhiên, vấn đề là Ursula sẽ thấy khó lòng lừa dối một Moira là người thật bằng xương bằng thịt (cô cho rằng cô ấy giống nhân vật trong tranh của Rubens chứ không phải Renoir) hơn là một người vẫn còn trong vòng bí ẩn.

("Nhưng cô ấy đúng là người thật mà." Pamela bắn khoả. "Lý lẽ của em nghe qua thì có vẻ hợp lý nhưng xét kĩ ra lại chẳng có lý tẹo nào.")

"Vâng, em cũng ý thức được điều đó." Cuộc trò chuyện này diễn ra ở buổi tiệc mừng sinh nhật lần thứ sáu mươi của Hugh, một sự kiện đầy những lời phàn nàn diễn ra vào mùa xuân.)

Căn phòng có tầm nhìn tuyệt vời về phía bờ sông, kéo dài từ cầu Waterloo tới Tòa nhà Quốc hội và tháp đồng hồ Big Ben, bây giờ tất cả đều chỉ còn là những cái bóng xám xịt trong ánh chiều chạng vạng đang xâm lấn. ("Thời khắc màu tím.") Cô chỉ có thể nhìn thấy lờ mờ cột tháp Cleopatra như một ngón tay tối sẫm chỉ thẳng lên

trời. Chẳng còn đâu vẻ rực rỡ lấp lánh thường thấy của những ánh đèn thấp sáng khắp London. Thời điểm tắt đèn tạm thời trong toàn thành phố đã bắt đầu.

"*Chỗ trú ẩn* của anh không tiện phải không? Chúng ta đang công khai à?" Ursula nói trong khi Crichton mở một chai sâm banh đã đợi họ nãy giờ trong một cái xô bạc lấm tấm những giọt nước. "Chúng ta đang ăn mừng sao?"

"Nói lời từ biệt." Crichton nói, tới chỗ cô đang đứng bên cửa sổ và đưa cho cô một ly rượu.

"Lời từ biệt ư?" Ursula trầm ngâm nói. "Anh đưa em đến một khách sạn sang trọng và mời em sâm banh để chấm dứt mọi chuyện giữa chúng ta sao?"

"Từ biệt hòa bình." Crichton nói. "Chúng ta đang nói lời từ biệt với cái thế giới mà chúng ta vốn quen thuộc." Anh giơ cái ly của mình về phía cửa sổ, về phía London đang đắm mình trong vẻ huy hoàng lộng lẫy lúc hoàng hôn. "Đánh dấu sự khởi đầu của kết thúc." Anh nghiêm nghị nói. "Anh đã bỏ Moira." Anh nói thêm như thể vừa chợt nghĩ đến, như thể đó chỉ là một chuyện nhỏ nhặt. Ursula sững sờ.

"Cả bọn trẻ nữa ư?" (Cô hỏi thế chỉ để xác nhận thôi, cô nghĩ.)

"Tất cả bọn họ. Cuộc đời này quý giá biết bao, tại sao phải chịu đựng cảnh sống không hạnh phúc chứ." Ursula tự hỏi vào đêm nay có bao nhiêu người ở London sẽ nói ra điều tương tự. Có lẽ trong những khung cảnh kém sang trọng hơn. Và dĩ nhiên sẽ có những người khác nói những lời tương tự để bám chặt lấy thứ mà họ đã có chứ không phải vứt bỏ đi trong một phút bốc đồng.

Ursula chợt hoảng hốt nói: "Em không muốn kết hôn với anh." Cô đã không nhận ra cảm giác đó của mình mãnh liệt thế nào cho đến khi những lời ấy thoát ra khỏi miệng cô.

"Anh cũng không muốn kết hôn với em." Crichton nói, và oái oăm thay, cô lại cảm thấy thất vọng.

"Anh đã thuê một căn hộ ở Egerton Gardens." Anh nói. "Anh nghĩ có lẽ em sẽ tới sống chung với anh."

"Sống chung? Sống chung không hôn thú ở khu Knightsbridge?"

"Nếu em muốn."

"Chúa ơi, anh thật liều lĩnh." Cô nói. "Còn sự nghiệp của anh thì sao?"

Anh xì một tiếng khinh khỉnh. Vậy là cô, chứ không phải chiến tranh, sẽ là trận Jutland mới của anh.

"Em sẽ đồng ý chứ? Ursula?"

Ursula nhìn đắm đắm xuống dòng sông Thames qua cửa sổ. Con sông giờ gần như vô hình.

"Chúng ta nên nâng cốc chúc mừng." Cô nói. "Trong hải quân, người ta sẽ nói gì nhỉ? *Người tình và vợ - mong sao họ không bao giờ gặp nhau*, đúng không?" Cô cụng ly của mình vào ly của Crichton và nói: "Em đói rồi, chúng ta ăn nhé?"

THÁNG 4 NĂM 1940

Tiếng còi ô tô inh ỏi dưới phố phá vỡ sự tĩnh mịch của buổi sáng Chủ nhật ở khu Knightsbridge. Ursula thấy nhớ tiếng chuông nhà thờ. Trước chiến tranh, có rất nhiều thứ đơn giản mà cô chẳng mấy để ý đến. Cô ước có thể quay ngược thời gian và coi trọng chúng hơn.

"Sao phải bấm còi ô tô..." Crichton nói. "... Khi chúng ta có một chiếc chuông cửa vẫn còn hoạt động tốt?" Anh nhìn ra ngoài cửa sổ. "Anh ấy đến rồi kìa." Anh nói. "Nếu anh ấy là một người đàn ông trẻ mặc bộ com lê ba món, vẻ mặt vênh váo như một con chim cổ đỏ."

"Nghe có vẻ là anh ấy đấy." Mặc dù Ursula không nghĩ Maurice "trẻ" - cô chưa bao giờ nghĩ là anh mình trẻ cả - nhưng cô cho rằng trong mắt Crichton thì đúng là như vậy.

Hôm nay là sinh nhật lần thứ sáu mươi của Hugh và Maurice đã miễn cưỡng cho cô đi nhờ về Góc Cáo để dự tiệc mừng. Sẽ thật lạ lẫm, và chưa chắc đã dễ chịu, khi bị nhồi chung trong một chiếc xe với Maurice. Họ hiếm khi ở riêng bên nhau.

"Anh ấy có xăng?" Crichton nhướn mày nói, nhưng thực ra nó là một lời khẳng định hơn là một câu hỏi.

"Anh ấy có *tài xế*." Ursula nói. "Em biết Maurice sẽ tận dụng chiến tranh hết mức." "Chiến tranh nào?" Pamela sẽ nói như vậy. Pamela đã "bị bỏ mặc" ở Yorkshire cùng với sáu cậu nhóc và Jeanette, người không chỉ hay than vãn mà còn "khá lười biếng. Chị đã kỳ vọng quá nhiều vào con gái của một mục sư. Cô ấy lười chảy thây ra, chị phải đuổi theo lũ nhóc nhà cô ấy lẫn lũ nhóc nhà chị suốt cả ngày dài. Chị hết chịu nổi trò sơ tán này rồi, chị nghĩ bọn chị sẽ về nhà sớm."

"Em cho rằng anh ấy không thể chễm chệ ngồi xe hơi về nhà *mà không* cho em đi nhờ." Ursula nói. "Maurice sẽ không muốn bị coi là người hành xử tồi tệ, ngay cả khi đó là sự đánh giá của chính gia đình anh ấy. Anh ấy phải giữ gìn *thanh danh*. Hơn nữa, vợ con anh ấy cũng đang ở đó và anh ấy sẽ đưa họ về London vào tối nay." Maurice đã gửi Edwina và bọn trẻ tới Góc Cáo để mừng lễ Phục sinh. Ursula đã tự hỏi phải chăng anh ta biết điều gì đó về cuộc chiến mà công chúng không biết - phải chăng lễ Phục sinh là thời điểm đặc biệt nguy hiểm? Hẳn rằng có rất nhiều điều Maurice biết mà những người khác không biết, nhưng lễ Phục sinh đã trôi qua mà không có sự kiện gì xảy ra, và cô cho rằng đó chỉ là một chuyến viếng thăm ông bà nội của bọn trẻ. Philip và Hazel là những đứa trẻ không được nhanh nhẹn lắm. Ursula tự hỏi làm thế nào mà chúng hòa hợp được với bọn trẻ tản cư nghịch ngợm đang ở nhờ nhà của Sylvie. "Lúc về sẽ có thêm Edwina và bọn trẻ nên chắc sẽ chật khùng khiếp. Chưa kể *tài xế* nữa. Tuy nhiên, đây là chuyện buộc phải làm."

Tiếng còi xe lại vang lên. Ursula lờ nó đi theo nguyên tắc của cô. Cô nghĩ sẽ toại nguyện biết bao nếu có Crighton đi cùng, mặc bộ quân phục hải quân chỉnh tề (nào huân chương, nào ngù vàng), hơn hẳn Maurice về mọi mặt. "Anh có thể đi cùng em." Cô nói với anh. "Chúng ta chỉ cần không nhắc đến Moira. Hoặc bọn trẻ."

"Đó là nhà em à?"

"Gì cơ?"

"Em đã nói 'Anh ấy không thể chễm chệ ngồi xe hơi về nhà', không phải sao? Đó là nhà em à?" Crighton nói.

"Vâng, đương nhiên." Ursula nói. Maurice đang đi đi lại lại với vẻ nóng ruột trên vỉa hè và cô gõ vào ô kính cửa sổ để thu hút sự chú ý của anh ta rồi giơ ngón trỏ lên, miệng mấp máy "một phút" với anh ta. Anh ta cau mày với cô. "Đó chỉ là một cách nói tượng trưng thôi."

Cô nói khi quay lại với Crighton. "Người ta luôn gọi nhà của cha mẹ là "nhà" mà."

"Thế sao? Anh thì không."

Ừ, Ursula nghĩ, anh thì không. Đối với Crighton, Wargrave là "nhà" của anh, cho dù chỉ trong ý nghĩ. Và anh đã đúng, đương nhiên, cô không coi căn hộ ở Egerton Gardens là nhà của mình. Nó chỉ là một điểm dừng chân tạm thời trên một hành trình khác mà cuộc chiến đã làm gián đoạn. "Chúng ta có thể tranh cãi về chuyện đó nếu anh muốn." Cô vui vẻ nói. "Chỉ có điều, anh biết đấy... Maurice đang đi đi lại lại ngoài kia như một chú lính nhỏ bằng thiếc."

Crighton cười. Anh không bao giờ muốn tranh cãi.

"Anh rất muốn đi cùng em và gặp gỡ gia đình em." Anh nói. "Nhưng anh phải đến Citadel." Hải quân đang xây dựng một pháo đài ngầm tên là Citadel trên quảng trường Horse Guards, và Crighton đang trong quá trình chuyển văn phòng của mình đến đó.

"VẬY HẸN GẶP LẠI ANH SAU." Ursula nói. "Xe của em đang đợi và Maurice sắp giẫm nát mặt đất rồi."

"Cái nhẫn kia." Crighton nhắc cô và Ursula nói: "Ồ, vâng, đương nhiên rồi, em suýt nữa quên mất." Cô đã bắt đầu đeo nhẫn cưới khi không ở chỗ làm để giữ thể diện "trước mặt những người giao hàng hay những người đại loại vậy". Cậu bé giao sữa, người phụ nữ đến lau dọn nhà cửa một tuần hai lần, cô không muốn họ nghĩ cô đang có một mối quan hệ bất chính. (Cô đã tự làm mình kinh ngạc với sự e ngại này.)

"Anh có thể tưởng tượng họ sẽ đặt ra bao nhiêu câu hỏi nếu họ nhìn thấy nó." Cô nói, cởi cái nhẫn ra và để nó lên cái bàn ở tiền sảnh.

Crighton hôn nhẹ lên má cô và nói: "Chúc em vui vẻ."

"Không có gì đảm bảo cho điều đó đâu." Cô nói.



"Cháu vẫn chưa tóm được cho mình một người đàn ông à?" Izzie hỏi Ursula. "Đương nhiên." Bà nói, rạng rỡ quay sang Sylvie. "Chị có... bây giờ chị có bao nhiêu đứa cháu rồi nhỉ, bảy hay tám?"

"Sáu. Có lẽ cô cũng thành bà nội rồi đấy, Izzie."

"Gì cơ?" Maurice nói. "Sao có thể chứ?"

"Dù sao đi nữa..." Izzie vui vẻ nói. "... Ursula sẽ bắt được áp lực phải sinh một đứa."

"Sinh ư?" Ursula nói, nĩa cá hồi nấu đông dừng lại lưng chừng trên đường đưa đến miệng.

"Có vẻ em bị "tồn kho" rồi." Maurice nói.

"Gì cơ?" Cô đặt lại cái nĩa xuống đĩa.

"Mãi mãi là phù dâu..."

"Một lần thôi." Ursula nói. "Em mới làm phù dâu đúng một lần trong đám cưới của Pamela."

"Nếu chị không ăn thì để em ăn cho." Jimmy nói, giành lấy miếng cá hồi của cô.

"Đúng một lần."

"Thế thì càng tệ hơn." Maurice nói. "Thậm chí còn chẳng có ai muốn em làm phù dâu ngoại trừ chị gái em." Anh ta cười khẩy, trông giống một cậu học sinh hơn là một người đàn ông. Bực một nỗi là anh ta đang ngồi quá xa nên cô không thể đá vào chân anh ta bên dưới gầm bàn.

"Phép cư xử, Maurice." Edwina lẩm bẩm. Nếu phải lấy một người như anh ta thì không biết một ngày sẽ bị thất vọng bao nhiêu lần? Ursula tự hỏi. Dường như mỗi lần cô tìm kiếm lý lẽ để chống chế cho việc không kết hôn, Maurice lại lù lù hiện ra, trở thành lý do

chính đáng nhất. Dĩ nhiên, Edwina đang bực bội vì tài xế của Maurice hóa ra lại là một cô gái thuộc Lực lượng Hỗ trợ Địa phương ATS mặc quân phục trông khá hấp dẫn. Trước sự bối rối của cô gái (tên cô ta là Penny, nhưng mọi người lập tức quên phắt điều này), Sylvie khẳng khái mời cô ta ngồi ăn cùng bàn với họ, trong khi cô ta rõ ràng sẽ thoải mái hơn nếu ở lại trong xe hoặc xuống bếp với Bridget. Cô ta bị nhét vào ngồi ở đầu bàn - nơi khá chật chội - cùng với bọn trẻ tản cư, và liên tục nhận được sự soi mói lạnh lùng từ Edwina. Maurice, trái lại, cố tình lờ cô ta đi. Ursula cố gắng lý giải ý nghĩa của hành động này. Cô ước gì có Pamela ở đây, chị cô rất giỏi "giải mã" người khác, mặc dù có lẽ không giỏi bằng Izzie. ("Theo cô thấy, Maurice đã đổ đốn rồi. Nhưng cô gái đó đẹp thế kia mà. Có người đàn ông nào cưỡng lại nổi sức hấp dẫn của một người phụ nữ mặc quân phục chứ?")

Philip và Hazel ngồi im re giữa cha mẹ chúng. Sylvie chưa bao giờ tỏ ra đặc biệt yêu quý mấy đứa con của Maurice, trong khi bà có vẻ yêu thích bọn trẻ tản cư. Barry và Bobby ("hai con ong náo nhiệt của bà") hiện đang bò dưới gầm cái bàn ăn theo phong cách Nhiếp chính Phục hưng, cười khanh khách như ma làm. "Lũ quỷ tinh nghịch." Sylvie trêu mếu nói. Tất cả những người khác đều gọi chúng là bọn trẻ tản cư theo thân phận của chúng. Rõ ràng chúng đã được Bridget và Sylvie gọt giũa để có vẻ ngoài ngây thơ, nhưng không gì có thể che giấu bản tính tinh quái của chúng. ("Quả là những thằng nhóc ma mãnh." Izzie rùng mình nói.) Ursula khá thích chúng, chúng gợi cô nhớ đến những cậu bé nhà Miller. Nếu chúng là những chú chó, đuôi chúng sẽ vẫy liên tục.

Hiện giờ Sylvie cũng có nuôi hai con chó con vốn là anh em với nhau, đó là giống chó Labrador màu đen rất dễ bị kích động. Chúng được đặt tên là Hector và Hamish nhưng dường như mọi người chỉ gọi chung chúng là "lũ chó". Lũ chó và bọn trẻ tản cư có vẻ đã góp phần làm cho Góc Cáo trở nên tồi tàn. Lần này Sylvie có vẻ cam chịu hơn so với cuộc chiến lần trước. Hugh thì ngược lại. Ông đã bị

"lôi kéo" vào việc huấn luyện Lực lượng Dân quân Tự vệ. Mới sáng nay thôi, sau buổi lễ ở nhà thờ, ông đã hướng dẫn "các quý bà quý cô" của nhà thờ trong vùng cách sử dụng bình cứu hỏa xách tay.

"Làm việc đó vào ngày Sabbath* thì có phù hợp không?" Edwina hỏi. "Con chắc chắn Chúa đứng về phía chúng ta, nhưng..." Giọng cô ta nhỏ đi vì không thể duy trì quan điểm thần học mặc dù cô ta là "một người Cơ Đốc giáo mộ đạo", điều đó có nghĩa là, theo lời Pamela, cô ta tát bọn trẻ đau điếng và bắt chúng ăn sáng bằng những gì còn sót lại ở bữa trà.

"Đương nhiên là phù hợp." Maurice nói. "Với vai trò là một người tổ chức Lực lượng Dân quân Tự vệ..."

"Em không nghĩ mình là "hàng tồn kho" như cách nói quá duyên dáng của anh." Ursula giận dữ ngắt lời anh. Một lần nữa, cô lại thoáng ao ước Crichton có mặt ở đây với những tấm huân chương và ngù vai. Edwina sẽ kinh hãi biết bao khi biết về Egerton Gardens. ("Chàng đô đốc đó thế nào rồi?" Lát sau, khi họ đang ở trong vườn, Izzie đã thì thào hỏi Ursula câu này như một kẻ có mưu đồ gì, vì dĩ nhiên bà đã biết chuyện của cô. Izzie biết hết mọi chuyện, và nếu bà không biết điều gì thì bà có thể dễ dàng moi được tin tức đó. Giống như Ursula, bà có khiếu làm tình báo. "Anh ấy không phải đô đốc." Ursula nói. "Nhưng anh ấy vẫn khỏe, cảm ơn cô.")

"Chị sống một mình cũng ổn mà." Teddy nói với Ursula. "Tự *đắm chìm trong đôi mắt sáng của chính mình*, đại loại thế." Teddy có niềm tin vào thơ ca, như thể chỉ riêng việc trích dẫn một câu thơ của Shakespeare cũng giúp xoa dịu được tình hình. Ursula nghĩ bài thơ *sonnet* mà em trai mình vừa trích dẫn nói về sự ích kỷ nhưng cô không nói ra điều đó vì Teddy cũng chỉ có ý tốt thôi. Có vẻ như Teddy không giống những người khác. Tất cả bọn họ đều nhắm vào tình trạng độc thân của cô.

"Con bé mới ba mươi, lạ Chúa." Izzie lại đưa ra ý kiến. (Giá mà họ im hết đi, Ursula nghĩ.) "Suy cho cùng..." Izzie khẳng định."...

Hơn bốn mươi tuổi em mới lấy chồng."

"Và chồng cô đâu?" Sylvie hỏi, nhìn quanh cái bàn Nhiếp chính Phục hưng - cả hai tấm đôi* đều đã được nối dài thêm để chứa đủ số thành viên trong gia đình họ. Bà vờ như lúng túng (một điều vốn không hợp với bà). "Hình như tôi không thấy chồng cô ở đây."

Izzie đã chọn dịp này để xuất hiện ("Không mời mà đến, như mọi khi." Sylvie nói), để chúc mừng Hugh đã bước vào tuổi lục tuần. ("Một bước ngoặt") Những người em gái khác của Hugh đã cho rằng hành trình tới Góc Cáo "quá vất vả".

"Bọn họ đúng là một bầy chồn cái." Izzie đã nói với Ursula một lúc sau đó. Izzie là em út nhưng chưa bao giờ được cưng chiều. "Hugh đã luôn đối tốt với họ."

"Ông ấy luôn đối tốt với tất cả mọi người." Ursula nói. Cô ngạc nhiên, thậm chí là giật mình, khi những giọt nước mắt bắt đầu dâng lên trước ý nghĩ về nhân cách tốt đẹp của cha mình.

"Ôi, đừng!" Izzie nói, đưa cho cô một miếng khăn tay mà hiển nhiên được coi là một chiếc khăn tay. "Cháu sẽ làm cho cô khóc theo đấy." Điều đó có vẻ không chắc xảy ra, Izzie chưa bao giờ khóc.

Izzie cũng đã chọn dịp này để thông báo rằng bà sắp sang California. Chồng bà, nhà soạn kịch nổi tiếng, đã được mời viết kịch bản phim ở Hollywood. "Toàn bộ dân châu Âu đang đổ xô đến đó." Bà nói.

"Giờ em là dân châu Âu, đúng không?" Hugh nói.

"Chẳng phải tất cả chúng ta đều là dân châu Âu sao?"



Cả gia đình đã hội tụ, ngoại trừ Pamela, vì hành trình về nhà quá thực quá gian lao vất vả đối với cô. Jimmy đã cố gắng xoay xở xin

nghỉ phép vài ngày, còn Teddy đưa cả Nancy về theo. Lúc mới đến, Nancy đã ôm Hugh một cách trìu mến và nói: "Chúc mừng sinh nhật, bác Todd." Rồi cô trao cho ông một gói quà xinh xắn được bọc bằng giấy dán tường cũ tháo từ nhà Shawcross. Đó là cuốn *The Warden*, "Bản in đầu tiên đấy ạ." Nancy nói. "Anh Ted nói bác thích Trollope." (Một sự thật mà dường như chẳng ai trong số những người còn lại trong gia đình ông biết đến.)

"Ted thật chu đáo." Hugh nói, hôn lên má cô. Rồi ông quay sang nói với Teddy: "Con có một cô người yêu thật tuyệt vời. Khi nào thì con sẽ ngỏ lời cầu hôn vậy?"

"Ồi!" Nancy đỏ mặt, cười nói: "Còn nhiều thời gian mà bác."

"Hy vọng là như vậy." Sylvie rầu rĩ nói. Teddy đã tốt nghiệp Trường Huấn luyện Bay Sơ cấp ("Anh ấy có cánh* rồi!" Nancy nói. "Giống như một thiên thần vậy!") và đang đợi đến lúc đi tàu thủy sang Canada để huấn luyện chuyên sâu. Khi nào đủ tiêu chuẩn, anh sẽ trở về và gia nhập một đơn vị huấn luyện chiến đấu OTU.

Anh nói anh có thể dễ dàng mất mạng trong lúc huấn luyện chiến đấu "hơn là trong một cuộc ném bom thực thụ". Đúng vậy. Ursula quen một cô gái ở Bộ Không quân. (Ở nơi nào cô cũng quen một cô gái nào đó, ai cũng vậy hết.) Họ thường ăn sandwich cùng nhau ở công viên St James và rầu rĩ trao đổi những số liệu thống kê, chẳng màng đến bàn tay chết chóc của cái gọi là Cam kết Bảo mật.

"Chà, đó là một niềm an ủi lớn đối với tôi." Sylvie nói.

"Ồi!" Một đứa trẻ tản cư kêu ré lên từ dưới gầm bàn. "Có kẻ chết tiệt nào đó vừa đá cháu." Mọi người theo bản năng nhìn vào Maurice. Thứ gì đó lạnh và ướt sục vào dưới váy Ursula. Cô hy vọng đó là mũi của một trong hai con chó chứ không phải của bọn trẻ tản cư. Jimmy véo cánh tay cô (khá mạnh) và nói: "Họ nói dai quá, đúng không?"

Cô gái ATS tội nghiệp - giống như bọn trẻ tản cư và lũ chó, cô ta cũng được gọi theo thân phận - trông như sắp khóc.

"Này cô, cô có ổn không?" Nancy vốn chu đáo nên hỏi han cô ta.

"Cô ấy là con một." Maurice thản nhiên nói. "Những người như họ không hiểu niềm vui của cuộc sống gia đình đâu." Thông tin về hoàn cảnh gia đình của cô gái ATS có vẻ làm Edwina cực kì phần nộ, cô siết chặt con dao cắt bơ trong tay như thể đang định tấn công ai đó - Maurice hoặc cô gái ATS, hoặc bất cứ ai trong tầm dao đâm. Ursula tự hỏi một con dao cắt bơ có thể gây tổn hại đến mức nào. Cô cho rằng cũng vừa đủ.

Nancy đứng bật dậy và nói với cô gái ATS: "Trời hôm nay đẹp quá! Cùng đi dạo đi! Những bông hoa chuông xanh trong rừng chắc đang nở rộ, nếu cô muốn cuộc bộ một chút." Cô khoác tay cô ta và gần như kéo cô ta ra khỏi phòng. Ursula nghĩ đến việc chạy theo họ.

"Thời gian tìm hiểu trước một cuộc hôn nhân giống như màn mở đầu vô cùng dí dỏm của một vở kịch hết sức nhảm chán." Izzie nói như thể chẳng có gì làm gián đoạn cuộc trò chuyện của họ. "Có người đã nói như vậy."

"Người đó là Congreve." Sylvie nói. "Mà câu đó thì có liên quan gì?"

"Em chỉ nói vậy thôi." Izzie đáp.

"Đương nhiên - cô đã kết hôn với một nhà soạn kịch, đúng không nhỉ?" Sylvie nói. "Người mà chúng tôi chưa bao giờ gặp."

""Cuộc hành trình" ấy với mỗi người mỗi khác." Izzie nói.

"Ôi, làm ơn." Sylvie nói. "Hãy miễn cho chúng tôi thứ triết lý bịp bợm của cô."

"Với em, hôn nhân là tự do." Izzie nói. "Với chị, hôn nhân luôn là sự tù túng khó chịu."

"Cô đang nói cái quái gì vậy?" Sylvie nói. (Những người còn lại quanh bàn đều tỏ ra bối rối.) "Cô chỉ ăn nói linh tinh."

"Và nếu không kết hôn thì cuộc đời chị sẽ ra sao?" Izzie tiếp tục một cách vô tư (hoặc tàn nhẫn, tùy vào quan điểm của từng người). "Em nhớ mang máng rằng lúc ấy chị mới mười bảy tuổi và nghèo xơ nghèo xác. Chị là con gái của một họa sĩ vừa mới qua đời và để lại một đồng nợ nần. Có trời mới biết chuyện gì sẽ xảy ra với chị nếu Hugh không xông tới cứu vớt chị."

"Cô thì nhớ được cái gì, lúc đó cô vẫn còn được nuôi trong phòng trẻ."

"Em nhớ được vừa đủ những gì cần nhớ. Và em, đương nhiên..."

"Ồ, thôi nào." Hugh mệt mỏi nói.

Bridget đã phá vỡ sự căng thẳng (giờ đây bà Glover đã rời đi nên cô thường đóng vai trò chủ chốt ấy ở Góc Cáo) khi bước vào phòng ăn, mang theo một con vịt quay.

"Món vịt bắt ngờ." Jimmy nói, vì đương nhiên họ đều đang mong đợi một con gà.



Nancy và cô gái ATS ("Penny." Nancy nhắc nhở mọi người) quay trở lại kịp lúc để được chia cho những đĩa thịt đã được hâm nóng. "Em may mắn vì vẫn còn thịt vịt đấy." Teddy nói với Nancy khi anh đưa cho cô một đĩa. "Thịt của con gia cầm tội nghiệp này đã bị gỡ sạch sành sanh."

"Một con vịt thì có gì mấy để ăn chứ." Izzie nói, châm một điếu thuốc lá. "Còn chẳng đủ cho hai người, em không hiểu nổi chị đang nghĩ gì nữa."

"Tôi nghĩ chiến tranh đang diễn ra." Sylvie nói.

"Nếu em biết chị định làm món vịt..." Izzie tiếp tục. "... Em đã kiếm thứ gì đó thịnh soạn hơn rồi. Em quen một người đàn ông có thể kiếm được bất cứ thứ gì."

"Tôi tin là cô có quen một người như vậy." Sylvie nói.

Jimmy đưa cho Ursula cái xương ược và họ cùng ược thật to và rõ ràng rằng Hugh sẽ có một ngày sinh nhật thật tuyệt vời.

Mọi mâu thuẫn đều được xí xóa bởi sự xuất hiện của chiếc bánh sinh nhật - đương nhiên là một chiếc bánh ngọt chủ yếu được làm từ trứng. Bridget mang nó tới bàn. Cô không có khiếu tạo sự long trọng cho bất cứ thứ gì và đặt nó cái ạch ngay trước mặt Hugh không chút kiêu cách. Ông ép cô ngồi vào bàn. "Nếu tôi là cô thì tôi sẽ không ngồi đâu." Ursula nghe thấy cô gái ATS khế lằm bằm.

"Cháu là một thành viên trong gia đình, Bridget à." Hugh nói. Ursula nghĩ, làm gì có ai trong gia đình làm việc quần quật từ sáng sớm tới tối mịt như Bridget chứ. Bà Glover đã nghỉ hưu và chuyển tới sống cùng một trong những người chị em của mình sau cái chết đột ngột nhưng không bất ngờ của George.

Ngay khi Hugh hít căng lồng ngực một cách khoa trương - vì chỉ có một ngọn nến tượng trưng để thổi - thì ngoài hành lang bỗng vang lên tiếng huyền não. Một trong hai thằng bé tản cư chạy ra xem có chuyện gì, rồi chạy vào thông báo rằng: "Có một người phụ nữ, và cả đồng nhãi ranh!"



"Bữa tiệc thế nào?" Crighton hỏi khi cô cuối cùng cũng về nhà.

"Pammy đã trở về - em nghĩ là về hẳn luôn." Cô nói, quyết định đi thẳng vào trọng tâm. "Trông chị ấy mệt rã rời. Chị ấy đi bằng tàu hỏa, dắt theo ba thằng nhóc, chưa kể một đĩa ẩm ngữ trên tay, anh có thể tưởng tượng được không? Chị ấy đã mất hàng tiếng đồng hồ."

"Đúng là một cơn ác mộng." Crichton nói, giọng đầy cảm xúc.

("Pammy!" Hugh đã reo lên. Trông ông vô cùng mừng rỡ.

"Chúc mừng sinh nhật bố!" Pamela nói. "Con e rằng con chẳng có quà cáp gì cả, chỉ có mấy mẹ con con thôi."

"Thế là quá đủ rồi." Hugh nói, cười rạng rỡ.)

"Và những túi hành lý cùng con chó nữa chứ. Chị ấy đúng là một lực sĩ. Chặng đường về của em cũng là một cơn ác mộng. Maurice, Edwina, hai đứa con út của họ và người tài xế. Hóa ra tài xế của anh ấy là một cô gái ATS khá đáng yêu."

"Lạy Chúa lòng lành!" Crichton nói. "Sao anh ấy làm được điều đó nhỉ? Hàng tháng trời nay anh vẫn cố giành lấy một cô nàng thuộc đội nữ hải quân mà có được đâu." Cô cười phá lên và thở thẩn trong bếp lúc anh pha ca cao cho cả hai người họ. Khi họ nửa nằm nửa ngồi trên giường để uống ca cao, cô thuật lại cho anh nghe những chuyện xảy ra trong ngày, thêm mắm dặm muối một chút (cô cảm thấy mình có bổn phận giúp anh tiêu khiển). Xét cho cùng, cô nghĩ, ở họ có gì khác so với một cặp vợ chồng bình thường chứ? Có lẽ là cuộc chiến. Có lẽ không.

"Em nghĩ em sẽ phải nhập ngũ hoặc gia nhập một lực lượng nào đó." Cô nói. Cô nghĩ về cô gái ATS. "Để "đóng góp công sức của mình", như cách họ nói. Làm những việc "chân lấm tay bùn". Ngày nào em cũng đọc báo cáo về những người làm những công việc dũng cảm, vậy mà hai bàn tay em vẫn quá sạch sẽ."

"Em vẫn đang "đóng góp công sức của mình" rồi còn gì." Anh nói.

"Đóng góp gì chứ? Cấp dưỡng cho hải quân hả?"

Anh cười và lăn người qua, kéo cô vào trong vòng tay. Anh rúc vào cổ cô. Và khi cô nằm đó, cô chợt nảy ra ý nghĩ rằng cô có thể hạnh phúc. Hoặc ít nhất cũng hạnh phúc hết mức có thể trong cuộc đời này.

Trên chuyến xe chật chội trở về London, cô chợt phát hiện ra rằng "nhà" không phải là Egerton Gardens, thậm chí cũng không phải là Góc Cáo. Nhà là một ý niệm, và cũng giống như vùng đồng quê thanh bình hạnh phúc, nó đã chìm vào trong quá khứ mất rồi.

Cô đã dán nhãn ngày hôm nay trong trí nhớ của mình là "sinh nhật lần thứ sáu mươi của bố Hugh", thêm một dịp tụ họp của cả gia đình. Sau này, khi cô hiểu ra rằng đó là lần cuối cùng tất cả bọn họ được ở bên nhau, cô đã ước gì mình để tâm đến họ nhiều hơn.



Sáng hôm sau, Crichton đánh thức cô khi anh mang cho cô một khay trà và bánh mì nướng. Cô phải cảm ơn Lực lượng Hải quân Hoàng gia, chứ không phải Wargrave, vì tài trợ của anh.

"Cảm ơn anh." Cô nói, cố gắng ngồi dậy. Cả người cô vẫn còn mỏi nhừ từ chuyến đi ngày hôm qua.

"Anh e rằng có tin xấu." Anh nói và mở rèm.

Cô nghĩ về Teddy và Jimmy, mặc dù cô biết rằng ít nhất trong buổi sáng hôm nay, hai người họ đang được an toàn nằm cuộn tròn trên giường trong căn phòng chung thời niên thiếu của họ ở Góc Cáo, trước đây từng là phòng của Maurice.

"Tin xấu gì vậy?" Cô hỏi.

"Na Uy đã thất thủ."

"Na Uy tội nghiệp." Cô nói và nhâm nhi tách trà nóng.

THÁNG 11 NĂM 1940

Pamela đã gửi đến một kiện quần áo trẻ con mà Gerald không còn mặc vừa, và Ursula liền nghĩ đến chị hàng xóm cũ Appleyard. Lẽ ra cô cũng chẳng nghĩ gì đến chị ta vì không còn giữ liên lạc với các cư dân ở đường Argyll kể từ khi cô chuyển tới Egerton Gardens, đó là một điều mà cô có chút nuối tiếc vì cô khá mến hai chị em bà Nesbit, và thường tự hỏi họ đang sống thế nào dưới làn bom của những cuộc oanh tạc không ngừng nghỉ. Nhưng vài tuần trước, cô đã tình cờ gặp Renee Miller.

Ursula đã "đi dạo phố", như cách gọi của Jimmy, cùng với cậu khi cậu được nghỉ phép vài ngày. Họ đã bị kẹt lại ở khách sạn Charing Cross vì ngoài đường có một quả bom chưa phát nổ - đôi khi cô nghĩ những quả bom chưa phát nổ còn phiền toái hơn là những quả bom đã phát nổ - và họ phải trú chân trong tiệm cà phê ở tầng hai.

"Đằng kia có một cô gái phấn son diêm dúa có vẻ biết chị." Jimmy nói.

"Chúa ơi, đó là Renee Miller." Ursula nói khi cô nhìn thấy Renee hăm hở vẫy tay với cô. "Còn người đàn ông đang ngồi cùng cô ấy là ai nhỉ? Trông như một gã gangster vậy."

Renee vô cùng nồng nhiệt như thể cô ta từng rất thân thiết với Ursula ("Cô ấy là một cô gái sôi nổi." Jimmy cười sau khi họ đã thoát khỏi đó), và khẳng khẳng nài họ tới ngồi chung bàn với cô ta và "Nicky" để cùng uống một ly. Nicky có vẻ chẳng mấy mặn mà với ý kiến này nhưng vẫn bắt tay với họ và ra hiệu cho bồi bàn chạy tới.

Renee kể cho Ursula nghe "những sự kiện" xảy ra ở đường Argyll, mặc dù có vẻ như chẳng có gì thay đổi lắm kể từ khi cô chuyển tới Egerton Gardens một năm trước, ngoại trừ việc anh

chàng Appleyard đã nhập ngũ còn vợ anh ta đã sinh được một đứa con. "Một đứa con trai." Renee nói. "Một đứa trẻ xấu xí." Jimmy cười ha ha và nói: "Tôi thích một cô gái biết nói thẳng nói thật." Nicky khá bức tức bởi sự hiện diện của một anh chàng ưa nhìn như Jimmy, đặc biệt là khi Renee uống thêm một cốc rượu gin loăng nữa và bắt đầu tán tỉnh Jimmy (với vẻ gần như chuyên nghiệp).

Ursula loáng thoáng nghe thấy ai đó nói rằng quả bom chưa nổ đã được xử lý. Khi Renee nói "Đãi bọn em thêm một châu nữa đi, Nicky", Nicky bắt đầu quắc mắt lên. Ursula nghĩ rời đi lúc này là điều sáng suốt nhất Nicky từ chối khi họ giành trả tiền, như thể đó là nguyên tắc của ông ta. Ursula không chắc là mình muốn chịu ơn một người như ông ta. Renee ôm hôn cô và nói: "Hãy về thăm những người hàng xóm cũ nhé, họ sẽ mừng lắm đấy." Ursula hứa cô sẽ về thăm họ.

"Lạy Chúa lòng lành, em đã nghĩ cô ấy sẽ ăn thịt em mất." Jimmy nói khi họ khéo léo tránh những đồng đồ nát trên phố Henrietta.



Bọc quần áo cũ của Gerald đã thúc đẩy cô giữ đúng lời hứa với Renee. Lần đầu tiên cô tan làm sớm và hơn sáu giờ một chút đã tới đường Argyll. Cô vốn không mặc bất cứ loại đồng phục nào vì dường như còn chẳng có đủ thời gian để ăn và thở từ lúc đi làm về đến lúc quân địch thả bom. "Công việc của em liên quan đến chiến tranh." Crichton chỉ ra. "Anh nghĩ em sẽ bận tối mắt tối mũi. Dạo này Bộ Gì Đó thế nào rồi?"

"Ồ, anh biết đấy. Bận tui bụi." Có quá nhiều thông tin cần được ghi lại. Thông tin về từng đợt ném bom - loại bom nào, tổn thất ra sao, bao nhiêu người thương vong (danh sách kiểm đếm càng lúc càng chất chồng như núi) - tràn lan trên những chiếc bàn làm việc của họ.

Thi thoảng cô sẽ mở một bìa kẹp hồ sơ màu da bò và tìm thứ mà cô gọi là "tài liệu thô" - những báo cáo được đánh máy hoặc thậm chí là viết tay của Ban Công tác Phòng không ARP - và tự hỏi nếu ở giai đoạn ác liệt nhất của cuộc chiến thì sẽ như thế nào, vì Cuộc không kích Blitz này đích thị là một cuộc chiến, không phải sao? Đôi lúc cô nhìn thấy những tấm bản đồ về những tổn thất do bom gây ra, có lần còn xem được một tấm do anh chàng Ralph vẽ. Anh ta đã ký vào mặt sau của nó bằng nét bút chì mờ nhạt, gần như không thể đọc nổi. Họ là bạn của nhau, cô đã gặp anh ta ở lớp tiếng Đức, mặc dù anh ta đã tỏ rõ ý muốn tiến thêm một bước nữa với cô. "Người đàn ông khác của em", Crighton thích thú gọi anh ta như vậy.

"Chị tốt bụng quá!" Chị Appleyard nói khi Ursula xuất hiện ở cửa nhà chị ta với bọc quần áo. "Mời chị vào chơi."

Ursula ngập ngừng bước qua ngưỡng cửa. Mùi bắp cải luộc trước đây giờ quyến lẫn với những thứ mùi khó chịu hơn - những thứ mùi toát ra từ đứa trẻ sơ sinh. Đáng buồn thay, lời đánh giá của Renee về vẻ đẹp của đứa bé nhà Appleyard - hay đúng hơn là việc nó không đẹp - hóa ra lại đúng. Nó là một "đứa trẻ xấu xí".

"Emil." Chị Appleyard nói, đưa nó cho Ursula bế. Cô có thể cảm thấy sự ẩm ướt ở nó qua chiếc quần lót bằng vải trắng cao su. Cô gần như đưa trả nó lại ngay lập tức. "Emil?" Cô nói với nó, nhăn mặt rồi gượng gạo cười với nó. Nó nhìn cô chằm chằm với vẻ mặt cau có trông chẳng khác gì bố nó cả.

Chị Appleyard mời Ursula uống trà nhưng Ursula cáo lỗi và vội vàng lên cầu thang để tới "tổ chim" của hai chị em bà Nesbit.

Họ vẫn tử tế như trước đây. Hẳn là thú vị lắm khi được sống chung với người chị em của mình, Ursula nghĩ. Cô sẽ không ngại sống cùng với Pamela.

Ruth nắm lấy một ngón tay cô bằng bàn tay xương xẩu của bà. "Cô đã kết hôn rồi! Tuyệt quá." Chết tiệt, Ursula nghĩ, cô đã quên

tháo cái nhẫn cưới ra. Cô ngập ngừng: "À..." Và rồi, khi nhận ra càng giải thích sẽ càng rắc rối, cuối cùng cô nhỏ nhẹ nói: "Vâng." Cả hai bà đều vui vẻ chúc mừng như thể cô đã đạt được một thành tựu vĩ đại.

"Thật tiếc là cô không có nhẫn đính hôn." Bà Lavinia nói.

Ursula đã quên mất sở thích sưu tập đồ trang sức bằng ngọc nhân tạo của họ và ước rằng mình đã mang cho họ thứ gì đó. Izzie đã cho cô một cái hộp nhỏ đựng những cái mặt khóa và cặp tóc cũ đính những viên đá lỏng lách như kim cương mà cô biết là họ sẽ thích mê.

Bà Lavinia đang đeo một cái trâm cài áo bằng men có hình dáng giống như một con mèo đen. Một viên kim cương giả nhỏ xíu lấp lánh tạo thành mắt của nó. Bà Ruth thì đeo một viên đá topaz màu đỏ nặng trĩu trên bộ ngực nhỏ như ngực chim sẻ. Nó trông như có thể lay đổ thân hình mỏng manh của bà.

"Chúng tôi giống như những con chim ác là." Bà Ruth cười. "Chúng tôi yêu tất cả những vật nhỏ xíu sáng lấp lánh."

Họ bật ấm đun nước và nhặng xị cả lên với việc tiếp đãi cô thứ gì - bánh mì nướng phết mứt Marmite hay bánh mì nướng phết mứt quả - thì còi báo động bắt đầu rú lên tiếng kêu quái quỷ. Ursula nhìn ra ngoài cửa sổ. Chưa có dấu hiệu gì của máy bay ném bom mặc dù một chiếc đèn rọi đã quét loang loáng trên bầu trời đen thẫm. Một vầng trăng non xinh đẹp giống như chiếc lưỡi liềm sáng rực in trên nền bóng tối thăm thẳm.

"Đi nào, xuống tầng hầm của nhà Miller thôi." Bà Lavinia nói với giọng vui vẻ đến đáng kinh ngạc. "Đêm nào cũng là một cuộc phiêu lưu." Bà Ruth nói thêm khi họ gom theo một đống đồ lớn - khăn trùm, tách uống trà, sách và đồ mạng vá. "Đèn pin, đèn pin, đừng quên đèn pin!" Bà Lavinia ríu rít nói.

Khi họ tới tầng trệt, một quả bom rơi xuống cách đó vài con phố. "Ôi, không!" Bà Lavinia nói. "Tôi quên đồ đan rồi."

"Chúng tôi sẽ quay trở lên." Ruth nói và Ursula gàn: "Không, các bà phải đi trú ẩn."

"Tôi đang đan cái quần tất cho thằng bé nhà cô Appleyard." Bà Lavinia nói, như thể đó là một lý do chính đáng để mạo hiểm tính mạng của mình.

"Đừng lo cho chúng tôi, cưng à." Ruth nói. "Chúng tôi sẽ quay lại trước cả khi cô biết rằng chúng tôi đã đi đấy."

"Vì Chúa, nếu bà buộc phải lấy nó thì để cháu đi giúp cho." Ursula nói nhưng họ đã kéo kệt leo lên cầu thang và ông Miller thì đang giục cô xuống tầng hầm.

"Renee, Dolly, mọi người ơi! Xem ai tới thăm những người bạn cũ này!" Ông ta thông báo với những người trong hầm như thể đang giới thiệu một tiết mục ca múa nhạc.

Cô đã quên nhà Miller có bao nhiêu người, cô Hartnell hà khắc ra sao và ông Bentley lập dị thế nào. Còn Renee, cô ta dường như đã quên cuộc gặp gỡ sôi nổi của họ lần trước, chỉ nói: "Chúa ơi, lại phải chia sẻ không khí với một người nữa dưới cái đáy địa ngục này." Renee đang miễn cưỡng nựng nịu thằng bé Emil quạu quọ. Cô ta nói đúng, đây quả là cái đáy của địa ngục. Ở Egerton Gardens, họ có một tầng hầm khá thông thoáng để trú ẩn, mặc dù Ursula (và cả Crighton nữa nếu anh ở đó) thường liều lĩnh ở lì trên giường.

Ursula nhớ đến chiếc nhẫn cưới và nghĩ rằng không biết Hugh và Sylvie sẽ hoang mang ra sao nếu họ nhìn thấy nó trên thi thể cô, nếu cô chết trong một cuộc không kích. Liệu Crighton có đến dự đám tang của cô và giải thích không? Cô đang định tháo nó ra thì bị cản trở bởi Renee đột nhiên dúi Emil vào tay cô ngay trước khi một tiếng nổ lớn vang lên làm rung chuyển cả tòa nhà.

"Chúa ơi, tối nay già Fritz thực sự đang cố dọa dẫm chúng ta."
Ông Miller hào hứng nói.



Hình như tên cô là Susie. Cô không biết, cô thực sự không thể nhớ nổi bất cứ điều gì. Một người đàn ông cứ liên tục gọi cô từ trong bóng tối. "Nào, Susie, đừng ngủ vào lúc này" và "Chúng ta sẽ uống một tách trà ngon khi nào chúng ta ra khỏi đây nhé, được không, Susie?" Cô đang bị nghẹn tro và bụi. Cô cảm nhận được thứ gì đó bên trong cô đang bị xé toạc đến mức không thể cứu vãn được nữa. Rạn vỡ. Cô là một cái bát bằng vàng. "Tư tưởng rất giống với Henry James", cô nghe thấy Teddy nói. (Teddy đã nói thế chẳng?) Cô là một cái cây lớn (kỳ quặc làm sao). Cô rất lạnh. Người đàn ông kia đang cầm tay cô, siết chặt nó. "Nào, Susie, hãy giữ tỉnh táo." Nhưng cô không thể, bóng tối dịu dàng đang vẫy gọi cô với sự hứa hẹn về giấc ngủ, giấc ngủ ngàn thu, rồi tuyết bắt đầu nhẹ nhàng rơi cho đến khi cô bị bao phủ hoàn toàn và mọi thứ trở nên tối đen.

MỘT NGÀY MAI TƯƠI ĐẸP



THÁNG 9 NĂM 1940

Cô nhớ Crichton hơn những gì cô tiết lộ với anh hoặc Pamela. Anh đã thuê một phòng ở khách sạn Savoy vào đêm trước chiến tranh và cô đã diện bộ váy satin màu xanh hoàng gia xinh đẹp để rồi nghe anh tuyên bố rằng họ nên chấm dứt mọi thứ ("nói lời từ biệt"). "Nó sẽ trở nên cực kì khủng khiếp." Anh nói, nhưng cô không rõ là anh đang nói về chiến tranh hay nói về mối quan hệ của chính họ.

Bất chấp hoặc có lẽ vì cuộc chia ly này, họ lên giường cùng nhau và anh nói đi nói lại rất nhiều lần với cô rằng anh sẽ nhớ biết bao "cơ thể này", "da thịt em", "khuôn mặt xinh đẹp này", vân vân, cho đến khi cô chán ngấy và nói: "Ôi trời, chính anh mới là người muốn thoát khỏi mối quan hệ này chứ đâu phải em."

Cô tự hỏi liệu anh có làm tình với Moira như thế này không - vừa lạnh lùng vừa cuồng nhiệt - nhưng đó không phải là câu mà cô nên hỏi. Điều quan trọng là Moira đã giành lại được anh. Có lẽ anh chỉ còn là món hàng cũ mềm, như nhuốc nhưng vẫn là của cô ấy.

Sáng hôm sau, họ ăn sáng trong phòng rồi nghe bài phát biểu của Chamberlain. Trong phòng có một cái radio. Không lâu sau, một tiếng còi báo động vang lên, nhưng lạ một điều là cả hai người họ đều chẳng hề hoảng loạn. Nó hoàn toàn có vẻ không giống tiếng còi báo động thật. "Anh nghĩ đó chỉ là thử nghiệm thôi." Crichton nói. Ursula nghĩ rằng từ bây giờ có lẽ mọi thứ đều sẽ là một sự thử nghiệm.

Họ rời khách sạn và đi bộ dọc theo con đê tới cầu Westminster, nơi cánh dân phòng của Lực lượng Công tác Phòng không đang huýt còi và hò hét rằng tin báo động đã kết thúc rồi. Những người khác thì đạp xe đạp có gắn những tấm biển đề chữ *An toàn*, và

Crighton nói: "Lạy Chúa lòng lành, anh cảm thấy lo sợ cho chúng ta nếu đây là điều tốt nhất mà chúng ta có thể làm được trong một cuộc oanh tạc." Những bao cát đang được chất dọc theo cây cầu và khắp mọi nơi và Ursula nghĩ thật là may khi trên đời này có nhiều cát đến vậy. Cô cố gắng nhớ lại những câu thơ trong bài *Con hải mã và bác thợ mộc**. *Nếu bảy cô thiếu nữ với bảy cây chổi** - nhưng lúc này họ đã tới Whitehall và Crighton cắt ngang dòng suy nghĩ của cô khi nắm lấy cả hai bàn tay cô và nói: "Anh phải đi rồi, em yêu." Trong một thoáng, anh có vẻ giống một ngôi sao điện ảnh trong một bộ phim khá rẻ tiền và ủy mị. Cô quyết định sẽ sống như một nữ tu trong suốt cuộc chiến. Như thế dễ dàng hơn nhiều.

Cô dõi theo anh đi bộ dọc theo đường Whitehall và đột nhiên cảm thấy cô đơn khủng khiếp. Xét cho cùng, cô có thể trở lại Finchley.

THÁNG 11 NĂM 1940

Ở phía bên kia bức tường, cô có thể nghe thấy tiếng kêu nheo nhéo của Emil và lời nựng nịu trách yêu của chị hàng xóm Appleyard. Chị ta bắt đầu hát ru bằng thứ ngôn ngữ của mình, thứ tiếng mẹ đẻ, Ursula nghĩ. Đó là một bài hát buồn não lòng và Ursula thề rằng nếu cô có con (một việc khó lắm thay khi mà ta đã quyết định sống như một nữ tu), cô sẽ chỉ hát cho nó nghe những giai điệu vui vẻ mà thôi.

Cô cảm thấy cô đơn. Cô muốn có một cơ thể ấm áp ở bên để an ủi. Vào những đêm như thế này, giá mà có một con chó thì sẽ tốt hơn biết bao so với ở một mình. Một sinh vật còn sống, còn thở.

Cô dịch tấm che cửa sổ sang một bên. Chưa thấy dấu hiệu gì của những chiếc máy bay ném bom, chỉ có ánh đèn rọi đơn độc trông như ngón tay dài ngoằng chọc thẳng lên bầu trời đen thẳm. Một vầng trăng non đang treo trên bầu trời. *Nhọt nhạt vì mệt mỏi*, theo nhận xét của Shelley, nhưng lại là *Nữ hoàng và nữ thợ săn trình bạch và xinh đẹp* đối với Ben Jonson. Đối với Ursula, nó toát ra một vẻ lãnh đạm khiến cô đột nhiên run rẩy.

Trước khi còi báo động vang lên một giây, cô luôn cảm nhận được một âm thanh mà không một ai nghe thấy. Nó giống như một tiếng vang, hay đúng hơn là thứ trái ngược với một tiếng vang. Tiếng vang thì phải phát ra sau âm thanh, nhưng liệu có từ nào để gọi thứ phát ra trước đó không?

Cô nghe thấy tiếng máy bay gầm rú trên đầu và tiếng *bùm bùm bùm bùm bùm* của những quả bom đầu tiên rơi xuống. Rồi khi cô đang định dịch tấm chắn về chỗ cũ và chạy xuống tầng hầm thì chợt nhìn thấy một con chó nằm co ro ở cửa nhà đối diện - như thể cô đã

ước ra nó vậy. Từ chỗ cô đứng, cô có thể cảm nhận được sự sợ hãi của nó. Cô chần chừ trong giây lát rồi nghĩ, Ôi, chết tiệt, và chạy như bay xuống cầu thang.

Cô chạm trán hai chị em bà Nesbit. "Ồ, xui xẻo quá, cô Todd." Bà Ruth cười khúc khích. "Vì chúng ta đi ngược nhau trên cầu thang, cô biết đấy."

Ursula đang đi xuống, còn hai chị em bà đang đi lên. "Hai bà đi nhầm hướng rồi." Cô nói một câu khá vô ích.

"Tôi quên mất bộ đồ đan." Lavinia nói. Bà đang đeo một cái trâm cài áo bằng men có hình giống như một con mèo đen. Mất nó là một viên kim cương giả nhỏ xíu lấp lánh. "Chị ấy đang đan một cái quần tất cho con của cô Appleyard." Bà Ruth nói. "Bên trong căn hộ của họ rất lạnh."



Trên đường ồn ào khủng khiếp. Cô có thể nghe thấy tiếng những quả bom lửa rơi loảng xoảng xuống một mái nhà gần đó, cứ như một thùng than khổng lồ đang được đổ ra vậy. Bầu trời bùng sáng. Một quả pháo sáng giống như ngọn chúc đài rơi xuống, rực rỡ tựa pháo hoa, rọi sáng mọi thứ bên dưới.

Một đoàn máy bay ném bom đang gầm rú trên đầu khi cô lao qua đường để tới chỗ con chó. Đó là một con chó sục bình thường đang rên ư ử và run bần bật. Ngay khi cô bế được nó lên, cô nghe thấy một tiếng rít kinh hoàng và cô biết là mình đang gặp nguy hiểm, cả cô và con chó đều gặp nguy hiểm. Một tiếng gầm đinh tai nhức óc vang lên, tiếp ngay sau đó là tiếng rầm kinh thiên động địa nhất mà cô từng nghe thấy từ trước đến nay trong Cuộc không kích Blitz. Thế này đây, cô nghĩ, mình sẽ chết như thế này đây.

Một viên gạch hay thứ gì đó văng vào trán cô nhưng cô không bất tỉnh. Một luồng khí, giống như một cơn bão lốc, hất cô ngã

xuống. Trong tai cô đau đớn khủng khiếp, và tất cả những gì cô có thể nghe thấy là một tiếng động nghe như tiếng hát và tiếng huýt sáo cao vút. Cô biết rằng màng nhĩ của mình hẳn đã có vấn đề. Những mảng gạch vỡ rào rào trút xuống người cô như mưa, cửa rách và đâm sâu vào da thịt cô. Vụ nổ có vẻ lan tới như những làn sóng nối tiếp nhau và cô cảm thấy một sự rung chuyển âm ì trên mặt đất bên dưới cơ thể mình.

Nhìn từ xa, một vụ nổ có vẻ kết thúc gần như ngay lập tức nhưng khi ta ở chính nơi vụ nổ diễn ra, nó có vẻ kéo dài mãi mãi với cường độ càng lúc càng tăng khiến ta không biết nó sẽ kết thúc thế nào và ta sẽ kết thúc ra sao. Cô đang nửa nằm nửa ngồi trên mặt đất và cố gắng bám vào thứ gì đó, nhưng cô không thể thả con chó ra (không hiểu sao ý nghĩ này lại chiếm vị trí hàng đầu trong tâm trí cô). Rồi cô thấy mình bị thổi bay đi chậm chậm dọc theo mặt đất.

Sức ép bắt đầu giảm đi một chút nhưng bụi đất vẫn rơi ào ào và những tác động của vụ nổ vẫn đang diễn ra. Thế rồi lại có một thứ gì đó va trúng vào đầu cô và mọi thứ trước mắt cô trở nên tối đen.



Cô được đánh thức bởi con chó liếm mặt cô. Thật khó để hiểu nổi chuyện gì đã xảy ra, nhưng sau một lúc, cô nhận ra rằng cánh cửa nơi cô ôm lấy con chó đã không còn ở vị trí cũ nữa. Nó đã bị thổi bay vào trong cùng với cả cô và con chó, và bây giờ họ đang nằm giữa cảnh đổ nát trong hành lang của một ngôi nhà. Cầu thang của ngôi nhà nằm ở đằng sau họ, bị chặn cứng bởi những viên gạch vỡ và những thanh gỗ gãy, bây giờ nó chẳng còn dẫn đi đâu cả vì những tầng ở trên đã biến mất.

Cô cố gắng ngồi dậy, vẫn còn bàng hoàng. Đầu cô có cảm giác nặng trĩu và mụ mị nhưng dường như chẳng có cái xương nào bị gãy. Cô cũng không thấy mình chảy máu ở đâu cả, mặc dù cô cho rằng mình hẳn là đầy những vết bầm tím và trầy xước. Cả

con chó có vẻ cũng không bị thương mặc dù nó rất im lìm. "Chắc tên mày là Lucky." Cô nói với nó nhưng giọng cô hầu như không thể thoát ra khỏi cổ họng, trong không khí dày đặc bụi khiến cô bị nghẹt thở. Cô thận trọng đứng dậy và đi dọc hành lang để ra ngoài đường.

Tòa nhà của cô cũng đã biến mất, nhìn đâu đâu cũng thấy những đồng gạch vụn lớn đang bốc khói bụi mù mịt và những bức tường trơ trọi. Ánh sáng từ vầng trăng khuyết có hình dáng giống như đầu móng tay rơi qua màn bụi lơ mờ, soi tỏ cảnh tượng kinh hoàng. Nếu cô không chạy ra ngoài để cứu con chó, giờ đây cô đã hóa thành tro than trong tầng hầm nhà ông Miller. Mọi người chết cả rồi chẳng? Chị em bà Nesbit, chị Appleyard và Emil? Ông Bentley? Cả gia đình Miner?

Cô loạng choạng bước xuống đường, tới chỗ hai người lính cứu hỏa đang tháo một cái ống vòi. Trong lúc họ đang nối nó với vòi nước máy, một người trong số họ nhìn thấy cô và hét to: "Cô ổn cả chứ, thưa cô?" Thật là lạ lùng, trông anh ta giống hệt Fred Smith. Thế rồi người lính cứu hỏa còn lại hét lên: "Cẩn thận, bức tường đang đổ kìa!"

Đúng là nó đang đổ. Một cách chậm rãi, cực kì chậm rãi, như trong một giấc mơ, cả bức tường nghiêng theo một trục vô hình, ngã về phía họ như thể đang cúi đầu chào duyên dáng, và nó đổ xuống liền một khối, chẳng có lấy một hòn gạch riêng lẻ nào rơi ra, bóng tối cũng theo đó mà phủ xuống.

THÁNG 8 NĂM 1926

Als er das Zimmer verlassen hatte wusste, was sie aus dieser Erscheinung machen sollte...*

Bây ông vo ve tấu lên khúc hát ru của buổi chiều hè và Ursula đang ở dưới bóng những gốc táo, mơ màng bỏ cuốn *Die Marquise von O* xuống. Qua đôi mắt khép hờ, cô quan sát một con thỏ con đang nhẩn nha gặm cỏ cách chỗ cô vài thước. Hoặc là nó không nhận ra sự có mặt của cô, hoặc là nó rất bạo dạn. Nếu là Maurice nhìn thấy nó thì hẳn đã bắn nó rồi. Anh ta đã tốt nghiệp và đang ở nhà đợi đến lúc bắt đầu khóa đào tạo làm luật sư, và suốt cả kỳ nghỉ anh ta luôn tỏ rõ là mình hoàn toàn buồn chán. ("Nó lúc nào cũng có thể kiếm được một công việc làm thêm trong hè mà." Hugh nói. "Thanh niên sức dài vai rộng đi làm thêm đâu phải là chuyện gì lạ.")

Maurice thực sự buồn chán đến mức anh ta đồng ý dạy Ursula bắn súng, thậm chí còn đồng ý sử dụng những cái chai và lon cũ để làm bia tập bắn thay vì những sinh vật hoang dã mà anh ta luôn bắn bừa bãi, như thỏ, cáo, lửng, bồ câu, chim trĩ, thậm chí có lần còn có cả một con hoẵng nhỏ, một chuyện mà cả Pamela lẫn Ursula đều sẽ không bao giờ tha thứ cho anh ta. Ursula rất thích bắn vào mọi thứ, miễn rằng chúng là vật vô tri vô giác. Cô dùng khẩu súng săn cũ của Hugh, còn Maurice có một khẩu Purdey tuyệt vời được bà nội tặng nhân dịp sinh nhật hai mươi mốt tuổi. Mấy năm nay, Adelaide cứ dọa chết nhưng "chẳng bao giờ thực hiện đúng lời hứa ấy", Sylvie nói. Bà sống lay lắt ở Hampstead "giống như một con nhện khổng lồ", Izzie nói và rùng mình bên món cốt lết bê kiểu Nga, mặc dù có thể chính món cốt lết đã gây ra phản ứng này. Nó không phải là một món ngon trong số các món ăn mà bà Glover nấu.

Mỗi ác cảm dành cho mẹ Hugh là một trong vài điều ít ỏi hay có lẽ là điểm chung duy nhất giữa Sylvie và Izzie. "Bà cũng là mẹ của em đây." Hugh lưu ý Izzie. Và Izzie nói: "Ồ, không, bà đã tìm thấy em ở ven đường. Bà thường bảo em thế mà. Em nghịch đến nỗi ngay cả những người Di gan cũng không muốn nuôi em."

Hugh tới xem Maurice và Ursula bắn rồi nói: "Chà, gấu con, con đúng là một Annie Oakley thực thụ."



"Con biết đấy!" Sylvie đột nhiên xuất hiện và cất tiếng nói khiến Ursula giật mình tỉnh táo hoàn toàn. "Những ngày dài nhàn nhã như thế này sẽ không bao giờ quay trở lại trong cuộc đời con nữa đâu. Con nghĩ rồi chúng sẽ quay lại, nhưng chuyện đó sẽ không xảy ra."

"Trừ khi con trở nên cực kì giàu có." Ursula nói. "Khi đó con có thể nhàn rỗi cả ngày."

"Có lẽ thế." Sylvie nói. "Nhưng đến một ngày, mùa hè vẫn sẽ kết thúc." Bà ngồi xuống bên cạnh Ursula trên bãi cỏ và nhắc cuốn sách của Kleist lên. "Một nhà văn lãng mạn đã tự sát." Bà nói với vẻ khinh miệt. "Con thực sự định học ngành Ngôn ngữ Hiện đại đấy à? Bố con nói tiếng Latin có thể hữu ích hơn."

"Sao nó có thể hữu ích được chứ? Làm gì còn ai nói thứ tiếng đó." Ursula cãi lý. Đây là một cuộc tranh luận đã diễn ra suốt mùa hè. Cô vờn vai. "Con sẽ đến sống ở Paris một năm và chỉ nói tiếng Pháp thôi. Ở đó nó sẽ rất hữu ích."

"Ồ, Paris." Sylvie nhún vai. "Paris đã được người ta ca tụng quá lên."

"Vậy thì Berlin."

"Đức là một nơi hỗn độn."

"Vienna vậy."

"Ngọt ngọt."

"Thế thì Brussels." Ursula nói. "Chẳng ai có thể phản đối Brussels." Đúng vậy, Sylvie chẳng thể nghĩ ra được điều gì xấu để nói về Brussels và "chuyến dạo quanh châu Âu" của họ đột ngột kết thúc.

"Dù sao đi nữa, đó cũng là chuyện sau khi con học xong đại học." Ursula nói. "Còn tận mấy năm nữa cơ mà, mẹ đừng lo lắng nữa."

"Trường đại học đâu có dạy con cách làm vợ và làm mẹ." Sylvie nói.

"Nếu con không muốn làm vợ và làm mẹ thì sao?"

Sylvie cười. "Con lại đang nói vớ vẩn để chọc tức mẹ chứ gì. Trên thảm cỏ trước hiên nhà có trà đấy." Bà nói, miễn cưỡng nhồm dậy. "Cả bánh ngọt nữa. Và, thật không may, có cả Izzie."



Trước bữa tối, Ursula thơ thẩn đi dạo dọc theo con đường mòn, Jock hăm hở chạy lon ton phía trước. (Nó là một con chó cực kì vui vẻ, thật khó mà tin được rằng Izzie có thể lựa chọn khéo đến thế.) Đó là kiểu buổi tối mùa hè khiến Ursula muốn ở một mình. "Ồ!" Izzie từng nói. "Cháu đang ở độ tuổi *bị thu hút* bởi những thứ cao vời." Ursula không rõ cô ấy có ý gì ("Chẳng ai dám chắc là mình rõ cô ấy có ý gì." Sylvie nói) nhưng cô nghĩ cô hiểu được một chút. Trong không gian lung linh có điều gì đó kỳ lạ, một cảm giác về điều gì đó *sắp xảy đến* khiến lòng ngực Ursula căng phồng, như thể trái tim cô đang to lên. Đó là một linh cảm siêu nhiên - cô không thể nghĩ ra cách nào khác để miêu tả nó. Cô nghĩ có lẽ đó chính là tương lai đang càng lúc càng đến gần hơn.

Cô mười sáu tuổi, đang ở ranh giới của tất cả mọi thứ. Cô thậm chí đã được hôn vào ngày sinh nhật bởi anh bạn người Mỹ đáng lo ngại của Maurice. "Chỉ một nụ hôn thôi." Cô đã nói với anh ta như

vậy trước khi đẩy anh ta ra khi anh ta sàm sờ cô. Thật không may, anh ta lao đảo và ngã ngửa vào một bụi cây tuôn tử, rõ là không dễ chịu gì và chắc chắn là vô cùng bẩn mặt. Khi cô kể với Millie chuyện đó, cô ấy đã cười phá lên. Tuy nhiên, như Millie nói, một nụ hôn vẫn là một nụ hôn.



Cô cứ thế thả bộ tới tận nhà ga, chào hỏi Fred Smith và anh ta ngã chiếc mũ công nhân đường sắt của mình như thể cô đã là một người trưởng thành.

Điều sắp xảy đến vẫn chỉ là điều sắp xảy đến, thậm chí nó còn lùi xa dần khi cô dõi theo chuyến tàu của Fred Smith xinh xịch xinh xịch chuyển bánh tới London. Cô cuộc bộ trở về và gặp Nancy đang đi kiểm mấy thứ cho bộ sưu tập về tự nhiên của cô bé, họ sánh vai đi về thì bắt gặp Benjamin Cole đang đi xe đạp. Anh ta dừng lại, xuống xe và nói: "Cho phép tôi hộ tống các quý cô về nhà nhé?" khá giống kiểu cách của Hugh khiến Nancy bật cười khúc khích.

Ursula mừng thầm vì hơi nóng của buổi chiều đã khiến hai má cô ửng hồng sẵn, bởi lẽ lúc này cô cảm thấy mình đang đỏ mặt vì ngượng ngùng. Cô bứt lấy một bông nga sâm trên hàng rào và dùng nó để tự quạt cho mình (chẳng hiệu quả tí nào). Rốt cuộc cô đã không quá lo về việc có một điều gì đó sắp xảy đến.

Benjamin ("Ồ, hãy gọi anh là Ben." Anh ta nói. "Dạo này chỉ còn bố mẹ anh gọi anh là Benjamin thôi.") tiễn họ tới tận cổng nhà Shawcross rồi mới nói "Tạm biệt nhé" và leo lên chiếc xe đạp để đi nốt chặng đường ngắn ngủi về nhà.

"Ồ!" Nancy thì thầm, thất vọng thay cho Ursula. "Em cứ nghĩ anh ấy sẽ tiễn chị về tận cổng nhà chị chứ, chỉ có hai người đi cùng nhau thôi."

"Cảm xúc của chị lộ liễu đến thế à?" Ursula ỉu xiu hỏi.

"Khá lộ liễu. Thôi đừng bận tâm." Nancy vỗ lên cánh tay Ursula như thể cô bé lớn hơn Ursula bốn tuổi chứ không phải Ursula lớn hơn cô bé vậy. Sau đó cô bé nói: "Em nghĩ là em bị muộn rồi, em không muốn lỡ mất bữa tối", rồi ôm chặt món bấu vật vừa truy tìm được của mình, vừa nhảy chân sáo dọc theo con đường dẫn vào nhà, vừa hát la la la. Nancy là mẫu người thực sự hát "la la la". Ursula ước gì mình cũng là kiểu người như thế. Cô quay người đi, nghĩ rằng mình cũng đã muộn bữa tối, thế rồi cô chợt nghe thấy tiếng chuông inh ỏi báo hiệu rằng Benjamin (Ben!) đang phóng xe đạp về phía cô. "Anh quên chưa nói." Anh ta nói, "Tuần tới nhà anh có một bữa tiệc - vào chiều thứ Bảy - mẹ anh bảo mời em. Hôm đó là sinh nhật của Dan, mẹ anh muốn có vài cô gái đến để "làm loăng" bọn con trai, anh nghĩ bà đã dùng từ đó đấy. Bà nghĩ có thể mời em và Millie. Nancy thì hơi bé, đúng không?"

"Đúng vậy." Ursula nhanh chóng đồng ý. "Em rất vui lòng đến dự. Millie cũng thế em chắc chắn đấy. Cảm ơn anh nhé!"

Dự cảm về điều gì đó sắp xảy ra đã quay trở lại.

Cô dõi theo Benjamin khi anh ta đạp xe đi, vừa đi vừa huýt sáo. Khi cô quay người lại, cô gần như đâm sầm vào một người đàn ông có vẻ từ trên trời rơi xuống và đang lảng vảng, chờ đợi cô. Y nghiêng mũ, lẩm bẩm: "Chào cô." Y là một gã có vẻ ngoài bặm trợn khiến Ursula lùi lại một bước. "Làm ơn chỉ cho tôi đường tới nhà ga được không, thưa cô?" Y hỏi và cô chỉ tay dọc theo con đường, nói: "Đường đó."

"Vui lòng dẫn đường giúp tôi được không, thưa cô?" Y nói, tiến lại gần cô hơn.

"Không." Cô nói. "Không, cảm ơn." Thế rồi hần vươn tay ra và tóm lấy cánh tay cô. Cô cố gắng giật tay ra và bỏ chạy, không dám ngoảnh đầu nhìn lại lấy một lần cho đến khi cô tới ngạch cửa.

"Ồn cả chứ, gấu con?" Hugh hỏi khi cô lao qua cửa. "Trông con hỗn hà hỗn hển kìa." Ông nói.

"Con không sao đâu ạ, con thực sự không sao." Cô nói. Hugh sẽ chỉ càng lo lắng nếu cô kể với ông về gã đàn ông nọ.



"Món cốt lết bê kiểu Nga." Bà Glover nói khi đặt một cái đĩa sứ màu trắng to tướng lên bàn. "Tôi phải nói cho mọi người rõ bởi vì lần trước tôi nấu món này, có người đã nói họ không thể tưởng tượng được nó là cái gì."

"Nhà Cole sắp tổ chức một bữa tiệc." Ursula nói với Sylvie. "Millie và con được mời."

"Tuyệt quá!" Sylvie nói. Bà đang bị phân tâm bởi những thứ chứa trong cái đĩa gốm màu trắng mà phần lớn trong số đó lát nữa sẽ bị đổ cho con chó sục vùng cao nguyên phía Tây vốn kém sáng suốt hơn (hoặc "ít kén cá chọn canh hơn", như bà Glover sẽ nói).



Bữa tiệc là một sự thất vọng. Nó khá nhàm chán với liên tu bất tận những trò đoán chữ qua hành động (Khởi cần phải nói, Millie như cá gặp nước) và trò giải đố mà Ursula biết hầu hết câu trả lời nhưng chẳng kịp nói ra, bởi không cạnh tranh nổi tốc độ nhanh như chớp của các chàng trai nhà Cole và bạn bè của họ. Ursula cảm thấy mình như người vô hình, và sự thân mật duy nhất giữa cô và Benjamin (anh ta không còn có vẻ giống Ben nữa) là khi anh ta hỏi rằng liệu cô có thích một ly nước quả không và rồi chẳng hề quay lại. Không có màn khiêu vũ nào mà chỉ có hàng đồng thức ăn, còn Ursula thì tự tiêu khiển bằng cách lựa chọn và nhặt nhạnh từng món giữa cả một lô những món tráng miệng đầy ấn tượng. Bà Cole, người giám sát chỗ đồ ăn, đã nói với cô: "Chúa ơi, trông cháu nhỏ

bé như vậy mà ăn được nhiều thế sao, cháu nhét tất cả chỗ thức ăn đó vào đâu vậy?"

Mình nhỏ bé đến mức chẳng ai buồn để ý đến mình, Ursula nghĩ khi cô chán nản lên bước về nhà.

"Chị có lấy phần bánh sinh nhật về không?" Teddy háo hức hỏi khi cô bước qua cửa.

"Cả đồng." Cô nói. Cô ngồi trên hàng hiên và chia miếng bánh sinh nhật to tướng mà bà Cole phát cho mỗi người lúc ra về, Jock cũng nhận được một phần bằng với mọi người. Khi một con cáo đực to lớn lò dò bước lên thảm cỏ lờ mờ tối, Ursula ném một mẩu bánh về phía nó, nhưng nó chỉ nhìn miếng bánh với vẻ khinh khỉnh của một loài động vật ăn thịt.

VÙNG ĐẤT CỦA SỰ KHỞI ĐẦU LẠI



THÁNG 8 NĂM 1933

"*Er kommt! Er kommt!*"* Một trong những cô gái hét lên.

"Cuối cùng ông ấy cũng tới rồi à?" Ursula nói, liếc nhìn Klara.

"Hình như thế. Ờn Chúa. Trước khi chúng ta chết vì đói và buồn chán." Cô ấy nói.

Họ vừa kinh ngạc vừa thích thú bởi trò tôn sùng của các cô gái trẻ. Họ đã đợi bên đường hầu như suốt cả buổi chiều nóng nực, chẳng có đồ ăn thức uống gì ngoài một xô sữa mà hai cô gái đã đi lấy từ một trang trại gần đó. Vài cô gái đã nghe tin đồn rằng ngày hôm nay Quốc trưởng sẽ đến căn nhà nghỉ dưỡng trên núi của ông ta và họ đã kiên nhẫn chờ đợi hàng tiếng đồng hồ. Có mấy cô còn ngủ trưa ngay trên vệ cỏ, nhưng chẳng ai trong số họ có ý định bỏ cuộc khi chưa nhìn thấy Quốc trưởng.

Tiếng reo hò vang lên từ phía cuối con đường dốc quanh co dẫn lên Berchtesgaden và tất cả bọn họ đều nhảy bật dậy. Một chiếc xe ô tô màu đen to lớn lướt qua họ và vài cô gái rú lên phấn khích nhưng "ông ta" không ở trong đó. Thế rồi chiếc xe thứ hai, một chiếc Mercedes mui trần màu đen bóng bẩy hiện ra trong tầm mắt, trên nắp ca pô phấp phới một lá cờ hiệu hình chữ thập ngoặc. Nó đi chậm hơn chiếc xe lúc nãy và thực sự chờ vị quốc trưởng mới của Đức quốc xã.

Quốc trưởng thực hiện một phiên bản rút gọn của kiểu chào thường lệ, bàn tay khẽ vẫy ngược ra sau trông khá khôi hài, do đó trông ông ta như thể đang khum tay vào tai để nghe họ rõ hơn khi họ hò reo với ông ta. Khi nhìn thấy ông ta, Hilde đang đứng bên cạnh Ursula chỉ thốt lên một tiếng "Ôi" đơn giản nhưng chất chứa cả một sự sùng bái thiêng liêng. Rồi sau đó, cũng nhanh như vậy, mọi

chuyện kết thúc. Hanne bắt treo hai bàn tay trước ngực, trông như một vị thánh nghiêm cần. "Cuộc đời em vậy là mãn nguyện rồi." Cô ấy cười.

"Trong ảnh trông ông ấy đẹp hơn." Klara thì thầm.

Các cô gái đều cực kì phấn khích, họ đã như thế cả ngày nay rồi, và theo mệnh lệnh của *Gruppenführerin** của họ (đó là Adelheid, một cô nàng mười tám tuổi có mái tóc màu vàng hoe, trông như nữ chiến binh Amazon, nhanh nhẹn và tháo vát đến đáng ngưỡng mộ), họ nhanh chóng tập hợp thành một đội ngũ và bắt đầu nối đuôi nhau trở về nhà trọ, vừa đi vừa hát hò vui vẻ. ("Họ hát suốt ngày." Ursula viết thư cho Millie. "Điều đó hơi náo nhiệt quá so với mình. Mình có cảm giác như đang ở trong một dàn hợp xướng của một vở nhạc kịch dân gian cực kì vui nhộn vậy.")

Các bài hát của họ rất đa dạng - những khúc dân ca, những bản tình ca lay động lòng người, những bài hát yêu nước hào hùng, sôi nổi về những lá cờ nhuộm máu, và những bài hát tập thể bắt buộc quanh ngọn lửa trại. Họ đặc biệt thích *Schunkeln* - khoác tay nhau và đu đưa theo bài hát. Khi Ursula bị đẩy lên hát, cô sẽ hát bài *Auld Lang Syne*, hoàn toàn thích hợp với *Schunkeln*.

Hilde và Hanne là hai em gái của Klara, họ đều là những thành viên tích cực của tổ chức BDM, tức Bund Deutscher Mädel, Liên đoàn Thiếu nữ Đức - là tổ chức dành cho nữ tương đương với Hitler-Jugend, tức Đoàn thanh niên Hitler ("Bọn em gọi họ là *Ha Jot**." Hilde nói, thế rồi cô ấy và Hanne cười ngặt nghẽo khi nghĩ đến những anh chàng điển trai mặc đồng phục.)

Ursula chưa từng nghe nói về Hitler-Jugend lẫn BDM trước khi đến nhà Brenner, nhưng trong hai tuần sống ở đó, cô đã nghe Hilde và Hanne kể một chút về họ. "Đó là một hoạt động lành mạnh." Mẹ họ, bà Brenner nói. "Nó thúc đẩy sự hòa thuận và thấu hiểu giữa những người trẻ tuổi. Không còn những mâu thuẫn, xung đột. Và nó cũng giúp chúng tránh xa lũ con trai." Giống như Ursula, Klara cũng

mới tốt nghiệp - cô từng là một sinh viên ngành Mỹ thuật ở Học viện Đức - cô hoàn toàn dừng dưng với sự hâm mộ đến ám ảnh của các em nhưng vẫn ngỏ ý đi theo chăm sóc họ trong *Bergwanderung* - chuyến cắm trại mùa hè của họ. Trong chuyến cắm trại đó, họ sẽ đi bộ từ *Jugendherberge** này đến *Jugendherberge* khác trong dãy núi Bavaria. "Cậu cùng đi chứ?" Klara hỏi Ursula. "Mình chắc chắn sẽ thú vị lắm và cậu sẽ được tham quan một phần của vùng đồng quê. Nếu không, cậu sẽ bị mắc kẹt ở thành phố với *Mutti** và *Vati**."

"Em nghĩ nó giống như hội Hướng đạo Nữ." Ursula viết thư cho Pamela.

"Không hẳn đâu." Pamela hồi đáp.



Ursula không định ở Munich lâu. Nước Đức chỉ là một con đường vòng trong cuộc đời cô, là một phần trong chuyến phiêu lưu châu Âu của cô. "Đó sẽ là chuyến đi lớn trong đời mình." Cô đã nói với Millie. "Mặc dù mình cho rằng nó cũng chỉ bình thường thôi, một "chuyến đi không hẳn lớn lắm" đối với nhiều người." Kế hoạch của cô là đến Bologna thay vì Rome hay Florence, Munich thay vì Berlin và Nancy* thay vì Paris (Nancy Shawcross rất thích thú với lựa chọn này) - tất cả những thành phố nào mà các trợ giáo của cô ở trường đại học giới thiệu là có những gia đình tốt để cô có thể ở trọ. Để tự nuôi bản thân, cô sẽ dạy học một chút, mặc dù Hugh đã sắp xếp gửi cho cô một khoản tiền nhỏ nhưng đều đặn. Hugh nhẹ nhõm vì cô sẽ sống "ở các tỉnh lẻ", nơi "con người nói chung cư xử tốt hơn". ("Ý ông là tệ nhạt hơn." Ursula nói với Millie.) Hugh đã thẳng thừng bác bỏ Paris, ông có một mối ác cảm đặc biệt đối với thành phố ấy, và cũng chẳng thích thú Nancy hơn vì nó vẫn *đặc sệt Pháp*. ("Bởi vì nó nằm ở nước Pháp mà." Ursula chỉ ra.) Ông nói ông đã đến đủ mọi nơi ở châu Âu trong cuộc Đại chiến, vì thế ông không hiểu vì sao người ta cứ ca ngợi quá lên về đất nước đó.

Bất chấp sự e ngại của Sylvie, Ursula đã học lấy một tấm bằng về ngành Ngôn ngữ Hiện đại - tiếng Pháp, tiếng Đức và một chút tiếng Ý (rất ít). Vừa tốt nghiệp xong và không nghĩ ra được gì khác, cô đã nộp đơn và được nhận vào học một khóa đào tạo giáo viên. Cô đã bảo lưu một năm với lý do muốn có cơ hội được thăm thú một chút thế giới rộng lớn trước khi "ổn định" bên chiếc bàn đen cả đời. Tuy nhiên đó chỉ là cái cớ của cô, cái lý do mà cô đưa ra cho cha mẹ xem xét, còn niềm hy vọng sâu thẳm trong lòng cô là sẽ có thứ gì đó xảy ra trong thời gian cô ở nước ngoài để cô không phải gắn bó đời mình với công việc ấy. Cô không biết "thứ đó" có thể là gì ("Tình yêu chẳng hạn." Millie nói với vẻ ao ước). Bất cứ thứ gì có thể giúp cô không trở thành một bà cô già ngậm ngùi trong một ngôi trường dành cho nữ sinh, ngày qua ngày cuộn mình trong những bài giảng về cách chia các động từ tiếng nước ngoài, bụi phấn trắng xóa rơi xuống như gàu từ trên quần áo. (Cô dựa vào chính những giáo viên của mình để tưởng tượng ra bức chân dung này.) Đó cũng không phải là nghề mà những người thân cận gần gũi với cô mạn mà lắm.

"Con muốn làm *giáo viên* sao?" Sylvie đã hỏi.

"Thành thực mà nói, nếu lông mày của mẹ mình nhướng lên cao hơn nữa, chúng sẽ bay vọt lên trời mất." Ursula nói với Millie.

"Nhưng cậu thực sự muốn thế à? Cậu muốn dạy học ư?" Millie nói.

"Tại sao tất cả những người mình biết đều hỏi mình câu hỏi đó với giọng điệu như thế nhỉ?" Ursula bức bối nói. "Mình không hợp với nghề giáo đến vậy sao?"

"Ừ."

Millie đã học một khóa học diễn xuất tại một học viện kịch nghệ ở London và giờ đang diễn kịch ở Windsor trong những vở mê lô và những vở kịch hạng hai chạy theo thị hiếu của khán giả. "Chờ đợi được phát hiện." Cô ấy nói với một điệu bộ khoa trương. Đường

như ai cũng đang chờ đợi một điều gì đó, Ursula nghĩ. "Tốt hơn hết là đừng chờ đợi." Izzie nói. "Tốt hơn hết là phải hành động." Nói thì luôn luôn dễ hơn làm.

Millie và Ursula đang ngồi trên những cái ghế liễu gai ở thềm cỏ của Góc Cáo, hy vọng rằng lũ cáo sẽ chạy đến chơi đùa trên bãi cỏ. Có một con cáo cái thường cùng đàn con đến thăm khu vườn. Sylvie hay vớt những mẫu thức ăn lên thềm cỏ cho chúng, vì thế bây giờ con cáo cái đã được thuần hóa phần nào. Nó sẽ bạo dạn ngồi giữa bãi cỏ, giống như một con chó đang đợi bữa tối, trong khi lũ con của nó - vào tháng Sáu chúng đã trở thành những sinh vật có tứ chi dài lêu nghêu - nô đùa chơi giỡn xung quanh mẹ chúng.

"Vậy thì mình sẽ làm gì" Ursula nói với vẻ bất lực (tuyệt vọng). Bridget xuất hiện với một khay trà bánh và đặt nó lên cái bàn kê ở giữa họ. "Học tốc ký và đánh máy rồi làm việc trong ngành dân chính? Điều đó nghe cũng có vẻ khá ảm đạm. Ý mình là một người phụ nữ còn có thể làm việc gì khác nếu cô ấy không muốn lấy chồng ngay?"

"Một người phụ nữ có học thức." Millie sửa lời cô.

"Một người phụ nữ có học thức." Ursula đồng ý.

Bridget lẩm bẩm gì đó không thể hiểu nổi và Ursula nói: "Cảm ơn, chị Bridget."

("Mẹ đã được thăm thú châu Âu." Cô nói với Sylvie, hàm ý trách móc. "Hồi mẹ còn trẻ.")

"Mẹ không đi một mình, mẹ đi cùng ông ngoại con." Sylvie nói. Nhưng ngạc nhiên thay, lý lẽ này đã có chút hiệu quả và cuối cùng Sylvie đã ủng hộ, bênh vực cho chuyến đi của Ursula trước những lời phản đối của Hugh.)

Trước khi Ursula lên đường sang Đức, Izzie đã đưa cô đi mua đồ lót và khăn quàng bằng lụa, những chiếc khăn tay viền ren xinh xắn,

"một đôi giày thực sự tốt", hai cái mũ và một túi xách mới. "Đừng có kể với mẹ cháu đấy." Izzie nói.



Đến Munich, cô ở trọ với gia đình Brenner trong một căn hộ trên phố Elisabethstrasse - gia đình họ gồm ông bố, bà mẹ, ba cô con gái (Klara, Hildegard và Hannelore) và một cậu con trai, Helmut, đang đi học xa nhà. Hugh đã thư từ qua lại nhiều lần với ông Brenner để đánh giá xem ông ấy có phải là một chủ nhà tốt bụng, hiếu khách không. "Chắc gia đình họ sẽ thất vọng khủng khiếp." Cô nói với Millie. "Hẳn là ông Brenner đang mong đợi Chúa Jesus tái lâm* khi thấy sự chuẩn bị cầu kì như thế." Ông Brenner là một giáo viên ở Học viện Đức và đã sắp xếp cho Ursula dạy vài lớp tiếng Anh sơ cấp, đồng thời cũng giới thiệu cô với vài người đang tìm gia sư riêng. Ông đã nói với cô điều này khi ông đón cô ở ga tàu. Cô cảm thấy khá chán nản. Cô còn chưa chuẩn bị tinh thần cho việc đi làm ngay và đang ê ẩm rã rời sau một hành trình dài đầy mệt mỏi. Chuyến tàu *Schnellzug* xuất phát từ ga Đông ở Paris chẳng *schnell** chút nào, chưa kể cô đã phải ngồi cùng toa với một gã đàn ông hết hút xì gà lại nhâm nhi cả một cây xúc xích salami* và cả hai hành động ấy đều khiến cô cảm thấy khá khó chịu. ("Và tất cả những gì mình nhìn thấy ở Paris chỉ là một sân ga." Cô viết cho Millie.)

Gã đàn ông ăn xúc xích salami đã theo cô ra hành lang khi cô đi tìm nhà vệ sinh nữ. Cô cứ nghĩ hẳn định tới toa ăn nhưng khi cô tới nhà vệ sinh, hẳn đã cố gắng đẩy cô vào trong trước sự hốt hoảng của cô. Hẳn nói gì đó với cô mà cô không hiểu, mặc dù đó hẳn là một điều gì đó tục tĩu (xì gà và xúc xích salami có vẻ là những dấu hiệu ám chỉ). "*Lass mich in Ruhe*^[Tiếng Đức, nghĩa là "Để tôi yên".]!" Cô cứng rắn nói nhưng hẳn vẫn tiếp tục đẩy cô, còn cô cũng tiếp tục đẩy lại. Cô nghi ngờ rằng cuộc vật lộn của họ - ôn hòa chứ không bạo lực - có thể trông khá khôi hài trong mắt một người chứng kiến. Ursula ước gì có ai đó ở hành lang để cô có thể nhờ

giúp đỡ. Cô không thể tưởng tượng nổi gã đàn ông này sẽ làm gì cô nếu hất hốt cô thành công trong nhà vệ sinh nhỏ xíu này. (Sau đó, cô tự hỏi tại sao cô không làm một việc đơn giản là hét lên. Cô đúng là ngốc nghếch.)

Cô được "cứu" bởi hai viên sĩ quan trông khá bảnh bao mặc quân phục màu đen và đeo phù hiệu bằng bạc. Họ thành linh xuất hiện và tóm chặt gã đàn ông. Họ quát tháo hất một trận thậm tệ nhưng cô không thể nghe ra một nửa những gì họ nói, rồi sau đó họ lịch thiệp tìm cho cô một toa khác chỉ toàn phụ nữ mà trước đó cô không hề biết đến. Khi các sĩ quan đã đi khỏi, những hành khách nữ cùng toa tàu với cô không ngừng xuýt xoa ngợi khen vẻ điển trai của các chàng sĩ quan SS*. ("*Schutzstaffel*." Một trong những hành khách nữ lẩm bẩm về ngưỡng mộ. "Không như những kẻ cục mịch mặc quân phục màu nâu kia*.")

Tàu vào ga Munich muộn. Ông Brenner nói đã có một tai nạn, một người đàn ông bị ngã từ trên tàu xuống.

"Thật khủng khiếp!" Ursula nói.



Mặc dù đang là mùa hè nhưng trời lạnh và mưa to. Bầu không khí u ám không hừng lên chút nào khi cô đến căn hộ rộng rãi của gia đình Brenner. Dù trời đã tối nhưng trong nhà không tắt một ngọn đèn nào và những hạt mưa thì đang gõ bồm bộp vào những ô cửa sổ treo rèm đang ten như thể chúng đang quyết tâm phá cửa để xông vào bên trong.

Ursula và ông Brenner loay hoay kéo lê rương hành lý nặng trĩu của cô lên cầu thang. Trông họ đến là khôì hài. Phải có ai đó giúp họ chứ? Ursula cúi kính nghĩ. Nếu là Hugh thì ông sẽ thuê "một, hai người đàn ông" và sẽ không để cô phải tự xoay xở như vậy. Cô nghĩ tới các sĩ quan SS trên tàu hỏa, họ sẽ xử lý được cái rương hành lý này một cách dễ dàng và lịch thiệp biết bao.

Thì ra cánh phụ nữ nhà Brenner không có nhà. "Ồ, họ chưa về." Ông Brenner hờ hững nói. "Chắc là đi mua sắm." Căn hộ chứa đầy những món đồ nội thất nặng nề, những tấm thảm sờn mòn và chậu cây sum sê khiến người ta liên tưởng đến một khu rừng. Cô rừng mình, trời có vẻ quá lạnh so với bình thường ở thời điểm này trong năm.

Họ kéo cái rương vào trong căn phòng dành cho cô. "Đây từng là phòng của mẹ bác." Ông Brenner nói. "Đây là đồ đạc của bà ấy. Đáng buồn là bà đã mất vào năm ngoái." Cái cách ông nhìn chiếc giường - một cái giường lớn kiểu Gothic trông như được đặc biệt đóng riêng để tạo ra những cơn ác mộng cho người nằm trên nó - rõ ràng ám chỉ rằng cụ bà Brenner đã mất ngay trên tấm ga trải giường nhồi lông vũ của nó. Chiếc giường có vẻ choán hết diện tích của căn phòng và Ursula đột nhiên cảm thấy lo lắng. Trải nghiệm mà cô vừa gặp phải với gã đàn ông ăn xúc xích salami ở trên tàu vẫn còn sống động đến mức khiến cô bối rối, vậy mà bây giờ cô lại ở đây một mình với một người hoàn toàn xa lạ trên một đất nước cũng hoàn toàn xa lạ. Những câu chuyện khủng khiếp về nạn buôn bán nô lệ da trắng của Bridget chọt hiện ra trong đầu cô.

Trước sự nhẹ nhõm của cô, họ nghe thấy tiếng cửa trước mở ra và tiền sảnh trở nên om sòm. "A!" Ông Brenner nói, cười rạng rỡ. "Họ về rồi đấy!"

Các cô gái tay xách nách mang chạy ùa vào nhà, cười khúc khích, tất cả đều bị dính nước mưa. "Xem ai đến này." Ông Brenner nói, khiến hai cô con gái út vô cùng hào hứng. (Hilde và Hanne là những cô gái sôi nổi nhất mà Ursula từng gặp.)

"Cậu đây rồi!" Klara nói, siết chặt tay cô trong bàn tay lạnh giá, ướt át của cô ấy. "*Herzlich willkommen in Deutschland**."

Trong khi hai cô em gái liền thoắt luôn miệng thì Klara nhanh chóng đi quanh căn hộ, bật các ngọn đèn lên, khiến nơi này đột ngột biến đổi - những tấm thảm tuy sờn mòn nhưng có hoa văn lộng lẫy,

những món nội thất cũ ánh lên lớp nước bóng đẹp đẽ, rừng cây lạnh lẽo biến thành một lùm dương xỉ xinh đẹp. Ông Brenner thắp cái lò sưởi *Kachelofen* bằng sứ to tướng trong phòng khách ("Giống như có một con thú ấm áp to lớn trong phòng vậy." Ursula viết cho Pamela) và quả quyết với cô rằng ngày mai thời tiết sẽ trở lại bình thường, ấm áp và có nắng.

Họ nhanh chóng phủ một chiếc khăn thêu lên một cái bàn và bày bữa tối ra - một cái đĩa phẳng đựng pho mát, xúc xích salami, xúc xích thái lát, sa lát và một cái bánh mì đen có mùi giống như món bánh có hạt thơm của bà Glover, ngoài ra còn một loại xúp hoa quả thơm ngon chứng thực với Ursula rằng cô đang ở nước ngoài. ("Món xúp hoa quả nguội!" Cô viết cho Pamela. "Bà Glover sẽ nói gì về nó đây!")

Ngay cả căn phòng của cụ bà Brenner quá cổ giờ cũng ấm cúng hơn. Chiếc giường mềm mại và đầy quyến rũ, những tấm chăn và ga được viền bằng len móc tay, còn chiếc đèn ở cạnh giường có chao bằng thủy tinh màu hồng xinh đẹp hắt ra một quang sáng ấm áp. Ai đó - Ursula ngờ là Klara - đã đặt một lọ hoa cúc mắt bò nhỏ nhắn trên bàn trang điểm. Ursula đã mệt rũ người lúc cô leo lên giường (nó cao đến nỗi cần phải có một cái ghế kê chân nhỏ mới trèo lên nổi) và khoan khoái chìm vào giấc ngủ sâu, không mộng mị, chẳng hề bị quấy nhiễu bởi hồn ma chủ nhân trước đây của nó.



"Nhưng dĩ nhiên con sẽ có một khoảng thời gian nghỉ ngơi." Bà Brenner nói trong bữa sáng ngày hôm sau (một bữa ăn giống bữa tối hôm qua đến kỳ lạ). Klara đang "có chút rảnh rỗi". Cô đã hoàn tất khóa học về mỹ thuật và không biết làm gì tiếp theo. Cô đang rất háo hức muốn rời khỏi nhà và "làm một họa sĩ", nhưng "người dân Đức không có nhiều tiền để chi cho hội họa", cô cầu nhàu. Klara treo một ít tác phẩm của mình trong phòng ngủ, đó là những bức tranh sơn dầu trừu tượng to tướng chói mắt có vẻ trái ngược với bản tính

tốt bụng và có chừng mực của cô. Ursula không nghĩ cô ấy sẽ kiếm sống được từ chúng. "Có lẽ mình sẽ phải dạy học mất" Cô ấy khốn khổ nói.

"Thế thì thà chết còn hơn." Ursula đồng ý.

Thi thoảng Klara làm khung ảnh cho một ảnh viện ở Schellingstrasse. Con gái một người quen của bà Brenner làm việc ở đó và đã giới thiệu cô. Klara và cô gái ấy - Eva - từng học chung trường mẫu giáo. "Nhưng làm khung ảnh đâu có liên quan gì đến mỹ thuật, đúng không?" Klara nói. Thợ chụp ảnh ở đó - Hoffmann - là "thợ chụp ảnh riêng" của Quốc trưởng mới, "vì vậy mình đã quá quen với những đường nét trên gương mặt của ông ấy", cô nói.

Gia đình Brenner cũng không có nhiều tiền (Ursula cho rằng đó là lý do họ cho cô thuê phòng) và tất cả những người Klara biết đều nghèo cả, cơ mà vào năm 1933 thì ai chả nghèo cơ chứ, dù ở bất cứ đâu.

Dẫu không có tiền nhưng Klara vẫn quyết tâm tận hưởng nốt khoảng thời gian còn lại của mùa hè. Họ tới tiệm Carlton Teehaus hoặc tiệm Café Heck gần Hofgarten, ăn *Pfannkuchen** và uống *Schokolade* cho đến khi phát ngáy. Họ đi dạo hàng tiếng đồng hồ trong Vườn Anh, sau đó ăn kem hoặc uống bia, mặt ửng hồng vì ánh nắng. Họ cũng dành thời gian để chèo thuyền và đi bơi với bạn bè của Helmut, em trai của Klara - một sự quay vòng giữa các anh chàng Walter, Werner, Kurt, Heinze và Gerhard. Helmut đang ở Potsdam, cậu là một *Jungmann* - học viên của một loại trường quân sự mới mà Quốc trưởng thành lập. "Nó rất thích đảng." Klara nói bằng tiếng Anh. Tiếng Anh của cô khá tốt và cô thích thực hành với Ursula.

"Các đảng phái." Ursula sửa lại lời cô ấy. "Bọn mình sẽ nói "Nó rất thích các đảng phái"." Klara cười và lắc đầu: "Không, không, *đảng* thôi, Đảng Quốc xã. Cậu không biết rằng kể từ tháng trước nó đã trở thành đảng duy nhất được chấp nhận à?"

"Khi Hitler lên nắm quyền..." Pamela viết cho cô với giọng kẻ cả. "... Ông ta đã thông qua Đạo luật Trao quyền, ở Đức gọi là *Gesetz zur Behebung der Not von Volk und Reich* mà được dịch ra nôm na là "Đạo luật khắc phục sự túng quẫn của nhân dân và quốc gia". Đó là một danh nghĩa bóng bẩy cho sự lật đổ nền dân chủ."

Ursula vô tư hồi đáp: "Nhưng nền dân chủ sẽ tự vực dậy được như mọi khi. Chuyện này rồi cũng sẽ qua thôi."

"Nếu không có sự giúp đỡ thì nó sẽ không làm được đâu." Pamela đáp.

Pamela suốt ngày ca cẩm về nước Đức và dễ dàng bị Ursula lừa đi khi cô lười biếng nằm tắm nắng trong những buổi chiều dài nóng nực với những anh chàng Walter, Werner, Kurt, Heinze và Gerhard bên bể bơi của thành phố hoặc bờ sông. Ursula ngạc nhiên khi thấy những anh chàng này gần như khỏa thân với những chiếc quần soóc ngắn cũn cỡn và những chiếc quần bơi nhỏ xíu khiến người ta nhìn mà ngượng đỏ mặt. Cô phát hiện ra người Đức nói chung không ngại việc cởi đồ trước mặt người khác.

Klara cũng biết một nhóm người khác trí thức hơn - những người bạn ở trường mỹ thuật của cô ấy. Họ có chiều hướng thích không gian u tối nồng nặc khói thuốc của các tiệm cà phê hoặc những căn hộ lộng lẫy của chính họ. Họ uống rượu như hũ chìm, hút thuốc như đốt lò và rất hay huyền thuyên về hội họa và chính trị. ("Vì vậy nhìn chung..." Cô viết cho Millie. "... Giữa hai nhóm người ấy, mình đang nhận được một sự giáo dục toàn diện!") Những người bạn ở trường mỹ thuật của Klara là một nhóm người bụi bặm, mang tư tưởng chống đối, tất cả bọn họ đều có vẻ không thích Munich, nơi dường như là trung tâm của "chủ nghĩa địa phương tiểu tư sản", và suốt ngày nói đến chuyện chuyển tới Berlin. Ursula nhận ra họ chỉ nói mồm chứ chẳng mấy khi làm gì.

Klara thì lại rơi vào sự kìm kẹp của một loại ì trệ khác. Cuộc đời cô đã "sa lầy". Cô đã lén lút yêu đương với một vị giáo sư ở trường

mỹ thuật, một nhà điêu khắc, nhưng ông ta đang đi nghỉ cùng gia đình ở Black Forest. (Cô miễn cưỡng thừa nhận rằng "gia đình" của ông ta bao gồm vợ và hai đứa con.) Cô nói cô đang chờ đợi cuộc đời mình tự tìm ra lối thoát. Lại biện bạch quanh co rồi, Ursula nghĩ. Mặc dù cô chẳng có tư cách để nói vậy.

Dĩ nhiên, Ursula vẫn còn trinh trắng, hay "nguyên vẹn", như lời Sylvie nói. Không phải vì cô giữ gìn phẩm hạnh mà chỉ đơn giản là cô chưa gặp được người nào mà cô thích. "Cậu không cần phải *thích* họ." Klara cười.

"Ừ, nhưng mình muốn vậy." Trái lại, cô có vẻ giống như một thỏi nam châm chuyên thu hút những kẻ xấu - gã đàn ông trên tàu, gã đàn ông trên con đường mòn - và cô lo rằng họ có thể nhìn ra điểm gì đó ở cô mà bản thân cô không thể tự nhìn ra được. Cô cảm thấy mình khá cứng nhắc và đậm chất Anh quốc so với Klara và những người bạn họa sĩ của cô ấy hoặc những người bạn của anh chàng Helmut vắng mặt (thực ra họ cư xử cực kì lịch sự).

Hanne và Hilde đã thuyết phục Klara và Ursula đi cùng họ tới một sự kiện ở sân vận động địa phương. Ursula tưởng lầm rằng đó là một buổi hòa nhạc, nhưng hóa ra đó lại là một đại hội của Đoàn Thanh niên Hitler. Trái ngược với sự lạc quan của bà Brenner, Liên đoàn Thiếu nữ Đức BDM chẳng thể ngăn cản được mối quan tâm của Hilde và Hanne đối với các chàng trai.

Đối với Ursula, hàng hàng lớp lớp các chàng trai khỏe mạnh, năng nổ này trông đều giống nhau, nhưng Hilde và Hanne thì liên tục sôi nổi chỉ trở những người bạn của Helmut, những anh chàng Walter, Werner, Kurt, Heinze và Gerhard thường gần như không mặc gì nằm phơi nắng bên bể bơi. Bây giờ, khi nhét mình trong những bộ đồng phục sạch không tì vết (lại là những chiếc quần soóc ngắn), trông họ rất giống những anh chàng Hướng đạo sinh hăng hái và khỏe khoắn.

Họ diễu hành và ca hát trên nền nhạc của một ban nhạc kèn đồng, có vài diễn giả cố gắng bắt chước phong cách hùng hồn của Quốc trưởng (nhưng thất bại), rồi sau đó mọi người đều nhảy bật dậy và hát "*Deutschland über alles**". Vì Ursula không thuộc lời nên cô khe khẽ hát bài *Glorious Things Of Thee Are Spoken* theo giai điệu tuyệt vời của Haydn, một bài thánh ca mà họ thường hát trong những dịp sinh hoạt ở trường. Sau khi hát xong, mọi người hô vang "*Sieg Heil*!*" rồi giơ tay chào. Ursula gần như kinh ngạc khi thấy mình cũng làm theo họ. Klara cười rung cả người khi thấy cảnh ấy, nhưng Ursula nhận ra cô ấy cũng đang giơ cao cánh tay. "Mình cũng nghĩ giống cậu đấy." Cô thản nhiên nói. "Mình không muốn bị tấn công trên đường về nhà."



Không, cảm ơn, Ursula không muốn ở nhà với ông bà Brenner trong thành phố Munich nóng nực, bụi bặm. Vì thế, Klara đã lục lọi trong tủ quần áo của mình và tìm được một chiếc váy màu xanh hải quân và cái áo cánh màu trắng phù hợp với yêu cầu, còn người trưởng nhóm, Adelheid, cho cô mượn một chiếc áo jacket khaki dã chiến mà cô ấy không dùng đến. Thêm một chiếc khăn hình tam giác được đeo lên cổ và luồn qua một gút thắt bên bằng da là bộ trang phục đã hoàn thiện. Ursula nghĩ trông cô khá bảnh. Cô thấy tiếc vì mình chưa bao giờ tham gia hội Hướng đạo sinh Nữ, nhưng cô cho rằng lý do không phải chỉ vì bộ đồng phục.

Độ tuổi tối đa của các thiếu nữ trong Liên đoàn Thiếu nữ Đức BDM là mười tám tuổi, vì vậy cả Ursula và Klara đều không đủ điều kiện gia nhập. Theo lời Hanne, họ đã là *alte Damen**, "những bà già". Ursula không nghĩ họ thực sự cần người đi kèm bởi vì Adelheid mẫn cán như một chú chó chặn cừu đối với những cô gái của cô ấy. Với thân hình đẹp như tượng và hai bím tóc vàng hoe giống như người Bắc Âu, cô có thể bị nhầm là nàng Freyja* trẻ trung từ cánh đồng Folkvangr* ghé thăm nơi đây. Cô là một hình mẫu hoàn hảo để

phục vụ cho việc tuyên truyền. Giờ cô đã mười tám nên chẳng mấy chốc sẽ quá tuổi tham gia Liên đoàn Thiếu nữ Đức BDM. Khi đó cô sẽ làm gì?

"Ồ, dĩ nhiên là em sẽ gia nhập Liên đoàn Phụ nữ Quốc xã." Cô nói. Cô đã đeo hình chữ thập ngoặc nhỏ bằng bạc trên bộ ngực cân đối, đó là ký hiệu mang nghĩa "sự thuộc về" bằng chữ Rune*.

Họ bắt một chuyến tàu, xếp gọn ba lô lên những kệ hành lý, và đến tối họ đã tới một ngôi làng nhỏ thuộc vùng núi Alps, gần biên giới nước Áo. Từ nhà ga, họ diễu hành theo đội ngũ (đương nhiên là vừa đi vừa hát) tới *Jugendherberge* của họ. Dân chúng dừng lại để dõi theo họ, vài người còn vỗ tay tán thưởng.

Căn phòng trọ tập thể mà họ được phân cho kê kín những chiếc giường hai tầng, hầu hết trong số chúng đã bị những cô gái khác chiếm ngự, họ phải nằm chen chúc với nhau như những con cá mòi. Klara và Ursula quyết định nằm chung trên một tấm đệm trải trên sàn nhà.

Họ ăn tối trong phòng ăn, ngồi ở những cái bàn chân rời dài và được phân phát khẩu phần ăn tiêu chuẩn gồm xúp và bánh *Knäckebröt** với pho mát. Vào buổi sáng, họ ăn sáng với bánh mì đen, pho mát, mứt và trà hoặc cà phê. Không khí miền núi trong lành khiến bụng họ đói cồn cào, nên họ ăn ngốn ăn ngấu tất cả những gì trong tầm mắt như những con sói háu đói.

Ngôi làng và khu vực xung quanh thật êm đềm, thậm chí ở đây còn có một lâu đài nhỏ mà họ được phép vào thăm. Nó lạnh lẽo và ảm thấp, treo đầy những bộ áo giáp, cờ hiệu và khiên có vẽ huy hiệu. Có vẻ nó không phải một nơi thoải mái để sinh sống.

Họ thả bộ dạo bước quanh hồ hoặc trong rừng rồi về lại nhà trọ bằng cách đi nhờ trên những chiếc xe tải của nông trại và xe chở cỏ khô. Có lần họ còn cuốc bộ dọc theo con sông tới tận một thác nước hùng vĩ. Klara đã mang theo tập giấy vẽ nháp. Những bức vẽ phác

họa nhỏ nhắn sống động bằng chì than của cô còn hấp dẫn hơn cả những bức họa hoàn thiện của cô. "Ồi chà!" Cô nói. "Chúng thật *gemüütlich**. Những bản phác họa nhỏ nhắn, ấm áp. Lũ bạn mình sẽ cười mất." Ngôi làng nhỏ bé này là một chốn yên ả, trên những ô cửa sổ của những ngôi nhà nơi đây trồng kín cây phong lữ. Trên bờ sông có một quán rượu nơi họ uống bia, ăn thịt bê và mì ống cho đến khi bụng họ như sắp bệ. Ursula chưa bao giờ nhắc đến việc uống bia với Sylvie trong những lá thư, bà sẽ không hiểu được nó là thứ đồ uống phổ biến ở đây. Và cho dù có hiểu thì bà cũng sẽ không đồng tình.

Ngày hôm sau, họ sẽ rời khỏi nhà trọ và sống "trong lều" một vài ngày, đó là một cuộc cắm trại lớn của các cô gái, và Ursula cảm thấy luyến tiếc khi phải lìa xa ngôi làng.

Có một hội chợ diễn ra vào đêm cuối cùng họ ở lại ngôi làng, nó là sự kết hợp giữa triển lãm nông nghiệp và lễ tạ mùa*. Ở đó có rất nhiều thứ lạ lẫm đối với Ursula. ("Cả đối với mình nữa." Klara nói. "Cậu nên nhớ mình là gái thành phố mà.") Tất cả phụ nữ đều mặc trang phục địa phương và có rất nhiều con gia súc đeo vòng hoa diễu hành quanh một cánh đồng rồi sau đó được trao các giải thưởng. Trên cánh đồng được trang trí những lá cờ hình chữ thập ngoặc (lại là hình chữ thập ngoặc). Trong hội chợ có rất nhiều bia và có một ban nhạc kèn đồng đang chơi nhạc. Một cái bục gỗ lớn được dựng lên giữa cánh đồng và có mấy cậu bé mặc quần *Lederhosen** biểu diễn điệu nhảy *schuhplattler**, chúng liên tục vỗ tay, giậm chân, vỗ đùi và nhip gót chân theo tiếng đàn accordion.

Klara cười chế giễu chúng nhưng Ursula lại thấy chúng rất tài tình. Ursula nghĩ cô sẽ rất thích cuộc sống trong một ngôi làng ở dãy núi Alps ("Giống như cô bé Heidi." Cô viết cho Pamela. Đạo này cô ít viết thư cho Pamela hơn vì chị gái cô rất ác cảm với nước Đức mới. Pamela, cho dù đang ở rất xa, chính là tiếng nói của lương tâm cô, nhưng chỉ khi ở xa như vậy, người ta mới có thể dễ dàng có được lương tâm.)

Người nhạc công accordion đứng vào vị trí của một ban nhạc và mọi người bắt đầu nhảy múa. Ursula được dẫn lên bục bởi một đoàn các cậu bé nông trại cực kì bền lեն. Những cậu bé này có cách di chuyển quanh sàn nhảy cực mịch đến mức kỳ cục mà cô nhận ra là điệu nhảy *Schuhplattler* theo nhịp 3/4 khá vụng về. Dưới tác dụng của bia và việc nhảy múa, cô bắt đầu cảm thấy hoa mảy chóng mặt, do đó cô bối rối khi Klara xuất hiện, kéo tay một người đàn ông rất điển trai rõ ràng không phải là người địa phương và nói: "Xem mình tìm được ai này!"

"Ai vậy?" Ursula hỏi.

"Chính là chú họ của người anh họ xa của anh họ mình." Klara hào hứng nói. "Hoặc đại loại thế. Xin phép được giới thiệu đây là Jürgen Fuchs."

"Chỉ là một người anh họ xa thôi." Anh ta nói, mỉm cười.

"Rất vui được gặp anh." Cô nói. Anh ta gõ gót chân và hôn bàn tay cô, khiến cô nghĩ đến chàng hoàng tử trong câu chuyện *Cô bé Lọ Lem*. "Tôi có dòng máu Phổ* trong mình." Anh ta vừa cười vừa nói, giống hết những người khác trong gia đình Brenner. "Nhà mình hoàn toàn không có dòng máu Phổ." Klara nói.

Anh ta có một nụ cười dễ mến, vừa vui vẻ vừa trầm tư, và đôi mắt xanh lạ thường. Anh ta rõ ràng rất điển trai, khá giống Benjamin Cole, có điều Benjamin hoàn toàn tương phản với anh ta về màu da và mái tóc, cứ như là cực âm với cực dương vậy.

Một Todd và một Fuchs* - một cặp cáo. Phải chăng định mệnh đã can thiệp vào cuộc đời cô? Bác sĩ Kellet hẳn sẽ hiểu được sự trùng hợp này.



"Anh ấy đẹp trai lắm!" Cô đã viết thư kể cho Millie về cuộc gặp gỡ đó. Tất cả những lời lẽ gớm ghiếc trong những cuốn tiểu thuyết lãng

mạn rác rưởi nẩy ra trong đầu cô - *đẹp đến ngưng tim, đẹp đến nghẹt thở*. Cô đã đọc những cuốn tiểu thuyết của Bridget vào những buổi chiều ướt át nhàn rỗi nên mới biết được những từ đó.

"Tình yêu sét đánh." Cô hân hoan viết cho Millie. Nhưng dĩ nhiên những cảm xúc như vậy không phải là tình yêu "đích thực" (đó là thứ cảm xúc cô sẽ dành cho một đứa con vào một ngày nào đó), nó chỉ là sự ảo tưởng. "*Folie à deux**." Millie viết thư lại. "Thật thú vị!"

"Chúc mừng em!" Pamela viết.

"Hôn nhân phải dựa trên một thứ tình yêu lâu bền hơn." Sylvie cảnh báo.

"Bố đang nghĩ về con, gấu con ạ." Hugh viết. "Nơi đó quá xa nơi đây."



Khi bóng tối buông xuống, có một đám người cầm đuốc diễu qua ngôi làng và pháo hoa được bắn lên từ các lỗ châu mai của tòa lâu đài nhỏ. Cảnh tượng khá ly kỳ.

"*Wunderschön, nicht wahr**?" Adelheid nói, khuôn mặt ngời lên dưới ánh đuốc.

Đúng vậy, Ursula đồng ý, thật là đẹp.

THÁNG 8 NĂM 1939

Der Zauberberg - Ngọn núi kỳ diệu.

"*Aaw. Sie ist so niedlich**." *Tách, tách, tách.* Eva* yêu chiếc máy ảnh Rolleflex của cô ấy. Eva yêu Frieda. Cô ấy nói con bé quá dễ thương. Họ đang ở trên hàng hiên rộng lớn của biệt thự Berghof, nơi ngập tràn ánh mặt trời của vùng núi Alps, chờ đợi bữa trưa được mang ra. Ngồi ăn ở ngoài trời thế này dễ chịu hơn nhiều so với trong căn phòng rộng rãi mà âm u với những ô cửa sổ đồ sộ chỉ nhìn thấy toàn núi là núi. Các nhà độc tài thích thứ gì cũng phải hoành tráng, ngay cả phong cảnh. *Bitte lächeln!* - Cười tươi lên! Frieda làm theo. Con bé là một đứa trẻ ngoan ngoãn.

Eva đã thuyết phục Frieda cởi bộ váy đầm kiểu Anh (do Sylvie mua ở cửa hàng Bourne & Hollingsworth và gửi tặng Frieda nhân dịp sinh nhật) và mặc vào bộ trang phục truyền thống của vùng Bavaria - váy Dimdl*, tạp dề, đôi tất trắng cao đến đầu gối. Trong đôi mắt Anh quốc của Ursula (cô cảm thấy càng ngày cô càng Anh quốc hơn), bộ trang phục ấy trông như thuộc về một tủ đồ hóa trang hoặc có lẽ một vở kịch ở trường học. Có lần, ở trường của cô (giờ đây thời điểm ấy có vẻ đã quá lâu lắc và xa xôi), họ đã biểu diễn vở kịch *Người thổi kèn mặc bộ đồ sặc sỡ ở thành Hamelin* và Ursula đã đóng vai một cô bé trong làng. Cô đã mặc bộ trang phục rất giống chiếc váy mà Frieda đang mặc bấy giờ.

Millie đã đóng vai Vua Chuột và diễn rất hay. Sylvie đã nói: "Mấy đứa con gái nhà Shawcross thích được chú ý nhỉ?" Ở Eva có điểm gì đó giống Millie - đó là vẻ vui tươi giả tạo không ngừng nghỉ cần được bồi đắp liên tục. Tuy nhiên Eva cũng là một diễn viên, cô ấy đang đóng vai diễn lớn nhất của cuộc đời mình. Thực tế thì, cuộc đời của cô ấy chính là vai diễn của cô ấy, chẳng có gì khác biệt.

Frieda, Frieda bé bỏng đáng yêu mới năm tuổi, đôi mắt xanh biếc và hai bím tóc vàng hoe dày dặn. Nước da của Frieda lúc mới tới rất xanh xao vàng vọt nhưng bây giờ đã trở nên hồng hào và rám vàng từ ánh nắng của vùng núi Alps. Khi Quốc trưởng nhìn thấy Frieda, Ursula đã bắt gặp trong đôi mắt xanh thẳm lạnh giá như hồ Königsee dưới kia lóe lên ánh nhìn cuồng tín, và cô biết ông ta đang nhìn thấy tương lai của *Tausendjähriges Reich** trải ra trước mắt ông ta, hết *Mädchen** này đến *Mädchen* khác. ("Con bé không giống cô nhỉ?" Eva nói. Không có ý gì xấu, cô ấy vốn không có ác ý.)

Hồi cô còn nhỏ - một giai đoạn trong cuộc đời mà dạo gần đây Ursula thấy mình gần như bắt buộc phải hồi tưởng lại - cô đã đọc những câu chuyện cổ tích về các nàng công chúa bị ngược đãi đã tự cứu mình khỏi những người cha xấu xa và những bà mẹ kế có tính đồ kị, bằng cách bôi nước quả óc chó lên khuôn mặt trắng trẻo và xoa tro lên tóc của mình để ngụy trang - giống như dân Di gan, dân ngoại tộc, hay những người bị kỳ thị. Ursula tự hỏi làm thế nào để kiếm được nước quả óc chó, dường như đó không phải là thứ mà ta có thể mua trong một cửa hàng. Và bây giờ cũng không còn an toàn để là một kẻ ngoại tộc có nước da màu nâu sẫm, nhất là khi ta muốn sống sót ở đây, ở Obersalzberg - *Der Zauberberg* - trong vương quốc của sự giả bộ, hay "Berg", như cách những kẻ quyền cao chức trọng ở đây gọi nó một cách thân mật.

Cô đang làm gì ở đây, Ursula tự hỏi, và khi nào thì cô có thể rời đi? Frieda giờ đã khỏe lại rồi, nó đã gần như hồi phục hoàn toàn. Ursula quyết định sẽ nói với Eva vào ngày hôm nay. Dù sao đi nữa, họ không phải là tù nhân, họ có thể rời đi bất cứ lúc nào.



Eva châm một điếu thuốc. Chủ vắng nhà, gà vọc niêu tôm. Quốc trưởng vốn không thích cô ấy hút thuốc, uống rượu hoặc trang điểm. Ursula khá ngưỡng mộ những hành động chống đối nho nhỏ của

Eva. Kể từ khi Ursula và Frieda đến biệt thự Berghof này hai tuần trước, Quốc trưởng đã đến và đi hai lần, những lần đến và đi đó của ông ta là những khoảnh khắc cao trào của một vở kịch đối với Eva và tất cả mọi người. Từ rất lâu trước đây, Ursula đã kết luận được rằng Đức Quốc xã chỉ toàn là những vở kịch. *"Một câu chuyện do một thằng ngốc kể, đầy những âm thanh và cuồng nộ."* Cô viết cho Pamela. "Nhưng thật không may, chẳng phải là không có ý nghĩa gì."

Theo sự chỉ dẫn của Eva, Frieda xoay một vòng và cười to. Con bé là phần lõi nóng chảy ở trung tâm trái tim Ursula, là căn nguyên của hầu như tất cả những gì cô nghĩ hay làm. Ursula sẵn sàng bước đi trên những lưỡi dao suốt phần đời còn lại để bảo vệ Frieda, sẵn sàng nhảy vào những ngọn lửa nơi hỏa ngục để cứu con bé. Sẵn sàng trầm mình xuống đáy nước sâu thẳm nhất để vớt con bé lên. (Cô đã nghiên cứu những tình huống xấu nhất. Tốt hơn hết là phải chuẩn bị tinh thần trước.) Trước đây cô đã không biết rằng tình mẫu tử có thể khiến cô đau thấu tâm can đến vậy (Sylvie chẳng chỉ dẫn cho cô mấy).

"Ồ, đúng thế đấy." Pamela nói, như thể đó là điều tự nhiên nhất trên đời này. "Nó biến ta thành một con sói cái." Ursula không nghĩ mình là một con sói cái, suy cho cùng, cô là một con gấu.

Ở Berg có những con sói cái thực thụ đang đi lảng vảng khắp nơi - Magda, Emmy, Margarete, Gerda - vợ của những thành viên cấp cao trong Đảng Quốc xã, tất cả bọn họ đều phải ganh đua, kèn cựa để giành lấy một chút quyền lực cho mình và liên tục sinh ra những đứa trẻ cho quốc gia, cho Quốc trưởng. Những con sói cái ấy là loài thú ăn thịt nguy hiểm, và họ ghét Eva, "con bò cái ngu ngốc" - *die blöde Kuh* - bằng cách nào đó đã xoay xở chiến thắng tất cả bọn họ.

Họ chắc chắn sẽ đánh đổi bất cứ thứ gì để có thể trở thành bạn đời của vị lãnh tụ quyền cao chức trọng kia thay cho cô nàng Eva tầm thường. Một người đàn ông có địa vị như ông ta xứng đáng với

một nàng Brünnhilde* - hay ít nhất cũng là một nàng Magda* hoặc Leni* chứ? Hoặc có lẽ là nàng Valkyrie*, *das Fräulein Mitford* - "Cô nàng Mitford ấy*", theo cách gọi của Eva. Quốc trưởng ngưỡng mộ nước Anh, đặc biệt là nước Anh vương giả, quý tộc, mặc dù Ursula nghĩ sự ngưỡng mộ ấy sẽ chẳng ngăn nổi ông ta cố gắng hủy hoại nó khi thời điểm đến.

Eva không thích bất cứ người nào có thể là đối thủ của cô trong cuộc ganh đua giành sự chú ý của Quốc trưởng, những cảm xúc mạnh mẽ nhất của cô được sinh ra từ nỗi sợ hãi. Người mà cô ác cảm nhất là Bormann*, *quan sư* của Berg. Chính hắn là kẻ nắm giữ hầu bao, là kẻ thay Quốc trưởng mua những món quà cho Eva và chi tiền cho tất cả những chiếc áo lông thú và giày Ferragamo, như nhắc khéo cô rằng cô chỉ là một gái điếm hạng sang. Ursula tự hỏi họ kiếm những chiếc áo lông thú ấy ở đâu, bởi vì hầu hết những người bán đồ lông thú mà cô từng nhìn thấy ở Berlin đều là người Do Thái.

Đám sói cái ấy hẳn không thể nuốt trôi chuyện người đàn bà của Quốc trưởng lại là một cô bán hàng. Eva kể với Ursula rằng cô ấy gặp ông ta lần đầu tiên là khi cô ấy đang làm việc ở *Photohaus** của Hoffmann, cô ấy đã gọi ông ta là ngài Sói. "Trong tiếng Đức, Adolf có nghĩa là con sói cao quý." Cô ấy nói. Ông ta quả đúng là thế, Ursula nghĩ. Cô chưa bao giờ nghe thấy ai gọi ông ta là Adolf. (Liệu Eva có gọi ông ta là *mein Fuhrer** ngay cả khi ở trên giường không? Có thể lắm.) "Và cô có biết rằng bài hát yêu thích của ông ấy..." Eva cười. "... Là bài *Ai sợ con sói to lớn xấu xa* không?"

"Trong bộ phim hoạt hình *Ba chú lợn con* của hãng Disney ư?" Ursula ngờ vực hỏi.

"Đúng vậy!"

Ồ, Ursula nghĩ, mình nóng lòng muốn kể điều này cho chị Pamela quá!



"Và bây giờ là một tấm ảnh với *Mutti* nào." Eva nói. "Ôm lấy cô bé đi! *Sehr schön**. Cười lên nào!" Ursula từng quan sát Eva hoan hỉ cầm máy ảnh theo dõi Quốc trưởng nhằm sẵn được một bức ảnh mà ông ta không ngoảnh đi khỏi ống kính hoặc kéo vành mũ sụp xuống thấp đến mức kỳ cục, giống như một điệp viên nguy trang quá kém. Ông ta không thích cô chụp ảnh cho mình mà thích những tấm hình chụp ở ảnh viện với thuật bố trí ánh sáng giúp tôn lên vẻ đẹp của ông ta hoặc một tư thế oai hùng hơn những tư thế ngẫu hứng mà Eva thích. Eva, trái lại, thích được chụp ảnh. Cô không chỉ muốn được chụp ảnh mà còn muốn xuất hiện trong một bộ phim. "*Ein** bộ phim điện ảnh." Cô sẽ tới Hollywood ("vào một ngày nào đó") và diễn vai diễn chính mình, "câu chuyện cuộc đời tôi", cô nói. (Máy quay biến mọi thứ trở thành thật đối với Eva.) Có vẻ Quốc trưởng đã hứa hẹn. Dĩ nhiên, Quốc trưởng hứa hẹn rất nhiều điều. Nhờ thế ông ta mới lên được tới địa vị ngày hôm nay.

Eva chỉnh lại tiêu cự chiếc Rolleiflex. Ursula thấy mừng vì cô không mang theo cái máy ảnh hiệu Kodak cũ của mình, nó sẽ chẳng thể nào sánh nổi với chiếc máy ảnh của cô ấy. "Tôi sẽ rửa cho cô mấy tấm." Eva nói. "Cô có thể gửi chúng về Anh cho cha mẹ cô. Trông nó rất đẹp với những ngọn núi làm nền. Giờ hãy cười thật tươi nào! - *Jetzt lach doch mal richtig!*"

Hình ảnh ngọn núi chính là bức phong nền cho mọi bức ảnh được chụp ở đây, là bức phong nền cho tất cả mọi thứ. Hồi đầu, Ursula thấy nó thật đẹp, nhưng bây giờ cô bắt đầu cảm thấy sự hùng vĩ của nó thật ngọt ngào. Những vách đá lớn băng giá, những thác nước cuộn cuộn, những rừng thông trải dài bất tận - thiên nhiên và thần thoại hòa quyện vào nhau đã hình thành nên tâm hồn Đức thanh cao. Ursula cảm thấy dường như chủ nghĩa lãng mạn Đức đã được tôn lên lớn lao và huyền bí hơn, so với nó, vùng Hồ* của nước Anh có vẻ khá tẻ nhạt. Và tâm hồn Anh, nếu nó ngự trị ở đâu đó, thì

đó hẳn là một khu vườn nằm e ấp sau nhà - với một thảm cỏ, một luống hoa hồng, một luống đậu đỗ.

Cô nên về nhà. Không phải Berlin, không phải Savignyplatz, mà là nước Anh. Là Góc Cáo.

Eva đặt Frieda lên lan can và Ursula lập tức giằng lấy cô bé. "Nó sợ độ cao." Cô nói. Eva luôn ngồi cheo leo trên cái lan can này hoặc dắt chó hay những đứa trẻ đi dọc theo nó. Vực sâu hun hút bên dưới nhìn mà hoa mắt chóng mặt. Từ đây có thể nhìn xuyên qua Berchtesgaden tới tận hồ Königsee. Ursula cảm thấy khá tiếc nuối cho Berchtesgaden nhỏ bé với những bồn hoa phong lữ tươi vui, giản dị bên dưới những ô cửa sổ cùng những đồng cỏ dốc xuống một hồ nước. Dường như đã lâu lắm rồi kể từ lần cô đến đây cùng Klara vào năm 1933. Giáo sư của Klara đã ly dị vợ, bây giờ Klara đã kết hôn với ông ta và họ có với nhau hai đứa con.

"Giống người lùn *Nibelungen** sống ở trên đó đấy." Eva chỉ về phía những đỉnh núi xung quanh họ và nói với Frieda. "Cả những con yêu quái, phù thủy và quỷ khuyến nữa."

"Quỷ khuyến ă?" Frieda rút rè hỏi lại. Chỉ riêng hai con chó sục Scotland phiền phức của Eva là Negus và Stasi đã khiến con bé sợ hãi rồi, chưa cần phải nghe nói đến giống người lùn và yêu quái.

Và mình đã nghe nói rằng, Ursula nghĩ, chính Charlemagne* đang ẩn náu ở Untersberg, ông ta đang ngủ trong một cái hang, chờ đợi được đánh thức để tham gia trận chiến cuối cùng giữa thiện và ác. Cô tự hỏi khi nào thì chuyện đó xảy ra. Có lẽ cũng sắp rồi.



"Một tấm nữa nào." Eva nói. "Cười tươi lên!" Chiếc máy ảnh Rolleiflex chớp nháy liên tục dưới ánh mặt trời. Eva còn có một cái máy quay phim, món quà đắt tiền do chính ngài Sói của cô ấy tặng, và Ursula cho rằng cô nên vui mừng vì họ không bị lưu lại hình ảnh

cho hậu thế trong những thước phim màu. Ursula hình dung vào một thời điểm nào đó trong tương lai, có người sẽ lật giở những cuốn album ảnh (nhiều vô số) của Eva và tự hỏi Ursula là ai, có lẽ họ sẽ tưởng nhầm cô là em gái Gretl của Eva hoặc bạn của Eva là Herta, những nhân vật bên lề trong lịch sử.

Một ngày nào đó, đương nhiên, toàn bộ chuyện này sẽ được lưu lại trong lịch sử, kể cả những ngọn núi - suy cho cùng, cát chính là tương lai của những tảng đá. Hầu hết mọi người loay hoay trải qua những sự kiện và chỉ khi hồi tưởng lại họ mới nhận ra tầm quan trọng của chúng. Quốc trưởng thì khác, ông ta đang chủ động tạo nên lịch sử cho tương lai. Chỉ có người nào thực sự yêu bản thân mình mới có thể làm được điều đó. Và Speer đang thiết kế những tòa cao ốc cho Berlin để chúng trở thành những tàn tích tuyệt đẹp sau một ngàn năm nữa, đó chính là món quà ông ta dâng tặng cho Quốc trưởng. (Tầm vóc suy nghĩ của họ thật lớn lao! Ursula thì chỉ nghĩ đến những giờ khắc trước mắt, đấy chính là một hậu quả nữa của thiên chức làm mẹ, tương lai đối với cô cũng bí ẩn như quá khứ vậy.)

Speer là người duy nhất đối xử tử tế với Eva, do đó có lẽ Ursula đánh giá về ông ta thoáng hơn những gì ông ta xứng đáng nhận được. Ông ta cũng là người duy nhất trong số những Hiệp sĩ Teuton tương lai này có vẻ ngoài ưa nhìn, không bị tập tễnh hay trông giống như một con cóc hay một con lợn béo ục ịch, hoặc - tệ hơn - giống như một viên chức cấp thấp. ("Và tất cả bọn họ đều mặc quân phục!" Cô viết cho Pammy. "Nhưng tất cả đều chỉ là giả bộ. Giống như đang sống trong những trang sách của cuốn *Tù nhân của Zenda** vậy. Họ cực kì giỏi trò giả ngốc." Cô ước gì Pammy đang ở đây bên cô, chị gái cô sẽ thích thú biết bao với việc phân tích tính cách của Quốc trưởng và đám bầy tôi trung thành của ông ta. Cô ấy sẽ kết luận rằng họ đều là những kẻ đạo đức giả bịp bợm và khoa trương.)

Lúc riêng tư, Jürgen tuyên bố rằng anh thấy tất cả bọn họ đều "cực kì" khiếm khuyết, nhưng ở chốn công cộng, anh lại cư xử như bất kỳ bầy tôi trung thành nào khác của Đức Quốc xã. Anh nói đó chỉ là *Lippenbekenntnis* - sự phục tùng ngoài mặt. (Buộc phải làm vậy, Sylvie sẽ nói thế.) Anh nói đó là cách để xoay xở trong thế giới này. Ursula cho rằng về mặt này, anh khá giống Maurice. Maurice nói ta phải thỏa hiệp với những kẻ ngốc và những con lừa cứng đầu thì mới thăng tiến được trong sự nghiệp. Đương nhiên, Maurice cũng là một luật sư. Đạo gần đây anh ta có chức vụ khá cao trong Bộ Nội vụ. Nếu chiến tranh xảy ra, liệu chuyện này có trở thành một vấn đề rắc rối với cô không? Liệu chiếc áo giáp "công dân Đức" - được khoác lên người cô một cách miễn cưỡng - có đủ để bảo vệ cô? (Nếu chiến tranh xảy ra! Liệu cô có thể thực sự chấp nhận được việc phải ở lại phía bên này của eo biển Anh*?)

Jürgen là một luật sư. Nếu anh muốn hành nghề luật, anh phải gia nhập Đảng Quốc xã, anh không có sự lựa chọn. *Lippenbekenntnis*. Anh làm việc cho Bộ Tư pháp ở Berlin. Vào thời điểm anh cầu hôn cô ("Một mối tình tiến triển nhanh đến chóng mặt." Cô viết cho Sylvie), anh đã từ bỏ quan điểm chính trị cũ của mình.

Bây giờ Jürgen đã từ bỏ quan điểm chính trị cánh tả và trung thành với Quốc xã để bảo vệ những gì đã đạt được - đất nước này đang phát triển trở lại - một công việc chính thức, thức ăn, sức khỏe, sự tự tôn. Anh nói, những công việc mới, những con đường mới, những nhà máy mới, những hy vọng mới - còn cách nào khác để họ có được những thứ này? Nhưng đi cùng với chúng là một sự sùng bái giả tạo và một vị cứu tinh giả dối đáng phẫn nộ. "Mọi thứ đều có giá của nó." Jürgen nói. Nhưng có lẽ giá của chúng không cao như thế này. (Bằng cách nào mà họ làm được như vậy chứ? Ursula thường tự hỏi. Chủ yếu là sự sợ hãi và nghệ thuật dựng kịch. Nhưng toàn bộ tiền bạc và việc làm này đến từ đâu? Có lẽ chỉ từ việc sản xuất ra những lá cờ và những bộ quân phục, những thứ đó đủ để cứu vãn hầu hết các nền kinh tế. "Dù sao đi nữa nền kinh tế

cũng đang hồi phục." Pamela viết. "Quả là một sự trùng hợp đáng mừng đối với Đảng Quốc xã vì họ có thể nhận vợ là mình đã tạo ra sự hồi phục này.") Phải, anh nói, ban đầu thì có bạo lực, nhưng đó chỉ là một sự bùng phát, một cơn sóng, là sự xả giận của phe Sturmabteilung*. Nhưng bây giờ tất cả mọi thứ, tất cả mọi người đều đã thông suốt hơn.

Vào tháng Tư, họ tham gia buổi diễu hành mừng sinh nhật lần thứ năm mươi của Quốc trưởng ở Berlin. Jürgen cũng có được vài chỗ ở khán đài dành cho khách. "Một niềm vinh dự." Anh nói. Cô tự hỏi anh đã làm gì để có được "niềm vinh dự" ấy? (Anh có vui vì điều đó không? Đôi khi thật khó để nhận ra.) Anh đã không thể kiếm được cho họ vé xem Olympics vào năm 1936 nhưng bây giờ họ đang ở đây, sánh vai với những vị khách VIP của Đế tam Quốc xã. Đạo này anh luôn bận rộn. "Luật sư chẳng bao giờ ngủ." Anh nói. (Nhưng theo những gì Ursula thấy thì họ đang chuẩn bị ngủ giấc ngủ ngàn thu.)

Buổi diễu hành kéo dài mãi không dứt, là sự phô diễn lớn nhất về nghệ thuật quảng bá của Goebbels. Những khúc nhạc chiến vang lên hùng hồn rồi sau đó là sự mở màn của Không quân Đức - hết đội máy bay này đến đội máy bay khác tập hợp thành hàng ngũ chỉnh tề ồn ào và oai vệ bay dọc theo trục đông tây và bên trên cổng Brandenburg. Lại là "âm thanh và cuồng nộ". "Chúng là máy bay Heinkel và Messerschmitt." Jürgen nói. Làm sao anh biết? Đàn ông ai chả biết về máy bay, anh nói.

Tiếp đó là cuộc diễu hành qua lễ đài của các trung đoàn, hàng hàng lớp lớp đội ngũ binh sĩ nối đuôi nhau không biết mệt mỏi, chân vung thẳng tắp theo kiểu chân ngỗng, đi đều dọc theo con đường. Họ khiến Ursula nghĩ đến những cô gái trong nhóm nhảy Tiller với kiểu đá cao chân đặc trưng. "*Stechschritt**." Ursula nói. "Ai đã sáng tạo ra nó nhỉ?"

"Người Phổ." Jürgen cười. "Đương nhiên rồi."



Cô lấy ra một thanh sô cô la, bẻ một mẩu và mời Jürgen. Anh cau mày và lắc đầu như thể cô đã tỏ ra thiếu tôn trọng sức mạnh của quân đội. Cô ăn một mẩu nữa. Những hành động chống đối nho nhỏ.

Anh ghé sát vào cô để cô có thể nghe thấy lời anh - đám đông đang reo hò vô cùng huyên náo - "Em thực sự phải ngưỡng mộ sự chuẩn xác của họ." Anh nói. Có chứ, cô ngưỡng mộ điều đó. Nó thật phi thường. Hoàn hảo đến mức trông họ như những người máy giống hệt nhau được sản xuất ra từ cùng một dây chuyền. Nhìn họ không giống người lắm, nhưng các đội quân đâu cần phải trông giống người, đúng không? ("Tất cả đều mang *khí thế mạnh mẽ của giống được*." Cô kể với Pamela.) Liệu quân đội Anh có thể điều hành đều tăm tắp như người máy với quy mô thế này không? Quân đội Xô Viết thì có lẽ có, nhưng quân đội Anh phần nào ít *tận tâm* hơn.

Frieda đã ngủ trên đầu gối cô khi buổi điếu hành chỉ vừa mới bắt đầu. Suốt lúc đó Hitler luôn giơ tay chào, cánh tay ông ta cứng nhắc giơ thẳng ra trước mặt (cô có thể loáng thoáng nhìn thấy ông ta từ chỗ họ đang ngồi, thực ra là chỉ có cánh tay ông ta thôi, nó vươn thẳng như một que cời lửa vậy). Hiển nhiên là quyền lực tạo cho người ta một sức chịu đựng dị thường. Nếu đây là sinh nhật lần thứ năm mươi của mình, Ursula nghĩ, mình sẽ tổ chức bên bờ sông Thames, sông Bray hoặc sông Henley hoặc một nơi nào quanh đó, với một bữa ăn ngoài trời kiểu Anh chính hiệu - một bình thủy đựng trà hiệu Thermos, bánh mì cuộn xúc xích, sandwich kẹp trứng và cải xoong, bánh kem và bánh nướng. Cả gia đình cô sẽ có mặt trong bức tranh này, nhưng liệu Jürgen có phải là một phần của bức họa đồng quê ấy không? Anh sẽ rất hòa hợp. Anh sẽ nằm dài trên bãi cỏ trong bộ đồ chèo thuyền bằng vải flannel và nói chuyện về môn cricket với Hugh. Họ đã gặp gỡ và có mối quan hệ tốt đẹp. Vợ chồng cô đã từng về thăm nước Anh, về thăm Góc Cáo vào năm

1935. "Cậu ấy có vẻ là một chàng trai tốt." Hugh nói, tuy nhiên khi biết rằng cô đã trở thành công dân Đức, ông kém vui hơn hẳn. Giờ thì cô biết đó là một sai lầm khủng khiếp. "Nhận thức muộn màng là một điều tuyệt vời." Klara nói. "Nếu tất cả chúng ta đều sáng suốt, sẽ chẳng có cái gọi là lịch sử."

Đáng lẽ cô nên ở lại Anh. Đáng lẽ cô nên ở lại Góc Cáo, với đồng cỏ, rừng cây và con suối chảy qua rừng hoa chuông xanh.

Những "cỗ máy của chiến tranh" bắt đầu đi qua. "Xe tăng đây rồi." Jürgen nói bằng tiếng Anh khi chiếc *Panzer** đầu tiên xuất hiện, được chở trên thùng sau của xe tải. Tiếng Anh của anh rất tốt vì anh từng học một năm ở Oxford (do đó anh mới có kiến thức về môn cricket). Tiếp đó là những chiếc *Panzer* khác tự mình lăn bánh, những chiếc mô tô ba bánh, những chiếc xe bọc giáp, rồi đến đội kỵ binh lịch lãm đi nước kiệu (đấy là một đơn vị được đặc biệt yêu mến - Ursula đánh thức Frieda dậy để xem lũ ngựa), và kế đến là pháo binh, từ những khẩu pháo dã chiến hạng nhẹ đến những khẩu pháo phòng không đồ sộ và những khẩu đại bác khổng lồ.

"K-3 đấy." Jürgen nói với vẻ tán thưởng, như thể nó sẽ có ý nghĩa gì đó với cô.

Cuộc diễu hành cho Ursula thấy một tình yêu với trật tự và hình học mà cô không tài nào hiểu nổi. Điều này không khác gì so với tất cả những cuộc diễu hành và biểu dương lực lượng khác - tất cả những "rap hát" đó - nhưng cuộc diễu hành này dường như quá hiếu chiến. Quá nhiều loại vũ khí đến mức choáng váng - đất nước này được trang bị vũ khí đến tận răng! Ursula đã không hề hay biết gì. Thảo nào mọi người có nhiều việc để làm đến vậy. "Maurice nói nếu ta muốn giải cứu nền kinh tế ta cần một cuộc chiến." Pamela viết. Và ta cần vũ khí làm gì nếu không phải để phục vụ cho chiến tranh?

"Việc củng cố quân đội đã giúp khôi phục lại tinh thần của chúng ta." Jürgen nói. "Trả lại cho chúng ta niềm tự hào về đất nước mình."

Khi các vị tướng đầu hàng vào năm 1918..." Ursula chẳng buồn nghe nữa, lý lẽ này cô đã nghe quá nhiều lần. "Chính họ đã gây ra cuộc chiến lần trước." Cô giận dữ viết thư cho Pamela. "Và thành thực mà nói, họ cứ làm như họ là những người duy nhất phải vật lộn với cuộc sống thời hậu chiến, ngoài họ ra thì chẳng có ai khác nghèo đói hoặc mất đi người thân vậy." Frieda lại tỉnh dậy và nổi cáu. Cô cho con bé ăn sô cô la. Ursula cũng nổi cáu. Cả hai mẹ con cùng ăn hết thanh sô cô la ấy.

Màn cuối cùng thực sự khá ấn tượng. Những lá cờ nhiều màu sắc của các trung đoàn được xếp thành một hàng dài trước bục lễ đài của Hiler - một đội hình ngay hàng thẳng lối đến mức các cạnh của nó như được cắt bằng lưỡi dao cạo - và rồi họ ngã những lá cờ về đằng trước để tỏ lòng tôn kính ông ta. Đám đông trở nên cuồng loạn.

"Em nghĩ thế nào?" Jürgen hỏi khi họ lê bước ra khỏi khán đài. Anh kiệu Frieda trên vai.

"Hoành tráng." Ursula nói. "Thật là hoành tráng!" Cô có thể cảm thấy cơn đau đầu đang len lỏi vào thái dương cô.



Frieda bắt đầu bị bệnh vào một buổi sáng của vài tuần trước với một cơn sốt nhẹ. "Con thấy mệt quá." Frieda nói. Khi sờ trán con bé, Ursula thấy trán nó đắp dính và cô nói: "Con không phải đến nhà trẻ, hôm nay con có thể ở nhà với mẹ."

"Một cơn cảm lạnh mùa hè ấy mà." Jürgen nói khi anh về nhà. Frieda rất dễ mắc bệnh về phổi ("Giống mẹ của mẹ." Sylvie rầu rĩ nói) và họ đã quen với những cơn cảm lạnh, hắt hơi, sổ mũi và viêm họng của con bé, nhưng lần này bệnh tình của con bé chuyển biến xấu rất nhanh, Frieda bị sốt nặng rồi lơ mơ. Da con bé như sắp bốc cháy. "Hãy chườm mát cho cô bé." Bác sĩ nói. Ursula đặt những mảnh vải ướt lên trán con bé rồi đọc truyện cho con bé nghe, nhưng

dù Frieda cố gắng thế nào cũng không thể có hứng thú với những câu chuyện ấy. Sau đó, con bé bị mê sảng. Sau khi nghe hai lá phổi rin rít của con bé, bác sĩ nói: "Viêm phế quản, cô phải đợi cho bệnh tự hết thôi."

Đêm đó, bệnh của Frieda đột nhiên nặng hẳn lên và họ quần thân hình nhỏ bé gần như bất động của con bé trong một tấm chăn và xồng xộc lao lên một chiếc taxi để tới bệnh viện gần nhất, một bệnh viện Công giáo. Con bé được chẩn đoán mắc bệnh viêm phổi. "Cô bé nhỏ và yếu quá." Bác sĩ nói, như thể họ là kẻ đáng trách.

Ursula không rời khỏi giường của Frieda suốt hai ngày hai đêm, cô cứ bám chặt vào bàn tay bé bỏng của con bé để giữ con bé lại với thế giới này. "Giá mà anh có thể bị bệnh thay nó." Jürgen thì thầm từ phía bên kia những tấm chăn màu trắng hồ cứng cũng đang giúp ghim chặt Frieda với thế giới này. Các nữ tu lượn lờ quanh phòng bệnh giống như những chiếc thuyền buồm lớn đang bơi trên những con sóng dữ khổng lồ. Trong một thoáng lơ đãng, khi sự chú ý của cô không tập trung cả vào Frieda, Ursula tự hỏi phải mất bao lâu các vị nữ tu ấy mới mặc xong đồ vào mỗi buổi sáng? Ursula chắc chắn cô sẽ rời hết cả lên. Chỉ riêng chiếc khăn trùm đầu đã là một lý do chính đáng để cô không trở thành một nữ tu.

Họ cầu mong Frieda giữ được mạng sống và con bé đã làm được điều đó. *Triumph des Willens**. Con bệnh đã qua và con bé bắt đầu chặng đường hồi phục dài đằng đẵng. Con bé vẫn còn xanh rớt và yếu ớt nên cần được dưỡng bệnh. Vào một buổi tối, khi Ursula từ bệnh viện về nhà, cô thấy một chiếc phong bì được giao bằng tay ở cửa nhà họ.

"Từ Eva." Cô nói với Jürgen và đưa cho anh xem lá thư khi anh đi làm về.

"Eva là ai?" Anh hỏi.



"Cười lên nào!" Tách, tách, tách. Cô nghĩ rằng cô sẽ làm bất cứ thứ gì để giúp Eva vui vẻ. Cô sẽ không ngần ngại. Eva đã rất tử tế khi mời họ đến đây để Frieda có thể hít thở bầu không khí trong lành của miền núi, ăn rau tươi, trứng tươi và uống sữa tươi từ Gutshof, trang trại kiểu mẫu trên các con dốc bên dưới Berghof.

"Đó có phải là một lời mời long trọng không?" Jürgen hỏi. "Em có thể từ chối không? Em có muốn từ chối không? Anh hy vọng là không. Không khí ở đó cũng sẽ giúp chữa trị cho bệnh đau đầu của em." Đạo gần đây cô nhận ra rằng anh càng bước lên cao trên những bậc thang quyền lực thì những cuộc trò chuyện của họ càng trở nên giống với những cuộc độc thoại. Anh đưa ra những lời khẳng định, đặt ra những câu hỏi, trả lời những câu hỏi ấy và rút ra kết luận mà chẳng cần cô đáp lời. (Có lẽ đây là cách trò chuyện của một luật sư.) Anh thậm chí còn có vẻ không nhận thức được rằng mình đang làm điều đó.

"Lão dê già cuối cùng cũng có một người phụ nữ rồi sao? Ai mà đoán ra được chứ? Em có biết không? Không, em sẽ nói là không. Và ai mà ngờ em lại quen cô ta chứ. Điều đó sẽ có lợi cho chúng ta, đúng không? Ở quá gần ngai vàng. Điều đó sẽ có lợi cho sự nghiệp của anh, đồng nghĩa với việc có lợi cho chúng ta. *Liebling**." Anh hời hợt nói thêm.

Ursula nghĩ rằng ở quá gần ngai vàng sẽ rất nguy hiểm. "Em không biết Eva." Ursula nói. "Em chưa bao giờ gặp cô ấy. Bà Brenner mới là người biết cô ấy, biết mẹ cô ấy, bà Braun. Klara từng thỉnh thoảng làm việc ở hiệu ảnh của Hoffmann cùng với Eva. Họ học chung trường mẫu giáo với nhau."

"Thật là tuyệt!" Jürgen nói. "Từ *Kaffeeklatsch** tới cái ghế quyền lực trong ba bước dễ dàng. Cô Eva Braun ấy có biết rằng người bạn cũ học chung trường mẫu giáo với mình là Klara đã kết hôn với một người Do Thái không?" Cái cách anh nói ra từ đó khiến cô ngạc nhiên. *Jude**. Cô chưa bao giờ nghe thấy anh nói kiểu như thế - đầy

mĩa mai và khinh miệt. Trái tim cô như bị xuyên một cái đinh. "Em không biết." Cô nói. "Em không tham gia vào cái mà anh gọi là *Kaffeeklatsch*."



Quốc trưởng chiếm quá nhiều chỗ trong cuộc đời của Eva đến nỗi khi ông ta không có ở đây, cô chỉ còn là một cái bình trống rỗng. Mỗi khi người tình của Eva đi vắng, đêm nào cô cũng thức canh điện thoại và đồng tai lên như một chú chó để chờ cuộc gọi sẽ mang giọng nói của ông chủ cô tới với cô.

Và ở trên này cũng chẳng có mấy việc để làm. Sau một thời gian, việc dạo bộ dọc theo những con đường mòn trong rừng và bơi trong hồ Königsee (lạnh cóng) chẳng còn tiếp thêm sinh lực cho ta mà chỉ càng khiến ta kiệt sức. Suốt ngày chỉ có hái hoa dại và sưởi nắng trên những chiếc ghế dài ở hàng hiên khiến người ta như sắp phát điên. Trên Berg có vô số bảo mẫu và vú em, tất cả bọn họ đều tranh nhau chơi với Frieda, vì vậy Ursula thấy mình cũng có nhiều thời gian rảnh như Eva vậy. Cô đã ngốc nghếch mang theo đúng một quyển sách, cũng may nó là một quyển sách dài, cuốn *Der Zauberberg* của Mann. Cô đã không nhận ra nó nằm trong danh sách cấm. Một sĩ quan Wehrmacht* nhìn thấy cô đọc nó đã nói: "Cô to gan quá, đó là một trong những cuốn sách cấm của họ đấy." Cô cho rằng việc anh ta nói từ "của họ" ám chỉ rằng anh ta không phải là một người trong số "họ". Điều tệ nhất mà họ có thể làm là gì? Tước đoạt cuốn sách của cô và ném nó vào cái lò ở trong bếp ư?

Người sĩ quan Wehrmacht đó thật tử tế. Anh ta nói bà anh ta là người Scotland và anh ta đã có rất nhiều kỳ nghỉ vui vẻ ở "vùng cao nguyên".

*Im Grunde hat es eine merkwürdige Bewandtnis mit diesem Sicheinleben an fremdem Orte, dieser - sei es auch - mühseligen Anpassung und Umgewöhnung**, cô đọc và khó nhọc dịch nó sang

tiếng Anh nhưng cô dịch khá tệ - "Có điểm gì đó kỳ lạ ở việc chuyển đến một nơi ở mới, sự thích nghi và làm quen một cách khó nhọc..." Đúng quá! Cô nghĩ. Các tác phẩm của Mann thường khó đọc. Thà rằng cô mang theo một thùng tiểu thuyết Gothic lãng mạn của Bridget còn hơn. Cô chắc chắn chúng sẽ không *verboten**.



Không khí vùng núi chẳng có tác dụng gì với những cơn đau đầu của cô (Thomas Mann cũng vậy). Chúng chỉ càng trở nên tệ hơn. *Kopfschmerzen**, chỉ riêng từ đó đã khiến đầu cô đau nhói. "Tôi không thể tìm ra nguyên nhân." Bác sĩ ở bệnh viện nói với cô. "Chắc là do dây thần kinh của cô." Ông ta kê cho cô một đơn thuốc an thần.

Eva cũng chẳng có kiến thức gì để giúp cô nhưng Berg không phải là "triều đình" của giới trí thức. Người duy nhất mà ta có thể gọi là một nhà tư tưởng chính là Speer. Nhưng Ursula ngờ rằng thế không có nghĩa là Eva có một cuộc sống êm đềm. Cô có thể cảm nhận được sự chán nản và rối bời ẩn giấu bên dưới tất cả *Lebenslust** đó, nhưng sự lo lắng không phải là thứ mà một người đàn ông tìm kiếm ở cô nhân tình của mình.

Ursula cho rằng để trở thành một cô nhân tình thành công (mặc dù cô chưa bao giờ là nhân tình của ai, dù thành công hay không thành công), người phụ nữ nên là nguồn an ủi và khuây khỏa, là chiếc gối thư giãn cho cái đầu mệt mỏi. *Gemütlichkeit**. Eva rất đáng yêu, cô tán gẫu về những chuyện vụn vặt và không cố gắng tỏ ra khôn khéo hay sắc sảo. Những người đàn ông quyền lực cần người phụ nữ của mình phải thật nhu mì, tổ ấm không nên là vũ đài của sự tranh luận. "Chồng em nói với em như thế nên điều đó hẳn là đúng!" Cô viết cho Pamela. Anh không nói về mình - anh không phải là người đàn ông quyền lực. "Ít ra cũng chưa phải." Anh cười.

Eva chỉ lo rằng thế giới chính trị sẽ lấy mất đối tượng sùng bái của cô. Cô bị gạt đi một cách thô bạo khỏi con mắt của công chúng, không có địa vị chính thức, hoàn toàn không có địa vị gì, trung thành như một chú chó nhưng còn chẳng được tôn trọng bằng một chú chó. Blondi* còn có địa vị cao hơn Eva. Eva nói nỗi nuối tiếc lớn nhất của cô là không được phép gặp nữ công tước khi vợ chồng Công tước Windsor* đến thăm biệt thự Berghof.

Ursula cau mày khi nghe thấy điều này. "Nhưng bà ta là người ủng hộ Đảng Quốc xã mà, cô biết đấy." Cô buột miệng nói. ("Em cho rằng em nên cẩn trọng hơn trong lời ăn tiếng nói!" Cô viết cho Pamela.) Eva chỉ trả lời "Vâng, đương nhiên là bà ấy ủng hộ Đảng Quốc xã", như thể việc vợ của người từng là vua Anh ủng hộ Hitler là điều tự nhiên nhất trên đời này vậy.

Hắn là người ta mong đợi Quốc trưởng bước trên con đường trình bạch đơn độc và cao quý. Ông ta không thể kết hôn bởi vì ông ta đã hiến mình cho nước Đức. Ông ta đã hiến thân cho số phận của đất nước mình - ít nhất đó là nguyên nhân chính, Ursula nghĩ có lẽ cô đã lén ngủ gật khi nghe đến điều này. (Đó là một trong những vở kịch độc thoại bất tận sau bữa tối của ông ta.) Giống như Nữ vương Đồng trinh* của chúng tôi, cô nghĩ, nhưng không nói ra, vì cô cho rằng Quốc trưởng sẽ không thích bị so sánh với một người phụ nữ, cho dù là một người phụ nữ có dòng dõi vương giả, quý tộc của Anh với trái tim và tinh thần của một vị vua. Hồi Ursula còn đi học, trường cô có một giáo viên lịch sử đặc biệt thích trích dẫn lời của Elizabeth I. *Đừng kể bí mật cho những người mà ta chưa kiểm tra được xem họ có đáng tin cậy và giữ được im lặng hay không.*



Eva sẽ vui hơn biết bao nhiêu nếu được ở lại Munich trong ngôi nhà kiểu tiểu tư sản mà Quốc trưởng đã mua cho cô, nơi cô có thể sống một cuộc sống bình thường, được tự do giao lưu với nhiều

người. Còn ở đây, trong cái lồng dát vàng này, cô phải tự tiêu khiển bằng cách lật giở những cuốn tạp chí, bàn luận về những kiểu tóc mới nhất và đời sống tình cảm của những ngôi sao điện ảnh (cứ như Ursula hiểu biết về chủ đề ấy vậy), và diện hết bộ đồ này đến bộ đồ khác như một nghệ sĩ biểu diễn trò thay đổi trang phục nhanh. Ursula đã vào phòng ngủ của Eva vài lần, đó là một buồng the xinh đẹp, đầy nữ tính, rất khác so với lối bài trí ngọt ngào của phần còn lại của Berghof, chỉ có một khuyết điểm duy nhất là bức chân dung của Quốc trưởng được treo trang trọng trên tường. Vị anh hùng của cô ấy. Quốc trưởng không treo bức chân dung nào của nhân tình trong phòng mình. Thay vì khuôn mặt của Eva đang mỉm cười với mình ở trên tường, ông ta lại phải đối mặt với những nét nghiêm nghị của vị anh hùng yêu quý của chính ông ta, Frederick Đại đế - *Friedrich der Grosse*.

"Em luôn nghe nhầm từ "vĩ đại" thành "người bán tạp phẩm", cô viết cho Pamela. Người bán tạp phẩm nói chung không phải là những kẻ hiếu chiến và thích chinh phạt. Quốc trưởng đã làm gì để trở nên vĩ đại như vậy? Eva nhún vai, cô ấy không biết. "Ông ấy luôn là một chính trị gia. Ông ấy sinh ra đã là một chính trị gia." Không, Ursula nghĩ, khi mới sinh ra, ông ta cũng chỉ là một đứa trẻ như tất cả những người khác. Và ông ta đã lựa chọn trở thành một người như thế này.

Phòng ngủ của Quốc trưởng, liền kề với phòng tắm của Eva, là lãnh địa cấm. Thế nhưng Ursula đã từng nhìn thấy ông ta ngủ, không phải trong căn phòng bất khả xâm phạm kia mà dưới ánh nắng ấm áp sau bữa ăn trên hàng hiên của Berghof, cái miệng của người chiến binh vĩ đại hơi há ra làm mất đi vẻ tôn nghiêm. Trông ông ta thật sơ hở nhưng trên Berg không có kẻ ám sát nào. Có rất nhiều súng, Ursula nghĩ, rất dễ để chộp được một khẩu Luger và bắn vào tim hay đầu ông ta. Nhưng rồi chuyện gì sẽ xảy ra với cô? Tệ hơn, chuyện gì sẽ xảy ra với Frieda?

Eva ngồi cạnh ông ta, trùu mền ngắm nhìn ông ta như thể ông ta là một đứa trẻ. Trong giấc ngủ, ông ta chẳng thuộc về ai khác ngoài cô ấy.

Về cơ bản, cô ấy là một người phụ nữ trẻ xinh đẹp. Ta không thể đánh giá một người phụ nữ qua người đàn ông mà cô ấy ngủ cùng. (Đúng không nhỉ?)

Eva có thân hình tuyệt vời giống như một vận động viên khiến Ursula cảm thấy khá ghen tỵ. Cô ấy là một cô gái khỏe khoắn, ham thích thể thao - bơi lội, trượt tuyết, trượt băng, khiêu vũ, thể dục - cô ấy yêu các hoạt động ngoài trời, cô ấy ưa vận động. Vậy mà cô ấy lại bám dính vào một người đàn ông trung niên lười biếng, một sinh vật hoạt động về đêm, theo đúng nghĩa đen, ông ta không ra khỏi giường trước buổi trưa (vậy mà ông ta vẫn có thể ngủ một giấc ngắn vào buổi chiều), ông ta không hút thuốc, uống rượu, nhảy nhót hay có những thói vui vô bổ khác - ông ta có lối sống kỷ luật nghiêm ngặt như người Sparta nhưng lại chẳng chú trọng rèn luyện sức khỏe. Ông ta chẳng bao giờ để ai nhìn thấy mình cởi đồ, chiếc quần ngắn nhất ông ta mặc là chiếc quần *Lederhosen* truyền thống (trông nó khó coi đến mức khô hài trong con mắt của một người không phải là dân vùng Bavaria). Hơi thở hôi hám của ông ta đã làm Ursula kinh tởm trong buổi gặp gỡ đầu tiên giữa họ. Ông ta còn uống thuốc như ăn kẹo vì "chứng đầy hơi" của mình ("Anh nghe thấy ông ấy xì hơi." Jürgen nói. "Cũng đã nghe mọi người cảnh báo trước rồi. Hẳn là vì ông ấy ăn nhiều rau quá".) Ông ta quan tâm đến phẩm cách nhưng không thực sự kiêu ngạo. "Chỉ là một kẻ mắc chứng hoang tưởng tự đại thôi." Cô viết cho Pamela.



Eva đã phái một người tài xế đánh xe đến đón hai mẹ con Ursula. Khi hai mẹ con tới Berghof, Quốc trưởng đã đích thân chào đón họ - trên những bậc thang lớn, nơi ông ta chào đón những người quyền

cao chức trọng, nơi ông ta chào đón Chamberlain vào năm ngoái. Khi Chamberlain trở về Anh, Chamberlain nói rằng giờ thì ông ta "đã biết trong đầu ngài Hitler suy nghĩ những gì". Ursula ngờ rằng chẳng ai biết được điều đó, kể cả Eva. Đặc biệt là Eva.

"Rất hoan nghênh cô, *gnädiges Frau**." Ông ta nói. "Cô nên ở lại cho đến khi sức khỏe của *liebe Kleine** trở nên khá hơn."

"Ông ta thích phụ nữ, trẻ con và chó, thực sự thì có điểm gì đáng để chê trách nào?" Pamela viết. "Chỉ tiếc một điều ông ta là kẻ độc tài không tôn trọng luật pháp hay nhân loại." Pamela có vài người bạn ở Đức từ hồi còn học đại học, nhiều người trong số họ là người Do Thái. Cô có một bầy con đông đúc gồm ba cậu con trai nghịch như quỷ (cô bé Frieda trầm lặng sẽ bị lấn át nếu đến Finchley), và giờ cô viết thư cho Ursula khoe rằng cô lại đang mang thai, "mong rằng nó là con gái". Ursula cảm thấy nhớ Pammy.

Pamela sẽ không thể sống yên ổn dưới chế độ này. Cô dễ dàng phần nộ vì những vi phạm nguyên tắc đạo đức nên sẽ không thể giữ im lặng. Cô sẽ không thể cắn lưỡi để kiềm chế không thốt ra miệng những điều không nên nói giống như Ursula (như thể đang đeo một cái niềng kẹp lưỡi* vậy). *Những người chỉ đứng đợi cũng là phụng sự rồi**. Điều đó có được áp dụng với nguyên tắc xử thế của một người không? Liệu đây có phải là sự biện bạch của mình? Ursula tự hỏi. Có lẽ sẽ tốt hơn nếu trích dẫn Edmund Burke* thay vì Milton*. *Điều tất yếu giúp cái ác lên ngôi trên thế giới này là những người phụ nữ tốt không làm gì cả.*

Ngay sau ngày mẹ con Ursula đến đó, nơi này đã tổ chức một bữa tiệc sinh nhật cho con của ai đó, Ursula cũng không rõ đó là đứa trẻ nhà Goebbels hay Bormann - ở đó có quá nhiều trẻ con và chúng trông cứ na ná nhau. Chúng gọi cho Ursula nhớ đến những hàng binh lính trong buổi diễu hành mừng sinh nhật của Quốc trưởng. Đứa nào đứa nấy đều sạch sẽ và tinh tươm, từng đứa sẽ nhận được một lời căn dặn đặc biệt từ Bác Sói* trước khi được

phép thường thức chiếc bánh kem bày trên một cái bàn dài. Frieda tội nghiệp vốn hảo ngọt (điểm này con bé rõ ràng giống hết mẹ nó) nhưng chẳng ăn nổi thứ gì vì quá mỗi mẹt. Hai mắt con bé cứ trĩu xuống. Ở Berghof luôn có bánh ngọt, nào là bánh *Streusel*, bánh *Torte* nhân quế và mận, bánh ngàn lớp, bánh kem sô cô la - những chiếc bánh *Schwarzwälder Kirschtorte* hình vòm to tướng - Ursula tự hỏi người nào ăn hết chỗ bánh này. Nếu là cô thì chắc chắn sẽ phải cố hết sức mới có thể ăn nổi.

Tuy một ngày ở bên Eva tẻ nhạt như vậy nhưng nó vẫn chẳng là gì so với một buổi tối có mặt Quốc trưởng. Sau bữa tối, họ phải dành hàng tiếng đồng hồ bất tận ở đại sảnh - một căn phòng xấu xí, rộng thênh thang nơi họ nghe máy hát hoặc xem phim (hoặc thường thì cả hai). Đương nhiên, Quốc trưởng là người đưa ra những lựa chọn, về âm nhạc, *Die Fledermaus* và *Die lustige Witwe* là những vở operetta mà ông ta yêu thích. Vào buổi tối đầu tiên, Ursula nghĩ cô sẽ khó mà quên được cảnh tượng Bormann, Himmler, Goebbels (và những người bạn đời nanh nọc của họ) đều mỉm cười giả tạo (có lẽ lại là một dạng *Lippenbekenntnis*) trong lúc nghe *Die lustige Witwe*. Ursula từng xem vở *Góa phụ vui vẻ* do các bạn sinh viên diễn hồi cô còn học đại học. Khi ấy cô chơi khá thân với cô gái đóng vai chính Hanna. Cô không ngờ được rằng lần tiếp theo cô nghe thấy những lời "Vilja, hỡi Vilja! Phù thủy của khu rừng" là khi cô ở Đức cùng với nhóm khán giả lạ thường nhất này. Vở diễn ấy đã diễn ra vào năm 1931. Hồi đó cô còn chưa biết tương lai của mình ra sao, nói gì đến tương lai của châu Âu.

Hầu như tối nào ở đại sảnh cũng chiếu phim. Người điều khiển máy chiếu sẽ tới và tấm thảm thêu Gobelin to tướng treo trên một bức tường sẽ được cuộn lên, giống như một cái cửa chớp, để lộ ra một màn hình đằng sau nó. Sau đó họ sẽ phải ngồi xem hết một bộ phim lãng mạn, ủy mị khủng khiếp, hoặc một bộ phim phiêu lưu của Mỹ hay tệ hơn, một bộ phim về núi non. Do đó mà Ursula đã xem phim *Vua khỉ Kong*, *Cuộc sống của một kỵ binh ở Bengal* và *Der*

Bergruft. Vào buổi tối đầu tiên, họ xem bộ phim *Der heilige Berg* (lại một bộ phim về núi, lại có Leni đóng). Eva kể với Ursula rằng bộ phim mà Quốc trưởng yêu thích là *Nàng Bạch Tuyết*. Ursula tự hỏi ông ta đồng cảm với nhân vật nào nhất - mụ phù thủy độc ác hay bảy chú lùn? Chắc không phải là nàng Bạch Tuyết đâu nhỉ? Hẳn là hoàng tử rồi, cô kết luận. (Chàng ta có tên không? Các chàng hoàng tử có bao giờ được đặt tên không, hay chỉ cần gọi họ bằng danh hiệu đó là đủ rồi?) Chàng hoàng tử đánh thức nàng công chúa đang ngủ cũng giống như Quốc trưởng đã đánh thức nước Đức. Nhưng không phải bằng một nụ hôn.

Khi Frieda chào đời, Klara đã tặng Ursula một cuốn *Schneewittchen und die sieben Zwerge* - *Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn* tuyệt đẹp do Franz Jüttner minh họa. Ông giáo sư của Klara đã bị cầm dạy ở trường mỹ thuật từ lâu. Họ đã lên kế hoạch rời khỏi đây vào năm 1935 và rồi lại dời kế hoạch sang năm 1936. Sau vụ *Kristallnacht*^{*}, Pamela đã trực tiếp viết thư cho Klara, mặc dù hai người họ chưa từng gặp nhau, để mời cô ấy đến trú ngụ ở Finchley. Nhưng chỉ vì tính ì trệ, cái thói xấu chết tiệt mà dường như ai cũng mắc phải, khiến họ cứ *lần lữa*... Thế rồi ông giáo sư của cô ấy bị bố ráp và bị đày tới miền Đông - theo lời các nhà chức trách là để làm việc trong một nhà máy. "Đôi bàn tay điêu khắc gia của anh ấy đẹp thế mà!" Klara buồn bã nói.

("Chúng không thực sự là *những nhà máy*, em biết đấy." Pamela viết.)

Ursula nhớ hồi còn nhỏ cô rất thích truyện cổ tích. Cô đã đặt niềm tin rất lớn không phải vào cái kết có hậu của các câu chuyện mà vào việc lập lại sự công bằng trên thế giới. Cô nghi ngờ rằng mình đã bị *die Brüder Grimm*^{*} lừa bịp. *Spieglein, Spieglein, an der Wand/ Wer ist die Schönste im ganzen Land?*^{*} Chắc chắn không phải đám người này, Ursula nghĩ và nhìn quanh đại sảnh trong buổi tối mệt mỏi đầu tiên của cô ở Berg.

Quốc trưởng là người thích operetta hơn là opera, thích hoạt hình hơn là thứ văn hóa cao siêu. Nhìn ông ta cầm tay Eva trong lúc ngâm nga theo điệu nhạc của Lehar, Ursula giật mình nhận ra ông ta bình thường biết bao (thậm chí là ngốc nghếch), giống chuột Mickey hơn là Siegfried*. Sylvie sẽ xử lý ông ta nhanh gọn. Izzie sẽ giày vò ông ta. Bà Glover - bà Glover sẽ làm gì nhỉ? Ursula tự hỏi. Đây là trò chơi mới mà cô ưa thích: quyết định xem những người mà cô biết sẽ làm gì với những tay đầu sỏ chính trị của Đức Quốc xã. Cô kết luận rằng có lẽ bà Glover sẽ dùng cây búa dần thịt của mình để giã cho tất cả bọn họ một trận tơi bời. (Bridget sẽ làm gì? Có lẽ cô ấy sẽ hoàn toàn lờ ông ta đi.)

Khi bộ phim kết thúc, Quốc trưởng sẽ diễn giải (hàng tiếng đồng hồ) về những chủ đề yêu thích của ông ta - hội họa và kiến trúc của Đức (ông ta tự nhận mình là một kiến trúc sư hựt), *Blut und Boden** (đất đai, lúc nào cũng đất đai), lối đi cao cả, đơn độc của ông ta (lại chuyện con sói). Ông ta là vị cứu tinh của nước Đức, và nước Đức nghèo khó tội nghiệp - *Schneewittchen** của ông ta - sẽ được ông ta cứu vớt dù "nàng" có muốn hay không. Ông ta lải nhải về nghệ thuật và âm nhạc lành mạnh của Đức, về Richard Wagner, vở *Die Meistersinger**, câu thoại mà ông ta yêu thích trong vở nhạc kịch này là *Wacht auf, es naht gen den Tag* - *Dậy đi, trời sáng rồi* (nếu ông ta cứ tiếp tục đông dài thế này thì trời sẽ sáng thật mất, cô nghĩ). Trở lại với số phận - của ông ta - cái số phận ấy kết chặt với số phận của *Volk** như thế nào. *Heimat**, *Boden*, chiến thắng hay thất bại (Chiến thắng nào? Ursula tự hỏi. Chiến thắng ai?). Kể đến ông ta nói gì đó về Frederick Đại đế mà cô không nghe ra, điều gì đó về kiến trúc La Mã, rồi Tổ quốc. (Người Nga gọi là "mẫu quốc", điều đó có ý nghĩa gì chẳng? Ursula tự hỏi. Còn người Anh gọi nó là gì? Cô cho rằng chỉ là "nước Anh" thôi. Cùng lắm là "Jerusalem" như trong bài thơ của Blake.)

Rồi ông ta lại quay lại với chủ đề số phận và *Tausendjähriges*. Cứ liên miên như vậy khiến cơn đau đầu của cô vốn âm ỉ từ trước bữa

tối giờ đã trở nên dữ dội như thể có một con sao biển gai trong đầu cô. Cô hình dung Hugh đang nói "Ồ, im miệng đi, ngài Hitler" và đột nhiên cảm thấy nhớ nhà đến phát khóc.

Cô muốn về nhà. Cô muốn về Góc Cáo.

Đối với các vị vua và các quần thần, các quần thần không thể rời đi khi chưa được phép, họ phải nán lại cho đến khi vị chúa thượng quyết định trở về buồng ngủ. Có lúc Ursula bắt gặp Eva hướng về phía ông ta mà ngáp một cách khoa trương như muốn nói "Đủ rồi, Chàng Sói" (Cô biết rằng trí tưởng tượng của mình đang trở nên hơi lố, nhưng trong hoàn cảnh này thì đó là điều có thể chấp nhận được). Thế rồi cuối cùng, ờ Chúa, ông ta cũng rời đi và nhóm người một mỗi xung quanh ông ta rục rịch đứng dậy.



Phụ nữ đặc biệt yêu Quốc trưởng. Họ viết cho ông ta hàng nghìn lá thư, nướng bánh cho ông ta, thêu hình chữ thập ngoặc lên những tấm nệm ghế và những chiếc gối cho ông ta, đứng chờ đợi dọc theo con đường dốc dẫn lên Obersalzberg để tận mắt nhìn thấy ông ta trong chiếc Mercedes màu đen to lớn, giống như đội BDM của Hilde và Hanne vậy. Nhiều người phụ nữ hét lên với ông ta rằng họ muốn có con với ông ta. "Nhưng họ ưng ý điểm gì ở ông ta?" Sylvie hỏi. Ursula từng dẫn bà tới một cuộc diễu hành bất tận có vẫy cờ và giảng biểu ngữ ở Berlin, bởi vì bà muốn "tự mình tìm hiểu xem trò lố ấy là như thế nào". (Sylvie quả đúng là người Anh điển hình khi miệt thị Đế tam đế chế Đức quốc xã là một "trò lố".)

Đường phố là một rừng sắc đỏ, đen và trắng. "Màu sắc của họ thật chói mắt." Sylvie nói như thể bà đang cân nhắc chuyện đề nghị những người theo Chủ nghĩa Quốc xã trang trí căn phòng khách của bà.

Khi Quốc trưởng xuất hiện, đám đông phấn khích càng trở nên cuồng loạn với những tiếng reo hò *Sieg Heil* và *Heil Hitler*^{*}. "Mẹ có

phải là người duy nhất dừng dừng không?" Sylvie hỏi. "Theo con thì điều này là gì - một dạng quá khích tập thể à?"

"Con biết." Ursula nói. "Chuyện này giống như chuyện về bộ quần áo mới của Hoàng đế ấy. Chúng ta là những người duy nhất có thể nhìn thấy vị hoàng đế ấy khỏa thân."

"Ông ta là một thằng hề." Sylvie khinh khỉnh nói.

"Suyt!" Ursula nói. Từ "thằng hề" trong tiếng Anh giống hết từ "thằng hề" trong tiếng Đức nên cô không muốn chuốc lấy sự thù địch từ những người xung quanh họ. "Mẹ nên giơ tay lên." Cô nói.

"Mẹ ư?" "Bóng hồng Anh quốc" giận dữ hỏi lại.

"Vâng, mẹ đấy."

Sylvie miễn cưỡng giơ tay lên. Ursula nghĩ rằng cho đến lúc chết cô sẽ nhớ mãi hình ảnh mẹ cô chào theo kiểu Quốc xã. Đương nhiên - sau này Ursula tự nhủ - đó là năm 1934, khi lương tâm người ta chưa bị co rúm lại và mụ mẫm vì sợ hãi, khi cô bị che mắt trước những gì thực sự đang diễn ra. Có lẽ cô mù quáng vì tình yêu, hoặc chỉ đơn giản là ngốc nghếch. (Pamela đã nhìn ra, chị cô không hề bị bất cứ thứ gì che mắt.)

Sylvie đã lặn lội tới Đức để xem xét người chồng "từ trên trời rơi xuống" của Ursula. Ursula tự hỏi bà tính làm gì nếu bà thấy Jürgen không phù hợp để làm chồng cô - đánh thuốc mê, bắt cóc cô và lôi cô lên chuyến tàu *Schnellzug*? Bây giờ họ vẫn đang ở Munich, Jürgen chưa làm việc cho Bộ Tư pháp ở Berlin, họ chưa chuyển tới Savignyplatz và Frieda còn đang nằm trong bụng Ursula.

"Con sắp trở thành một bà mẹ cơ đấy." Sylvie nói, như thể đó là điều mà bà chưa bao giờ ngờ tới. "Của một người Đức." Bà tự lự nói thêm.

"Của một đứa trẻ." Ursula nói.



"Thật tuyệt khi được đi xa." Sylvie nói. Xa khỏi cái gì? Ursula tự hỏi.

Có hôm Klara gặp họ để ăn trưa, sau đó cô ấy nói: "Mẹ cậu thanh lịch quá!" Ursula chưa bao giờ nghĩ Sylvie là người ăn mặc kiêu cách, nhưng cô cho rằng so với bà Brenner, mẹ của Klara, một người trông giống như ổ bánh mì khoai tây *Kartoffelbrot*, Sylvie là người khá hợp mốt.

Sau bữa trưa, trên đường trở về, Sylvie nói bà muốn ghé vào cửa hàng bách hóa Oberpollingers để mua một món quà cho Hugh. Khi tới nơi, họ thấy những ô cửa sổ được tô vẽ những khẩu hiệu bài Do Thái và Sylvie nói: "Trời ơi, quả là khủng khiếp." Cửa hàng vẫn đang mở cửa kinh doanh nhưng có hai gã cục mịch mặc quân phục SA đứng lảng vảng ở trước cửa, cười toe toét, ngăn mọi người bước vào. Nhưng họ chẳng ngăn được Sylvie, bà thản nhiên đi qua những kẻ áo nâu ấy trong lúc Ursula miễn cưỡng đi theo bà vào trong cửa hàng và bước lên cái cầu thang trải thảm dày. Trước mặt những kẻ mặc quân phục, Ursula đã nhún vai tỏ vẻ bất lực như trong hoạt hình và ngại ngùng lẩm bẩm: "Bà ấy là người Anh." Cô đã nghĩ rằng Sylvie không hiểu cuộc sống ở Đức, nhưng khi nghĩ lại, cô cho rằng có lẽ Sylvie đã hiểu rất rõ.



"A, bữa trưa đây rồi." Eva nói, đặt máy ảnh xuống và cầm tay Frieda. Cô ấy dẫn con bé tới bàn, đặt nó lên một cái ghế lót nệm dày gấp đôi bình thường rồi chất đầy đồ ăn vào cái đĩa của nó. Thịt gà, khoai tây nướng và sa lát, tất cả đều lấy từ trang trại Gutshof. Ngồi ăn ở ngoài này mang lại cho họ cảm giác thật ngon miệng. Món tráng miệng của Frieda là *Milchreis*, chỗ sữa tươi sáng hôm đó được lấy từ trang trại Gutshof. (Ursula thì được dành cho miếng bánh *Käsekuchen* phù hợp với người lớn hơn, còn Eva thì hút một điếu thuốc lá.) Ursula nhớ món pudding gạo của bà Glover, bên

dưới lớp vỏ nâu giòn của nó là một lớp kem màu vàng đắp dính. Cô có thể ngửi thấy mùi nhục đậu khấu cho dù cô biết trong đĩa của Frieda không hề có thứ đó. Cô không thể nhớ hạt nhục đậu khấu trong tiếng Đức được gọi là gì và nghĩ rằng sẽ rất khó để giải thích với Eva. Điều duy nhất mà cô sẽ nhớ ở Berghof chính là thức ăn, do đó cô nghĩ mình nên thưởng thức nó khi còn có thể, và thế là cô bèn tự thưởng cho mình thêm một miếng *Käsekuchen* nữa.

Phục vụ bữa trưa cho họ là một đội quân giúp việc phục vụ cho Berghof. Berg là sự kết hợp kỳ lạ của một khu biệt thự nghỉ dưỡng trên dãy Alps với một trại huấn luyện quân sự. Nó thực sự là một thị trấn nhỏ với trường học, bưu điện, nhà hát, một doanh trại SS rộng lớn, trường bắn, sàn chơi bowling, bệnh viện Wehrmacht, vân vân, có thể nói là nó có tất cả mọi thứ, trừ một nhà thờ. Ở đây còn có rất nhiều sĩ quan Wehrmacht trẻ trung, đẹp trai, phù hợp để theo đuổi Eva hơn.

Sau bữa trưa, họ đi bộ lên *Teehaus* trên Mooslahner Kopf. Lũ chó lạnh lẽo, ồn ào của Eva chạy lon ton bên cạnh họ. (Giá mà một trong hai con bị ngã khỏi lan can hoặc đài vọng cảnh.) Đầu Ursula bắt đầu đau và cô mừng rỡ ngồi sụp xuống một cái ghế bành bọc vải lanh in hoa màu xanh lá cây mà cô thấy cực kì chướng mắt. Trà - và bánh ngọt, đương nhiên rồi - được mang từ bếp lên. Ursula uống hai viên codeine và chiêu một ngụm trà rồi nói: "Tôi nghĩ bây giờ Frieda đã khỏe mạnh để có thể về nhà được rồi."



Ursula đi ngủ sớm nhất có thể, cô len vào giữa những lớp chăn ga màu trắng mát lạnh của chiếc giường trong căn phòng dành cho khách mà cô ở chung với Frieda. Đầu óc cô căng thẳng đến nỗi chẳng ngủ được, đến hai giờ sáng cô vẫn còn thao thức, vì vậy cô bật chiếc đèn ở cạnh giường lên - Frieda đã chìm vào giấc ngủ sâu của trẻ con, chỉ có bệnh tật mới có thể đánh thức con bé dậy - và lấy giấy bút ra viết thư cho Pamela.

Dĩ nhiên, chưa có lá thư nào viết cho Pamela được gửi đi. Cô không thể hoàn toàn tin chắc rằng sẽ không có ai đọc chúng. Ta không tài nào biết được, đó chính là điều khủng khiếp (đối với những người khác còn khủng khiếp hơn biết bao nhiêu). Bây giờ cô ước gì họ không phải đang ở trong những ngày nóng nực nhất, khi chiếc lò sưởi *Kachelofen* trong căn phòng ngủ dành cho khách nguội lạnh bởi không được thắp lên, bởi vì nếu đốt những lá thư thì sẽ an toàn hơn. An toàn hơn nữa là không bao giờ viết gì cả. Người ta không còn có thể bày tỏ những suy nghĩ thật của mình nữa. *Sự thật vẫn là sự thật đến tận ngày phán xét*. Câu này lấy từ tác phẩm nào nhỉ? *Ăn miếng trả miếng* của Shakespeare chẳng? Nhưng có lẽ sự thật vẫn đang ngủ yên cho đến tận ngày phán xét. Sẽ có rất nhiều điều phải phán xét khi nào thời điểm ấy đến.

Cô muốn về nhà. Cô muốn về Góc Cáo. Cô đã tính trở về vào tháng Năm vừa rồi nhưng Frieda lại bị ốm. Cô đã lên kế hoạch, đã đóng gói hành lý và cất chúng dưới gầm giường, nơi bình thường chúng vẫn được để không, để Jürgen không nghi ngờ gì. Cô đã mua vé chuyển xe lửa bắt kịp giờ chạy của tàu thủy. Cô đã không nói chuyện này với ai, kể cả Klara. Cô chưa muốn động đến hộ chiếu của họ vội - may mắn là hộ chiếu của Frieda vẫn còn hợp lệ từ chuyến đi của họ tới Anh năm 1935 - hộ chiếu của họ vẫn nằm trong cái hộp làm bằng lông nhím đồ sộ nơi họ cất giữ tất cả giấy tờ của mình. Cô kiểm tra chúng hầu như mỗi ngày, nhưng rồi, vào hôm trước ngày họ định đi, cô mở hộp ra xem nhưng chẳng còn thấy tấm hơi chúng đâu nữa. Cô nghĩ mình đã nhầm lẫn gì đó, bèn giở qua một lượt giấy khai sinh, giấy chứng tử, giấy đăng ký kết hôn, hợp đồng bảo hiểm, bảo lãnh ngân hàng, di chúc làm sẵn của Jürgen (anh vốn là luật sư mà), nói chung là thấy tất cả các loại giấy tờ, ngoại trừ thứ quan trọng nhất mà cô đang tìm. Càng lúc càng hoảng hốt, cô đổ hết cả mớ giấy tờ lên thảm và kiểm tra lại một lượt từng thứ một, hết lần này đến lần khác. Không có cuốn hộ chiếu nào khác ngoại trừ cuốn hộ chiếu của Jürgen. Trong nỗi tuyệt vọng, cô mở ra

từng ngăn kéo trong nhà, kiểm tra bên trong từng hộp giày và tủ chén bát, thậm chí cả bên dưới đệm giường và đệm sofa. Chẳng thấy đâu cả.

Họ ăn tối như bình thường. Cô hầu như không nuốt nổi. "Em ốm à?" Jürgen tỏ vẻ quan tâm, hỏi.

"Không." Cô nói. Giọng cô the thé. Cô có thể nói gì đây? Anh biết, đương nhiên là anh biết.

"Anh nghĩ chúng ta có thể đi nghỉ." Anh nói. "Ở Sylt."

"Sylt ư?"

"Sylt. Chẳng cần hộ chiếu cũng tới đó được." Anh nói. Có phải anh đã cười không? Có phải thế không? Thế rồi Frieda bị ốm và những chuyện khác chẳng còn quan trọng nữa.



"*Er kommt!*" Eva vui vẻ nói vào bữa sáng hôm sau. Quốc trưởng đang tới.

"Khi nào? Bây giờ á?"

"Không, chiều nay."

"Tiếc quá, lúc đó thì chúng tôi đi mất rồi." Ursula nói. Ờn Chúa, cô nghĩ. "Phiền cô gửi lời cảm ơn ông ấy giúp chúng tôi, được không?"



Họ được chở về nhà trong một chiếc Mercedes màu đen từ ga ra *Platterhof*, tài xế vẫn là người đã đưa họ đến *Berghof*.

Ngày hôm sau, Đức xâm lược Ba Lan.

THÁNG 4 NĂM 1945

Họ đã sống hàng tháng trời trong tầng hầm giống như lũ chuột. Khi quân Anh giội bom vào ban ngày và quân Mỹ giội bom vào ban đêm thì cũng chẳng còn lựa chọn nào khác. Tầng hầm bên dưới tòa chung cư ở Savignyplatz ẩm ướt và nhớp nhúa, có một ngọn đèn dầu hỏa nhỏ để thắp sáng và một cái xô để đi vệ sinh, tuy nhiên tầng hầm này còn tốt hơn những hầm trú ẩn trong thị trấn. Cô và Frieda từng gặp phải một cuộc không kích vào ban ngày ở gần sở thú và đã trú ẩn trong tòa tháp hỏa lực phòng không được dựng lên ở đó - hàng nghìn người chen chúc trong đó, lượng ôxy được đo bởi một ngọn nến (như thể họ là những con chim hoàng yến). Ai đó nói với cô rằng nếu ngọn nến tắt, tất cả mọi người đều phải ra ngoài trời cho dù cuộc không kích đang diễn ra. Hai mẹ con cô bị ép sát vào tường, gần chỗ họ đứng có một người đàn ông và một người phụ nữ đang ôm nhau (đó chỉ là cách nói lịch sự cho những gì họ đang làm). Rồi khi hai mẹ con rời đi, họ phải bước qua xác một cụ già đã chết trong cuộc không kích. Điều tệ nhất, thậm chí còn tệ hơn chuyện này, đó là thành lũy bằng bê tông khổng lồ này không chỉ là chỗ trú ẩn, nó còn là một khẩu đội pháo phòng không đồ sộ, những khẩu pháo to nặng liên tục bắn uỳnh uỳnh trên mái suốt thời gian họ ở đó, khiến căn hầm trú ẩn rung lên từng hồi theo từng cú dội. Cảm giác như đang ở dưới địa ngục vậy.

Một cú nổ lớn làm rung chuyển cả tòa tháp, một quả bom rơi xuống ngay gần sở thú. Cô cảm thấy sức ép của vụ nổ tràn đến như một cơn sóng, hút lấy và xô đẩy cơ thể cô, và cô sợ rằng hai lá phổi của Frieda có thể nổ tung. Thế rồi sức ép ấy cũng tan đi. Vài người bắt đầu nôn mửa, mặc dù rủi thay, chẳng có chỗ nào để nôn mửa ngoài chính đôi chân của mình, hoặc có lẽ tệ hơn, chân của người

khác. Ursula thề rằng cô sẽ không bao giờ chui vào một tòa tháp hỏa lực phòng không một lần nào nữa. Cô thà chết thật nhanh ở ngoài đường cùng với Frieda còn hơn. Đó là điều mà dạo gần đây cô rất hay nghĩ đến. Một cái chết nhanh gọn, với Frieda được bao bọc trong vòng tay của cô.

Có lẽ Teddy đang ở trên kia và thả bom xuống bọn họ. Cô hy vọng như vậy, vì như thế có nghĩa là em trai cô vẫn còn sống. Có lần, có người gõ cửa nhà cô - hỏi họ vẫn còn có một cánh cửa, trước khi quân Anh bắt đầu những cuộc ném bom không ngừng nghỉ vào tháng 11 năm 1943. Khi Ursula mở cửa, cô thấy một cậu thiếu niên gầy gò chừng mười lăm, mười sáu tuổi đứng đó. Cậu ta có vẻ nóng ruột và Ursula tự hỏi phải chăng cậu ta đang tìm chỗ trú ẩn, nhưng cậu ta chỉ nhét một lá thư vào tay cô rồi chạy đi trước khi cô kịp nói lời nào.

Chiếc phong bì nhăn nhúm và bẩn thỉu. Tên và địa chỉ của cô được viết trên đó, và cô bật khóc khi nhìn thấy chữ viết tay của Pamela. Những tờ giấy màu xanh lam mỏng manh đề ngày tháng từ vài tuần trước, miêu tả chi tiết tất cả những sự kiện xảy ra trong gia đình cô - Jimmy đã nhập ngũ, Sylvie "chiến đấu quả cảm" ở hậu phương ("một vũ khí mới - đàn gà!"). Pamela vẫn khỏe và đang sống ở Góc Cáo, cô nói giờ cô đã có bốn đứa con trai. Teddy thì đang ở trong RAF - Không lực Hoàng gia Anh, anh đã là thiếu tá với một tám huân chương DFC. Quả là một bức thư dài tuyệt vời cho đến khi cô đọc đến đoạn cuối, gần như là tái bút. "Chị để dành tin buồn đến phút chót." Hugh đã mất "Vào mùa thu năm 1940, ông ra đi trong yên bình vì một cơn đau tim." Ursula ước gì mình không nhận được lá thư này, cô ước gì mình có thể nghĩ rằng Hugh vẫn còn sống, còn Teddy và Jimmy vẫn là những thường dân sống ngoài lề cuộc chiến trong một mỏ than hay một đội dân quân tự vệ.

"Chị thường nghĩ về em." Pamela nói. Không có lời trách móc nào kiểu như "Chị đã bảo em rồi mà" hay "Tại sao em không về nhà khi còn có thể?". Cô đã cố gắng trở về nhưng dĩ nhiên khi đó đã quá

muộn. Ngay sau ngày Đức tuyên chiến với Ba Lan, cô đã đi khắp thành phố, làm những việc mà cô nghĩ là mình phải làm khi chiến tranh sắp xảy ra. Cô tích trữ pin, đèn pin và nến, cô mua thức ăn đóng hộp và vải đen để che cửa kính, cô mua quần áo cho Frieda ở cửa hàng bách hóa Wertheim - lựa chọn những bộ quần áo to hơn một, hai số phòng khi cuộc chiến kéo dài. Cô chẳng mua gì cho mình, lờ đi tất cả những chiếc áo khoác ấm áp, giày, tất và những bộ váy trang nhã. Đến bây giờ cô mới chua chát nuối tiếc về chuyện đó.

Cô nghe Chamberlain phát biểu những lời đáng buồn trên đài BBC: *Bây giờ chúng ta đang chiến tranh với nước Đức* và cảm thấy tê liệt rã rời suốt mấy tiếng đồng hồ. Cô cố gắng gọi điện cho Pamela nhưng mọi đường dây đều bận. Gần đến tối (Jürgen làm việc ở bộ cả ngày), cô đột nhiên bừng tỉnh, nàng Bạch Tuyết đã thức dậy. Cô phải rời đi, cô phải trở lại nước Anh, dù có hộ chiếu hay không. Cô vội vã gói ghém hành lý và kéo Frieda lên xe điện để tới nhà ga. Nếu cô có thể lên được một chuyến tàu, có lẽ mọi chuyện sẽ ổn. Nhưng chẳng có chuyến tàu nào cả, một nhân viên ở nhà ga đã nói với cô như vậy. Các biên giới đều đã bị đóng lại. "Chiến tranh đang diễn ra, cô không biết sao?" Ông ta nói.

Cô lồi xềnh xệch Frieda tội nghiệp chạy tới Đại sứ quán Anh ở đường Wilhelmstrasse. Mẹ con cô là công dân Đức nhưng cô sẽ van vỉ người của đại sứ quán rủ lòng thương. Chắc chắn họ sẽ có thể làm gì đó, dù gì cô vẫn là người Anh. Lúc đó trời đã sẩm tối, cổng đại sứ quán đã khóa và bên trong không có ánh đèn nào. "Họ đi rồi." Một người qua đường nói với cô. "Cô đã chậm chân."

"Đi rồi ư?"

"Trở về nước Anh."

Cô phải đưa tay lên bịt miệng để ngăn tiếng gào khóc đang dâng lên từ sâu thẳm trong lòng mình. Sao cô có thể ngốc nghếch đến thế? Sao cô không thấy trước được chuyện gì sắp xảy ra? *Một kẻ*

khờ chỉ nhận thức được nguy hiểm khi nó đã trôi qua. Lại là một câu nói của Elizabeth I.



Cô khóc lên khóc xuống suốt hai ngày sau khi nhận được lá thư của Pamela. Jürgen tỏ vẻ cảm thông, anh mang ít cà phê xịn về nhà cho cô và cô cũng không buồn hỏi anh kiếm được chúng từ đâu. Một tách cà phê ngon (dù tuyệt vời đến mức nào) cũng khó có thể xoa dịu nỗi thương tiếc của cô dành cho cha mình, cho Frieda, cho chính bản thân cô. Cho tất cả mọi người. Jürgen chết trong một cuộc không kích của Mỹ vào năm 1944. Ursula cảm thấy xấu hổ khi thấy mình có cảm giác nhẹ nhõm lúc nghe được tin ấy, đặc biệt là khi Frieda quá đổi đau buồn. Con bé yêu bố mình và anh cũng yêu nó, đó là điểm sáng duy nhất trong cuộc hôn nhân đáng tiếc của họ.

Frieda đang bị bệnh. Con bé có vẻ hốc hác và ốm yếu xanh xao giống như hầu hết những người mà họ thấy trên các đường phố dạo gần đây, nhưng hai lá phổi của con bé đầy đàm nhớt, và con bé có những cơn ho khủng khiếp dường như không bao giờ kết thúc. Khi Ursula áp tai vào lồng ngực con bé, cô có cảm giác như mình đang nghe thấy một chiếc thuyền buồm lớn kéo kẹt nhấp nhô băng qua những cơn sóng biển. Giá mà cô có thể đặt nó ngồi bên một ngọn lửa lớn ấm áp, cho nó uống một tách ca cao nóng hổi và ăn món canh bò hầm, bánh hấp và cà rốt. Cô tự hỏi ở trên Berg họ có còn được ăn uống ngon lành không? Liệu có còn ai ở trên đó không?



Phía trên đầu họ, tòa chung cư vẫn đứng sừng sững mặc dù phần lớn bức tường ở mặt tiền đã bị bom thổi bay đi. Họ vẫn thường đi lên đó để lục tìm những gì hữu ích. Nó đã thoát được nạn cướp bóc bởi cầu thang chất đầy gạch vụn, gần như không thể leo lên nổi. Cô và Frieda phải buộc những miếng giẻ vào đầu gối để làm đệm

lót, đeo đôi găng tay bằng da dày của Jürgen, rồi trèo qua những hòn đá và gạch vụn giống như những con khỉ lạc bầy.

Thứ duy nhất không có trong căn hộ cũng là thứ duy nhất họ quan tâm - thức ăn. Ngày hôm qua, họ đã đứng xếp hàng suốt ba tiếng đồng hồ chỉ để lấy một ổ bánh mì. Khi ăn chiếc bánh ấy, họ cảm thấy dường như nó không được làm từ bột thật, mặc dù cũng khó mà đoán được thành phần của nó có những gì - bụi xi măng và vữa chăng? Nó có vị hết như xi măng và vữa vậy. Ursula nhớ đến tiệm bánh Rogerson ở làng cô, mùi bánh mì nướng thơm phức thường lan ra khắp phố, còn ô cửa sổ của tiệm bánh bày đầy những ổ bánh màu trắng xinh xắn, mềm mại được quét một lớp phủ màu đồng dập dính. Cô cũng nhớ đến căn bếp ở Góc Cáo vào những ngày bà Glover nướng bánh - với những ổ bánh màu nâu "lành mạnh" mập mạp mà Sylvie yêu cầu, ngoài ra còn có cả bánh bông lan, bánh tạc và bánh sữa nhỏ. Cô tưởng tượng mình đang ăn một miếng bánh mì nâu ấm áp phết đầy bơ và mứt làm từ quả mâm xôi và lý chua ở Góc Cáo. (Cô suốt ngày tự hành hạ mình bằng những ký ức về thức ăn.) Sẽ không còn sữa để uống nữa, một người đứng cùng hàng đợi bánh mì nói với cô.

Sáng nay, cô gái trẻ Farber và người chị gái đã lấy chồng của cô ấy, là cô Meyer, đã cho Ursula hai củ khoai tây và cho Frieda một mẩu xúc xích chín, *Aus Anstand*, họ nói. Hai chị em họ vốn sống cùng nhau ở tầng áp mái nhưng bây giờ họ hiếm khi rời khỏi tầng hầm. Ông Richter, cũng là một cư dân ở tầng hầm, nói với Ursula rằng hai chị em cô ấy đã quyết định ngừng ăn. (Một việc quá dễ dàng khi chẳng có gì để ăn, Ursula nghĩ.) Ông ta nói họ đã chịu hết nổi. Họ không thể đối mặt với những gì sẽ xảy ra khi quân Nga tràn tới đây.

Họ nghe đồn rằng ở miền Đông, người ta đã khổ đến mức phải ăn cỏ. Những người ấy thật may mắn, Ursula nghĩ, ở Berlin còn chẳng có cỏ mà ăn, chỉ còn những bộ khung đen sì của một thành phố kiêu hãnh và xinh đẹp. London có giống thế này không? Có vẻ

không, nhưng cũng có vẻ có. Speer đã có những tàn tích tráng lệ sớm hẵn một nghìn năm.

Chiếc bánh mì không thể ăn nổi của ngày hôm qua và hai củ khoai tây nửa sống nửa chín của ngày hôm kia là tất cả những gì Ursula có trong dạ dày của mình. Tất cả những thứ khác - mặc dù rất ít ỏi - cô đã dành cả cho Frieda. Nhưng nếu Ursula chết thì Frieda phải làm thế nào? Cô không thể bỏ mặc con bé một mình trong cái thế giới khủng khiếp này.

Sau khi quân Anh ném bom sở thú, hai mẹ con họ đã tới đó để xem liệu có còn con thú nào có thể ăn được không, nhưng quá nhiều người đã tới đó trước họ. (Chuyện này có thể xảy ra ở quê nhà không? Những người London có đào bới trong sở thú ở công viên Regent không? Tại sao lại không chứ?)

Thi thoảng, họ vẫn nhìn thấy một con chim rõ ràng không phải là loài chim bản địa ở Berlin đã sống sót bất chấp đạn bom. Có lần còn có cả một sinh vật ghê lở, gớm ghiếc mà họ nghĩ là một con chó, nhưng rồi nhận ra là một con sói. Frieda cứ nằng nặc đòi mang nó xuống hầm với họ và nuôi nó. Ursula không thể tưởng tượng nổi bà hàng xóm Jaeger sẽ phản ứng thế nào với chuyện đó.

Căn hộ của họ giống như một ngôi nhà búp bê, mở toang hoác trước con mắt của cả thế gian, tất cả những gì riêng tư của cuộc sống gia đình đều bị phơi bày - giường, sofa, tranh treo tường, thậm chí có cả một, hai món đồ trang trí đã thoát nạn kỳ diệu sau vụ nổ. Họ đã lấy đi bất cứ thứ gì thực sự hữu ích nhưng vẫn còn vài bộ quần áo và mấy cuốn sách. Mới hôm qua thôi, cô đã tìm thấy một lọ nền dự trữ bên dưới một đồng bát đĩa vỡ. Ursula đang hy vọng có thể đổi chúng để lấy thuốc cho Frieda. Trong buồng tắm vẫn còn bồn cầu và thi thoảng, chẳng hiểu tại sao, vẫn có nước. Một trong hai người sẽ đứng che một tấm ga giường cũ để bảo vệ sự riêng tư của người kia. Sự riêng tư của họ có còn quan trọng đến thế không?

Ursula đã quyết định về lại căn hộ. Tuy nó lạnh lẽo nhưng không bị hôi hám. Sau khi cân nhắc kĩ, cô đã cho rằng điều đó sẽ tốt hơn cho Frieda. Họ vẫn còn chần và có thể quán chúng quanh người rồi ngủ chung trên một tấm đệm trên sàn, đằng sau một rào chắn được tạo thành từ những cái ghế và bàn ăn. Ursula không ngừng nghĩ đến những bữa ăn mà họ đã từng có trên cái bàn đó, các giấc mơ của cô ngập tràn những miếng thịt lợn và thịt bò được nướng, quay và rán.

Việc căn hộ ở trên tầng hai và cái cầu thang bị chặn một phần có thể cản được bước chân của lính Nga. Tuy nhiên, mẹ con họ chẳng khác gì những con búp bê bị trưng bày trong ngôi nhà búp bê, một người phụ nữ và một cô bé, giống như mớ dăng đến miệng mèo. Frieda sắp mười một tuổi, nhưng cho dù những lời đồn đến từ miền Đông chỉ một phần mười là thật thì tuổi của con bé cũng chẳng cứu được nó khỏi đám lính Nga. Bà Jaeger cứ lo lắng lải nhải mãi về chuyện lính Nga đang hăm hiếp và giết người trên đường tiến tới Berlin. Giờ không còn radio, chỉ có những lời đồn và thi thoảng là một mẩu báo mỏng tang. Cái tên Nemmersdorf hiếm khi rời khỏi môi bà Jaeger ("Một cuộc thảm sát!"). "Ồ, làm ơn thôi đi!" Có lần Ursula nói với bà. Đương nhiên là bằng tiếng Anh, thứ tiếng mà bà không hiểu, mặc dù bà hẳn đã nghe ra giọng điệu thiếu thân thiện của cô. Bà Jaeger giật mình thấy rõ khi Ursula nói với bà bằng ngôn ngữ của kẻ địch và Ursula cảm thấy hối hận, bà ấy chỉ là một bà lão đang hoảng sợ thôi mà, cô tự nhắc nhở mình.

Miền Đông như đang dịch lại gần hơn mỗi ngày. Mọi quan tâm dành cho mặt trận phía tây đã nguội lạnh từ lâu, giờ người ta chỉ còn quan tâm đến mặt trận phía đông. Tiếng súng rền xa xa nay đã được thay thế bởi tiếng gầm rống liên tục. Chẳng có ai cứu họ cả. Chỉ có tám mươi nghìn quân Đức bảo vệ họ trước một triệu rưỡi quân Xô Viết, và dường như phần lớn lính Đức là trẻ con hoặc người già. Có lẽ ngay cả bà lão Jaeger tội nghiệp cũng sẽ được kêu

gọi chống trả kẻ địch bằng cán chổi. Có thể chỉ vài ngày nữa, thậm chí là vài giờ, họ sẽ nhìn thấy tên lính Nga đầu tiên.

Có tin đồn rằng Hitler đã chết. "Đáng lẽ ông ta phải chết từ lâu rồi mới phải." Ông Richter nói. Ursula nhớ lại cảnh tượng người đàn ông quyền lực ấy nằm ngủ trên cái ghế tắm nắng ngoài hàng hiên ở Berg. Ông ta đã vênh vang và bút rứt trong giờ khắc của mình trên sân khấu. Để được gì? Một dạng Armageddon*. Cái chết của châu Âu.

Theo Shakespeare, cuộc sống vốn là thế, đúng không? Cô tự sửa lời mình. *Cuộc sống chỉ là một cái bóng di động, một người diễn viên tôi vênh vang và bút rứt trong giờ khắc của mình trên sân khấu.* Họ đều là những cái bóng di động ở Berlin. Cuộc sống từng có ý nghĩa biết bao, vậy mà bây giờ nó lại là thứ rề rúng nhất. Cô thoáng nghĩ tới Eva, cô ấy chẳng bao giờ ngần ngại với ý định tự tử, phải chăng cô ấy đã theo lãnh tụ của mình xuống địa ngục?



Frieda giờ rất yếu, hết sốt lại ớn lạnh và kêu đau đầu gần như liên tục. Nếu con bé không ốm, họ đã có thể hòa vào dòng người di tản về phía tây, tránh xa đám lính Nga, nhưng con bé sẽ không thể nào chịu đựng được một hành trình gian lao như thế.

"Con chịu hết nổi rồi, mẹ ơi." Con bé thều thào, giọng nó giống giọng của hai chị em cô gái sống trên tầng áp mái một cách khủng khiếp.

Ursula để nó lại một mình, vội vã chạy tới hiệu thuốc, chệnh choạng bước qua những đồng đồ nát rã rác trên các đường phố, thi thoảng còn có một xác chết - cô chẳng còn có cảm giác gì với người chết nữa. Cô nép mình vào những khung cửa khi tiếng súng đại bác dường như vang lên ở quá gần, rồi lại chạy gấp sang góc phố bên cạnh. Tiệm thuốc đang mở cửa nhưng ông dược sĩ chẳng còn loại

thuốc nào, ông ta cũng chẳng cần những ngọn nến quý giá hay tiền của cô. Cô thất thểu trở về.

Suốt lúc ở ngoài đường, Ursula cứ lo lắng sẽ có chuyện gì đó xảy ra với Frieda trong lúc cô vắng mặt, và cô tự hứa với lòng sẽ không bao giờ bỏ mặc con bé nữa. Cô đã nhìn thấy một chiếc xe tăng của lính Nga ở cách đó hai con phố. Cô đã hoảng hốt trước cảnh tượng ấy, còn Frieda sẽ sợ hãi biết chừng nào? Tiếng hỏa pháo vang lên liên tục. Ý nghĩ thế giới đang đi đến hồi kết cứ bám lấy cô. Nếu vậy, Frieda phải chết trong vòng tay cô chứ không phải ra đi trong cô độc. Nhưng còn cô, cô sẽ chết trong vòng tay ai? Cô khao khát vòng tay che chở của cha và ý nghĩ về Hugh khiến những giọt lệ dâng lên trong mắt cô.

Lúc trèo lên cái cầu thang lớn ngổn gạch đá, cô đã mệt mỏi, kiệt quệ tới tận xương tủy. Cô thấy Frieda đang lúc mê lúc tỉnh, bèn nằm xuống cạnh con bé trên tấm đệm trên sàn. Cô vuốt ve mái tóc ẩm ướt của con bé, thì thầm nói cho con bé nghe về một thế giới khác. Cô kể cho con bé nghe về những bông hoa chuông xanh bung nở trong mùa xuân ở khu rừng gần Góc Cáo, về những bông hoa mọc trên đồng cỏ nằm ở phía bên kia của rừng cây - lanh, phi yến, mao lương hoa vàng, mỹ nhân thảo, cẩm chướng đỏ và cúc mắt bò. Cô kể cho con bé nghe về mùi cỏ mới cắt từ một thảm cỏ mùa hè ở Anh, mùi những bông hồng của Sylvie, vị chua chua ngọt ngọt của những quả táo trong vườn quả. Cô kể về những cây sồi trên con đường mòn, những cây thông đỏ trong nghĩa địa và cây dẻ gai trong khu vườn của Góc Cáo. Cô kể về lũ cáo, thỏ, chim trĩ, thỏ rừng, bò và những con ngựa cày to lớn. Về vàng mặt trời rạng rỡ tỏa ánh nắng ấm áp xuống những cánh đồng ngô và những cánh đồng xanh. Tiếng hót tươi vui của chim hét, tiếng hót du dương của chim chiến chiến, tiếng gù dịu dàng của bồ câu rừng và tiếng cú kêu chói tai trong đêm tối. "Uống cái này đi con!" Cô nói, nhét viên thuốc vào miệng Frieda. "Mẹ kiếm được nó ở hiệu thuốc, nó sẽ giúp con ngủ ngon."

Cô nói với Frieda rằng cô sẽ sẵn sàng bước đi trên những lưỡi dao để bảo vệ Frieda, sẵn sàng nhảy vào những ngọn lửa nơi hỏa ngục để cứu con bé, sẵn sàng trầm mình xuống đáy nước sâu thẳm nhất để vớt con bé lên, và bây giờ cô sẽ làm điều cuối cùng này cho con bé, điều khó khăn nhất.

Cô choàng hai tay quanh người con gái, hôn nó và thì thầm vào tai nó, kể cho nó nghe về Teddy hồi còn nhỏ, về bữa tiệc sinh nhật bất ngờ của Teddy, về việc Pamela thông minh thế nào, Maurice phiền phức ra sao và Jimmy khôi hài thế nào hồi họ còn là những cô bé, cậu bé. Về tiếng đồng hồ tích tắc ở tiền sảnh, tiếng gió u u trong những cái chụp ống khói, về việc họ thắp một ngọn lửa lớn trong đêm Giáng sinh và treo những chiếc tất trên mặt lò sưởi, về việc ngày hôm sau họ ăn thịt ngỗng quay với bánh pudding mặn và bàn bạc xem họ sẽ làm gì cùng nhau vào Giáng sinh năm tới. "Từ giờ mọi chuyện đều ổn cả rồi." Ursula nói với con bé.

Khi cô chắc chắn rằng Frieda đã ngủ, cô lấy viên thuốc con nhộng bằng thủy tinh nhỏ xíu mà chủ hiệu thuốc đã đưa cho cô, nhẹ nhàng nhét nó vào miệng Frieda rồi khép hai hàm của con bé lại. Viên thuốc khẽ "rắc một tiếng", vỡ ra. Một câu trong một bài thơ sonnet của Donne chợt nảy ra trong đầu cô khi cô cắn viên thuốc thủy tinh của chính mình. *Tôi chạy đến với cái chết, và cái chết cũng chạy lại đón tôi/ Thế rồi mọi khoái lạc đều trôi vào dĩ vãng.* Cô ôm chặt Frieda, chẳng bao lâu sau, họ đã được bao bọc trong đôi cánh nhung của con dơi đen sì và cuộc đời này liền trở nên hư ảo rồi biến mất.

Trước đây cô chưa bao giờ lựa chọn cái chết và khi cô đang rời đi, cô biết thứ gì đó đã nứt vỡ và trật tự của vạn vật đã thay đổi. Thế rồi bóng tối xóa sạch mọi ý nghĩ.

MỘT CUỘC CHIẾN GIAN KHỔ DÀI LÂU



THÁNG 9 NĂM 1940

"Nhìn kia, những dòng máu của Chúa đang chảy qua bầu trời." Một giọng nói bên cạnh cô vang lên. *"Trên"* bầu trời, Ursula nghĩ, không phải là "qua". Quầng đỏ nơi chân trời giống như lúc bình minh ló dạng chỉ ra rằng ở phía đông đang có một đám cháy khổng lồ. Hàng rào phòng ngự ở công viên Hyde liên tục nổ pháo và những khẩu súng phòng không gần chỗ họ hơn vẫn đang duy trì "bản hòa âm chát chúa", những quả đạn pháo bay vun vút lên không trung như pháo hoa và nổ *uỳnh uỳnh uỳnh* phía trên đầu. Ẩn dưới tất cả những âm thanh ấy là tiếng động cơ gầm rú gớm ghiếc của những chiếc máy bay ném bom, một âm thanh luôn khiến cô cảm thấy dạ dày mình cứ trồi lên hụp xuống như một con tàu.

Một quả mìn thả bằng dù tà tà rơi xuống một cách duyên dáng và một quả bom lửa lộp bộp trút xuống những gì còn sót lại của con đường rồi bùng lên thành những bông hoa lửa. Một thành viên của Lực lượng Công tác Phòng không mà Ursula không nhìn rõ mặt cầm cái bình cứu hỏa xách tay chạy ngay tới chỗ những quả bom lửa ấy. Nếu không có tiếng động, đó có thể là một cảnh đêm tuyệt đẹp, nhưng tiếc là lại có tiếng động, một thứ âm thanh chói tai chát chúa như thể ai đó đã mở toang những cánh cổng địa ngục, để lọt ra tiếng hú gào của những kẻ bị đọa đày.

"Ồ đây chính là địa ngục, tôi cũng chưa thoát ra khỏi đó." Tiếng nói lại cất lên như thể đọc được những ý nghĩ của cô. Trời quá tối nên cô không thể nhìn rõ chủ nhân của tiếng nói ấy mặc dù cô chắc chắn đó là ông Durkin, một thành viên trong đội của cô. Ông là một thầy giáo dạy Anh văn đã nghỉ hưu và rất thích trích dẫn. Có điều ông lại hay trích dẫn sai. Tiếng nói kia - hay ông Durkin - lại thốt lên một điều gì đó khác, có thể vẫn là một câu thoại trong vở *Faustus*

nhưng những lời nói ấy đã bị nhấn chìm trong tiếng *bùm* vang dội của một quả bom rơi xuống cách đó vài con phố.

Mặt đất rung lên và ai đó đang làm việc trên đỉnh của một đồng hồ nát hết lên: "Cẩn thận!" Cô nghe tiếng thứ gì đó dịch chuyển rồi một âm thanh nghe như tiếng hòn đá nhỏ lạo xạo lăn xuống từ trên một ngọn núi, báo hiệu cho một vụ lở đất. Nhưng thực tế, nó là xà bần chứ không phải những hòn đá nhỏ. Và nó lăn xuống từ cả một đồng hồ xà bần lớn chứ không phải một ngọn núi. Đó là những gì còn sót lại của một ngôi nhà, hay đúng hơn, vài ngôi nhà bị nghiền nát và trộn lẫn vào nhau. Nửa giờ trước chúng vẫn là những ngôi nhà, nay chúng chỉ còn là một đồng hồ hỗn độn gồm gạch vỡ, rầm gãy, ván lát sàn, bàn ghế giường tủ, tranh ảnh, thảm trải, chăn ga, sách vở, bát đĩa, vải sơn, thủy tinh. Và cả người. Những mảnh thi thể bị nghiền nát, không bao giờ trở về nguyên vẹn được nữa.

Tiếng ầm ầm nhỏ dần rồi cuối cùng ngừng hẳn, "trận lở đất" đã đổi hướng, và giọng nói lúc nãy lại hét lên: "Ồn rồi! Tiếp tục thôi!" Đó là một đêm không trăng, nguồn ánh sáng duy nhất phát ra từ những ngọn đèn pin leo lét như ma trơi của đội cứu hộ đang di chuyển trên đồng hồ nát. Một nguyên nhân nữa tạo nên bóng tối mênh mông đầy hiểm nguy này là đám mây khói bụi dày đặc treo lơ lửng trong không trung như một tấm rèm sa tời. Như thường lệ, mùi hôi thối xộc lên thật khủng khiếp. Đó không chỉ là mùi khí than và mùi chất nổ mà là thứ mùi lạ thường sinh ra khi một tòa nhà bị nổ tung. Thứ mùi ấy sẽ không rời bỏ cô. Cô đã buộc một cái khăn lụa cũ quanh miệng và mũi như một tên cướp, nhưng nó hầu như chẳng ngăn được bụi và thứ mùi khủng khiếp kia chui vào hai lá phổi của cô. Cái chết và sự thối rữa lúc nào cũng bám ở da cô, tóc cô, lỗ mũi cô, phổi cô, móng tay cô. Chúng đã trở thành một phần của cô.

Họ vừa được phát bộ đồ bảo hộ màu xanh hải quân cục mịch. Trước đó thì Ursula vẫn mặc bộ đồ bảo hộ của riêng cô, là bộ đồ do Sylvie mua ở tiệm Simpson hồi nó mới ra mắt ngay sau khi tình trạng chiến tranh được tuyên bố. Cô đã đeo thêm chiếc thắt lưng da

cũ của Hugh để treo "các phụ tùng" của mình - đèn pin, mặt nạ phòng độc, hộp cứu thương và một tập giấy viết thư. Ở một bên túi, cô cất một con dao nhíp và một chiếc khăn tay, còn ở túi kia là một đôi găng tay bằng da dày và một thỏi son. "Ồ, quả là một ý hay." Bà Woolf nói khi thấy con dao nhíp. Thẳng thắn mà nói, Ursula nghĩ, bắt chắp một loạt quy tắc, đây là công việc đòi hỏi họ phải vừa làm vừa nghĩ ra những phương pháp thuận tiện cho mình.

Ông Durkin (đúng là ông ấy) đang loay hoay trong bóng tối ảm đạm và khói mù. Ông chiếu ngọn đèn pin lên quyển sổ của mình, ánh sáng yếu ớt từ ngọn đèn hầu như không soi tỏ được trang giấy. "Rất nhiều người sống trên con phố này." Ông nói, nhìn vào danh sách những cái tên và số nhà đã không còn bất cứ liên hệ gì với quang cảnh hỗn độn xung quanh họ. "Gia đình Wilson ở nhà số 1." Ông nói, như thể việc bắt đầu từ số đầu tiên sẽ giúp ích được phần nào.

"Làm gì còn số 1 nữa." Ursula nói. "Chẳng còn số nào cả." Con phố này không còn nhận diện được nữa, mọi thứ thân thuộc đều đã bị hủy hoại. Ngay cả trong ánh sáng ban ngày, họ cũng sẽ không thể nhận ra nó. Nó không còn là một con phố nữa, chỉ đơn giản là "đống đổ nát". "Cái gò" ấy cao chừng sáu mét, có thể còn cao hơn, với những tấm ván và những chiếc thang dựng lên các cạnh của nó, để đội cứu hộ có thể bò được lên trên nó. Họ đã tạo thành một hàng người chuyền tay nhau những giỏ xà bần từ trên đỉnh xuống đến chân của "cái gò". Ở họ toát lên một vẻ gì đó hơi nguyên thủy. Trông họ giống như những nô lệ đang xây dựng kim tự tháp - hoặc đúng hơn thì, trong trường hợp này, họ giống như đang khai quật chúng. Ursula đột nhiên nghĩ tới những con kiến xén lá trong sở thú ở công viên Regent, con nào con nấy đều cần mẫn mang vác gánh nặng nhỏ bé của mình. Liệu lũ kiến có được sơ tán cùng với những con vật khác không hay họ chỉ đơn giản thả chúng ra trong công viên? Chúng là loài côn trùng nhiệt đới, vì vậy có lẽ chúng sẽ không thể sống sót nổi trong khí hậu khắc nghiệt của công viên Regent. Cô

từng xem Millie diễn ở đó trong một vở kịch ngoài trời có tên *Giấc mộng đêm hè* vào mùa hè năm 1938.

"Cô Todd?"

"Vâng, xin lỗi, ông Durkin, tôi lơ đãng quá." Dạo này cô thường lơ đãng như vậy - mỗi khi ở giữa những khung cảnh khủng khiếp như thế này, cô sẽ thấy mình thờ thần nghĩ tới những khoảnh khắc dễ chịu trong quá khứ. Chúng là những mảnh ánh sáng nhỏ nhoi trong bóng tối.

Họ thận trọng trèo lên "cái gò". Ông Durkin đưa danh sách các cư dân trên phố cho cô rồi bắt đầu gia nhập vào hàng người đang chuyền tay nhau những cái giỏ. Chẳng có ai thực sự đào cái gò cả, thay vào đó họ dọn dẹp đồng đồ nát bằng tay không, giống như những nhà khảo cổ cẩn trọng. "Ở trên đó hơi chông chênh." Một thành viên của đội cứu hộ ở gần cuối hàng người nói với cô. Họ đã dọn quang phần đỉnh ở giữa "cái gò" và tạo ra một cái hồ (giờ nó giống một ngọn núi lửa hơn là một cái gò, Ursula nghĩ). Nhiều người trong đội cứu hộ xuất thân từ ngành xây dựng - thợ nề, những người lao động chân tay, vân vân - và Ursula tự hỏi liệu họ có cảm giác kỳ cục không khi trườn bò trên những tòa nhà bị phá hủy này, như thể thời gian đã đảo ngược. Tuy nhiên họ là những người đàn ông thực tế, tháo vát, chẳng mấy khi suy tưởng lung tung như vậy.

Thi thoảng, một giọng nói sẽ kêu gọi mọi người im lặng - họ khó có thể có được sự im lặng tuyệt đối khi cuộc không kích vẫn đang diễn ra trên đầu - tuy nhiên mọi hoạt động sẽ dừng lại trong lúc những người đàn ông ở trên đỉnh của "cái gò" chăm chú lắng nghe các dấu hiệu của sự sống ở bên dưới. Thoạt nhìn thì việc này có vẻ vô vọng, nhưng Cuộc oanh kích Blitz này đã dạy cho họ một điều rằng người ta sống (và chết) trong những hoàn cảnh không ngờ đến nhất.

Ursula tìm kiếm những ánh sáng màu xanh dương lơ mờ đánh dấu vị trí trạm gác của họ trong bóng tối ảm đạm, nhưng thay vì thế

lại nhìn thấy bà Woolf đang loạng choạng bước trên những tảng gạch vỡ, quả quyết hướng về phía cô. "Tệ quá!" Bà thần nhiên nói khi tới chỗ Ursula. "Họ cần một người mảnh khảnh."

"Mảnh khảnh?" Ursula lặp lại. Không hiểu sao từ đó lúc này chẳng có ý nghĩa gì.

Cô đã gia nhập lực lượng dân phòng sau khi Tiệp khắc bị xâm chiếm vào tháng 3 năm 1939, khi cô bàng hoàng nhận ra rằng châu Âu đã tận số. ("Con quả là một nàng Cassandra bi quan." Sylvie nói, nhưng Ursula làm việc trong Ban Công tác Phòng không ở Bộ Nội vụ, cô có thể nhìn thấy tương lai.) Trong thời kỳ nhập nhoạng lạ lùng của cuộc chiến giả tạo, lực lượng dân phòng đã bị coi là một trò đùa, nhưng bây giờ họ lại là "trụ cột của hàng rào phòng ngự London" - theo lời của Maurice.

Các đồng nghiệp của cô là một nhóm người hỗn tạp. Bà Woolf, vốn là một quản lý bệnh viện đã nghỉ hưu, là sếp của họ. Với dáng vẻ gầy nhẳng như một que cời lửa, mái tóc màu xám sắt được búi lên gọn gàng, ở bà toát lên vẻ uy quyền tự nhiên, sếp phó của họ chính là ông Durkin vừa nói đến ở trên. Ngoài ra còn có ông Simms làm việc cho Bộ Cung ứng và ông Palmer, một giám đốc ngân hàng. Hai ông này từng tham gia chiến đấu trong cuộc chiến lần trước và đã quá già để tham gia cuộc chiến lần này (ông Durkin thì "được miễn vì sức khỏe", ông biện minh.) Còn có ông Armitage, một ca sĩ hát opera, vì bây giờ không còn vở opera nào để hát nữa, ông thường giúp họ tiêu khiển bằng những tiết mục *La donna è mobile* và *Largo al factotum*. "Chỉ là những bản aria phổ biến thôi." Ông thú nhận với Ursula. "Hầu hết mọi người không thích thứ gì khó nghe."

"Hôm nào đó hát cho tôi nghe một bài hát cũ của Al Bowlly nhé." ông Bullock nói. Ông Bullock* (John) có cái tên khá hợp với người. Theo lời bà Woolf, ông ta "hơi có vấn đề". Ông ta có thân hình vạm vỡ, từng thi đấu vật và tập tạ trong một phòng gym địa phương cũng như là khách quen của vài câu lạc bộ đêm kém lành mạnh. Ông ta

cũng quen vài "vũ nữ" khá bốc lửa. Một, hai cô đã tới hàm trú ẩn để "thăm" ông ta và bị bà Woolf đuổi như đuổi gà. ("Vũ nữ cái con khỉ." Bà nói.)

Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là Herr* Zimmerman ("Làm ơn gọi tôi là Gabi." Ông ta nói, nhưng chẳng ai nghe theo). Ông ta là một nhạc công violon trong một dàn nhạc ở Berlin, họ thường gọi ông ta là "cái ông tị nạn của chúng ta" (ở nhà Sylvie cũng có những đứa trẻ tản cư, chúng cũng được gọi tên theo thân phận của chúng). Ông ta đã "đào tẩu" trong lúc đang đi lưu diễn với dàn nhạc vào năm 1935. Bà Woolf biết ông qua Ủy ban Tị nạn và đã tốn bao công sức để đảm bảo rằng Herr Zimmerman và cây vĩ cầm của ông ta không bị giam giữ, hoặc tệ hơn, bị chở qua những vùng nước nguy hiểm của Đại Tây Dương. Họ đều làm theo bà Woolf và không bao giờ gọi ông ta là "ông" mà luôn gọi là "*Herr*". Ursula biết rằng bà Woolf gọi ông ta như vậy để khiến ông ta cảm thấy thoải mái như ở nhà, nhưng thực tế thì điều đó chỉ khiến ông ta càng trở nên xa lạ hơn mà thôi.

Bà Woolf đã gặp Herr Zimmerman khi bà đang làm việc cho Quỹ Trung Anh dành cho người Đức Do Thái ("Tôi e rằng nó hơi khó đọc"). Ursula không bao giờ biết chắc liệu bà Woolf là một người phụ nữ có chút thế lực hay bà chỉ đơn giản không chấp nhận việc người ta từ chối những yêu cầu của bà. Có lẽ là cả hai.

"Chúng ta là một đám người có văn hóa, đúng không?" Ông Bullock mĩa mai nói. "Tại sao chúng ta không biểu diễn các tiết mục văn nghệ thay vì đánh nhau nhỉ?" ("Ông Bullock là một người đàn ông có cảm xúc mãnh liệt." Bà Woolf nói với Ursula. Và uống rượu cũng "mãnh liệt" nữa, Ursula nghĩ. Thực tế là mãnh liệt trong bất cứ thứ gì.)

Một hội trường nhỏ của Hội Giám lý* đã được bà Woolf trưng dụng để làm trạm gác (bản thân bà là một thành viên của Hội Giám lý), và họ đã trang bị cho nó hai chiếc giường xếp, một cái lò nhỏ với

dụng cụ pha trà và một loạt ghế cả cứng cả mềm. So với vài - đúng ra là nhiều - trạm gác khác, trạm gác của họ thật sang trọng.

Vào một đêm, ông Bullock mang đến một cái bàn chơi bài phủ vải len màu xanh lá và bà Woolf tự nhận rằng mình khá thích chơi bài bridge. Trong khoảng thời gian tạm lắng từ lúc nước Pháp thất thủ đến lúc những cuộc không kích đầu tiên vào đầu tháng Chín diễn ra, ông Bullock đã dạy họ chơi bài poker. "Quả là một tay chơi bài lão luyện." Ông Simms nói. Cả ông và ông Palmer đều mất vài si linh cho ông Bullock. Bà Woolf, trái lại, đã thắng được đến hai bảng lúc Cuộc không kích Blitz bắt đầu. Ông Bullock bày tỏ sự ngạc nhiên thích thú khi thấy các thành viên của Hội Giám lý được phép đánh bạc. Bà Woolf nói bà dùng tiền thắng bạc để mua một tấm bia phóng phi tiêu, vì vậy ông Bullock chẳng phàn nàn được gì. Một hôm, khi đang dọn dẹp một đồng hồ to hơn đồng hồ nhỏ hơn ở góc hội trường, họ phát hiện ra một cây dương cầm được giấu ở đó từ lâu và bà Woolf - ngày càng chứng tỏ mình là một người phụ nữ có nhiều tài lẻ - đã chơi đàn khá điêu luyện. Mặc dù bà thích nhạc của Chopin và Liszt nhưng bà vẫn táo bạo "đánh vài điệu nhạc" - theo lời của ông Bullock - để tất cả bọn họ cùng hát theo.

Họ đã gia cố cho trạm gác bằng những bao cát, dẫu không ai trong số họ tin rằng chúng sẽ có ích nếu họ bị trúng bom. Ngoại trừ Ursula nghĩ rằng phòng ngừa là một việc vô cùng sáng suốt, tất cả bọn họ đều có vẻ đồng ý với quan điểm của ông Bullock rằng "Trời kêu ai nấy dạ", một thái độ bàng quan của những người theo đạo Phật mà bác sĩ Kellet sẽ tán phục. Ursula từng đọc được một cáo phó trên tờ *The Times* hồi mùa hè. Cô thấy mừng vì bác sĩ Kellet đã tránh được một cuộc chiến tranh khác. Nó sẽ nhắc ông nghĩ đến việc con trai ông, là Guy, đã đánh mất tất cả ở Arras một cách vô ích.

Họ đều là những tình nguyện viên bán thời gian, ngoại trừ bà Woolf. Bà được trả lương để làm việc toàn thời gian và luôn làm tròn bổn phận của mình. Bà bắt buộc họ phải tuân theo kỷ luật nghiêm

khắc và tham gia huấn luyện về quy trình chống khí độc, dập bom lửa, xông vào những tòa nhà đang cháy, khiêng cáng, nẹp và băng bó. Bà bắt họ đọc những cuốn cẩm nang, sau đó hỏi lại họ về nội dung của chúng, và sốt sắng dạy họ cách dán nhãn lên cơ thể cả người sống lẫn người chết để gửi tới bệnh viện hoặc nhà xác với đầy đủ thông tin chính xác như thể đó là những kiện hàng. Họ đã có vài buổi tập huấn ngoài trời, giả vờ như đang có một cuộc không kích. ("Chỉ là giả vờ thôi mà." Ông Bullock chế giễu, không thể nhập tâm được.) Ursula phải đóng vai người bị thương hai lần, một lần giả vờ gãy chân, lần khác giả vờ hoàn toàn bất tỉnh. Có lần, cô được "đổi vai", vào vai một dân phòng phải đối phó với ông Armitage đang giả vờ là một người bị hoảng loạn vì sốc. Cô cho rằng kinh nghiệm sân khấu đã giúp ông ấy nhập vai như thật. Họ đã rất khó khăn để thuyết phục ông ấy thoát vai vào cuối buổi diễn tập.

Họ phải biết tất cả các cư dân của mỗi tòa nhà trong khu vực của họ, phải nắm bắt được liệu những cư dân ấy có hàm trú ẩn riêng hay sẽ tới một hầm trú ẩn công cộng, hay sẽ tuân theo thuyết định mệnh và chẳng thêm bận tâm đến việc trú ẩn. Họ phải biết được ai đã đi vắng, chuyển nhà, kết hôn, sinh con, qua đời. Họ phải biết được ở đâu có vòi nước máy, ngõ cụt, hẻm nhỏ, hầm rượu, chỗ trú ẩn tạm thời của những người bị mất nhà cửa...

"Tuần tra và cảnh giới", đó là phương châm của bà Woolf. Họ thường đi tuần qua các con phố theo từng cặp cho đến nửa đêm khi cuộc không kích tạm lắng, và nếu trong khu vực của họ không có điểm nào bị ném bom, họ sẽ nhường nhau chiếc giường xếp. Đương nhiên, nếu có một cuộc không kích trên "các con phố của họ", "tất cả mọi người đều phải bắt tay vào cuộc", theo lời của bà Woolf. Đôi khi họ "cảnh giới" từ căn hộ của bà ở trên tầng ba với tầm nhìn tuyệt vời từ ô cửa sổ lớn ở góc nhà.

Bà Woolf cũng bắt họ luyện tập sơ cứu thêm. Ngoài việc từng là quản lý của một bệnh viện, bà còn từng điều hành một bệnh viện dã chiến trong cuộc chiến lần trước. Bà giải thích với họ rằng các

thương vong trong chiến tranh khác xa so với những tai nạn thông thường mà người ta nhìn thấy trong thời bình ("Quý ông nào từng tham gia quân ngũ trong cuộc chiến đáng sợ ấy hẳn sẽ hiểu rõ"). "Ghê rợn hơn nhiều." Bà nói. "Chúng ta phải chuẩn bị tâm lý cho những hình ảnh vô cùng khủng khiếp." Đương nhiên, ngay cả bà Woolf cũng không hình dung nổi những cảnh tượng ấy khủng khiếp ra sao khi những người bị thương vong là dân thường chứ không phải các binh lính trên chiến trường, khi họ phải xúc những khối thịt bầy nhầy không thể nhận diện nổi hoặc nhặt nhanh những cánh tay cẳng chân nhỏ bé của một đứa trẻ từ đồng đồ nát, một cảnh tượng khiến trái tim họ như muốn tan vỡ.

"Chúng ta không thể ngoảnh mặt đi." Bà Woolf nói với cô. "Chúng ta phải tiến hành công việc của mình và làm chứng nhân." Bà ấy nói thế là có ý gì? Ursula tự hỏi. "Điều đó có nghĩa là..." Bà Woolf giải thích. "... Chúng ta phải nhớ tới những người này khi chúng ta đã an toàn trong tương lai."

"Nếu chúng ta cũng bị thiệt mạng thì sao?"

"Vậy thì những người khác sẽ phải nhớ đến chúng ta."

Vụ việc nghiêm trọng đầu tiên mà họ tham gia là ở một căn nhà lớn giữa một dãy nhà liền kề bị trúng bom trực tiếp. Phần còn lại của dãy nhà vẫn nguyên vẹn như thể Không quân Đức đã nhắm thẳng vào các cư dân trong ngôi nhà ấy - hai gia đình, trong đó có cả những người ông người bà và mấy đứa trẻ con, bao gồm hai đứa bé còn đang ẵm ngửa. Họ đều sống sót sau vụ nổ nhờ trú ẩn trong hầm rượu, nhưng vì cả mạng lưới đường ống nước sạch và nước thải đều bị vỡ nên trước khi người ta có thể bịt được chúng lại, tất cả mọi người dưới hầm rượu đều bị chết đuối trong thứ nước thải gớm ghiếc.

Một người phụ nữ đã cố gắng leo lên được và bám vào một trong những bức tường của căn hầm, họ có thể nhìn thấy bà ta qua một khe hở, bà Woolf và ông Armitage đã bám chặt vào cái thắt lưng

bằng da của Hugh mà Ursula đeo trên người trong khi cô đu đưa trên miệng hầm. Cô vươn tay về phía người phụ nữ, trong một thoáng đã nghĩ rằng cô có thể nắm được tay bà ta, thế nhưng, cuối cùng bà ta vẫn chìm ngấm dưới làn nước hôi thối khi nó dâng lên ngập kín căn hầm.

Khi đội cứu hỏa cuối cùng cũng tới để hút nước ra khỏi nơi đó, họ đưa lên được mười lăm thi thể trong đó có bảy đứa trẻ, và đặt những thi thể ấy trước mặt ngôi nhà như để phôi khô họ. Bà Woolf ra lệnh cho mọi người khâm liệm họ càng nhanh càng tốt, và xếp họ nằm ở đằng sau một bức tường trong lúc chờ xe của nhà xác đến. "Những cảnh tượng ấy sẽ ảnh hưởng xấu đến tinh thần của mọi người." Bà nói. Ursula đã nôn mửa hết bữa tối mà cô đã ăn từ lâu. Hầu như sau vụ "dọn dẹp" nào cô cũng nôn mửa. Ông Armitage cùng ông Palmer và trước đó là ông Simms cũng vậy. Chỉ có dạ dày của bà Woolf và ông Bullock là có vẻ mạnh mẽ khi đối mặt với cái chết.

Sau đó, Ursula cố gắng không nghĩ về những đứa trẻ hay về kinh hãi trên khuôn mặt người phụ nữ tội nghiệp khi bà ta gắng sức bám vào tay Ursula trong vô vọng (và còn một vẻ gì đó nữa, có lẽ là sự hoài nghi, không tin rằng chuyện này có thể xảy ra.) "Hãy nghĩ rằng bây giờ họ đã được bình yên." Bà Woolf cứng rắn khuyên nhủ khi phân phát những tách trà ngọt nóng đến bồng tay. "Họ đã được giải thoát khỏi tất cả, chỉ là đi sớm hơn một chút mà thôi." Và ông Durkin nói: *"Họ đều đã tới thế giới của ánh sáng"* Ursula nghĩ *họ đều đang tới thế giới của ánh sáng* mới đúng. Ursula không tin người chết sẽ đi bất cứ đâu ngoại trừ một nơi trống rỗng, tối tăm và mệnh mông vô tận.

"Chà, tôi hy vọng tôi sẽ không chết với cơ thể bị bao phủ trong đồng phân." Ông Bullock nói một cách thô tục hơn.

Ursula nghĩ cô sẽ không bao giờ quên được sự kiện khủng khiếp đầu tiên ấy, nhưng ký ức về nó đã bị nhiều vụ việc khác chồng chất

lên. Và bây giờ cô hầu như không còn nghĩ về nó nữa.



"Tệ quá!" Bà Woolf thản nhiên nói khi tới chỗ Ursula. "Họ cần một người mảnh khảnh."

"Mảnh khảnh ư?" Ursula lặp lại.

"Gầy." Bà Woolf kiên nhẫn nói.

"Để chui vào đó?" Ursula hỏi, kinh hãi nhìn lên đỉnh của "ngọn núi lửa". Cô không chắc cô đủ can đảm chui xuống cái hố địa ngục đó.

"Không, không, không phải ở đó đâu." Bà Woolf nói. "Đi với tôi nào." Trời bắt đầu mưa khá to và Ursula loạng choạng bước theo sau bà Woolf trên mặt đất lồm chồm, nứt vỡ, rải rác đủ loại chướng ngại vật. Chiếc đèn pin của cô gần như vô dụng. Cô bị mắc chân vào một cái bánh xe đạp và tự hỏi liệu có ai đang đi cái xe này khi quả bom rơi xuống không.

"Đây." Bà Woolf nói. Đó là một "cái gò" khác, cũng to như cái vừa rồi. Đây là con phố khác hay vẫn là con phố ấy? Ursula đã mất mọi cảm nhận về phương hướng. Ở đó có bao nhiêu "cái gò"? Một viễn cảnh giống như trong cơn ác mộng lóe lên trong đầu cô - toàn bộ London giờ đã trở thành một cái gò khổng lồ.

"Cái gò" này không phải là một "ngọn núi lửa", đội cứu hộ đang chui vào đó qua một "đường hầm" nằm ngang ở bên cạnh. Lần này họ mạnh tay hơn, dọn đồng đồ nát bằng cuốc chim và xẻng.

"Ở đây có một cái hố." Bà Woolf nói, nắm chặt tay Ursula như thể cô là một đứa trẻ đang ngần ngại và dẫn cô tiến về phía trước. Ursula chẳng thấy cái hố nào cả. "Tôi nghĩ là nó an toàn, cô chỉ cần luôn người qua thôi."

"Một đường hầm à?"

"Không, nó chỉ là một cái hố. Chúng tôi nghĩ có người ở dưới đó. Nó không sâu đâu." Bà khích lệ. "Không phải là một đường hầm." Bà lại nói. "Hãy chui đầu vào trước." Đội cứu hộ dừng mọi động tác và kiên nhẫn chờ đợi Ursula.

Cô phải cởi mũ bảo hiểm ra để chui xuống cái hố, bàn tay vụng về cầm chiếc đèn pin ở trước mặt. Bất chấp những gì bà Woolf nói, cô vẫn nghĩ nó là một đường hầm, thế rồi cô lập tức đối mặt với một khoảng không sâu hoắm. Cứ như cô đang thám hiểm hang động ngầm dưới mặt đất vậy. Cô nhẹ nhõm khi cảm thấy có hai đôi bàn tay vô hình đang nắm chặt vào chiếc thắt lưng da cũ của Hugh trên người cô. Cô khua chiếc đèn pin khắp xung quanh, cố gắng nhìn xem có gì ở dưới không, bất cứ thứ gì. "Xin chào?" Cô gọi to khi chiếu ngọn đèn pin xuống cái hố. Nó bị chắn bởi một mạng lưới ống dẫn khí gas uốn lượn lộn xộn và những thanh gỗ gãy vụn như những que diêm. Cô tập trung vào một khe hở trong đồng hồ điện đó, cố gắng nhìn xem có bất kỳ thứ gì trong cảnh u ám ở bên dưới không. Một khuôn mặt đang ngẩng lên, khuôn mặt của một người đàn ông, xanh xao và ma quái, dường như nó đang nhô lên từ trong bóng tối như một ảo ảnh, một tù nhân trong một hầm giam bí mật. Cô cũng không biết chắc khuôn mặt đó có gắn liền với một cơ thể nào hay không.

"Xin chào?" Cô nói, cứ như người đàn ông đó có thể trả lời, mặc dù bây giờ cô có thể nhìn thấy rằng một phần đầu của ông ta đã bị bay đi mất.

"Có ai không?" Bà Woolf hỏi với vẻ tràn đầy hy vọng khi cô bò lùi ra khỏi cái hố.

"Một người chết."

"Có dễ lôi ra không?"

"Không."



Cơn mưa khiến mọi thứ trở nên bẩn thỉu và hôi hám hơn, nó làm cho lớp bụi gạch ướt át trở nên dính như keo. Sau vài giờ đồng hồ lẫn lộn vất vả trong tình cảnh ấy, tất cả bọn họ đều lấm lem từ đầu đến chân. Chỉ nghĩ đến thôi cũng thấy ghê tởm.

Tình hình giao thông đang hỗn loạn vì đường Cromwell bị trúng bom, vì thế ở đây thiếu cả xe cứu thương lẫn đội ngũ bác sĩ, y tá, thế là những bài học về cứu thương của bà Woolf liền trở nên hữu dụng. Ursula nẹp một cánh tay bị gãy, băng bó một cái đầu bị thương, bịt miếng vải lên một con mắt và băng bó cái cổ chân của ông Simms - ông đã bị trật chân vì mặt đất gồ ghề. Cô dán nhãn hai người sống sót nhưng bị bất tỉnh (đầu bị chấn thương, xương đùi, xương đòn, xương sườn bị gãy và khung xương chậu có vẻ bị giập nát), cùng vài người chết (những người này thì dễ dàng hơn, họ chỉ đơn giản là đã chết), rồi sau đó kiểm tra lại một lần nữa để đề phòng trường hợp cô dán nhãn nhầm mà gửi người chết tới bệnh viện, còn người sống thì gửi tới nhà xác. Cô cũng hướng dẫn vô số người sống sót tới nơi lưu trú tạm thời và diu những người bị thương tới trạm cấp cứu do bà Woolf quản lý.

"Hãy tóm lấy thằng nhóc Anthony nếu cô có thể nhé!" Bà nói khi nhìn thấy Ursula. "Bảo nó đẩy một cái căng tin di động xuống dưới này." Ursula sai Tony đi làm việc này. Chỉ có mình bà Woolf gọi nó là Anthony. Thằng nhóc mười ba tuổi, nó là một hướng đạo sinh và là liên lạc viên trong đội dân phòng của họ. Nó thường đạp xe rầm rập qua các con phố vương vãi gạch vụn và kính vỡ. Ursula nghĩ, nếu Tony là con trai cô, cô sẽ đưa thằng bé đi thật xa khỏi cơn ác mộng này thay vì ném thằng bé vào trong lòng của nó. Khởi cần phải nói cũng biết thằng bé rất thích việc này.

Sau khi chuyển lời cho Tony xong, Ursula lại chui xuống cái hố bởi vì có người nghĩ họ nghe thấy một tiếng động, nhưng cái xác chết tái nhợt kia vẫn im lặng như cũ. "Chào ông lần nữa nhé!" Cô

nói với ông ta. Cô nghĩ đó có thể là ông McColl sống ở con phố bên cạnh. Có lẽ ông ta đang tới thăm ai đó. Thật xui xẻo. Cô mệt bã cả người đến mức cảm thấy ghen tỵ với người chết vì họ đã được nghỉ ngơi vĩnh viễn.

Khi cô lại chui ra khỏi cái hố, căng tin di động đã tới. Cô súc miệng bằng nước trà và nhổ ra toàn bụi gạch. "Tôi cá rằng cô từng là một quý cô thực thụ." Ông Palmer cười. "Ngại quá!" Ursula cười nói. "Tôi cứ nghĩ cách tôi nhổ rất giống một quý cô chứ!" Việc cứu hộ trên "cái gò" vẫn đang diễn ra mà vẫn chưa có kết quả gì nhưng màn đêm đang tan biến dần. Rồi bà Woolf bảo cô quay lại trạm gác để nghỉ ngơi. Trên "cái gò", một sợi dây thừng đã được đem tới để dùng ai đó xuống hoặc kéo ai đó lên, hoặc cả hai. ("Họ nghĩ là một người phụ nữ." Ông Durkin nói.)

Cô mệt rã rời, hầu như không bước nổi. Cô cố gắng vừa đi vừa tránh gạch đá vụn lớn nhỏ được chừng mười thước thì có ai đó tóm lấy cánh tay cô và kéo giật lùi lại, mạnh đến nỗi nếu họ không giữ chặt cô, giúp cô đứng thẳng thì cô sẽ ngã ngửa ra mất. "Cẩn thận, cô Todd." Một giọng nói vang lên.

"Ông Bullock?" Nếu như họ đang ở trong cái không gian chật hẹp của trạm gác thì ông Bullock hẳn sẽ làm cô hơi giật mình, bởi vì nếu ông ta có giở trò gì thì cô cũng không tài nào chống cự được, nhưng lạ lùng thay, khi ở ngoài này, ở nơi tăm tối này, ông ta lại có vẻ vô hại. "Có chuyện gì vậy?" Cô hỏi. "Tôi đang rất mệt."

Ông ta chiếu đèn pin về phía trước mặt bọn họ. "Cô thấy không?" Ông ta hỏi.

"Tôi chẳng thấy gì cả."

"Là vì ở đó chẳng có gì." Cô nhìn kĩ hơn. Đó là một cái hố - một cái hố khổng lồ - một cái hố không đáy. "Sâu chừng sáu mét, có thể là chín mét." Ông Bullock nói. "Và lúc này cô suýt chút nữa thì bước thẳng xuống đó."

Ông ta hộ tống cô về trạm gác. "Cô mệt mỏi quá rồi." Ông ta nói. Ông ta vẫn nắm cánh tay cô suốt chặng đường đi, cô có thể cảm nhận được sức mạnh từ cơ bắp của ông ta qua cái siết tay ấy.

Về đến trạm gác, cô thả mình xuống một chiếc giường xếp và thiếp ngủ ngay như thể bị ngất đi. Cô tỉnh dậy khi tiếng còi báo an vang lên vào lúc sáu giờ. Cô có cảm giác mình đã ngủ hàng mấy ngày trời nhưng thực chất mới chỉ có ba tiếng đồng hồ trôi qua.

Ông Palmer cũng ở đó, đang thở thần pha trà. Cô có thể hình dung ra cảnh ông ta đang ở nhà, đi dép lê, hút tẩu thuốc và đọc báo. Thật kỳ quặc khi ông ta lại ở đây. "Cô về đi." Ông ta nói, đưa cho cô một cốc trà. "Cô nên về nhà, cưng ạ." Ông ta nói. "Tạnh mưa rồi." Như thể cơn mưa chứ không phải Không quân Đức đã làm hỏng buổi tối của cô.



Thay vì đi thẳng về nhà, cô quay lại "cái gò" để xem công cuộc cứu hộ tiến triển đến đâu rồi. Trong ánh sáng ban ngày, nó có vẻ khác biệt, hình dáng của nó quen thuộc đến kỳ lạ. Nó gọi cô nhớ đến thứ gì đó, nhưng dù cố gắng thế nào cô cũng không thể nghĩ ra nó là thứ gì.

Trước mắt cô là một khung cảnh hoang tàn đổ nát, cả con phố hầu như đã biến mất, nhưng "cái gò", "cái gò" đầu tiên, vẫn giống như một tổ ong náo nhiệt. Cô nghĩ nó sẽ trở thành đề tài thú vị cho một họa sĩ thời chiến. *Những người đào bới trên gò* sẽ là một tiêu đề hay ho. Bea Shawcross từng học ở trường mỹ thuật, cô ấy tốt nghiệp ngay khi chiến tranh nổ ra. Ursula tự hỏi liệu cô ấy có bị thôi thúc phải miêu tả cuộc chiến không, hay cô ấy đang cố gắng không nghĩ đến nó?

Cô rón rén leo lên những "cái ụ" nhỏ dưới chân của "cái gò". Một thành viên của đội cứu hộ giơ tay ra để kéo cô lên. Ca trực mới đã tới nhưng Ursula thấy rằng ca trực cũ vẫn đang làm việc. Ursula

hiếu. Ta khó lòng rời bỏ một địa điểm bị trúng bom khi ta có cảm giác là mình "sở hữu" nó.

Một tiếng reo phấn khích chọt vang lên xung quanh "miệng núi lửa" khi bao nỗi gian nan vất vả của họ từ đêm hôm qua cuối cùng cũng thu được thành quả. Một người phụ nữ buộc dây thừng quanh người phía dưới hai vách (lúc này họ chẳng còn nhẹ nhàng rón rén nữa) được lôi lên khỏi khe hở hẹp. Mọi người chuyền tay nhau chuyển cô ta xuống dưới "cái gò".

Ursula có thể thấy rằng cô ta gần như đen sì vì bụi đất và đang trong tình trạng nửa mê nửa tỉnh. Bị suy kiệt nhưng vẫn còn sống, dù chỉ thoi thóp. Cô ta được đưa lên một cái xe cứu thương đang kiên nhẫn chờ đợi ở dưới chân "gò".

Ursula leo xuống dưới. Trên mặt đất, có một thi thể được quấn vải liệm đang nằm đợi xe chở xác. Ursula nhấc tám vải phủ ra khỏi mặt của thi thể đó và phát hiện ra đó chính là người đàn ông có khuôn mặt tái nhợt của đêm qua. Dưới ánh sáng ban ngày, cô có thể xác định rõ ràng đó chính là ông McColl ở nhà số 10. "Chào ông!" Cô nói. Ông ta sẽ sớm trở thành một người bạn cũ. Bà Woolf sẽ bảo cô dán nhãn ông ta, nhưng khi cô tìm kiếm tập giấy ghi, cô phát hiện ra mình đã đánh mất nó và giờ chẳng có gì để viết cả. Cô lục tìm trong một cái túi và thấy thỏi son của mình. *Buộc phải làm*, cô nghe thấy giọng của Sylvie cất lên.

Cô định viết lên trán ông McColl nhưng điều đó dường như hơi khiếm nhã (Sự khiếm nhã còn khủng khiếp hơn cả cái chết, phải không? Cô tự hỏi). Vì vậy, cô lật miếng vải phủ trên cánh tay ông ta lên rồi nhổ nước bọt vào một cái khăn tay và chùi ít bụi đất bám trên đó, như thể ông ta là một cậu bé. Cô viết tên và địa chỉ của ông ta lên cánh tay ông ta bằng thỏi son. Màu đỏ máu, có vẻ thực sự phù hợp.

"Chà, tạm biệt!" Cô nói. "Tôi không nghĩ chúng ta sẽ còn gặp lại."



Đi men theo cái miệng hồ nguy hiểm mà cô suýt ngã xuống tối qua, cô phát hiện bà Woolf đang ngồi đằng sau một cái bàn ăn được bà tận dụng từ đồng đồ nát, như thể bà đang ở trong một văn phòng, nói với mọi người rằng họ nên làm gì tiếp theo - phải đi đến đâu để có được thức ăn và chỗ trú ngụ, phải làm thế nào để kiếm được quần áo và thực phẩm, vân vân. Bà Woolf vẫn tỏ ra vui vẻ, nhưng có Chúa mới biết lần cuối cùng bà ngủ là khi nào. Không còn nghi ngờ gì nữa, người phụ nữ này đúng là có tinh thần thép. Ursula rất quý mến bà Woolf, cô kính trọng bà hơn hầu hết bất cứ ai mà cô từng biết, có lẽ là ngoại trừ Hugh.

Dòng người đứng xếp hàng là những người đã ẩn nấp trong một hầm trú ẩn lớn, nhiều người vẫn còn đang đi ra khỏi đó, chớp chớp mắt trước ánh sáng ban ngày như những loài thú ăn đêm và phát hiện ra họ không còn nhà để về nữa. Căn hầm đang ở sai chỗ, sai đường, Ursula nghĩ. Mất vài giây cô mới định hướng lại được trí óc của mình và nhận ra rằng cả đêm qua, cô đã nghĩ mình đang ở một con phố khác.

"Họ đã đưa được người phụ nữ đó ra ngoài." Cô kể với bà Woolf.

"Còn sống chứ?"

"Gần như vậy."



Khi cô cuối cùng cũng trở về Phillimore Gardens, cô thấy Millie đã dậy và thay quần áo. "Mọi chuyện ổn cả chứ?" Cô ấy hỏi. "Trong bình có ít trà đấy." Cô ấy nói thêm, rót trà và đưa cho Ursula một tách.

"Ồ, cậu biết đấy." Ursula nói và đón lấy tách trà. Nước trà ấm ấm. Cô nhún vai. "Khá khủng khiếp. Đã đến giờ chưa? Mình phải đi

làm."



Ngày hôm sau, cô ngạc nhiên khi nhìn thấy một trang tài liệu ghi chép của bà Woolf được viết bằng nét chữ rõ ràng. Thi thoảng, một tập hồ sơ sẽ được đựng trong cái túi kết bằng vải vụn đầy bí ẩn thay vì bìa kẹp màu da bò như thường lệ. Ursula không bao giờ hiểu được làm thế nào mà chúng lại xuất hiện trên bàn làm việc của cô.

05:00 Báo cáo tạm thời về vụ ném bom. Báo cáo tình hình. 55 người bị thương được chuyển tới bệnh viện, 30 người chết, 3 người còn mất tích. Bảy ngôi nhà bị phá hủy hoàn toàn, khoảng 120 người vô gia cư. 2 đội cứu hỏa, 2 xe cứu thương, 2 xe cứu hỏa hạng nặng, 2 xe cứu hỏa hạng nhẹ và một con chó vẫn đang làm việc. Công việc vẫn đang tiến hành.

Ursula đã không để ý là ở đó có chó. Đó chỉ là một trong nhiều địa điểm bị trúng bom trên khắp London vào tối hôm qua và cô cầm cả một xấp tài liệu lên, nói: "Cô Fawcett, cô ghi lại những số liệu này nhé!" Cô hầu như không thể đợi nổi chiếc xe đựng đồ trà và bữa ăn nhẹ lúc mười một giờ trưa.



Họ ăn trưa trên hàng hiên ngoài trời. Sa lát khoai tây, trứng, củ cải, rau diếp, cà chua, thậm chí một quả dưa chuột. "Tất cả đều do chính đôi tay trắng trẻo của mẹ chúng ta trồng đấy." Pamela nói. Đó thực sự là bữa ăn ngon nhất mà Ursula được ăn trong suốt thời gian dài vừa qua. "Và chị tin rằng tiếp theo sẽ là món bánh nướng nhân mứt táo." Pamela nói. Chỉ có hai người họ ở bàn. Sylvie đã ra mở cửa vì có tiếng chuông, còn Hugh vẫn chưa về nhà. Ông đã đi xem xét tình hình một quả bom chưa phát nổ, nghe nói nó đã rơi xuống một cánh đồng ở phía bên kia của ngôi làng.

Mấy thằng nhóc cũng đang ăn ở *ngoài trời* - chúng nằm ườn ra trên thảm cỏ, ăn thịt bò rừng hầm và món ngô đậu xào (hoặc, trong thế giới thực, là món sandwich kẹp thịt bò muối và trứng luộc kĩ). Chúng đã dựng lên một cái lều cũ ẩm mốc mà chúng "khai quật" được trong nhà kho, và đang đắm chìm trong một trò chơi lộn xộn liên quan đến các chàng cao bồi và thổ dân Da Đỏ cho đến khi chiếc xe chở thức ăn và bếp lò xuất hiện (thực ra là Bridget bê ra một cái khay).

Các con trai của Pamela là cao bồi, còn lũ trẻ tản cư quá đổi vui sướng khi được làm thổ dân Apache. "Chị nghĩ việc này phù hợp với bản chất của chúng hơn." Pamela nói. Cô đã làm cho chúng những cái băng quấn đầu bằng bìa các tông gắn lông gà. "Đám cao bồi" phải tận dụng những cái khăn tay của Hugh để buộc quanh cổ. Hai con chó Labrador đang đuổi nhau vòng quanh một cách điên cuồng vì phấn khích, trong khi Gerald, mới mười tháng tuổi, ngủ ngon lành trên một cái chăn bên cạnh Heidi, con chó của Pamela, một con vật quá điềm đạm nên sẽ không tham gia vào những "trò hề" như thế.

"Rõ ràng chúng coi thằng bé là một cô nàng Da Đỏ." Pamela nói. "Ít nhất trò này cũng giữ chúng yên lặng. Thật là kỳ diệu. Nó khá hợp với cái mùa hè Anh Điêng* này."

"Sáu thằng bé trong một ngôi nhà." Pamela nói. "Ơn Chúa là học kỳ mới đã bắt đầu rồi. Bọn con trai không bao giờ biết mệt là gì, lúc nào em cũng phải khiến chúng bận rộn. Chị cho rằng em chỉ ghé qua chớp nhoáng, đúng không?"

"Em e là vậy."

Cô đã hy sinh một ngày thứ Bảy quý giá để gặp Pammy và lũ trẻ. Cô thấy Pamela như đã cạn kiệt mọi sức lực, trong khi Sylvie dường như tràn trề sinh lực nhờ cuộc chiến. Bà đã trở thành một thành viên tích cực không ngờ của Lực lượng Phụ nữ Tình nguyện WVS.

"Chị đã rất ngạc nhiên. Mẹ vốn không thích những người phụ nữ khác lắm." Pamela nói.

Sylvie hiện có một đàn gà lớn và đã tặng sản lượng trứng đạt mức thời chiến. "Những sinh vật tội nghiệp ấy bị ép đẻ trứng cả ngày lẫn đêm." Pamela nói. "Cứ như mẹ đang điều hành một nhà máy sản xuất vũ khí vậy." Ursula không rõ làm thế nào mà ta có thể bắt một con gà đẻ được nhiều trứng đến vậy. "Mẹ thuyết phục chúng." Pamela cười. "Một bà chăn gà đáng mến."

Ursula không nhắc đến chuyện cô từng được gọi đến hiện trường của một vụ ném bom. Trong ngôi nhà bị trúng bom ấy có một cái chuồng gà tự chế ở sân sau, và khi họ tới nơi, họ thấy hầu hết lũ gà đều còn sống nhưng đã bị thổi bay hết lông. "Được vật lông sẵn." Ông Bullock đã cười một cách tàn nhẫn. Ursula đã nhìn thấy những người bị thổi bay hết quần áo và những cái cây bị trụi hết lá vào giữa mùa hè, nhưng cô cũng không nhắc đến những chuyện này. Cô không nhắc đến việc có người phải lội trong thứ nước thải chảy ra từ các ống dẫn bị vỡ, chắc chắn càng không nhắc đến việc có người bị chết đuối trong thứ nước thải đó. Cô cũng không nhắc đến cảm giác khủng khiếp khi đặt tay lên ngực một người đàn ông và thấy rằng bàn tay mình luôn được hằn vào bên trong lồng ngực của ông ta. (Cái chết - cô cho rằng đó là điều người ta cần biết ơn.)

Harold có kể với Pamela những điều mà anh đã trông thấy không? Ursula không hỏi chị gái mình điều này, khơi chủ đề ấy vào một ngày dễ chịu như thế này thì có vẻ không đúng lắm. Cô nghĩ về tất cả những người lính trở về nhà sau cuộc chiến lần trước, họ không bao giờ nói đến những gì họ đã chứng kiến trong những con hào. Ông Simms, ông Palmer, đương nhiên cả bố cô nữa.

Trại sản xuất trứng của Sylvie có vẻ nằm ở giữa một kiểu chợ đen vùng nông thôn. Không ai trong làng đặc biệt thiếu thốn thứ gì. "Quanh đây đang phát triển một nền kinh tế hàng đổi hàng." Pamela

nói. "Và họ thực sự trao đổi các hiện vật với nhau, tin chị đi. Mẹ đang làm thế ở cửa chính đấy."

"Ít nhất ở đây cũng khá an toàn." Ursula nói. Có thật không? Cô nghĩ về quả bom chưa nổ mà Hugh đang đi xem. Tuần trước, một quả bom đã rơi xuống một cánh đồng thuộc trang trại của Lâu đài Ettringham và làm những con bò ở đó nổ tung thành từng mảnh nhỏ. "Nhiều người ở quanh đây vẫn âm thầm ăn thịt bò." Pamela nói. "Bao gồm cả chúng ta, chị hẳn hạnh thông báo với em như vậy." Sylvie có vẻ nghĩ rằng "sự kiện khủng khiếp" này đã đưa họ lên ngang hàng với sự thống khổ của London. Giờ bà đã quay lại và châm một điếu thuốc thay vì ăn nốt chỗ thức ăn dang dở. Ursula ăn nốt chỗ thức ăn bà bỏ lại trên đĩa, trong khi đó, Pamela lấy một điếu thuốc lá trong hộp thuốc của Sylvie và châm lửa.

Bridget ra ngoài, bắt đầu rửa bát đĩa và Ursula bật dậy, nói: "Ồ, không, để em làm cho." Pamela và Sylvie vẫn ngồi ở bàn, im lặng hút thuốc, quan sát sự phòng thủ của những "chàng cao bồi" trong lều trước cuộc đột kích của lũ trẻ tản cư. Ursula cảm thấy hơi tủi thân. Cả Sylvie và Pamela đều làm như chỉ có họ mới phải chịu đựng sự khốn khổ, vất vả, trong khi bản thân cô phải làm việc suốt cả ngày, rồi hầu như đêm nào cũng đi tuần, đối mặt với những cảnh tượng gớm ghiếc nhất. Mới hôm qua thôi, họ đã phải nỗ lực giải cứu một người trong khi máu từ một thi thể trên căn gác cứ tong tỏng nhỏ xuống đầu họ. Họ không thể lên căn phòng đó bởi vì những mảnh kính vỡ từ ô cửa sổ mái khổng lồ đã lấp kín cầu thang, cao tới tận đầu gối.

"Tôi đang tính chuyện trở về Ireland." Bridget nói khi họ lau khô những cái đĩa. "Tôi chưa bao giờ có cảm giác cái đất nước này là nhà mình."

"Em cũng vậy." Ursula nói.



Món bánh nướng nhân mứt táo hóa ra chỉ là những miếng táo ngào đường, vì Sylvie không chịu dùng những chiếc bánh mì cũ quý giá để làm phần độn bánh, bởi chúng có thể được dùng một cách có ích hơn, đó là cho gà ăn. Ở Góc Cáo, chẳng có gì bị bỏ phí cả. Tất cả những thứ đầu thừa đuôi thẹo đều được dành cho lũ gà hết ("Mẹ các con đang tính chuyện nuôi một con lợn." Hugh nói với vẻ tuyệt vọng). Sau khi những mẫu xương đã được ninh để lấy nước dùng, chúng sẽ được gửi đi tái chế, giống như những hộp thiếc và lọ thủy tinh đựng mứt, tương ớt, đậu hay cà chua đã được dùng hết. Tất cả các quyển sách trong nhà đã được đóng thùng giấy và mang đến bưu điện để gửi cho các quân chủng. "Chúng ta đã đọc chúng rồi." Sylvie nói. "Vậy thì còn giữ chúng làm gì?"

Hugh trở về và Bridget cầu nhàu mang một cái đĩa ra ngoài cho ông.

"Ồ!" Sylvie nhả nhận nói với ông. "Anh có sống ở đây không vậy? Ý em là, tại sao anh không ngồi cùng bọn em?"

"Thực sự thì, Sylvie à!" Hugh nói, gay gắt hơn thường lệ. "Nhiều lúc em cứ như trẻ con vậy."

"Nếu em giống như trẻ con thì cũng là do cuộc hôn nhân này biến em thành như vậy." Sylvie nói.

"Anh nhớ rằng em từng nói đối với một người phụ nữ, không có điều gì có ý nghĩa cao cả hơn một cuộc hôn nhân." Hugh nói.

"Em từng nói thế ư? Chắc là từ hồi chúng ta còn nông nổi."

Pamela nhướn mày với Ursula và Ursula tự hỏi cha mẹ họ bắt đầu cãi cọ một cách công khai như vậy từ khi nào? Ursula định hỏi ông về quả bom nhưng Pamela đã vui vẻ hỏi cô "Millie thế nào?" để thay đổi chủ đề.

"Cô ấy ổn." Ursula nói. "Sống chung với cô ấy rất thoải mái. Mặc dù em chẳng mấy khi chạm mặt cô ấy ở Phillimore Gardens. Cô ấy

đã gia nhập ENSA*. Đoàn kịch của cô ấy đi lưu diễn quanh các nhà máy, giải trí cho các công nhân vào giờ ăn trưa của họ."

"Những con người tội nghiệp." Hugh cười.

"Với các vở kịch của Shakespeare ư?" Sylvie nghi ngờ hỏi.

"Con nghĩ dạo gần đây cô ấy có thể đóng bất cứ thể loại nào. Một chút hát hò, hài kịch, mẹ biết đấy."

Trông Sylvie chẳng có vẻ gì là biết cả.

"Con có một người đàn ông trẻ..." Ursula buột miệng, khiến tất cả mọi người đều bất ngờ, bao gồm cả chính cô. Cô chỉ định giúp cho bầu không khí của cuộc trò chuyện trở nên tươi sáng hơn. Đáng lẽ cô không nên đại dốt như vậy.



Anh tên là Ralph. Anh sống ở Holborn và là một người bạn mới của cô, một "người bạn thân" mà cô gặp ở lớp học tiếng Đức. Trước chiến tranh, anh từng là một kiến trúc sư và Ursula cho rằng sau này anh cũng sẽ là một kiến trúc sư. Nếu vẫn còn có người sống, dĩ nhiên rồi. (Liệu London có bị xóa sổ giống như Knossos* hay Pompeii* không? Những người ở đảo Crete và những người La Mã có lẽ đã đi vòng quanh trong lòng thảm họa và nói: "Chúng ta có thể chịu đựng được.") Ralph nung nấu rất nhiều ý tưởng về việc xây dựng lại những khu nhà ổ chuột thành những tòa tháp hiện đại. "Một thành phố dành cho những người..." Anh nói."... Vươn lên từ đống tro tàn của thành phố cũ như một con chim phượng hoàng, hoàn toàn lột xác."

"Anh ta cứ như một kẻ bài trừ thánh tượng, chuyên đả phá những tín ngưỡng lâu đời ấy nhỉ." Pamela nói.

"Anh ấy không phải là người hoài cổ như chúng ta."

"Chúng ta ư? Hoài cổ ư?"

"Vâng." Ursula nói. "Sự hoài cổ dựa trên một thứ chưa từng tồn tại. Chúng ta tưởng tượng ra một vùng đất Arcadia trong quá khứ, còn Ralph nhìn thấy nó trong tương lai. Đương nhiên, cả hai đều không có thật."

"Những tòa lâu đài đội mây?"

"Đại loại thế."

"Nhưng em thích anh ta?"

"Vâng."

"Em đã... chưa? Em biết ý chị là gì phải không?"

"Thật tình! Chị hỏi kiểu gì vậy?" Ursula cười. (Sylvie đã trở ra ngoài cửa, Hugh thì đang ngồi bắt tréo chân trên thảm cỏ, giả vờ là một vị tù trưởng.)

"Đó là một câu hỏi rất hay." Pamela nói.

Thật ra, họ chưa làm gì cả. Có lẽ, nếu anh nồng nhiệt hơn... Cô nghĩ về Crighton. "Dù sao đi nữa, có quá ít thời gian để..."

"Làm tình?" Pamela nói.

"Chà, em định nói là tìm hiểu, nhưng đúng vậy, có quá ít thời gian để làm tình." Sylvie đã quay lại và đang cố gắng tách rời hai phe tham chiến trên thảm cỏ. Lũ trẻ tản cư là những kẻ địch rất hiếu chiến. Hugh hiện đang bị trói bằng một sợi dây phơi cũ. "Cứu bố với!" Ông mấp máy môi với Ursula và cười toe toét như một cậu học sinh. Thật là tuyệt khi thấy ông vui vẻ.

Nếu là trước chiến tranh, hẳn là Ralph sẽ tìm hiểu cô (hoặc có lẽ là cô tìm hiểu anh) bằng những cuộc khiêu vũ, những buổi xem phim, những bữa tối ấm cúng chỉ riêng hai người với nhau, nhưng bây giờ, họ thường xuyên thấy mình có mặt ở những địa điểm bị trúng bom, giống như khách du lịch đang tham quan những di tích

cổ xưa. Họ đã phát hiện ra việc ngồi ở tầng trên cùng của chuyến xe buýt số 11 đặc biệt phù hợp với việc này.

Có lẽ nguyên nhân thực sự khiến họ chưa làm tình với nhau là do một trở ngại nào đó trong tính cách của họ, chứ không phải vì chiến tranh. Suy cho cùng, những cặp đôi khác vẫn làm điều đó bình thường đấy thôi.

Họ đã "ghé thăm" Triển lãm Duveen ở Viện Bảo tàng Anh, tiệm Hammonds nằm bên cạnh tòa nhà Triển lãm Quốc gia, hồ bom khổng lồ trước mặt tòa nhà Ngân hàng, nó to đến nỗi họ phải bắc tạm một cây cầu qua miệng hố. Cửa hàng John Lewis vẫn đang cháy âm ỉ lúc họ tới đó, những con ma nơ canh trên các ô kính bày hàng giờ đen sì và nằm vương vãi khắp vỉa hè, quần áo bị rách toạc.

"Em có nghĩ chúng ta giống những con quỉ ăn xác chết không?" Ralph hỏi. Và Ursula trả lời: "Không, chúng ta là chứng nhân." Cô cho rằng rốt cuộc cô sẽ lên giường với anh. Cô chẳng tìm ra được cái cớ nào đủ lớn để chống lại điều đó cả.

Bridget mang trà với bánh ngọt ra và Pamela nói: "Chị nghĩ chị nên cời trói cho bố."



"Uống đi!" Hugh nói, rót cho cô một cốc rượu mạch nha từ cái bình thon cổ bằng thủy tinh có hoa văn chạm chìm mà ông cất trong "mật thất" của mình. "Dạo gần đây bố thấy mình càng ngày càng hay ở trong này." Ông nói. "Đây là nơi duy nhất bố có được sự bình yên. Lũ chó và bọn trẻ tàn cư bị cấm tuyệt đối. Bố lo cho con, con biết đấy." Ông nói thêm.

"Con cũng lo cho chính mình, bố ạ."

"Ở đó có khủng khiếp lắm không?"

"Rất khủng khiếp. Nhưng con tin đó là điều đúng đắn. Con nghĩ chúng ta đang làm điều đúng đắn."

"Một cuộc chiến tranh đúng đắn ư? Con cũng biết rằng phần lớn họ hàng của nhà Cole vẫn ở lục địa đúng không? Ông Cole đã kể cho bố nghe vài chuyện đáng sợ đang xảy ra với người Do Thái. Bố không nghĩ có ai ở đây thực sự muốn biết. Dù sao đi nữa..." Ông nói, giọng cứng lên và cố gắng nói với giọng vui vẻ: "... Cạn chén thôi. Mong chiến tranh sớm kết thúc."



Khi cô rời đi, trời đã tối. Hugh tiễn cô đi dọc theo con đường mòn tới nhà ga.

"Bố chẳng có xăng để chở con đi." Ông nói. "Đáng lẽ con nên đi sớm hơn." Ông rầu rĩ nói thêm. Ông cầm theo một ngọn đèn pin to tưng và chẳng có ai quát nạt bắt ông tắt đèn đi. "Bố không nghĩ ngọn đèn này có thể chỉ đường cho một chiếc máy bay Heinkel." Ông nói. Ursula kể với ông rằng hầu hết các đội cứu hộ đều sợ ánh đèn đến mê muội ngay cả khi họ đang ở giữa một cuộc không kích, bị vây xung quanh bởi những tòa nhà cháy ngùn ngụt cùng những quả bom lửa và pháo sáng. Cứ như một ánh đèn pin nhỏ nhoi sẽ tạo nên điều gì khác biệt vậy.

"Bố biết có một anh chàng đang ở dưới con hào..." Hugh nói. "... Anh ta bỗng đánh một que diêm, và a lê hấp, một tay súng bắn tỉa của quân Đức đã bắn thẳng vào đầu anh ta. Đó là một chàng trai tốt." Ông trầm ngâm nói thêm. "Tên là Rogerson, trùng tên với chủ tiệm bánh trong làng. Nhưng giữa họ không có dây mơ rễ má gì cả."

"Bố chưa bao giờ kể chuyện này." Ursula nói.

"Thì giờ bố đang kể đấy." Hugh nói. "Con hãy lấy nó làm bài học, luôn phải cúi đầu thấp hơn bờ công sự và không được để lộ ánh đèn của mình."

"Con biết bố không có ý như thế. Không hẳn."

"Bố nói thật đấy. Thà con là một kẻ hèn nhát còn hơn là chết, gấu con ạ. Teddy và Jimmy cũng vậy."

"Bố cũng không có ý như thế."

"Bố nói thật mà. Đến nơi rồi này, trời tối đến nỗi ta có thể đi thẳng qua nhà ga mà không nhìn thấy nó. Bố không nghĩ chuyến tàu của con sẽ đến đúng giờ, nếu vẫn còn một chuyến tàu.Ồ, nhìn kia, Fred đây rồi. Chúc cậu buổi tối tốt lành, Fred."

"Chào ông Todd, chào cô Todd. Hai vị biết đấy, đây là chuyến tàu cuối cùng của đêm nay." Fred Smith nói. Fred từ lâu đã được thăng cấp từ thợ đốt lò lên làm lái tàu.

"Nó không hẳn là một con tàu." Ursula hoang mang nói. Có một cái đầu tàu nhưng chẳng có toa nào cả.

Fred ngoảnh lại nhìn dọc theo sân ga tới chỗ đáng lẽ phải có các toa tàu đứng đó, như thể anh ta đã quên mất sự vắng mặt của chúng. "À, ừ, chà!" Anh ta nói. "Lần cuối cùng người ta nhìn thấy chúng là khi chúng đang treo lơ lửng trên cầu Waterloo. Đó là một câu chuyện dài." Anh ta nói thêm, rõ ràng không muốn đi sâu vào chi tiết. Ursula không hiểu tại sao không có các toa tàu mà đầu máy vẫn ở đây, còn Fred trông khá nghiêm túc.

"Vậy thì tối nay tôi sẽ không về nhà." Ursula nói.

"Chà." Fred nói. "Tôi phải đưa cái đầu máy này lên thành phố, động cơ đã sẵn sàng rồi, thợ đốt lò cũng đã có, là già Willie đấy, vì vậy nếu cô muốn nhảy lên cái đầu máy xe lửa này, cô Todd, tôi nghĩ chúng tôi có thể đưa cô về."

"Thật không?" Ursula hỏi.

"Sẽ không được sạch sẽ như ngồi trên ghế nệm, nhưng cô có dám không?"

"Chắc chắn rồi."

Chiếc đầu máy xe lửa đã nóng lòng muốn đi lắm rồi, vì thế Ursula vội vàng ôm Hugh một cái thật nhanh và nói "Hẹn sớm gặp lại bố", rồi leo lên đầu máy xe lửa và ngồi vào chỗ của thợ đốt lò.

"Con nhớ bảo trọng nhé, gấu con!" Hugh nói. "Ở London!" Ông phải nói to hơn để giọng nói của ông át đi tiếng động cơ đang rít lên. "Hứa với bố đi!"

"Con hứa." Cô hét lên. "Hẹn gặp lại bố!"

Cô quay người lại, cố gắng nhìn ông trên sân ga tối om khi con tàu bình bịch chuyển bánh. Cô đột nhiên cảm thấy tội lỗi. Cô đã chơi trò trốn tìm náo nhiệt với bọn trẻ sau bữa tối. Đáng lẽ cô nên rời đi khi trời vẫn còn sáng như Hugh nói. Bây giờ Hugh sẽ phải đi bộ về một mình trong bóng tối. (Cô đột nhiên nghĩ đến cô bé Angela tội nghiệp nhiều năm về trước.) Hugh nhanh chóng biến mất trong màn đêm thăm thẳm và làn khói mịt mù.

"Chà, chuyện này thật thú vị." Cô nói với Fred. Cô chẳng may may ngờ được rằng cô sẽ chẳng bao giờ được gặp lại bố mình nữa.



Chuyến đi đúng là thú vị nhưng cũng hơi đáng sợ. Chiếc đầu máy xe lửa giống như một con quái thú bằng kim loại to lớn gầm rống trong bóng tối. Nó rung chuyển và lắc lư như thể đang cố hất cô ra khỏi bụng nó. Trước đây, Ursula chưa bao giờ nghĩ về những gì diễn ra trong một cái đầu máy xe lửa. Cô đã tưởng tượng, nếu cô từng tưởng tượng, đó là một nơi tương đối yên bình - người lái tàu chăm chú nhìn về đường ray phía trước, người thợ đốt lò vui vẻ xúc than vào lò. Nhưng hóa ra, ở đây họ hoạt động không ngừng nghỉ, liên tục hội ý về gradient và áp suất, xúc than điên cuồng hoặc đóng cửa lò đột ngột, lại còn vô cùng ồn ào, hơi nóng tỏa ra từ lò than thì gần như không thể chịu đựng nổi, những tấm kim loại được dựng lên để

ngăn ánh sáng lọt ra ngoài đầu máy dường như cũng không chặn nổi muội than bay ra. Nóng quá là nóng! "Nóng hơn cả hỏa ngục." Fred nói.

Bất chấp những giới hạn tốc độ của thời chiến, họ có vẻ đang đi với tốc độ nhanh ít nhất là gấp đôi so với khi cô ngồi trong một toa hành khách ("Trên ghế nệm." Cô nghĩ. Cô phải ghi nhớ điều này vì Teddy, dù bây giờ đang là phi công, vẫn áp ủ cái khao khát từ thuở ấu thơ là được trở thành một người lái tàu).



Khi tới London, họ có thể nhìn thấy lửa cháy ngùn ngụt ở phía đông và nghe thấy những tràng súng rền ở phía xa xa, nhưng khi họ lại gần nơi nổi các toa xe lửa và khu đỗ đầu máy, bầu không khí trở nên yên tĩnh đến kỳ lạ. Họ chậm chậm dừng lại và ờn Chúa, tất cả đột nhiên trở nên yên bình.

Fred đỡ cô xuống khỏi đầu máy xe lửa. "Đến nơi rồi, thưa cô." Anh ta nói. "Về đến nhà bình yên rồi. Chà, tôi e là cũng không hẳn." Đột nhiên anh ta tỏ vẻ nghi ngại. "Đáng lẽ tôi nên tiễn cô về tận nhà nhưng chúng tôi còn phải đưa cái đầu máy này đi nghỉ. Từ đây cô đi một mình về nhà ổn chứ?" Họ có vẻ đang ở một nơi đồng không mông quạnh, chỉ có những đường ray, ghi tàu và những cái bóng mờ mờ của những chiếc đầu máy. "Có một quả bom rơi trúng ga Marylebone. Chúng ta đang ở cuối ga King's Cross." Fred nói, như thể đọc được ý nghĩ của cô. "Tình hình không tệ như cô tưởng đâu." Anh ta chỉnh ánh sáng đèn pin ở mức yếu nhất, nó chỉ rọi sáng được chừng ba mươi phân trước mặt họ. "Phải cẩn thận." Anh ta nói. "Chúng ta là mục tiêu chính ở đây đấy."

"Tôi sẽ ổn thôi." Cô nói, hăng hái hơn cảm giác thực sự trong lòng cô. "Đừng lo cho tôi, và cảm ơn anh nhé! Chúc ngủ ngon, Fred." Cô quả quyết cất bước và lập tức vấp phải một thanh ray. Cô

khẽ kêu lên đau đớn khi đầu gối cô đập mạnh xuống những hòn đá sắc ở đường ray.

"Nào, cô Todd." Fred nói, giúp cô đứng dậy. "Cô sẽ chẳng bao giờ tìm được đường đi trong bóng tối đâu. Nào, tôi sẽ tiễn cô tới cổng." Anh ta nắm lấy cánh tay cô và dắt cô đi, như thể họ đang đi dạo dọc theo đường đê vào một ngày Chủ nhật. Cô nhớ cô đã từng mê mẩn Fred thế nào hồi cô còn nhỏ. Cô nghĩ có lẽ cô sẽ khá dễ dàng mê mẩn anh ta lần nữa.

Họ đi tới hai cánh cổng bằng gỗ đồ sộ và anh ta mở một cánh cửa nhỏ gắn trên chúng.

"Tôi nghĩ tôi biết mình đang ở đâu." Cô nói. Thực ra cô cũng không biết, nhưng cô không muốn làm phiền Fred thêm nữa. "Cảm ơn anh lần nữa nhé, có lẽ lần tới tôi xuống Góc Cáo, chúng ta sẽ lại gặp nhau."

"Tôi nghi ngờ điều đó lắm." Anh ta nói. "Ngày mai tôi bắt đầu gia nhập Lực lượng Cứu hỏa Hỗ trợ AFS rồi. Những cụ già như Willie có thể duy trì việc vận hành những chuyến tàu."

"Chúc mừng anh." Cô nói, mặc dù cô nghĩ làm lính cứu hỏa nguy hiểm biết chừng nào.



Chưa bao giờ cô thấy trời tối như thế. Cô vừa đi vừa giơ tay ra trước mặt để dò đường và cuối cùng va vào một người phụ nữ, cô ta nói cho cô biết cô đang ở đâu. Họ đi cùng nhau chừng nửa dặm đường. Sau vài phút phải đi một mình lần nữa, cô nghe thấy những tiếng bước chân vang lên đằng sau cô, bèn nói "Tôi ở đây", để chủ nhân của tiếng bước chân ấy không va vào cô. Đó là một người đàn ông, anh ta chẳng hơn gì một cái bóng trong màn đêm và đi cùng cô tới tận công viên Hyde. Trước chiến tranh, ta sẽ chẳng bao giờ mơ đến việc khoác tay một người hoàn toàn xa lạ - đặc biệt là một

người đàn ông - nhưng bây giờ mối nguy hiểm đến từ bầu trời có vẻ còn lớn hơn nhiều so với bất cứ điều gì có thể xảy đến với ta từ sự thân mật kỳ quặc này.



Cô cứ nghĩ là trời sắp sáng lúc cô về đến Phillimore Gardens, nhưng thực ra còn chưa đến nửa đêm. Millie cũng vừa mới về nhà và vẫn còn ăn mặc chỉnh tề. "Ôi Chúa ơi!" Cô ấy nói khi nhìn thấy Ursula. "Chuyện gì xảy ra với cậu vậy? Cậu bị trúng bom à?"

Ursula nhìn vào trong gương và thấy rằng cả người cô lấm lem bồ hóng và muội than. "Gớm quá!" Cô nói.

"Trông cậu như một anh thợ mỏ vậy." Millie nói.

"Giống một anh lái tàu hơn." Cô nói, nhanh chóng thuật lại những cuộc phiêu lưu đêm nay.

"Ồ!" Millie nói. "Fred Smith, cậu bé giao thịt. Anh ta từng rất điển trai."

"Mình cho rằng bây giờ anh ta vẫn như vậy. Mình có đem trứng từ Góc Cáo về này." Cô nói, bỏ cái hộp các tông mà Sylvie cho cô ra khỏi túi xách. Những quả trứng được bọc trong rơm, nhưng chúng vẫn nứt vỡ vì bị xóc khi đi trên đường ray hoặc do lúc cô bị ngã.

Ngày hôm sau, họ làm món trứng tráng từ những gì còn sót lại.

"Ngon quá!" Millie nói. "Cậu nên về nhà thường xuyên hơn."

THÁNG 10 NĂM 1940

"Tôi nay hẳn rất náo nhiệt." Bà Woolf nói. Đó là một uyển ngữ thú vị. Một cuộc không kích quy mô lớn đang diễn ra, những chiếc máy bay ném bom đang gầm rú phía trên đầu, thi thoảng chúng lại ánh lên khi bị đèn rọi trúng. Những quả bom HE* lóe sáng, rít gào và những khẩu đội pháo lớn phát ra những tiếng *pằng pằng, bùm bùm, tạch tạch* - tất cả những âm thanh quen thuộc. Những quả đạn pháo xé gió bay lên vun vút với tốc độ một dặm một giây cho đến khi chúng nhấp nháy và lấp lánh như những ngôi sao trước khi nổ tung. Những mảnh vỡ của chúng lách cách rơi xuống. (Vài ngày trước, một người họ hàng của ông Simms đã bị thiệt mạng bởi mảnh đạn từ những khẩu súng cao xạ ở công viên Hyde. "Thật nhục nhã khi bị chính quân ta giết chết." Ông Palmer nói. "Một cái chết vô nghĩa.") Một quãng đồ phía trên Holborn chỉ ra rằng một quả bom dầu vừa được thả. Ralph sống ở Holborn nhưng Ursula cho rằng vào một đêm như thế này anh sẽ đang ở St Paul's.

"Nó gần giống như một bức tranh, phải không?" Bà Woolf nói.

"Có lẽ là bức tranh về ngày tận thế." Ursula nói. Trên bức phong nền tối đen, những đống lửa bắt đầu ngùn ngụt cháy với những màu sắc đa dạng - đỏ tươi, vàng kim, da cam, chàm và vàng chanh nhạt. Thi thoảng, những lưỡi lửa màu xanh lá và xanh lam chói lọi sẽ lóe lên khi có thứ gì đó chứa hóa chất bắt lửa. Những ngọn lửa màu cam và khói đen dày đặc cuộn cuộn bốc ra từ một kho hàng. "Nó cho ta một cách nhìn rất khác, đúng không?" Bà Woolf trầm ngâm. Đúng vậy. Nó có vẻ vừa hoành tráng vừa khủng khiếp khi so sánh với những con người nhỏ bé, lấm lem bọn họ. "Nó khiến tôi tự hào." Ông Simms khẽ nói. "Ý tôi là, việc chúng ta chiến đấu như thế này. Hoàn toàn đơn độc."

"Và quá nhiều bất lợi." Bà Woolf thở dài.

Họ có thể nhìn xa tới tận sông Thames. Mấy quả khí cầu yểm hộ* có hình dáng thon dài lăm chắm trên bầu trời giống như những con cá voi bị mù đang nháo nhác bơi loanh quanh ở nơi không phải là môi trường sống của mình. Họ đang ở trên nóc tòa nhà Shell-Mex. Tòa nhà hiện đã được Bộ Cung ứng - nơi ông Simms làm việc - chiếm ngự, và ông ta đã mời Ursula và bà Woolf tới để "ngắm nhìn quang cảnh từ trên đỉnh".

"Thật là ngoạn mục, đúng không? Hung bạo nhưng tráng lệ lạ kỳ." Ông Simms nói, như thể họ đang ở trên đỉnh một ngọn đồi ở Lakeland chứ không phải trên nóc một tòa nhà ở phố Strand giữa một cuộc không kích.

"Chà, tôi không nghĩ ta có thể dùng từ *tráng lệ* để miêu tả nó." Bà Woolf nói.

"Đêm hôm kia Churchill đã ở trên này." Ông Simms nói. "Đây quả là một vị trí đặc địa. Ông ấy đã bị mê hoặc."

Sau đó, khi chỉ còn lại Ursula và bà Woolf, bà Woolf nói: "Cô biết không, tôi từng có ấn tượng rằng ông Simms chỉ là một viên chức tầm thường trong bộ vì ông ấy quá hiền lành, nhưng ắt hẳn ông ấy phải có chức vụ khá cao thì mới được đứng trên nóc nhà cùng với Churchill như vậy." (Một người canh phòng hỏa hoạn từ bom đang trực trên nóc nhà đã nói "Chào buổi tối, ngài Simms" với sự kính trọng mà người ta cảm thấy buộc phải có đối với Maurice, mặc dù đối với ông Simms thì nó được thể hiện một cách ít miễn cưỡng hơn.) "Ông ấy thật khiêm tốn." Bà Woolf nói. "Tôi thích điều đó ở một người đàn ông." Còn tôi lại thích sự tự cao hơn, Ursula nghĩ.



"Nó thực sự giống một cuộc trình diễn." Bà Woolf nói.

"Giống thật, phải không?" Ông Simms hồ hởi nói. Ursula cho rằng họ đều nhận thức được sự kỳ quặc của việc ngưỡng mộ "cuộc trình diễn" này bởi vì họ vốn tường tận đến đau lòng về tác hại của nó trên mặt đất.

"Như thể các vị thần đang tổ chức một bữa tiệc cực kì ồn ào." Ông Simms nói.

"Một bữa tiệc mà tôi chẳng muốn được mời đến dự." Bà Woolf nói.

Một tiếng rít đáng sợ quen thuộc vang lên khiến tất cả bọn họ thụp xuống tìm chỗ nấp, nhưng những quả bom phát nổ cách họ một quãng xa. Mặc dù họ nghe thấy những tiếng nổ *bùm bùm bùm bùm* nhưng họ không thể nhìn thấy thứ gì đã bị ném trúng. Ursula cảm thấy kỳ quặc khi nghĩ rằng trên đầu họ là những chiếc máy bay ném bom của Đức và chúng được lái bởi những người đàn ông về cơ bản giống như Teddy. Họ không phải những kẻ độc ác, họ chỉ đang làm những gì mà đất nước họ yêu cầu. Chính chiến tranh mới độc ác chứ không phải con người. Mặc dù cô sẽ trừ ra một ngoại lệ, là Hitler. "Ồ, vâng." Bà Woolf nói. "Tôi nghĩ người đàn ông đó vô cùng, vô cùng điên rồ."

Vào lúc đó, trước sự ngạc nhiên của họ, một quả bom lửa lao thẳng xuống nóc nhà của bộ. Những quả bom lửa nứt vỡ và tóe lửa, rồi hai người lính cứu hỏa lập tức cầm theo cái bình cứu hỏa xách tay chạy về phía chúng. Bà Woolf chộp lấy một xô cát và chạy tới đó trước họ. (Ông Bullock nhận xét bà Woolf là "một chú chim già nhanh nhẹn".)



"Nếu đây là đêm cuối cùng của thế giới thì sao*?" Một giọng nói quen thuộc cất lên.

"A, ông Durkin, ông đã lên được đến đây với chúng tôi rồi." Ông Simms niềm nở nói. "Ông không gặp rắc rối gì với người canh cửa đấy chứ?"

"Không, không, anh ta biết tôi là người được mong đợi." Ông Durkin nói, như thể ông ta nghĩ mình là người quan trọng.

"Ở trạm gác còn ai không nhỉ?" Bà Woolf lẩm bẩm một mình.

Ursula đột nhiên cảm thấy mình buộc phải sửa lại lời trích dẫn của ông Durkin. "*Nếu hiện tại là đêm cuối cùng của thế giới thì sao?*" Cô nói. "Từ 'hiện tại' tạo nên sự khác biệt hoàn toàn, ông không nghĩ vậy ư? Nó khiến cho ta có cảm giác nhân vật chính đang ở giữa tình huống đó, như chúng ta bây giờ, chứ không phải chỉ đang suy tưởng suông. Đây, sự kết thúc đang diễn ra ngay bây giờ đây, không còn lâu la gì."

"Chúa ơi, chỉ là một từ nhỏ nhặt thôi mà quan trọng hóa quá." Ông Durkin nói, có vẻ cáu kỉnh. "Tuy vậy, tôi thừa nhận là mình đã sai." Ursula nghĩ rằng một từ cũng có thể có ý nghĩa lớn lao. Nếu có nhà thơ nào cần trọng với ngôn từ thì đó chính là Donne. Donne từng là tu viện trưởng của thánh đường St Paul's, sau khi ông mất, thi hài ông được dời xuống một vị trí góm ghềnh dưới tầng hầm của thánh đường. Thi hài ông đã thoát được cuộc Đại hỏa hoạn ở London, liệu ông có vượt qua được tai họa lần này nữa không? Mộ của Wellington quá nặng nề nên không thể di chuyển được mà chỉ đơn giản được xây gạch bít đi. Ralph từng dẫn cô đi một vòng - anh vốn canh đêm ở đó. Anh biết mọi thứ cần biết về thánh đường ấy. Anh không phải là người bài trừ thánh tượng như Pamela đã đoán bừa.

Khi họ ra khỏi đó và bước dưới buổi chiều rực rỡ, anh nói: "Chúng ta đi uống một tách trà ở đâu đó nhé?" Ursula đáp: "Không, hãy tới nhà anh ở Holborn và lên giường cùng nhau." Họ đã làm thế và cô cảm thấy mình thật đồi bại, vì cô không thể ngừng nghĩ về Crichton trong lúc Ralph đang nhả nhận hòa hợp cơ thể mình với cơ

thể cô. Sau đó, anh có vẻ lúng túng như thể không còn biết phải đối xử với cô như thế nào khi ở bên cô. Cô nói: "Em vẫn giống như trước khi chúng ta làm chuyện này." Rồi anh nói: "Anh không chắc là anh vẫn như vậy." Và cô nghĩ, ôi Chúa ơi, anh ấy là trai tân, nhưng anh cười nói, không, không, không phải thế - anh không phải là trai tân - chỉ là anh rất yêu cô "và bây giờ anh cảm thấy, anh cũng không biết nói thế nào nữa... thăng hoa".

"Thăng hoa?" Millie nói. "Thật là sến sẩm. Anh ta đã đặt cậu lên một cái bệ mà tôn thờ, cầu Chúa phù hộ cho anh ta khi anh ta phát hiện ra rằng cậu có đôi bàn chân đất sét*."

"Cảm ơn."

"Đó là một phép hỗn dụ hay một sự ví von tài tình?" Millie đương nhiên đã luôn...

"Cô Todd?"

"Xin lỗi. Tôi đang mãi nghĩ đến chuyện khác."

"Chúng ta nên trở lại khu vực của mình." Bà Woolf nói. "Thật kỳ lạ, nhưng tôi cảm thấy ở trên này khá an toàn."

"Tôi chắc chắn là không an toàn chút nào." Ursula nói. Cô đã đúng, vài ngày sau, tòa nhà Shell-Mex đã bị trúng bom và tổn hại nặng nề.



Cô đang canh phòng với bà Woolf trong căn hộ của bà. Họ ngồi bên ô cửa sổ to lớn trong góc phòng, uống trà, ăn bánh quy và nếu không có tiếng súng rền đều đặn của hàng rào phòng ngự, họ sẽ giống như bất cứ hai người phụ nữ nào đang trò chuyện tâm tình vào buổi tối. Ursula được biết tên của bà Woolf là Dorcas (bà chẳng bao giờ thích cái tên ấy) và vị hôn phu của bà (Richard) đã chết trong cuộc Đại chiến. "Tôi vẫn gọi cuộc chiến ấy bằng cái tên đó." Bà nói. "Mặc dù cuộc chiến này còn lớn hơn. Ít nhất là lần này lẽ

phải đứng về phía chúng ta, tôi hy vọng như vậy." Bà Woolf tin vào sự chính nghĩa của cuộc chiến này nhưng niềm tin giống như niềm tin tôn giáo ấy đã bắt đầu "vỡ vụn" từ lúc những cuộc ném bom bắt đầu. "Chúng ta phải bám víu vào những gì đúng đắn. Nhưng nó có vẻ rất tùy tiện. Người ta cứ thắc mắc về cái kế hoạch thần thánh và những thứ tương tự."

"Nó giống một sự chém giết hỗn loạn hơn là một kế hoạch." Ursula đồng ý.

"Và những người Đức tội nghiệp, tôi nghĩ nhiều người trong số họ cũng không ủng hộ cuộc chiến này - đương nhiên người ta không được nói như thế trong tầm nghe của những nhân vật như ông Bullock. Nhưng nếu chúng ta thua trong cuộc Đại chiến và bị gánh một món nợ lớn ngay khi nền kinh tế của thế giới sụp đổ, vậy thì có lẽ chúng ta cũng sẽ giống như một hộp mồi lửa chờ đợi cú chà của một viên đá lửa - một Mosley* hay một kẻ tồi tệ như thế. Cô uống thêm trà nữa chứ, bạn thân mến?"

"Tôi biết." Ursula nói. "Nhưng họ đang cố giết chúng ta, bà biết đấy." Và như để chứng minh cho sự thật này, họ nghe thấy tiếng *viuuuu* và *ùùùùù* báo hiệu một quả bom đang bay về phía họ. Họ liền ném mình ra đằng sau sofa với tốc độ đáng kinh ngạc. Hành động đó chưa chắc cứu được họ, nhưng mới hai đêm trước, họ đã kéo một người phụ nữ gần như không bị sây sát gì ra ngoài từ bên dưới một cái ghế dài bị lật ngược bên trong một ngôi nhà ít nhiều đã bị phá hủy.

Quả bom làm rung chuyển những bình đựng kem hình con bò bằng gốm Staffordshire trên chiếc tủ com một của bà Woolf, nhưng họ đều nhất trí rằng nó đã rơi xuống bên ngoài khu vực của họ. Đạo gần đây họ phán đoán vị trí bom rơi khá chính xác.

Tinh thần họ cũng cực kì sa sút khi ông Palmer, giám đốc ngân hàng, bị chết vì một quả bom nổ chậm phát nổ khi họ đang tham gia cứu hộ ở một địa điểm bị trúng bom. Sức ép của quả bom đã thổi

ông bay đi một đoạn khá xa, rồi họ tìm thấy ông bị chôn vùi một nửa dưới một cái khung giường bằng sắt. Ông đã mất đi cặp kính nhưng trông ông không có vẻ gì bị tổn hại. "Cô có thấy mạch đập không?" Bà Woolf nói và Ursula thắc mắc tại sao bà lại hỏi vậy trong khi bà bắt mạch giỏi hơn cô, thế rồi cô nhận ra bà đang vô cùng rối bời. "Cảm giác thật khác biệt khi chuyện này xảy ra với người mà ta quen biết." Bà nói, nhẹ nhàng xoa trán ông Palmer. "Kính của ông ấy đâu rồi nhỉ? Khi không đeo kính, trông ông ấy không ổn lắm, đúng không?"

Ursula không thấy mạch đập. "Chúng ta khiêng ông ấy đi nhé?" Cô nói. Cô nắm lấy hai vai ông ta, còn bà Woolf cầm lấy hai cổ chân ông ta, thế rồi thi thể ông Palmer tách rời ra như một cây pháo giật Giáng sinh*.



"Để tôi rót thêm nước nóng vào trong bình." Bà Woolf đề nghị. Để làm bà vui lên, Ursula kể cho bà nghe những câu chuyện về Jimmy và Teddy hồi họ còn nhỏ. Cô chẳng buồn kể về Maurice. Bà Woolf rất thích trẻ con, nỗi tiếc nuối duy nhất trong đời bà là không có đứa con nào. "Nếu Richard còn sống, có lẽ...nhưng người ta không thể nhìn lại đằng sau, chỉ có thể nhìn về phía trước thôi. Thứ gì đã trôi qua sẽ không bao giờ quay trở lại. Heraclitus* đã nói gì nhỉ? Không ai có thể tắm hai lần trên cùng một dòng sông?"

"Đại loại vậy. Tôi cho rằng cách diễn đạt chính xác hơn phải là "Ta có thể tắm trên cùng một dòng sông nhiều lần nhưng nước sông sẽ không bao giờ như cũ"."

"Cô quả là một người phụ nữ trẻ lạc quan." Bà Woolf nói. "Đừng lãng phí cuộc đời của mình nhé! Nếu cô còn giữ được nó."

Vài tuần trước, Ursula đã gặp Jimmy. Cậu được nghỉ phép hai ngày ở London và đã ngủ trên sofa nhà cô và Millie ở Kensington. "Em út của cậu lớn lên đẹp trai quá!" Millie nói. Millie có chiều

hướng nghĩ rằng tất cả đàn ông đều đẹp trai, bằng cách này hay cách khác. Cô rủ cậu đi chơi quanh thành phố cả đêm và Jimmy đồng ý ngay tấp lự. Cậu nói cậu đã bị nhốt đủ lâu, "đến lúc vui về một chút rồi." Jimmy vốn luôn giỏi việc bày trò vui. Chuyến dạo chơi của họ chưa thể bắt đầu vì có một quả bom chưa phát nổ trên phố Strand nên họ phải ghé vào khách sạn Charing Cross để ẩn náu.

"Cái gì vậy?" Millie hỏi Ursula khi họ đã ngồi xuống.

"Cái gì là cái gì?"

"Về mặt cậu trông ngộ lắm, cậu thường mang về mặt ấy khi đang cố nhớ điều gì đó."

"Hoặc quên điều gì đó." Jimmy tiếp lời.

"Mình chẳng nghĩ gì cả." Ursula nói. Cũng chẳng có gì, chỉ là chút xao động và cố nhớ lại một ký ức. Một thứ ngớ ngẩn - luôn là vậy - một con cá trích muối hun khói trên kệ của một cái chạn, một căn phòng với tấm vải sơn lót nhà màu xanh lá cây, một cái vòng kiểu cũ lạng lẽ lẩn đi. Những khoảnh khắc hư ảo, không thể nắm giữ.

Ursula đi vào nhà vệ sinh và thấy một cô gái đang khóc nức nở với khuôn mặt nhoe nhoét. Cô ta trang điểm rất đậm và lớp mascara của cô ta đang chảy thành dòng xuống má. Ursula đã để ý đến cô ta từ lúc nãy, khi cô ta ngồi uống rượu cùng một lão già mà Millie nhận xét là "khá gian xảo". Cô gái trông trẻ hơn nhiều khi nhìn gần. Ursula giúp cô ta lau nước mắt và trang điểm lại nhưng không thích tọc mạch nguyên nhân khiến cô ta khóc lóc như vậy. "Đó là Nicky." Cô gái tự nguyện kể. "Hắn là một kẻ tồi tệ. Chàng trai trẻ của chị trông thật đáng yêu, chị có thích một cuộc vui bốn người không? Tôi có thể đưa chúng ta vào quán bar Rivoli trong khách sạn Ritz, tôi biết một người gác cửa ở đó."

"Chà!" Ursula nghi ngại nói. "Chàng trai trẻ ấy thực ra là em trai tôi, và tôi không nghĩ rằng..."

Cô gái thúc một cú khá mạnh vào mạng sườn cô và cười to. "Chỉ đùa thôi. Hai chị đang tận dụng cậu ta hả?" Cô ta mời Ursula một điều thuốc lá nhưng cô từ chối. Cô ta có hộp thuốc lá bằng vàng trông có vẻ giá trị. "Một món quà." Cô ta nói khi bắt gặp Ursula nhìn nó. Cô ta đóng nó lại và giơ nó lên ngắm nghía. Ở mặt trước của nó khắc hình một con tàu chiến tinh xảo với duy nhất một từ "Jutland" ở bên dưới. Nếu cô ta mở cái hộp ra lần nữa, cô biết mình sẽ nhìn thấy chữ "A" và chữ "C" lồng vào nhau bên trong nắp hộp, viết tắt của "Alexander" và "Crichton". Theo bản năng, Ursula giơ tay về phía cái hộp nhưng cô gái giật nó lại và nói: "Dù sao đi nữa cũng phải quay trở lại thôi. Bây giờ tôi ổn cả rồi. Chị có vẻ là một người tốt." Cô ta nói thêm, như thể có ai đã hỏi về tính cách của Ursula. Cô ta chìa tay ra. "Tên tôi là Renee, phòng trường hợp chúng ta tình cờ chạm trán nhau lần nữa, mặc dù tôi không nghĩ chúng ta sống cùng một *endroit*, như người ta thường nói." Phát âm tiếng Pháp của cô ta rất chuẩn xác. Quái lạ thật, Ursula nghĩ. Cô cầm lấy bàn tay đang chìa ra - nó rắn chắc và nóng ấm như thể cô ta đang bị sốt vậy - và nói: "Rất hân hạnh được gặp cô, tôi là Ursula."

Cô gái - Renee - nhìn mình lần cuối cùng trong gương vẻ hài lòng và nói "*Au revoir**, " rồi rời đi.

Khi Ursula trở lại tiệm cà phê, Renee hoàn toàn lờ cô đi. "Quả là một cô gái kỳ lạ." Cô nói với Millie.

"Cô ta cứ nhìn em cả tối." Jimmy nói.

"Chà, cô ta đang lột vỏ nhằm đường, đúng không cưng?" Millie nói, nháy mắt với cậu một cách khoa trương quá lố.

"Cây chứ." Ursula nói. "Lột vỏ nhằm cây*"



Bộ ba vui vẻ đi uống rượu ở tất cả những nơi lạ lẫm mà Jimmy có vẻ biết rõ. Ngay cả Millie, người thường xuyên lui tới các câu lạc

bộ đêm, cũng bày tỏ sự ngạc nhiên trước vài địa điểm mà họ không ngờ mình lại có thể ở đó.

"Chúa ơi!" Millie nói khi họ rời một câu lạc bộ ở phố Orange, lao đảo về nhà. "Thật là khác lạ."

"Một *endroit* lạ lùng." Ursula cười. Cô đang ngà ngà say. Cô đã quen nghe Izzie nói từ *endroit* ấy nên cảm thấy kỳ lạ khi nghe nó thốt ra từ miệng của cô gái Renee.

"Hãy hứa với chị là em sẽ không chết." Ursula nói với Jimmy khi họ mò mẫm về nhà.

"Em sẽ cố hết sức." Jimmy nói.

THÁNG 10 NĂM 1940

"Loài người do người nữ sinh ra, nhưng sống chẳng bao lâu và đầy nỗi thống khổ. Người sinh trưởng như một bông hoa rồi bị ngắt đi; người lướt nhanh như một cái bóng và chẳng ở dài lâu."*

Mưa phùn rơi lất phất. Ursula muốn lấy khăn tay ra để lau nắp quan tài ẩm ướt. Ở phía bên kia cái huyết mộ toang hoác, Pamela và Bridget đang dìu đỡ Sylvie, bà có vẻ đau khổ đến mức không thể đứng vững. Ursula cảm thấy tim mình rần đánh và co rút lại theo từng tiếng nức nở phát ra từ lồng ngực mẹ cô. Sylvie đã ác nghiệt với Hugh một cách vô lối trong mấy tháng qua và bây giờ nỗi đau đón khôn cùng này dường như chỉ là diễn trò. "Em quá khắt khe." Pamela nói. "Chẳng ai có thể hiểu được những gì diễn ra trong một cuộc hôn nhân, không cặp vợ chồng nào giống cặp vợ chồng nào."

Jimmy đã lên tàu đi Bắc Phi vào tuần trước và không thể xin nghỉ phép, nhưng Teddy đã xuất hiện vào phút chót. Trong bộ quân phục oai phong, anh đã trở về từ Canada với "đôi cánh" của mình ("Giống như một thiên thần." Bridget nói) và đóng quân ở Lincolnshire. Anh và Nancy ôm chặt nhau ở lễ mai táng. Nancy chỉ nói mập mờ về nghề nghiệp của mình ("Chỉ là nhân viên văn phòng ấy mà") và Ursula nghĩ cô nhận ra cô ấy né tránh nhắc đến nghề nghiệp vì đã ký Cam kết Bảo mật.

Nhà thờ đông nghịt, hầu như cả làng đều đến tiễn đưa Hugh nhưng đám tang vẫn có điểm gì đó kỳ quặc, như thể vị khách danh dự không thể đến được. Đương nhiên, đúng là không có vị khách mời danh dự nào. Hugh sẽ không muốn ồn ào. Ông từng nói với cô: "Ồ, con có thể ném bố vào thùng rác cũng được, bố sẽ chẳng bận tâm đâu."

Tang lễ diễn ra như bình thường - những tưởng niệm và những lời nói sáo rỗng - cộng thêm một lượng lớn giáo điều của Anh giáo, tuy nhiên Ursula ngạc nhiên khi thấy mục sư có vẻ hiểu về Hugh rất tường tận. Thiếu tá Shawcross đọc *Tám mối phúc thật** một cách khá xúc động, và Nancy đọc "một trong những bài thơ mà bác Todd yêu thích nhất" khiến tất cả các thành viên nữ trong gia đình ông đều ngạc nhiên, vì họ không biết rằng Hugh cũng thích thơ. Nancy có giọng đọc rất hay (thậm chí còn hay hơn cả giọng của Millie vì giọng Millie quá kịch). "Robert Louis Stevenson*." Nancy nói. "Có lẽ phù hợp với những thời điểm khó khăn như thế này."

"Hỡi những ai lòng nổi bão dông; hay đang chịu giày vò bởi muộn phiền, đớn đau, tội lỗi,

Hãy đến với ta, nào tất cả các người; hãy đến với ta, ta sẽ giúp các người ngơi nghỉ.

Sẽ chẳng còn sợ hãi, hỡi những trái tim nghi ngại; sẽ chẳng còn khóc than, hỡi những con mắt hoen sầu!

Kìa, các người nghe chẳng tiếng nói của người cứu rỗi; kìa, khúc ca du dương của buổi sáng bình yên đang ở rất gần.

Hỡi những ai vất vả sớm hôm lao động và chiến đấu, mắc tội và khổ đau, đổ máu và lìa đời;

Chẳng mấy chốc các người sẽ được trút bỏ mọi gánh nặng trong tòa dinh thự tĩnh lặng của cha ta.

Chờ một chút thôi, hỡi cõi lòng nặng trĩu, bàn tay mỏi mệt và con mắt rưng rưng lệ.

Kìa, các người nghe chẳng tiếng bước chân của người giải thoát; kìa, giờ khắc tự do đã đến đây rồi."

("Toàn là những lời nhảm nhí." Pamela thì thầm. "Nhưng là những lời nhảm nhí khiến người ta yên lòng đến lạ.")



Ở bên cạnh huyết mộ, Izzie lẩm bẩm: "Cô có cảm giác như một điều đáng sợ sắp xảy ra, thế rồi cô nhận ra nó đã xảy ra rồi."

Izzie đã trở về từ California trước khi Hugh mất chỉ vài ngày. Thật đáng ngưỡng mộ khi bà đã bay trên một chuyến bay Pan Am* đầy mệt mỏi từ New York tới Lisbon, rồi từ đó lại bay tiếp với BOAC* để tới Bristol. "Cô đã nhìn thấy hai chiếc chiến đấu cơ của Đức từ cửa sổ máy bay." Bà nói. "Cô thề rằng cô đã nghĩ chúng sẽ tấn công máy bay của bọn cô."

Bà nói bà đã quyết định rằng với tư cách một phụ nữ Anh, sẽ thật sai trái nếu bà cứ ngồi giữa những lùm cây cam ở bên ngoài cuộc chiến. Bà nói cái trò hưởng lạc đó không dành cho bà (mặc dù Ursula sẽ nói bà chính là kiểu người như thế). Bà đã hy vọng được mời viết kịch bản phim cho nền công nghiệp điện ảnh, giống như người chồng là nhà soạn kịch nổi tiếng của bà, nhưng bà chỉ nhận được duy nhất một lời mời, một bộ phim truyền hình cổ trang "ngớ ngẩn" bị khai tử trước cả khi nó rời khỏi trang giấy. Ursula có ấn tượng rằng kịch bản của Izzie không đạt chất lượng ("quá dí dỏm"). Tuy nhiên, bà đã tiếp tục viết các câu chuyện về Augustus - *Augustus ra trận, Augustus và chuyến săn lùng đồ phế thải*, vân vân... Izzie nói mọi chuyện càng tồi tệ hơn khi nhà soạn kịch nổi tiếng kia luôn được vây quanh bởi những tiểu minh tinh Hollywood và ông ta nông cạn đến nỗi bị họ mê hoặc.

"Thực ra, bọn cô đã bắt đầu chán nhau." Bà nói. "Rốt cuộc cặp đôi nào cũng thế cả thôi, đó là điều không thể tránh khỏi."

Izzie là người đã phát hiện ra Hugh qua đời. "Anh ấy đang nằm trên cái ghế sưởi nắng ngoài bãi cỏ." Chiếc ghế liễu gai đã bị mục nát từ lâu và bị thay thế bởi chiếc ghế sưởi nắng tầm thường hơn. Hugh đã rất bức tức bởi sự xuất hiện của cái ghế làm bằng gỗ gấp và vải bạt này. Ông chắc sẽ thích được an nghỉ trên chiếc ghế dài

bằng gỗ liễu gai hơn. Trong đầu Ursula đầy những ý nghĩ vẫn vơ như vậy. Nghĩ về chúng sẽ dễ dàng hơn là nghĩ về cái sự thật trần trụi là Hugh đã chết.

"Mẹ cứ tưởng ông ấy đang ngủ ngoài đó." Sylvie nói. "Vì vậy mẹ không quấy rầy ông ấy. Bác sĩ nói ông ấy bị lên cơn đau tim."

"Trông anh ấy thật thanh thản." Izzie nói với Ursula. "Như thể anh ấy không bận lòng với việc ra đi."

Ursula cảm thấy có lẽ ông rất bận lòng, nhưng nói ra điều đó sẽ chỉ càng khiến cho cả hai người họ thêm đau đớn.

Cô chẳng trò chuyện mấy với mẹ mình. Sylvie luôn nhấp nhồm như thể định rời khỏi phòng. "Mẹ không thể ngồi yên." Bà nói. Bà đang mặc một cái áo khoác len cũ của Hugh. "Mẹ lạnh." Bà nói "Mẹ rất lạnh", giống như một người đang bị sốc. Nếu là bà Woolf thì bà sẽ biết phải làm gì với Sylvie. Có lẽ là một tách trà ngọt nóng hổi và vài lời an ủi tử tế, nhưng cả Ursula lẫn Izzie đều không muốn mang đến cho Sylvie. Ursula cảm nhận được rằng họ đang muốn trả đũa, nhưng họ cũng cần phải xoa dịu nỗi đau của chính mình.

"Cô sẽ ở lại với bà ấy một thời gian." Izzie nói. Ursula nghĩ đây là một ý định khủng khiếp và tự hỏi liệu rằng Izzie ở lại có phải chỉ vì muốn tránh bom hay không.

"Vậy thì bà nên tự kiếm cho mình một cuốn sổ tem phiếu." Bridget nói. "Bà sẽ ăn hết cả nhà cả cửa của chúng tôi mất." Cái chết của Hugh ảnh hưởng rất lớn đến Bridget. Ursula đã bắt gặp cô khóc trong phòng để đồ ăn và nói "Em rất tiếc", như thể nỗi mất mát này là của Bridget chứ không phải của cô. Bridget lấy tạp dề lau mạnh nước mắt và nói: "Tôi phải đi chuẩn bị bữa trà đấy."

Ursula chỉ ở lại thêm hai ngày và dành phần lớn thời gian để giúp Bridget dọn dẹp đồ đạc của Hugh. ("Mẹ không thể làm được." Sylvie nói. "Mẹ chỉ đơn giản là không thể." "Cô cũng vậy." Izzie nói. "Vậy thì chỉ có cô và tôi thôi." Bridget nói với Ursula.) Quần áo của Hugh vẫn

còn sờ sờ trước mắt khiến Ursula cảm thấy kỳ quặc khi người đàn ông từng mặc chúng đã biến mất. Ursula lấy ra một bộ com lê từ tủ quần áo và ướm vào người mình. Nếu Bridget không lấy lại nó từ tay cô và nói "Bộ com lê này còn tốt, ai đó sẽ rất biết ơn khi có được nó", có thể cô đã bỏ vào trong tủ quần áo và từ bỏ cuộc đời. Những cảm xúc của Bridget giờ đã bị khóa chặt lại, ơn Chúa. Cần phải kiên cường khi đối mặt với bi kịch. Chắc chắn cha cô sẽ tán thành điều đó.

Họ gói ghém quần áo của Hugh trong lớp giấy nâu và buộc dây ở bên ngoài rồi đưa cho người giao sữa, ông ta khuân chúng lên chiếc xe bò và mang đến trụ sở của Lực lượng Phụ nữ Tình nguyện WVS.

Nỗi đau khiến Izzie trở nên cởi mở. Bà theo chân Ursula đi vòng quanh nhà, cố gắng đem Hugh trở lại từ những kỷ niệm. Ursula cho rằng tất cả bọn họ đều đang làm điều đó, thật khó để chấp nhận rằng ông đã ra đi mãi mãi, vì vậy họ đều bắt đầu cố gắng khơi gợi lên hình ảnh của ông, nhất là Izzie. "Cô không thể nhớ nổi điều cuối cùng anh ấy nói với cô." Izzie nói. "Hoặc những gì cô nói với anh ấy."

"Điều đó cũng chẳng có ý nghĩa gì cả." Ursula mệt mỏi nói. Rốt cuộc thì nỗi mất mát của ai sẽ lớn hơn, con gái hay em gái? Thế rồi cô nghĩ đến Teddy.

Ursula cố gắng nhớ lại những lời cuối cùng mà cô nói với cha mình. Một lời "Hẹn gặp lại bố" thờ ơ, cô kết luận. Sự trớ trêu cuối cùng. "Chúng ta không bao giờ biết khi nào là lần cuối cùng." Cô nói với Izzie một câu mà đến chính cô cũng thấy vô vị. Cô đã chứng kiến quá nhiều nỗi đau của người khác nên đến giờ cô đã chai lì với nó. Ngoại trừ khoảnh khắc cô giơ bộ com lê của cha mình lên (cô thậm chí gọi nó - một cách ngớ ngẩn - là "khoảnh khắc tủ quần áo"), cô đã cất cái chết của Hugh vào một nơi kín đáo để lôi ra nghiền ngẫm lại sau. Có lẽ là khi tất cả những người khác không còn nói về ông nữa.

"Và vấn đề là..." Izzie nói...

"Cháu xin cô." Ursula nói. "Cháu đau đầu quá!"



Ursula đang nhặt trứng từ những cái lồng ấp thì Izzie thơ thẩn đi vào chuồng gà. Lũ gà "cục cục" không ngừng nghỉ, chúng có vẻ nhớ sự chăm sóc của Sylvie, Gà Mẹ. "Vấn đề là..." Izzie nói. "Có một điều mà cô muốn nói với cháu."

"Dạ?" Ursula nói, bị phân tâm bởi một con gà mái đặc biệt đang đòi ấp trứng.

"Cô có một đứa con."

"Gì cơ ạ?"

"Cô là một bà mẹ." Izzie nói, có vẻ không kìm được chút kịch tính trong giọng nói.

"Cô có một đứa con ở California à?"

"Không, không." Izzie cười. "Nhiều năm trước. Khi ấy cô cũng chỉ là một đứa trẻ. Mười sáu tuổi. Cô đã sinh thằng bé ở Đức, cô đã bị tổng ra nước ngoài trong nỗi nhục nhã, chắc cháu cũng có thể hình dung ra. Một đứa con trai."

"Nước Đức ạ? Và cậu ấy đã được người khác xin làm con nuôi?"

"Ừ. Chà, được cho đi thì đúng hơn. Hugh đã lo liệu toàn bộ mọi chuyện, vì vậy cô chắc chắn anh ấy đã tìm được một gia đình rất tử tế. Nhưng anh ấy cũng đã biến thằng bé thành con tin của vận mệnh, đúng không? Hugh tội nghiệp, anh ấy đã xoay xở rất giỏi, mẹ cô sẽ chẳng nhúng tay vào. Nhưng đó chính là vấn đề, hẳn rằng anh ấy biết tên và nơi họ sống, đại loại vậy." Lũ gà bắt đầu kêu quang quác và Ursula nói: "Cô cháu mình ra khỏi đây thôi."

"Cô đã luôn nghĩ rằng..." Izzie nói, cầm lấy cánh tay Ursula và dẫn cô đi tới bãi cỏ. "Một ngày nào đó, cô sẽ nói chuyện với Hugh về những gì anh ấy đã làm với đứa bé, rồi sau đó, có lẽ cô sẽ cố gắng đi tìm nó. Con trai của cô." Bà nói thêm, cố gắng thoát ra từ đó như thể đây là lần đầu tiên bà làm vậy. Những giọt nước mắt bắt đầu lăn xuống mặt bà. Lần đầu tiên, những cảm xúc của bà có vẻ xuất phát từ trái tim. "Nhưng bây giờ Hugh đã ra đi và cô sẽ không bao giờ tìm được thằng bé. Đương nhiên, nó không còn bé nữa, nó bằng tuổi cháu."

"Cháu ư?" Ursula nói, cố gắng hiểu ra vấn đề.

"Ừ. Nhưng nó là *kẻ thù*. Nó có thể đang ở trên bầu trời kia" - Họ đều tự động ngược nhìn lên bầu trời mùa thu xanh biếc, chẳng có bóng dáng của quân ta hay quân địch - "hoặc đang chiến đấu trong các đội quân. Nó có thể đã chết hoặc sẽ chết nếu cuộc chiến quái quỷ này vẫn tiếp diễn." Izzie giờ đang nức nở không giấu giếm. "Nó cũng có thể được nuôi dạy như một người Do Thái, Chúa ơi. Hugh không phải là người bài Do Thái, ngược lại là khác, anh ấy là bạn bè thân thiết với - người hàng xóm của cháu tên là gì nhỉ?"

"Ông Cole."

"Cháu biết chuyện gì xảy ra với những người Do Thái ở Đức, đúng không?"

"Ôi, Chúa ơi!" Sylvie đột nhiên xuất hiện như một bà tiên ác và thốt lên. "Hai cô cháu đang bù lu bù loa cái gì thế?"

"Cô nên trở về London cùng cháu." Ursula nói với Izzie. Thà đối mặt với những quả bom của Không quân Đức còn dễ dàng hơn là đối phó với Sylvie.

THÁNG 11 NĂM 1940

Bà Woolf chiêu đãi họ một bản độc tấu piano ngắn. "Một bản nhạc của Beethoven." Bà nói. "Tôi không phải là Myra Hess, nhưng tôi nghĩ nó cũng dễ nghe." Cả hai vế bà nói đều đúng. Ông Armitage, ca sĩ opera, đã hỏi bà Woolf liệu bà có thể đệm đàn cho ông nếu ông hát bản *Non più andrai* trong vở *Đám cưới của Figaro* không và bà Woolf nói rằng chắc chắn bà sẽ thử. Tối nay bà cực kì táo bạo. Đó là một màn biểu diễn sôi nổi ("*Hùng hồn không ngờ.*" Bà Woolf nhận xét) và không ai phản đối khi ông Bullock (chẳng có gì ngạc nhiên) và ông Simms (quả là một điều đáng kinh ngạc) hòa theo với một phiên bản khá hài hước.

"Tôi biết khúc nhạc này!" Stella nói và hăng hái hát theo nhưng chỉ đúng về giai điệu chứ không thuộc lời. "Dum di dum, dum di dum, dum di dum dum" và cứ như vậy.

Trạm của họ mới thêm hai thành viên. Người thứ nhất là ông Emslie, một người bán tạp phẩm trước kia công tác ở một trạm khác. Ông đã mất hết nhà cửa và cửa hàng do bị trúng bom và phải chuyển sang khu vực này. Giống như ông Simms và ông Palmer, ông cũng là một cựu chiến binh của cuộc chiến lần trước. Người mới thứ hai có lai lịch phức tạp hơn. Stella là một trong "những cô vũ nữ" của ông Bullock và (thoải mái) thú nhận rằng cô là một "nghệ sĩ thoát y vũ" nhưng ông Armitage - ca sĩ opera nói: "Tất cả chúng ta ở đây đều là nghệ sĩ, cưng ạ."

"Gã pê đê quái quỷ." Ông Bullock lẩm bẩm. "Cho gã đi lính là sẽ giải quyết được vấn đề."

"Tôi không nghĩ vậy." Bà Woolf nói. (Và điều này đã dẫn đến câu hỏi tại sao ông Bullock khỏe mạnh, vạm vỡ lại không được gọi nhập

ngũ.) "VẬY là..." Ông Bullock kết luận. "... Chúng ta có một người Do Thái, một bông hoa păng sê* và một cái bánh tạc*, nghe cứ như một câu chuyện mua vui dơ bẩn trên sân khấu tạp kỹ ấy nhỉ?"

"Chính sự thiếu độ lượng đã đẩy chúng ta đến bước đường này, ông Bullock." Bà Woolf khế trách ông ta. Họ - ngay cả bà Woolf - đều dễ cáu kỉnh từ sau cái chết của ông Palmer. Họ nên để dành những nỗi phần uất của mình cho thời bình, Ursula nghĩ. Đương nhiên, nguyên nhân không chỉ vì cái chết của ông Palmer mà còn do sự thiếu ngủ và những cuộc không kích vẫn diễn ra hằng đêm không ngừng nghỉ. Quân đội Đức có thể duy trì những cuộc không kích ấy bao lâu nữa? Mãi mãi chăng?

"Và, ồ, tôi cũng không biết nữa." Bà Woolf khế nói với cô khi bà pha trà. "Chỉ là cảm giác *dơ bẩn* mơ hồ, như thể người ta sẽ không bao giờ sạch sẽ được nữa, như thể London tội nghiệp sẽ không bao giờ sạch sẽ được nữa. Tất cả mọi thứ đều *tội tàn* khủng khiếp, cô biết đấy!"

Do đó, quả là nhẹ nhõm khi buổi hòa nhạc ngẫu hứng nho nhỏ của họ lại vui vẻ như vậy, dường như ai nấy đều có tâm trạng tốt hơn.

Sau bài hát trong vở *Figaro*, ông Armitage tiếp tục bằng ca khúc *O mio babbino caro* sôi nổi mà không cần nhạc đệm ("Ông ấy thật tài ba." Bà Woolf nói. "Tôi đã luôn nghĩ đó là bản aria dành cho nữ.") khiến tất cả mọi người đều vỗ tay nhiệt liệt. Kế đó, Herr Zimmerman, người tị nạn của họ, nói rằng ông rất hân hạnh được biểu diễn một tiết mục nào đó cho bọn họ xem.

"Còn cưng sẽ thoát y chứ?" Ông Bullock hỏi Stella và cô trả lời "Nếu ông muốn" và nháy mắt về đồng lõa với Ursula. ("Tôi toàn bị mắc kẹt với cả đồng phụ nữ Bolshevik." Ông Bullock phàn nàn. Thường xuyên.)

Bà Woolf lo lắng nói với Herr Zimmerman: "Ông mang cây đàn violon của ông đến đây à? Ở đây nó có được an toàn không?" Trước kia ông ta không bao giờ mang nhạc cụ của mình tới trạm. Bà Woolf nói cây đàn ấy rất có giá trị, không chỉ về vấn đề tiền bạc, bởi vì ông ta đã bỏ lại cả gia đình ở Đức, và tất cả những gì mà ông ta còn giữ được từ cuộc sống trước đây là cây đàn violon này. Bà Woolf nói rằng bà từng có một "cuộc tán gẫu" "đầy đau lòng" vào buổi tối muộn với Herr Zimmerman về tình hình ở nước Đức. "Mọi chuyện ở đó thật tồi tệ, cô biết đấy."

"Tôi biết." Ursula nói.

"Cô biết ư?" Bà Woolf nói, trở nên hứng thú. "Cô có bạn ở đó à?"

"Không." Ursula nói. "Chẳng có ai cả. Thi thoảng người ta chỉ đơn giản là biết thôi, không phải sao?"

Herr Zimmerman lấy ra cây đàn violon và nói: "Quý vị phải thứ lỗi cho tôi, tôi không phải người chơi độc tấu." Rồi ông ta tuyên bố, gần như áy náy: "Bach. Bản xô nát cung Sol thứ."

"Thật là buồn cười, đúng không..." Bà Woolf thì thầm vào tai Ursula. "Khi mà chúng ta nghe quá nhiều âm nhạc của Đức. Vẻ đẹp vĩ đại vượt trội tất thảy. Có lẽ sau chiến tranh nó cũng sẽ chữa lành mọi vết thương. Hãy nghĩ đến Bản giao hưởng Số chín - *Alle Menschen werden Bruder*."

Ursula không đáp lời khi Herr Zimmerman giơ cao chiếc vĩ, tư thế sẵn sàng biểu diễn, xung quanh lặng ngắt như tờ, như thể họ đang ở trong một thính phòng chứ không phải một trạm gác xập xệ. Mọi người im lặng một phần là vì chất lượng của màn trình diễn ("Tuyệt vời!" Bà Woolf đánh giá ngay sau đó. "Thật sự rất hay!" Stella nói), và có lẽ một phần là vì sự tôn trọng đối với thân phận người tị nạn của Herr Zimmerman, nhưng tiếng nhạc như có ma lực khiến người ta đắm chìm trong suy tư. Ursula thấy mình nghĩ đến cái chết của Hugh, hay đúng hơn là sự vắng mặt của ông. Ông mới mất được hai

tuần và cô vẫn đang mong được nhìn thấy ông lần nữa. Cô đã cất giữ những ý nghĩ này để dành cho một thời điểm nào đó trong tương lai, và bây giờ, cái tương lai ấy đột nhiên bày ra trước mặt cô. Cô cảm thấy nhẹ nhõm vì đã không nhỏ những giọt nước mắt đáng xấu hổ, thay vào đó, cô bị nhấn chìm trong một nỗi u sầu khủng khiếp. Như thể cảm nhận được những cảm xúc của cô, bà Woolf vươn tay nắm chặt bàn tay cô. Ursula có thể cảm thấy bà Woolf cũng đang run rẩy vì xúc động.

Khi tiếng nhạc ngừng lại, mọi người vẫn hoàn toàn im lặng mất một lúc, như thể thế giới đã ngừng thở, rồi sau đó, thay vì những lời tán tụng và tiếng vỗ tay, sự yên tĩnh bị phá vỡ bởi lời cảnh báo - "Máy bay ném bom sẽ đến trong vòng hai mươi phút nữa". Thật kỳ quặc khi nghĩ rằng những lời cảnh báo ấy đến từ Phòng Chiến tranh Khu vực 5 của cô, do những cô gái ở Ban Điện báo gửi đến.

"Đi nào!" Ông Simms nói, đứng dậy và thở dài thườn thượt. "Ra ngoài đó thôi." Lúc họ ra ngoài, báo động đỏ đã được bật lên khắp nơi. Nếu họ may mắn, chỉ còn mười hai phút để lừa mọi người vào hầm trú ẩn, tiếng còi báo động hú dài inh ỏi sau lưng họ.

Ursula chưa bao giờ sử dụng hầm trú ẩn công cộng. Cảnh tượng những cơ thể san sát chen lấn nhau và nỗi sợ bị giam giữ trong không gian tù túng khiến da cô sồn gai ốc. Họ từng tham gia cứu hộ ở một hiện trường đặc biệt khủng khiếp trong khu vực của họ, đó là một căn hầm trú ẩn bị trúng mìn thả bằng dù. Ursula nghĩ rằng thà cô chết ở ngoài trời còn hơn là bị kẹt cứng trong đó như một con cáo trong hang.



Đó là một buổi tối đẹp trời. Vàng trắng lười liềm và những chòm sao đã xuyên thủng tấm màn đen kịt của trời đêm. Cô nghĩ về những lời tán tụng của Romeo dành cho Juliet - *Nàng rạng rỡ như ánh sao treo trên gò má của màn đêm/ Như viên ngọc quý đeo trên*

tai của một người con gái xứ Ethiopia. Ursula đang có thi hừng, vài người, trong đó có cả chính cô, sẽ nói như vậy, thi hừng ấy đang trào dâng quá mức, đó là hậu quả của tâm trạng đau buồn của cô. Không còn ông Durkin để trích dẫn sai nữa. Ông ta đã bị lên cơn đau tim trong một lần dọn dẹp hiện trường của một vụ ném bom. Bà Woolf nói ông ta đang hồi phục, "ơn Chúa". Bà đã dành thời gian để đến bệnh viện thăm ông ta, còn Ursula thì chưa, nhưng cô cũng không cảm thấy tội lỗi. Hugh đã chết, còn ông Durkin thì vẫn còn sống, trong tim cô chẳng còn mấy chỗ cho sự thương cảm. Ông Simms đã thay thế vị trí của ông Durkin, trở thành cấp phó của bà Woolf.

Những âm thanh đình tai nhức óc của chiến tranh đã bắt đầu. Tiếng ném bom bùm bùm, tiếng động cơ o o đều đều phía trên đầu khiến cô thấy buồn nôn. Tiếng súng bắn xối xả, ánh đèn rọi như những ngón tay chọc thẳng lên bầu trời, sự chờ đợi nỗi sợ hãi trong tâm lạnh - tất cả mau chóng phá hỏng mọi thi hừng.

Vào lúc họ đến địa điểm bị ném bom, tất cả mọi người đã ở đó: đội xử lý khí độc và nước ngập, biệt đội gỡ bom, đội cứu hộ hạng nặng, đội cứu hộ hạng nhẹ, đội khiêng cáng, xe chở xác (ban ngày là xe chở bánh). Mặt đường la liệt những ống vòi xếp chồng chéo lên nhau của một đơn vị cứu hỏa, vì ở một bên đường có một tòa nhà đang bốc cháy dữ dội, những tia lửa và những cục than nóng bỏng đang liên tục bắn ra ngoài. Ursula nghĩ cô nhìn thấy Fred Smith, gương mặt anh ta thoáng được rọi chiếu bởi những ánh lửa, nhưng cuối cùng cô kết luận rằng cô đã tưởng tượng ra điều đó.

Đội cứu hộ vẫn cẩn trọng như mọi khi trong việc sử dụng đèn pin và đèn bão dù lửa đang cháy ngùn ngụt sau lưng họ. Tuy nhiên, người nào người nấy đều ngậm một miếng thuốc trên khóm miệng, chẳng màng đến việc đội xử lý khí độc còn chưa dọn sạch khu vực này, chưa kể sự hiện diện của biệt đội gỡ bom cho thấy một quả bom có thể phát nổ vào bất cứ lúc nào. Mọi người chỉ chú tâm tiến hành công việc trước mắt (buộc phải làm), bàng quan trước thảm

họa tiềm tàng. Hoặc có lẽ vài người (và Ursula tự hỏi liệu giờ đây cô có gộp cả bản thân mình trong đó không) chỉ đơn giản là không còn bận tâm nữa.

Cô có một cảm giác bất an, có lẽ là một linh cảm xấu, rằng tối nay mọi chuyện sẽ không diễn ra tốt đẹp. "Do nhạc của Bach đấy." Bà Woolf trấn an. "Nó khuấy động tâm hồn người ta."

Dường như con phố này nằm ở ranh giới giữa hai khu vực. Người chỉ huy hiện trường đang cãi lộn với hai dân phòng về quyền phụ trách địa điểm này, vì cả hai người họ đều khẳng định đây là địa bàn của họ. Bà Woolf không tham gia vào cuộc tranh luận ấy, vì hóa ra nơi này hoàn toàn không phải là khu vực của họ, nhưng do đây rõ ràng là một địa điểm bị trúng bom nghiêm trọng nên bà tuyên bố rằng trạm của họ cần hỗ trợ và bắt tay vào việc, lơ đi những gì mà bất cứ ai nói với họ.

"Như những kẻ ngoài vòng pháp luật." Ông Bullock nói với vẻ tán thưởng.

"Không hẳn thế." Bà Woolf nói.

Nửa con phố không bị cháy thì bị trúng bom nghiêm trọng, và mùi chua lèm của bụi gạch cùng thuốc nổ lập tức luồn vào phổi họ. Ursula cố gắng nghĩ tới đồng cỏ phía cuối rừng cây ở Góc Cáo. Lạnh, phi yến, mỹ nhân thảo, cầm chướng đỏ và cúc mắt bò. Cô nghĩ về mùi cỏ mới cắt và mùi tươi mát của những cơn mưa mùa hè. Đây là một mẹo nghi binh mới để chống lại những thứ mùi gớm ghiếc của một vụ nổ. ("Nó có hiệu quả không?" Ông Emslie tò mò hỏi. "Không hoàn toàn." Ursula nói.) "Trước đây tôi thường nghĩ tới mùi nước hoa của mẹ tôi." Bà Woolf nói. "Violet tháng Tư. Nhưng thật không may, bây giờ khi tôi cố gắng nhớ về mẹ tôi, tất cả những gì tôi có thể nghĩ đến chỉ là những quả bom."

Ursula đưa cho ông Emslie một viên kẹo bạc hà. "Nó cũng có chút tác dụng." Cô nói.

Họ càng tới gần hiện trường, nó càng có vẻ tồi tệ hơn (Theo kinh nghiệm của Ursula, hiếm khi có trường hợp ngược lại).

Thứ đầu tiên chào đón họ là một hoạt cảnh rùng rợn - những thi thể biến dạng rải rác khắp xung quanh, nhiều thi thể không còn tay chân, giống như những ma nơ canh đơn giản của thợ may, quần áo của họ đã bị thổi bay mất. Ursula nhớ đến những con ma nơ canh mà cô và Ralph đã nhìn thấy trên phố Oxford sau khi cửa hàng John Lewis bị trúng bom. Một người khiêng cáng, vì chưa tìm thấy bất cứ người nào còn sống, đang đi nhặt nhanh những cái chân và tay nhô ra từ đồng đồ nát hỗn độn. Như thể anh ta định ráp lại thi thể của người chết vào một ngày nào đó sau này. Liệu có ai làm việc đó không? Ursula tự hỏi. Trong các nhà xác - cố gắng ghép các bộ phận bị tách rời của từng thi thể, giống như một trò chơi ghép hình kinh dị? Đương nhiên, có vài người không thể tái tạo lại nguyên dạng - có hai thành viên trong đội cứu hộ đang dọn những mảnh thi thể vào trong những cái giỏ, một người khác thì cạo thứ gì đó trên một bức tường bằng cái chổi quét sân.

Ursula tự hỏi liệu cô có biết nạn nhân nào không. Căn hộ của cô và Millie ở Phillimore Gardens chỉ cách đây vài con phố. Có lẽ cô đã đi qua vài người trong số họ trên đường đi làm vào buổi sáng, hoặc đã nói chuyện với họ ở hàng thịt hoặc cửa hàng tạp phẩm.

"Rõ ràng có khá nhiều người mất tích." Bà Woolf nói. Bà đã nói chuyện với sĩ quan chỉ huy hiện trường. Có vẻ như ông ta tỏ ra biết ơn khi được nói chuyện với một vị dân phòng hiểu biết. "Hẳn là cô sẽ rất vui khi biết được rằng chúng ta không còn giống những kẻ ngoài vòng pháp luật nữa."

Phía trên họ một tầng (mặc dù không còn cái tầng nào nữa), người đàn ông cầm chổi khều xuống một cái váy treo trên một cái mắc áo bị vướng vào một cái móc treo tranh. Ursula thường thấy mình xúc động bởi những vật nhỏ bé gợi nhớ đến cuộc sống gia đình như vậy - chiếc ấm vẫn đặt trên bếp, bữa tối đã bày biện sẵn

trên bàn nhưng sẽ chẳng bao giờ được ăn - hơn là cảnh tượng khốn khổ và tan hoang đồ nát xung quanh họ. Mặc dù bây giờ khi cô nhìn kĩ vào chiếc váy, cô nhận ra rằng có một người phụ nữ vẫn đang mặc nó, đầu và hai chân của bà ta đã bị bay mất nhưng hai cánh tay thì vẫn còn. Sự bất ngờ mà những chất nổ có sức công phá mãnh liệt mang lại không bao giờ ngừng khiến cho Ursula ngạc nhiên. Trong chừng mực nào đó, người phụ nữ có vẻ đã bị gắn liền với bức tường ấy. Lửa cháy sáng rực nên cô có thể nhìn thấy một cái trâm cài áo nhỏ bé vẫn đang gắn trên chiếc váy. Nó có hình một con mèo đen, với con mắt được làm từ kim cương giả.

Đồng gạch vụn xê dịch dưới chân khi cô đi tới bức tường phía sau của ngôi nhà này. Có một người phụ nữ đang ngồi dựa vào đó giữa đồng đồ nát, tay chân dang rộng như một con búp bê vải. Trông cô ta như thể đã bị ném lên trời rồi rớt bịch xuống đất - có lẽ đúng là như vậy. Ursula cố gắng ra hiệu cho người khiêng cáng, nhưng lúc này lại có một đội máy bay ném bom băng qua trên đầu, do đó chẳng có ai nghe thấy lời cô vì tiếng ồn của chúng.

Người phụ nữ bị bụi phủ xám xịt nên gần như không thể nhận ra cô ta bao nhiêu tuổi. Cô ta có một vết bỏng trên bàn tay trông có vẻ khủng khiếp. Ursula mò mẫm trong túi cứu thương để tìm tuýp Bumol* và bôi một ít lên bàn tay cô ta. Cô không biết tại sao mình lại làm vậy bởi tình trạng của cô ta tệ đến nỗi có bôi Bumol cũng chẳng có tác dụng gì. Cô ước gì cô có mang theo nước, đôi môi người phụ nữ trông khô rang nhìn đến là đau lòng. Đột nhiên, cô ta bất ngờ mở đôi mắt sẫm màu với hàng mi nhợt nhạt và bết lại vì bụi rồi cố gắng nói gì đó, nhưng giọng cô ta khản đặc khiến Ursula không thể hiểu nổi. Cô ta là người nước ngoài chăng? "Cô muốn nói gì vậy?" Ursula hỏi. Cô có cảm giác người phụ nữ này đã cận kề cửa tử.

"Con..." Người phụ nữ đột nhiên khào khào nói. "Con tôi đâu?"

"Con ư?" Ursula hỏi lại và nhìn quanh. Cô không thấy dấu hiệu gì của đứa bé nào. Nó có thể đâu đó trong đồng đồ nát.

"Tên thằng bé..." Người phụ nữ thều thào - cô ta đang nỗ lực hết sức để nói cho rõ ràng - "... Là Emil."

"Emil?"

Người phụ nữ gật đầu rất khẽ như thể cô ta không thể nói được nữa. Ursula lại nhìn quanh để tìm bất cứ dấu hiệu nào của một đứa bé. Cô ngoảnh lại nhìn người phụ nữ để hỏi xem con của cô ta khoảng bao nhiêu tuổi, nhưng đầu cô ta đã ngoẹo xuống. Rồi khi Ursula bắt mạch cho cô ta, cô thấy mạch cô ta không còn đập nữa.

Cô bỏ lại người phụ nữ ở đó và đi tìm người sống.



"Cô mang cho ông Emslie một viên moócphin được không?" Bà Woolf hỏi. Họ đều nghe thấy một người phụ nữ đang la hét và chửi thề lem lém, và bà Woolf nói thêm: "Để dành cho quý cô đang làm loạn kia." Theo kinh nghiệm, người nào càng ồn ào thì khả năng tử vong của họ càng thấp. Nghe giọng thì nạn nhân đặc biệt này có vẻ sẵn sàng một thân một mình nỗ lực chui ra khỏi tòa nhà đổ nát và chạy quanh Kensington Gardens.

Ông Emslie đang ở dưới tầng hầm của ngôi nhà, và Ursula phải nhờ hai người đàn ông của đội cứu hộ dòng mình xuống, rồi sau đó cô phải luồn lách qua một chướng ngại vật hình thành từ những thanh rầm và gạch vỡ. Cô nhận thức được rằng cả tòa nhà có vẻ đang đậu chênh vênh trên cái chướng ngại vật này. Cô thấy ông Emslie gần như đang vờn người hết cỡ theo chiều ngang bên cạnh một người phụ nữ. Từ phần eo trở xuống, cô ta hoàn toàn bị mắc kẹt trong đống đổ nát, nhưng cô ta còn tỉnh táo và nói được rõ ràng về tình cảnh hiểm nghèo mà cô ta đang mắc phải.

"Cô sắp được ra khỏi đây rồi." Ông Emslie nói. "Chúng tôi sẽ mang tới cho cô một tách trà ngon, được không? Điều đó nghe thế nào? Tuyệt vời chứ hả? Tôi cũng thích một tách. Và cô Todd đây

mang đến một thứ có thể giúp cô giảm đau." Ông Emslie tiếp tục an ủi cô ta. Ursula đưa cho ông Emslie viên moócphin nhỏ xíu. Ông ta có vẻ rất giỏi việc này, thật khó để tưởng tượng ra hình ảnh ông ta đeo chiếc tạp dề của cửa hàng tạp phẩm, cân đường và cắt bơ.

Một bức tường của căn hầm được chặn bao cát, nhưng cát hầu như đã chảy hết ra ngoài trong vụ nổ. Trong một thoáng giây ảo giác đầy hoang mang, Ursula thấy mình đang ở trên một bãi biển ở đâu đó, cô cũng không biết là ở đâu, và có một cái vòng đang lăn bên cạnh cô theo làn gió nhẹ mát rượi cùng những con chim mỏng biển đang kêu quang quác phía trên đầu, thế rồi cô thình lình trở lại với thực tại trong căn hầm ngột ngạt. Chắc là do thiếu ngủ, cô nghĩ, nó thực sự là một con ác quỷ.

"Sắp cái con khỉ." Người phụ nữ nói, chộp lấy viên moócphin. "Ông nghĩ đám người các ông đang ở một bữa tiệc trà quái quỷ hả?" Ursula nhận ra cô ta còn trẻ và quen thuộc đến lạ lùng. Cô ta đang ôm khư khư cái túi xách tay màu đen to tướng như thể nó đang giúp cô ta trôi nổi trên một biển gỗ. "Ai trong hai người có thuốc lá không?" Ông Emslie loay hoay trong không gian tù túng để lấy ra một hộp thuốc lá Players bẹp rúm từ trong túi quần và rồi lóng ngóng hơn nữa khi lấy ra một bao diêm. Cô ta không ngừng gõ ngón tay trên chiếc túi da. "Cứ từ từ." Cô ta mĩa mai.

"Xin lỗi!" Cô ta nói sau khi đã rít sâu một hơi thuốc lá. "Ở trong một *endroit* như thế này, thần kinh người ta không còn được bình thường, hai người biết đấy."

"Renee à?" Ursula kinh ngạc hỏi.

"Sao cô lại hỏi thế?" Cô ta nói, lại trở nên thô tục như lúc nãy.

"Chúng ta đã gặp nhau trong phòng vệ sinh ở khách sạn Charing Cross vài tuần trước."

"Tôi nghĩ cô đã nhầm tôi với ai khác." Cô ta cau kinh nói. "Nhiều người vẫn nhầm lẫn như thế. Chắc là mặt tôi giống ai đó."

Cô ta lại rít một hơi thuốc rất dài rồi chậm chậm nhả ra với sự khoái trá lạ thường. "Cô còn viên thuốc nào không?" Cô ta hỏi. "Tôi cá là giá của chúng ở chợ đen sẽ cao lắm." Cô ta nghe chừng đã lơ mơ rồi, Ursula cho rằng moóc phin đã bắt đầu ngấm, thế rồi điều thuốc lá bỗng rơi khỏi tay cô ta và mất cô ta trợn ngược lên. Cô ta bắt đầu co giật. Ông Emslie nắm chặt bàn tay cô ta.

Ursula liếc nhìn ông Emslie và bắt gặp bức tranh chép tác phẩm *Bong bóng xà phòng* của họa sĩ Millais được dính bằng băng dính lên một bao cát đằng sau ông ta. Cô không thích bức tranh đó, cô không thích tất cả các bức tranh Tiền Raphael* với những người phụ nữ ủ rũ trông như đang buồn ngủ. Đây không phải là thời điểm và địa điểm dành cho việc phê bình hội họa, cô nghĩ. Cô đã trở nên gần như thờ ơ với cái chết. Tâm hồn mềm yếu của cô đã trở nên rắn đanh. (Thật là may, cô nghĩ.) Cô là một thanh kiếm được tôi luyện trong lửa. Và một lần nữa, cô lại thoáng thấy mình đang ở một nơi nào khác. Cô đang đi xuống một cái cầu thang, hoa đậu tía đang bung nở, cô đang bay ra khỏi một ô cửa sổ.

Ông Emslie đang động viên Renee: "Nào, Susie, đừng bỏ cuộc. Chúng tôi sẽ đưa cô ra khỏi đây trong nháy mắt thôi, cô sẽ thấy. Tất cả các chàng trai đều đang nỗ lực làm điều đó. Cả những cô gái nữa." Ông nói thêm vì sự có mặt của Ursula. Renee đã ngừng co giật, nhưng bây giờ cô ta lại bắt đầu run rẩy một cách đáng ngại và ông Emslie cuống quýt nói: "Nào, Susie, nào, cô gái, hãy giữ tỉnh táo, cô gái ngoan."

"Tên cô ấy là Renee." Ursula nói. "Cho dù cô ấy có chối bỏ nó."

"Ai tôi cũng gọi là Susie." Ông Emslie nhẹ nhàng nói. "Đó là tên của con gái tôi. Bệnh bạch hầu đã mang con bé đi khi nó còn rất nhỏ."

Renee rùng mình lần cuối và sinh khí biến mất khỏi đôi mắt khép hờ của cô ta.

"Đi rồi." Ông Emslie buồn bã nói. "Chắc là bị nội thương." Ông ta viết "đường Argyll" lên một cái nhãn và buộc vào ngón tay cô ta. Nét chữ của ông ta ngay ngắn đúng kiểu nét chữ của một chủ cửa hàng tạp phẩm. Ursula gỡ cái túi xách ra khỏi bàn tay đang siết chặt của Renee và giữ những thứ bên trong đó ra. "Thẻ căn cước của cô ấy." Cô nói và giơ nó lên cho ông Emslie xem. Nó ghi rõ rành rành cái tên "Renee Miller". Ông Emslie viết thêm tên cô ta lên cái nhãn.

Trong lúc ông Emslie bắt đầu loay hoay tìm cách quay người lại để bò ra khỏi căn hầm, Ursula nhặt lên hộp thuốc lá bằng vàng đã rơi ra từ cái túi xách của Renee cùng với hộp phấn sáp bỏ túi, thỏi son, những lá thư bằng tiếng Pháp và có Chúa mới biết là còn những gì nữa. Cô chắc chắn hộp thuốc lá này không phải một món quà, mà là đồ cô ta đánh cắp được. Ursula khó lòng tưởng tượng được Renee và Crichton ở trong cùng một căn phòng với nhau, huống hồ là chung một chiếc giường. Nhưng chiến tranh quả thực cũng tạo nên những bạn đồng sàng kỳ lạ. Anh ta có thể đã vớ được cô ta trong một khách sạn ở đâu đó, hoặc có lẽ là một *endroit* kém sang trọng hơn. Cô ta đã học tiếng Pháp ở đâu nhỉ? Có lẽ cô ta chỉ biết vài từ. Dù sao đi nữa, cô ta không thể học nó từ Crichton, anh ta vốn nghĩ chỉ cần tiếng Anh là quá đủ để thống trị thế giới.

Cô bỏ hộp thuốc lá và thẻ căn cước vào trong túi.



Đồng gạch vỡ ngổn ngang xê dịch khiến họ phải nín thở khi cố gắng bò lùi ra khỏi tầng hầm (họ đã từ bỏ việc cố gắng quay người lại). Họ ở yên tại chỗ không động đậy, lom khom như những chú mèo, hầu như không dám hít thở trong suốt khoảng thời gian dài như bất tận. Khi cảm thấy đã đủ an toàn để tiếp tục di chuyển, họ phát hiện ra rằng sự xê dịch vừa rồi của đồng gạch vỡ đã khiến cho chướng ngại vật lúc trước trở nên không thể vượt qua, và họ bị buộc phải tìm một lối ra khác quanh co hơn, vẫn với tư thế bò bằng

cả tay và đầu gối qua tầng hầm đổ nát của tòa nhà. "Trò này làm tôi đau lưng quá." Ông Emslie thì thầm đằng sau cô.

"Còn tôi thì đau đầu gối." Ursula nói. Họ mệt mỏi kiên trì tiếp tục. Ursula tự động viên tinh thần mình bằng ý nghĩ về chiếc bánh mì nướng phết bơ, mặc dù nhà họ ở Phillimore Gardens đã hết bơ và cả bánh mì trừ khi Millie đã ra ngoài và xếp hàng để mua (khả năng này rất hiếm khi xảy ra).

Tầng hầm có vẻ là một mê cung dài bất tận và Ursula dần dần hiểu ra tại sao trên kia lại có những người mất tích - họ đều bị giấu kín ở dưới này. Rõ ràng các cư dân của tòa nhà đã sử dụng phần này của tầng hầm để làm nơi trú ẩn. Những người chết ở dưới này - đàn ông, phụ nữ, trẻ con, thậm chí cả một con chó - trông như đã bị chôn vùi ở chính chỗ họ đang ngồi. Họ bị phủ kín một lớp bụi và trông giống những tác phẩm điêu khắc hoặc hóa thạch. Cô nhớ đến Pompeii hoặc Herculaneum. Ursula đã đến thăm cả hai nơi đó trong chuyến đi được đặt tên rất kêu là "chuyến du ngoạn lớn" quanh châu Âu của cô. Cô đã trọ ở Bologna và kết bạn với một cô gái Mỹ - Kathy, một mẫu người sôi nổi - và họ đã cùng nhau thăm thú nhiều nơi - Venice, Florence, Rome, Naples - trước khi Ursula lên đường sang Pháp, điểm đến cuối cùng của cô trong một năm ở nước ngoài.

Ở Naples, một thành phố thực sự làm họ sợ hãi, họ đã thuê một hướng dẫn viên riêng - một người nói như chim hót - và quyết tâm lê bước quanh những di tích bụi bặm, hoang tàn của những thành phố đã không còn tồn tại của Đế chế La Mã, dưới vầng mặt trời phương Nam chói lọi, trong một ngày được coi là dài nhất cuộc đời họ.

"Ôi Chúa ơi!" Kathy thốt lên khi họ loạng choạng đi quanh thành Herculaneum hoang phế. "Mình ước gì chưa từng có ai nghĩ đến chuyện khai quật những thứ này lên." Tình bạn của họ bùng lên rực rỡ trong một thời gian ngắn và nhanh chóng tàn lụi khi Ursula tới Nancy.

"Em đã dang cánh học bay." Cô viết cho Pamela sau khi rời Munich và chia tay những người chủ nhà của cô - gia đình Brenner. "Em là người phụ nữ sành sỏi." Mặc dù cô vẫn chỉ hơn con chim non mới ra ràng một chút. Nếu một năm du ngoạn đó có dạy cô được điều gì thì đó chính là cô đã nhận ra rằng sau khi trải qua việc kèm cặp vô số học sinh, việc mà cô không muốn làm nhất chính là dạy học.

Thay vào đó, khi trở về - ngấp nghé ý định thi vào ngành dân chính - cô đã theo học một khóa tốc ký và đánh máy chuyên sâu ở High Wycombe do ông Carver điều hành, người sau này đã bị bắt vì tội khoe thân nơi công cộng. ("Một kẻ phô trương?" Maurice nói, bĩu môi tỏ vẻ ghê tởm, và Hugh quát đuổi anh ta ra khỏi phòng, đồng thời cấm anh ta ăn nói bỗ bã như vậy trong nhà ông lần nữa. "Ấu trĩ!" Ông nói khi Maurice đóng sầm cửa, đi ra ngoài vườn. "Nó có thực sự phù hợp với hôn nhân không?" Maurice đã về nhà để thông báo về việc đính hôn của anh ta với một cô gái tên là Edwina, con gái cả của một mục sư. "Chúa ơi!" Sylvie nói. "Chúng ta có phải quý gối hay làm gì đó đại loại thế không?"

"Mẹ đừng ngớ ngẩn thế." Maurice nói và Hugh mắng: "Sao con dám ăn nói với mẹ con như vậy?" Đó là một chuyến về thăm nhà cực kì khó chịu của anh ta.

Ông Carver thực sự không phải là người xấu. Ông ta đã rất say mê Esperanto, bấy giờ nó dường như vẫn là một phát minh kỳ quặc, nhưng đến nay Ursula lại nghĩ có một ngôn ngữ chung cũng là một điều tốt, giống như tiếng Latin trước đây vậy.Ồ, phải, bà Woolf nói, một ngôn ngữ chung là một ý tưởng tuyệt vời, nhưng cực kì thiếu thực tế. Tất cả những ý tưởng hay ho đều như vậy cả, bà buồn bã nói.

Lúc lên đường du ngoạn châu Âu, Ursula vẫn là trinh nữ, nhưng khi trở về, cô không còn như vậy nữa. Cô phải cảm ơn nước Ý về điều đó. ("Chà, nếu người ta không thể tìm được người tình ở Ý thì

người ta có thể tìm được ở đâu chứ?" Millie nói.) Anh ta, Gianni, bây giờ đang học tiến sĩ Ngữ văn ở Đại học Bologna. Anh ta đứng đắn, nghiêm nghị hơn so với sự lầm tưởng của Ursula về một người Ý. (Trong những cuốn tiểu thuyết lãng mạn của Bridget, người Ý luôn bảnh bao nhưng không đáng tin cậy.) Gianni mang cả sự trang nghiêm, thận trọng vào trong "chuyện ấy" nên đã khiến cho "nghị thức chuyển tiếp" của cô bốt lúng túng và ngại ngùng hơn những gì cô đã lo sợ.

"Chúa ơi!" Kathy nói. "Cậu thật táo bạo." Cô ấy gợi cho Ursula nghĩ đến Pamela. Trong chừng mực nào đó chứ không phải tất cả - chẳng hạn như việc cô ấy phủ nhận các học thuyết của Darwin thì hoàn toàn không giống Pamela. Kathy là một người Baptist nên cô ấy quyết giữ mình cho đến khi kết hôn, nhưng chỉ vài tháng sau khi cô ấy trở về Chicago, mẹ cô ấy đã viết thư cho Ursula để kể với cô rằng Kathy đã chết trong một tai nạn khi đi thuyền. Hẳn là bà đã xem cuốn sổ địa chỉ của con gái và viết thư thông báo cho từng người trong đó. Quả là một việc khủng khiếp. Đối với cái chết của Hugh, họ chỉ đơn giản đăng một cáo phó lên tờ *The Times*. Kathy tội nghiệp đã uổng công giữ mình. *Huyệt mộ là nơi đẹp đẽ, riêng tư/ Nhưng tôi nghĩ chẳng ai ôm nhau trong đó cả.*

"Cô Todd?"

"Xin lỗi, ông Emslie. Chúng ta cứ như đang ở trong một hầm mộ ấy nhỉ? Đây những xác chết cổ xưa."

"Vâng, và tôi rất muốn ra ngoài trước khi biến thành một trong số họ."

Khi Ursula rón rén bò về phía trước, đầu gối cô chột đề vào thứ gì đó mềm mại làm cô giật bắn mình, đập đầu vào một thanh rui bị gãy, khiến một màn mưa bụi rớt xuống.

"Cô ổn cả chứ?" Ông Emslie hỏi.

"Vâng." Cô nói.

"Chúng ta bị thứ gì chặn lại à?"

"Chờ đã." Cô từng đứng trên một thi thể nên nhận ra sự mềm mại của da thịt. Cô cho rằng cô phải nhìn xuống, mặc dù có Chúa chứng giám là cô không muốn làm việc đó. Cô chiếu đèn pin vào thứ có vẻ là một đồng vải len phủ đầy bụi bị lèn chặt xuống đất. Trông nó như bị rơi ra từ một giỏ đồ khâu. Nhưng đương nhiên là không phải như vậy. Cô lật một lớp len lên rồi đến một lớp khác, như thể đang mở một bọc hàng được đóng gói sơ sài hoặc một cái bắp cải to kèn càng. Cuối cùng, một bàn tay nhỏ xíu gần như không lấm một vết bẩn, giống như một ngôi sao nhỏ, lộ ra từ đồng vải bọc. Cũng may là mẹ cậu bé đã chết và không biết được điều này, cô nghĩ.

"Cẩn thận khi đi qua đây nhé, ông Emslie." Cô ngoảnh lại nói. "Có một đứa bé, hãy cố tránh nó."



"Ồn cả chứ?" Bà Woolf hỏi cô khi cuối cùng họ cũng chui ra được bên ngoài như những con chuột chũi. Đám cháy bên kia đường lúc này đã gần tắt và con phố trở nên u ám vì bị bao phủ bởi bóng tối, muội than và bụi bẩn. "Bao nhiêu người?" Bà Woolf hỏi.

"Ít thôi." Ursula nói.

"Có dễ đưa ra không?"

"Khó nói lắm." Cô đưa chiếc thẻ căn cước của Renee cho bà. "Có một đứa bé ở dưới kia, tôi e rằng cảnh tượng ấy rất khó coi."

"Có trà đấy." Bà Woolf nói. "Hãy đi uống một tách đi!"



Khi cô cùng ông Emslie đi tới quầy căng tin di động, cô ngạc nhiên khi thấy một con chó đang nép mình trong một khung cửa cách chỗ họ một đoạn.

"Tôi sẽ đuổi theo ông sau." Cô nói với ông Emslie. "Lấy sẵn cho tôi một cốc nhé, được không? Hai viên đường."

Đó là một con chó sục nhỏ bé bình thường, nó đang rên rĩ và run rẩy vì sợ hãi. Ngôi nhà sau khung cửa hầu như đã biến mất hoàn toàn, và Ursula tự hỏi liệu đây có phải là nhà của con chó này không? Phải chăng nó đang mong mỗi sự an toàn hay che chở và không thể nghĩ ra nơi nào khác để đi? Tuy nhiên, khi cô tiến lại gần nó, nó liền chạy ngược đi. Con chó chết tiệt, cô nghĩ, đuổi theo nó. Cuối cùng cô cũng đuổi kịp nó và tóm lấy nó trước khi nó có cơ hội bỏ chạy lần nữa. Toàn thân nó đang run rẩy và cô ôm nó thật chặt, dịu dàng nói chuyện với nó giống như ông Emslie nói chuyện với Renee. Cô áp mặt vào bộ lông của nó (nó bần ghê gớm nhưng cô cũng vậy). Nhỏ quá nhỏ bé và bất lực. "Tàn sát người vô tội." Hôm nọ bà Woolf đã nói như vậy khi họ nghe tin một trường học ở khu Đông bị trúng bom. Nhưng chẳng phải tất cả mọi người đều vô tội sao? (Hay tất cả đều có tội?) "Gã hề Hitler đó chắc chắn chẳng vô tội chút nào." Hugh nói trong lần cuối họ trò chuyện với nhau. "Toàn bộ cuộc chiến này là do lỗi của hắn." Cô thực sự sẽ không bao giờ được gặp lại cha mình nữa sao? Cô bật khóc nức nở và con chó rên ư ử, không rõ là vì sợ hãi hay cảm thông. (Chẳng có thành viên nào của gia đình Todd - ngoại trừ Maurice - lại không gán những cảm xúc của con người cho loài chó.)

Vào lúc đó, đằng sau họ vang lên một tiếng động khủng khiếp, con chó lại vẩy vùng toan bỏ chạy và cô phải ôm nó thật chặt. Khi quay người lại, cô nhìn thấy bức tường đầu hồi của tòa nhà bị cháy đổ xuống, gần như nguyên cả mảng, trúng vào căng tin của hội Phụ nữ Tình nguyện WVS, những hòn gạch rơi lộp bộp xuống mặt đất đến là dữ dội.



Hai người phụ nữ của hội WVS bị thiệt mạng cùng với ông Emslie. Và cả Tony, cậu bé liên lạc đang đạp xe qua. Rủi thay, cậu đã đạp không đủ nhanh. Bà Woolf quỳ gối trên đồng gạch vỡ nham nhở, chẳng màng đến đau đớn, nắm lấy tay cậu bé. Ursula khom người xuống bên cạnh bà.

"Ôi, Anthony." Bà Woolf nói. Bà không thể nói gì khác. Búi tóc gọn gàng thường ngày của bà đang xổ ra khiến bà trông khá man dại, như nhân vật trong một vở bi kịch. Tony đang bất tỉnh - vì một chấn thương khủng khiếp ở đầu, họ đã kéo cậu ra từ bên dưới bức tường bị đổ - và Ursula cảm thấy họ nên nói một điều gì đó có tính khích lệ và không để cho cậu biết họ đang đau buồn đến mức nào. Cô nhớ cậu là một hướng đạo sinh nên bắt đầu nói với cậu về niềm vui của các hoạt động ngoài trời: dựng lều trên một cánh đồng, nghe tiếng suối chảy róc rách ở gần bên, nhặt củi để đốt lửa, ngắm sương mù dâng lên khi đang nấu bữa sáng ở ngoài trời. "Cháu sẽ lại được hưởng những niềm vui đó khi chiến tranh kết thúc." Cô nói.

"Mẹ cháu sẽ mừng biết bao khi thấy cháu về nhà tối nay." Bà Woolf nói, hứa theo Ursula. Bà đưa tay bịt miệng để ngăn tiếng nức nở. Tony không có dấu hiệu gì là nghe thấy lời họ, và họ chứng kiến cậu từ từ trở nên tái nhợt như thân ma, như màu của sữa. Cậu đã ra đi.

"Ôi Chúa ơi!" Bà Woolf gào khóc. "Tôi không thể chịu nổi."

"Nhưng chúng ta vẫn phải chịu." Ursula nói, lay mu bàn tay quệt nước mắt, nước mũi và những vết bẩn trên hai gò má, và nghĩ rằng nếu đổi ngược lại thì cuộc đối thoại này sẽ thế nào.



"Những kẻ ngốc quái quỷ." Fred Smith giận dữ nói. "Tại sao họ lại để cái căng tin di động chết tiệt ấy ở chỗ đó chứ? Ngay cạnh đầu hồi?"

"Họ không biết mà." Ursula nói.

"Đáng lẽ họ phải nhận ra mới đúng."

"Vậy thì đáng lẽ phải có ai đó nói với họ." Ursula gất lên, đột nhiên bùng bùng giận dữ. "Chẳng hạn như một người lính cứu hỏa chết tiệt."

Bình minh đã lên và họ nghe thấy tiếng còi báo an.

"Lúc này tôi nghĩ là mình đã nhìn thấy anh, nhưng rồi tôi lại cho rằng tôi đã tưởng tượng ra anh." Ursula nói, làm hòa với anh ta. Anh ta giận dữ vì họ đã chết chứ không phải vì họ ngu ngốc.

Cô cảm thấy mình như đang ở trong một giấc mơ, cách xa thực tại. "Tôi cứ như quẩn trí đến nơi." Cô nói. "Tôi phải đi ngủ trước khi hóa điên. Tôi sống ngay gần đây." Cô nói thêm. "May mắn là căn hộ của chúng tôi không bị trúng bom. May mắn hơn nữa là tôi đã đuổi theo con chó này." Một người trong đội cứu hộ đã cho cô một sợi dây thừng để tròng quanh cổ con chó, và cô đã buộc nó vào một cây cột cháy đen nhô lên trên mặt đất. Cô nhớ đến những cánh tay và cẳng chân mà người khiêng cáng đã thu thập lúc này. "Hoàn cảnh này đã giúp tôi nghĩ ra một cái tên để đặt cho nó: Lucky, mặc dù cái tên ấy hơi khuôn sáo. Nó đã cứu tôi, anh biết đấy, nếu tôi không đuổi theo nó, tôi đã đứng uống trà ở cái căng tin đó rồi."

"Những kẻ ngốc chết tiệt." Anh ta lại nói. "Để tôi đưa cô về nhà nhé?"

"Thế thì còn gì bằng." Ursula nói, nhưng cô không dẫn anh tới Phillimore Gardens "ở ngay gần đây", thay vào đó, họ mệt mỏi bước đi tay trong tay dọc theo đại lộ Kensington giống như những đứa trẻ, với con chó lẻo đẻo đi theo bên cạnh. Con đường gần như vắng tanh vào thời điểm sáng sớm như thế này, chỉ có một cái ống dẫn khí đốt đang bốc cháy thu hút sự chú ý của họ trong giây lát.

Ursula biết họ đang đi đâu, đó là nơi họ tất yếu sẽ đến.



Trong phòng ngủ của Izzie, có một bức tranh được đóng khung treo trên bức tường đối diện chiếc giường của bà. Đó là một tấm hình minh họa nguyên bản trong cuốn *Những cuộc phiêu lưu của Augustus* đầu tiên, vẽ một cậu bé tinh nghịch và con chó của cậu. Nó giống như một bức tranh hoạt họa - cái mũ nam sinh, gò má nhô cao của Augustus và con chó sục vùng cao nguyên phía Tây trông có vẻ ngớ ngẩn, hoàn toàn chẳng giống với chú chó Jock ở ngoài đời thực.

Bức tranh chẳng hề ăn nhập với những gì Ursula còn nhớ về căn phòng này trước khi nó bị bỏ phế - một khuê phòng với những tấm lụa màu ngà và satin màu nhạt, những chai rượu đắt tiền bằng thủy tinh khắc hoa văn và những chiếc lược tráng men. Một tấm thảm Aubusson xinh đẹp được cuộn chặt lại và buộc bằng dây dày, để cạnh một bức tường. Trên một bức tường khác từng có một bức tranh thuộc trường phái Ấn tượng mà Ursula ngờ rằng nó được treo ở đó để phù hợp với sự bài trí trong phòng hơn là vì sự yêu thích dành cho người họa sĩ. Ursula tự hỏi phải chăng bức tranh về Augustus được treo ở đây để nhắc nhở Izzie về thành công của bà? Bức tranh thuộc trường phái Ấn tượng đã được cất vào một nơi an toàn, nhưng bức tranh minh họa này dường như đã bị quên lãng, hoặc có lẽ Izzie không còn quan tâm nhiều đến nó nữa. Dù lý do là gì, khung kính của nó cũng đã bị nứt một đường chéo từ góc này sang góc kia. Ursula nhớ lại cái đêm mà cô và Ralph ở trong hầm rượu, đêm mà Holland Park bị ném bom, có lẽ nó đã bị hư hại từ hồi đó.

Izzie đã khôn ngoan không ở lại Góc Cáo với "bà quả phụ đang đau buồn" - cách bà gọi Sylvie - vì "cô và mẹ cháu sẽ đánh nhau như chó với mèo mất". Thay vì thế, bà đã tới sống trong một ngôi nhà nằm trên đỉnh một vách đá ở Cornwall ("Giống như Manderley*", cực kì hoang dã và lãng mạn, nhưng ở đó không có bà Danvers*,

ơn Chúa"), và bắt đầu "sản xuất" phiên bản truyện tranh của *Những cuộc phiêu lưu của Augustus* cho một tờ nhật báo nổi tiếng. Sẽ thú vị hơn biết bao, Ursula nghĩ, nếu bà cho Augustus của bà lớn lên như Teddy.

Vàng mặt trời màu bơ chói lọi trái mùa đang nỗ lực lách mình qua những tấm rèm nhung dày dặn. *Tại sao nhà người lại ghé thăm chúng ta?/ Qua những tấm rèm và những ô cửa sổ*, cô nghĩ. Nếu cô có thể trở về quá khứ và lựa chọn một người tình trong lịch sử, cô sẽ chọn Donne. Không phải là Keats. Việc biết được Keats mất sớm sẽ nhuộm màu ảm đạm lên mọi thứ. Đương nhiên, đó chính là mặt trái của việc du hành thời gian (ngoại trừ tính bất khả thi của việc đó) - người ta sẽ là một nàng Cassandra, với khả năng thấy được tương lai, luôn gieo những lời tiên tri bất hạnh. Điều đó khá tàn nhẫn và mệt mỏi, nhưng con đường duy nhất mà người ta có thể đi là tiến về phía trước.

Cô nghe thấy tiếng chim hót ngoài cửa sổ dấu bấy giờ đang là tháng Mười một. Có lẽ lũ chim cũng bị Cuộc không kích Blitz làm cho hoang mang giống như con người. Những vụ nổ đã ảnh hưởng thế nào đến chúng? Cô đoán là chúng đã bị chết rất nhiều, những trái tim tội nghiệp của chúng chỉ đơn giản ngừng đập vì bị sốc hoặc những lá phổi bé nhỏ của chúng nổ tung vì sức ép. Hẳn là chúng đã rơi từ trên trời xuống như những hòn đá không trọng lượng.

"Trông cô có vẻ đăm chiêu." Fred Smith nói. Anh ta đang nằm hút thuốc lá, kê một tay sau đầu.

"Còn anh trông tự nhiên, thoải mái kỳ lạ, như thể anh đang ở nhà mình vậy." Cô nói.

"Đúng thế." Anh ta cười toe, nghiêng người về phía cô để quán hai tay quanh eo cô và hôn lên gáy cô. Họ đều lấm lem như thể đã lao động cực nhọc cả đêm trong một mỏ than. Cô nhớ đến tình trạng nhem nhuốc của họ vào cái đêm cô đi lên London bằng đầu máy xe lửa. Đó là lần cuối cùng cô được nhìn thấy Hugh còn sống.

Ở đường Melbury không có nước nóng, ngay cả nước bình thường còn chẳng có, cũng không có cả điện, mọi thứ đều tạm thời bị cắt trong thời gian này. Trong bóng tối, họ trườn xuống dưới tấm vải che bụi trên tấm đệm trần của Izzie và chìm vào giấc ngủ say như chết. Vài tiếng sau, họ tỉnh dậy cùng lúc và làm tình với nhau. Đó là kiểu tình yêu (ham muốn thì đúng hơn) mà những người sống sót sau thảm họa - hoặc những người sắp đối mặt với thảm họa - phải trải qua, thoát khỏi mọi sự kiềm chế, đôi khi hoang dại nhưng lại dịu dàng và âu yếm lạ kỳ. Một giai điệu u sầu luẩn quẩn trong đầu cô suốt lúc đó. Giống như bản xô nát của Bach mà Herr Zimmerman đã chơi, nó khuấy động tâm hồn cô, tách rời não bộ và cơ thể cô. Cô cố gắng nhớ lại một câu thơ khác của Marvell trong bài *Một cuộc đối thoại giữa tâm hồn và cơ thể*, một câu thơ nói về *những then cài bằng xương* và gông cùm, xiềng xích, nhưng nó không chịu bật ra. Có vẻ khó mà nhớ ra được câu thơ ấy khi có quá nhiều da thịt mềm mại trên chiếc giường phóng đãng bị ruồng bỏ này.

"Tôi đang nghĩ về Donne." Cô nói. "Anh biết đấy - *Vàng mặt trời già cỗi, ngốc nghếch, bất kham, bận rộn.*" Không, cô cho rằng có lẽ anh ta không biết.

"Ồ?" Anh ta thờ ơ nói. Thực ra còn tệ hơn cả thờ ơ.

Cô đột nhiên nhớ đến những bóng ma màu xám dưới tầng hầm và việc cô đè đầu gối vào đứa bé. Thế rồi, trong một giây, cô thấy mình đang ở đâu đó khác, không phải trong một tầng hầm ở đường Argyll, không phải trong phòng ngủ của Izzie ở Holland Park, mà là trong một nơi giam cầm kỳ lạ nào đó. Rơi xuống, rơi xuống...

"Hút thuốc không?" Fred Smith mời cô. Anh ta châm một điếu thuốc khác từ đầu mẫu điếu thuốc đầu tiên của anh ta và đưa nó cho cô. Cô cầm lấy nó và nói: "Tôi vốn không hút thuốc."

"Tôi vốn không bắt quen với những người phụ nữ xa lạ và lên giường với họ trong những ngôi nhà xa hoa."

"Nghe cứ như một nhân vật trong truyện của Lawrence vậy. Và tôi không phải là người lạ, ít nhiều gì chúng ta cũng đã biết nhau từ hồi nhỏ."

"Không phải kiểu này."

"Tôi cũng hy vọng là không phải." Cô bắt đầu chán ghét anh ta. "Tôi không biết bây giờ là mấy giờ." Cô nói. "Nhưng tôi có thể mời anh chút rượu vang hảo hạng cho bữa sáng. Tôi e rằng đó là tất cả những gì chúng ta có ở đây."

Anh ta nhìn đồng hồ đeo tay và nói: "Chúng ta lỡ mất bữa sáng rồi. Đã ba giờ chiều."

Con chó lách người qua cửa, bộ móng của nó gõ lộp cộp trên những tấm ván gỗ trần trụi. Nó nhảy lên giường và nhìn Ursula chăm chú. "Con vật đáng thương." Cô nói. "Hẳn là nó đang đói ngấu rồi."



"Fred Smith ư? Anh ta thế nào? Cậu kể đi!"

"Đáng thất vọng."

"Ở điểm gì? Trên giường á?"

"Chúa ơi, không, không phải chuyện đó. Mình chưa bao giờ... như vậy, cậu biết đấy. Mình nghĩ rằng mình đã mong đợi nó sẽ thật lãng mạn. Không, không phải lãng mạn, từ đó nghe ngớ ngẩn quá. Có lẽ là "đầy cảm xúc"."

"Thăng hoa?" Millie gợi ý.

"Đúng rồi, chính là thế đấy. Mình đang tìm kiếm sự thăng hoa."

"Mình cho rằng nó phải tìm ra cậu thay vì cậu tìm ra nó. Đó là một yêu cầu quá cao đối với anh chàng Fred tội nghiệp."

"Mình đã tưởng tượng về con người anh ta." Ursula nói. "Nhưng anh ta lại không giống như trong trí tưởng tượng ấy. Có lẽ mình đã muốn yêu."

"Nhưng thay vì thế cậu lại có một cuộc làm tình nóng bỏng thuần túy. Tội nghiệp cậu!"

"Cậu nói đúng, mình thật không công bằng khi mong đợi như vậy. Ôi, Chúa ơi, mình nghĩ mình đã tỏ vẻ hóm hỉnh khúpe đối với anh ta. Mình đã trích dẫn thơ của Donne. Cậu có nghĩ mình là kẻ hóm hỉnh không?"

"Khúpe khúpe. Người cậu đang bốc mùi đấy." Millie tươi cười nói. "Thuốc lá, tình dục, bom, có Chúa mới biết còn thứ gì nữa. Mình xả nước vào bồn tắm cho cậu nhé?"

"Ồ, thế thì còn gì bằng."

"Và trong lúc cậu tắm..." Millie nói. "... Cậu có thể mang cả con chó góm ghiếc kia vào trong bồn tắm cùng cậu. Nó cũng đang bốc mùi nồng nặc. Nhưng nó khá *zẽ thụn* (dễ thương)." Cô nói, nhái giọng Mỹ (nhưng nghe khá tệ).

Ursula thở dài và vươn vai. "Cậu biết không, mình thực sự, thực sự ngán bị ném bom lắm rồi."

"Mình e rằng trong thời gian tới, chiến tranh còn chưa chấm dứt được đâu." Millie nói.

THÁNG 5 NĂM 1941

Millie nói đúng. Chiến tranh vẫn cứ tiếp diễn. Đến tận mùa đông lạnh lẽo đáng sợ năm ấy, và vào cuối năm, có một cuộc không kích khủng khiếp diễn ra ở khu City*. Ralph đã góp sức cứu thánh đường St Paul thoát khỏi hỏa hoạn. Tất cả những nhà thờ tuyệt đẹp do Wren thiết kế ấy, Ursula nghĩ. Chúng đã được xây do trận Đại Hỏa hoạn* lần trước, giờ thì chúng biến mất hết rồi.

Khoảng thời gian còn lại, họ làm những việc mà tất cả những người giống như họ vẫn làm. Họ tới rạp chiếu bóng, họ đi khiêu vũ, họ tới các buổi hòa nhạc vào giờ ăn trưa ở Triển lãm Quốc gia. Họ ăn uống và làm tình. Fred Smith gọi hành động đó bằng một từ tục tĩu hơn. Hoàn toàn không giống Ralph. "Rất giống các nhân vật trong truyện của Lawrence." Cô đã thản nhiên nói với Fred Smith như vậy - cô cho rằng anh ta không biết cô đang nói gì - nhưng cái từ thô thiển mà anh ta thốt ra ấy đã làm cô choáng váng khủng khiếp. Cô đã quen nghe những lời lẽ tục tĩu ở những địa điểm bị trúng bom, đó là một phần thiết yếu trong vốn từ vựng của đội cứu hộ hạng nặng, nhưng *bản thân* cô thì không bao giờ nói những lời như vậy. Cô cố gắng nói mấy từ đó với hình ảnh phản chiếu của mình trong cái gương ở phòng tắm, nhưng cảm thấy vô cùng xấu hổ.



"Em lấy được nó ở đâu vậy?" Anh hỏi.

Ursula chưa bao giờ thấy anh sững sờ đến thế. Crighton khẽ tung hứng hộp thuốc lá bằng vàng trong tay. "Anh cứ tưởng mình đã mất nó luôn rồi."

"Anh có thực sự muốn biết không?"

"Có, đương nhiên là có." Crichton nói. "Sao em phải úp úp mở mở như vậy?"

"Cái tên Renee Miller có ý nghĩa gì với anh không?"

Anh cau mày ngẫm nghĩ rồi lắc đầu. "E là không. Nó phải có ý nghĩa gì với anh sao?"

"Có lẽ anh đã trả tiền để cô ta mua vui cho anh. Hoặc anh đã đãi cô ta một bữa tối ngon lành. Hoặc chỉ đơn giản cho cô ta một khoảng thời gian tuyệt vời."

"Ồ, Renee Miller đó hả." Anh cười. Sau vài giây im lặng, anh nói: "Không, thực sự thì cái tên đó chẳng có ý nghĩa gì với anh cả. Dù sao đi nữa, anh không nghĩ anh từng phải trả tiền cho một người phụ nữ để đổi lấy tình dục."

"Anh đang ở trong hải quân." Cô nhắc.

"Ờ thì, đã rất lâu rồi anh không làm vậy. Dù sao cũng cảm ơn em." Anh nói. "Em biết hộp thuốc lá này vô cùng có ý nghĩa với anh mà. Bố anh..."

"Đã đưa nó cho anh sau trận Jutland, em biết."

"Anh đang làm em buồn bực à?"

"Không. Chúng ta đi đâu đi? Đến "chỗ trú ẩn" của anh được không? Chúng ta *lên giường* nhé?"

Anh bật cười. "Nếu em muốn."

Crichton nói dạo gần đây anh chẳng mấy để ý đến "những chi tiết vụn vặt". Những chi tiết vụn vặt ấy dường như bao gồm cả Moira và mấy cô con gái, vì vậy họ nhanh chóng nổi lại cuộc tình vụng trộm của họ, mặc dù bây giờ nó đã ít lén lút hơn. Anh quá khác biệt so với Ralph, đến nỗi cô khó có thể coi là mình không chung thủy. ("Ồ,

quả là một lý lẽ thú vị!" Millie nói.) Dù sao đi nữa, giờ đây cô chẳng mấy khi gặp Ralph và chuyện của họ dường như đang kết thúc.



Teddy đọc những chữ trên đài tưởng niệm Cenotaph*. "*Những tử sĩ vinh quang*. Chị nghĩ họ có đúng là thế không? Vinh quang?" Anh hỏi.

"Chà, họ chắc chắn là tử sĩ." Ursula nói. "Nhưng chị cho rằng từ 'vinh quang' là để khiến chúng ta cảm thấy dễ chịu hơn."

"Em cho rằng người chết chẳng còn màng đến thứ gì." Teddy nói. "Em nghĩ chết là hết. Em không tin rằng sau cái chết còn có thứ gì đó, chị thì sao?"

"Chị có thể đã tin vào điều đó trước khi chiến tranh nổ ra..." Ursula nói. "... Trước khi chị nhìn thấy quá nhiều xác chết. Nhưng họ chỉ giống như rác rưởi bị vứt đi." (Cô nghĩ đến lời Hugh nói: "Con có thể ném bố vào thùng rác cũng được.") "Chẳng có vẻ gì là linh hồn họ đã bay đi cả."

"Có lẽ em sẽ chết vì nước Anh." Teddy nói. "Và có thể chị cũng vậy. Đó có phải là một lý do đủ chính đáng không?"

"Chị cũng nghĩ vậy. Bố nói rằng bố muốn chúng ta thà hèn nhát nhưng vẫn sống còn hơn là anh hùng mà chết. Chị không nghĩ bố nói thật, bố không phải kiểu người trốn tránh trách nhiệm. Trên đài tưởng niệm chiến tranh trong làng viết gì nhỉ? *Chúng tôi hy sinh ngày hôm nay của chúng tôi vì ngày mai của các bạn*. Đó chính là điều mà các em đang làm, hy sinh mọi thứ, nhưng không hiểu sao nó có vẻ không đúng."

Ursula nghĩ rằng cô thà chết vì Gốc Cáo hơn là "nước Anh". Vì đồng cỏ, rừng cây và con suối chảy qua rừng hoa chuông xanh. Chà, đó chính là nước Anh mà, không phải sao? Vùng đất được ban phước.

"Chị là người yêu nước." Cô nói. "Chị ngạc nhiên vì điều đó, mặc dù chị không biết tại sao. Trên bức tượng của Edith Cavell viết gì nhỉ? Bức tượng bên cạnh nhà thờ St Martin ý?"

"Lòng yêu nước là chưa đủ." Teddy trả lời.

"Em có thực sự nghĩ thế không?" Cô hỏi. "Về phần chị, chị nghĩ nó là quá đủ." Cô cười và họ khoác tay nhau đi dọc theo Whitehall. Có khá nhiều hư hại do bom gây ra. Ursula chỉ cho Teddy thấy Văn phòng Nội các Chiến tranh. "Chị quen một cô gái làm việc trong đó." Cô nói. "Cô ấy ngủ trong một cái tủ, đại loại vậy. Chị không thích boong ke, hầm rượu và tầng hầm."

"Em rất lo cho chị." Teddy nói.

"Còn chị thì lo cho em." Cô nói. "Và sự lo lắng ấy chẳng giúp ích được gì cho cả hai chúng ta cả." Cô nói nghe cứ như bà Woolf vậy.

Teddy ("Sĩ quan phi công Todd") đã vượt qua quãng thời gian huấn luyện trong một đơn vị huấn luyện chiến đấu OTU ở Lincolnshire với việc lái những chiếc Whitley. Trong khoảng một tuần nữa anh sẽ gia nhập một Đơn vị Huấn luyện Chuyển đổi Hạng nặng ở Yorkshire, và học lái những chiếc máy bay Halifax mới, bắt đầu bước vào kỳ quân dịch đầu tiên.

Cô gái ở Bộ Không quân nói, tỷ lệ sống sót sau kỳ quân dịch đầu tiên của các tổ bay lái máy bay ném bom là năm mươi phần trăm.

("Chẳng phải tỷ lệ cũng như vậy mỗi lần họ cất cánh ư?" Ursula nói. "Chẳng phải tỷ lệ nào cũng như vậy sao?"

"Với máy bay ném bom thì khác." Cô gái ở Bộ Không quân nói.)

Teddy đang tiễn cô về văn phòng sau giờ ăn trưa. Cô đã nghỉ mất một tiếng. Mọi việc giờ đây không còn bận rộn điên cuồng như trước.

Họ đã dự định ăn trưa ở một nơi sang trọng, nhưng cuối cùng lại dừng chân ở một bếp ăn công cộng có tên là Nhà hàng Anh* và ăn

món thịt bò quay, bánh nướng nhân mặn và sữa trứng. Đương nhiên là mặn đóng hộp. Nhưng họ vẫn ăn ngon lành.

"Tất cả những cái tên đó..." Teddy nói, nhìn chăm chú vào đài tưởng niệm."... Tất cả những cuộc đời đó. Và bây giờ lại một lần nữa. Em nghĩ loài người đang có vấn đề bất ổn. Họ hủy hoại tất cả mọi thứ mà người ta tin tưởng, chị có nghĩ vậy không?"

"Có nghĩ cũng chẳng ích gì." Cô gay gắt nói. "Em cứ việc sống tiếp thôi." (Cô thực sự đang biến thành bà Woolf.) "Suy cho cùng, chúng ta chỉ có một cuộc đời, chúng ta nên cố gắng sống tốt nhất có thể. Chúng ta không bao giờ có thể làm cho cuộc đời diễn ra theo đúng ý mình, nhưng chúng ta phải cố gắng." (Cô đã hoàn toàn biến thành bà Woolf.)

"Nếu chúng ta có cơ hội sống lại cuộc đời của mình hết lần này đến lần khác thì sao nhỉ?" Teddy nói. "Cho đến khi nó trở nên đúng theo ý mình? Điều đó có tuyệt vời không chứ?"

"Chị nghĩ như thế sẽ rất mệt mỏi. Chị muốn trích dẫn một câu của Nietzsche với em, nhưng có lẽ em sẽ đánh chị mất."

"Có lẽ." Anh tươi cười nói. "Ông ấy là thành viên của Đảng Quốc xã à?"

"Không hẳn. Em còn làm thơ không, Teddy?"

"Em không thể tìm ra những từ ngữ thể hiện được cảm xúc của mình nữa. Tất cả những gì em thử đều có cảm giác sáo rỗng. Kiểu như cố tạo ra những hình ảnh tuyệt đẹp từ chiến tranh vậy. Em không thể tìm được "trái tim" của nó."

"Trái tim u ám, máu me, đập rộn?"

"Có lẽ chị nên làm thơ." Anh cười.



Cô sẽ không phải đi tuần trong lúc Teddy ở đây, bà Woolf đã không phân công cô. Các cuộc không kích giờ thưa thớt hơn. Từng có những cuộc không kích ác liệt diễn ra vào tháng Ba, tháng Tư và chính vì họ có chút thời gian ngơi nghỉ giữa những cuộc ném bom nên họ càng cảm thấy chúng khủng khiếp hơn rất nhiều. "Thật nực cười." Bà Woolf nói. "Thần kinh của người ta phải căng ra hết mức khi những cuộc không kích diễn ra liên tục nên nó dễ dàng đối mặt với chúng hơn."

Ở trạm gác của Ursula đã có một khoảng thời gian yên tĩnh rõ rệt. "Tôi nghĩ Hitler có hứng thú với Balkans hơn." Bà Woolf nói.

"Ông ta sẽ chuyển sang đối địch với Nga." Crichton nói với Ursula, giọng chắc nịch. Millie lại đang đi lưu diễn nên căn hộ ở Kensington lúc đó chỉ dành riêng cho họ.

"Nhưng thế thì thật điên rồ."

"Chà, người đàn ông đó vốn điên rồ mà, em mong đợi gì chứ?" Anh thở dài và nói. "Đừng nói về chiến tranh nữa." Họ đang uống rượu whisky lấy từ Bộ Hải quân và chơi bài kipbi, giống như một cặp vợ chồng già.

Teddy tiễn cô đến tận đường Exhibition, nơi có văn phòng của cô và nói: "Em cứ tưởng tượng "Phòng Chiến tranh" của chị là một tòa nhà khá bề thế - với những cái mái cổng và những cây cột trụ - chứ không phải là một boong ke như thế này."

"Maurice mới là người có những cái mái cổng như thế."



Cô vừa bước vào trong, Ivy Jones, một trong những tổng đài viên trực máy điện báo đã vồ lấy cô, nói: "Chị đúng là tầm ngấm tầm ngấm mà đâm thảm chết voi, chị Todd, khi giấu giếm một người đàn ông tuyệt sắc như thế." Ursula nghĩ, đây chính là hậu quả của việc

quá thân thiện với nhân viên. "Tôi đang vội." Cô nói. "Tôi vốn là nô lệ của công việc Báo cáo Tình hình Hằng ngày mà."



"Các cô gái" của cô - cô Fawcett và những người khác - phụ trách việc sắp xếp các tài liệu và nhét vào các bìa kẹp hồ sơ màu da bò, rồi gửi đến chỗ cô để cô có thể lập các báo cáo theo ngày, theo tuần và thi thoảng theo giờ. Nào báo cáo về các sự kiện diễn ra trong ngày, báo cáo về các tổn hại, các loại báo cáo tình hình chi tiết, liên miên bất tuyệt. Sau đó, tất cả được đánh máy và lại được nhét vào trong các bìa kẹp hồ sơ, rồi được cô ký trước khi chuyển đến cho một người khác, một người giống như Maurice.

"Chúng ta chỉ là những cái vấu răng trong một cỗ máy, đúng không?" Cô Fawcett nói với Ursula và Ursula nói: "Nhưng hãy nhớ rằng, nếu không có vấu răng thì chẳng có cỗ máy nào cả."



Teddy đưa cô đi uống rượu. Đó là một buổi tối ấm áp, những bông hoa đang nở rộ trên những tàng cây khiến người ta thoáng có cảm giác chiến tranh đã kết thúc.

Teddy không muốn nói về chuyện lái máy bay, không muốn nói về chiến tranh, thậm chí không muốn nói về Nancy. Cô ấy đang ở đâu? Dường như cô ấy đang làm một công việc mà cô ấy không thể nói đến. Có vẻ chẳng ai muốn nói về bất cứ chuyện gì nữa.

"Chà, hãy nói chuyện về bố." Anh nói, thế là họ nói chuyện về Hugh và có cảm giác như cuối cùng thì Hugh đã có được một buổi lễ Canh thức* mà ông xứng đáng được hưởng.

Sáng hôm sau, Teddy đón tàu về Góc Cáo, anh sẽ ở lại đó vài đêm. Ursula nói "Em hãy mang theo một kẻ tị nạn nhé?", rồi trao Lucky cho anh. Nó sẽ phải ở trong căn hộ cả ngày trong lúc cô đi

làm, nhưng cô thường đưa cu cậu đến trạm gác nếu hôm đó cô phải trực, và mọi người đối đãi với nó như thể nó là một linh vật vậy. Ngay cả ông Bullock vốn chẳng có vẻ gì là yêu chó cũng mang đến cho nó những khúc xương và những mẩu thức ăn thừa. Có những lúc nó còn được ăn ngon hơn cả cô. Tuy nhiên, cô nói với Teddy, London thời chiến không phải là nơi dành cho một con chó. "Tất cả những âm thanh ở đây hẳn là đáng sợ lắm đối với nó."

"Em thích con chó này." Teddy nói, xoa đầu nó. "Nó là giống chó rất dễ nuôi."

Cô tới ga Marylebone để tiễn họ. Teddy kẹp con chó nhỏ dưới một cánh tay và vẫy tay chào cô một cách vừa dễ thương vừa buồn cười rồi lên tàu. Nỗi buồn của cô khi nhìn con chó đi xa cũng không khác mấy với cảm giác buồn bã khi phải tạm biệt Teddy.



Họ đã quá lạc quan. Vào tháng Năm, một cuộc không kích khủng khiếp đã diễn ra.

Căn hộ của họ ở Phillimore Gardens bị trúng bom. Ông Chúa vì lúc đó cả Ursula lẫn Millie đều không ở nhà, nhưng mái nhà và tầng trên đều bị phá hủy. Ursula vẫn điềm nhiên trở lại và sống tạm ở đó một thời gian. Thời tiết không xấu, và kỳ quặc làm sao, cô khá thích cuộc sống tạm bợ ấy. Ở đó vẫn có nước nhưng không có điện, và có người ở chỗ làm đã cho cô mượn một cái lều bạt cũ để dùng làm chỗ ngủ. Lần cuối cô ngủ trong lều là ở Bavaria khi cô đi theo những cô gái nhà Brenner trong chuyến cắm trại mùa hè ở vùng núi với Liên đoàn Thiếu nữ Đức BDM. Lúc ấy, cô đã ngủ chung lều với Klara, cô chị cả nhà họ. Họ đã rất quý mến nhau, nhưng từ khi chiến tranh nổ ra, cô chẳng còn nghe được tin gì từ Klara nữa.

Crichton ủng hộ quyết định sống cảnh "màn trời chiếu đất" ấy của cô, "giống như ngủ trên boong tàu dưới những vì sao trên Ấn Độ Dương vậy". Lòng cô nhói lên ghen tỵ, cô còn chưa tới Paris. Ngoài

trục Munich - Bologna - Nancy, phần còn lại của thế giới vẫn là một bí ẩn đối với cô. Cô và cô bạn Hilary - cô gái ngủ trong một cái tủ ở Văn phòng Nội các Chiến tranh - đã lên kế hoạch cho một chuyến đạp xe khắp nước Pháp, nhưng chiến tranh đã chặn đứng dự định ấy. Tất cả mọi người đều bị mắc kẹt trên quốc đảo nhỏ này. Nếu nghĩ về điều đó quá nhiều, ta có thể bắt đầu mắc phải chứng sợ hãi không gian kín.

Khi Millie trở về sau chuyến lưu diễn với tổ chức ENSA, cô tuyên bố rằng Ursula đã phát điên rồi, và khẳng định rằng họ phải tìm một nơi nào đó để ở. Vì vậy, họ chuyển tới một nơi tồi tàn ở Lexham Gardens mà cô biết cô sẽ không bao giờ thích nổi. ("Em và anh có thể sống cùng nhau nếu em muốn." Crichton nói. "Trong một căn hộ nhỏ ở Knightsbridge ư?" Cô phản đối.)

Đương nhiên, đó không phải là điều tệ nhất. Trạm gác của họ cũng bị trúng bom trong trận không kích ấy và cả Herr Zimmerman lẫn ông Simms đều thiệt mạng.

Trong đám tang của Herr Zimmerman, một bộ tứ đàn dây, tất cả đều là người tị nạn, đã chơi nhạc của Beethoven. Khác với bà Woolf, Ursula nghĩ rằng những tác phẩm của nhà soạn nhạc vĩ đại ấy vẫn chưa đủ để chữa lành những vết thương của họ. "Tôi từng xem họ biểu diễn ở Phòng hòa nhạc Wigmore hồi trước chiến tranh." Bà Woolf thì thào. "Họ chơi rất hay."

Sau đám tang, Ursula đi tìm Fred Smith ở trạm cứu hỏa của anh ta, và họ thuê một phòng trong một khách sạn nhỏ dơ dáy gần Paddington. Sau cuộc làm tình mà họ cảm thấy vô cùng cần thiết giống như lần trước, họ được ru ngủ bởi âm thanh của những chuyến tàu đến và đi. Cô nghĩ, hẳn là anh ta nhớ âm thanh ấy lắm.

Khi họ tỉnh dậy, anh ta nói: "Tôi xin lỗi vì lần trước tôi ngu xuẩn quá." Anh ta đi kiếm cho họ hai cốc trà - cô cho rằng anh ta đã dự đoán được ai đó trong khách sạn, nơi này có vẻ còn chẳng có nổi một căn bếp, nói gì đến hầu phòng. Anh ta có sức quyến rũ tự nhiên, giống

như Teddy, nó toát ra từ sự chân thật trong tính cách của họ. Sự quyến rũ của Jimmy thì lại khác, có lẽ nó ít chân thật hơn.

Họ ngồi dậy trên giường, uống trà và hút thuốc. Cô đang nghĩ về bài thơ của Donne, *Thánh tích*, một trong những bài thơ yêu thích của cô - *Chiếc vòng tay bằng lọn tóc sáng ngời quăn quanh mẫu xương khô* - nhưng cố gắng kìm chế không trích dẫn câu thơ ấy khi nghĩ đến hậu quả tồi tệ lần trước. Nhưng sẽ thật tức cười nếu khách sạn này bị trúng bom và không ai biết được họ là ai hay họ đang làm gì ở đây cùng nhau, ở chung trên một chiếc giường đã trở thành mồ chôn của họ. Cô thường hay nghĩ linh tinh như vậy sau sự kiện ở đường Argyll. Nó đã tác động đến cô một cách sâu sắc, khác hẳn với những vụ ném bom khác. Cô muốn viết gì trên bia mộ của mình nhỉ? Cô vẫn tự hỏi. "Ursula Beresford Todd, quả cảm cho tới giây phút cuối cùng."

"Cô có biết vấn đề của cô là gì không, cô Todd?" Fred Smith nói, dập tắt điếu thuốc lá của mình. Anh ta nắm lấy tay cô, hôn lên lòng bàn tay xòe rộng. Cô nghĩ "hãy nắm lấy khoảnh khắc này bởi vì đây là một khoảnh khắc ngọt ngào" và nói "Không, vấn đề của tôi là gì?" Nhưng cô chẳng bao giờ biết được câu trả lời, vì tiếng còi báo động bỗng rú lên. Anh ta liền nói "Mẹ kiếp, mẹ kiếp, mẹ kiếp, hôm nay tôi phải trực" và vội vàng mặc quần áo lên người, hôn cô một cái thật nhanh rồi lao như bay ra khỏi phòng. Cô không bao giờ gặp lại anh ta nữa.



Cô đang đọc Nhật ký Chiến tranh của Bộ Nội an vào sáng sớm ngày 11 tháng 5...

Thời điểm gửi: 00:45. Hình thức gửi: Máy điện báo. Gửi đi hay gửi đến: Gửi đến. Chủ đề: Văn phòng Cảnh Tây Ấn Phía Nam, bị bom phá hủy. Và Tu viện Westminster, Tòa nhà Quốc hội, Tổng hành dinh của De Gaulle, Sở Đúc tiền Hoàng gia, Tòa án. Cô đã tận mắt*

nhìn thấy nhà thờ St Clement Danes ở đường Strand cháy rùng rục như một ngọn lửa khổng lồ bốc lên từ ống khói. Và tất cả những người dân thường sống cuộc đời bình thường nhưng quý giá của họ ở Bermondsey, Islington, Southwark. Danh sách ấy cứ kéo dài mãi. Cô bị ngắt ngang khi cô Fawcett nói "Chị có thư, chị Todd" và đưa cho cô một mảnh giấy.

Một cô gái mà cô quen có biết một cô gái trong lực lượng cứu hỏa, cô ấy đã gửi cho cô một bản sao tờ báo cáo của Lực lượng Cứu hỏa Hỗ trợ AFS kèm một mẫu giấy nhắn nho nhỏ viết rằng: "Anh ấy là một người bạn của cô, đúng không? Tôi rất tiếc..."

Frederick Smith, lính cứu hỏa, bị một bức tường đổ nghiền nát trong lúc đang tham gia dập tắt một đám cháy ở quận Earl's Court.

Đồ ngốc chết tiệt, Ursula nghĩ. Đồ ngốc chết tiệt, chết tiệt.

THÁNG 11 NĂM 1943

Maurice là người mang tin tức tới cho cô. Anh ta đến cùng lúc với chiếc xe đẩy trà mang theo bữa ăn nhẹ lúc mười một giờ trưa. "Anh có thể nói chuyện với em một lát không?" Anh ta nói.

"Anh muốn uống trà không?" Cô hỏi, nhồm dầy khỏi bàn. "Em chắc chắn bọn em có dư một ít cho anh, nhưng nó hẳn kém xa loại trà Orange Pekoe và Darjeeling, hay những loại tương tự như vậy ở chỗ anh. Và bánh quy của bọn em cũng không thể sánh nổi với bánh quy của các anh." Người phụ nữ đẩy xe trà lượn qua lượn lại, chẳng mấy may đoái hoài đến cuộc trao đổi của cô với một nhân vật cấp cao không mời mà tới này.

"Không, không cần trà đâu, cảm ơn em." Anh ta nói, lịch sự và nhẹ nhàng đến mức đáng kinh ngạc. Cô chợt nghĩ rằng Maurice gần như luôn âm ỉ với nỗi phẫn nộ bị kìm nén (quả là một tình cảnh sống kỳ lạ), trong chừng mực nào đó, anh ta gọi cho cô nghĩ đến Hitler (Cô nghe nói Maurice thường quát mắng các thư ký. "Ồ, thế thì hơi quá!" Pamela nói. "Nhưng sự liên tưởng của em đã khiến chị bật cười đấy").

Maurice chưa bao giờ để đôi tay mình bị vấy bẩn. Anh ta chưa bao giờ tới một địa điểm bị ném bom, chưa bao giờ kéo đứt rời thi thể một người đàn ông như một cây pháo giật, hay đè đầu gối vào một đồng bầy nhầy nhụa những vãi và thịt mà đã từng là một đứa trẻ.

Anh ta đang làm gì ở đây? Anh ta lại định bắt đầu lên mặt rao giảng về đời sống tình cảm của cô chẳng? Cô chẳng bao giờ ngờ được rằng anh ta đến đây để nói "Anh rất tiếc khi phải nói với em điều này (như thể đây là một lời tuyên bố chính thức), nhưng anh e rằng Ted đã ra đi rồi."

"Cái gì?" Cô chưa nghe thủng lời anh ta. Đi đâu cơ? "Em không hiểu ý anh muốn nói gì, Maurice."

"Ted." Anh ta nói. "Máy bay của Ted đã bị rơi."

Teddy đã an toàn sau kỳ quân dịch đầu tiên. Anh đã "hoàn thành nghĩa vụ" và đang hướng dẫn bay ở một đơn vị huấn luyện chiến đấu OTU. Anh là một thiếu tá không quân với một tám huân chương DFC (Ursula, Nancy và Sylvie đã tới cung điện, vỡ òa vì hãnh diện). Sau đó, anh đã xin được trở lại tham gia các phi vụ. ("Em chỉ cảm thấy mình phải làm vậy.") Cô gái mà cô quen ở Bộ Không quân - Anne - nói với cô rằng chỉ một phần bốn mươi trong số các tổ bay sống sót sau kỳ quân dịch thứ hai.

"Ursula?" Maurcie nói. "Em có hiểu anh đang nói gì với em không? Chúng ta đã mất Teddy rồi."

"Vậy thì chúng ta sẽ đi tìm nó."

"Không. Trên danh nghĩa, nó đang "mất tích khi làm nhiệm vụ".

"Vậy thì nó chưa chết." Ursula nói. "Ở đâu vậy?"

"Berlin, hai đêm trước."

"Nó đã nhảy dù ra khỏi máy bay và bị bắt giữ." Ursula nói, như thể đang khẳng định một sự thật.

"Không, anh e rằng không phải như vậy." Maurice nói. "Máy bay của nó rơi xuống khi đang bốc cháy, chẳng có ai thoát ra được cả."

"Làm sao anh biết?"

"Một nhân chứng đã nhìn thấy, một người bạn phi công của nó."

"Đó là ai? Người đã nhìn thấy nó là ai?"

"Anh không biết." Maurice đang bắt đầu mất kiên nhẫn.

"Không." Cô lại nói. Rồi cô lại nói "không" tiếp. Trái tim cô bắt đầu đập loạn nhịp và miệng cô trở nên khô rang. Trước mắt cô, mọi thứ

như nhòe đi và hóa lên, như một bức tranh điểm họa*. Cô sắp ngất.

"Em vẫn ổn chứ?" Cô nghe thấy Maurice nói. Mình có ổn không, cô nghĩ, mình có ổn không? Làm sao mình có thể ổn được chứ?

Giọng nói của Maurice như vọng đến từ một nơi xa xăm. Cô nghe tiếng anh ta thét gọi một cô gái. Một cái ghế và một cốc nước được mang đến. Cô gái nói: "Nào, chị Todd, hãy đặt đầu chị vào giữa hai đầu gối." Đó là cô Fawcett, một cô gái tốt. "Cảm ơn, cô Fawcett." Cô lẩm bẩm.

"Mẹ cũng đón nhận tin này rất khó khăn." Maurice nói, như thể bối rối trước nỗi đau này. Anh ta chưa bao giờ yêu mến Teddy như tất cả bọn họ.

"Chà." Anh ta nói, vỗ vai cô, cô cố gắng không rụt người lại. "Anh nên về văn phòng thôi, anh mong sẽ gặp em ở Góc Cáo." Anh ta gần như thản nhiên nói, như thể phần tẻ nhất của cuộc trò chuyện đã kết thúc và họ có thể tiếp tục tán gẫu một cách ôn tồn.

"Tại sao?"

"Tại sao cái gì?"

Cô ngồi thẳng dậy. Nước trong cốc hơi rung rinh. "Tại sao anh lại mong gặp em ở Góc Cáo?" Cô cảm nhận được cô Fawcett vẫn đang lo lắng đi qua đi lại xung quanh.

"Ờ thì..." Maurice nói. "Một gia đình sẽ tụ họp vào những dịp như thế này. Nhưng sẽ không có đám tang."

"Sẽ không có ư?"

"Ừ, dĩ nhiên là không rồi. Không có thi thể mà." Anh ta nói. Có phải anh ta vừa nhún vai không? Có phải không? Cô đang run rẩy, cô nghĩ rất cuộc cô sắp ngất thật. Cô ước gì có ai đó ôm lấy cô. Không phải là Maurice. Cô Fawcett cầm lấy cốc nước từ tay cô. Maurice nói: "Dĩ nhiên, anh sẽ cho em đi nhờ xe." Anh ta nói thêm: "Nghe giọng mẹ có vẻ rất đau lòng."

Anh ta đã báo tin cho mẹ qua điện thoại sao? Thật đáng sợ, cô thảm nghĩ. Cô cho rằng cách báo tin thế nào cũng chẳng quan trọng. Tuy nhiên, khi người mang tin tức đến là Maurice trong bộ com lê ba món kẻ sọc nhỏ, giờ đang dựa vào bàn làm việc của cô, kiểm tra móng tay, đợi cô nói rằng cô ổn để anh ta có thể đi thì...

"Em ổn. Anh đi được rồi."

Cô Fawcett mang cho cô tách trà ngọt nóng hổi và nói: "Tôi rất tiếc, chị Todd. Chị có muốn tôi đưa chị về nhà không?"

"Cô thật tốt bụng." Ursula nói. "Nhưng tôi sẽ ổn cả thôi. Cô có thể lấy giúp tôi chiếc áo khoác không?"



Anh ta đang vặn xoắn cái mũ đồng phục trong tay. Sự hiện diện của họ đang khiến anh ta căng thẳng. Roy Holt đang uống bia trong một cái cốc vại bằng thủy tinh có hoa văn hình sóng gợn, anh ta uống từng ngụm lớn như thể đang rất khát. Anh ta là bạn của Teddy, đồng thời là nhân chứng cho cái chết của anh. "Người bạn phi công". Lần cuối Ursula đến đây thăm Teddy là mùa hè năm 1942, họ đã ngồi trong một quán rượu sân vườn, ăn sandwich kẹp giăm bông và trứng muối.

Roy Holt quê ở Sheffield, bầu không khí ở đó vẫn thuộc Yorkshire nhưng có lẽ không tốt lành bằng. Mẹ và chị gái của anh ta đã bị giết trong những cuộc không kích dữ dội vào tháng 12 năm 1940, và anh ta nói anh ta sẽ không thanh thản cho đến khi thả được một quả bom rơi trúng đầu Hitler.

"Chúc cậu đạt được ý nguyện." Izzie nói. Ursula nhận thấy bà đối xử với các chàng trai trẻ một cách rất kỳ quặc, vừa tán tỉnh bông lơn vừa giống như một người mẹ (trong khi trước đây bà chỉ đơn thuần tán tỉnh bông lơn mà thôi). Cô cảm thấy khá lo lắng khi chứng kiến điều đó.

Ngay khi nghe tin, Izzie đã vội vã rời Cornwall để tới London và "trưng dụng" một chiếc xe hơi với một năm phiếu xăng từ một "người đàn ông mà bà quen" trong chính phủ để đưa cả hai người họ về Góc Cáo, rồi sau đó họ tiếp tục lặn lội tới phi trường của Teddy ("Cháu sẽ không bao giờ đi bằng tàu hỏa được đâu." Bà nói. "Lòng cháu quá rối bời.") "Những người đàn ông mà bà quen" thường là cách nói trại đi của những người tình cũ ("Bà đã làm gì để kiếm được thứ này vậy?" Một chủ ga ra có vẻ ngoài cau có đã hỏi bà như vậy lúc họ đỗ xăng ở cây xăng của ông ta trên đường tiến về phía bắc. "Tôi đã ngủ với một người cực kì quan trọng." Izzie ngọt ngào nói).

Ursula đã không gặp Izzie từ sau đám tang của Hugh, sau lời thú nhận đáng kinh ngạc của bà rằng bà có một đứa con, và Ursula nghĩ rằng có lẽ cô nên khơi lại chủ đề ấy trên đường lái xe tới Yorkshire (một việc khá khó khăn), vì Izzie đã quá đau lòng và có lẽ bà chẳng còn ai khác để tâm sự về chuyện đó. Nhưng khi Ursula nói "Cô có muốn nói thêm về con trai của cô không?" thì Izzie nói. "Ồ, chuyện đó à?", như thể đó là một chuyện vặt vãnh. "Hãy quên những gì cô từng nói đi, lúc ấy cô chỉ đang yếu đuối thôi. Chúng ta dừng lại ở đâu đó để dùng bữa trà nhé, cô muốn ăn một cái bánh nướng, còn cháu?"



Phải, họ đã tụ họp ở Góc Cáo và không, không có "thi thể" nào cả. Lúc bấy giờ tình trạng của Teddy và tổ bay của mình đã chuyển từ "mất tích khi đang làm nhiệm vụ" thành "mất tích, có thể đã chết". Maurice nói không có chút hy vọng nào cả, họ phải ngừng nghĩ rằng vẫn còn có hy vọng. "Hy vọng luôn tồn tại." Sylvie nói.

"Không." Ursula nói. "Đôi khi thực sự không có chút hy vọng nào đâu ạ." Cô nghĩ về đứa bé. Emil. Teddy sẽ trông như thế nào? Cháy đen và rúm ró như một mẩu gỗ đã biến thành than? Có lẽ chẳng còn

lại gì, chẳng còn "thì thề". Thôi đi, thôi đi, thôi đi! Cô thì thảo. Hãy nghĩ về Teddy với hình ảnh một cậu bé đang chơi máy bay và tàu hỏa - không, thực ra như thế còn tệ hơn. Tệ hơn rất nhiều.

"Việc này cũng không bất ngờ." Nancy rầu rĩ nói. Họ đang ngồi ngoài hàng hiên. Họ đã uống khá nhiều chỗ rượu mạch nha ngon lành của Hugh. Cảm giác thật kỳ cục khi uống rượu whisky của ông lúc ông đã mất. Nó được để trong một cái bình thon cổ bằng thủy tinh có hoa văn chạm chìm đặt trên bàn làm việc trong "mật thất" của ông, và đó là lần đầu tiên cô uống nó mà không được chính tay ông rót cho. ("Con muốn uống thứ rượu ngon lành này không, gấu con?")

"Anh ấy đã thực hiện quá nhiều phi vụ." Nancy nói. "Xác suất đã rơi vào anh ấy."

"Chị biết."

"Anh ấy đã lường trước điều này." Nancy nói. "Thậm chí là chấp nhận nó. Tất cả những chàng trai ấy đều phải xác định như vậy. Em biết nghe giọng em có vẻ lạc quan." Cô ấy lặng lẽ nói tiếp. "Nhưng trái tim em đã bị vỡ làm đôi. Em đã yêu anh ấy rất nhiều. Yêu anh ấy rất nhiều. Em không biết tại sao em lại dùng thì quá khứ. Tình yêu của em không chết đi theo người em yêu. Bây giờ em còn yêu anh ấy nhiều hơn bởi vì em cảm thấy rất tiếc thương anh ấy. Anh ấy sẽ không bao giờ kết hôn, không bao giờ có con, không bao giờ được hưởng thụ cuộc sống tuyệt vời mà anh ấy vốn có quyền được hưởng. Không phải vì những thứ này." Cô ấy nói, khoát tay để chỉ Góc Cáo, tầng lớp trung lưu và nước Anh nói chung. "Mà vì anh ấy là một người đàn ông tốt. Chân thật và toàn thiện như một quả chuông hoàn hảo*, em nghĩ vậy." Cô cười. "Em biết điều đó nghe thật ngớ ngẩn. Em biết chị là người hiểu được những gì em nói. Và em không thể khóc, em thậm chí không muốn khóc. Nước mắt của em sẽ không bao giờ thể hiện được hết nỗi mất mát này."

Teddy từng nói Nancy không muốn trò chuyện, vậy mà bây giờ cô ấy chẳng muốn làm gì ngoài trò chuyện. Ursula thì hầu như chẳng nói gì mà chỉ khóc liên tục. Nước mắt không ngừng tuôn trên mặt cô. Hai mắt cô vẫn còn sưng húp và đau nhức. Crichton đã cư xử với cô rất tốt, anh ôm cô và vỗ về cô, liên tục pha trà cho cô, cô đoán đó là loại trà mà anh xoáy được từ Bộ Hải quân. Anh không nói những lời sáo rỗng, không nói mọi chuyện sẽ ổn cả, thời gian sẽ chữa lành vết thương, cậu ấy đang ở một nơi tốt đẹp hơn - anh không nói những điều vô vị như thế. Bà Woolf cũng thật tuyệt vời. Bà đến và ngồi cùng với Crichton, không bao giờ thắc mắc anh là ai, và nắm lấy tay cô, vuốt tóc cô, coi cô như một đứa trẻ không thể dễ dàng được.

Giờ thì hết rồi, cô nghĩ, uống nốt ly whisky. Giờ chỉ có sự trống rỗng. Trong tâm trí cô chỉ có một khung cảnh mênh mông trống rỗng trải dài đến tận chân trời. *Nỗi tuyệt vọng ở đằng sau, và đằng trước là cái chết.*

"Chị làm giúp em một việc được không?" Nancy hỏi.

"Được chứ, dĩ nhiên rồi. Bất cứ việc gì."

"Chị hãy tìm hiểu xem liệu anh ấy có chút cơ may sống sót nào không nhé? Chắc chắn vẫn có khả năng anh ấy bị bắt giữ, dù khả năng ấy là rất nhỏ. Em nghĩ chị có thể biết ai đó trong Bộ Không quân..."

"Chà, chị biết một cô gái..."

"Hoặc có lẽ anh Maurice biết ai đó, một người có thể... đáng tin cậy." Cô ấy đột ngột đứng lên, hơi lảo đảo vì whisky, và nói: "Em phải đi đây."



"Chúng ta đã từng gặp nhau." Roy Holt nói với cô.

"Vâng, năm ngoái tôi đã đến thăm Teddy." Ursula nói. "Tôi đã ở đây, ở White Hart, họ có phòng, chắc cậu cũng biết điều đó. Đây là quán rượu "của các cậu", không phải sao? Ý tôi là, cả phi đoàn."

"Chúng ta đã uống rượu ở quầy bar, tôi vẫn nhớ." Roy Holt nói.

"Phải, đó là một buổi tối rất vui vẻ."

Đương nhiên, Maurice chẳng được tích sự gì, nhưng Crichton đã cố gắng hỏi thăm giúp cô. Câu chuyện vẫn là vậy. Máy bay của Teddy đã rơi xuống khi đang bốc cháy, chẳng có ai nhảy ra cả.

"Cậu là người cuối cùng nhìn thấy Teddy." Ursula nói.

"Tôi thực sự không nghĩ đến điều đó." Roy Holt nói. "Ted là một phi công giỏi, nhưng chuyện này vẫn xảy ra suốt. Họ không trở về. Họ vẫn còn xuất hiện ở bữa trà nhưng không còn có mặt trong bữa sáng. Ta khóc thương họ trong một phút rồi sau đó không nghĩ về họ nữa. Chị có biết về các số liệu thống kê không?"

"Tôi biết."

Anh ta nhún vai và nói: "Có lẽ là sau chiến tranh, tôi cũng không biết nữa. Tôi không biết chị muốn tôi nói gì với chị."

"Chúng tôi chỉ muốn biết thôi." Izzie nhẹ nhàng nói. "Chúng tôi chỉ muốn biết rằng nó đã không nhảy ra khỏi máy bay. Rằng nó đã chết. Lúc ấy cậu đang bị tấn công, đang ở trong hoàn cảnh ngặt nghèo, có thể cậu không nhìn thấy hết toàn bộ vở bi kịch đáng tiếc đang diễn ra trước mắt."

"Anh ấy chết rồi, tin tôi đi." Roy Holt nói. "Cả tổ bay. Chiếc máy bay bị cháy từ đầu đến đuôi. Có lẽ lúc đó họ đã chết gần hết. Tôi có thể nhìn thấy anh ấy, máy bay của chúng tôi bay rất gần nhau, vẫn theo đúng đội hình. Anh ấy đã ngoảnh sang nhìn tôi."

"Nhìn cậu ư?" Ursula nói. Teddy, trong những giây phút cuối cùng của cuộc đời, biết rằng mình sắp chết. Nó đã nghĩ gì - nghĩ về đồng cỏ, rừng cây và con suối chảy qua rừng hoa chuông xanh? Hay nghĩ

đến những ngọn lửa đang sắp sửa nuốt chửng nó - một kẻ tử vì đạo nữa của nước Anh?

Izzie vươn tay nắm lấy tay cô. "Bình tĩnh nào." Bà nói.

"Tôi chỉ bận tâm đến việc tránh xa bọn họ. Chiếc máy bay của anh ấy đang mất kiểm soát, tôi không muốn "con ngựa bất kham" ấy đâm vào chúng tôi." Anh ta nhún vai. Anh ta vừa có vẻ trẻ trung lạ thường, vừa có vẻ già nua lạ thường.

"Chị nên sống tiếp cuộc đời mình." Anh ta cộc cằn nói, rồi dịu giọng nói thêm: "Tôi có mang theo con chó. Tôi nghĩ chị có thể muốn lấy lại nó."

Lucky đang ngủ dưới chân Ursula, nó đã mừng quính lên khi nhìn thấy cô. Teddy đã không bỏ nó lại Góc Cáo, thay vì thế anh đã mang nó lên phía bắc, tới căn cứ của anh. "Với cái tên và danh tiếng của nó, em còn có thể làm gì khác chứ?" Anh đã viết thư cho cô. Anh gửi kèm một bức ảnh tổ bay của mình, tất cả đều đang ngả ngón trên những cái ghế bành cũ, còn Lucky thì ngồi thẳng với vẻ hãnh diện trên đầu gối Teddy.

"Nhưng nó là linh vật may mắn của các cậu mà." Ursula phản đối. "Chẳng phải việc này giống như mời gọi vận xui sao? Ý tôi là, việc cậu đem cho nó đi."

"Chúng tôi chẳng có gì ngoài sự xui xẻo từ khi Ted ra đi." Roy Holt rầu rĩ nói. "Nó là con chó của Ted..." Anh ta nói thêm, nhã nhặn hơn. "... Trung thành đến giây phút cuối cùng, như người ta vẫn nói. Nó đang héo hon tiêu tụy, chị nên mang nó đi. Những người khác không thể chịu nổi khi nhìn thấy nó quanh quẩn trong phi trường chờ đợi Ted trở về. Nó chỉ nhắc họ nghĩ đến việc có lẽ lần tới sẽ đến lượt họ."

+++

"Cháu không thể chịu đựng nổi." Cô nói với Izzie khi họ lái xe đi. Cô nhớ bà Woolf cũng đã nói như vậy khi Tony chết. Người ta có thể

chịu đựng đến mức nào? Con chó đang ngồi mẩn nguyện trên đùi cô, có lẽ nó cảm nhận được ở cô phảng phất nét gì đó của Ted. Hoặc cô muốn nghĩ như thế.

"Biết làm thế nào được đây?" Izzie nói.

Chà, người ta có thể tự sát. Đáng lẽ cô cũng đã làm vậy nhưng sao cô có thể bỏ lại con chó được? "Chuyện này có ngớ ngẩn không chị?" Cô hỏi Pamela.

"Không, không ngớ ngẩn chút nào." Pamela nói.

"Con chó là tất cả những gì mà Teddy để lại."

"Đôi khi em cảm thấy nó chính là Teddy."

"Như thế mới là ngớ ngẩn đấy."

Họ đang ngồi trên bãi cỏ ở Góc Cáo sau Ngày Chiến thắng khoảng hai tuần. ("Bây giờ phần khó khăn mới bắt đầu." Pamela nói.) Họ đã không ăn mừng. Sylvie đã kỷ niệm ngày này bằng cách uống thuốc ngủ quá liều. "Mẹ thật là ích kỷ." Pamela nói. "Suy cho cùng, chúng ta cũng là con của mẹ mà."

Bà đã ôm ấp sự thật theo cách riêng của mình và nằm trên chiếc giường thời thơ ấu của Teddy, dốc cả một lọ thuốc ngủ vào miệng và nuốt trôi nhờ sự trợ giúp của chỗ rượu whisky còn sót lại của Hugh. Đây cũng là phòng ngủ của Jimmy, nhưng bà dường như không tính đến anh. Hiện giờ hai cậu con trai của Pamela ngủ trong căn phòng đó, chúng đang chơi bộ đồ chơi tàu hỏa cũ của Teddy đặt trong căn phòng cũ của bà Glover trên tầng áp mái.

Pamela, Harold và lũ trẻ sống ở Góc Cáo. Trước sự ngạc nhiên của mọi người, Bridget đã làm đúng theo lời đe dọa của cô là trở về Ireland. Sylvie, bí ẩn đến phút cuối cùng, đã bỏ lại "quả bom nổ chậm" của chính bà. Khi di chúc của bà được công bố, họ phát hiện ra bà có một ít tiền - các cổ phần và cổ phiếu, vân vân, Hugh không phải là một giám đốc ngân hàng vô dụng - số tiền đó sẽ được chia

đều nhưng Pamela là người được thừa kế Góc Cáo. "Nhưng tại sao lại là chị?" Pamela hỏi. "Chị đâu phải đứa con cưng của mẹ."

"Chẳng ai trong chúng ta là con cưng của mẹ." Ursula nói. "Chỉ có Teddy thôi. Em cho rằng nếu Teddy còn sống, mẹ sẽ để lại Góc Cáo cho nó."

"Nếu Teddy còn sống, mẹ sẽ không chết."

Maurice bưng bưng phần nộ, Jimmy chưa trở về từ chiến trận, nhưng khi anh trở về, anh sẽ chẳng quan tâm lắm. Ursula không hoàn toàn dừng dưng với sự hất hủi (một từ giảm nhẹ so với từ phản bội khá to tát), nhưng cô nghĩ Pamela là người thích hợp nhất để sống ở Góc Cáo và cô thấy mừng vì nó thuộc về cô ấy. Pamela muốn bán nó đi và chia tiền cho mọi người nhưng Harold đã thuyết phục được cô ấy từ bỏ ý định đó. Ursula đã rất ngạc nhiên về điều này, vì thuyết phục được Pamela từ bỏ điều gì là việc vô cùng khó khăn. Harold vẫn luôn ghét Maurice vì con người anh ta và quan điểm chính trị của anh ta, và Ursula nghi ngờ đây là cách mà Harold trừng phạt Maurice vì... chà... vì Maurice là Maurice. Chuyện này khá là giống trong truyện của Forster* và dễ dàng gây ra sự đố kỵ, ganh ghét lẫn nhau, nhưng Ursula quyết định mình sẽ không như thế.

Họ cùng nhau phân chia đồ đạc trong nhà. Jimmy chẳng muốn lấy gì cả, anh đã đặt vé đi New York và đã tìm được một công việc trong một công ty quảng cáo thông qua một người mà anh gặp hồi chiến tranh. "Một người đàn ông mà em quen." Anh nói, giống hệt cách nói của Izzie. Trái lại, sau khi quyết định không kiện tụng gì về di chúc ("Cho dù tôi sẽ thắng, đương nhiên rồi"), Maurice đã cho một chiếc xe tải chuyên dọn nhà đến và gần như khoáng sạch những gì có trong nhà. Chẳng có món đồ nào trong số ấy xuất hiện trong nhà của Maurice, vì vậy họ đoán anh ta đã bán chúng đi, có lẽ là vì oán giận chứ không phải vì lý do gì khác. Pamela đã khóc vì tiếc những tấm thảm và những vật trang trí xinh đẹp của Sylvie, chiếc bàn ăn

theo phong cách Nhiếp chính Phục hưng, mấy cái ghế theo phong cách thời Nữ hoàng Anne vẫn còn rất tốt, chiếc đồng hồ quả lắc kiểu đứng to lớn ở tiền sảnh, "tất cả những thứ đã ở bên chúng ta từ bé đến lớn", nhưng chuyện này có vẻ khiến Maurice ngóai giận và ngăn chặn sự bùng nổ của một cuộc chiến "huynh đệ tương tàn".

Ursula lấy cái đồng hồ quả lắc cầm tay nhỏ xíu của Sylvie. "Em chẳng muốn gì khác." Cô nói. "Chỉ mong mình luôn được chào đón khi về đây."

"Em sẽ luôn được chào đón. Em biết điều đó mà."

THÁNG 2 NĂM 1947

Tuyệt quá! Cứ như thùng hàng cứu trợ của hội Chữ Thập Đỏ vậy, cô viết và dựng tấm bưu thiếp cũ có hình cung điện Brighton lên mặt lò sưởi, bên cạnh chiếc đồng hồ của Sylvie và bức ảnh của Teddy. Cô sẽ gửi tấm bưu thiếp này trong chuyến thư chiều mai. Đương nhiên, còn lâu nữa nó mới tới được Góc Cáo.

Tấm thiếp chúc mừng sinh nhật dành cho cô cuối cùng đã đến nơi. Thời tiết đã ngăn cản bữa tiệc mừng thường lệ ở Góc Cáo. Để bù đắp cho việc đó, Crichton đã đưa cô đến Dorchester để ăn tối bên ánh nến. Khi bữa ăn diễn ra được nửa chừng thì điện tắt.

"Lãng mạn quá!" Anh nói. "Giống như ngày xưa vậy."

"Em không nhớ chúng ta từng lãng mạn." Cô nói. Cuộc tình của họ đã kết thúc cùng với chiến tranh, nhưng anh đã nhớ tới sinh nhật của cô, điều này khiến cô vô cùng xúc động. Anh tặng cô một hộp sô cô la Milk Tray để làm quà ("Anh e rằng cũng chẳng nhiều nhận gì.")

"Của Bộ Hải quân à?" Cô hỏi và cả hai người họ cùng cười. Khi cô về nhà, cô đã ăn hết cả hộp liền một lúc.



Năm giờ. Cô mang cái đĩa tới bồn rửa, bỏ chúng với những cái đĩa chưa rửa khác. Những bông tuyết xám xịt như tàn tro giờ đã dày lên thành một trận bão tuyết trên bầu trời u ám. Cô kéo tấm rèm cotton mỏng manh để cố gắng che khuất cảnh tượng ấy. Tấm rèm bị kẹt, kéo mãi cũng chẳng nhúc nhích, và cô đành bỏ cuộc vì sợ lỡ tay giật đứt nó. Khung cửa sổ đã cũ và lỏng lẻo nên gió lùa vào lạnh buốt.

Điện bị cắt và cô mò mẫm tìm nến trên mặt lò sưởi. Còn có thể tồi tệ hơn nữa không? Ursula mang cây nến và chai whisky tới giường, vẫn mặc nguyên áo khoác mà chui vào dưới những tấm chăn. Cô mệt mỏi quá! Cái đói và cái lạnh dễ dàng khiến người ta chìm vào mê man.

Ngọn lửa trên cái lò sưởi nhỏ hiệu Radiant chập chờn chực tắt. Liệu có khủng khiếp lắm không nhỉ? *Kết thúc cuộc đời vào lúc nửa đêm không chút đau đớn*. Có những cách còn tồi tệ hơn. Auschwitz, Treblinka. Chiếc Halifax của Teddy đã rơi xuống, toàn thân bao trùm trong lửa. Cách duy nhất để ngăn những giọt nước mắt là uống whisky liên tục. Chị Pammy đáng mến. Ngọn lửa trên cái lò sưởi Radiant lập lòe và tắt ngúm. Ngọn lửa mới cũng vậy. Cô tự hỏi khi nào thì có gas trở lại. Nếu mùi gas đánh thức cô, liệu cô có dậy và thắp lại lò sưởi không? Cô không mong mình chết như một con cáo bị đông cứng trong hang. Pammy sẽ nhìn thấy tấm bưu thiếp và biết rằng cô cảm kích chị ấy. Ursula nhắm mắt. Cô có cảm giác mình đã thức cả trăm năm. Cô thực sự vô cùng mệt mỏi.

Bóng tối bắt đầu phủ xuống.



Cô giật mình tỉnh dậy. Sáng rồi sao? Đèn đang bật nhưng trời vẫn tối. Cô đã mơ mình bị mắc kẹt trong một tầng hầm. Cô trèo xuống giường, vẫn còn khá lơ mơ và nhận ra chiếc radio đã đánh thức cô. Điện đã có lại đúng lúc nó phát dự báo thời tiết cho tàu bè.

Cô nhét đồng xu vào khe nạp tiền của chiếc lò sưởi Radiant và nó hoạt động trở lại. Vậy là rốt cuộc cô đã không tự làm mình bị ngạt khí gas.

THÁNG 6 NĂM 1967

Phóng viên của đài BBC nói, vào sáng nay, quân Jordan đã khai hỏa ở Tel Aviv*, bây giờ họ đang nã pháo vào Jerusalem. Anh ta đang đứng trên một con phố, có lẽ là ở Jerusalem*, bà không thực sự chú ý lắm, xa xa là tiếng đạn pháo vang rền, vì chúng ở quá xa nên sẽ không thể gây bất kỳ nguy hiểm nào cho anh ta, nhưng bộ trang phục trông giống như quần áo chiến đấu và phong cách đưa tin - sôi nổi mà trang nghiêm - khiến người xem có cảm giác anh ta thật quả cảm.

Benjamin Cole hiện là một thành viên của Quốc hội Israel. Ông ta đã chiến đấu trong Lữ đoàn Do Thái vào cuối cuộc chiến rồi gia nhập tổ chức Stem Gang* ở Palestine để chiến đấu vì tổ quốc. Ông ta từng là một chàng trai đứng đắn mẫu mực, nên chẳng ai ngờ ông ta lại trở thành một phần tử khủng bố như vậy.

Hồi chiến tranh, họ từng gặp nhau uống rượu, nhưng đó là một cuộc gặp gỡ đầy bức tức. Những rung động thời thiếu nữ của bà với ông ta đã tan biến từ lâu, trong khi thái độ dửng dưng của ông ta dành cho bà hồi còn nhỏ lại quay ngoắt một trăm tám mươi độ. Bà còn chưa uống hết cốc rượu gin (nhẹ) pha nước chanh của mình thì ông ta đã đề nghị họ "đi đâu đó".

Bà đã phẫn nộ. "Trông mình giống một người phụ nữ dễ dãi lắm hả?" Sau đó, bà đã hỏi Millie như vậy.

"Chà, tại sao lại không chứ?" Millie nhún vai. "Ngày mai chúng ta có thể bị chết vì một quả bom. Chúng ta nên *Carpe diem*."

"Đó chỉ là lời biện minh của mọi người cho hành vi xấu xa của mình." Ursula càu nhàu. "Nếu người ta tin vào hình phạt bị đày đọa vĩnh viễn ở địa ngục, họ sẽ không tận hưởng lạc thú trước mắt một

cách phóng túng như vậy." Trước đó, bà đã có một ngày tồi tệ ở văn phòng. Một nhân viên sắp xếp hồ sơ của bà nhận được tin con tàu chở bạn trai cô ấy bị đắm nên cô ấy đã bị kích động, và một tờ giấy quan trọng đã bị lẫn vào cả một biển hồ sơ khiến cả văn phòng loạn cả lên, vì vậy bà đã không "tận hưởng những phút giây vui vẻ" cùng với Benjamin Cole, mặc dù ông ta đã vội vàng áp sát người bà và nói: "Anh đã luôn cảm nhận được giữa chúng ta có một điều gì đó, còn em thì sao?"

"Em e là quá muộn rồi." Bà đã nói, cầm lấy túi xách và áo khoác. "Lần sau đến thì lại liên lạc với em nhé!" Bà đã nghĩ về bác sĩ Kellet với những luận thuyết về sự tái sinh và tự hồi kiếp sau bà muốn trở thành cái gì? Một cái cây, bà nghĩ. Một cái cây to lớn đẹp đẽ, rung rinh nhẩy nhót trong làn gió nhẹ.



Đài BBC chuyển sang đưa tin về phố Downing*. Ai đó đã từ chức. Bà đã loáng thoáng nghe thấy tin này ở văn phòng nhưng chẳng buồn bận tâm.

Bà đang ăn tối - món bánh mì nướng phết bơ nóng chảy - trên một cái khay đặt trên đầu gối. Bà thường ăn như thế này vào buổi tối. Bà cảm thấy lố bịch khi phải bày biện bàn ăn với những cái đĩa, vài lát đĩa và tất cả những vật dụng khác chỉ để phục vụ một người. Rồi thì thế nào? Lẳng lặng mà ăn hay cầm cúi vừa ăn vừa đọc một cuốn sách? Có những người cho rằng việc vừa ăn vừa xem ti vi là khởi đầu cho sự kết thúc của nền văn minh. (Nếu bà quyết liệt bênh vực những bữa tối kiểu đó thì có chứng tỏ rằng bà cùng một giuộc với những người ăn uống như vậy không?) Rõ ràng mấy người chỉ trích ấy không sống một mình. Và thực tình, khởi đầu cho sự kết thúc của nền văn minh đã xảy ra từ rất lâu rồi. Như sự kiện ở Sarajevo* chẳng hạn, hay mới đây nhất là trận Stalingrad*. Có vài người nói rằng sự kết thúc ấy bắt đầu ngay từ thuở sơ khai, ở Vườn Địa Đàng.

Dù sao đi nữa, xem ti vi thì có gì không ổn chứ? Người ta không thể tới rạp hát hoặc rạp chiếu bóng (hoặc quán rượu) hằng đêm. Và khi người ta sống một mình, người ta chỉ có thể nói chuyện với một con mèo khi ở trong nhà, và cuộc nói chuyện đó thường là độc thoại. Chó thì khác, nhưng sau Lucky bà chẳng nuôi con chó nào nữa cả. Nó đã chết vào mùa hè năm 1949 vì tuổi già, bác sĩ thú y nói vậy. Ursula vẫn luôn nghĩ nó là một con chó con. Họ đã chôn nó ở Góc Cáo, và Pamela đã mua một cây hoa hồng đỏ sẫm để trồng làm bia mộ cho nó. Khu vườn ở Góc Cáo là một nghĩa địa thực thụ dành cho lũ chó. Đi đến chỗ nào ta cũng bắt gặp một khóm hồng với một con chó chôn ở bên dưới, mặc dù chỉ có Pamela là nhớ được con nào được chôn ở đâu.

Vả chẳng, nếu không xem ti vi thì người ta có thể làm gì? (Bà sẽ không chịu chấm dứt cuộc tranh luận này cho dù bà đang tranh luận với chính mình.) Chơi ghép hình chẳng? Thật sao? Đương nhiên là có thể đọc sách, nhưng chẳng mấy ai muốn làm mất mình mệt mỏi với những con chữ thêm nữa sau một ngày làm việc vất vả với những thư tín, thông báo và chương trình nghị sự ở chỗ làm. Nghe radio hay đĩa hát đương nhiên đều tốt, nhưng trong chừng mực nào đó vẫn mang tính duy ngã. (Phải, bà đang phản đối quá nhiều.) Ít nhất khi xem ti vi người ta không phải suy nghĩ. Điều đó cũng không phải là tệ.

Bữa tối của bà muộn hơn thường lệ, bởi vì bà đã tham dự bữa tiệc chia tay bà về nghỉ hưu - cũng khá là giống với việc tham dự lễ tang của chính mình, có điều sau đó ta vẫn có thể bước đi mà thôi. Bữa tiệc khá giản dị, chỉ là kéo nhau đi uống rượu ở một quán rượu địa phương, nhưng nó khá là vui vẻ và bà nhẹ nhõm vì nó kết thúc sớm (mặc dù những người khác có thể cảm thấy chưa đã). Thứ Sáu tới bà mới chính thức nghỉ hưu, nhưng bà nghĩ tổ chức tiệc chia tay vào một ngày trong tuần thì sẽ tiện cho các nhân viên hơn. Họ có thể không thích phải từ bỏ những kế hoạch riêng của họ vào buổi tối thứ Sáu.

Trước đó, trong văn phòng, họ đã tặng bà một chiếc đồng hồ quả lắc cầm tay có khắc dòng chữ *Dành tặng Ursula Todd, để tri ân những năm tháng tận tụy cống hiến*. Chúa ơi, bà nghĩ, quả là một "văn bia" nhàm chán. Đó là loại quà truyền thông, và bà không nỡ nói với họ rằng bà đã có một cái đồng hồ như thế rồi, và nó còn tốt hơn kia. Nhưng họ còn tặng bà một cặp vé (có giá trị) đến xem một buổi hòa nhạc biểu diễn các tác phẩm của Beethoven. Họ thật chu đáo - bà ngờ rằng việc này là do bàn tay của Jacqueline Roberts, thư ký của bà, sắp xếp.

"Bà đã giúp mở đường để những người phụ nữ có thể ngồi ở vị trí cao hơn trong ngành dân chính." Jacqueline khẽ nói với bà khi đưa cho bà một ly Dubonnet, thức uống ưa thích của bà dạo gần đây. Có điều, bà nghĩ, thật không may, cái vị trí đó cũng chẳng cao lắm. Chẳng có quyền lực gì. Thứ quyền lực ấy vẫn được dành cho những người như Maurice trong cái thế giới này.

"Nào, cụng ly!" Bà nói, cụng ly của mình vào ly rượu vang đỏ có dính thêm lát chanh của Jacqueline. Bà không uống nhiều, chỉ thi thoảng uống một ly Dubonnet hay một chai rượu vang đỏ burgundy ngon lành vào cuối tuần. Không giống như Izzie. Izzie vẫn đang cư ngụ trong ngôi nhà ở đường Melbury, lang thang qua những căn phòng của nó như một bà Havisham* nát rượu. Ursula tới thăm bà vào mỗi sáng thứ Bảy, mang theo một túi thực phẩm, nhưng dường như hầu hết trong số đó đều sẽ bị ném đi. Giờ đây chẳng còn ai đọc *Những cuộc phiêu lưu của Augustus* nữa. Teddy sẽ cảm thấy nhẹ nhõm nhưng Ursula thì lại thấy tiếc, như thể một phần nhỏ nữa của anh đã bị thế giới này quên lãng.

"Bây giờ em nghỉ hưu rồi." Maurice nói. "Có lẽ em sẽ nhận được một tấm huân chương, em biết đấy. Một tấm MBE* hay đại loại thế." Ông ta đã được phong tước hiệp sĩ trong đợt vinh danh vừa rồi. ("Chúa ơi!" Pamela nói. "Đất nước này đang đi đến đâu vậy?") Ông ta đã gửi đến từng thành viên trong gia đình mình một tấm ảnh đóng

khung của chính anh ta đang cúi đầu dưới thanh gương của Nữ hoàng trong phòng khiêu vũ của cung điện hoàng gia. "Ồ, anh ta thật ngạo mạn." Harold cười.

Bà Woolf sẽ là người bạn đồng hành tuyệt vời cho buổi đi xem hòa nhạc ở phòng hòa nhạc Albert này. Lần cuối Ursula nhìn thấy bà chính là ở nơi đó, trong buổi hòa nhạc kỷ niệm ngày sinh lần thứ bảy mươi lăm của Henry Wood vào năm 1944. Vài tháng sau, bà đã thiệt mạng trong vụ tấn công bằng tên lửa ở Aldwych. Anne, cô gái ở Bộ Không quân, cũng bị chết trong vụ tấn công đó. Lúc bấy giờ cô ấy đang tắm nắng và ăn trưa trên nóc tòa nhà của Bộ cùng với một nhóm đồng nghiệp nữ. Đã lâu lắm rồi. Vậy mà mới như ngày hôm qua vậy.

Hôm đó Ursula đã hẹn gặp cô ấy ở công viên St James vào giờ ăn trưa. Cô gái ở Bộ Không quân - Anne - nói rằng cô ấy có chuyện muốn nói với bà, và Ursula đã tự hỏi có phải cô ấy có thông tin gì về Teddy không. Có lẽ họ đã tìm thấy những mảnh vụn của máy bay hoặc một cái xác. Từ lâu bà đã chấp nhận rằng Teddy đã ra đi mãi mãi, nếu Teddy là một tù binh chiến tranh hoặc đã trốn thoát sang Thụy Điển thì lúc bấy giờ họ đã phải nghe được tin về Teddy rồi.

Vào phút chót, định mệnh đã can thiệp trong hình hài của ông Bullock. Ông ta đã bất ngờ xuất hiện ở cửa nhà bà vào tối hôm trước (làm thế nào mà ông ta biết địa chỉ của bà nhỉ?) để hỏi xem liệu bà có thể đi cùng ông ta tới tòa án để làm chứng cho nhân cách tốt đẹp của ông ta không. Ông ta đã bị ra tòa vì một vụ buôn gian bán lận ở chợ đen. Điều này cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Bà là lựa chọn thứ hai của ông ta, sau bà Woolf, nhưng lúc đó bà Woolf đang phải phụ trách cả một quận, chịu trách nhiệm với mạng sống của hai trăm năm mươi nghìn con người và tất cả những người đó đều được bà xếp trên ông Bullock. "Những hành động liều lĩnh" trong thị trường chợ đen của ông ta đã khiến bà Woolf quay lưng lại với ông ta. Vào năm 1944, không còn thành viên nào trong đội dân phòng của Ursula còn ở đó nữa.

Ursula đã giật mình khi biết tin ông Bullock sẽ phải đến tòa án tối cao ở Old Bailey, bà cứ tưởng đó chỉ là một tội nhẹ được xử ở tòa án sơ thẩm. Bà đã đợi trong vô vọng suốt cả buổi sáng để được gọi lên làm chứng, và ngay khi phiên tòa tạm nghỉ để ăn trưa, bà đã nghe thấy một tiếng nổ uỳnh vang dội nhưng không hề biết rằng đó là cuộc tàn sát bằng tên lửa ở Aldwych. Ông Bullock, khỏi cần phải nói, đã được tuyên bố vô tội.



Crichton đã đi cùng Ursula tới tang lễ của bà Woolf. Ông là người đáng tin cậy, nhưng cuối cùng ông đã ở lại Wargrave.

"Các ngài được mô yên mả đẹp, và danh thơm mãi lưu truyền hậu thế." Mục sư oang oang nói như thể những người đang tụ họp ở đây đều có vấn đề về thính lực. "Sách *Huấn ca* chương 44, câu 14." Ursula không tin điều đó. Ai sẽ nhớ Emil hay Renee chứ? Hay cậu bé Tony tội nghiệp và Fred Smith. Và cả bà Woolf nữa. Ursula đã quên gần hết tên của những người chết. Và tất cả những viên phi công đó, tất cả những cuộc đời trẻ trung đã mất đi đó. Khi Teddy qua đời, anh đang là sĩ quan chỉ huy trong phi đoàn của mình và anh mới hai mươi chín tuổi. Sĩ quan chỉ huy trẻ nhất mới hai mươi hai. Thời gian đã bỏ lại những chàng trai ấy ở đằng sau, giống như nó đã làm với Keats.

Họ hát bài *Tiến lên, hỡi các chiến binh Cơ Đốc giáo*. Crichton có giọng nam trung khá tốt mà cô chưa bao giờ được nghe. Cô đoán chắc bà Woolf sẽ thích những bản giao hưởng của Beethoven hơn là những giai điệu khơi gợi tinh thần chiến đấu của nhà thờ như thế này.

Bà Woolf đã hy vọng rằng nhạc của Beethoven có thể hàn gắn thế giới thời hậu chiến, nhưng những khẩu bích kích pháo nhắm vào Jerusalem có vẻ là cú đòn cuối cùng dập tắt sự lạc quan của bà. Bây giờ Ursula đã bằng tuổi bà Woolf hồi cuộc chiến lần trước nổ ra.

Lúc đó Ursula đã thấy bà Woolf thật là già. "Và bây giờ đến lượt chúng ta già rồi." Bà nói với Pamela.

"Em mà già cái gì chứ! Em còn chưa đến sáu mươi. Thế chưa phải là già."

"Em cảm thấy như vậy."

Khi các con đã trưởng thành và không còn cần đến sự giám sát liên tục của bà nữa, Pamela đã trở thành một người phụ nữ chuyên làm việc thiện. (Ursula không phê phán mà khá đồng tình là khác.) Bà trở thành một thẩm phán hòa giải của tòa sơ thẩm, và cuối cùng là một chánh thẩm. Bà hoạt động rất tích cực trong các hội từ thiện. Năm ngoái, bà đã giành được một vị trí trong hội đồng địa phương với tư cách ủy viên độc lập. Và bà còn phải chăm sóc ngôi nhà (mặc dù bà có "một người phụ nữ làm việc đó") cùng khu vườn rộng mênh mông. Năm 1948, khi Dịch vụ Y tế Quốc gia NHS ra đời, Harold đã tiếp quản phòng khám cũ của bác sĩ Fellowes. Ngôi làng đã phát triển, ngày càng có nhiều ngôi nhà mọc lên. Đồng cỏ đã biến mất, rừng cây nhỏ cũng vậy, nhiều cánh đồng thuộc gia trang của Lâu đài Ettringham đã bị bán cho một nhà phát triển dự án. Bản thân Lâu đài bị bỏ trống và khá hoang tàn. (Có người tính đến chuyện biến nó thành một khách sạn.) Nhà ga nhỏ đã bị Beeching* khai tử và hai tháng trước đã đóng cửa, bắt chắp một chiến dịch quả cảm do Pamela dẫn dắt nhằm duy trì nó.

"Nhưng xung quanh đây vẫn rất xinh đẹp." Ursula nói. "Chỉ cần cuộc bộ năm phút là đã ở giữa vùng đồng quê thoáng đãng. Và khu rừng lớn còn chưa bị động đến. Vẫn chưa bị."

Sarah. Ursula sẽ dẫn Sarah đi cùng mình tới buổi hòa nhạc. Sự kiên nhẫn của Pamela đã được đền đáp - một cô con gái chào đời vào năm 1949. Sau mùa hè cô sẽ vào học ở trường Cambridge - chuyên ngành Khoa học. Cô là một người thông minh, giỏi toàn diện giống như mẹ mình. Ursula rất quý Sarah. Vai trò của một người dì đã giúp lấp kín khoảng trống đã hình thành trong trái tim bà từ lúc

mất Teddy. Đạo gần đây bà thường hay nghĩ - giá mà bà có một đứa con... Bà đã có nhiều cuộc tình trong những năm qua, mặc dù không có mối tình nào sâu đậm (đương nhiên, chủ yếu là lỗi của bà vì thiếu "sự tận tâm"), nhưng bà chưa từng mang thai, chưa từng làm mẹ hoặc làm vợ, và chỉ khi bà nhận ra rằng đã quá muộn, rằng chuyện đó không bao giờ có thể xảy ra được nữa, bà mới hiểu mình đã đánh mất thứ gì. Cuộc đời của Pamela sẽ vẫn tiếp diễn sau khi bà ấy mất, các con cháu của bà ấy tản đi khắp thế giới giống như những con nước ở một vùng châu thổ, nhưng khi Ursula chết, cuộc đời bà chỉ đơn giản là chấm dứt. Một dòng suối cạn khô.



Họ tặng bà cả hoa nữa, Ursula ngờ rằng đó cũng là ý tưởng của Jacqueline. Chúng vẫn còn tươi rói sau buổi tối ở quán rượu, ơn Chúa. Những bông huệ tây màu hồng đáng yêu ấy hiện đang nằm trên nóc tủ búp phê của bà, mùi hương nồng nàn của chúng cứ thế lan tỏa khắp phòng. Phòng khách quay mặt về hướng tây và hứng trọn ánh tà dương. Ngoài trời vẫn còn sáng, những cái cây trong khu vườn chung đang mọc lá non xanh tốt. Căn hộ này rất đẹp, nó nằm gần nhà nguyện Brompton. Bà đã dồn toàn bộ số tiền mà Sylvie để lại cho bà để mua nó. Căn bếp nhỏ và buồng tắm của căn hộ đều được thiết kế hiện đại, nhưng bà đã tránh dùng những món đồ hiện đại khi bài trí. Sau chiến tranh, bà đã mua những món đồ nội thất cổ điển đơn giản, trang nhã trong khi chẳng còn ai muốn dùng chúng nữa cả. Khắp căn hộ được trải những tấm thảm vừa vặn màu xanh lá liễu nhạt, còn những tấm rèm thì cùng một loại với những tấm vải bọc ghế - đó là loại vải Morris có họa tiết tinh tế. Các bức tường được quét một lớp sơn nước màu vàng chanh nhạt khiến nơi này có vẻ sáng sủa và thông thoáng ngay cả vào những ngày mưa. Có vài món đồ sành sứ Meissen và Worcester - bao gồm đĩa đựng bánh kẹo và một bộ đồ trang trí - cũng được bà mua với cái giá rất rẻ sau chiến tranh. Và bà luôn cắm hoa, Jacqueline biết điều đó.

Vật thể lạc điệu duy nhất là một cặp cáo bằng gốm Staffordshire màu cam chói mắt, mỗi con đều ngoạm theo một con thỏ chết. Bà đã mua chúng ở đường Portobello từ đời nào đời nào mà bà chẳng còn nhớ nổi. Chúng đã khiến bà nghĩ về Góc Cáo.

"Cháu thích đến đây." Sarah nói. "Dì có những món đồ xinh đẹp và nhà cửa lúc nào cũng rất gọn gàng, sạch sẽ, chẳng giống ở nhà cháu chút nào."

"Cháu có thể gọn gàng và sạch sẽ khi cháu sống một mình." Ursula nói, nhưng vẫn phồng mũi bởi lời khen ấy. Bà cho rằng bà nên lập di chúc và để lại những món đồ tuyệt vời của mình cho ai đó. Bà muốn cho Sarah thừa kế căn hộ nhưng ký ỨC về sự vơ vét đồ đạc ở Góc Cáo khi Sylvie qua đời khiến bà do dự. Ta có nên tỏ rõ sự thiên vị của mình như vậy không? Có lẽ là không. Bà phải chia nhà cửa của mình cho tất cả bảy đứa cháu cả trai lẫn gái, ngay cả những đứa bà không ưa hoặc chưa bao giờ gặp. Jimmy, đương nhiên, chưa từng lấy vợ và không có con. Hiện ông đang sống ở California. "Cậu ấy là người đồng tính, em cũng biết điều đó, đúng không?" Pamela nói. "Cậu ấy luôn tỏ rõ xu hướng giới tính của mình." Đó chỉ là lời kể chứ không phải sự chỉ trích, nhưng trong lời nói của bà vẫn có một chút ý tọc mạch và cao ngạo, như thể bà giỏi đối mặt với những tư tưởng tự do hơn. Ursula tự hỏi không biết chị gái mình có biết về "xu hướng giới tính" của Gerald không.

"Jimmy chỉ là Jimmy thôi." Bà nói.



Tuần trước, khi bà đi ăn trưa về, bà đã thấy một tờ *The Times* nằm chình ình trên bàn làm việc của mình. Nó đã được gấp lại ngay ngắn, chỉ để lộ ra mục cáo phó. Trên đó có một bức ảnh Crichton mặc quân phục, được chụp trước khi bà quen ông. Bà đã quên mất là ông điển trai thế nào. Mẩu tin được dành cho khá nhiều đất trên trang báo, đương nhiên nó có nhắc đến trận Jutland. Bà biết được

rằng vợ ông, Moira, đã "qua đời trước" ông, ông đã có mấy đứa cháu ngoại và là một tay golf hăng hái. Ông vốn luôn ghét chơi golf, bà tự hỏi sự thay đổi của ông diễn ra từ khi nào. Và ai đã đề tờ *The Times* lên bàn làm việc của bà? Sau bao nhiêu năm qua, ai còn nghĩ đến việc nói với bà về chuyện này? Bà không biết và cho rằng mình sẽ không bao giờ biết. Trong thời gian họ đan dứu với nhau, có thời điểm ông thường có thói quen để lại những tờ giấy nhắn trên bàn làm việc của bà, những mẩu thư tình nhỏ khá tục tĩu xuất hiện như có ma thuật. Có lẽ chính người đưa thư vô hình ấy đã mang tờ *The Times* đến chỗ bà sau bao nhiêu năm qua.

"Người đàn ông ở Bộ Hải quân đã chết rồi." Bà nói với Pamela. "Đương nhiên, ai mà chả chết chứ."

"Chà, đó là điều hiển nhiên mà." Pamela cười.

"Không, ý em là, tất cả những người mà ta từng quen biết, bao gồm cả chính ta, rồi sẽ chết vào một ngày nào đó."

"Đó vẫn là một điều hiển nhiên."

"*Amor fati*." Ursula nói. "Nietzsche viết về điều đó suốt. Hồi trước em chẳng hiểu gì cả, em cứ nghĩ nó là "*a more fatty*". Chị có nhớ em từng phải đi khám bác sĩ tâm thần không? Bác sĩ Kellet ấy? Trong tâm can, ông ấy là một nhà triết học."

"Nó có nghĩa là "Hãy yêu lấy vận mệnh của mình"?"

"Nó có nghĩa là chấp nhận. Bất cứ chuyện gì xảy ra với chị, dù là điều tốt hay điều xấu, chị cũng hãy bình thản dang tay đón nhận. Em cho rằng cái chết cũng chỉ là một thứ mà ta phải đón nhận mà thôi."

"Nghe như triết lý Phật giáo ấy. Chị đã nói với em rằng Chris sẽ tới Ấn Độ chưa? Nó sẽ tới một dạng tu viện nào đó mà nó gọi là "chốn lánh đời". Nó cảm thấy khó mà gắn bó với bất cứ thứ gì sau khi rời trường Oxford. Nó có vẻ là một "hippie* ". Ursula nghĩ Pamela quá cứng chiều đứa con trai thứ ba. Christopher khiến bà rùng mình. Bà cố nghĩ ra một từ khác rộng lượng hơn nhưng không nghĩ ra nổi.

Cậu là kiểu người nhìn chăm chăm vào đối phương với một nụ cười đầy ẩn ý trên mặt, như thể cậu cao siêu hơn họ cả về trí tuệ lẫn tâm hồn, trong khi thực tế cậu chỉ là một kẻ giao tiếp xã hội kém.

Mùi hoa huệ tây lúc chúng mới được cắm vào nước mới tuyệt diệu làm sao, nhưng bây giờ nó đang bắt đầu khiến bà thấy hơi nôn nao. Căn phòng thật ngọt ngào. Bà nên mở một ô cửa sổ. Bà đứng dậy để mang đĩa tới bồn rửa trong bếp nhưng rồi một cơn đau lập tức nhói lên nơi thái dương bên phải khiến bà xây xẩm mặt mày. Bà phải ngồi xuống trở lại và đợi nó qua đi. Những cơn đau này đã hành hạ bà hàng tuần nay rồi. Đầu tiên là một sự đau buốt dữ dội rồi sau đó đầu bà trở nên nặng trĩu và kêu lên ong ong. Hoặc thi thoảng chỉ là một cơn đau khủng khiếp như thể có ai đó đang gõ vào đầu bà. Bà nghĩ chắc là bà bị huyết áp cao, nhưng sau khi kiểm tra, bệnh viện chẩn đoán "có lẽ" bà bị chứng đau dây thần kinh. Bà được phát những viên thuốc giảm đau loại mạnh và được dặn dò rằng tình trạng của bà chắc chắn sẽ đỡ hơn khi nào bà nghỉ hưu. "Bà sẽ có thời gian để thư giãn, bà cứ an tâm." Bác sĩ nói với bà bằng giọng nói đặc biệt dành cho người lớn tuổi.

Cơn đau trôi qua và bà rón rén đứng dậy.

Bà sẽ làm gì với thời gian còn lại của mình? Bà phân vân nghĩ đến việc chuyển về vùng đồng quê, sống trong một ngôi nhà nhỏ, tận hưởng cuộc sống thôn dã, có lẽ bà sẽ chọn một nơi nào đó gần Pamela. Bà nghĩ đến St Mary Mead* hoặc Fairacre của Miss Read*. Có lẽ bà có thể viết một cuốn tiểu thuyết? Việc đó chắc chắn sẽ lấp kín thời gian của bà. Và nuôi một con chó, đã đến lúc để bà kiếm một con chó khác rồi. Pamela đang nuôi những chú chó thuộc giống Golden Retriever*, chết con này lại thay thế bằng con khác, và Ursula không thể phân biệt nổi con nào với con nào.

Bà rửa ráy xoong nồi bát đĩa. Bà nghĩ bà nên đi ngủ sớm, pha một cốc Ovaltine* và mang theo cuốn sách đang đọc dở lên giường. Bà đang đọc cuốn *The Comedians* của Greene*. Có lẽ bà thực sự

cần nghỉ ngơi nhiều hơn nhưng dạo gần đây bà lại sợ ngủ. Bà có những giấc mơ sống động đến nỗi thi thoảng bà cảm thấy khó có thể chấp nhận được rằng chúng không phải là thật. Có vài lần bà đã tin rằng một chuyện lạ lùng nào đó từng thực sự xảy ra với bà trong khi, theo logic, rõ ràng là không phải. Và việc bị ngã nữa. Bà luôn mơ thấy mình bị ngã, ngã cầu thang, ngã khỏi những vách đá, đó là một cảm giác vô cùng khó chịu. Phải chăng đây là dấu hiệu ban đầu của chứng mất trí? Sự khởi đầu của kết thúc. Kết thúc của sự khởi đầu.

Từ cửa sổ phòng ngủ của mình, bà có thể nhìn thấy vầng trăng tròn vành vạnh đang nhô lên. Nữ hoàng mặt trăng của Keats, bà nghĩ. *Dịu dàng là đêm*. Con đau đầu quay trở lại. Bà hứng một cốc nước ở vòi và uống hai viên thuốc giảm đau.



"Nhưng nếu Hitler bị giết trước khi hắn trở thành quốc trưởng, cuộc xung đột giữa Ả Rập và Israel này có được ngăn chặn không?" Cuộc chiến Sáu ngày* - cái tên người ta đặt cho nó - đã kết thúc. Quân đội Israel đã chiến thắng. "Ý di là, di hiểu tại sao người Do Thái lại muốn lập ra một nhà nước độc lập và bảo vệ nó một cách quyết liệt..." Ursula tiếp tục. "... Và di luôn thấy đồng tình với đại nghĩa của những người theo chủ nghĩa phục quốc Do Thái, ngay cả trước khi chiến tranh xảy ra, thế nhưng, mặt khác, di cũng hiểu tại sao các quốc gia Ả Rập lại quá phần nộ như vậy. Nhưng nếu Hitler không thể gây ra nạn diệt chủng..."

"Bởi vì hắn đã chết?"

"Ừ, bởi vì hắn đã chết. Vậy thì việc ủng hộ cho một nhà nước Do Thái sẽ vô cùng yếu ớt..."

"Lịch sử toàn là những cái 'nếu như'." Nigel nói. Cậu là con đầu lòng của Pamela và cũng là đứa cháu cưng của Ursula. Cậu đang là

trợ giáo môn Lịch sử ở trường Brasenose, ngôi trường cũ của Hugh. Bà đang đãi cậu ăn trưa ở tiệm Fortnum's.

"Thật là tuyệt khi được trò chuyện với một người thông minh." Bà nói. "Dì đã đi nghỉ ở miền Nam nước Pháp với người bạn của dì, Millie Shawcross, cháu đã gặp dì ấy chưa? Chưa à? Dì ấy không còn mang cái họ đó nữa, dì ấy đã trải qua mấy đời chồng, người sau lại giàu có hơn người trước."

Millie, cô dâu thời chiến lấy chồng ngoại quốc, đã vội vàng từ Mỹ trở về ngay khi có thể. Bà nói gia đình mới của bà là "cao bồi". Bà đã trở về để tiếp tục "bước trên sân khấu" và có vài mối tình bất hạnh trước khi "sa vào hố vàng" là con dòng cháu giống của một gia đình dầu mỏ sống lưu vong để tránh thuế.

"Dì ấy sống ở Monaco. Đất nước ấy cực kì nhỏ, dì cũng không biết là nhỏ đến mức nào nữa. Đạo gần đây dì ấy khá ngốc nghếch. Dì đang nói huyền thuyên phải không?"

"Không phải đâu ạ. Cháu rót cho dì ít nước nhé?"

"Những người sống một mình thường có xu hướng lắm nhảm như vậy đấy. Những người như dì chẳng có chừng mực nào cả, ít nhất là về khoản ăn nói."

Nigel mỉm cười. Cậu đeo một cặp kính trông có vẻ nghiêm túc và được kế thừa nụ cười duyên dáng của Harold. Khi cậu cởi kính ra để lau bằng khăn ăn, trông cậu rất trẻ.

"Trông cháu trẻ quá." Ursula nói. "Đương nhiên là cháu vẫn còn trẻ. Dì cứ như một bà dì lắm cẩm ấy nhỉ?"

"Chúa ơi, không đâu ạ." Cậu nói. "Dì là người thông minh nhất mà cháu từng biết."

Bà phết bơ vào một ổ bánh mì tròn, cảm thấy khá vui trước lời khen này. "Dì từng nghe ai đó nói nhận thức muộn màng là một điều

tuyệt vời. Nếu tất cả chúng ta đều sáng suốt, sẽ chẳng có cái gọi là lịch sử."

"Có lẽ họ nói đúng đấy ạ."

"Nhưng thử nghĩ xem lịch sử sẽ thay đổi thế nào." Ursula khẳng định. "Bức màn sắt* có thể sẽ không được hạ xuống và nước Nga sẽ không thể nuốt chửng Đông Âu."

"Nuốt chửng?"

"Chà, đó chỉ là sự tham lam thuần túy. Và người Mỹ có thể không phục hồi được nhanh đến vậy sau cuộc Suy thoái nếu không có nền kinh tế dựa vào chiến tranh, và kết quả là nó sẽ không có nhiều ảnh hưởng với thế giới thời hậu chiến như thế..."

"Rất nhiều người sẽ vẫn còn sống."

"Chà, đúng vậy, hiển nhiên rồi. Và cả bộ mặt văn hóa của châu Âu cũng sẽ khác đi bởi những người Do Thái. Và hãy nghĩ đến tất cả những con người lưu lạc đó, phải lê la từ đất nước này sang đất nước khác. Và Anh quốc vẫn sẽ là một đế quốc, hay ít nhất đế quốc ấy sẽ không sụp đổ nhanh đến thế - đương nhiên, dĩ nhiên nói làm đế quốc là một điều tốt. Và chúng ta sẽ không khánh kiệt và phải trải qua một khoảng thời gian khủng khiếp để hồi phục cả về tài chính và tâm lý. Và không có Thị trường chung..."

"Dù sao đi nữa nó sẽ không cho chúng ta gia nhập."

"Thử nghĩ xem châu Âu sẽ hùng mạnh ra sao!

Nhưng có lẽ Goering* hoặc Himmler sẽ bước chân vào. Và mọi thứ vẫn sẽ xảy ra như vậy."

"Có lẽ vậy. Nhưng Quốc xã chỉ là một đảng nhỏ cho đến khi họ nắm được quyền lực trong tay. Họ toàn là những kẻ cuồng tín, nhưng không ai trong số họ có sức hút như Hitler."

"Ồ, dĩ nhiên." Ursula nói. "Hắn cực kì có sức hút. Người ta nói về sức hút như thể nó là một thứ gì đó tuyệt vời lắm, nhưng thực tế đó

chính là sự mê hoặc - theo đúng nghĩa cổ của từ này, như thể bỏ bùa vậy, cháu biết chứ? Dì nghĩ sức hút ấy nằm ở đôi mắt, hấn có đôi mắt rất quyến rũ. Nếu cháu nhìn vào mắt hấn, cháu sẽ cảm thấy cháu đang có nguy cơ tin tưởng..."

"Dì đã gặp hấn rồi ạ?" Nigel kinh ngạc hỏi.

"À." Ursula nói. "Không hấn. Cháu muốn ăn tráng miệng không, cháu yêu?"



Trời tháng Bảy nóng như đổ lửa khi bà rời tiệm Fortnum's và đi bộ về dọc theo đường Piccadilly. Ngay cả các màu sắc cũng có vẻ nóng bức. Dạo này mọi thứ đều chói lọi - những thứ trẻ trung chói lọi. Trong văn phòng của bà, có những cô gái mặc những chiếc váy giống hết phần vải che thanh treo rèm. Giới trẻ ngày nay rất hăng hái, như thể chúng đã phát minh ra tương lai. Thế hệ trước đã chiến đấu trong cuộc chiến vì thế hệ này và bây giờ chúng liền thoảng bàn tán về từ "hòa bình" như thể nó là một khẩu hiệu quảng cáo. Chúng chưa từng trải qua cuộc chiến tranh nào ("Đó là một điều tốt." Bà nghe thấy Sylvie nói. "Bất kể chúng tỏ ra bất mãn thế nào."). Theo lời Churchill, chúng đã được trao cho quyền sở hữu tự do. Bà cho rằng bây giờ chúng làm gì với bản thân mình là chuyện của chúng. (Nghe bà nói cứ như bà là một bà già hủ lậu vậy, bà đã trở thành người mà bà luôn nghĩ là mình sẽ không bao giờ trở thành.)



Bà nghĩ là bà có thể đi dạo qua các công viên, bèn băng qua đường để đi vào công viên Xanh. Bà luôn tản bộ trong các công viên vào ngày Chủ nhật, nhưng bây giờ, khi bà đã nghỉ hưu, ngày nào với bà cũng là ngày Chủ nhật. Bà cứ thế bước đi, băng qua cung điện Pha Lê và bước vào công viên Hyde, mua một que kem từ một ki ốt bên cạnh hồ Serpentine và quyết định thuê một cái ghế sưởi

nắng. Bà mệt mỗi khùng khiếp, có vẻ bữa trưa đã khơi lên sự mệt mỏi ấy.

Hắn là bà đã ngủ gật - đúng là căng da bụng thì chùng da mắt. Những con thuyền đang bồng bênh trên mặt nước, người ta đang đập vịt, cười đùa.Ồ, chết tiệt, bà nghĩ, bà cảm thấy một cơn đau đầu xuất hiện nhưng bà chẳng mang theo viên thuốc giảm đau nào trong túi xách cả. Có lẽ bà nên vẫy một chiếc tắc xi trên Carriage Drive, bà sẽ không thể đi bộ về nhà trong tiết trời oi bức này, với cơn đau đầu này. Nhưng sau đó, khác với thường lệ, cơn đau trở nên dịu đi. Bà lại nhắm mắt, ánh mặt trời vẫn nóng rực và chói chang. Bà cảm thấy cực kì uể oải.

Thật kỳ quặc khi ngủ giữa mọi người như thế này. Đáng lẽ điều này phải khiến bà cảm thấy không an tâm, nhưng thay vì thế bà lại có cảm giác thoải mái. Câu thoại của Tennessee William là gì nhỉ - *sự tốt bụng của những người lạ?* "Tiếng hát vĩnh biệt"* của Millie trên sân khấu, hơi thở cuối cùng của con thiên nga đang hấp hối, là diễn vai Blanche DuBois trong vở kịch *Chuyến tàu mang tên dự vọng* dựng lại vào năm 1955 ở Bath.

Bà thiếp đi trong tiếng ru của những âm thanh lao xao ở công viên. Ý nghĩa của cuộc sống không phải là trở thành cái gì, đúng không? Ý nghĩa của cuộc sống chính là sống. Bác sĩ Kellet sẽ đồng tình với ý nghĩ này. Và mọi thứ đều là phù du, nhưng mọi thứ cũng là vĩnh cửu, bà mơ màng nghĩ. Một con chó đang sủa ở đâu đó. Một đứa trẻ cất tiếng khóc. Đứa trẻ đó là con của bà, bà có thể cảm nhận được trọng lượng nhẹ nhàng của nó trong vòng tay mình. Đó là một cảm giác tuyệt vời. Bà đang mơ. Bà đang ở trên một đồng cỏ - lạnh, phi yến, mao lương hoa vàng, mỹ nhân thảo, cầm chướng đỏ và cúc mắt bò - và những bông hoa giọt tuyết trái mùa. Thế giới trong mơ thường kỳ quặc như vậy, bà nghĩ, và nghe thấy âm thanh của chiếc đồng hồ quả lắc cầm tay nhỏ xíu của Sylvie điểm chuông báo hiệu nửa đêm. Ai đó đang hát, một đứa bé, một giọng hát non nớt nhỏ nhẹ lúng búng theo giai điệu, *Tôi có một cái cây nhỏ, nó*

chẳng có lá có hoa. Muskatnuss, bà nghĩ - nó có nghĩa là "hạt nhục đậu khấu" trong tiếng Đức. Bà đã cố nhớ ra từ đó bấy lâu nay và bây giờ nó đột nhiên nảy bật ra trong đầu bà.

Giờ thì bà đang ở trong một khu vườn. Bà có thể nghe thấy vắng vắng tiếng lanh canh của cốc chén va vào đĩa lót, tiếng lạch cạch, rì rì của máy xén cỏ, và có thể ngửi thấy mùi hương ngọt ngào hăng nồng của những bông cẩm chướng. Một người đàn ông nhấc bà lên và tung bà lên cao, những viên đường rải rác trên một bãi cỏ. Có một thế giới khác nhưng nó vẫn chính là thế giới này. Bà cho phép mình bật cười khúc khích dù bà nghĩ rằng tự cười một mình ở chốn công cộng là biểu hiện của việc bị điên.

Bất chấp cái nóng oi ả mùa hè, tuyết bắt đầu rơi. Suy cho cùng, đó là điều thường xảy ra trong những giấc mơ. Tuyết bắt đầu phủ lên mặt bà, mang lại cảm giác mát lạnh và dễ chịu trong thời tiết này. Và rồi bà thấy mình đang rơi, rơi vào bóng tối, đen ngòm và sâu thẳm...

Thế rồi tuyết lại rơi - những bông tuyết trắng tinh như hân hoan chào đón bà, một tia nắng chói mắt giống như thanh kiếm sắc bén đâm xuyên qua những tấm rèm dày dặn, và bà đang được bế lên, được nâng niu trong vòng tay mềm mại.

"Em sẽ gọi con là Ursula." Sylvie nói. "Anh thấy thế nào?"

"Anh thích cái tên đó." Hugh nói. Mặt ông lơ mờ hiện ra. Bộ ria cắt tỉa gọn gàng và hai viền tóc mai dài, đôi mắt màu xanh lá âm thầm, ấm áp. "Chào mừng con đến với thế giới này, gấu nhỏ." Ông nói.

KẾT THÚC CỦA SỰ KHỞI ĐẦU



"Chào mừng con đến với thế giới này, gấu nhỏ." Đó là cha của bà. Bà được thừa kế đôi mắt của ông.



Như thường lệ, Hugh đã đi đi lại lại dọc theo tấm thảm Voysey ở hành lang tầng trên, bị chặn lại bên ngoài chốn linh thiêng trong kia. Anh không biết rõ các chi tiết của những việc đang diễn ra đằng sau cánh cửa, và vô cùng biết ơn vì mình không cần phải tường tận quá trình sinh nở. Sylvie la hét như bị tra tấn hoặc sát hại. Phụ nữ quả là vô cùng dũng cảm, Hugh nghĩ. Anh hút hết điều thuốc này đến điều thuốc khác để ngăn chặn bất cứ cơn nôn nao nào, vì nếu anh nôn ọe thì sẽ chẳng xứng mặt đàn ông.

Giọng nói trầm tĩnh, bình thản của bác sĩ Fellowes khiến anh an tâm đôi chút, nhưng thật không may, những lời lảm nhảm đầy kích động bằng tiếng Celtic của cô hầu gái phụ giúp việc nấu ăn rửa bát chốc chốc lại vọng ra, đối chọi với âm thanh khiến người ta yên lòng kia. Bà Glover đâu rồi nhỉ? Đôi khi một bà đầu bếp có thể rất được việc vào những thời điểm như thế này. Bà đầu bếp của ngôi nhà ở Hampstead trong thời thơ ấu của anh đã rất điềm tĩnh trong một lần anh bị bệnh.

Trong phòng bỗng xôn xao náo động báo hiệu một chiến thắng vĩ đại hoặc một thất bại to lớn trong cuộc chiến đang diễn ra phía bên kia cánh cửa phòng ngủ. Hugh kiềm chế không bước vào phòng trừ khi được mời, nhưng chẳng ai gọi anh vào cả. Cuối cùng, bác sĩ Fellowes mở toang cánh cửa phòng sinh và thông báo: "Anh có một bé gái bé bỏng, bụ bà bụ bẫm. Cô bé đã suýt chết." Ông ta nói thêm như thể vừa chợt nghĩ ra.

Ơn Chúa, Hugh nghĩ, vì anh đã kịp về Góc Cáo trước khi tuyết chặn hết các ngã đường. Anh đã lôi được em gái băng qua eo biển Anh về cùng mình, cô ấy giống như một con mèo đã trải qua một đêm dài trên mái nhà. Trên bàn tay anh vẫn còn nguyên một vết cắn

khá đau, và anh tự hỏi từ đâu mà em gái anh lại có cái thói bạo lực ấy. Rõ là không phải từ bà vú Mills và phòng trẻ ở Hamsptead rồi.

Izzie vẫn đang đeo chiếc nhẫn cưới giả, vật chứng cho cái tuần lễ đáng hổ thẹn của cô trong một khách sạn ở Paris với người tình của cô, mặc dù Hugh không nghĩ thằng cha người Pháp vô lại ấy quan tâm đến những tiểu tiết như thế. Khi bỏ trốn sang lục địa, cô mặc một chiếc váy ngắn và đội một chiếc mũ rơm nhỏ xíu (mẹ anh đã mô tả chi tiết với anh, như thể Izzie là một tên tội phạm), nhưng khi trở về, cô mặc một chiếc váy dài của hãng Worth (cô thường khoe với anh về nó, như thể điều đó sẽ gây ấn tượng với anh). Rõ ràng thằng cha khốn kiếp kia đã lợi dụng cô từ trước khi họ bỏ trốn với nhau vì những đường may của chiếc váy này, bất kể nó có thuộc hãng Worth hay không, đang dẫn ra hết cỡ.

Cuối cùng thì anh đã xua được cô em gái đang chạy trốn của mình ra khỏi khách sạn d'Alsace ở St Germain, một *endroit* mà theo đánh giá của Hugh là cực kì tồi tàn, cũng là nơi mà Oscar Wilde* đã trút hơi thở cuối cùng, chỉ cần nói như vậy là ta cũng đủ biết về tình trạng của cái khách sạn đó rồi.

Một cuộc giằng co khó coi đã diễn ra giữa Hugh với Izzie và gã đồn mạt kia. Hugh đã giằng lấy cô từ tay hắn rồi lôi xềnh xệch cô lên chiếc tắc xi Renault hai cửa xinh đẹp mà anh đã thuê và dặn đợi sẵn ở bên ngoài khách sạn, mặc cho cô ra sức quấy đạp và la hét. Hugh nghĩ nếu có một chiếc xe hơi thì thật là tuyệt. Anh có thể mua được một chiếc xe hơi với đồng lương của mình không? Anh có thể lái xe không? Việc đó khó đến mức nào?

Trên tàu, họ đã ăn món thịt cừu kiểu Pháp khá ngon lành và Izzie đòi được uống sâm banh, anh chiều theo ý cô bởi anh đã quá mệt mỏi với toàn bộ chuyện này nên chẳng muốn phải tranh cãi thêm nữa. Anh chỉ muốn quăng ngay cô em gái phiền phức qua lan can tàu xuống làn nước xám đen của eo biển Anh mà thôi.

Anh đã đánh điện cho mẹ anh, bà Adelaide, từ Calais, để báo cho bà biết hung tin về tai họa của Izzie, vì anh nghĩ tốt hơn hết là nên chuẩn bị sẵn tâm lý cho bà trước khi bà nhìn thấy đứa con gái út trong cái tình trạng mà cả thế giới đều rõ ràng như vậy.

Các thực khách khác trên tàu đoán rằng họ là một cặp vợ chồng, và những lời chúc mừng thiên chức làm mẹ cứ thế tới tấp bay đến chỗ Izzie. Hugh cho rằng tuy sự hiểu lầm này thật khủng khiếp, nhưng thà để những người hoàn toàn xa lạ này nghĩ như vậy còn hơn là để họ phát hiện ra sự thật. Do đó, anh thấy mình tham gia vào một trò chơi giải đố ngớ ngẩn trong thời gian băng qua biển, suốt lúc đó anh buộc phải chối bỏ sự tồn tại của người vợ cùng với những đứa con thực sự, và giả vờ rằng Izzie là cô dâu của anh. Trong mắt họ, anh gần như đã trở thành một kẻ vô lại vì dám quyến rũ một cô gái còn non nớt dường như vừa mới rời khỏi phòng trẻ (anh quên mất rằng người vợ thực sự của mình chỉ mới mười bảy tuổi hồi anh cầu hôn cô).

Dĩ nhiên là Izzie rất sung sướng ném mình vào trò giả vờ đầy khôi hài này. Để trả thù Hugh, cô cố tình chọc cho Hugh lúng túng và khó chịu hết mức có thể bằng cách gọi anh là *mon cher mari** và những lời âu yếm đáng bực mình khác.

"Anh có một cô vợ trẻ thật đáng yêu." Một người đàn ông Bỉ cười giòn tan lúc Hugh đang tận hưởng bầu không khí trong lành ở trên boong và hưởng thụ một liều thuốc lá sau bữa ăn. "Cô ấy vừa mới ra khỏi nôi mà đã sắp làm mẹ rồi. Đó là cách tốt nhất - lấy họ từ khi họ còn trẻ - như thế anh có thể đúc họ theo bất cứ khuôn mẫu nào mà anh muốn."

"Tiếng Anh của ngài thật xuất sắc, thưa ngài." Hugh nói, ném đầu mẫu thuốc lá xuống biển và bỏ đi. Một người đàn ông ít bình tĩnh hơn hẳn sẽ sử dụng đến năm đám. Nếu bị khiêu khích, anh có thể đánh lộn vì danh dự của đất nước mình, nhưng anh sẽ chẳng đời nào đánh lộn vì cái danh dự đã bị ô uế của đứa em gái vô trách

nhệm. (Mặc dù, không thể chối cãi, sẽ tuyệt vời biết bao nếu có thể đúc một người phụ nữ theo đúng những yêu cầu của mình, giống như bộ com lê mà anh đặt may từ hiệu may quen ở phố Jermyn.)

Anh đã rất khó khăn khi tìm những từ ngữ thích hợp cho bức điện gửi đến mẹ anh. Và cuối cùng, anh quyết định nhắn rằng: CON SẼ TỚI HAMPSTEAD VÀO BUỔI TRƯA CHẤM ISOBEL ĐI CÙNG CON CHẤM NÓ ĐANG MANG THAI CHẤM. Đó là một lời nhắn khá thẳng thừng và đáng lẽ anh nên chi thêm vài đồng để bổ sung vài trạng từ giảm nhẹ. Như từ "rủi thay" chẳng hạn. Bức điện (rủi thay) đã phản tác dụng và khi họ lên bờ ở Dover, một bức điện hồi đáp đã chờ anh sẵn. ĐỪNG ĐƯA NÓ VỀ NHÀ MẸ TRONG BẤT CỨ HOÀN CẢNH NÀO CHẤM, dấu CHẤM cuối cùng mang một sự dứt khoát nặng trĩu thách thức bất cứ ai dám chống lại. Điều đó khiến Hugh bối rối không biết nên làm gì với Izzie. Tuy có ngoại hình phổng phao nhưng cô vẫn chỉ là một đứa trẻ mới mười sáu tuổi, anh không thể bỏ mặc cô ngoài đường. Nóng lòng muốn trở về Góc Cáo sớm nhất có thể, anh bèn đưa cô lên xe ngựa để về nhà cùng mình.

Khi họ cuối cùng cũng về đến nơi vào lúc nửa đêm, cả người phủ đầy sương giá như những người tuyết, người ra mở cửa cho họ là Bridget. Cô bé trông có vẻ cuống quýt và nói: "Ôi không, cháu cứ tưởng ông là ông bác sĩ, cháu đang mong ông ấy." Có vẻ như đứa con thứ ba của anh sắp chào đời. Con bé đã chào đời, anh triu mến nghĩ, nhìn xuống những đường nét nhăn nheo nhỏ xíu. Hugh rất thích trẻ con.



"Nhưng chúng ta sẽ làm gì với con bé?" Sylvie cúi kính. "Nó sẽ không được sinh con dưới mái nhà của em."

"Mái nhà của chúng ta."

"Nó sẽ phải cho đứa bé đi."

"Đứa bé là một thành viên trong gia đình ta."

Hugh nói. "Nó cũng có chung dòng máu với các con của anh."

"Các con của chúng ta."

"Chúng ta sẽ nói đứa bé là con nuôi." Hugh nói. "Một đứa bé mồ côi có họ hàng với chúng ta. Người ta sẽ không thắc mắc gì, sao họ phải thắc mắc chứ?"

Cuối cùng thì đứa bé cũng được sinh ra dưới mái nhà của Góc Cáo, đó là một đứa bé trai, và khi Sylvie nhìn thấy nó, cô không thể dễ dàng vứt bỏ nó được. "Thằng bé thực sự là một đứa trẻ đáng yêu." Cô nói. Đối với Sylvie, tất cả trẻ con đều đáng yêu.

Izzie đã không được phép đi xa quá khu vườn trong suốt thời gian mang thai còn lại. Cô nói cô bị giam cầm như một tù nhân, "giống như Bá tước Monte Cristo". Cô giao nộp đứa bé ngay khi nó được sinh ra và chẳng tỏ chút quan tâm nào đến nó, như thể toàn bộ chuyện này - việc mang thai, ở cữ - là một nhiệm vụ phiền phức mà họ đã dụ dỗ cô đảm nhận, bây giờ cô đã hoàn thành vai trò của mình và được tự do ra đi. Sau hai tuần nằm ì trên giường, được cô bé Bridget cầm cầu hầu hạ, cô được đưa lên một chuyến tàu hỏa trở về Hampstead, rồi sau đó được gửi đến một trường đào tạo các kỹ năng xã hội và nghệ thuật cho các cô gái trẻ ở Lausanne.

Hugh nói đúng, chẳng ai thắc mắc gì về sự xuất hiện đột ngột của đứa trẻ mới này. Bà Glover và Bidget đã thề giữ bí mật. Sylvie không biết rằng lời thề ấy đã được củng cố bằng tiền mặt. Hugh biết giá trị của đồng tiền, anh không phải là một giám đốc ngân hàng vô dụng. Anh hy vọng mình có thể tin tưởng vào sự kín tiếng của bác sĩ Fellowes về những vấn đề thuộc phạm trù nghề nghiệp.

"Roland." Sylvie nói. "Em luôn rất thích cái tên đó. *Trường ca Roland** - anh ta là một hiệp sĩ Pháp."

"Anh nghĩ là anh ta đã tử trận?" Hugh nói.

"Chẳng phải hầu hết các hiệp sĩ đều như vậy sao?"



Con thỏ rừng bằng bạc xoay tròn và tỏa sáng lung linh trước mắt cô bé. Những chiếc lá trên cây dễ gai nhẫy nhót rung rinh, khu vườn cứ thế đâm chồi nảy lộc, nở hoa, kết quả mà chẳng cần sự giúp đỡ của cô bé. *À ơi, ngủ ngoan nào em bé thơ ngây*, Sylvie hát. *Nội rút theo cành, mang theo cả bé yêu trong đó**. Lời đe dọa này không làm Ursula chùn bước, và cô bé tiếp tục cuộc hành trình nhỏ nhoi nhưng quả cảm của mình bên cạnh người bạn đồng hành Roland.

Nó là một đứa trẻ đáng yêu, nhưng sau một thời gian, Sylvie nhận ra rằng nó "không được bình thường", cô đã nói với Hugh như vậy vào một buổi tối khi anh trở về nhà sau một ngày làm việc mệt nhọc ở ngân hàng. Anh hiểu rằng có chia sẻ những vấn đề liên quan đến tài chính này với Sylvie thì cũng chẳng giải quyết được gì, nhưng thi thoảng anh vẫn thích tưởng tượng ra cảnh vợ mình có hứng thú với những cuốn sổ cái, bảng cân đối tài sản, giá trà tăng cao, thị trường len lỏi khắp nơi. Một người vợ "được đúc khuôn" theo những yêu cầu của anh thay vì người vợ xinh đẹp, thông minh và hơi bướng bỉnh mà anh đã cưới về.

Anh đã lánh mình trong "mật thất", ngồi ở bàn làm việc với một chai whisky mạch nha to tướng và một điều xì gà nhỏ, hy vọng được yên tĩnh. Chẳng ích gì: Sylvie lướt vào và ngồi xuống đối diện với anh giống như một khách hàng muốn vay tiền ở ngân hàng và nói: "Em nghĩ con của Izzie có thể bị khờ." Từ trước đến nay thằng bé vẫn luôn là Roland, vậy mà bây giờ, khi nó có vẻ bị khuyết tật, nó lại là con của Izzie.

Hugh gạt đi ý kiến của cô, nhưng không phủ nhận rằng Roland không phát triển như những đứa trẻ khác. Nó nhận biết mọi thứ một cách chậm chạp và có vẻ không có thói tò mò tự nhiên của trẻ con về thế giới xung quanh. Nếu ta đặt thằng bé lên một tấm thảm trải

trước lò sưởi với một cuốn sách vải hoặc một bộ xếp hình bằng gỗ, nửa tiếng sau, nó vẫn sẽ ngồi yên ở đó, mê mải nhìn chăm chăm vào ngọn lửa (được che chắn cẩn thận để đề phòng lũ trẻ ngã vào đó), hoặc nhìn vào con mèo Queenie bên cạnh đang liếm láp vệ sinh cơ thể (con mèo còn dễ gây hại cho lũ trẻ hơn nhưng lại được thả rông, chẳng được giám sát cẩn thận). Roland rất dễ sai vặt và thường xuyên đi lấy đồ cho các chị gái và Bridget, ngay cả bà Glover cũng hay sai vặt nó, chẳng hạn như đi lấy một túi đường trong phòng cất trữ thực phẩm hoặc một cái thìa gỗ chỗ lọ mứt. Có vẻ thằng bé sẽ không thể đi học trong những ngôi trường cũ của Hugh, và Hugh càng nuông chiều thằng bé hơn vì điều đó.

"Có lẽ chúng ta nên kiếm cho thằng bé một con chó." Anh đề nghị. "Chó luôn khơi dậy những điểm tốt đẹp nhất ở một cậu bé." Vậy là Bosun xuất hiện. Đó là một con vật to lớn, thân thiện, có bản năng che chở, bảo vệ, và nó lập tức hiểu ra nó đã được giao cho trọng trách trông nom một nhân vật quan trọng.

Ít nhất thằng bé cũng trầm tĩnh, Hugh nghĩ, không giống với bà mẹ gàn dở của nó hoặc hai đứa con lớn của anh, chúng chí chóe với nhau suốt ngày. Đương nhiên, Ursula khác tất cả bọn chúng. Con bé luôn cẩn trọng quan sát mọi thứ, như thể đang cố gắng hút hết cả thế giới vào đôi mắt màu xanh lá nhỏ bé giống hệt đôi mắt của anh kia. Con bé khiến người khác cảm thấy lo lắng.



Giá vẽ của ông Winton được dựng quay mặt về phía biển. Ông khá hài lòng với những gì đang vẽ, những sắc xanh lam, xanh lục và trắng - và cả những sắc nâu ảm đạm nữa - của bờ biển vùng Cornwall. Vài vị khách qua đường dừng chân trên nền cát để ngắm nghía bức tranh đang thành hình. Ông mong đợi những lời khen trong vô vọng.

Một đoàn thuyền buồm màu trắng lướt qua nơi chân trời, có lẽ chúng đang tham gia một cuộc đua, ông Winton đoán. Ông phết một ít bột kẽm trắng lên chân trời mà ông đã vẽ trước đó và đứng lùi lại để chiêm ngưỡng thành quả. Ông Winton nhìn ra chúng là những con thuyền, nhưng những người khác thì chỉ có thể thấy đó là những đốm màu trắng. Ông nghĩ chúng sẽ nổi bật hơn nếu thêm vào vài nhân vật trên bờ biển. Hai cô bé đang chăm chú xây lâu đài cát chẳng hạn. Ông cầm đầu cọ vẽ, nhìn chăm chăm vào tấm toan. Phải vẽ thế nào để đẹp nhất nhỉ? Ông tự hỏi.



Xây lâu đài cát là ý của Ursula. Cô bé nói với Pamela rằng họ nên xây một tòa lâu đài đẹp nhất từ trước đến nay. Cô bé đã miêu tả nó rất rõ ràng và sống động - những con hào, tháp canh và những bức tường có lỗ châu mai - đến nỗi Pamela gần như có thể nhìn thấy những tiểu thư thời Trung cổ đội khăn trùm đầu đang vẫy tay với những chàng hiệp sĩ khi họ cưỡi ngựa lóc cóc đi qua cây cầu treo (chúng có thể tìm một khúc gỗ trôi dạt để làm cây cầu treo). Chúng đã dồn toàn bộ tâm sức vào việc này, nhưng hiện giờ chúng vẫn đang ở giai đoạn nặng nhọc nhất, đó là đào một con hào bao quanh lâu đài để khi thủy triều lên, nước biển sẽ lấp đầy con hào, bảo vệ cho những tiểu thư đội khăn trùm đầu kia trước sự vây hãm hung bạo (bởi một kẻ như Maurice, hẳn rồi). Roland, "tay sai" sốt sắng của chúng, được giao nhiệm vụ sục sạo khắp bờ biển để nhặt những hòn sỏi về trang trí và tìm khúc gỗ dạt để làm cây cầu treo, vốn là thứ vô cùng quan trọng.

Chúng đang chơi ở cách xa Sylvie và Bridget. Hai người họ đang đắm chìm trong những cuốn sách trong khi đứa bé mới sinh, Edward - hay còn gọi là Teddy - đang ngủ trên một cái chăn trải trên nền cát dưới sự chở che của một cây dù. Maurice đang chơi trò quăng lưới bắt cá trên những vũng nước ở đầu kia của bãi biển. Cậu đã kết bạn với những thằng nhóc lác cắc ở địa phương, đi bơi

và trèo lên những mỏm đá cùng chúng. Với Maurice, lũ con trai chỉ là lũ con trai mà thôi. Cậu chưa học được cách đánh giá chúng qua giọng nói và địa vị xã hội.

Ở con người Maurice luôn toát lên sự cứng cáp và bản lĩnh nên chẳng ai phải lo lắng về cậu, nhất là mẹ cậu.

Đáng tiếc là Bosun đã bị bỏ lại nhà, ở tạm với gia đình Cole.

Như thường lệ, chỗ cát mà chúng vét lên để tạo ra con hào được đắp thành một cái ụ ở chính giữa, chúng sẽ dùng chỗ cát đó để xây pháo đài. Cả hai cô bé lúc này đều nóng nực và nhớp nháp mồ hôi, chúng nghỉ tay một lát, đứng lùi lại và ngắm nghía cái ụ chưa ra hình thù gì kia. Pamela bắt đầu nghi ngờ về những tháp canh và những bức tường có lỗ châu mai. Những tiểu thư đội khăn trùm đầu còn có vẻ khó thành hiện thực hơn. Ụ cát gợi cho Ursula nghĩ đến điều gì đó, nhưng là cái gì nhỉ? Một thứ quen thuộc nhưng không rõ ràng và không xác định được, nó chẳng hơn gì một hình bóng mờ ảo trong trí óc cô bé. Cô bé thường có những cảm giác như vậy, như thể một ký ức đang bị kéo ra khỏi chỗ ẩn nấp của nó. Cô bé đoán chắc là ai cũng như thế cả.

Thế rồi cảm giác này được thay thế bởi nỗi sợ hãi và một thoáng rung mình, loại cảm giác xuất hiện khi một cơn dông cuộn cuộn tràn đến hoặc một làn sương mù ở biển lan về phía bờ. Mỗi nguy hiểm có thể ở bất cứ đâu, trong những đám mây, những con sóng, những chiếc thuyền buồm nhỏ bé nơi chân trời, người đàn ông đang vẽ bên khung giá vẽ. Cô bé bắt đầu quả quyết bước về phía Sylvie, những mong mẹ mình có thể xoa dịu nỗi sợ hãi ấy.

Trong mắt Sylvie, Ursula là một đứa trẻ kỳ quặc, trong đầu đầy rẫy những ý nghĩ phiền phức. Cô liên tục phải trả lời những câu hỏi đầy lo âu của Ursula - *Chúng ta sẽ làm gì nếu ngôi nhà bị cháy? Nếu chuyến tàu của chúng ta đâm sầm vào thứ gì đó? Nếu con sông dâng lũ?* Sylvie đã phát hiện ra rằng cách tốt nhất để xoa dịu những nỗi sợ hãi này là đưa ra một lời khuyên thiết thực thay vì gạt

chúng đi như thể chúng là những nỗi lo âu vô cơ (*À, con yêu, chúng ta sẽ thu dọn đồ đạc và trèo lên mái nhà cho đến khi nước rút*).

Trong khi đó, Pamela tiếp tục kiên trì đào hào. Ông Winton hoàn toàn chìm đắm trong những nét cọ cần thiết để vẽ nên chiếc mũ rộng vành của Pamela. Quả là một sự trùng hợp may mắn khi hai cô bé chọn xây lâu đài cát ở vị trí chính giữa bố cục bức tranh của ông. Ông nghĩ ông có thể đặt tên cho bức tranh là *Những cô bé đào vét*. Hoặc *Những cô bé đào vét cát*.

Sylvie đang mở màng bên quyển *Điện viên bí mật* và cảm thấy khá bức bối vì bị đánh thức. "Cái gì vậy?" Cô nói. Cô liếc nhìn dọc theo bãi biển và thấy Pamela đang cần mẫn đào vét. Tiếng hú hét hoang dại phía xa xa cho thấy Maurice vẫn đang chơi mê mải.

"Roland đâu?" Cô hỏi.

"Roland ạ?" Ursula nói, nhìn quanh để tìm "tên nô lệ" siêng năng của chúng và không thấy thằng bé đâu cả. "Em ấy đang đi tìm một cái cầu treo." Sylvie giờ đã đứng dậy, lo lắng quét mắt khắp bãi biển.

"Một cái gì cơ?"

"Một cái cầu treo." Ursula lặp lại.



Họ kết luận rằng hẳn là thằng bé đã nhìn thấy một thanh gỗ trôi dạt trên biển và ngoan ngoãn lội ra để lấy nó. Thằng bé không nhận thức được sự nguy hiểm và đương nhiên là không biết bơi. Nếu có Bosun trông chừng trên bãi biển, nó sẽ bắt chấp mọi hiểm họa, bơi ra giữa những con sóng và kéo Roland trở lại. Nhưng vì không có mặt nó nên *Archibald Winton, một họa sĩ vẽ màu nước nghiệp dư đến từ Birmingham*, như cách tờ báo địa phương gọi ông, đã cố gắng cứu đứa trẻ (*Roland Todd, bốn tuổi, đang đi nghỉ cùng gia đình*). Ông đã quăng cây cọ của mình sang một bên và nhảy ùm xuống biển, vớt đứa bé lên khỏi mặt nước, *nhưng, Chúa ơi, những*

nỗ lực của ông không thu được kết quả gì. Mẩu báo này được cắt ra và bảo quản cẩn thận ở Birmingham. Trong mẩu báo ngắn ngủi ấy, ông Winton vừa là một họa sĩ, vừa là một anh hùng. Ông tưởng tượng ra cảnh mình khiêm tốn nói "Ồ, có gì đâu" và - đương nhiên - đúng là chuyện đó chẳng là gì, vì đâu có ai được cứu.

Ursula nhìn ông Winton lội qua những con sóng trở lại bờ, mang theo cơ thể bé nhỏ mềm oặt của Roland trên tay. Pamela và Ursula đã nghĩ thủy triều đang rút nhưng thực tế nó lại đang dâng lên, lấp đầy con hào và tràn lên ụ cát, thứ sắp sửa biến mất mãi mãi. Một cái vòng vô chủ được gió thổi lẫn qua chỗ họ. Ursula nhìn chằm chằm ra biển, trong khi trên bãi biển đằng sau cô bé, một nhóm người lạ đang cố gắng cứu sống Roland. Pamela tới đứng cạnh cô bé và chúng nắm tay nhau. Những con sóng bắt đầu chậm rãi tiến vào, trùm lên bàn chân chúng. Giá mà chúng không chú tâm vào lâu đài cát đến thế, Ursula nghĩ. Vậy mà nó đã có vẻ là một ý tưởng thú vị.



"Tôi rất tiếc về chuyện con trai bà, thừa bà Todd." George Glover lẩm bẩm. Anh ta chạm vào một cái mũ vô hình trên đầu. Sylvie đã đi xem vụ gặt. Cô nói họ phải tự đánh thức mình thoát ra khỏi nỗi đau buồn mê mụ. Sau khi Roland chết đuối, mùa hè cũng tàn theo. Khi cậu không còn trên cõi đời này, vị trí của cậu trong lòng mọi người dường như tăng lên gấp nhiều lần.

"Con trai của chị ư?" Izzie lẩm bẩm sau khi họ chia tay George Glover để anh ta tiếp tục công việc nặng nhọc của mình. Cô ấy đã kịp tới dự đám tang của Roland trong bộ đồ tang màu đen kiểu cách và khóc "Con trai tôi, con trai tôi" trước cỗ quan tài bé nhỏ của Roland.

"Nó là con tôi." Sylvie kịch liệt phản đối. "Cô dám nói nó là con cô sao?" Mặc dù cô ấy náy biết rằng nỗi tiếc thương cô dành cho Roland sẽ ít hơn so với những đứa con đẻ của cô. Nhưng đó cũng

là lẽ tự nhiên thôi, đúng không? Bây giờ, khi thằng bé đã ra đi, ai cũng muốn nó là của mình. (Cả bà Glover và Bridget cũng sẽ khẳng định thằng bé là của họ nếu có ai đó lắng nghe.)

Hugh bị ảnh hưởng sâu sắc bởi việc mất đi "thằng bé", nhưng anh biết rằng vì gia đình mình, anh phải cố gắng bình tĩnh và tiếp tục cuộc sống như thường lệ.

Trước sự bức bối của Sylvie, Izzie cứ nấn ná ở lại nhà họ. Cô ấy hai mươi tuổi, "bị giam lỏng" ở nhà, đang chờ đợi một ông chồng giờ vẫn còn là ẩn số đến để giải cứu cô thoát khỏi "móng vuốt" của Adelaide. Cái tên Roland vốn bị cấm ở Hampstead, và bây giờ Adelaide tuyên bố rằng cái chết của thằng bé là một "phúc lành". Hugh rất thương em gái, còn Sylvie thì dành thời gian đi loanh quanh khắp miền quê nhằm tìm một người địa chủ thích hợp có đủ kiên nhẫn để chịu đựng Izzie.



Trong sự oi bức ngột ngạt, họ lê bước qua các cánh đồng, leo qua các bụi tre, lội qua các con suối. Sylvie đã buộc đứa bé vào người mình bằng một chiếc khăn san. Đứa bé là một gánh nặng, mặc dù có lẽ nó không nặng bằng cái giỏ đựng đồ dã ngoại mà Bridget đang khệ nệ xách. Bosun ngoan ngoãn đi bên cạnh họ, nó không phải là con chó thích chạy đằng trước mà có thói quen chạy chót đằng sau. Nó vẫn còn hoang mang bởi sự biến mất của Roland và có vẻ không muốn mất thêm ai nữa. Izzie ì ạch đằng sau họ, sự hào hứng ban đầu của cô đối với chuyến dã ngoại ở vùng đồng quê này đã biến mất từ lâu. Bosun cố gắng hết sức để giục giã cô ấy.

Bầu không khí của chuyến đi thật nặng nề, bữa ăn ngoài trời diễn ra vào cuối chuyến đi cũng không khá hơn là bao, vì hóa ra Bridget đã quên mang theo sandwich. "Sao cháu có thể quên được chứ?" Sylvie giận dữ nói. Và kết quả là họ phải ăn chiếc bánh nướng nhân pa tê lợn mà bà Glover để dành cho George. ("Vì Chúa, đừng có nói

với bà ấy nhé." Sylvie dặn.) Pamela bị một bụi gai cào xước mình mẩy, còn Ursula ngã nhào vào một khoảnh tầm ma. Ngay cả cậu bé Teddy bình thường luôn vui vẻ nay cũng trở nên nóng nảy và cáu kỉnh.



George mang hai con thỏ con bé xíu đến cho họ xem và nói: "Các cháu có muốn mang chúng về nhà không?" Sylvie gắt gỏng: "Không, cảm ơn anh, George. Chúng sẽ chết hoặc sinh sôi nảy nở, mà cả hai kết quả đó đều chẳng hay ho gì." Pamela buồn bã phụng phịu và Sylvie hứa hẹn sẽ mua cho cô bé một con mèo con. (Pamela kinh ngạc khi mẹ cô bé giữ đúng lời hứa và mang về cho cô bé một con mèo con từ trang trại của Lâu đài Ettringham. Một tuần sau, con mèo bị ốm chết. Chúng đã tổ chức một đám tang đầy đủ nghi thức cho nó. "Chị đã bị nguyên rủa." Pamela tuyên bố với lối nói cường điệu không phù hợp với tính cách của cô bé.)

"Anh chàng thợ cày đó đẹp trai quá nhỉ?" Izzie ca ngợi, và Sylvie chặn lại lời cô ấy: "Đừng. Dù trong bất cứ hoàn cảnh nào. Đừng." Izzie nói: "Em không hiểu ý chị là gì."

Buổi chiều cũng chẳng mát mẻ hơn chút nào. Cuối cùng, họ không còn sự lựa chọn nào khác ngoài việc đi về nhà trong cái nóng oi ả giống hệt như lúc họ đi. Pamela rầu rĩ vì chuyện mấy con thỏ nên vô ý giẫm phải một cái gai, Ursula thì bị một cành cây quệt vào mặt. Teddy khóc inh ỏi, Izzie liên tục chửi thề, còn Sylvie thì cáu um lên, và Bridget nói nếu tự tử không phải là một trọng tội thì cô sẽ trầm mình ở con suối tiếp theo.

"Nhìn mấy mẹ con, mấy chị em kia." Hugh mỉm cười chào đón khi họ lão đảo về nhà. "Cả người vàng rực vì nắng."

"Ôi làm ơn đi." Sylvie nói, len qua người anh. "Em lên gác để đi nằm đấy."



"Bố nghĩ tối nay sẽ có sấm sét." Hugh nói. Và đúng là thế thật. Ursula là người thính ngủ nên tỉnh dậy ngay. Cô bé trườn xuống giường và lạch bạch đi tới ô cửa sổ gác mái, trèo lên một cái ghế để nhìn ra ngoài.

Tiếng sấm rền vang phía xa xa nghe như tiếng súng, đại bác. Một tia chớp sáng lòa đột ngột rạch ngang bầu trời màu tím thẫm, cuộn cuộn mây đen. Ánh chớp thoáng soi sáng một con cáo đang lén lút bám theo con mồi bé nhỏ trên bãi cỏ như ánh đèn flash của một chiếc máy ảnh.

Ursula quên không đếm và tiếng sấm nổ vang lên, gần như ngay phía trên đầu, khiến cô bé giật nảy mình.

Âm thanh của chiến tranh cũng như thế này đây, cô bé nghĩ.



Ursula quyết định đi thẳng vào vấn đề. Bridget đang thái hành ở cái bàn trong bếp và rơm rớm nước mắt. Ursula ngồi cạnh cô ấy và nói: "Em vừa vào làng."

"Ồ!" Bridget nói, không hề tỏ ra hứng thú với thông tin này.

"Em mua kẹo." Ursula nói. "Ở cửa hàng bánh kẹo."

"Thế à?" Bridget nói. "Mua kẹo ở cửa hàng bánh kẹo? Bất ngờ nhỉ!" Cửa hàng ấy còn bán nhiều thứ ngoài bánh kẹo, nhưng không một thứ gì trong số đó gây hứng thú với bọn trẻ ở Góc Cáo.

"Clarence cũng ở đó."

"Claerence ư?" Bridget nói. Cô ngừng tay khi nghe nhắc đến người yêu.

"Đang mua kẹo." Ursula nói. "Kẹo bạc hà cứng." Cô bé nói thêm để tạo thêm sức nặng cho lời nói của mình, rồi hỏi: "Chị biết Molly

Lester chứ?"

"Biết." Bridget cẩn trọng nói. "Cô ta làm việc trong cửa hàng đó."

"Chà, Clarence đã hôn cô ta."

Bridget đứng phắt dậy, con dao vẫn lăm lăm trong tay. "Hôn ư? Tại sao Clarence lại hôn Molly Lester?"

"Molly Lester cũng nói thế! Cô ta nói "Tại sao anh lại hôn tôi, Clarence Dodds, khi ai cũng biết anh đã đính hôn với cô hầu gái ở Góc Cáo?"."

Bridget đã quá quen thuộc với những vở kịch mê lô và những cuốn tiểu thuyết ly kỳ rùng rợn. Cô biết chắc tiếp theo sẽ là một sự tiết lộ động trời nên im lặng chờ đợi.

Ursula tiếp tục. "Và Clarence nói "Ồ, ý em là Bridget? Cô ta chẳng có ý nghĩa gì với anh cả. Cô ta rất xấu xí. Anh chỉ đang lừa phỉnh cô ta thôi". Ursula đọc sách từ rất sớm, đến nay cô bé đã đọc những cuốn tiểu thuyết của Bridget nên học được lối nói của những nhân vật trong những cuốn tiểu thuyết lãng mạn.

Con dao rơi xuống sàn nhà, Bridget rít lên thất thanh. Những lời chửi rửa bằng tiếng Ai Len cứ thế tuôn trào như suối. "Thằng khốn!" Bridget nói.

"Một kẻ vô lại hèn hạ." Ursula đồng ý.

Bridget trả lại cho Sylvie chiếc nhẫn đính hôn - chiếc nhẫn gypsy nhỏ bé ("một món nữ trang rẻ tiền"). Cô chẳng thèm đoái hoài đến những lời cam đoan của Clarence rằng anh ta vô tội.



"Cháu có thể lên London với bà Glover." Sylvie nói với Bridget. "Để mừng ngày Đình chiến. Ta tin rằng có những chuyến tàu muộn."

Bà Glover nói bà sẽ không bén mảng đến gần thủ đô vì dịch cúm đang hoành hành, còn Bridget nói cô hy vọng Clarence sẽ đi cùng

với Molly Lester và hai người họ sẽ bị nhiễm dịch cúm Tây Ban Nha mà toi mạng.



Molly Lester chưa bao giờ nói một lời nào thừa thãi với Clarence ngoài câu nói vô hại "Chào anh, anh muốn mua gì ạ?". Cô đã tham dự một bữa tiệc đường phố nhỏ ở trong làng, nhưng Clarence đúng là đã đi lên London cùng với một vài người bạn rồi bị ốm mà chết thật.

"Nhưng ít ra là không có ai bị đẩy xuống cầu thang." Ursula nói.

"Con nói gì vậy?" Sylvie hỏi.

"Con cũng không biết." Ursula nói. Cô bé thực sự không biết.

Cô bé cảm thấy bức bối với chính mình. Cô bé suốt ngày mơ thấy mình đang bay và rơi xuống. Thi thoảng khi cô bé đứng trên một cái ghế để nhìn ra ngoài cửa sổ phòng ngủ, cô bé cảm thấy như có ai thúc giục mình trèo ra ngoài và buông người xuống. Cô bé sẽ không rơi bịch xuống đất và nát bét như một quả táo chín nẫu, thay vì thế, cô bé chắc chắn mình sẽ được đỡ lấy. (Nhưng thứ gì sẽ đỡ lấy mình? Cô bé tự hỏi.) Cô bé kiên chế không thử nghiệm giả thuyết này. Cô bé không muốn mình giống như tiểu thư váy phòng bé nhỏ tội nghiệp của Pamela, nó đã bị Maurice "nhàn cư vì bất thiện" ném ra khỏi cửa sổ phòng ngủ lúc họ chuẩn bị dùng bữa trà vào một chiều đông.

Khi nghe thấy tiếng chân cạo trên hành lang - kèm theo tiếng hú xung trận kiểu Anh Điêng - Ursula đã vội vàng giấu con búp bê móc len mà cô yêu thích có tên là Nữ hoàng Solange xuống dưới gối của mình. Nó đã được an toàn ở chỗ trú ẩn trong khi tiểu thư váy phòng xui xẻo bị ném ra ngoài cửa sổ và vỡ tan tành trên lớp ngói đen.

"Con chỉ muốn xem chuyện gì sẽ xảy ra thôi." Maurice tru tréo nói với Sylvie khi bị cô trách phạt.

"Chà, bây giờ thì con biết rồi đấy." Cô nói. Cô thấy khó chịu vì phản ứng thái quá của Pamela với chuyện này. "Chúng ta đang sống trong chiến tranh." Cô nói với Pamela. "Có những chuyện còn tồi tệ hơn một món đồ trang trí bị vỡ." Nhưng dĩ nhiên là Pamela không hiểu được.

Con búp bê móc len của Ursula được làm bằng gỗ nên dù có bị ném cũng không thể vỡ được. Nếu cô bé mặc kệ cho Maurice nghịch nó thì có lẽ tiểu thư váy phồng đã thoát nạn.

Đêm đó, Bosun sục sạo vào phòng, đặt bàn chân nặng trĩu lên tấm khăn phủ giường của Pamela để bày tỏ sự cảm thông, rồi rên ư ử và chìm vào giấc ngủ trên tấm thảm kết bằng vải vụn trải giữa hai chiếc giường của Pamela và Ursula. Chẳng bao lâu nữa nó sẽ chết vì bệnh sởi sốt ở chổ.

Ngày hôm sau, Sylvie tự trách mình vì đã khắc nghiệt với các con nên đã mang về một con mèo con khác từ trang trại của Lâu đài Ettringham. Trong trang trại lúc nào cũng có rất nhiều mèo. Mèo là món quà phổ biến trong vùng này, chúng được mua về vì sự áy náy hoặc hài lòng của các bậc cha mẹ: bù đắp cho một con búp bê bị mất hoặc phần thưởng vì vượt qua một kỳ thi.

Mặc dù Bosun đã nỗ lực hết sức để trông chừng con mèo nhưng chỉ được một tuần, Maurice đã giẫm vào người nó trong khi chơi trò trận giả đầy sôi nổi với các cậu bé nhà Cole. Sylvie vội vã nâng cơ thể nhỏ bé của nó lên, đưa cho Bridget và bảo cô ấy đưa nó đi đâu đó để họ không phải chứng kiến những cơn đau hấp hối của nó.

"Đó là điều chẳng may thôi!" Maurice hét lên. "Con không biết con vật ngu ngốc ấy đang nằm đó!" Sylvie tát vào mặt cậu và cậu òa khóc. Thật khủng khiếp khi thấy cậu phải chịu ấm ức như vậy, đó thực sự là một tai nạn không may, Ursula cố gắng an ủi cậu nhưng chỉ càng khiến cậu giận dữ, còn Pamela, đương nhiên, đã đau lòng đến mức chẳng còn giữ được bình tĩnh và lao vào giật tóc Maurice.

Các cậu bé nhà Cole đã chuồn về nhà từ lâu, đó là nơi sự điềm tĩnh luôn ngự trị.

Đôi khi, thay đổi quá khứ còn khó khăn hơn là thay đổi tương lai.



"Con bé bị đau đầu." Sylvie nói.

"Tôi là bác sĩ tâm thần." Bác sĩ Kellet nói với Sylvie. "Không phải chuyên gia về thân kinh."

"Nó có những giấc mơ kỳ lạ và những cơn ác mộng." Sylvie khơi gợi.

Có thứ gì đó đem lại cảm giác an tâm khi ở trong căn phòng này, Ursula nghĩ. Những tấm ván gỗ sồi, ngọn lửa lò sưởi lép bép, tấm thảm dày có họa tiết màu đỏ và xanh lam, những chiếc ghế da, thậm chí cả ấm trà có hình thù kỳ dị - tất cả đều mang cảm giác thân thuộc.

"Những giấc mơ?" Bác sĩ Kellet nói, bắt đầu có hứng thú.

"Vâng." Sylvie nói. "Và mộng du."

"Con bị mộng du ạ?" Ursula giật mình hỏi.

"Và lúc nào nó cũng gặp hiện tượng *déjà vu*." Sylvie nói, phát âm những từ đó với chút chán ghét.

"Thật sao?" Bác sĩ Kellet nói, đưa tay với lấy một tủ thuốc lá bằng đất sét trắng tinh xảo và gõ tàn thuốc vào tấm chắn lửa ở lò sưởi. Cái nõ của tủ thuốc được điêu khắc hình đầu người Thổ, trông quen thuộc như một con thú nuôi đã già.

"Ồ!" Ursula nói. "Con từng đến đây rồi!"

"Ông thấy đấy!" Sylvie nói, vẻ đắc thắng.

"Hừm..." Bác sĩ Kellet trầm tư nói. Ông quay sang Ursula và nói thẳng với cô bé. "Cháu đã nghe nói về sự tái sinh chưa?"

"Ồ, cháu đã nghe rồi ạ, chắc chắn rồi." Ursula hào hứng nói.

"Tôi chắc chắn là con bé chưa từng nghe." Sylvie nói. "Đó có phải là học thuyết của Công giáo không? Kia là cái gì vậy?" Cô hỏi, bị thu hút bởi ấm trà kỳ dị.

"Đó là một cái ấm samovar của nước Nga." Bác sĩ Kellet nói. "Mặc dù tôi không phải là người Nga, hoàn toàn không phải, quê tôi ở thành phố Maidstone, tôi từng tới St Petersburg hồi trước Cách mạng." Rồi ông nói với Ursula: "Cháu có muốn vẽ cho bác xem thứ gì đó không?" Rồi ông đẩy một cây bút chì và một tờ giấy về phía cô bé. "Bà có muốn uống ít trà không?" Ông hỏi Sylvie, người vẫn đang nhìn chăm chăm chiếc ấm samovar. Cô từ chối, vì không tin tưởng bất cứ thứ trà nào không phải được rót ra từ một cái ấm bằng sứ.

Ursula vẽ xong và đưa bức tranh cho bác sĩ nhận xét.

"Cái gì vậy?" Sylvie nói, nhòm qua vai Ursula. "Một cái nhấn hay vòng xuyên à? Hay một cái vương miện?"

"Không phải." Bác sĩ Kellet nói. "Đó là một con rắn ngậm đuôi trong miệng." Ông gật đầu tán thành và nói với Sylvie: "Đó là một biểu tượng đại diện cho sự tuần hoàn của vũ trụ. Thời gian chỉ là một khái niệm, trong thực tế mọi thứ đều liên tục vận động như dòng nước, không có quá khứ hay hiện tại, chỉ có khoảnh khắc bây giờ mà thôi."

"Thật thâm sâu." Sylvie cứng nhắc nói.

Bác sĩ Kellet chụm hai bàn tay thành hình tháp và chống cằm lên đó. "Cháu biết đấy..." Ông nói với Ursula. "... Bác nghĩ chúng ta sẽ rất ăn ý với nhau. Cháu muốn ăn bánh quy không?"



Có một thứ làm cô bé băn khoăn. Trên cái bàn kê sát tường không thấy có bức ảnh của *Guy, mất ở Arras*, trong bộ quần áo cầu

thủ cricket màu trắng. Cô buột miệng hỏi bác sĩ Kellet mà không kịp suy nghĩ gì - đây là một câu hỏi sẽ khơi lên rất nhiều câu hỏi khác: "Bức ảnh của Guy đâu rồi ạ?" Và bác sĩ Kellet hỏi: "Guy nào cơ?"

Có vẻ như ngay cả sự bất định của thời gian cũng không thể tin cậy được.



"Đó chỉ là một chiếc Austin." Izzie nói. "Một chiếc xe đường trường - nhưng có bốn cửa - tuy nhiên còn xa mới đắt bằng một chiếc *Bentley*, Chúa ơi, nó chắc chắn chỉ là một phương tiện bình dân khi so với "thú vui xa xỉ" của anh, Hugh à."

"Rõ là mua trả góp rồi." Hugh nói.

"Không hề, đã trả hết bằng tiền mặt. Em đang hợp tác với một nhà xuất bản, em có tiền, Hugh à. Anh không cần phải lo lắng cho em nữa."

Trong khi mọi người đang trầm trồ ngưỡng mộ chiếc xe màu anh đào rực rỡ, Millie nói: "Cháu phải về đây ạ, tối nay cháu có một buổi biểu diễn khiêu vũ. Cháu cảm ơn cô rất nhiều vì bữa tiệc trà tuyệt vời, cô Todd."

"Đi nào, mình sẽ tiễn cậu về." Ursula nói.

Trên đường trở lại nhà, cô không chọn lối đi tắt mà cô đã đi mòn cả chân ở cuối vườn, mà đi vòng theo con đường dài hơn, né tránh chiếc xe đang lao vun vút của Izzie. Izzie giơ tay chào tạm biệt với vẻ phớt đời.

"Ai thế?" Benjamin Cole hỏi khi phóng xe đập vào sát hàng rào để tránh bị chiếc Austin đâm chết. Trái tim Ursula rung rinh, chao đảo và nhảy nhót khi nhìn thấy anh. Đối tượng tình cảm của cô! Lý do cô lựa chọn con đường vòng dài hơn này là vì khả năng nhỏ nhoi có thể tạo ra một cuộc gặp gỡ "tình cờ" với Benjamin Cole. Và anh đây rồi! May mắn làm sao!



"Họ làm mất quả bóng của em rồi." Teddy buồn bã nói khi cô trở lại phòng ăn.

"Chị biết." Ursula nói. "Chúng ta có thể tìm nó sau."

"Chị này, mặt chị đỏ bừng kia." Cậu nói. "Có chuyện gì à?"

Có chuyện gì ư? Cô nghĩ. Có chuyện gì ư? Chỉ là anh chàng đẹp trai nhất trên đời này đã hôn mình, lại còn vào đúng ngày sinh nhật lần thứ mười sáu của mình nữa chứ. Anh đã dắt xe đạp và đi bộ cùng cô về nhà, có lúc hai bàn tay họ sượt qua nhau, họ đã đổ mặt (thật nên thơ) và anh nói: "Em biết là anh thích em mà, Ursula." Và rồi, ở ngay đó, ngay trước cổng chính của nhà cô (nơi bất cứ ai cũng có thể nhìn thấy), anh đã dựa chiếc xe đạp vào tường và kéo cô về phía mình. Thế rồi nụ hôn đã đến! Ngọt ngào, quần quýt không nở rời và tuyệt vời hơn cô tưởng mặc dù nó khiến cô - chà... *nóng bừng cả người*. Cả Benjamin cũng vậy, rồi họ tách nhau ra, có chút choáng váng.

"Chúa ơi!" Anh nói. "Anh chưa từng hôn cô gái nào, anh không biết là việc này lại có thể... thú vị đến vậy." Anh lắc đầu như một chú chó, như thể kinh ngạc khi vốn từ của mình bỗng trở nên ít ỏi.

Ursula nghĩ, đây sẽ mãi là khoảnh khắc đẹp đẽ nhất của cuộc đời cô, bất kể chuyện gì xảy ra với cô. Cô cho rằng đáng lẽ họ sẽ còn hôn nhau thêm nữa, nhưng đúng lúc đó, chiếc xe thu mua đồ đồng nát xuất hiện ở góc đường và tiếng rao *Ai đồng nát ơiiiiiiiiiiiii* gần như không thể nghe rõ lời của chủ nhân chiếc xe đã phá vỡ sự lãng mạn đang nảy nở giữa họ.

"Không chẳng có chuyện gì cả." Cô nói với Teddy. "Chị chỉ chào tạm biệt cô Izzie thôi. Em bỏ lỡ mất dịp được nhìn thấy chiếc xe hơi của cô ấy rồi. Em hẳn sẽ thích nó lắm."

Teddy nhún vai và gạt cuốn *Những cuộc phiêu lưu của Augustus* xuống sàn nhà. "Toàn thứ nhảm nhí." Cậu nói.

Ursula nhắc một ly sâm banh đã uống một nửa lên, vành ly còn in dấu son đỏ chót, và rót một nửa số rượu trong đó vào một cái cốc đựng thạch, rồi đưa cái cốc đó cho Teddy. "Cụng ly nào!" Cô nói. Họ cụng ly và uống cạn một hơi.

"Chúc mừng sinh nhật chị!" Teddy nói.



Đời tôi tuyệt diệu lắm thay!

Táo chín tự khắc rụng ngay quanh đầu;

Những chùm nho ngọt nhiệm mầu

*Tự vắt mình để chảy vào miệng tôi...**

"Con đang đọc gì thế?" Sylvie nghi ngại hỏi.

"Marvell ạ."

Sylvie cầm lấy cuốn sách từ tay cô và nhìn chòng chọc vào những khổ thơ. "Nó khá gợi cảm." Bà kết luận.

""Gợi cảm" - gợi cảm thì có gì để chỉ trích ạ?" Ursula cười và cắn một quả táo.

"Đừng có phát triển sớm quá." Sylvie thở dài. "Đó không phải là điều hay ho gì đối với một cô gái đâu. Con sẽ học gì khi trở lại trường sau kỳ nghỉ - Tiếng Latin à? Hay tiếng Hy Lạp? Không phải là văn học Anh chứ? Mẹ thấy nó chẳng có ý nghĩa gì cả."

"Mẹ không thấy văn học Anh có ý nghĩa gì sao?"

"Mẹ thấy việc học nó chẳng có ý nghĩa gì. Người ta chỉ đọc nó thôi chứ!" Bà lại thở dài. Cả hai cô con gái của bà đều chẳng có điểm gì giống bà. Trong một thoáng, Sylvie như trở lại quá khứ, đứng dưới bầu trời London rực rỡ và ngửi thấy mùi hoa xuân vừa

được cơn mưa tưới tắm, nghe tiếng bộ yên cương của con ngựa Tiffin kêu leng keng leng keng.

"Con có thể học ngành Ngôn ngữ hiện đại. Con cũng không biết nữa. Con không chắc chắn gì cả, con chưa lập ra kế hoạch nào."

"Kế hoạch ư?"



Họ rơi vào im lặng. Con cáo vô tư, thong thả đi vào không gian tĩnh lặng ấy. Maurice lúc nào cũng cố bắt nó nhưng chưa lần nào thành công. Hoặc là vì anh ta không bắn giỏi như anh ta nghĩ, hoặc là vì con cáo thông minh hơn anh ta. Ursula và Sylvie thường nghiêng về lý do thứ hai. "Nó đẹp quá!" Sylvie nói. "Và có bộ lông thật lộng lẫy." Con cáo ngồi xuống, giống như một con chó đang đợi bữa tối, đôi mắt nó nhìn chăm chăm vào Sylvie không rời. "Tao chẳng có gì cả." Sylvie nói, xòe hai bàn tay trống trơn để chứng minh sự thật này. Ursula nhẹ nhàng lăn cái lõi táo về phía nó để không làm nó giật mình, và con cáo chạy lon ton đuổi theo cái lõi táo, vụng về ngoạm lấy rồi quay đuôi, biến mất. "Cái gì cũng ăn." Sylvie nói. "Giống hệt Jimmy."

Maurice đột nhiên xuất hiện khiến cả hai người họ giật nảy mình. Anh ta mang theo khẩu Purdey mới và háo hức nói: "Có phải là con cáo chết tiệt đó không?"

"Hãy chú ý đến lời ăn tiếng nói của con, Maurice." Sylvie quở trách.

Anh ta đã tốt nghiệp và đang ở nhà để đợi khóa đào tạo làm luật sư bắt đầu nên cực kì buồn chán. Sylvie gợi ý rằng anh ta có thể làm việc ở trang trại của Lâu đài Ettringham, họ vẫn luôn tìm kiếm nhân công theo thời vụ. "Như một nông dân ấy ạ?" Maurice nói. "Mẹ cho con ăn học tốn kém như vậy để con trở thành nông dân sao?"

("Tại sao chúng ta lại cho nó ăn học tốn kém đến vậy nhỉ?" Hugh nói.)

"Vậy thì dạy em bắn súng đi." Ursula nói, nhảy lên và phúi váy. "Đi anh, em có thể dùng khẩu súng săn cũ của bố."

Maurice nhún vai, nói: "Cũng được, nhưng con gái bắn chẳng ra gì đâu, đó là một sự thật rất hiển nhiên."

"Con gái vốn vô dụng mà." Ursula đồng ý. "Họ chẳng làm được trò trống gì."

"Em đang mĩa mai đấy à?"

"Em ư?"



"Đối với một kẻ tập sự như em thì bắn được như vậy là quá tốt." Maurice miễn cưỡng nói. Họ đang bắn những cái chai trên một bức tường gần rừng cây nhỏ, Ursula còn bắn trúng nhiều hơn cả Maurice. "Em chắc là trước đây em chưa từng làm việc này chứ?"

"Biết nói thế nào đây?" Cô nói. "Em học mọi thứ nhanh lắm."

Maurice đột nhiên dời nòng súng khỏi bức tường và chĩa về phía bìa rừng. Trước khi Ursula kịp nhìn ra anh ta đang nhắm vào cái gì, anh ta đã siết cò, bắn chết con vật nào đó.

"Cuối cùng cũng tóm được kẻ phá bĩnh chết tiệt này rồi." Anh ta đắc thắng nói.

Ursula chạy tới chỗ con vật đó, nhưng còn chưa tới nơi cô đã nhìn thấy bộ lông màu nâu đỏ nằm rũ trên mặt đất. Phần chóp màu trắng của cái đuôi xinh đẹp khẽ rung rinh, nhưng con cáo của Sylvie đã không còn trên cõi đời này nữa.

Cô thấy Sylvie đang ngồi trên hàng hiên, lật giở một cuốn tạp chí. "Anh Maurice đã bắn con cáo ấy rồi mẹ ạ." Cô nói. Sylvie ngửa đầu tựa vào lưng ghế liễu gai và nhắm mắt tỏ vẻ cam chịu. "Chuyện đó

rồi sẽ xảy ra mà." Bà nói. Rồi bà mở mắt. Hai mắt bà lấp lánh ánh lệ. Ursula chưa bao giờ thấy mẹ mình khóc. "Có ngày mẹ sẽ tước quyền thừa kế của nó." Sylvie nói, ý nghĩ về đòn trả thù lạnh lùng ấy đã giúp lau khô những giọt nước mắt của bà.

Pamela bước ra hàng hiên và nhướn mày với Ursula về dò hỏi, và Ursula nói: "Maurice đã bắn con cáo."

"Giá mà em bắn quách anh ta đi." Pamela nói. Cô ấy có vẻ nói thực lòng.

"Con đi đón bố đấy." Ursula nói khi Pamela đã quay vào lại trong nhà.



Thực ra cô không đi đón Hugh. Từ hôm sinh nhật của cô, cô đã lén lút hẹn hò với Benjamin Cole. Giờ cô chỉ gọi anh là Ben. Họ hẹn nhau trên đồng cỏ, trong cánh rừng lớn, trên con đường mòn. (Có vẻ là bất cứ nơi nào ở ngoài trời. "May là thời tiết chiều lòng mấy trò chim chuột của các cậu." Millie nói, mỉm cười trêu chọc và nhướn lên nhướn xuống hai bên lông mày.)

Ursula phát hiện ra cô là một kẻ nói dối siêu hạng. (Nhưng chẳng phải cô vẫn luôn biết điều đó sao?) *Mẹ muốn mua gì ở cửa hàng không ạ?* Hoặc *Con chỉ định đi hái quả mâm xôi trên con đường mòn thôi.* Nếu mọi người biết được điều này thì có khủng khiếp lắm không nhỉ? "Chà, anh nghĩ mẹ em sẽ giết anh mất." Ben nói. ("Một thằng nhóc Do Thái ư?" Cô hình dung Sylvie sẽ nói như vậy.)

"Cả bố mẹ anh nữa." Anh nói. "Bọn mình còn trẻ quá."

"Giống như Romeo và Juliet." Ursula nói. "Cặp tình nhân bất hạnh, đại loại vậy."

"Có điều chúng ta sẽ không chết vì tình yêu." Ben nói.

"Chết vì tình yêu là điều tồi tệ lắm à?" Ursula trầm ngâm.

"Ừ."

Mối quan hệ của họ bắt đầu trở nên rất "nóng bỏng". Ben nói là anh nghĩ anh có thể không "kiềm chế" được lâu hơn nữa, nhưng cô không rõ anh phải kiềm chế cái gì. Chẳng phải trong tình yêu, người ta không nên kiềm chế bất cứ điều gì ư? Cô mong họ sẽ cưới nhau. Liệu cô có phải cải đạo không nhỉ? Trở thành một "người phụ nữ Do Thái"?



Họ tới đồng cỏ, nằm xuống trong vòng tay nhau. Thật lãng mạn, Ursula nghĩ, có điều đám cỏ đuôi mèo cứ đâm vào người khiến cô thấy nhột, và những bông cúc mắt bò khiến cô bị hắt xì. Chưa kể việc Ben đột nhiên nằm lên người cô khiến cô có cảm giác mình như đang ở trong một cỗ quan tài lền đầy đất. Sau đó, anh đột nhiên co cứng người lại khiến cô nghĩ anh sắp chết vì đột quy, vì thế cô đưa tay vuốt tóc anh như thể anh là một kẻ tàn phế và lo lắng nói: "Anh không sao chứ?"

"Xin lỗi!" Anh nói. "Anh không định làm thế." (Nhưng anh đã làm gì?)

"Em nên về thôi." Ursula nói. Họ đứng dậy, nhặt cỏ và hoa trên quần áo của nhau rồi mới đi bộ về nhà.

Ursula tự hỏi không biết cô đã lỡ mất chuyến tàu về nhà của Hugh chưa. Ben nhìn đồng hồ đeo tay và nói: "Ồ, giờ này họ đã về nhà từ lâu rồi." (Hugh và ông Cole cùng đi chung một chuyến tàu.) Họ rời khỏi đồng cỏ, leo qua cái bụi treo để bước vào cánh đồng bò sữa chạy dọc theo con đường mòn. Lũ bò còn chưa trở về từ khu vắt sữa.

Anh chìa tay dắt cô treo xuống và họ lại hôn nhau. Khi họ rời nhau ra, họ để ý thấy có một người đàn ông đang băng qua đầu đẳng kia của cánh đồng, nơi nó dẫn vào rừng cây nhỏ. Y đang

hướng về phía con đường - trông y có vẻ nhếch nhác, có lẽ là một kẻ lang thang - và cố gắng tập tễnh bước đi nhanh hết mức có thể. Y liếc nhìn quanh và khi y nhìn thấy họ, y càng lê lét nhanh hơn. Y vấp phải một búi cỏ nhưng nhanh chóng đứng thẳng dậy và tập tễnh chạy về phía cổng.

"Trông hấn thật khả nghi." Ben cười. "Không biết hấn đã làm trò gì nhỉ?"



"Bữa tối đã dọn ra rồi, con về muộn quá." Sylvie nói. "Con đã ở đâu vậy? Bà Glover lại làm cái món cốt lét bê kiểu Nga gớm ghiếc đó rồi."



"Anh Maurice đã bắn con cáo ạ?" Teddy nói, khuôn mặt tỏ vẻ thất vọng.

Thế rồi một cuộc tranh cãi kịch liệt nổ ra giữa tất cả mọi người ở bàn ăn tối chỉ vì một con cáo chết. Chúng là loài có hại, Hugh muốn nói như vậy nhưng không muốn đổ thêm dầu vào ngọn lửa đã cháy ngùn ngụt. Thay vì thế ông nói: "Làm ơn, đừng nói về nó trong bữa tối, chỉ riêng việc tiêu hóa món ăn này đã đủ khó khăn rồi." Nhưng họ vẫn sẽ nói về nó. Ông cố lờ họ đi, cặm cùi ăn món cốt lét bê (bà Glover có bao giờ tự mình ném thử món này không nhỉ? Ông tự hỏi). Ông nhẹ nhõm khi một tiếng gõ cửa làm gián đoạn cuộc tranh cãi.

"A, Thiếu tá Shawcross." Hugh nói. "Mời vào."

"Ôi, Chúa ơi, tôi không muốn quấy quả bữa ăn của cả nhà mình." Thiếu tá Shawcross nói, khuôn mặt ông ta trông có vẻ lúng túng. "Tôi chỉ muốn biết liệu Teddy nhà anh chị có nhìn thấy Nancy nhà chúng tôi ở đâu không."

"Nancy ạ?" Teddy nói.

"Ừ." Thiếu tá Shawcross nói. "Nhà bác không thể tìm thấy nó ở đâu cả."



Họ không còn gặp nhau ở rừng cây, trên con đường mòn hay đồng cỏ nữa. Hugh đã đặt ra lệnh giới nghiêm sau khi thi thể của Nancy được tìm thấy, và dù sao đi nữa, cả Ursula và Ben đều bị ám ảnh bởi cảm giác tội lỗi. Nếu họ về nhà đúng giờ, nếu họ băng qua cánh đồng đó sớm hơn dù chỉ năm phút thay vì nấn ná ở lại, họ có thể đã cứu được cô bé. Nhưng vào lúc họ thơ thẩn trở về, không hay biết gì về tai họa của cô bé, Nancy đã chết rồi. Cô bé nằm trong cái máng nước cho gia súc ở góc trên cùng của cánh đồng. Thế là, giống như Romeo và Juliet, chuyện tình của họ quả thực đã kết thúc bằng cái chết. Nancy đã hy sinh vì tình yêu của họ.

"Chuyện đó quả là khủng khiếp." Pamela nói với cô. "Nhưng em không phải là người gây ra chuyện đó, tại sao em lại cư xử như thể mình có tội vậy?"

Bởi vì cô quả thực có lỗi. Cô biết mà.

Có thứ gì đó đã bị xé toạc, bị nứt vỡ, như một tia sét cắt ngang bầu trời cuộn cuộn mây đen.



Vào tháng Mười, trong kỳ nghỉ giữa học kỳ, cô đến ở với Izzie trong vài ngày. Họ đang ngồi trong Trà thất Nga ở South Kensington. "Khách quen ở tiệm này toàn là những người cực hữu." Izzie nói. "Nhưng họ có món bánh kếp tuyệt ngon không đâu sánh bằng." Ở đây có một cái ấm samovar. (Có phải cái ấm ấy phẳng phất bóng dáng của bác sĩ Kellet nên đã tác động đến tâm trí cô không? Nếu vậy thì thật kỳ quặc.) Khi họ dùng xong bữa trà, Izzie nói: "Chờ cô

một lát nhé, cô đi dặm lại chút phấn trên mũi. Cháu gọi người mang hóa đơn thanh toán ra nhé?"

Ursula đang kiên nhẫn đợi Izzie quay lại thì nỗi kinh hoàng đột ngột ập đến, nhanh như một con diều hâu săn mồi vậy. Đó là cảm giác sợ hãi về một điều gì đó mà cô không biết, nhưng cực kì đáng sợ. Nó đang đến chỗ cô, giữa tiếng lanh canh của thìa khuấy trà va vào đĩa lót tách. Cô đứng vụt dậy, làm đổ cái ghế mình vừa ngồi. Cô cảm thấy chóng mặt và trước mắt cô hiện lên một màn sương mù. Giống như bụi bom vậy, cô nghĩ, mặc dù cô chưa bao giờ bị bỏ bom.

Cô len qua màn sương, rời khỏi Trà thất Nga và đi ra đường Harrington. Cô bắt đầu chạy và cứ chạy mãi, tới đường Brompton rồi mù quáng tiến vào Egerton Gardens.

Cô đã từng tới đây. Cô chưa từng tới đây.

Luôn có thứ gì đó khuấy tâm mắt ở rất gần cô, cô không bao giờ đuổi được nó - và nó cũng đang đuổi theo cô. Cô vừa là kẻ đi săn, vừa là con mồi bị săn đuổi. Giống như con cáo. Cô cứ tiếp tục chạy rồi vấp phải thứ gì đó và ngã đập mũi xuống đất. Đau kinh khủng. Máu chảy ồ ạt. Cô ngồi trên vỉa hè, bật khóc vì đau. Cô không để ý có ai ở trên đường không, nhưng rồi từ đằng sau cô vang lên giọng nói của một người đàn ông. "Ôi trời, tội cô quá! Để tôi giúp cô. Cái khăn màu ngọc lam xinh đẹp của cô bị máu dây vào hết rồi. Nó là màu ngọc lam hay màu ngọc xanh biển nhỉ? Tên tôi là Derek, Derek Oliphant."

Cô biết giọng nói đó. Cô không biết giọng nói đó. Quá khứ có vẻ đang rò rỉ vào hiện tại, như thể có hồng hóc ở đâu đó. Hay đó là tương lai đang chảy tràn vào quá khứ nhỉ? Dù thế nào thì đó cũng là một cơn ác mộng, như thể những hình ảnh u ám, tăm tối trong đầu cô đã hiển hiện ra bên ngoài. Mọi thứ đều đảo lộn. Chắc chắn là thời gian đang bị xáo trộn.

Cô lão đảo đứng dậy nhưng không dám nhìn quanh. Cô lờ đi cơn đau khủng khiếp, cứ thế mãi miết chạy. Cuối cùng, khi đến Belgravia, cô hoàn toàn lả đi. Ở đây nữa, cô nghĩ. Cô đã từng tới đây. Cô chưa từng tới đây. Mình bỏ cuộc thôi, cô nghĩ. Bất kể thứ đang theo đuổi mình là gì, cứ để nó bắt được mình. Cô khuỵu đầu gối xuống vỉa hè cứng ngắc và cuộn tròn người lại như một quả bóng. Một con cáo không hang.



Chắc là cô đã ngất đi, vì khi mở mắt ra, cô thấy mình đang nằm trên một cái giường trong một căn phòng sơn toàn màu trắng. Có một ô cửa sổ to tướng và bên ngoài cửa sổ có một cây dẻ ngựa còn chưa trút lá. Cô ngoái đầu lại và nhìn thấy bác sĩ Kellet.

"Cháu bị gãy mũi." Bác sĩ Kellet nói. "Chắc là có kẻ đã tấn công cháu."

"Không phải đâu ạ." Cô nói. "Cháu bị ngã."

"Một mục sư đã phát hiện ra cháu. Ông ta đã đưa cháu lên một chiếc tắc xi để tới bệnh viện St George."

"Nhưng bác đang làm gì ở đây ạ?"

"Bố cháu đã liên lạc với bác." Bác sĩ Kellet nói. "Ông ấy không biết phải liên lạc với ai khác."

"Cháu không hiểu."

"Chà, khi cháu tới St George, cháu cứ la hét không ngừng. Họ nghĩ hẳn là cháu đã gặp phải một chuyện tồi tệ."

"Đây không phải là bệnh viện St George, đúng không ạ?"

"Ừ." Ông triu mến nói. "Đây là một bệnh viện tư. Cháu sẽ được nghỉ ngơi và ăn những món ăn ngon, vân vân... Họ có những khu vườn đẹp. Bác luôn nghĩ một khu vườn đẹp sẽ rất hữu ích, còn cháu thì sao?"



"Thời gian không tuần hoàn đâu bác ạ." Cô nói với bác sĩ Kellet. "Nó giống như một... bản viết trên da cừu nạo* vậy."

"Ôi trời." Ông nói. "Nghe có vẻ phiền phức quá nhỉ."

"Và thi thoảng các ký ức lại đến từ tương lai."

"Cháu là một cô bé già dặn." Ông nói. "Bác biết là chuyện này không hề dễ dàng, nhưng cuộc đời cháu vẫn đang ở phía trước. Cháu phải sống cuộc đời ấy của cháu." Ông nói ông không phải là bác sĩ điều trị cho cô, ông đã nghỉ hưu và "chỉ là một người khách đến thăm" mà thôi.

Chốn an dưỡng này khiến cô có cảm giác mình như một bệnh nhân lao phổi nhẹ. Cô ngồi cả ngày trên hàng hiên ngập nắng, đọc hết quyển sách này đến quyển sách khác, và những người hộ lý mang đồ ăn thức uống đến cho cô. Cô thơ thẩn dạo qua các khu vườn, lễ phép trò chuyện với các bác sĩ và chuyên gia tâm lý, nói chuyện với các bệnh nhân cùng bệnh viện (ít nhất là với các bệnh nhân cùng tầng với cô. Những người bị điên thật thì ở trên tầng áp mái, giống như bà Rochester*). Thậm chí trong phòng cô có cả hoa tươi và một bát táo. Điều trị ở đây chắc hẳn đắt đỏ lắm, cô nghĩ.

"Nơi này chắc đắt lắm bố nhỉ?" Cô nói với Hugh khi ông đến thăm cô. Ông vẫn thường xuyên đến đây.

"Izzie trả tiền mà." Ông nói. "Cô ấy khẳng khẳng như vậy."



Bác sĩ Kellet trầm ngâm châm tẩu thuốc. Họ đang ngồi trên hàng hiên. Ursula nghĩ cô sẽ rất hạnh phúc nếu được trải qua phần còn lại của cuộc đời ở đây. Nó quá mức dễ chịu, êm đềm.

"Dầu tôi được ban cho tài tiên tri, thấu hiểu được mọi điều bí ẩn và mọi tri thức..." Bác sĩ Kellet nói.

"... Dẫu tôi có đủ đức tin để dời non lấp bể, nhưng nếu không có lòng nhân đức thì tôi cũng chẳng là gì cả." Ursula tiếp lời.

"Đương nhiên, *Caritas** có nghĩa là "lòng yêu thương". Nhưng chắc là cháu cũng biết điều đó."

"Cháu không phải là không có lòng nhân đức." Ursula nói. "Tại sao chúng ta lại trích dẫn kinh Corinthians vậy ạ? Cháu tưởng bác theo đạo Phật."

"Ồ, bác chẳng là gì cả." Bác sĩ Kellet nói. "Và đương nhiên cũng là tất cả." Ông nói thêm - khá tỉnh lược, theo ý kiến của Ursula.

"Vấn đề là..." Ông nói. "... Cháu có đủ không?"

"Có đủ cái gì ạ?" Cuộc trò chuyện giờ đã trở nên khó hiểu với cô, nhưng bác sĩ Kellet đang bận nhồi tẩu thuốc nên không trả lời. Bữa trà được đem đến làm gián đoạn cuộc trò chuyện của họ.

"Ở đây họ có món bánh kem sô cô la ngon tuyệt hảo." Bác sĩ Kellet nói.



"Khá hơn chưa, gấu con?" Hugh nói khi ông nhẹ nhàng dìu cô chui vào trong xe. Ông đã lái chiếc Bentley đến để đón cô.

"Con khá hơn rồi ạ." Cô nói. "Con đã hoàn toàn khỏe mạnh."

"Tốt rồi. Về nhà thôi. Không có con, ngôi nhà không còn như trước nữa."



Khi nằm thao thức trong bóng tối trên chiếc giường của chính mình ở Góc Cáo, cô nghĩ cô đã lãng phí quá nhiều thời gian quý báu, nhưng bây giờ cô đã có một kế hoạch. Kế hoạch ấy sẽ liên quan đến tuyết, không nghi ngờ gì nữa. Con thỏ rừng bằng bạc, những chiếc lá xanh rung rinh nháy nhót. Vân vân. Tiếng Đức,

không phải ngôn ngữ cổ điển, và sau đó là một khóa học tốc ký và đánh máy, và có lẽ còn học thêm chữ Esperanto nữa, chỉ để phòng trường hợp xã hội không tưởng trở thành sự thật. Tham gia một câu lạc bộ bắn súng địa phương và xin một công việc văn phòng ở đâu đó, làm việc trong một thời gian, tích lũy tiền bạc - chẳng có rủi ro gì cả. Cô không muốn lôi kéo sự chú ý về phía mình, cô sẽ làm theo lời khuyên của cha cô, mặc dù lúc này ông còn chưa nói điều đó với cô, cô sẽ luôn "cúi đầu thấp hơn bờ công sự và không được để lộ ánh đèn của mình". Và rồi, khi cô đã sẵn sàng, cô sẽ có đủ những gì cần thiết để dựa vào trong lúc ẩn mình ở sâu trong trái tim của con quái thú, từ đó cô sẽ nhổ ra khối u đen sì đang phát triển ở đó, lớn lên từng ngày.

Và rồi một ngày nào đó, cô sẽ đi bộ dọc theo đường Amalienstrasse, dừng lại bên ngoài hiệu ảnh Hoffmann, nhìn chăm chăm vào những chiếc máy ảnh Kodak, Leica và Voigtländer ở những ô kính bày hàng, rồi cô sẽ mở cửa của hiệu ảnh, nghe tiếng quả chuông nhỏ kêu lanh canh, thông báo cho cô gái đang làm việc đằng sau quầy thu ngân về sự xuất hiện của cô, có lẽ cô ta sẽ nói *Guten Tag, gnädiges Fräulein*, hoặc có lẽ cô ta sẽ nói *Gruss Gott** bởi vì đây là năm 1930, thời này có thể người ta vẫn chào bạn bằng từ *Gruss Gott* và *Tschuss** thay vì những lời *Heil Hitler* bất tận và những lời chào kiểu quân sự kỳ quặc khác.

Và Ursula sẽ giơ ra cái máy ảnh Brownie cũ của mình mà nói: "Tôi không thể lắp phim vào". Rồi Eva Braun mười bảy tuổi đầy sức sống sẽ nói: "Để tôi xem giúp cô."



Trái tim cô căng lên vì tính thiêng liêng cao vợi của toàn bộ kế hoạch này. Hình ảnh về những gì sắp xảy ra hiện lên ở khắp nơi. Cô vừa là chiến binh, vừa là cây giáo sáng ngời. Cô là thanh kiếm lóe lên trong màn đêm sâu thẳm, là tia sáng xuyên qua bóng tối. Lần này sẽ không có sai lầm nào cả.

Khi tất cả mọi người đã ngủ và ngôi nhà chìm trong sự tĩnh mịch, Ursula rời khỏi giường và trèo lên cái ghế ở ô cửa sổ để mở cửa căn phòng ngủ nhỏ bé trên tầng áp mái.

Đã đến lúc rồi, cô nghĩ. Một chiếc đồng hồ đồ chuông ở đâu đó như thể đồng tình. Cô nghĩ về Teddy và bà Wooh, về Roland và Angela bé nhỏ, về Nancy và Sylvie. Cô nghĩ về bác sĩ Kellet và Pindar. *Khi đã hiểu bản thân mình, hãy trở thành chính mình.* Giờ cô đã hiểu bản thân mình rồi. Cô là Ursula Beresford Todd, và cô là một chứng nhân.

Cô dang rộng hai cánh tay với con dơi đen sì và họ bay về phía nhau, ôm lấy nhau trong không trung như những linh hồn đã thất lạc bấy lâu. Đây chính là lòng yêu thương, Ursula nghĩ. Đúng là có công mài sắt có ngày nên kim.

HÃY LÀ NGƯỜI QUẢ CẢM



THÁNG 12 NĂM 1930

Ursula biết tất cả về Eva. Cô biết cô ta thích thời trang, trang điểm và tán gẫu. Cô biết cô ta có thể trượt băng, trượt tuyết và yêu thích khiêu vũ. Vì vậy, Ursula nán lại ngắm nghía những chiếc váy dài đắt tiền ở tiệm Oberpollinger cùng với cô ta, rồi ghé vào một tiệm cà phê để uống cà phê và ăn bánh ngọt, hoặc ăn một cái kem ở Vườn Anh và ngồi ngắm bọn trẻ con chơi vòng quay ngựa gỗ. Cô tới sân trượt băng cùng với Eva và em gái Gretl của cô ta. Cô được mời đến ăn tối ở nhà Braun. "Cô bạn người Anh của con rất dễ thương." Bà Braun nói với Eva.

Cô nói với họ rằng cô đang trau dồi tiếng Đức trước khi trở về dạy học ở quê nhà. Eva thở dài vẻ chán chường trước ý tưởng đó.

Eva thích được chụp ảnh và Ursula chụp rất nhiều bức ảnh cho cô ta bằng chiếc máy ảnh Brownie của cô, rồi họ dành cả tối để đính chúng vào trong những cuốn album, say mê chiêm ngưỡng những tư thế tạo dáng khác nhau của Eva. "Cô nên đóng phim mới đúng." Ursula nói với Eva khiến cô ta phồng mũi vì hãnh diện. Ursula đã nhanh chóng tìm hiểu về các nghệ sĩ nổi tiếng của Hollywood, Anh cũng như Đức và những ca khúc, điệu nhảy mới nhất. Cô giống như một bà già quan tâm đến một người non trẻ. Cô che chở Eva dưới cánh của mình, còn Eva sững sốt bởi sự sành sỏi của người bạn mới.

Ursula cũng biết về sự mê đắm của Eva đối với "ông già" của cô ta. Cô ta thường nhìn hắn với ánh mắt âu yếm bên lén, theo đuôi hắn khắp nơi, bị hắn bỏ quên ở một góc nhà hàng hay tiệm cà phê trong khi hắn trò chuyện dông dài về chính trị. Eva bắt đầu dẫn theo Ursula trong những cuộc tụ họp này - suy cho cùng, Ursula là người

bạn thân nhất của cô ta. Tất cả những gì Eva muốn là được ở gần Hitler. Và đó cũng là tất cả những gì Ursula mong muốn.

Và Ursula biết về Berg và boong ke. Và thực sự thì cô đang ban cho cô gái phù phiếm này một đặc ân to lớn khi bước vào cuộc đời của cô ta.

Thế là, ngay khi họ quen với sự xuất hiện của Eva, họ cũng quen với việc nhìn thấy cô bạn nhỏ bé người Anh của cô ta. Ursula thật dễ thương, cô chỉ là một cô gái, cô chỉ là một kẻ vô danh tiểu tốt. Cô trở nên quen thuộc với họ đến mức không ai ngạc nhiên khi cô xuất hiện một mình và mỉm cười về ngưỡng mộ với người đàn ông sắp trở nên vĩ đại kia. Hẳn đón nhận sự ngưỡng mộ với vẻ hờ hững. Hẳn rất tự tin vào bản thân mình, cô nghĩ, quả là đặc biệt.

Nhưng, Chúa ơi, những cuộc tụ họp ấy thật là tẻ nhạt. Bầu không khí oi bức dâng lên trên những chiếc bàn trong tiệm cà phê Heck hoặc Osteria Bavaria, giống như khói tỏa ra từ bếp lò. Thật khó mà tin được rằng chỉ trong một vài năm nữa, Hitler sẽ ra tay tàn phá thế giới.



Trời lạnh hơn thường lệ vào thời điểm này trong năm. Đêm qua, một lớp tuyết mỏng giống như lớp đường xay* trên những chiếc bánh nướng nhân trái cây khô của bà Glover đã phủ khắp Munich. Trên quảng trường Marienplatz có một cây thông Noel to lớn, mùi lá thông cùng mùi hạt dẻ nướng thơm nức lan tỏa ở khắp nơi. Những món đồ trang trí trong dịp lễ càng khiến Munich giống một thành phố trong truyện cổ tích hơn bao giờ hết, một điều mà nước Anh luôn mong đợi.

Không khí lạnh giá như đang tiếp thêm sinh lực cho cô. Cô bước về phía tiệm cà phê với bước chân đầy quả quyết, mong ngóng một tách *Schokolade* nóng hổi với lớp kem dày đặc.

Bên trong tiệm cà phê ngập ngụa khói và khá là khó chịu khi so với không khí lạnh giá huy hoàng ở ngoài trời. Những người phụ nữ đều mặc áo choàng lông, Ursula ước gì cô có thể mang theo chiếc áo khoác lông chồn vizon của Sylvie. Mẹ cô chẳng bao giờ mặc nó và dạo gần đây nó bị bỏ xó vĩnh viễn trong tủ quần áo của bà.

Hắn đang ngồi ở một cái bàn phía trong cùng, vây quanh là đám môn đệ quen thuộc. Họ là một đám người xấu xí, cô nghĩ và cười thầm.

"Ah. *Unsere Englische Freundin*." Hắn nói khi thấy cô. "*Guten Tag, gnädiges Fräulein*." Hắn khẽ búng ngón tay, đuổi một gã tùy tùng trẻ măng ra khỏi cái ghế đối diện hắn và cô ngồi xuống đó. Hắn có vẻ cau kỉnh.

*Es schneit**, cô nói. "Tuyết đang rơi." Hắn liếc ra ngoài cửa sổ như thể trước giờ hắn chẳng để ý gì đến thời tiết. Hắn đang ăn *Palatschinken**. Trông chúng thật ngon, nhưng khi bồi bàn hỏi hỏi chạy đến chỗ cô, cô lại gọi *Schwarzwälder Kirschtorte* để ăn kèm với cốc sô cô la nóng của cô. Nó thật hảo hạng.

"*Entschuldigung*." Cô lẩm bẩm, thò tay xuống chiếc túi xách dưới sàn và lấy ra một chiếc khăn tay. Nó được viền đăng ten ở các góc và thêu lồng các chữ cái trong tên viết tắt của cô, "UBT", Ursula Beresford Todd, món quà Pammy tặng cô nhân dịp sinh nhật. Cô lịch sự chấm chấm vụn bánh trên môi rồi lại cúi xuống cất chiếc khăn tay vào túi xách, và lấy ra vật thể nặng trĩu đang ẩn mình trong đó. Khẩu súng quân dụng cũ của cha cô từ cuộc Đại Chiến, một khẩu Webley Mark V. Cô giữ chặt trái tim quả cảm của mình. "*Wacht auf**." Ursula khẽ nói. Những lời ấy thu hút sự chú ý của Quốc trưởng và cô nói: *Es naht gen dem Tag**.

Một động tác đã tập dượt cả trăm lần. Một phát súng. Chỉ cần thật nhanh tay lẹ mắt. Tuy nhiên, ngay khi cô rút súng ra và chĩa vào tim hắn, thời gian chợt như ngưng đọng, vạn vật dường như đứng yên.

"Führer." Cô nói, phá vỡ khoảnh khắc ấy. *"Für Sie."*

Xung quanh bàn, những khẩu súng được rút phắt ra và nhắm thẳng vào cô. Một hơi thở. Một phát súng.

Ursula siết cò.

Bóng tối phủ xuống.

TUYẾT



11 THÁNG 2 NĂM 1910

Cốc, cốc, cốc. Tiếng gõ cửa ở phòng ngủ của Bridget len vào trong giấc mơ của cô bé. Trong mơ, cô bé đang ở nhà mình tại hạt Kilkenny và người gõ cửa là hồn ma người bố quá cố tội nghiệp của cô bé đang cố trở về với gia đình. Cốc, cốc, cốc! Cô bé tỉnh giấc, đầm đìa nước mắt. Cốc, cốc, cốc. Đúng là có ai đó đang ở ngoài cửa.

"Bridget, Bridget?" Tiếng gọi khê đầy giục giã của bà Todd vang lên ở phía bên kia cánh cửa. Bridget làm dấu thánh giá trên ngực mình, đêm hôm khuya khoắt thế này ắt chẳng phải tin gì tốt lành. Ông Todd bị tai nạn ở Paris chẳng? Hay Maurice hoặc Pamela bị ốm? Cô bé lồm cồm bò xuống giường và bước vào cái lạnh cắt da cắt thịt trong căn phòng áp mái nhỏ bé. Cô bé ngửi thấy mùi tuyết trong không khí. Khi mở cửa phòng ngủ, cô bé thấy Sylvie đang gằn như cúi gập người xuống, trông như một quả đỗ chín sắp nổ vỡ. "Đứa bé đòi ra sớm." Cô nói. "Cháu có thể giúp ta không?"

"Cháu ư?" Bridget kêu lên the thé. Bridget mới mười bốn tuổi nhưng cô bé biết nhiều điều về trẻ con, tuy nhiên phần lớn trong số đó đều chẳng có ích gì. Cô bé đã chứng kiến mẹ mình chết trong lúc sinh nở nhưng chưa bao giờ kể điều này với bà Todd. Bây giờ rõ ràng không phải là lúc để nhắc đến chuyện đó. Cô bé dìu Sylvie xuống cầu thang về phòng cô.

"Có hẳn gọi bác sĩ Fellowes cũng chẳng ích gì." Sylvie nói. "Ông ấy sẽ không thể vượt qua đợt trận tuyết này."

"Đức mẹ Mary ời!" Bridget kêu ré lên khi Sylvie khụy xuống, bò bằng cả hai tay hai chân như một con thú và rên rỉ.

"Ta e là đứa bé đang ra rồi." Sylvie nói. "Đến lúc rồi." Bridget thuyết phục Sylvie trở lại giường và cuộc vượt cạn cam go trong đêm dài cô đơn của họ bắt đầu.



"Ôi, thưa bà." Bridget đột nhiên hét lên. "Cô bé tím tái cả người rồi."

"Con gái à?"

"Cô bé bị dây rốn quấn quanh cổ. Ôi, lạy Chúa Jesus và tất cả các vị thánh thần, cô bé tội nghiệp đang bị ngạt, cô bé bị dây rốn quấn ngạt rồi."

"Chúng ta phải làm gì đó, Bridget. Chúng ta biết làm gì đây?"

"Ồ, thưa, bà Todd, cô bé đi rồi. Cô bé đã chết trước cả khi có cơ hội được sống."

"Không, không thể nào." Sylvie nói. Cô cố ngồi dậy trên tấm ga giường loang lổ, máu như một bãi chiến trường, đứa bé vẫn đang được gắn với "sợi dây sinh mệnh" của nó. Trong lúc Bridget đang than khóc, Sylvie kéo giập ngăn kéo của chiếc tủ kê ở đầu giường và điên cuồng lục lọi các đồ vật chứa trong đó.

"Ôi, bà Todd!" Bridget rên rỉ. "Bà nằm xuống đi, chúng ta chẳng làm gì được nữa đâu. Cháu ước gì ông Todd có nhà."

"Suyt!" Sylvie nói và giơ cao chiến lợi phẩm của mình lên - một cây kéo phẫu thuật ánh lên lấp lánh dưới ánh đèn. "Ta phải luôn chuẩn bị sẵn sàng." Cô lẩm bẩm. "Hãy bế đứa bé vào sát ngọn đèn để ta có thể nhìn rõ. Nhanh lên, Bridget. Không có thời gian để lãng phí đâu."

Tách, tách.

Có công mài sắt có ngày nên kim.

VÙNG CAO MÊNH MÔNG CHAN HÒA ÁNH NẮNG



THÁNG 5 NĂM 1945

Họ đang ngồi ở một cái bàn trong góc của một quán rượu trên phố Glasshouse. Một viên trung sĩ của quân đội Mỹ đã cho họ đi nhờ khi thấy họ đứng vẫy xe ở vệ đường bên ngoài Dover, rồi thả họ xuống đường Piccadilly. Họ đã chen chúc leo lên một con tàu quân sự chở quân đội Mỹ ở Le Havre, thay vì đợi hai ngày để đi bằng máy bay. Có thể, trên danh nghĩa, họ sẽ bị coi là đào ngũ, nhưng cả hai người họ đều chẳng thèm để ý đến điều đó.

Đây là quán rượu thứ ba mà họ ghé vào từ lúc được thả xuống đường Piccadilly. Họ đều nhất trí rằng hai người họ đã rất say nhưng vẫn còn có thể say hơn nhiều nữa. Hôm đó là tối thứ Bảy và nơi này đông nghịt người. Họ đang mặc quân phục và không thể chỉ mua một ly rượu để uống cả đêm. Tuy không còn quá phấn khích nhưng không khí hân hoan chiến thắng vẫn đang lan tràn khắp nơi.

"Chà." Vic nói, giơ ly của mình lên. "Mừng vì được trở về."

"Cụng ly!" Teddy nói. "Vì tương lai."

Máy bay của anh đã bị bắn hạ vào tháng 11 năm 1943 và anh bị đưa đến Stalag Luft VI* ở phía đông. Như thế cũng không quá tệ, vì tình hình có thể còn tệ hơn nếu anh là lính Nga. Lính Nga bị đối xử như súc vật vậy. Thế rồi vào đầu tháng Hai, họ bị đánh thức từ trên giường ngủ của mình với một tiếng "*Raus! Raus!*"* quen thuộc vào giữa đêm và bị lừa hành quân về phía tây để tránh xa quân đội Nga đang tiến tới. Đáng lẽ chỉ một, hai ngày nữa là họ được phóng thích rồi, đây có vẻ là một trò đùa cực kỳ độc ác của định mệnh. Trong ba tuần tiếp theo, phần lớn thời gian họ phải hành quân trong sự đói khát giữa thời tiết âm hai mươi độ rét mướt.

Vic là một trung sĩ không quân nhỏ thó khá tự phụ, anh là hoa tiêu của một chiếc máy bay Lancaster bị bắn hạ trên vùng Ruhr*. Chiến tranh đã đưa đầy những người xa lạ trở thành bạn cùng giường. Họ đã giúp đỡ, dìu dắt nhau trong cuộc hành quân. Chính tình đồng chí và thi thoảng một kiện hàng cứu trợ của Hội Chữ thập Đỏ đã cứu mạng họ.

Máy bay của Teddy đã bị bắn hạ gần Berlin, anh chỉ kịp thoát ra khỏi buồng lái vào phút chót. Trước đó, anh đã cố gắng giữ cho máy bay thăng bằng để các đồng đội của mình có cơ hội ngàn vàng nhảy ra khỏi máy bay. Một thuyền trưởng không được rời bỏ con tàu của mình cho đến khi không còn người nào ở trên tàu. Quy tắc ngầm tương tự cũng được áp dụng với một chiếc máy bay ném bom.

Chiếc Halifax đã bị cháy từ đầu đến đuôi và anh đã chấp nhận rằng cuộc đời mình thế là hết. Anh bắt đầu cảm thấy thư thái hơn, trái tim anh căng lên, và anh đột nhiên biết rằng anh sẽ ổn cả, rằng cái chết sẽ chăm sóc cho anh khi nào nó xuất hiện. Nhưng cái chết đã không đến bởi vì cậu điện đài viên người Úc trong tổ bay của anh đã bò vào buồng lái, đeo cái dù của Teddy lên lưng anh và nói: "Nhảy đi, đồ ngốc chết tiệt!" Anh không bao giờ gặp lại cậu ta nữa, không bao giờ gặp bất kỳ ai trong tổ bay của anh nữa, không biết liệu họ còn sống hay đã chết. Anh đã nhảy vào phút chót, chiếc dù của anh chỉ vừa mới mở ra thì anh đã chạm đất, và anh thật may mắn khi chỉ bị gãy một cái cổ chân và một cái cổ tay. Anh được đưa tới một bệnh viện và Gestapo* địa phương đã đến và bắt anh ngay tại phòng bệnh với câu nói bắt hủ: "Đối với anh, chiến tranh đã kết thúc." Đó chính là lời chào mà gần như mọi phi công đều được nghe khi bị bắt làm tù binh.

Anh đã chấp hành điền thông tin của mình vào thẻ tù binh và đợi một lá thư từ quê nhà, nhưng nó chẳng bao giờ đến. Suốt hai năm, anh đã phân vân tự hỏi liệu Hội Chữ thập Đỏ có ghi lại tên anh trên

danh sách tù binh chiến tranh không, liệu có ai ở quê nhà biết anh còn sống không.

Khi chiến tranh kết thúc, họ đang ở trên một con đường nào đó bên ngoài Hamburg. Vic đã khoái chí nói với đám lính gác: "*Ach so, mein Freund, für sie der Krieg ist zu ende**."



"Vậy là, Ted, anh đã liên lạc được với bạn gái của anh rồi à?" Vic hỏi lúc Teddy trở lại sau khi đi năn nỉ bà chủ quán rượu đang đứng đằng sau quầy bar cho anh sử dụng điện thoại của quán rượu.

"Ừ." Anh cười. "Hình như mọi người đều cho rằng tôi đã chết. Tôi không nghĩ cô ấy tin tôi chính là tôi."

Nửa tiếng sau, khi họ đã uống thêm vài ly nữa, Vic nói: "Ày, Ted. Nhìn nụ cười trên môi cô ấy, tôi đoán người phụ nữ vừa bước qua cửa kia có thể chính là người phụ nữ của anh."

"Nancy." Teddy khẽ lẩm bẩm một mình.

"Em yêu anh." Nancy thắm mấp máy môi với anh giữa sự huyền ảo.

"Ồ, và cô ấy mang theo một cô bạn nhỏ bé để dành cho tôi, thật là chu đáo quá." Vic nói. Teddy cười nói: "Coi chừng, cậu đang nói đến chị gái của tôi đấy."



Nancy nắm tay cô chặt đến nỗi khiến tay cô đau nhói, nhưng cái đau ấy chẳng là gì hết. Em trai cô đang ở đó, anh thực sự đang ở đó, bằng xương bằng thịt, ngồi ở một cái bàn trong một quán rượu ở London, uống một ly bia Anh. Nancy thốt lên một tiếng ghen ngào nghe đến là buồn cười, còn Ursula phải cố kiềm chế để không òa khóc. Họ giống như hai bà Đức mẹ Mary, câm lặng trước sự phục sinh của Chúa.

Thế rồi, Teddy nhìn thấy họ và nhoẻn miệng cười. Anh nhảy bật dậy, suýt thì làm đổ mấy cái ly trên bàn. Nancy len qua đám đông và choàng tay ôm chầm lấy anh, nhưng Ursula chỉ đứng yên tại chỗ, đột nhiên lo rằng nếu cô di chuyển, mọi thứ sẽ biến mất, toàn bộ cảnh tượng hạnh phúc này sẽ vỡ tan thành từng mảnh nhỏ trước mắt cô. Nhưng rồi cô nghĩ, không, đây là thực, đây là sự thực, và cô bật cười vui sướng khi Teddy buông Nancy ra để đứng nghiêm và chào Ursula theo kiểu nhà binh.

Anh hét lên gì đó với cô nhưng những lời nói của anh bị chìm trong tiếng ồn ào huyền ảo. Cô nghĩ anh đã nói "Cảm ơn chị" nhưng có thể là cô đã nhầm.

TUYẾT



11 THÁNG 2 NĂM 1910

Bà Haddock nhấm nháp một cốc rượu rum nóng theo cái cách mà bà hy vọng là giống như một quý bà. Đây là cốc thứ ba và bà đang bắt đầu nóng rực từ trong ra ngoài. Bà đang trên đường đi đỡ đỡ thì trận mưa tuyết buộc bà phải ghé vào trú tạm tại căn phòng riêng ấm cúng của quán Sư Tử Xanh bên ngoài Chalfon St. Peter. Đây không phải là nơi bà sẽ bước chân vào, ngoại trừ lúc cần thiết, nhưng trong căn phòng này có một ngọn lửa đang cháy hừng hực và những người xung quanh đều vui vẻ đến đáng kinh ngạc. Những vật trang trí đeo trên yên ngựa và những cái bình bằng đồng ánh lên lấp lánh. Từ đây, có thể nhìn thấy phía bên kia quầy bar là khu vực công cộng, nơi người ta có vẻ chề chén không ngừng nghỉ. Đó là nơi om sòm hơn hẳn. Ai đó đang hát ê a và bà Haddock ngạc nhiên khi thấy ngón chân mình cũng gõ nhịp theo.

"Bà không biết tuyết rơi dày thế nào đâu." Chủ quán nói, nghiêng người qua cái quầy bar bằng đồng bóng loáng. "Tất cả chúng ta có thể bị kẹt lại ở đây vài ngày đấy."

"Vài ngày ư?"

"Bà nên uống thêm một cốc rượu rum nữa. Tối nay bà sẽ không dễ dàng tới được bất cứ chỗ nào đâu."

